CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của dự án đầu tư

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM (GIAI ĐOẠN 1 VÀ 2)

Địa điểm: Lô CN-05, KCN An Phát 1, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

Nam Sách, tháng 6 năm 2026

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của dự án đầu tư

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM (GIAI ĐOẠN 1 VÀ 2)

Địa điểm: Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1, Xã An Phú, TP. Hải Phòng, Việt Nam

CHỦ DỰ ÁN

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

WANG XIAN CHAO

Hải Phòng, tháng .... năm 2026

Scanned with CamScanner

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG v

DANH MỤC HÌNH vi

MỞ ĐẦU ix

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 1

1.1. Tên chủ dự án đầu tư: 1

1.2. Tên dự án đầu tư 1

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư: 3

1.3.1. Công suất và sản phẩm của dự án đầu tư: 3

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư: 5

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu, phương án, kế hoạch, lộ trình giảm tỷ lệ phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư: 33

1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, nhân công phục vụ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của giai đoạn 3 34

1.4.2. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, nhân công phục vụ hoạt động sản xuất giai đoạn 2 (hiện tại) và giai đoạn 3 của Dự án như sau 38

1.5. Các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và công trình bảo vệ môi trường còn tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường (nếu có):.....43

1.6. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có): 44

1.6.1. Vị trí thực hiện dự án:.....44

1.6.2. Các hạng mục, công trình của dự án đầu tư: 46

1.6.3. Tổng vốn đầu tư.....48

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....50

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định (nếu có): ..50

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có) .50

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....51

3.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có): 51

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa: 51

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải: 53

3.1.3. Xử lý nước thải: 56

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải: 62

3.2.1. Hệ thống thu gom khí thải tại nhà xưởng số 2 (đã hoàn thiện và lắp đặt máy móc thiết bị) 64

3.2.2. Hệ thống thu gom, xử lý khí thải tại nhà xưởng số 3 (các công trình đường ống thu gom, xử lý đã hoàn thiện và lắp đặt máy móc thiết bị) 67

3.2.3. Các thiết bị xử lý khí thải tại Dự án: 70

3.2.4. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải khác 73

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường: 74

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: 77

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có): 79

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức: 79

3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải 79

3.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý khí thải 80

3.6.3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố điện giật 81

3.6.4. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động 81

3.6.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố ngộ độc thực phẩm 82

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): 83

3.8. Các công trình, hạng mục bảo vệ môi trường tiếp tục thi công xây dựng trong giai đoạn tiếp theo: 84

3.9. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần đã được cấp (nếu có) 84

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 90

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: 90

4.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 90

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải 90

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải (nếu có):.....91

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải: 91

4.2.2. Dòng khí thải: 93

4.2.3. Lưu lượng xả khí thải tối đa: 94

4.2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải. ..94

4.2.5. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải 95

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):.....97

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường 99

4.4.1. Khối lượng và chủng loại chất thải phát sinh:.....99

4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại 100

CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN 102

5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:.....102

5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 102

5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải: 103

- 01 vị trí khí thải sau xử lý tại ống thoát khí thải 104

Lưu lượng; Bụi tổng; Styren; Etylaxetat; Phenol và hợp chất phenol (C6H5OH); Formaldehyt; Etylen oxyt; Đồng (Cu) và hợp chất Cu (tính theo Cu); Kẽm (Zn) và hợp chất Zn (tính theo Zn).....104

- 01 vị trí khí thải sau xử lý tại ống thoát khí thải 104

Lưu lượng; Bụi tổng; Styren; Etylaxetat; Phenol và hợp chất phenol (C6H5OH); Formaldehyt; Etylen oxyt; Đồng (Cu) và hợp chất Cu (tính theo Cu); Kẽm (Zn) và hợp chất Zn (tính theo Zn).....104

- 01 vị trí khí thải sau xử lý tại ống thoát khí thải của mỗi ống thoát khí thải 104

Lưu lượng; Bụi tổng; Styren; Etylaxetat; Phenol và hợp chất phenol (C6H5OH); Formaldehyt; Etylen oxyt; Đồng (Cu) và hợp chất Cu (tính theo Cu); Kẽm (Zn) và hợp chất Zn (tính theo Zn).....104

5.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật. 105

5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....105

5.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:.....105

5.2.3. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án. 105

5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....106

CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....107

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường: 107

2. Cam kết việc lưu giữ, xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan: 107

3. Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (rà soát, liệt kê đầy đủ trách nhiệm phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường):.....107

PHỤ LỤC 109

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Công suất của dự án đầu tư 4

Bảng 1. 2. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của khu vực gia công, chế tạo và sửa chữa khuôn 10

Bảng 1. 3. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của khu vực đúc vỏ nhựa 12

Bảng 1. 4. Điều chỉnh về số lượng và tiến độ thực hiện các dây chuyền sản xuất tại Nhà xưởng 3 14

Bảng 1. 5. Danh mục máy móc thiết bị của quy trình hàn dán tự động 18

Bảng 1. 6. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm nguồn điện và Thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô 22

Bảng 1. 7. Danh mục máy móc thiết bị đã lắp đặt của dây chuyền sản sản phẩm chuyển đổi tín hiệu 25

Bảng 1. 8. Danh mục máy móc thiết bị đã lắp đặt của dây chuyền sản xuất dây cáp tín hiệu và dây cáp tín hiệu ô tô 27

Bảng 1. 9. Danh mục máy móc thiết bị đã lắp đặt của dây chuyền sản xuất thiết bị điện vệ sinh, làm sạch 30

Bảng 1. 10. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu xây dựng phục vụ thi công xây dựng giai đoạn 3 của Dự án 34

Bảng 1. 11. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ thi công sử dụng dầu DO kèm theo nhu cầu sử dụng dầu DO 35

Bảng 1. 12. Nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị thi công sử dụng điện kèm theo lượng điện tiêu thụ 36

Bảng 1. 13. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu sản xuất của Dự án 38

Bảng 1. 14. Nhu cầu sử dụng hóa chất phục vụ hoạt động giai đoạn 2 của Dự án 40

Bảng 1. 15. Nhu cầu sử dụng điện, nước phục vụ hoạt động sản xuất của Dự án 42

Bảng 1. 16. Các hạng mục, công trình tiếp tục thi công xây dựng trong giai đoạn 3 của Dự án 43

Bảng 1. 16. Tọa độ các điểm mốc ranh giới của Dự án 44

Bảng 1. 17. Cơ cấu sử dụng đất của Dự án (theo giai đoạn) 46

Bảng 1. 19. Quy mô các hạng mục công trình của Dự án đã thi công xây dựng 47

Bảng 3. 1. Tổng hợp khối lượng hệ thống thu gom, thoát nước mưa đã thi công xây dựng của Dự án 52

Bảng 3. 2. Quy mô, khối lượng hệ thống thu gom nước thải 54

Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật của các bể trong trạm xử lý nước thải tập trung 59

Bảng 3. 4. Danh mục máy móc thiết bị của trạm xử lý nước thải tập trung 59

Bảng 3. 5. Nhu cầu sử dụng hóa chất của trạm xử lý nước thải tập trung 61

Bảng 3. 6. Thống kê số lượng và lưu lượng của các công trình xử lý bụi, khí thải tại Dự án theo Quyết định số 110/QĐ-BTNMT ngày 10/01/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường 62

Bảng 3. 7. Thống kê các công trình, thiết bị quạt hút trong hệ thống xử lý khí thải tại Nhà xưởng 3 64

Bảng 3. 8. Thông số cơ bản của các công trình, thiết bị xử lý khí thải tại Dự án 71

Bảng 3. 9. Các thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.....85

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của chất ô nhiễm theo dòng khí thải ..94

Bảng 4. 2. Thông số cơ bản của các công trình, thiết bị xử lý khí thải đề xuất cấp phép 96

Bảng 4. 3. Khối lượng chất thải rắn thông thường ước tính phát sinh tại Dự án 99

Bảng 4. 3. Khối lượng chất thải nguy hại ước tính phát sinh tại Dự án.....100

Bảng 5. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.....102

Bảng 5. 2. Dự kiến thời gian và tần suất lấy mẫu chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.....103

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Quy trình sản xuất tại Nhà xưởng 2 6

Hình 1. 2. Quy trình sản xuất tại Nhà xưởng 3, 4 và 5.....6

Hình 1. 3. Quy trình chung sản xuất các sản phẩm thương mại của Dự án 6

Hình 1. 4. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc thiết bị của Nhà xưởng 2 7

Hình 1. 5. Sơ đồ quy trình chế tạo, gia công, sửa chữa khuôn.....8

Hình 1. 6. Sơ đồ quy trình sản xuất vỏ nhựa 11

Hình 1. 7. Một số hình ảnh thực tế về máy móc thiết bị đã lắp đặt tại Nhà xưởng 2....13

Hình 1. 8. Sơ đồ khối quy trình hàn dán linh kiện bảng mạch tự động.....16

Hình 1. 9. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc tầng 4 của Nhà xưởng 3 theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.....19

Hình 1. 10. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc tầng 4 của Nhà xưởng 3 theo hiện trạng thực tế đã lắp đặt.....19

Hình 1. 11. Sơ đồ quy trình sản xuất thiết bị nguồn điện và thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô.....20

Hình 1. 12. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc các dây chuyền sản xuất sản phẩm nguồn điện và thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt (tại tầng 3 của Nhà xưởng 3).....23

Hình 1. 13. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc các dây chuyền sản xuất sản phẩm nguồn điện và thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô dự kiến thực hiện (tại tầng 1 của Nhà xưởng 3).....23

Hình 1. 14. Sơ đồ quy trình sản xuất các thiết bị chuyển đổi tín hiệu 24

Hình 1. 15. Sơ đồ quy trình sản xuất cáp tín hiệu và cáp truyền tín hiệu ô tô 26

Hình 1. 16. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc các dây chuyền sản cáp theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt (tại tầng 2 của Nhà xưởng 3).....28

Hình 1. 17. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc các dây chuyền sản cáp theo hiện trạng thực tế bố trí (tại tầng 2 của Nhà xưởng 3).....29

Hình 1. 18. Sơ đồ dây chuyền sản xuất thiết bị điện vệ sinh, làm sạch 30

Hình 1. 19. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc các dây chuyền sản xuất thiết bị điện, vệ sinh, làm sạch theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt (tại tầng 1 của Nhà xưởng 3) ...31

Hình 1. 20. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc các dây chuyền sản xuất thiết bị điện, vệ sinh, làm sạch thực tế (tại tầng 3 của Nhà xưởng 3) 32

Hình 1. 21. Sơ đồ dây chuyền sản xuất thiết bị chuyển đổi năng lượng điện 33

Hình 1. 15. Vị trí thực hiện Dự án trong KCN An Phát 1.....45

Hình 1. 21. Tổng mặt bằng bố trí các hạng mục công trình của Dự án 47

Hình 1. 22. Sơ đồ tổ chức quản lý của Dự án trong giai đoạn vận hành.....49

Hình 3. 1. Sơ đồ khối hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Dự án.....52

Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của Dự án.....54

Hình 3. 3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....55

Hình 3. 4. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải của trạm XLNT tập trung công suất 2.600 m3/ngày đêm tại Dự án 56

Hình 3. 6. Sơ đồ khối hệ thống thu gom, xử lý khí thải của hệ thống xử lý số 01 công suất 5.000 m3/giờ tại Nhà xưởng 2 65

Hình 3. 7. Sơ đồ khối hệ thống thu gom, xử lý khí thải của hệ thống xử lý số 02 công suất 10.000 m3/giờ tại Nhà xưởng 2 66

Hình 3. 8. Sơ đồ khối hệ thống thu gom, xử lý khí thải của hệ thống xử lý số 02 công suất 20.000 m3/giờ tại Nhà xưởng 2 67

Hình 3. 9. Hệ thống thu gom, thoát khí thải tại tầng 1 của Nhà xưởng 3 68

Hình 3. 10. Hệ thống thu gom, thoát khí thải tại tầng 2 của Nhà xưởng 3 69

Hình 3. 11. Hệ thống thu gom, thoát khí thải tại tầng 3 của Nhà xưởng 3 69

Hình 3. 12. Hệ thống thu gom, thoát khí thải tại tầng 4 của Nhà xưởng 3 70

MỞ ĐẦU

Công ty Ce Link Limited được Cơ quan đăng ký doanh nghiệp - Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc cấp mã số doanh nghiệp số 53553420 ngày 03/01/2011, sửa đổi lần thứ nhất ngày 27/12/2023, là doanh nghiệp chuyên nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm điện tử như dây cáp truyền tín hiệu, bộ chuyển đổi, các sản phẩm nguồn điện và điện tử thông minh… Nhận thấy những lợi thế và tiềm năng từ thị trường Việt Nam, Ce Link đã bắt đầu nghiên cứu cơ hội đầu tư tại Việt Nam, Công ty đã đầu tư xây dựng và phát triển dự án "Nhà máy Ce Link Việt Nam 1" tại Khu công nghiệp (KCN) Song Khê và "Nhà máy Ce Link Việt Nam 2" tại KCN Vân Trung, tỉnh Bắc Giang, đi vào hoạt động và đạt những hiệu quả kinh tế cao. Từ thành công bước đầu của 02 dự án đã hoạt động, tập toàn Ce Link tiếp tục đầu tư nhà máy thứ 3 tại KCN An Phát 1 tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng), thành lập Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam (sau đây xin gọi tắt là Công ty hoặc Chủ dự án) là tổ chức thực hiện dự án thứ 3 tại Việt Nam.

"Dự án đầu tư của công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam" (sau đây xin gọi tắt là Dự án hoặc Nhà máy) là dự án thứ 3 của tập đoàn Ce Link tại Việt Nam, được xây dựng tại Lô CN05, khu công nghiệp An Phát 1 (tiền thân là KCN Quốc Tuấn - An Bình), thuộc các xã Quốc Tuấn, An Bình và An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, nay là xã An Phú, thành phố Hải Phòng. Dự án đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương (nay là Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng) cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 6516486208, chứng nhận lần đầu ngày 31/32023, điều chỉnh lần thứ bốn ngày 04/4/2025với quy mô công suất đăng ký:

(1) Sản xuất, gia công linh kiện điện tử (mã ngành 2610), chi tiết: Dán linh kiện bảng mạch (SMT) công suất 30.000.000 cái/năm, sản xuất và gia công các loại sản phẩm nguồn điện công suất 21.000.000 cái/năm, sản xuất và gia công dây cáp tín hiệu (các sản phẩm cáp máy tính, cáp máy in, cáp USB, cáp điện thoại và các hệ thống cáp tương tự) công suất 31.500.000 cái/năm, sản xuất và gia công sản phẩm điện tử thông minh công suất 2.000.000 cái/năm, sản xuất và gia công sản phẩm máy móc thiết bị điện vệ sinh, làm sạch công suất 2.000.000 cái/năm, sản xuất và gia công các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu công suất 13.000.000 cái/năm, sản xuất và gia công sản phẩm thiết bị điện tử chuyển đổi năng lượng điện công suất 2.000.000 cái/năm.

(2) Sản xuất sản phẩm từ plastic (mã ngành 2220): Sản xuất vỏ nhựa thiết bị điện tử công suất 70.000.000 cái/năm;

(3) Gia công cơ khí (mã ngành 2592): Chế tạo và sửa chữa khuôn mẫu (quy trình sản xuất không cócông đoạn xi mạ, làm sạch bề mặt kim loại bằng hoá chất) công suất 600 cái/năm;

(4) Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác (mã ngành 2930): sản xuất và gia công dây cáp truyền tín hiệu trong ô tô công suất 6.000.000

cái/năm; sản xuất và gia công thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô công suất 6.000.000 cái/năm.

Dự án có tổng mức đầu tư là 1.395.900.000.000 (Một nghìn ba trăm chín mươi lăm nghìn tỷ, chín trăm triệu đồng) tương đương Dự án nhóm B theo Luật Đầu tư công (dự án sản xuất thiết bị thông tin, điện tử có tổng mức đầu tư từ 160 tỷ đồng đến dưới 3.000 tỷ đồng); và được phân kỳ đầu tư theo 3 giai đoạn.

Đây là dự án xây dựng mới thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn: sản xuất và kinh doanh các thiết bị, linh kiện điện, điện tử và thiết bị điện (mã ngành 2610) thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại (số thứ tự 17, phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 28/01/2026 của Chính phủ). Dự án được thực hiện trong KCN An Phát 1 đã được đầu tư hoàn thiện hạ tầng và tiếp nhận đấu nối nước thải nên không có yếu tố nhạy cảm môi trường quy định tại điểm d khoản 4 Điều 25 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 của Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026). Như vậy, Dự án thuộc nhóm I có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường (theo số thứ tự 3 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 48/2026/NĐ-CP).

Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động tới môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 110/QĐ-BTNMT của Bộ ngày 10/01/2025, đã thi công xây dựng xong các hạng mục công trình của giai đoạn 1+2 và lắp đặt máy móc thiết bị một số dây chuyền sản xuất tại nhà xưởng số 2 và nhà xưởng số 3, Công ty lập hồ sơ đề xuất cấp GPMT trước khi vận hành thử nghiệm.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 45 của Luật BVMT 2020 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 của Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường cho Dự án. Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng đã ủy quyền cho Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng thẩm định, cấp GPMT cho các dự án đầu tư thuộc các KCN, do đó, Chủ dự án lập báo cáo đề nghị cấp GPMT trình Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng thẩm định, cấp phép theo quy định của pháp luật.

Phạm vi đề xuất cấp GPMT cho các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường giai đoạn 1 và 2 của Dự án. Nội dung đề xuất cấp giấy phé môi trường có một số nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM về tiến độ thực hiện của các giai đoạn. Tổng hợp các nội dung thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo ĐTM được nêu tóm tắt tại bảng sau:

Phạm vi đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án cho các công trình, hạng mục được thể hiện trong bảng:

Bảng 0. 1. Tóm tắt các nội dung thay đổi so với phương án đã được phê duyệt trong báo cáo ĐTM

TT	Nội dung thay đổi	Theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM số 110/QĐ-BTNMT ngày 10/01/2025 của Bộ TN&MT (nay là Bộ NN&MT)	Hiện trạng thực tế	Lý do thay đổi
I	**Hạng mục công trình xây dựng**			
1.1	Các hạng mục công trình xây dựng	- Phân kỳ đầu tư theo 03 giai đoạn, thi công xây dựng theo giai đoạn 1 + 2.	- Đã thi công giai đoạn 1+2 và có điều chỉnh: + Thay đổi tên gọi của một số công trình, hạng mục (chi tiết tại bảng 1.17). + Bổ sung Nhà XLNT sinh hoạt 12 và xây dựng, lắp đặt với toàn bộ công suất 2.600 m^3/ngày.	- Điều chỉnh lại tên gọi của một số công trình để thống nhất với GPXD số 04/2025/KCN-GPXD của BQL các KCN tỉnh Hải Dương cấp ngày 10/3/2025 về mặt hồ sơ. - Bổ sung thêm Nhà XLNT sinh hoạt 12 để phục vụ vận hành trạm.
-	Một số hạng mục phụ trợ (có điều chỉnh về mặt xây dựng)	- Bể nước làm mát và bể PCCC là các công trình, hạng mục bể không có mái che.	- Bể nước làm mát và bể PCCC là các công trình, hạng mục có mái che.	- Điều chỉnh để đảm bảo chất lượng công trình, phù hợp với điều kiện khí hậu thực tế.
1.2	Hệ thống thu gom thoát nước mưa	- Giai đoạn 1 thi công toàn bộ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Dự án.	- Chưa thi công 3 tuyến thu gom, thoát nước mưa: + Tuyến ống thoát nước mưa dọc theo tuyến đường nội bộ giữa Nhà xưởng số 5 và Nhà ăn số 7 với khu đất cây xanh;	- Tiến độ thi công điều chỉnh theo tiến độ của giấy phép xây dựng.

TT	Nội dung thay đổi	Theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM số 110/QĐ-BTNMT ngày 10/01/2025 của Bộ TN&MT (nay là Bộ NN&MT)	Hiện trạng thực tế	Lý do thay đổi
			+ Tuyến ống thoát nước mưa dọc theo tuyến đường nội bộ giữa Nhà xưởng số 5 với Nhà ăn số 7; + Tuyến ống thoát nước mưa trên tuyến đường nội bộ giữa Nhà xưởng số 4 và Nhà xưởng số 5.	
1.3	Hệ thống thu gom, lưu giữ chất thải	- 01 khu vực tiếp nhận và phân loại rác thông thường tại Nhà phụ trợ số 01 diện tích 494 m^2.	- "Nhà phụ trợ số 01" đổi tên gọi thành "Nhà phụ trợ số 8".	- Điều chỉnh để phù hợp vướng thực tế và thống nhất với nội dung Giấy phép xây dựng đã được cấp.
II	**Bố trí dây chuyền, máy móc, thiết bị và số lượng đã lắp đặt tại các nhà xưởng**			
2.1	Nhà văn phòng	- Trong giai đoạn 1: Lắp đặt và đi vào hoạt động hệ thống xử lý khí thải khu vực tiền xử lý (cắt dây) tại tầng 2 của Nhà văn phòng 1.	- Không thay đổi về máy móc thiết bị và phương án bố trí. - Điều chỉnh tiến độ: chưa thực hiện trong giai đoạn 2, chỉ thực hiện trong giai đoạn 3.	- Chủ dự án đề xuất điều chỉnh: lắp đặt hệ thống trong giai đoạn 3 và cập nhật vào hồ sơ cấp phép của GĐ 3 vì do hiện tại chưa có đủ đơn hàng để triển khai lắp đặt và vận hành thử nghiệm dây chuyền của loại sản phẩm này.
2.2	Nhà xưởng 2	- Trong giai đoạn 1 và 2: Đi vào hoạt động toàn bộ nhà xưởng, gồm: Khu vực chế tạo và sửa chữa khuôn; Khu vực sản xuất vỏ nhựa.	- Thực tế, giai đoạn 1 và 2 chưa lắp đặt toàn bộ full công suất mà chỉ lắp đặt một số máy móc thiết bị.	- Lắp đặt máy móc theo từng giai đoạn để phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của Dự án. - Số lượng máy đùn ép trong khu

TT	Nội dung thay đổi	Theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM số 110/QĐ-BTNMT ngày 10/01/2025 của Bộ TN&MT (nay là Bộ NN&MT)	Hiện trạng thực tế	Lý do thay đổi
			- Điều chỉnh về tổng số lượng máy móc so với thiết kế ban đầu (thay một số máy đùn ép công suất lớn bằng máy đùn ép công suất nhỏ hơn, nhưng tổng công suất không thay đổi).	vực sản xuất vỏ nhựa: tổng công suất đùn ép không thay đổi nhưng giảm bớt các máy công suất lớn và thay bằng nhiều máy có công suất nhỏ để đa dạng về mặt chủng loại, đơn hàng nhận sản xuất.
2.3	Nhà xưởng 3	- Giai đoạn 2: hoàn thành lắp đặt máy móc thiết bị và đưa vào vận hành toàn bộ Nhà xưởng 3. - Bố trí thiết bị tại mỗi tầng đều có máy hàn sóng tự động. - Bố trí máy móc thiết bị sản xuất tại các tầng: + Tầng 1: dây chuyền sản xuất thiết bị gia dụng thông minh và các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu (máy quét sàn thông minh, camera...). + Tầng 2: dây chuyền sản xuất cáp CABLE-AV và dây chuyền sản xuất cáp CABLE-USB, cáp tín hiệu ô tô các loại.	- Không có thay đổi về thiết kế xây dựng, đã xây xong công trình nhưng chỉ lắp đặt máy móc thiết bị tại một số khu vực (chưa đi vào vận hành toàn bộ trong giai đoạn 2). - Thay đổi về mặt bằng bố trí máy móc thiết bị bên trong các tầng: máy hàn sóng tự động được bố trí tập trung trên tầng 4, tổng số lượng máy hàn sóng không thay đổi tăng lên so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. + Tầng 1: dây chuyền sản xuất các sản phẩm nguồn điện và nguồn điện trong ô tô (đã lắp đặt ống chờ của hệ thống thu gom khí thải và quạt hút, hệ thống tháp xử lý khí thải của tầng 1, Nhà xưởng 3). + Tầng 2: dây chuyền sản xuất cáp CABLE-AV và dây chuyền sản xuất cáp CABLE-USB, cáp tín hiệu ô tô các loại.	- Để thuận tiện cho việc vận chuyển nội bộ và phân phối các bán sản phẩm đến các dây chuyền sản xuất khác trong Nhà xưởng 3. Không tăng tác động đến môi trường không khí so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. (chi tiết tại mục 1.3.2 của Chương I và mục 3.2.2 tại Chương III của báo cáo).

TT	Nội dung thay đổi	Theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM số 110/QĐ-BTNMT ngày 10/01/2025 của Bộ TN&MT (nay là Bộ NN&MT)	Hiện trạng thực tế	Lý do thay đổi
		+ Tầng 3: dây chuyền sản xuất các sản phẩm nguồn điện và nguồn điện trong ô tô. + Tầng 4: Dây chuyền dán bảng mạch tự động và sản xuất thiết bị truyền tín hiệu.	+ Tầng 3: dây chuyền sản xuất thiết bị gia dụng thông minh và các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu (máy quét sàn thông minh, camera...). + Tầng 4: Hệ máy dán bảng mạch tự động của dây chuyền sản xuất tại các tầng khác.	
III	**Hệ thống thu gom và xử lý nước thải**			
3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	- 01 trạm XLNT tập trung chia 3 modul, phân kỳ đầu tư 3 giai đoạn: + GĐ1: modul 1 công suất 650 m^3/ngày đêm. + GĐ2: modul 2 công suất 1.150 m^3/ngày đêm. + GĐ3: modul 3 công suất 800 m^3/ngày đêm. Tổng công suất thiết kế trạm 2.600 m^3/ngày đêm.	- 01 trạm XLNT tập trung gồm 2-line song song, tổng công suất 2.600 m^3/ngày đêm và không chia modul. Không điều chỉnh về công nghệ xử lý.	Điều chỉnh phù hợp với kế hoạch vận hành và tuyển dụng nhân viên của Công ty, tiết kiệm chi phí xây dựng và chi phí vận hành.
IV	**Hệ thống thu gom và xử lý khí thải**			
4.1	Số lượng nguồn phát sinh bụi, khí thải, hệ	- Nhà văn phòng 1: 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải		Điều chỉnh phù hợp với kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đảm bảo đủ điều kiện

TT	Nội dung thay đổi	Theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM số 110/QĐ-BTNMT ngày 10/01/2025 của Bộ TN&MT (nay là Bộ NN&MT)	Hiện trạng thực tế	Lý do thay đổi
	thống thu gom, hút khí thải	- Nhà xưởng 2: 03 hệ thống thu gom, xử lý khí thải, vị trí, lưu lượng và công suất không có sự thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. - Nhà xưởng 3: Tầng 1 chưa lắp đặt máy móc thiết bị vận hành nên chưa phát sinh khí thải (nhưng đã lắp đặt quạt hút và các đường ống chờ), các tầng 2, 3 và 4 thay đổi về mặt bằng bố trí thiết bị dẫn đến thay đổi về hệ thống thu gom, thoát khí thải.	- Nhà văn phòng 1: Thay đổi về tiến độ thực hiện, hiện chưa lắp đặt máy móc thiết bị và hệ thống xử lý. - Nhà xưởng 2: không có sự thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. - Nhà xưởng 3: tăng số lượng chụp hút thu gom khí thải, giảm tổng lưu lượng khí thải phát sinh và thay đổi về hệ thống mạng ống thu gom, thoát khí thải.	để vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải.
4.2	Số lượng, công suất của các hệ thống xử lý khí thải	- Nhà xưởng 3: có 15 hệ thống xử lý khí thải, tổng lưu lượng tối đa là 235.000 m^3/giờ.	- Nhà xưởng 3: có 12 hệ thống xử lý khí thải, tổng lưu lượng tối đa 165.000 m^3/giờ (trong đó có 4 hệ thống của tầng 1 tổng lưu lượng 40.000 m^3/giờ chưa lắp đặt máy móc thiết bị phát sinh và thiết bị xử lý).	Điều chỉnh do thay đổi mặt bằng bố trí thiết bị để thu gom gộp chung những nguồn khí thải có cùng tính chất để xử lý.
4.3	Vị trí, kích thước của các ống xả khí thải sau xử lý	- Không quy định chi tiết tọa độ các vị trí của các ống xả khí sau xử lý.	Thay đổi tọa độ và kích thước của ống xả khí thải sau xử lý tại Nhà xưởng 3.	Điều chỉnh do giảm số nguồn phát sinh và công suất của hệ thống xử lý khí thải so với báo cáo ĐTM.

Các công trình, hạng mục còn lại theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt sẽ được Chủ dự án cập nhật và xin cấp phép tiếp trong giai đoạn 3 của Dự án.

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư:

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam.

- Địa chỉ văng phòng: Lô CN-05, KCN An Phát 1, thuộc các xã Quốc Tuấn, An Bình và An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (nay là xã An Phú, thành phố Hải Phòng).

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Zhou Hong Liang - Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại:(852)25988283

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã doanh nghiệp 0801394934 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương (nay là Sở Tài chính thành phố Hải Phòng) cấp đăng ký lần đầu ngày 07/4/2023, thay đổi lần thứ 2 ngày 15/02/2024.

1.2. Tên dự án đầu tư

- Tên dự án: DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM (sau đây gọi tắt là Dự án).

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô CN-05, KCN An Phát 1, xã An Phú, thành phố Hải Phòng.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 6516486208 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng) cấp lần đầu ngày 31/3/2023, cấp điều chỉnh lần thứ 4 ngày 04/4/2025.

- Tổ chức phê duyệt dự án đầu tư: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam.

- Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư: Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng).

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư (nếu có):

+ Giấy phép xây dựng số 04/2025/KCN-GPXD do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng) cấp ngày 10/3/2025 cấp phép diện tích xây dựng 95.104,48 m^2, tổng diện tích sàn xây dựng 162.514,92 m^2 (thi công xây dựng các công trình, hạng mục của giai đoạn 1 và giai đoạn 2).

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 89/TD-PCCC của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 14/02/2025.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh

giá tác động môi trường (nếu có): Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM số 110/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ngày 10/01/2025.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án: sản xuất và kinh doanh các thiết bị, linh kiện điện, điện tử và thiết bị điện (mã ngành 2610) thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại (số thứ tự 17, phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 28/01/2026 của Chính phủ) với quy mô công suất lớn.

- Quy mô của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công: tương đương Dự án nhóm B theo Luật Đầu tư công (dự án sản xuất thiết bị thông tin, điện tử có tổng mức đầu tư từ 160 tỷ đồng đến dưới 3.000 tỷ đồng).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Dự án được thực hiện trong KCN An Phát 1 đã được đầu tư hoàn thiện hạ tầng và tiếp nhận đấu nối nước thải nên không có yếu tố nhạy cảm môi trường theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 25 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 của Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026).

- Phân nhóm đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Dự án thuộc số thứ tự 3 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 48/2026/NĐ-CP là dự án nhóm I có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.

- Dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM. Sau khi hoàn thiện thi công một số hạng mục, công trình, Chủ dự thực hiện lập hồ sơ cấp Giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và đi vào hoạt động theo quy định.

- Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 45 của Luật BVMT 2020 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 của Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường cho Dự án. Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng đã phân cấp cho Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại Quyết định số 186/2025/QĐ-CTUBND.

Do đó, Chủ dự án lập báo cáo đề nghị cấp GPMT trình Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng thẩm định, cấp phép theo quy định của pháp luật. Dự án được phân kỳ đầu tư theo 3 giai đoạn, phạm vi đề xuất cấp GPMT để đi vào sản xuất và vận hành giai đoạn 1+2 của Dự án.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

1.3.1. Công suất và sản phẩm của dự án đầu tư:

Mục tiêu của dự án là sản xuất, gia công và kinh doanh tiêu thụ linh kiện, thiết bị điện tử. Theo theo Giấy chứng nhận đăng ký dự án đầu tư mã số 6516486208 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 31/3/2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 4 ngày 04/4/2025, công suất của Dự án là 83.500.000 sản phẩm/năm (trong đó bao gồm cả bán sản phẩm).

Một số loại sản phẩm của Dự án như sau:

- Sản phẩm chuyển đổi tín hiệu

- Sản phẩm nguồn điện

- Máy móc thiết bị điện về sinh làm sạch

- Thiết bị điện tử chuyển đổi năng lượng điện

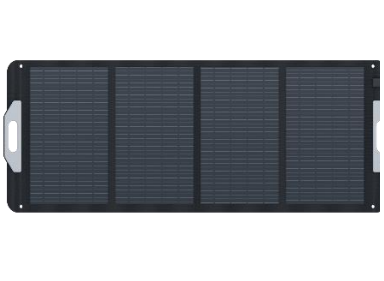

- Thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô

- Dây cáp truyền tín hiệu

- Sản phẩm điện tử thông minh

Chi tiết về xông suất sản xuất từng loại sản phẩm (theo giấy chúng nhận đăng ký dự án đầu tư) như sau:

Bảng 1. 1. Công suất của dự án đầu tư

STT	Tên sản phẩm	Mã ngành	Công suất (sản phẩm/năm)	Ghi chú
I. Bán thành phẩm phục vụ sản xuất (không tiêu thụ)				

1	Dán linh kiện bảng mạch (SMT)	2610	30.000.000	Dây chuyền sản xuất tại tầng 4, Nhà xưởng 3, giai đoạn 2
2	Sản xuất vỏ nhựa	2220	70.000.000	Dây chuyền sản xuất tại Nhà xưởng 2, giai đoạn 1
3	Chế tạo và sửa chữa khuôn	2592	600	Dây chuyền sản xuất tại Nhà xưởng 2, giai đoạn 1
II. Các sản phẩm hoàn thiện của Dự án				
1	Các loại sản phẩm nguồn điện	2610	21.000.000	Dây chuyền sản xuất tại tầng 1, Nhà xưởng 3, giai đoạn 3
2	Thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô	2930	6.000.000	Dây chuyền sản xuất tại tầng 1, Nhà xưởng 3, giai đoạn 3
3	Các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu	2610	13.000.000	Dây chuyền sản xuất tại tầng 3, Nhà xưởng 3, giai đoạn 2
4	Dây cáp tín hiệu (*cáp máy tính, cáp máy in, cáp USB, cáp điện thoại và các hệ thống cáp tương tự*)	2610	31.500.000	Dây chuyền sản xuất tại tầng 2, Nhà xưởng 3, giai đoạn 2
5	Dây cáp truyền tín hiệu ô tô	2930	6.000.000	Dây chuyền sản xuất tại tầng 2, Nhà xưởng 3, giai đoạn 2
6	Sản phẩm điện tử thông minh	2610	2.000.000	Dây chuyền sản xuất tại tầng 3, Nhà xưởng 3, giai đoạn 2
7	Sản phẩm phẩm máy móc thiết bị điện vệ sinh, làm sạch	2610	2.000.000	Dây chuyền sản xuất tại tầng 3, Nhà xưởng 3, giai đoạn 2
8	Thiết bị điện tử chuyển đổi năng lượng điện	2610	2.000.000	Dây chuyền sản xuất tại Nhà xưởng 4 và Nhà xưởng 5, giai đoạn 3

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

Trong phạm vi báo cáo này đề xuất cấp GPMT với một số công trình, biện pháp bảo vệ môi trường cho các công trình, hạng mục, thiết bị đã lắp đặt của giai đoạn 1 và giai đoạn 2.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

Quy trình sản xuất, gia công sản phẩm gồm 3 khối chính: Sản xuất phần vỏ nhựa từ hạt nhựa nguyên sinh (bao gồm cả công đoạn gia công, chế tạo khuôn); hoàn thiện bảng mạch (dán linh kiện cào các bảng mạch trơn PCBA đã được in sẵn); lắp ráp, hàn gắn các bảng mạch đã đước dàn với vỏ nhựa và các linh kiện, chi tiết khác để tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh.

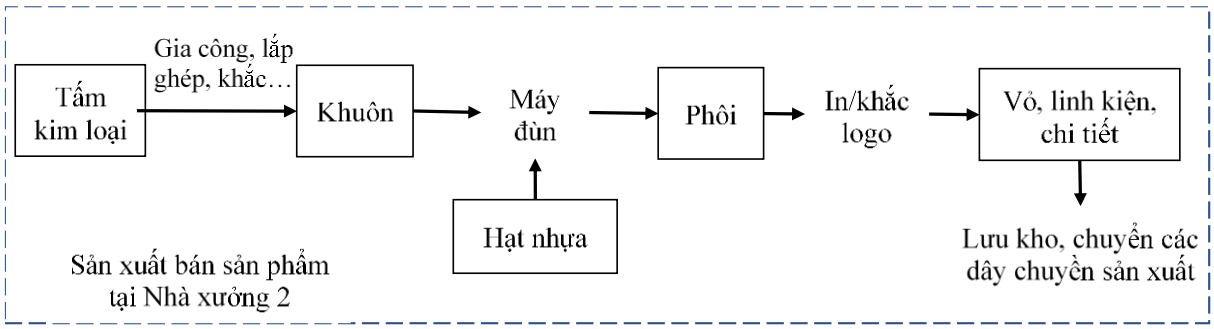

Hình 1. 1. Quy trình sản xuất tại Nhà xưởng 2

Toàn bộ quá trình gia công, chế tạo, sửa chữa khuôn; đùn ép tạo vỏ và các chi tiết nhựa được thực hiện tại Nhà xưởng 2, hiện tại, Chủ dự án đã thi công xây dựng xong nhà xưởng và lắp đặt máy móc thiết bị cho các quy trình sản xuất nêu trên.

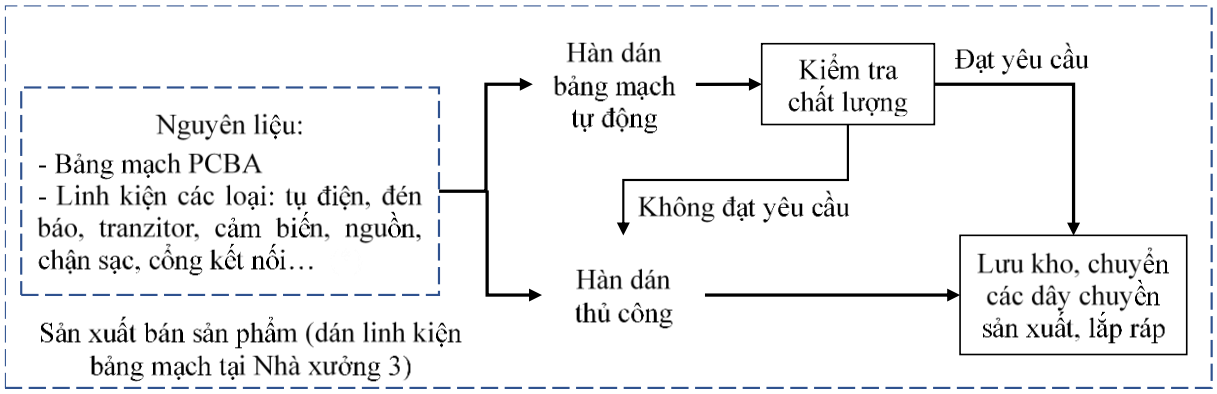

Hình 1. 2. Quy trình sản xuất tại Nhà xưởng 3, 4 và 5

Theo nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, Chủ dự án bố trí các máy dán linh kiện bảng mạch tự động tại tầng 1, tầng 3 và tầng 4 của Nhà xưởng 3 phân bố theo từng dây chuyền sản xuất các sản phẩm cụ thể. Thực tế, để thuận tiện cho việc vận chuyển nội bộ và phân phối các bán sản phẩm đến các dây chuyền sản xuất khác trong Nhà xưởng 3, cũng như thuận tiện cho việc xây lắp hệ thống đường ống thu gom khí thải, Chủ dự án đã sắp xếp lại mặt bằng bố trí máy móc thiết bị, toàn bộ các máy hàn dán linh kiện tự động của công đoạn dán linh kiện bảng mạch (SMT) được bố trí tại tầng 4 của Nhà xưởng 3.

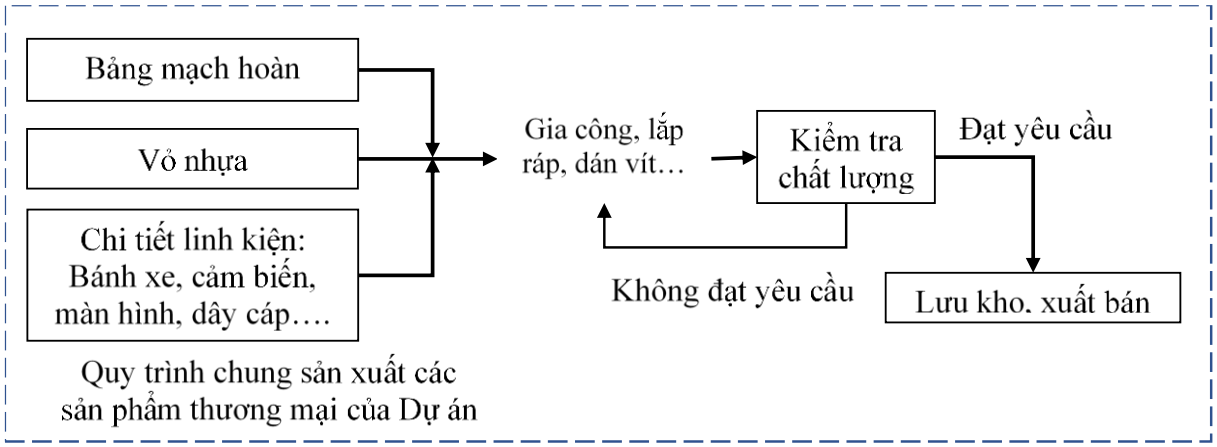

Hình 1. 3. Quy trình chung sản xuất các sản phẩm thương mại của Dự án

Vì đặc thù của từng đơn hàng mà mỗi loại sản phẩm có yêu cầu khác nhau trong thao tác của các công đoạn gia công, ghép nối, lắp ráp… việc ghép nối các linh kiện có thể sử dụng keo dán, hàn nhiệt, bắn vít hoặc kết hợp các thao tác trên. Quy trình chi tiết sản xuất các loại sản phẩm không thay đổi so với nội dung báo cáo ĐTM đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định, cụ thể như sau:

1.3.1.1. Quy trình sản xuất các bán sản phẩm tại Nhà xưởng 2 (đã hoàn thiện xây dựng trong giai đoạn 1)

Nhà xưởng 2 là công trình 01 tầng, bố trí dây chuyền máy móc thiết bị bên trong Nhà xưởng 2 được thể hiện trong hình:

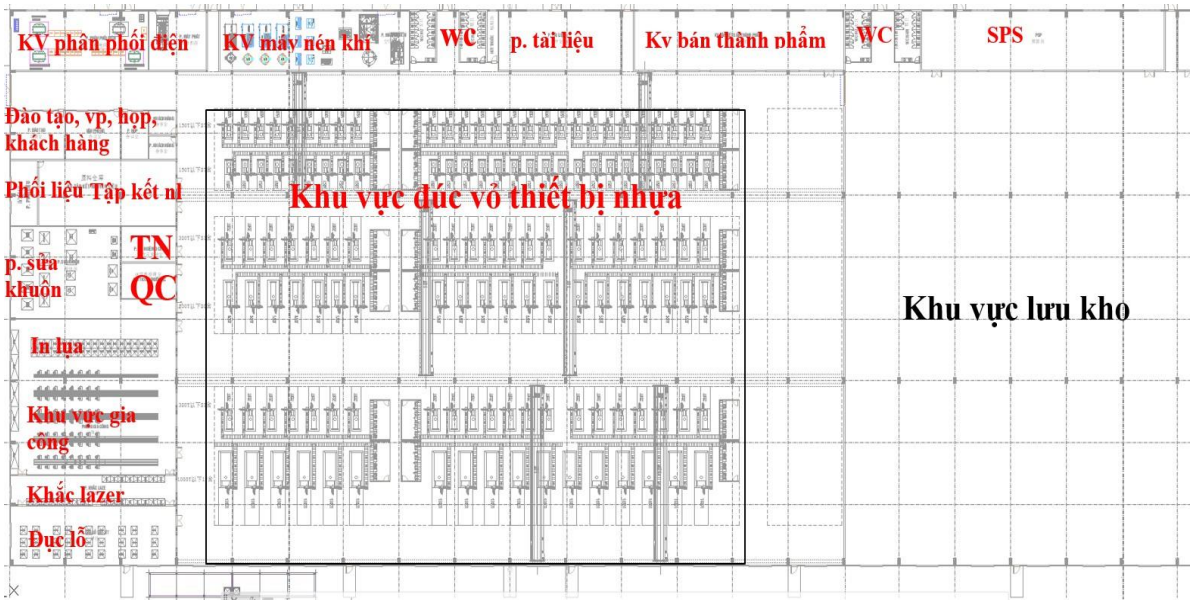

Hình 1. 4. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc thiết bị của Nhà xưởng 2

a. Quy trình sản xuất, sửa chữa khuôn:

*** Quy trình sản xuất, sửa chữa khuôn:** Dự án sử dụng hạt nhựa nguyên sinh (nhựa PC, ABS, PS/POM/PMMA…) để đùn ép vỏ nhựa và một số chi tiết nhựa của thiết bị để lắp ráp xác sản phẩm chính của giai đoạn 2). Căn cứ vào yêu cầy kỹ thuật của từng loại sản phẩm, Chủ dự án sẽ gia công, tạo khuôn để sử dụng nội bộ tạo các chi tiết nhựa phục vụ gia công lắp ráp sản phẩm thương mại.

*** Thuyết minh quy trình sản xuất khuôn:**

- Bước 1: Chuẩn bị nguyên liệu: Nguyên liệu đầu vào của quá trình chế tạo khuôn là các tấm thép, nhôm được nhập từ các đơn vị cung cấp về nhà máy.

- Bước 2: Thiết kế bản vẽ: Theo thông số kỹ thuật của từng sản phẩm, bộ phận thiết kế sẽ lên ý tưởng và tạo bản vẽ cho từng loại khuôn tương ứng với từng sản phẩm.

- Bước 3: Khoan lỗ: Theo bản vẽ thiết kế, nhà máy sử dụng máy phay tạo lỗ theo hình vẽ để định hình sản phẩm trước khi chuyển sang công đoạn gia công phát sinh các

mạt kim loại.

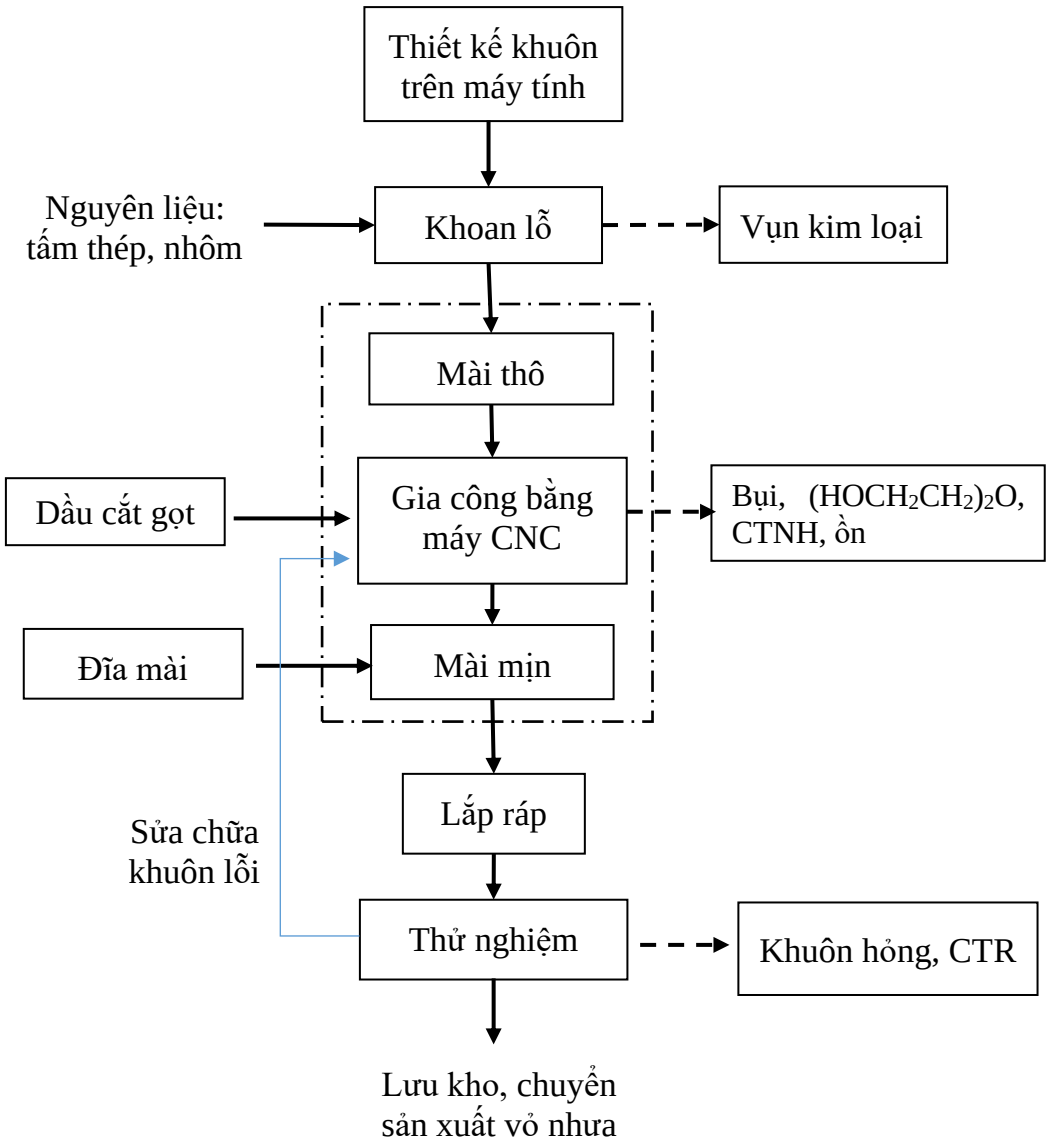

Hình 1. 5. Sơ đồ quy trình chế tạo, gia công, sửa chữa khuôn

- **Bước 4:** Mài thô: Sử dụng máy mài bề mặt thô bán thành phẩm nhằm dễ dàng thực hiện trong quá trình gia công CNC.

- **Bước 5:** CNC: Công nhân sẽ cài đặt chương trình cho máy CNC dựa trên bản vẽ thiết kế sản phẩm. Máy CNC được thiết kế gia công tự động theo chương trình đã lập sẵn, gia công trong buồng khép kín. Quá trình này dầu cắt gọt được phun vào đầu mũi khoan để làm mát, gia công các chi tiết dễ dàng, chính xác và giảm lượng phát sinh bụi kim loại. Sử dụng dung dịch dầu cắt gọt để giảm bụi và giải nhiệt, tăng độ bóng. Dung dich này được tuần hoàn bằng hệ thống bình chứa, bơm, khay chứa lắp đặt đồng bộ cùng máy. Dung dịch được thay hàng tuần.

- **Bước 6:** Mài mịn: Khuôn mẫu sau khi gia công CNC được chuyển qua công đoạn mài mịn. Tại đây bề mặt và các chi tiết khuôn mẫu được mài mịn để làm tăng độ chính xác cho sản phẩm trong quá trình sản xuất. Sử dụng dung dịch dầu cắt gọt để giảm

bụi và giải nhiệt, tăng độ bóng. Dung dich này được tuần hoàn bằng hệ thống bình chứa, bơm, khay chứa lắp đặt đồng bộ cùng máy. Dung dịch được thay hàng tuần.

- Bước 7: Lắp ráp khuôn: Từ các bán thành phẩm tiến hành thao tác lắp ráp thủ công để tạo thành khuôn mẫu hoàn chỉnh.

- Bước 8: Thử nghiệm khuôn: Khuôn được đưa vào sản xuất thử nghiệm để nhằm kiểm tra thông số kỹ thuật, độ kín khít, chịu lực... của khuôn. Khuôn lỗi được quay trở lại công đoạn CNC để sửa chữa, không thải bỏ.

- Bước 9: Đóng gói, lưu kho: Khuôn đạt được đóng gói, lưu kho để sản xuất các sản phẩm của nhà máy.

*** Thuyết minh quy trình sửa chữa khuôn:**

Bước 1: CNC: Công nhân sẽ cài đặt chương trình cho máy CNC dựa trên bản vẽ thiết kế sản phẩm. Máy CNC được thiết kế gia công tự động theo chương trình đã lập sẵn, gia công trong buồng khép kín. Quá trình này dung dịch dầu cắt gọt được phun vào đầu mũi khoan để làm mát, gia công các chi tiết dễ dàng, chính xác và giảm lượng phát sinh bụi kim loại. Sử dụng dung dịch dầu cắt gọt để giảm bụi và giải nhiệt, tăng độ bóng. Dung dịch này được tuần hoàn bằng hệ thống bình chứa, bơm, khay chứa lắp đặt đồng bộ cùng máy. Dung dịch được thay hàng tuần.

Bước 2: Mài mịn: Khuôn mẫu sau khi gia công CNC được chuyển qua công đoạn mài mịn. Tại đây bề mặt và các chi tiết khuôn mẫu được mài mịn để làm tăng độ chính xác cho sản phẩm trong quá trình sản xuất. Sử dụng dung dịch dầu cắt gọt để giảm bụi và giải nhiệt, tăng độ bóng. Dung dich này được tuần hoàn bằng hệ thống bình chứa, bơm, khay chứa lắp đặt đồng bọ cùng máy. Dung dịch được thay hàn tuần.

Bước 3: Lắp ráp khuôn: Từ các bán thành phẩm tiến hành thao tác lắp ráp thủ công để tạo thành khuôn mẫu hoàn chỉnh.

Bước 4: Thử nghiệm khuôn: Khuôn được đưa vào sản xuất thử nghiệm để nhằm kiểm tra thông số kỹ thuật, độ kín khít, chịu lực... của khuôn. Khuôn lỗi được quay trở lại công đoạn CNC để sửa chữa, không thải bỏ.

Bước 5: Đóng gói, lưu kho: Khuôn đạt được đóng gói, lưu kho để sản xuất các sản phẩm của nhà máy.

*** Các nguồn thải từ các hoạt động gia công, chế tạo và sửa chữa khuôn:**

- Bụi, khí thải: Bụi kim loại từ quá trình mài thô, CNC, mài mịn; hơi dầu từ quá trình CNC.

- CTR: Đầu mẩu kim loại, mạt kim loại không dính thành phần nguy hại, bao bì đóng gói lỗi, khuôn hỏng hoặc đã qua sử dụng nhiều lần cần thay thế/thải bỏ.

- CTNH: Dung dịch dầu cắt gọt thay thế định kỳ;

*** Danh mục máy móc thiết bị chính phục vụ sản xuất**

Bảng 1. 2. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của khu vực gia công, chế tạo và sửa chữa khuôn

STT	Loại máy móc thiết bị	Số lượng	Số lượng thực tế đã lắp đặt	Xuất xứ	Ghi chú
1	Máy CNC-805 805	2		TQ	Mới 100%
2	Máy khắc - model 400	2		TQ	Mới 100%
3	Máy bắn tia lửa - 405	4		TQ	Mới 100%
4	Máy phay M3	4	1	TQ	Mới 100%
5	Máy mài chính xác cao	2	1	TQ	Mới 100%
6	Máy mài dao	2		TQ	Mới 100%
7	Máy cưa - KN-4028	1	1	TQ	Mới 100%
8	Máy hàn laser	2		TQ	Mới 100%
9	Máy hàn argon	2	1	TQ	Mới 100%
10	Máy mài dao đa năng	2		TQ	Mới 100%
11	Máy khoan nhỏ -2512B	4		TQ	Mới 100%

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

b. Quy trình đúc vỏ nhựa:

Dự án sử dụng các loại hạt nhựa nhiệt dẻo nguyên sinh (PVC, ABS…) để đúc vỏ thiết bị, vỏ linh kiện hoặc chi tiết nhựa như vỏ pin, nguồn; vỏ củ sạc; cổng cắm nối, vỏ và chi tiết camera… và thực hiện đúc vỏ nhựa tại khu vực Nhà xưởng 2, theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, Dự án dự kiến có 90 máy ép phun kiểu nằm, dự kiến điều chỉnh thành 180 máy thực tế đã lắp đặt 62 máy ép phun. Quy trình sản xuất như sau:

*** Thuyết minh quy trình:**

- Bước 1: Nhập liệu: Hạt nhựa nguyên sinh (thường là nhựa PVC, ABS… và các loại phụ gia để tăng tính bền, tính dẻo màu sắc) được nhập từ các nhà cung cấp trong nước và ngoài nước, tập kết tại khu vực kho của Nhà xưởng 2, sau đó sẽ được vận chuyển đến các phễu tiếp liệu của máy đùn ép. Các loại nguyên liệu sẽ được máy tự động cân đong theo tỷ lệ phối trộn theo từng đơn hàng và được chuyển đến khoang sấy, gia nhiệt của máy để phối trộn và nung chảy hạt nhựa.

- Bước 2: sấy, trộn liệu: Hạt nhựa được sấy ở nhiệt độ 50 - 60 độ C, trong thời gian 15 - 30 phút để nhằm loại bỏ hơi nước, ẩm, trộn đều sau đó được tiếp tục gia nhiệt đến nhiệt đô nóng chảy của nhựa (khoảng 170-190ºC) để chuyển sang trạng thái lỏng, trong quá trình gia nhiệt này, hỗn hợp hạt nhựa được đảo trộn liên tục để đảm bảo chất lượng sản phẩm.

- Bước 3: Ép phun thành hình: Hỗn hợp nhựa lỏng ở áp suất thích hợp đươc hệ piston bơm vào các khuôn, nhựa chảy trong khuôn đẻ cố định hình dáng, kích thước.

Toàn bộ quá trình sấy, nung, ép phun/ép đùn tạo hình được thực hiện trong máy móc thiết bị kín, tự động. Các máy đùn ép chạy theo từng mẻ, tùy thuộc vào lệnh sản xuất của Công ty.

Quá trình sấy và gia nhiệt để nung chảy hạt nhựa có thể phát sinh khí thải là các đơn phân tử của hạt nhựa bị đứt gãy mạch bay hơi và thoát ra ngoài; thao tác đùn ép bơm nhựa lòng vào khuôn, tại vị trí tiếp giáp của khuôn với đầu bơm sau piston có thể làm thoát hơi. Đây là 2 điểm có thể phát sinh khí thải trong thiết bị. Khí thải phát sinh có thành phần chính là hơi của đơn phân tử tạo hạt nhựa và chất hóa dẻo cho nhựa (như vinyl chloride C_2H_3Cl, dioctyl phthalate $C_{24}H_{38}O_4$).

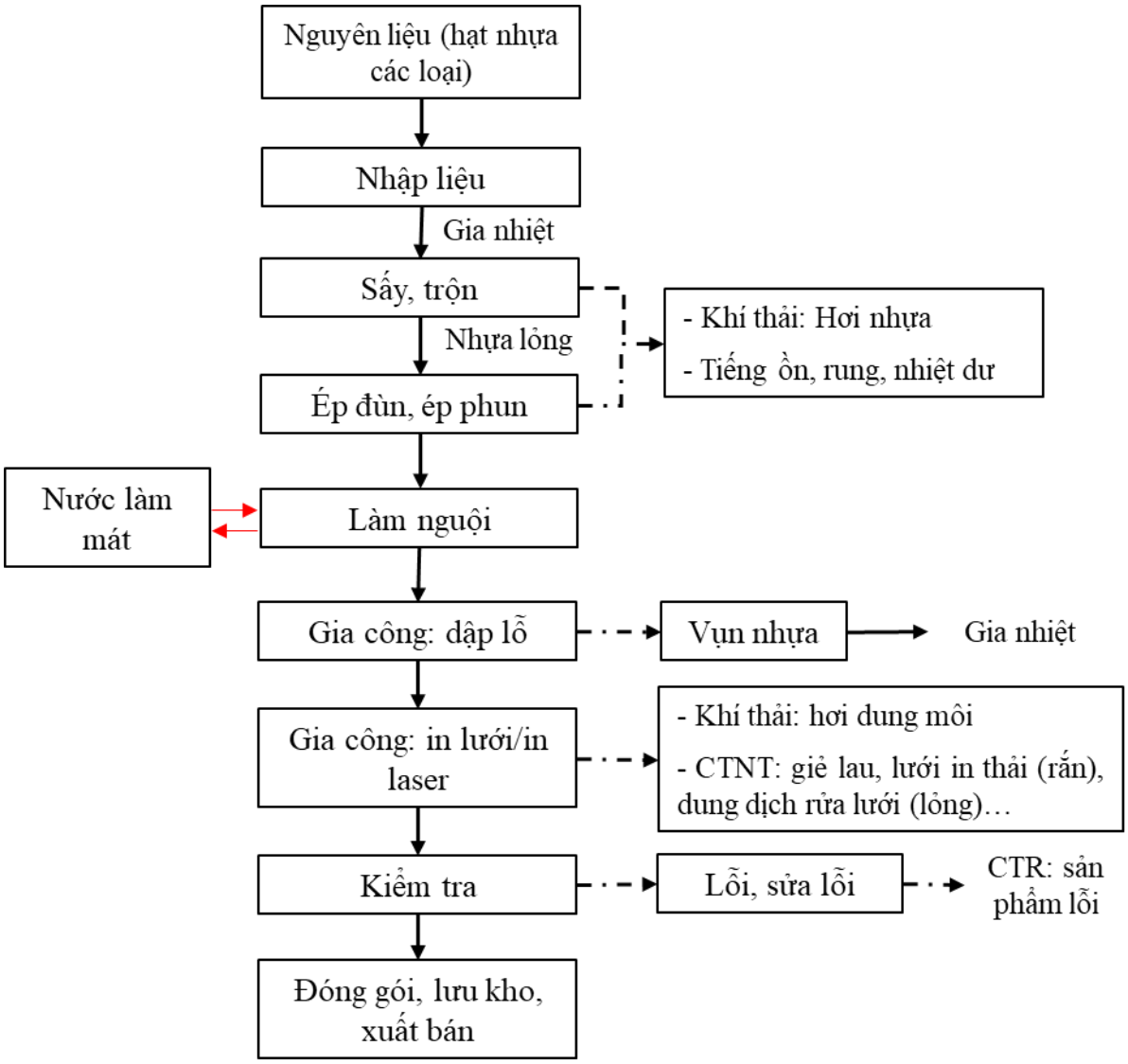

Hình 1. 6. Sơ đồ quy trình sản xuất vỏ nhựa

- Bước 4: Làm nguội: Sản phẩm được làm nguội gián tiếp bằng nước, nước làm mát được lấy từ nguồn nước sạch tại Bể chúa nước làm mát, chảy bên ngoài khuôn để hạ nhiệt độ, làm hỗn hợp nhựa đông đặc lại, sau quá trình này, nhiệt độ nước khoảng 34 - 36^{0}C được bơm về tháp làm mát để giải nhiệt, sau đó quay lại bể chứa nước làm mát để tuần hoàn cho dây chuyền sản xuất. Năng lượng và nhiên liệu sử dụng trong quá trình này là điện và nước. Quá trình này không sử dụng hóa chất, nước được làm mắt bằng

các trao đổi nhiệt trực tiếp với dòng không khí môi trường được thổi vào tháp.

Sản phẩm sau khi nguội được tách khỏi khuôn, làm mát/làm khô bằng quạt và kiểm tra ngoại quan để chuyển đến công đoạn tiếp theo.

- Bước 5: Dập lỗ: Tùy theo từng loại sản phẩm khác nhau mà vỏ nhựa được Công ty đưa qua máy dập lỗ để dập lỗ tại các vị trí đã định sẵn phát sinh nhựa vụn. Nhựa vụn này được thu gom, quay lại phễu tiếp liệu để tái sử dụng.

- Bước 6: In logo: Vỏ nhựa sau khi hoàn thiện được thực hiện in logo bằng công nghệ in laser hoặc in lưới. Trong trường hợp in lưới, sản phẩm sau in được sấy (ở tủ sấy UV) hoặc dán màng để bảo vệ lớp mực in. Công đoạn in lưới/khắc laser được thực hiện thủ công và bán thủ công. Công đoạn này hơi dung môi trong mực in phát sinh khí thải Toluen $C_6H_5CH_3$, Cyclo henxane C_6H_{12}.

- Bước 7: Kiểm tra: Sản phẩm được kiểm tra các thông số kỹ thuật, kiểm tra ngoại quan. Hàng lỗi hỏng được phân loại và quay lại sửa chữa, các lỗi không sửa được (khoảng 1%) loại bỏ là chất thải thông thường.

- Bước 8: Đóng gói, lưu kho: Sản phẩm đạt được đóng gói, lưu kho để sản xuất các sản phẩm của nhà máy.

*** Các nguồn thải:**

- Khí thải: hơi hữu cơ (VOC) từ quá trình ép nhựa vinyl chloride C_2H_3Cl, dioctyl phthalate $C_{24}H_{38}O_4$.

- CTR: đầu mẩu nhựa thừa, sản phẩm nhựa lỗi hỏng (chiếm khoảng 1%) sẽ được nghiền, băm nhỏ thành hạt nhựa để tái sử dụng cho sản xuất.

- Tiếng ồn; Nhiệt dư.

*** Danh mục máy móc thiết bị chính phục vụ sản xuất**

Bảng 1. 3. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của khu vực đúc vỏ nhựa

STT	Loại máy móc thiết bị	Số lượng			Xuất xứ	Ghi chú
		Theo QĐ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM	Điều chỉnh theo phương án đề xuất cấp GPMT	Thực tế		
1	Máy ép phun kiểu nằm	90	126	35	TQ	Mới 100%
2	Máy đục lỗ	27	30	6	TQ	Mới 100%
3	Máy in laser	24	24	6	TQ	Mới 100%
4	Máy in lưới	9	30	18	TQ	Mới 100%
5	Máy sấy	5	5	2	TQ	Mới 100%
6	Máy dán màng bảo vệ	30	30	18	TQ	Mới 100%

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

Một số hình sảnh về các máy móc, thiết bị đã được lắp đặt tại Nhà xưởng 2:

Máy mài

Máy đùn ép nhựa

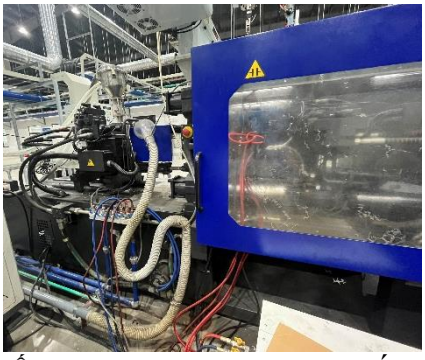

Ống hút khí thải tại vị trí sấy, nung chảy hạt nhựa

Sản phẩm vỏ nhựa sau đùn ép, đục lỗ

Máy in lưới

Thao tác in lưới được thực hiện trên dây chuyền

Máy khắc laser

Tủ sấy màu UV sau in

Hình 1. 7. Một số hình ảnh thực tế về máy móc thiết bị đã lắp đặt tại Nhà xưởng 2

1.3.1.2. Quy trình sản xuất các sản phẩm tại Nhà xưởng 3

Chủ dự án đã thi công xây dựng Nhà xưởng 3 có 4 tầng để phục vụ sản xuất giai đoạn 2, đã lắp đặt máy móc thiết bị và dây chuyền sản xuất tại tầng 2, 3, 4. Tuy nhiên, để phù hợp với tình hình sản xuất và kinh doanh của Dự án, việc sản xuất các sản phẩm ở giai đoạn 2 có sự thay đổi so với nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, việc thay đổi về quy mô sản xuất ở Nhà xưởng 3 được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 1. 4. Điều chỉnh về số lượng và tiến độ thực hiện các dây chuyền sản xuất tại Nhà xưởng 3

STT	Dây chuyền sản xuất (tại nhà xưởng 3)	Theo QĐ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM số 110/QĐ-BTNMT ngày 10/01/2025 của Bộ TN&MT (nay là Bộ NN&MT)	Nội dung thực tế đề nghị cấp phép
1	Các loại sản phẩm nguồn điện	- Công suất 21.000.000 sản phẩm/năm. - Tiến độ: Giai đoạn 2 - Vị trí đặt dây chuyền: ***Tầng 3*** của Nhà xưởng 3 - Số lượng dây chuyền: 6 - Số lượng hệ thống thu gom, xử lý khí thải:	- Công suất 21.000.000 sản phẩm/năm. - Tiến độ: Giai đoạn 3 - Vị trí đặt dây chuyền: ***Tầng 1*** của Nhà xưởng 3 - Số lượng dây chuyền: 2 - Số lượng hệ thống thu gom, xử lý khí thải:
2	Thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô	- Công suất 6.000.000 sản phẩm/năm. - Tiến độ: Giai đoạn 2 - Vị trí đặt dây chuyền: ***Tầng 3*** của Nhà xưởng 3 - Số lượng dây chuyền: 2 - Số lượng hệ thống thu gom, xử lý khí thải:	- Công suất 6.000.000 sản phẩm/năm. - Tiến độ: Giai đoạn 3 - Vị trí đặt dây chuyền: ***Tầng 1*** của Nhà xưởng 3 - Số lượng dây chuyền: 6 - Số lượng hệ thống thu gom, xử lý khí thải:
3	Các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu	- Công suất 13.000.000 sản phẩm/năm. - Tiến độ: Giai đoạn 2 - Vị trí đặt dây chuyền: ***Tầng 1 và 4*** của Nhà xưởng 3 - Số lượng dây chuyền: 7 - Số lượng hệ thống thu gom, xử lý khí thải:	- Công suất 13.000.000 sản phẩm/năm. - Tiến độ: Giai đoạn 2 - Vị trí đặt dây chuyền: ***Tầng 3*** của Nhà xưởng 3 - Số lượng dây chuyền: 11 - Số lượng hệ thống thu gom, xử lý khí thải:
4	Dây cáp tín hiệu (*cáp máy tính, cáp máy in, cáp USB, cáp điện*	- Công suất 31.500.000 sản phẩm/năm. - Tiến độ: Giai đoạn 2 - Vị trí đặt dây chuyền: ***Tầng 2*** của Nhà xưởng 3	- Công suất 31.500.000 sản phẩm/năm. - Tiến độ: Giai đoạn 2 - Vị trí đặt dây chuyền: ***Tầng 2*** của Nhà xưởng 3

	thoại và các hệ thống cáp tương tự)	- Số lượng dây chuyền: - Số lượng hệ thống thu gom, xử lý khí thải:	- Số lượng dây chuyền: - Số lượng hệ thống thu gom, xử lý khí thải:
5	Dây cáp truyền tín hiệu ô tô	- Công suất 6.000.000 sản phẩm/năm. - Tiến độ: Giai đoạn 2 - Vị trí đặt dây chuyền: ***Tầng 2*** của Nhà xưởng 3 - Số lượng dây chuyền: 30 - Số lượng hệ thống thu gom, xử lý khí thải:	- Công suất 6.000.000 sản phẩm/năm. - Tiến độ: Giai đoạn 2 - Vị trí đặt dây chuyền: ***Tầng 2*** của Nhà xưởng 3 - Số lượng dây chuyền: 24 - Số lượng hệ thống thu gom, xử lý khí thải:
6	Sản phẩm điện tử thông minh	- Công suất 2.000.000 sản phẩm/năm. - Tiến độ: Giai đoạn 2 - Vị trí đặt dây chuyền: ***Tầng 3*** của Nhà xưởng 3 - Số lượng dây chuyền: 12 - Số lượng hệ thống thu gom, xử lý khí thải:	- Công suất 2.000.000 sản phẩm/năm. - Tiến độ: Giai đoạn 2 - Vị trí đặt dây chuyền: ***Tầng 3*** của Nhà xưởng 3 - Số lượng dây chuyền: 16 - Số lượng hệ thống thu gom, xử lý khí thải:
7	Sản phẩm phẩm máy móc thiết bị điện vệ sinh, làm sạch	- Công suất 2.000.000 sản phẩm/năm. - Tiến độ: Giai đoạn 2 - Vị trí đặt dây chuyền: ***Tầng 3*** của Nhà xưởng 3 - Số lượng dây chuyền: 13 - Số lượng hệ thống thu gom, xử lý khí thải:	- Công suất 2.000.000 sản phẩm/năm. - Tiến độ: Giai đoạn 2 - Vị trí đặt dây chuyền: ***Tầng 3*** của Nhà xưởng 3 - Số lượng dây chuyền: 14 - Số lượng hệ thống thu gom, xử lý khí thải:

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

Thuyết minh chi tiết về quy trình sản xuất như sau:

a. Quy trình dán linh kiện bảng mạch (tạo bán sản phẩm, phục vụ lắp các thiết bị điện tử), trường hợp hàn dán tự động bằng máy móc:

Dán linh kiện bảng mạch là một công đoạn tạo bán sản phẩm, mục đích là gắn các loại linh kiện điện phù hợp (tụ điện, pin, cảm biến, đèn tín hiệu, mạch điều khiển…) lên các tầm bảng mạch PCBA đã được in tạo ra các bảng mạch linh kiện hoàn chỉnh phục vụ lắp ráp. Dự án không thực hiện các quy tình in bảng mạch bằng hóa chất.

Công đoạn dán linh kiện lên các tấm bảng mạch trơn đã in sẵn (PCBA) được thực hiện chủ yếu bằng phương pháp tự động trong các máy dán linh kiện SMT chuyên dụng. Trong một số trường hợp, khi mối hàn tự động bị lỗi, hoặc một số linh kiện đặc thù không phù hợp để hàn dán tự động, công nhân vận hành sẽ chuyển các bảng mạch này đến dây chuyền sản xuất, lắp ráp sản phẩm chính để hàn lại bằng phương pháp thủ công. Công đoạn hàn thủ công này được thực hiện ở tùng phân xưởng sản xuất các thiết bị cụ thể, tại tầng 1 (dự kiến lắp đặt, chưa lắp đặt máy móc thiết bị), tầng 2 và tầng 3 của Nhà xưởng 3.

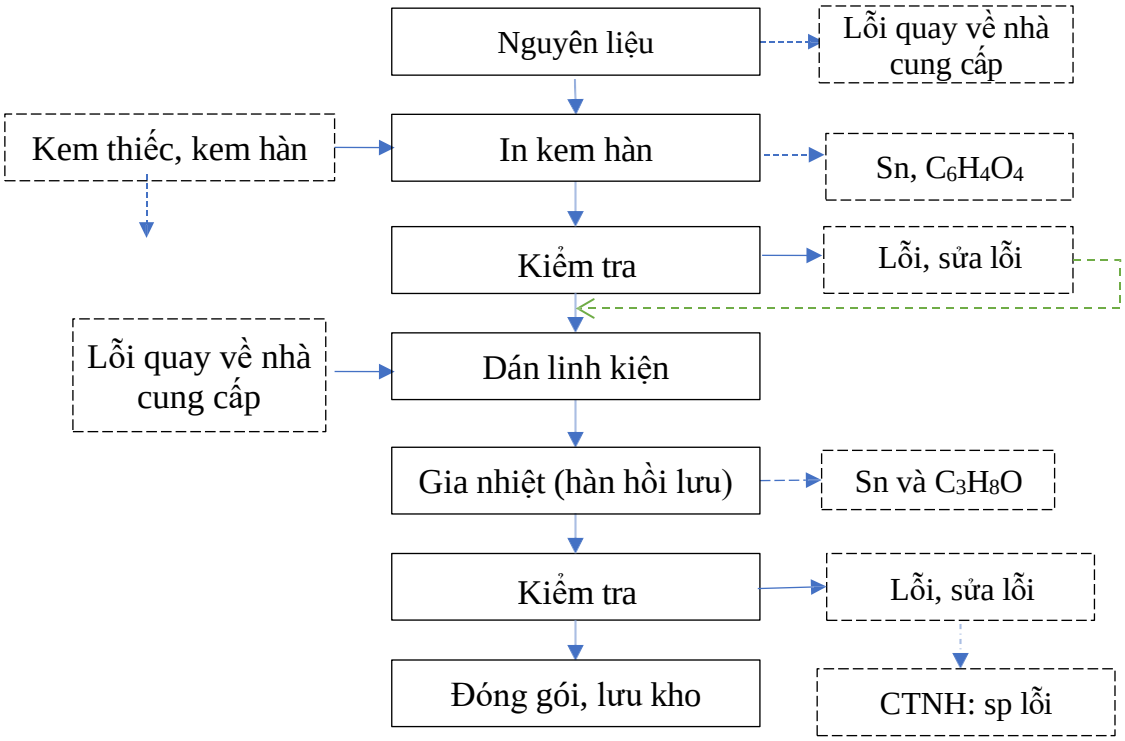

Hình 1. 8. Sơ đồ khối quy trình hàn dán linh kiện bảng mạch tự động

*** Thuyết minh quy trình dán linh kiện bảng mạch (SMT):**

- Bước 1: Nguyên liệu đầu vào là bảng mạch trơn PCBA đã được in sẵn, linh kiện nhập mua sẵn từ nhà cung cấp. Nguyên liệu được kiểm tra ngoại quan đầu vào, nếu lỗi thì trả lại nhà cung cấp và đổi lô nguyên liệu mới, nếu đạt thì cung cấp cho chuyền sản xuất.

- Bước 2: In kem hàn: Bảng mạch PCBA được vệ sinh sạch để loại bỏ các bụi bẩn, sau đó được quét kem hàn lên trên bảng mạch trần (PCBA) vào các vị trí đã được thiết kế và in có mạ sẵn chân hàn. Công đoạn này được thực hiện tự động bằng hệ thống máy quét kem hàn tự động. Kem hàn có dạng bột nhão, tính bám dính cao nên dễ dàng bám dính lên bề mặt của tấm PCBA (là các bảng mạch trơn đã được in sẵn các mạch in). Công đoạn quét kem hàn được thực hiện tự động bằng máy quét kem hàn tự động khép kín. Công đoạn này phát sinh khí thải từ hơi kem hàn.

- Bước 3: Kiểm tra: Mục đích để kiểm tra vị trí kem hàn đã đúng chưa, nếu lệch vị trí, bảng mạch được kiểm tra bằng máy Xray để xác định chính xác lỗi, cách khắc phục là bảng mạch được vệ sinh để loại bỏ lớp kem hàn, tuần hoàn lại công đoạn quét kem hàn, thực hiện kiểm tra cho đến khi đạt. Hoạt động quét kem hàn được thực hiện tự động, đồng bộ bằng máy vì vậy tỉ lệ xảy ra lỗi rất nhỏ, tối đa 0,1% nguyên liệu đầu vào. Toàn bộ sản phẩm lỗi của công đoạn này được tuần hoàn lại công đoạn trước để thực hiện sửa lỗi không phát thải ra môi trường.

- Bước 4: Dán linh kiện: Sau khi kem hàn được phủ lên trên bề mặt, bảng mạch sẽ được chuyển sang máy gắn linh kiện. Máy gắn linh kiện được điều khiển tự động sẽ gỡ các linh kiện trên khay chứa và đặt chúng lên trên bề mặt PCBA ở nơi được quét kem hàn. Các linh kiện ở mặt dưới của bảng mạch được gắn lên trước. Sau đó bảng mạch được lật lại và máy gắn linh kiện thực hiện nốt các công đoạn còn lại trên bề mặt bảng mạch. Chỉ là thao tác không phát sinh khí thải.

- Bước 5: Gia nhiệt (hàn): Sau khi quá trình gắp, gắn linh kiện hoàn tất, bảng mạch được chuyển tới hệ thống máy hàn. Đầu tiên các bảng mạch tiến vào vùng gia nhiệt sơ bộ nơi mà ở đó nhiệt độ của bảng mạch và các linh kiện tương đối đồng đều và được nâng lên từ từ. Bảng mạch sau đó tiến vào vùng có nhiệt độ đủ lớn để có thể làm nóng chảy các hạt vật liệu hàn có trong kem hàn, hàn các đầu linh kiện lên trên bảng mạch. Sức căng bề mặt của kem hàn nóng chảy giúp cho linh kiện không lệch vị trí, sức căng bề mặt sẽ tự động điều chỉnh linh kiện về đúng vị trí của nó. Sau đó, tấm bảng mạch được chuyển sang vùng làm mát để đông cứng cố định vị trí hàn. Quá trình gia nhiệt phát sinh khí thải từ kem hàn. Công đoạn hàn được thực hiện bằng lò hàn SMT gia nhiệt đối lưu 12 vùng tự động khép kín.

Tai Dự án, các máy hàn dán linh bảng mạch tự động được đặt trên tầng 4 của Nhà xưởng 3, hệ thống máy móc tự động và khép kín từ bước làm sạch bảng mạch, quét kem hàn, kiểm tra và gia nhiệt (hàn). Mỗi máy hàn dán tự động được kết nối với 1 đầu hút của hệ thống thu gom khí thải tại tầng 4.

- Bước 6: Kiểm tra: Bảng mạch được chuyển tới máy kiểm tra AOI quang học. Bằng cách chụp ảnh và phân tích hình ảnh, AOI có thể xác định các lỗi như lắp linh kiện sai vị trí, linh kiện thiếu sót, hàn không đúng cách, hàn chập chững, hay ngắn mạch. Các thiết bị này cho phép phát hiện lỗi vị trí, lỗi tiếp xúc của các mối liên kết. Các hoạt động sản xuất được thực hiện tự động vì vậy tỉ lệ xảy ra lỗi sản phẩm là rất nhỏ. Sản phẩm lỗi

được phân loại sửa lỗi, các sản phẩm không thể sửa lỗi khoảng (tối đa chỉ khoảng 1%.) sẽ được quản lý lưu chứa tại kho CTNH;

- Bước 7: Đóng gói, lưu kho: sản phẩm đạt yêu cầu sẽ đóng gói, lưu kho để sản xuất các sản phẩm khác.

*** Các nguồn thải:**

- Khí thải: từ quá trình gia nhiệt (Sn, Cu, $C_6H_4O_4$, C_3H_8O)

- CTR: bao bì đựng linh kiện (khay nhựa, nilon, cuộn nhựa, palet hư hỏng…).

- CTNH: kem hàn thải, bao bì đựng kem hàn, bảng mạch PCBA thải (tổng cho khối lượng lỗi thải).

*** Danh mục máy móc thiết bị phục vụ hàn dán bảng mạch tự động tại Dự án**

Bảng 1. 5. Danh mục máy móc thiết bị của quy trình hàn dán tự động

STT	Loại máy móc thiết bị	Số lượng			Xuất xứ	Ghi chú
		Theo QĐ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM	Điều chỉnh theo phương án đề xuất cấp GPMT	Thực tế đã lắp đặt		
1	Máy in	24	28	16	Nhật	Mới 100%
2	Máy test kem hàn SPI	24	28	12	TQ/Nhật	Mới 100%
3	Máy dán linh kiện	96	28	24	Nhật	Mới 100%
4	Máy hàn buồng nhiệt	24	28	13	TQ	Mới 100%

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

Số lượng cụ thể các bàn thao tác có hoạt động hàn thủ công như sau:

- 1 khu vực hàn tay bố trí theo dây chuyền có 6 bàn thao tác tại khu vực sản xuất camera và sản phẩm quang học ở tầng 3.

- 1 khu vực hàn tay bố trí theo 4 dây chuyền có tổng 40 bàn thao tác tại khu vực sản xuất thiết bị quét sàn.

- 1 khu vực kiểm tra mối hàn và hàn tay bố trí theo 2 dây chuyền có tổng 40 bàn thao tác tại khu vực sản xuất trên tầng 4.

Sơ đồ layout bố trí máy móc thiết bị khu vực hàn dán linh kiện bảng mạch tại tầng 4 của Nhà xưởng 3 như sau:

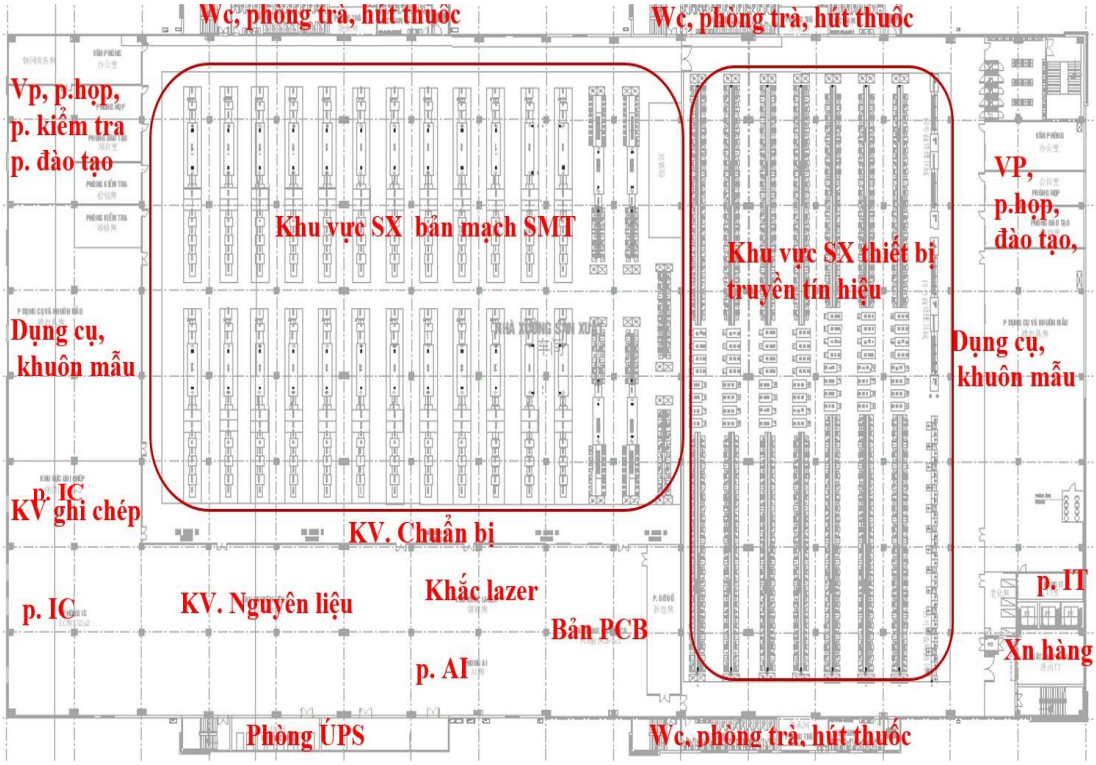

Hình 1. 9. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc tầng 4 của Nhà xưởng 3 theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt

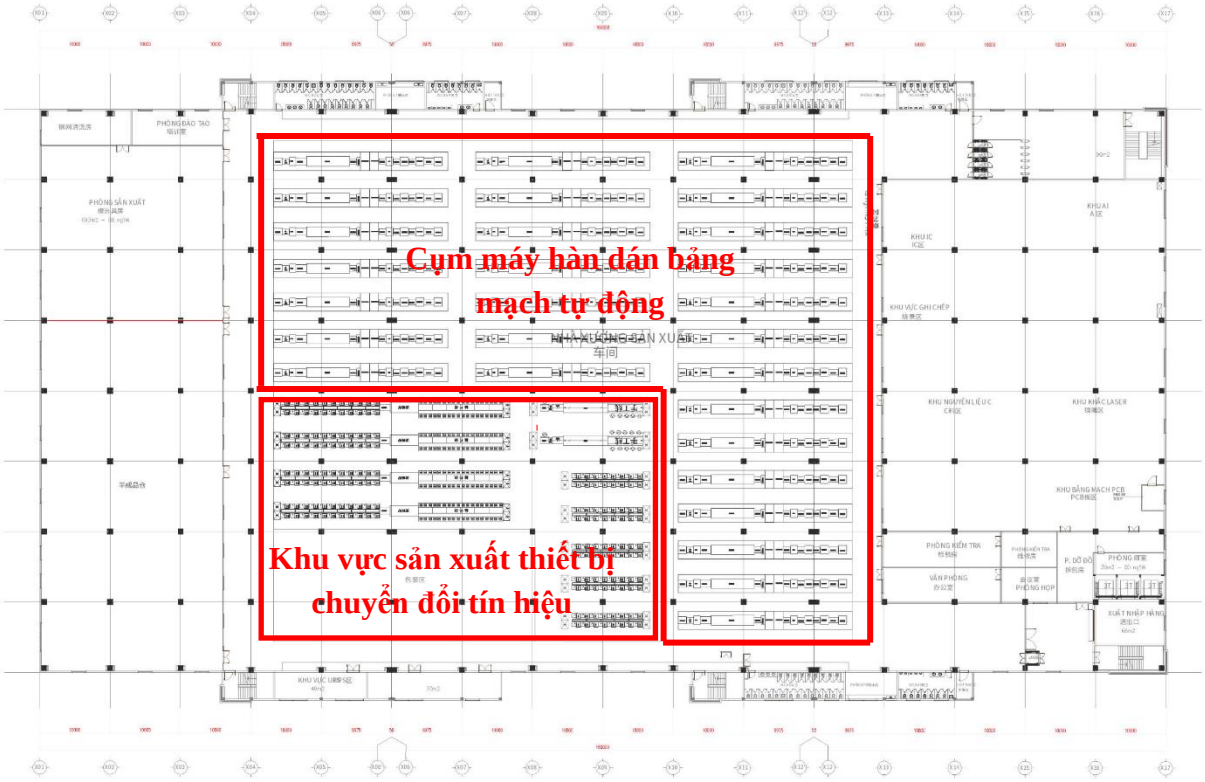

Hình 1. 10. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc tầng 4 của Nhà xưởng 3 theo hiện trạng thực tế đã lắp đặt

b. Quy trình sản xuất sản phẩm nguồn điện và thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô:

Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kết quả thẩm định, phân xưởng sản phẩm nguồn điện và thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô được thực hiện tại tầng 3 của Nhà xưởng 3, thực tế nay được bố trí tại tầng 1 của Nhà xưởng 3, hiện đã lắp đặt các đường ống chờ và bàn thao tác, chưa lắp đặt máy móc thiết bị sản xuất. Quy trình sản xuất như sau:

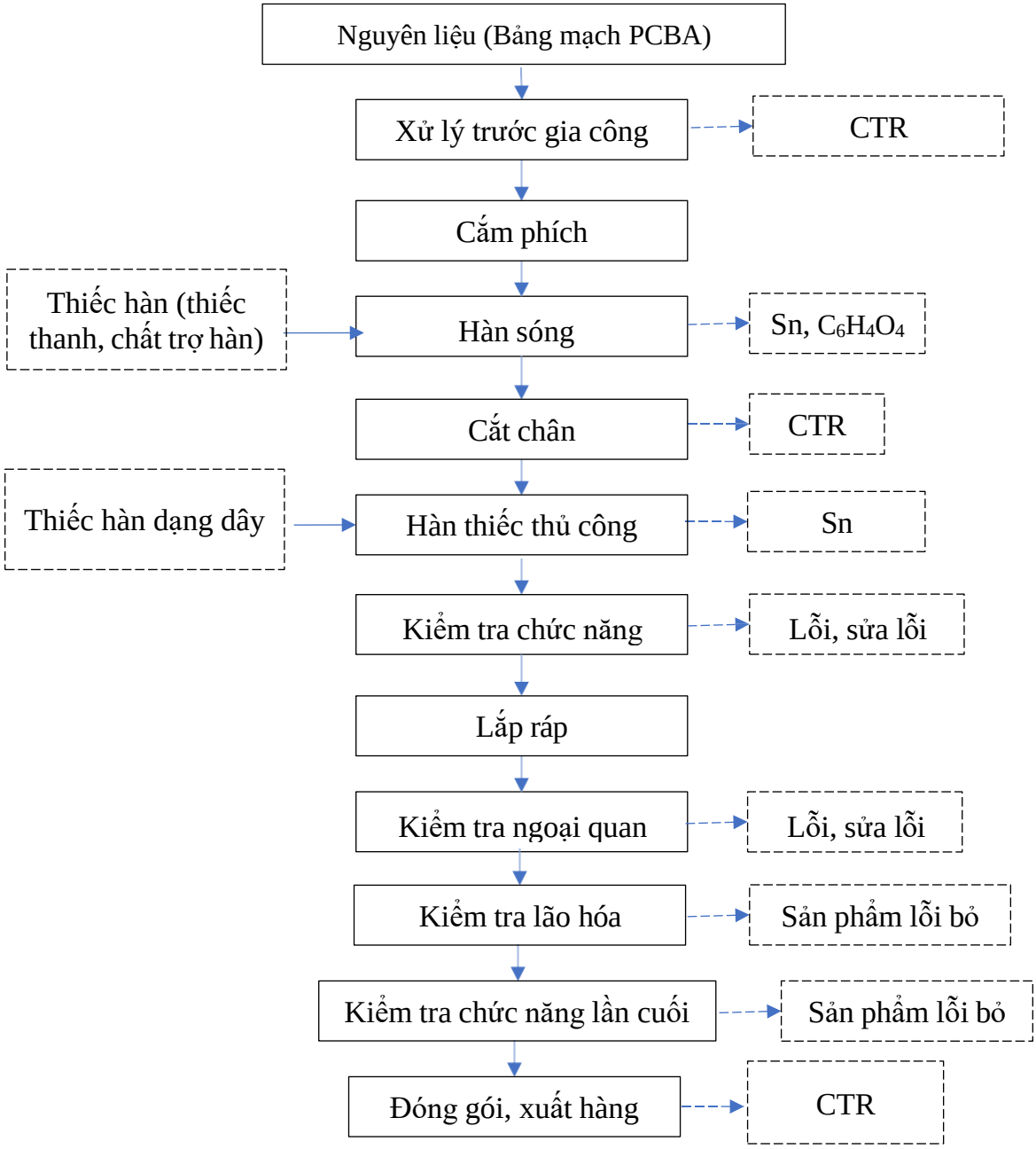

Hình 1. 11. Sơ đồ quy trình sản xuất thiết bị nguồn điện và thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô

*** Thuyết minh quy trình:**

- Bước 1: Chuẩn bị nguyên liệu: Nguyên liệu đầu vào của quy trình là các vỏ nhựa đã được hoàn thiện, bảng mạch đã gắn lin kiện, các linh kiện khác (tụ điện, pin, đèn led, cảm biến…)

- Bước 2: Xử lý trước gia công: Theo các yêu cầu của quá trình cắm, chân của linh kiện (tụ điện, đầu cổng kết nối, đèn led…) được cắt/ uốn chân theo kích thước yêu cầu để phục vụ lắp ráp.

- Bước 3: Cắm phích: Các linh kiện được chèn vào các vị trí trên bảng mạch PCBA tương ứng theo yêu cầu của sản phẩm

- Bước 4: Hàn sóng: Sau khi quá trình gắn linh kiện hoàn tất, bảng mạch được chuyển tới hệ thống máy hàn. Đầu tiên các bảng mạch tiến vào vùng gia nhiệt sơ bộ nơi mà ở đó nhiệt độ của bảng mạch và các linh kiện tương đối đồng đều và được nâng lên từ từ. Bảng mạch sau đó tiến vào vùng có nhiệt độ đủ lớn để có thể làm nóng chảy các hạt vật liệu hàn có trong kem hàn, hàn các đầu linh kiện lên trên bảng mạch. Sức căng bề mặt của kem hàn nóng chảy giúp cho linh kiện không lệch vị trí, sức căng bề mặt sẽ tự động điều chỉnh linh kiện về đúng vị trí của nó. Sau đó, tấm bảng mạch được chuyển sang vùng làm mát để đông cứng cố định vị trí hàn.

- Bước 5: Cắt chân: Sau khi hàn, các phần chân thừa của các bộ phận sẽ được cắt theo kích thước yêu cầu của sản phẩm.

- Bước 6: Hàn thiếc thủ công: Sản phẩm sau khi qua lò hàn sóng sẽ được kiểm tra ngoại quan mối hàn và tiến hành hàn bù thủ công bằng dây thiếc hàn đối với mối hàn chưa đạt yêu cầu.

- Bước 7: Kiểm tra chức năng: Sau khi hoàn thành công đoạn hàn các linh kiện vào bảng mạch, bộ phận kiểm tra sẽ kiểm tra chức năng sơ bộ đảm bảo chất lượng của sản phẩm.

- Bước 8: lắp ráp: Lắp ráp các chi tiết với nhau theo yêu cầu sản phẩm. Thực hiện lắp ráp hoàn chỉnh máy theo tiêu chuẩn SOP của nhà máy. Lắp ráp các bộ phận lại với nhau, sử dụng ốc vít để kết nối các bộ phận, dây cáp, pin để tạo thành sản phẩm hoàn thiện.

- Bước 9: Kiểm tra ngoại quan: Công nhân thực hiện kiểm tra ngoại quan sản phẩm: mẫu mã, hình dáng … Hàng lỗi thải bỏ (tỉ lệ chiếm 1%)

- Bước 10: Kiểm tra chức năng lần cuối. Sau khi hoàn tất quá trình lão hóa, tiến hành kiểm tra toàn bộ các chức năng của sản phẩm lần cuối. Hàng lỗi thải bỏ chiếm tối đa không quá 1% sản phẩm.

- Bước 11: Sản phẩm đạt yêu cầu được chuyển qua công đoạn đóng gói, lưu kho và xuất hàng.

*** Các nguồn thải:**

- Bụi, khí thải: từ quá trình hàn sóng và hàn thiếc thủ công.

- CTR: chân linh kiện, bao bì đóng gói lỗi.

- CTNH: Sản phẩm lỗi hỏng từ quá trình kiểm tra.

*** Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất**

Bảng 1. 6. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm nguồn điện và Thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô

STT	Loại máy móc thiết bị	Số lượng			Xuất xứ	Ghi chú
		Theo QĐ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM	Điều chỉnh theo phương án đề xuất cấp GPMT	Thực tế đã lắp đặt		
1	Máy cắt chân	6	8		TQ	Mới 100%
2	Máy uốn chân linh kiện	6	8		TQ	Mới 100%
3	Máy hàn sóng	26	2	1	TQ	Mới 100%
4	Máy hàn tay	240	240	26	TQ	Mới 100%
5	Máy kiểm tra chức năng	144	24	10	TQ	Mới 100%
6	Máy lão hóa (test tuổi thọ)	124	124		TQ	Mới 100%
7	Máy hút ẩm	20	24		TQ	Mới 100%

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

Thực tế, Chủ dự án đã lắp đặt một số máy móc thiết bị của các dây chuyền này để thực hiện sản xuất nguồn điện là linh kiện cho việc lắp đặt các sản phẩm điện tử thông minh, các sản phẩm máy hút bụi…, nội dung điều chỉnh được đăng ký theo layout mặt bằng bố trí máy móc thiết bị kèm theo bản vẽ hoàn công của hệ thống đường ống chờ hệ thống thu gom, và xử lý khí thải tại tầng 1 của Nhà xưởng 3.

Sơ đồ layout bố trí máy móc thiết bị khu vực sản xuất sản phẩm nguồn điện và thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô tại Nhà xưởng 3 như sau:

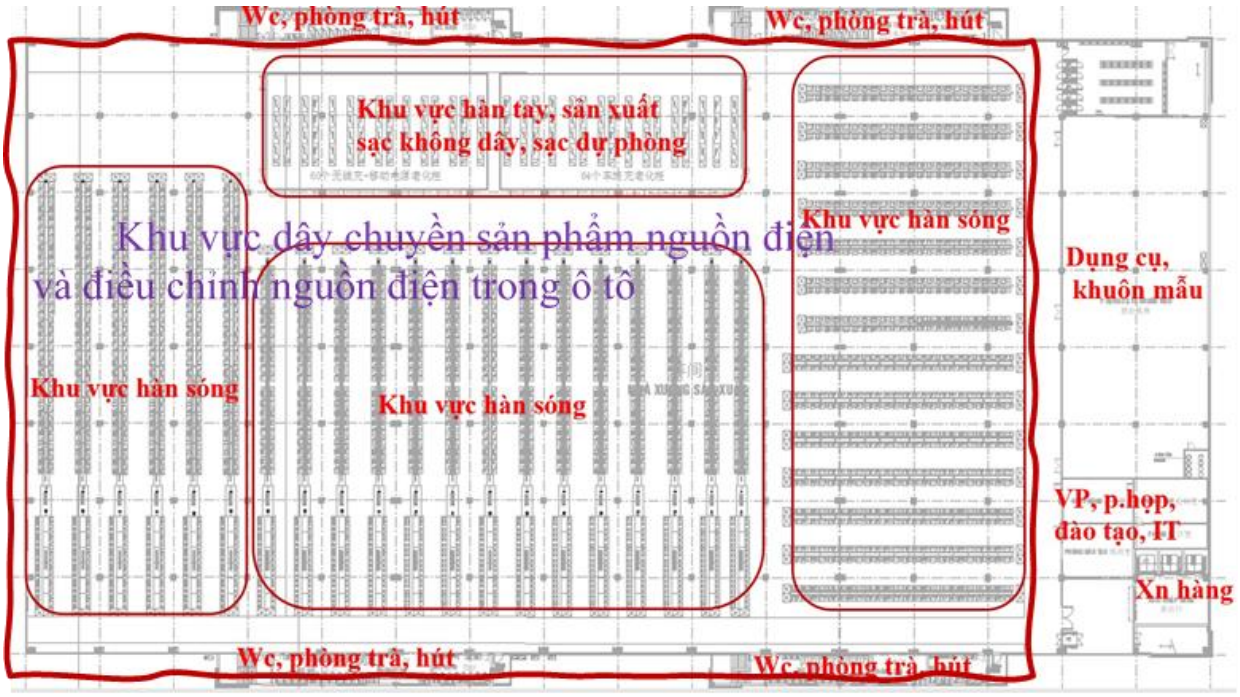

Hình 1. 12. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc các dây chuyền sản xuất sản phẩm nguồn điện và thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt (tại tầng 3 của Nhà xưởng 3)

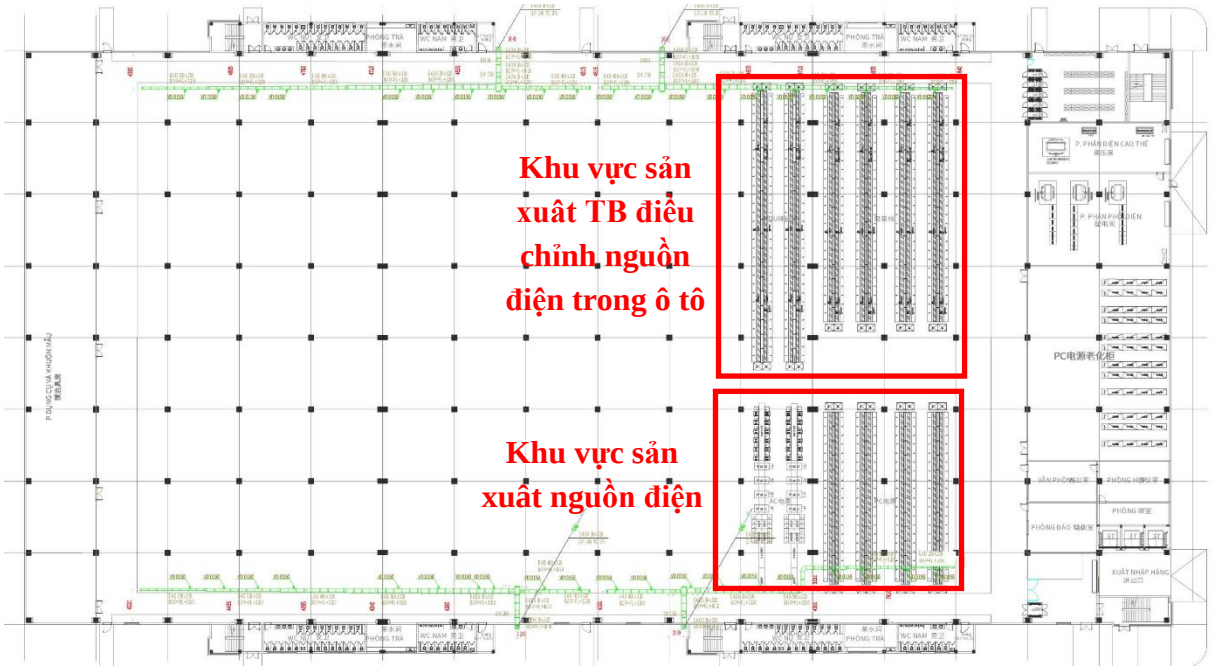

Hình 1. 13. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc các dây chuyền sản xuất sản phẩm nguồn điện và thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô dự kiến thực hiện (tại tầng 1 của Nhà xưởng 3)

c. Quy trình sản xuất sản xuất sản phẩm chuyển đổi tín hiệu:

Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kết quả thẩm định, phân xưởng sản xuất sản phẩm chuyển đổi tín hiệu được thực hiện tại tầng 04 của Nhà xưởng 3, thực tế nay được bố trí tại tầng 4 của Nhà xưởng 3, hiện đã lắp đặt các một số máy móc thiết bị. Quy trình sản xuất như sau:

*** Thuyết minh quy trình sản xuất:**

- Bước 1: Chuẩn bị nguyên liệu: Nguyên liệu đầu vào là các bảng mạch đã gắn linh kiện từ nhà máy, dây điện, dây cáp và hạt nhựa.

- Bước 2: Tuốt vỏ dây và khắc logo: Công nhân thực hiện tuốt vỏ đầu dây điện, dây cáp đã lắp lõi dây sau đó đưa vào gia công và khắc logo lên bề mặt sản phẩm bằng công nghệ khắc laser. Công đoạn phát sinh chất thải rắn (đầu vỏ dây tuốt ra).

- Bước 3: Lắp rắc cắm: Dây điện, dây cáp sau khi tuốt vỏ được lắp vào giắc cắm nhờ có định hình đầu dây.

- Bước 4: Lắp vỏ kim loại: Vỏ kim loại được lắp bao bên ngoài để bảo vệ giắc cắm.

- Bước 5: Đúc ép nhựa: Nhà máy sử dụng máy ép nhựa. Trong máy ép nhựa, hạt nhựa sẽ được gia nhiệt đến nhiệt độ khoảng 170 - 190°C để làm nóng chảy và chuyển sang dạng dẻo, sau đó được rót vào phễu khuôn mẫu đặt ở sàn trong máy (máy đóng

băng, nguyên khối). Từ phễu được piston của khuôn ép làm đẩy vào phễu và sản phẩm được thành hình tương ứng trong khuôn mẫu. Hơi từ nhựa chảy hạt nhựa và chất hóa dẻo chảy nhựa (vinyl chloride C_6H_5Cl, dioctyl phthalate $C_{24}H_{38}O_4$).

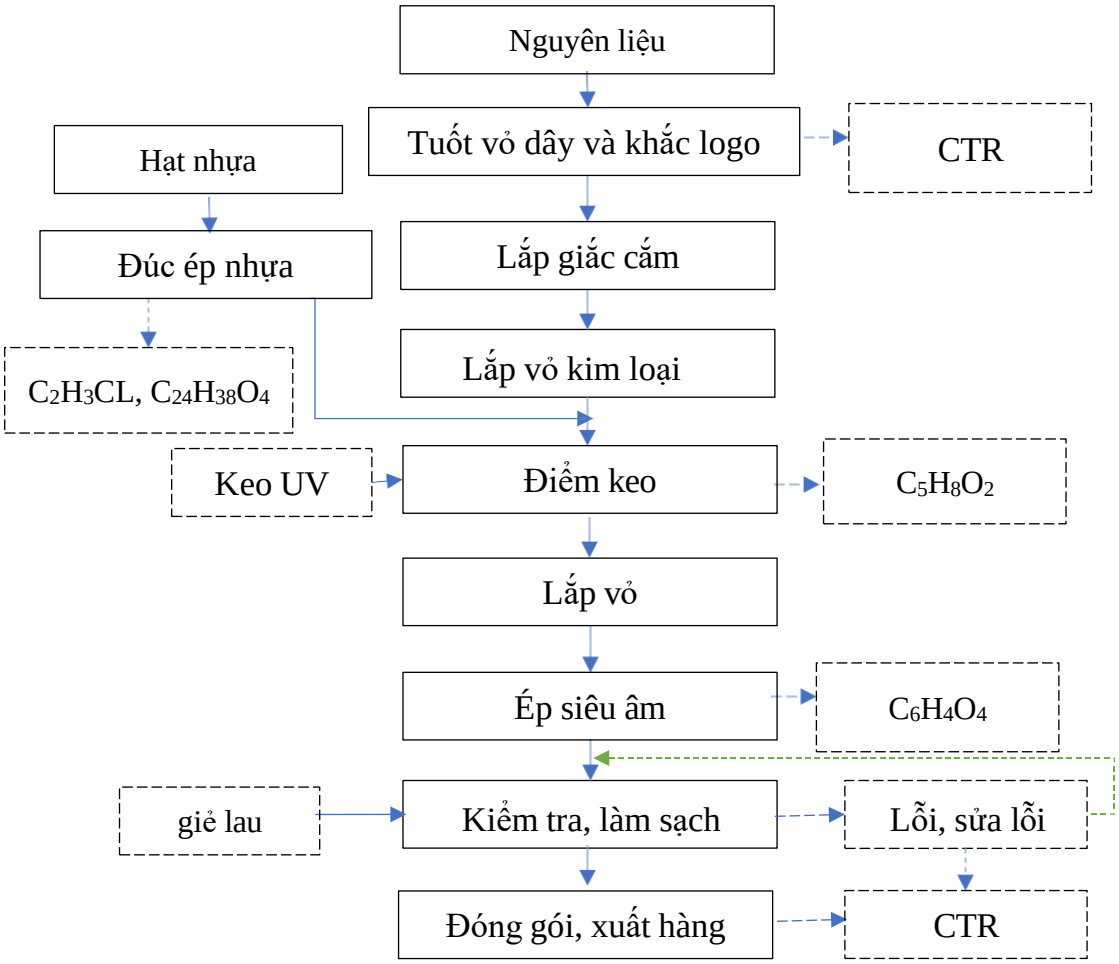

Hình 1. 14. Sơ đồ quy trình sản xuất các thiết bị chuyển đổi tín hiệu

Nước làm mát được chảy bên ngoài khuôn dẫn. Sau quá trình làm nguội, nước đi ra có nhiệt độ cao khoảng 34-36°C được chảy qua tháp giải nhiệt và quay về bể làm mát. Nước làm mát sẽ được tuần hoàn lại quy trình sản xuất sau khi giải nhiệt. Năng lượng và nhiên liệu sử dụng trong quá trình này là điện và nước. Quá trình này không sử dụng hóa chất, giải nhiệt tự nhiên do chênh lệch nhiệt độ.

- **Bước 6:** Điểm keo: Keo được công nhân điểm vào các vị trí mối hàn để bảo vệ điểm hàn.

- **Bước 7:** Lắp vỏ: Vỏ được công nhân gắn thủ công vào đầu giắc cắm bằng ốc vít.

- **Bước 8:** Ép siêu âm. Dây dây sau khi được lắp ráp bên ngoài, được đưa vào máy ép siêu âm để gắn chặt 2 miếng lại với nhau.

- **Bước 9:** Kiểm tra, làm sạch: Thực hiện kiểm tra ngoại quan sản phẩm, kiểm tra tuổi thọ và toàn bộ tính năng của sản phẩm. Sản phẩm lỗi được phân loại nếu có thể sửa chữa thì quay lại công đoạn, nếu không thải bỏ - tỷ lệ lỗi bỏ tối đa 1%.

- Bước 10: Đóng gói, lưu kho và xuất hàng: Sản phẩm đạt được chuyển qua công đoạn đóng gói, lưu kho và xuất hàng.

*** Các nguồn thải:**

- Bụi, khí thải: Hơi VOC từ quá trình ép nhựa, hơi keo từ quá trình điểm keo.

- CTR: Vỏ dây điện từ quá trình tuốt vỏ, bao bì đóng gói lỗi.

- CTNH: Sản phẩm lỗi hỏng từ quá trình kiểm tra;

*** Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất:**

Bảng 1. 7. Danh mục máy móc thiết bị đã lắp đặt của dây chuyền sản sản phẩm chuyển đổi tín hiệu

STT	Loại máy móc thiết bị	Số lượng			Xuất xứ	Ghi chú
		Theo QĐ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM	Điều chỉnh theo phương án đề xuất cấp GPMT	Thực tế đã lắp đặt		
1	Máy bóc vỏ	2	5		TQ	Mới 100%
2	Máy Laser (khắc logo sản phẩm)	39	48	3	TQ	Mới 100%
3	Máy hàn đầu giắc (dùng nhiệt nóng chảy)	28	48	10	TQ	Mới 100%
4	Máy chấm keo (keo UV)	14	48	11	TQ	Mới 100%
5	Máy đúc ép nhựa (tạo hình đầu kết nối)	56	56		TQ	Mới 100%
6	Máy hàn siêu âm (dùng sóng để tạo độ rung kết dính 2 vỏ nhựa)	6	12		TQ	Mới 100%
7	Máy kiểm tra	28	28	5	TQ	Mới 100%
8	Máy kiểm tra lão hóa (test tuổi thọ)	4	4		TQ	Mới 100%

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

Sơ đồ mặt bằng bố trí máy móc thiết bị của dây chuyền sản xuất sản phẩm chuyển đổi tín hiệu theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và theo phương án lắp đặt thực tế tại tầng 4 của Nhà xưởng 3 đã được thể hiện tại Hình 1.9 và Hình 1.10 của tiểu mục a đã nêu trên.

d. Quy trình sản xuất sản phẩm cáp tín hiệu và cáp truyền tín hiệu ô tô (tại tầng 2 Nhà xưởng 3)

Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kết quả thẩm định, phân xưởng sản xuất sản phẩm cáp tín hiệu và cáp truyền tín hiệu ô tô được thực hiện tại tầng 02 của Nhà xưởng 3. Hiện nay đã lắp đặt máy móc thiết bị và dây chuyền sản xuất tại tầng 02 Nhà xưởng 3. Quy trình sản xuất như sau:

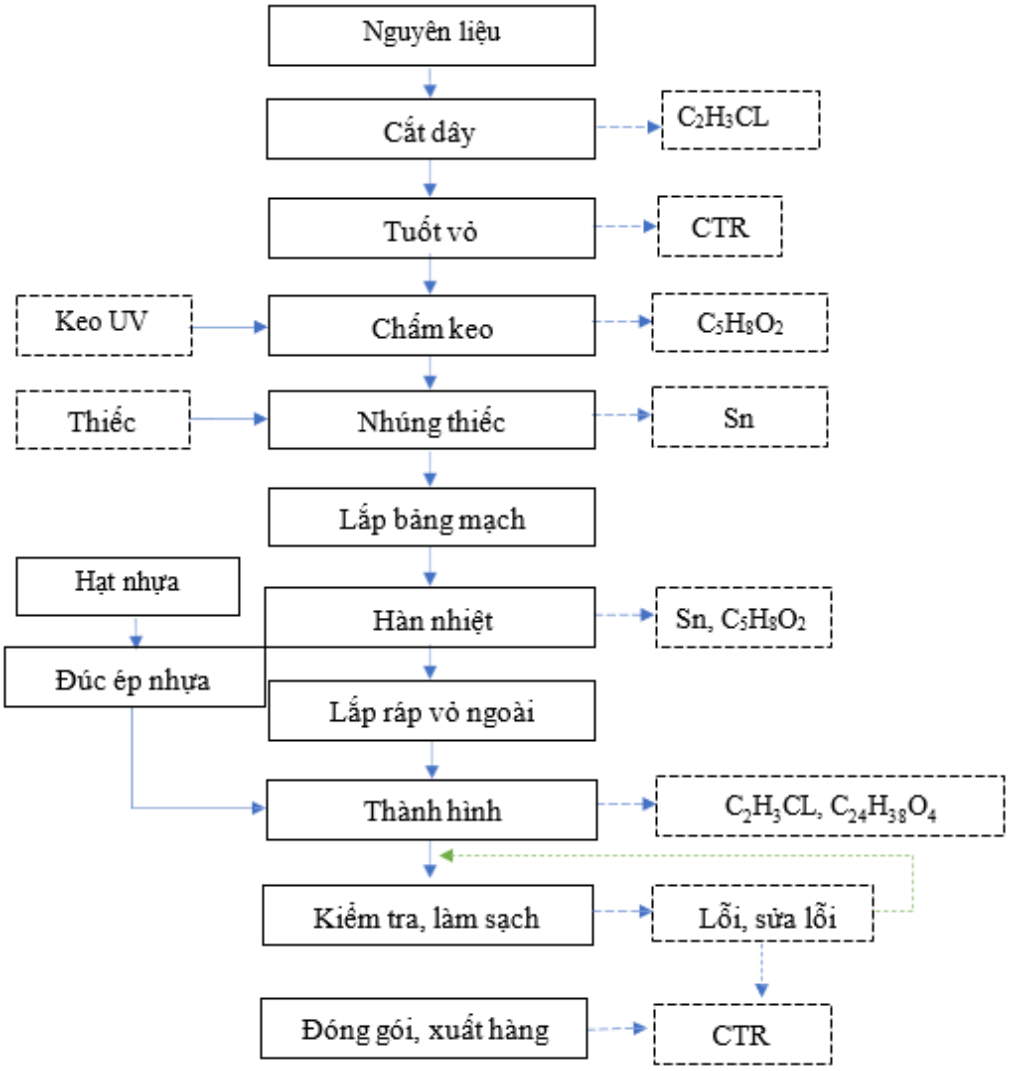

Hình 1. 15. Sơ đồ quy trình sản xuất cáp tín hiệu và cáp truyền tín hiệu ô tô

*** Thuyết minh quy trình:**

- **Bước 1**: Chuẩn bị nguyên liệu đầu vào là các cuộn dây cáp, bảng mạch được Công ty nhập từ các đơn vị cung cấp trong nước và nước ngoài.

- **Bước 2:** Cắt dây: Tùy theo chiều dài của từng sản phẩm mà dây cáp được cắt tương ứng theo kích thước yêu cầu, quá trình cắt dây cáp sử dụng nhiệt ở nhiệt độ khoảng 200^oC đến 300^oC dó đó quá trình cắt phát sinh hơi hữu cơ cần xử lý.

- **Bước 3**: Tuốt vỏ: Công nhân thực hiện tuốt vỏ đầu dây cáp để lộ ra lõi dây bên trong, sau đó sắp xếp đầu dây sau tuốt vỏ lại với nhau phát sinh vỏ tuốt.

- **Bước 4:** Chấm keo: Nhà máy sử dụng keo để cố định đầu dây sau khi đã sắp xếp nhằm dễ dàng thực hiện cho công đoạn tiếp theo. Hơi keo UV (carboxylic acid $C_5H_8O_2$).

- **Bước 5:** Nhúng thiếc: Thiếc được làm nóng chảy ở nhiệt độ 232 độ C. Tại đây lõi dây sau khi tuốt vỏ sẽ được nhúng qua thiếc để tạo điểm kết nối cho công đoạn hàn mạch phát sinh hơi thiếc.

- Bước 6: Lắp bảng mạch: Đầu dây sau khi nhúng thiếc được công nhân gắn thủ công vào bảng mạch tại các vị trí đã được đánh dấu.

- Bước 7: Hàn nhiệt: Nhà máy sử dụng dây thiếc hàn để hàn cố định các đầu dây với bảng mạch phát sinh Sn và $C_5H_8O_2$.

- Bước 8: Lắp vỏ ngoài: Vỏ ngoài được gắn vào đầu dây

- Bước 9: Thành hình: Tùy theo từng loại sản phẩm sẽ sử dụng công nghệ ép siêu âm hoặc đúc ép nhựa để tạo hình sản phẩm.

+ Ép siêu âm: Sản phẩm sau khi lắp ráp vỏ ngoài được đưa qua máy ép siêu âm để gắn kết 2 mặt vỏ lại với nhau.

+ Đúc ép nhựa: Sử dụng máy ép nhựa làm nóng chảy hạt nhựa sau đó đúc ép tạo thành hình sản phẩm. Phát sinh khí thải C_2H_3Cl, $C_{24}H_{38}O_4$.

Sản phẩm lỗi hỏng chiếm tối đa 1% bỏ thải.

- Bước 10: Đóng gói, lưu kho, xuất hàng: Sản phẩm sau khi hoàn thiện sẽ được kiểm tra, đóng gói, lưu kho và xuất hàng.

*** Các nguồn thải:**

- Bụi, khí thải: Hơi thiếc từ quá trình nhúng thiếc và hàn HB, hơi VOC từ quá trình ép nhựa, hơi keo.

- CTR: Vỏ dây điện từ quá trình tuốt vỏ, bao bì đóng gói lỗi.

- CTNH: Sản phẩm lỗi hỏng từ quá trình kiểm tra.

*** Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất:**

Bảng 1. 8. Danh mục máy móc thiết bị đã lắp đặt của dây chuyền sản xuất dây cáp tín hiệu và dây cáp tín hiệu ô tô

STT	Loại máy móc thiết bị	Số lượng			Xuất xứ	Ghi chú
		Theo QĐ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM	Điều chỉnh theo phương án đề xuất cấp GPMT	Thực tế đã lắp đặt		
1	Máy bóc vỏ	25	21		TQ	Mới 100%
2	Lò nhúng thiếc mini	47	48		TQ	Mới 100%
3	Máy laser	94	96		TQ	Mới 100%
4	Máy hàn cao tần	94	96		TQ	Mới 100%
5	Máy Hàn Hot bar 1 mặt	51	56		TQ	Mới 100%
6	Máy hàn tự động	13	0		TQ	Mới 100%
7	Máy chấm keo (keo UV)	51	0		TQ	Mới 100%
8	Máy siêu âm	5	0	2	TQ	Mới 100%
9	Máy đúc ép nhựa tạo hình	240	48		TQ	Mới 100%

STT	Loại máy móc thiết bị	Số lượng			Xuất xứ	Ghi chú
		Theo QĐ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM	Điều chỉnh theo phương án đề xuất cấp GPMT	Thực tế đã lắp đặt		
10	Máy cuộn dây sản phẩm	47	48		TQ	Mới 100%

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

Thực tế, Chủ dự án đã lắp đặt một số máy móc thiết bị của các dây chuyền này, nội dung điều chỉnh được đăng ký theo layout mật bằng bố trí máy móc thiết bị kèm theo bản vẽ hoàn công của hệ thống đường ống chờ hệ thống thu gom, và xử lý khí thải tại tầng 2 của Nhà xưởng 3. Sơ đồ layout bố trí máy móc thiết bị khu vực sản xuất dây cáp các loại tại Nhà xưởng 3 như sau:

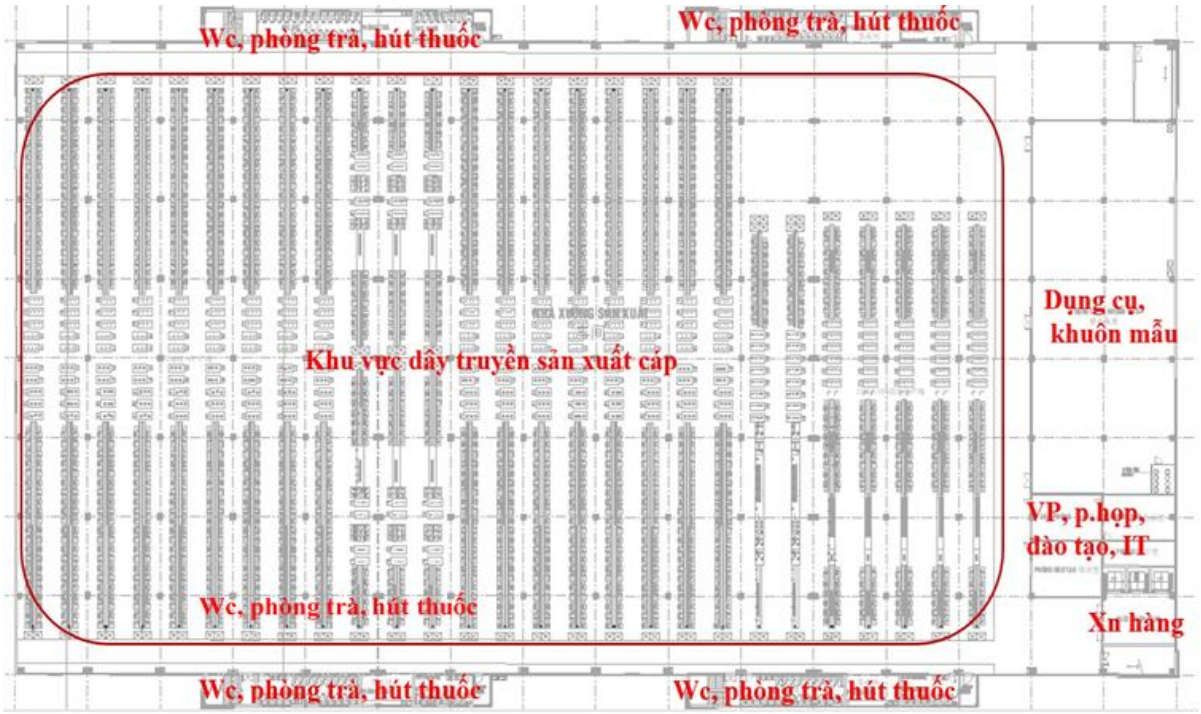

Hình 1. 16. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc các dây chuyền sản cáp theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt (tại tầng 2 của Nhà xưởng 3)

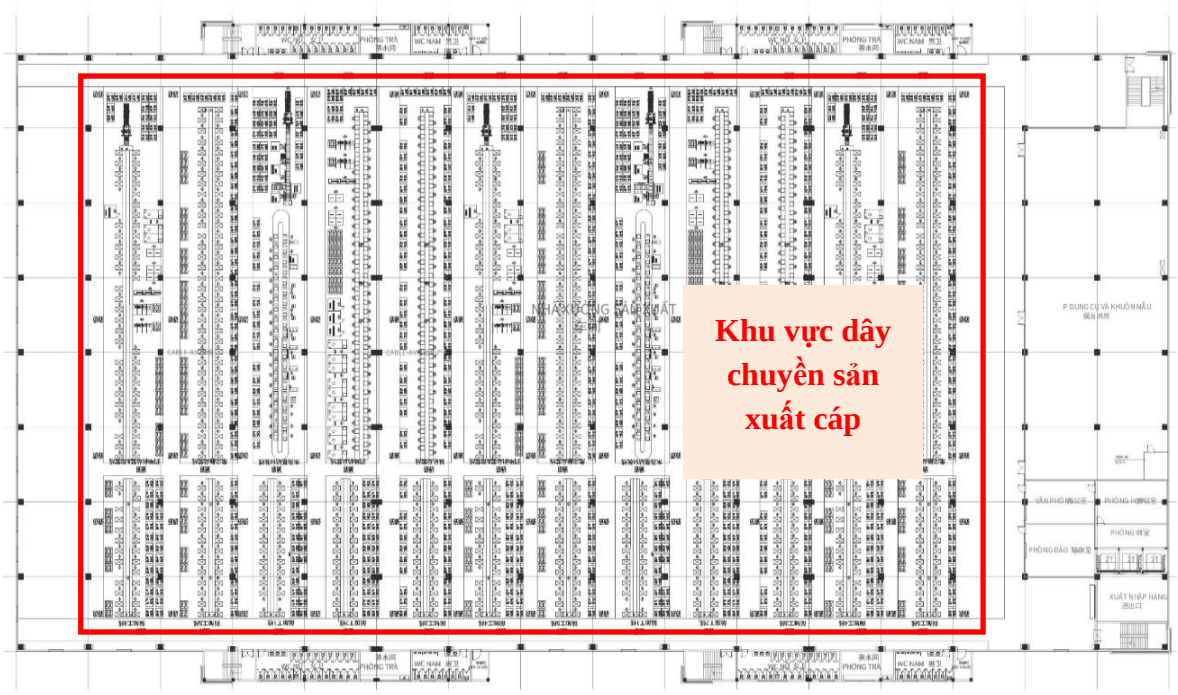

Hình 1. 17. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc các dây chuyền sản cáp theo hiện trạng thực tế bố trí (tại tầng 2 của Nhà xưởng 3)

e. Quy trình sản xuất thiết bị điện vệ sinh, làm sạch:

Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kết quả thẩm định, sản xuất thiết bị điện vệ sinh, làm sạch được thực hiện tại tầng 01 của Nhà xưởng 3, thực tế nay được bố trí tại tầng 03 của Nhà xưởng 3, hiện đã lắp đặt các một số máy móc thiết bị. Quy trình sản xuất như sau:

*** Thuyết minh quy trình:**

- **Bước 1:** Chuẩn bị nguyên liệu: Nguyên liệu đầu vào là các linh kiện, bộ phận của sản phẩm: bánh răng, dây cáp, thùng chứa, mô tơ, ổ khóa…

- **Bước 2:** Lắp bánh răng vào khung: Thực hiện qua các bước: ép trực bánh răng, khóa mô tơ chải canh, ép cạnh chải mô tơ bánh răng, lắp/khóa tấm đệm bánh răng (tự động), lắp bánh răng và bôi dầu vào bánh răng.

- **Bước 3:** Lắp dây cáp kết nối: Dây cáp kết nối được lắp vào vị trí xác định

- **Bước 4:** Lắp ráp thùng chứa: Lắp thùng chứa và kiểm tra tổ linh kiện trước va chạm, dán cao su dọc vách.

- **Bước 5:** Lắp ráp mô tơ: Thực hiện qua các bước: ấn mô tơ bánh răng, khóa mô tơ chải con lăn, khóa nắp hộp bánh răng con lăn, lắp ráp pin bên trong của con lăn.

- **Bước 6:** Hàn thủ công: Sử dụng dây thiếc hàn để hàn tại các vị trí theo hướng dẫn của từng sản phẩm.

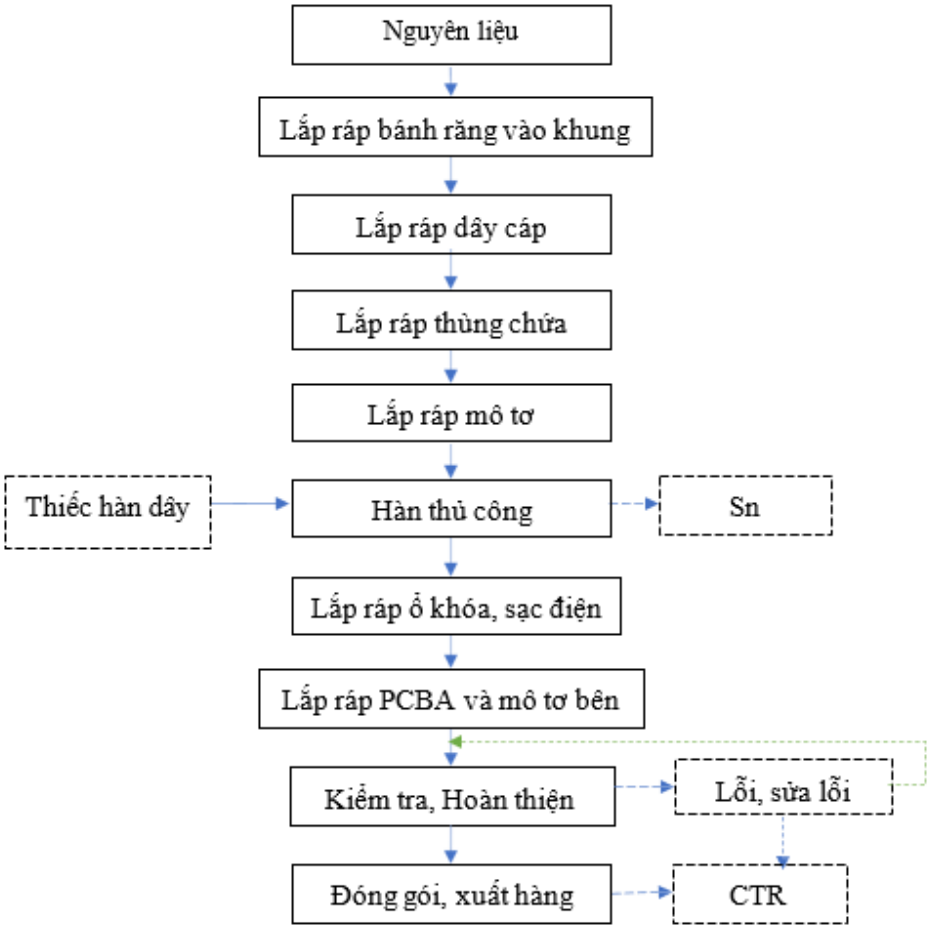

Hình 1. 18. Sơ đồ dây chuyền sản xuất thiết bị điện vệ sinh, làm sạch

- Bước 7: Lắp ráp ổ khóa và sạc điện: Kiểm tra nắp đậy, đế sạc điện. Sau đó lắp nắp đáy, khóa ốc vít nắp đáy. Cuối cùng kiểm tra lắp ráp cục nạp điện và dám tem chân nạp điện.

- Bước 8: Lắp ráp PCBA và mô tơ bên: Thực hiện qua các bước: Lắp bản PCBA va chạm, cắm dây, lắp tấm đệm giảm sóc, lắp va chạm trái/phải và cắt chân mô tơ bánh bên. Cuối cùng hàn PCBA mô tơ bánh bên.

- Bước 9: Hoàn thiện Lắp tổ linh kiện hộp ép con lăn và khó vít tự động. Kiểm tra hàng lỗi được phân loại sửa lỗi, không sửa được loại bỏ tỉ lệ tối đa là 1%.

- Bước 10: Đóng gói, xuất hàng: Sản phẩm sau khi hoàn thiện sẽ được kiểm tra, đóng gói, lưu kho và xuất hàng.

*** Các nguồn thải:**

- Bụi, khí thải: Hơi thiếc từ quá trình hàn mô tơ, hàn PCBA, hơi keo.

- CTR: Vỏ dây điện từ quá trình tuốt vỏ, bao bì đóng gói lỗi.

- CTNH: Sản phẩm lỗi hỏng từ quá trình kiểm tra.

*** Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất:**

Bảng 1. 9. Danh mục máy móc thiết bị đã lắp đặt của dây chuyền sản xuất thiết bị điện

vệ sinh, làm sạch

STT	Loại máy móc thiết bị	Số lượng		Xuất xứ	Ghi chú
		Theo QĐ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM	Điều chỉnh theo phương án đề xuất cấp GPMT		
1	Máy bắn vít tự động	12	24	TQ	Mới 100%
2	Máy kiểm tra Pin	6	12	TQ	Mới 100%
3	Máy hàn tay	120	160	TQ	Mới 100%
4	Máy khắc lasre (khắc logo)	3	6	TQ	Mới 100%
5	Máy nhỏ keo (keo UV) để cố định các linh kiện	6	6	TQ	Mới 100%
6	Máy bắn vít tự động	42	42	TQ	Mới 100%
7	Máy bắn keo (gắn các chi tiết)	56	56	TQ	Mới 100%
9	Máy hàn sóng siêu âm (làm kín vỏ thiết bị)	14	0	TQ	Mới 100%
10	Máy khắc laser (khắc logo)	21	21	TQ	Mới 100%
11	Máy kiểm tra độ kín	7	12	TQ	Mới 100%
12	Máy kiểm tra (chức năng bluetooth, chống nước, nhận diện âm thanh)	21	12	TQ	Mới 100%

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải DƯơng Việt Nam)

Sơ đồ layout bố trí máy móc thiết bị khu vực sản xuất thiết bị điện, vệ sinh, làm sạch tại Nhà xưởng 3 như sau:

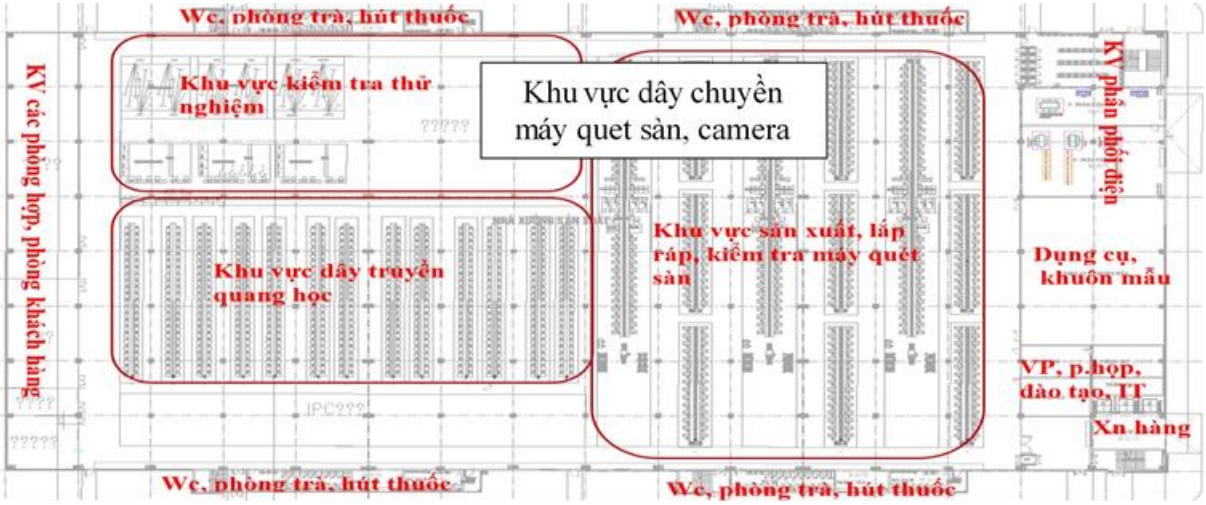

Hình 1. 19. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc các dây chuyền sản xuất thiết bị điện, vệ sinh, làm sạch theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt (tại tầng 1 của Nhà xưởng 3)

Hình 1. 20. Sơ đồ bố trí mặt bằng và máy móc các dây chuyền sản xuất thiết bị điện, vệ sinh, làm sạch thực tế (tại tầng 3 của Nhà xưởng 3)

1.3.1.3. Quy trình sản xuất thiết bị chuyển đổi năng lượng điện (tại Nhà xưởng số 4 và Nhà xưởng số 5, chưa thi công xây dựng nhà xưởng)

*** Thuyết minh quy trình:**

- **Bước 1:** Chuẩn bị nguyên liệu: Nguyên liệu đầu vào là các bán sản phẩm của Dự án là vỏ nhựa đã được in logo sản phẩm, bảng mạch đã gắn linh kiện, tụ điện, cầu chì, dây cáp, đầu cos, ống co nhiệt…

- **Bước 2:** Gia công tiền xử lý: Theo các yêu cầu của quá trình cắm, chân của linh kiện (tụ điện, đầu cổng kết nối, đèn led… được cắt/ uốn chân theo kích thước yêu cầu để phục vụ lắp ráp).

- **Bước 3:** Chấm keo: Trên các vị trí thiết kế của sản phẩm sẽ chấm keo UV, sau đó gắn tấm tản nhiệt.

- **Bước 4:** Hàn sóng: Các linh kiện như: tụ điện, cầu chì, đèn led được gắn vào bảng mạch. Sau khi quá trình gắn linh kiện hoàn tất, bảng mạch được chuyển tới hệ thống máy hàn. Đầu tiên các bảng mạch tiến vào vùng gia nhiệt sơ bộ nơi mà ở đó nhiệt độ của bảng mạch và các linh kiện tương đối đồng đều và được nâng lên từ từ. Bảng mạch sau đó tiến vào vùng có nhiệt độ đủ lớn để có thể làm nóng chảy các hạt vật liệu hàn có trong kem hàn, hàn các đầu linh kiện lên trên bảng mạch. Sức căng bề mặt của kem hàn nóng chảy giúp cho linh kiện không lệch vị trí, sức căng bề mặt sẽ tự động điều chỉnh linh kiện về đúng vị trí của nó. Sau đó, tấm bảng mạch được chuyển sang vùng làm mát để đông cứng cố định vị trí hàn.

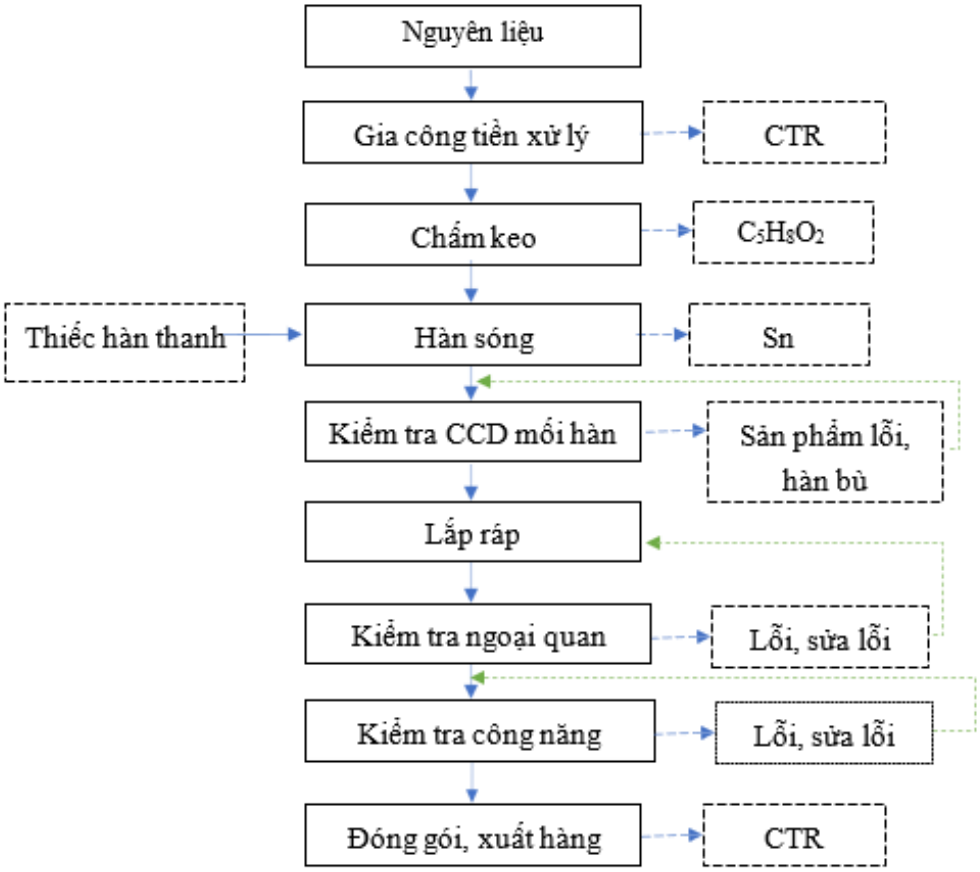

Hình 1. 21. Sơ đồ dây chuyền sản xuất thiết bị chuyển đổi năng lượng điện

- Bước 5: Kiểm tra CCD mối hàn: Sản phẩm sau khi qua lò hàn sóng sẽ được kiểm tra ngoại quan mối hàn và tiến hành hàn bù thủ công đối với mối hàn chưa đạt yêu cầu và tiếp tục lắp ráp.

- Bước 6: Lắp ráp: Lắp ráp các bộ phận điện tử với vỏ thiết bị để tạo thành sản phẩm hoàn thiện,

- Bước 7: Kiểm tra ngoại quan: Kiểm tra ngoại quan sản phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo đúng yêu cầu. Nếu có lỗi tiến hành phân loại lỗi và sửa lỗi.

- Bước 8: Kiểm tra công năng: Thực hiện kiểm tra các tính năng của sản phẩm đảm bảo chất lượng sản phẩm theo đúng yêu cầu

- Bước 9: Đóng gói, xuất hàng: Sản phẩm sau khi hoàn thiện sẽ được kiểm tra, đóng gói, lưu kho và xuất hàng. Hàng lỗi được phân loại sửa lỗi, không sửa được loại bỏ tỉ lệ tối đa là 1%.

Các sản phẩm sẽ được sản xuất tại Nhà xưởng 4 và Nhà xưởng 5 trong giai đoạn 3 của Dự án.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu, phương án, kế hoạch, lộ trình giảm tỷ lệ phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

Chủ dự án đề xuất cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn III của Giai đoạn thi công xây dựng, phạm vi gồm các hoạt động:

+ Thi công xây dựng các hạng mục, công trình của giai đoạn 3.

+ Hoạt động sản xuất giai đoạn 1 + 2 đối với các dây chuyền đã lắp đặt máy móc thiết bị sản xuất và thiết bị xử lý khí thải, nước thải.

1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, nhân công phục vụ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của giai đoạn 3

1.4.1.1. Nhu cầu sử dụng nhân lực

Dự kiến thi công xây dựng giai đoạn 3 trong 06 tháng, nhu cầu sử dụng công nhân thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị là 60 người, chế độ lao động là 01 ca/ngày và 8 giờ/ca.

1.4.1.2. Nhu cầu sử dụng vật liệu và máy móc thiết bị xây dựng

a. Nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng

Nhu cầu sử dụng nguyên liệu xây dựng các hạng mục nhà máy trong giai đoạn 3:

Bảng 1. 10. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu xây dựng phục vụ thi công xây dựng giai đoạn 3 của Dự án

TT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng	Hệ số quy đổi (*)	Khối lượng (tấn)
1	Đá dăm 0,5-2mm	m^3	1.240	1,55 tấn/m^3	1.922
2	Cát (M=1,5-2)	m^3	967	1,38 tấn/m^3	1.334,46
3	Cát (M<0,7)	m^3	965	1,2 tấn/m^3	1.158
4	Xi măng PC30	tấn	1.775	-	1.775
5	Bê tông thương phẩm	m^3	9.421	2,35 tấn/m^3	22.139,40
6	Gạch các loại	tấn	353		353
7	Que hàn	tấn	0,87	-	0,87
8	Sắt, thép các loại	tấn	850	-	850
9	Tôn lợp	tấn	139		139
10	Sơn	tấn	8,8	-	8,8
16	Thiết bị điện và phụ kiện	tấn	1,2	-	1,2
18	Ống các loại dùng cho cấp thoát nước	tấn	0,2	-	0,2
19	Vật tư, thiết bị phụ trợ khác (cửa sổ, cửa đi…)	tấn	55,7	-	55,7
	Tổng cộng				**29.737,60**

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

Ghi chú: (*) Hệ số quy đổi trọng lượng của vật liệu xây dựng được tính toán theo Phụ lục trọng lượng đơn vị vật liệu ban hành theo Quyết định số 1329/QĐ-BXD ngày

19/12/2016 của Bộ xây dựng

*** Nguồn cung cấp và cự ly vận chuyển:**

- Phương thức vận chuyển: Các nguồn nguyên vật liệu được các nhà thầu cung cấp đến chân công trình, xây dựng đến đâu các nhà thầu vận chuyển đến đấy. Nguyên vật liệu xây dựng được vận chuyển đến dự án bằng đường bộ.

- Tuyến đường vận chuyển: Tuyến đường vận chuyển chính là: Quốc lộ 37, đường nội bộ KCN An Phát 1; quãng đường vận chuyển trung bình từ khu bãi tập trung nguyên vật liệu đến vị trí thi công ước tính khoảng 1 km.

b. Nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị và nhiên liệu vận hành máy móc thiết bị phục vụ xây dựng giai đoạn 3

Gồm 2 loại: máy móc thiết bị xây dựng sử dụng dầu DO và máy móc thiết bị xây dựng sử dụng điện để vận hành.

- Nhu cầu sử dụng dầu DO: Nhu cầu sử dụng dầu DO cho hoạt động của máy móc thiết bị thi công xác định như sau: Lượng dầu DO sử dụng cho hoạt động của máy móc, thiết bị thi công được tính toán dựa trên định mức tiêu thụ nhiên liệu của từng loại máy móc, thiết bị theo Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng.

- Nhu cầu sử dụng dầu DO cho hoạt động của máy phát điện dự phòng: Trường hợp mất điện lưới hoặc bảo dưỡng đường dây điện dự án sẽ sử dụng 01 máy phát điện dự phòng công suất 800KVA để cấp điện cho hoạt động của dự án trong giai đoạn thi công, xây dựng. Nhu cầu sử dụng dầu DO của máy phát điện là 170 lít/h (Tham khảo thông số kỹ thuật của máy phát điện Misubishi công suất 800kVA).

- Nhu cầu sử dụng: Nhu cầu sử dụng điện giai đoạn thi công, xây dựng dự án được tính toán dựa vào số lượng cũng như chủng loại máy móc thiết bị thi công sử dụng điện và định mức sử dụng điện của máy móc thiết bị thi công.

Chi tiết tại các bảng sau:

Bảng 1. 11. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ thi công sử dụng dầu DO kèm theo nhu cầu sử dụng dầu DO

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số ca máy (ca)	Định mức tiêu thụ (lít DO(*)/ca máy)	Lượng DO tiêu thụ (lít)
1	Máy ủi 110CV	7	46	322
2	Máy đào một gầu bánh xích 0,8m^3	7	65	455
3	Máy đào một gầu bánh xích 1,25m^3	8	83	664
4	Máy nén khí 300m^3/h động cơ diezel	8	32	256
5	Ô tô chuyển trộn bê tông dung tích 10,7m^3	56	64	3.584

6	Cần cẩu 5 tấn	10	31,5	315
7	Cần cẩu ô tô sức nâng 20 tấn	1	44	44
8	Ô tô tưới nước (5 m^3)	10	22,5	225
Tổng cộng				**5.865**

Ghi chú: (*) Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng).

Bảng 1. 12. Nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị thi công sử dụng điện kèm theo lượng điện tiêu thụ

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số ca máy (ca)	Định mức sử dụng điện (*) (kW/ca máy)	Lượng điện sử dụng (kW)
1	Bơm nước phục vụ thi công	85	53	4.505
2	Cần trục tháp 40T	7	135	945
3	Máy cắt gạch đá 1,7kW	12	3	36
4	Máy cắt sắt cầm tay1,7kW	147	3	441
5	Máy cắt uốn cốt thép 5kW	107	9	963
6	Máy đầm bàn 1KW	107	5	535
7	Máy đầm dùi 1,5 KW	92	7	644
8	Máy hàn 23 KW	55	48	2.640
9	Máy hàn nhiệt	73	6	438
10	Máy mài 2,7kW	72	4	288
11	Máy cắt tôn 15kW	7	27	189
12	Máy trộn bê tông 250l	309	11	3.399
13	Máy trộn vữa 150l	115	8	920
14	Máy ép cọc trước 60T	6	38	228
15	Máy ép cọc trước 100T	5	53	265
16	Máy ép cọc sau	13	36	468
17	Vận thăng lồng 3T	5	47	235
	Tổng cộng			**17.139**

Ghi chú:(*) Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng)

1.4.1.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn cung cấp: Giai đoạn thi công xây dựng dự án được sử dụng nước từ Nhà máy nước sạch khu vực dự án dẫn theo đường ống cấp nước của KCN An Phát 1 vào dự án. Hiện nay, công ty chủ dự án đã ký thỏa thuận điểm đấu nối cấp nước từ Khu công

nghiệp An Phát 1 vào dự án tại Biên bản thỏa thuận điểm đấu nối hạ tầng kỹ thuật với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 (là chủ đầu tư hạ tầng KCN An Phát 1, biên bản thỏa thuận điểm đấu nối hạ tầng kỹ thuật được đính kèm tại phụ lục báo cáo).

Nhu cầu sử dụng cho các hoạt động: Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân xây dựng trên công trường; Hoạt động thi công xây dựng: bao gồm nước sử dụng cho hoạt động trộn nguyên vật liệu; hoạt động rửa bánh xe; hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị thi công; hoạt động tưới nước dập bụi.

* Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân trên công trường: Theo TCVN 13606:2023 thì định mức sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt của công nhân là 45 lít/người/ca làm việc (áp dụng đối với công nhân làm việc trong phân xưởng tỏa nhiệt, do công nhân làm việc ngoài dưới nắng nóng ngoài trời nên định mức sử dụng nước của công nhân xây dựng giống công nhân trong phân xưởng tỏa nhiệt).

Với thời gian thi công, xây dựng là 01 ca/ngày thì định mức sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt trong giai đoạn thi công, xây dựng là 45 lít/người/ngày (giai đoạn thi công xây dựng không tổ chức nấu ăn tại công trường, công nhân sẽ tự tự ăn uống tại gia đình, nhà trọ hoặc hàng quán trong khu vực do đó không sử dụng nước cho hoạt động nấu ăn). Giai đoạn thi công III: dự án tập trung tối đa 60 công nhân. Lưu lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt trong giai đoạn thi là: 45 lít/người/ngày x 60 người = 2.700 lít/ngày = 2,7 m^3/ngày.

* Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động thi công xây dựng:

- Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động rửa nguyên vật liệu: Dự án sử dụng nguyên vật liệu xây dựng là nguyên vật liệu sạch nên không cần tiến hành rửa nguyên vật liệu.

- Nhu cầu sử dụng nước cho quá trình trộn nguyên vật liệu xây dựng: Thời gian thi công xây dựng dự án là 8 tiếng/ngày. Tham khảo các công trình có quy mô tương tự, thì nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động trộn nguyên vật liệu: Khoảng 8 m^3/ngày

- Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động rửa bánh xe: Các xe vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng trước khi ra khỏi dự án sẽ được tiến hành rửa bánh xe. Theo TCVN 4513:1988 Cấp nước bên trong, tiêu chuẩn thiết kế định mức sử dụng nước sử dụng để rửa 01 xe lớn là 300 - 500 lít. Tuy nhiên, dự án chỉ tiến hành rửa bánh xe để hạn chế đất cát bám dính vào bánh xe, chứ không tiến hành rửa toàn bộ xe. Tham khảo một số công trình xây dựng thì định mức nước sử dụng để rửa bánh xe ước tính khoảng 100 lít/chuyến xe. Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, Dự kiến dự án sử dụng xe tải 15 tấn để vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng. Số lượng xe vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng được tính toán như sau:

Giai đoạn 3 là 29.737,6 tấn (Bảng 1.9) thời gian vận chuyển vật liệu là 300 ngày thì số chuyến xe vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng là 7 chuyến xe/ngày: 100 lít/chuyến xe x 7 chuyến xe/ngày = 700 lít/ngày = 0,7 m^3/ngày.

- Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động vệ sinh thiết bị, dụng cụ thi công: Giả sử 1 ngày vệ sinh dụng cụ lao động 2 lần/ngày làm việc, mỗi lần vệ sinh 30 phút. Lưu lượng nước lớn nhất tính toán trong 1 giây để vệ sinh dụng cụ, máy móc là 0,5 lít/giây, theo TCVN 4513:1988 - Cấp nước bên trong - tiêu chuẩn thiết kế. Vậy lượng nước sử dụng cho quá trình vệ sinh dụng cụ, máy móc: Khoảng 1,2 m^3/ngày

- Nhu cầu sử dụng nước tưới dập bụi: Khoảng 10m^3/ngày. Tần suất tưới: Trung bình 2 lần/ngày vào ngày nắng nóng trên tuyến đường nội bộ Khu công nghiệp, Số lượng xe tưới nước: 1 xe, bồn chứa 5m^3. Nước cấp rửa đường: tiêu chuẩn cấp nước: 0,5 lít/s (TCVN 4513:1988).

Tổng cộng nhu cầu sử dụng nước lớn nhất là 22,6 m^3/ngày.

1.4.2. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, nhân công phục vụ hoạt động sản xuất giai đoạn 2 (hiện tại) và giai đoạn 3 của Dự án như sau

1.4.2.1. Nhu cầu sử dụng lao động trong các dây chuyền sản xuất

- Giai đoạn 01 + 02: Hiện đang cấp GPMT: nhu cầu sử dụng lao động cho các dây chuyền đã lắp đặt và chuẩn bị đi vào hoạt động là 13.500 người, thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp GPMT, Công ty đã tuyển dụng được khoảng 1.100 người.

- Sau khi Dự án hoàn thiện giai đoạn thi công 3 sẽ đi vào vận hành toàn bộ công suất đăng ký thì nhu cầu sử dụng lao động khoảng 30.000 người.

1.4.2.2. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu và hóa chất phục vụ sản xuất

Bảng 1. 13. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu sản xuất của Dự án

TT	Tên nguyên liệu	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Khối lượng quy đổi (kg)	Lỗi: có thể sửa/trả/bỏ kg	Sản phẩm kg
I	**Dây chuyền hàn dán linh kiện lên bảng mạch (SMT)**				7.371.000	74.000	7.297.000
1	Bảng Mạch PCB	TQ	Cái	70.000.000	3.500.000		
2	IC	Mỹ/Đài /TQ	Cái	210.000.000	21.000		
3	Đầu nối điện	TQ/Nhật	Cái	350.000.000	700.000		
4	Tụ điện	TQ/Nhật/ Mỹ /Đài	Cái	700.000.000	1.750.000		
5	Điện trở	TQ/Nhật/ Mỹ /Đài	Cái	700.000.000	1.400.000		
II	**Dây chuyền sản xuất vỏ nhựa thiết bị điện tử**				700.000	7.000	693.000
1	Hạt nhựa	TQ/MỸ/ Hàn	Tấn	500	500.000		
2	Poly-Carbonate chất dẻo	TQ/MỸ/ Hàn	Tấn	200	200.000		
III	**Dây chuyền chế tạo và sửa chữa khuôn**				864.410	8.557,9	847.208
1	SKD11 thép	TQ	Tấm	100	520.000		
2	Thép CR12	TQ	Tấm	100	570.000		

3	Tấm nền	TQ	Tấm	100	280.000		
4	Vật liệu đồng đỏ 30*30*1000	TQ	Tấm	10	9.000		
5	Vật liệu thép	TQ	Tấm	30	154.200		
6	Thép vách ngăn S136H	TQ	Tấm	80	139.200		
7	ốc vít	TQ	Cái	3.000	15.420		
8	Lò xo 10.0*1M	TQ	Cái	600	12.000		
9	Nhôm	TQ	Tấm	10	29.000		
IV	**Dây chuyền sản xuất sản phẩm nguồn điện**				10.678.500	107.500	10.571.000
1	Bảng Mạch PCBA	Việt Nam	Cái	42.000.000	4.200.000		
2	Connecter	TQ	Cái	42.000.000	84.000		
3	Tụ điện	TQ	Cái	21.000.000	21.000		
4	Cuộn cảm biến	TQ	Cái	21.000.000	63.000		
5	LED	TQ	Cái	21.000.000	10.500		
6	Vỏ nhựa	Việt Nam/TQ	Bộ	21.000.000	1.050.000		
7	Pin phần cứng	TQ	Cái	21.000.000	5.250.000		
V	**Dây chuyền sản xuất các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu**				4.489.000	3.000	4.486.000
1	Bảng mạch PCBA	Việt Nam	Cái	28.000.000	2.800.000		
2	Connecter	TQ	Cái	56.000.000	112.000		
3	Giắc cắm	TQ	Cái	28.000.000	28.000		
4	Cáp	Việt Nam	Cái	14.000.000	42.000		
5	LED	TQ	Cái	20.000.000	10.000		
6	Vỏ nhựa	Việt Nam/TQ	Bộ	28.000.000	1.400.000		
7	Nhựa PVC/PVC	Việt Nam/TQ	Tấn	140	140.000		
VI	**Dây chuyền sản xuất dây cáp tín hiệu**				946.410.000	5.459.000	840.915.000
1	Cáp	Việt Nam/TQ	M	84.500.000	845.000.000		
2	Connecter	TQ	Cá	630.000.000	1.260.000		
3	Kẹp	Việt Nam/TQ	Cái	630.000.000	1.260.000		
4	Nhựa PVC	Việt Nam/TQ	Tấn	1.575	1.575.000		
5	Nhựa TPE	Việt Nam/TQ	Tấn	315	315.000		
VII	**Dây chuyền sản xuất Dây cáp truyền tín hiệu ô tô**				61.938.000	620.000	61.318.000
1	Cáp	Việt Nam/TQ	m	6.000.000	60.000.000		
2	Connecter	TQ	Cái	12.000.000	24.000		
3	Kẹp	Việt Nam/TQ	Cái	12.000.000	24.000		
4	Nhựa PVC	Việt Nam/TQ	Tấn	1.575	1.575.000		
5	Nhựa TPE/ TPE	Việt Nam/TQ	Tấn	315	315.000		
VIII	**Dây chuyền sản xuất Nguồn điện dùng cho ô tô**				1.299.000	13.000	1.286.000
1	Bảng Mạch PCBA	Việt Nam	Cái	6.000.000	600.000		
2	Connecter	TQ	Cái	12.000.000	24.000		
3	Tụ điện	TQ	Cái	18.000.000	18.000		
4	Cuộn cảm biến	TQ	Cái	18.000.000	54.000		
5	LED	TQ	Cái	6.000.000	3.000		
6	Vỏ nhựa	Việt Nam/TQ	Bộ	12.000.000	600.000		
IX	**Dây chuyền sản xuất sản phẩm điện tử thông minh**				22.260.000	916.000	21.344
1	PCBA	Việt Nam	Cái	16.000.000	1.600.000		
2	Vỏ nhựa	TQ	Bộ	26.000.000	1.300.000		
3	Pin	TQ	Cái	4.000.000	2.000.000		
4	Trục bánh răng	TQ	Cái	4.000.000	100.000		

5	Motor	TQ	Cái	16.000.000	8.000.000		
6	Bánh răng	TQ	Cái	18.000.000	1.260.000		
7	Giá đỡ	Việt Nam/TQ	Cái	18.000.000	720.000		
8	Thùng bảo hiểm	TQ	Cái	2.000.000	700.000		
9	Vòng bi	TQ	Cái	4.000.000	80.000		
10	Bánh đai răng puli	TQ	Cái	4.000.000	1.400.000		
11	Trục định vị	TQ	Cái	2.000.000	60.000		
12	Dây curoa răng	TQ	Cái	4.000.000	1.200.000		
13	Đầu DC	TQ	Cái	2.000.000	30.000		
14	Tấm đàn hồi sạc điện	TQ	Cái	2.000.000	100.000		
15	Nạp điện	Việt Nam	Cái	2.000.000	700.000		
16	Trục quay	TQ	Cái	2.000.000	1.300.000		
17	Nút bấm bằng kim loại	TQ	Cái	2.000.000	10.000		
18	Thấu kính xuyên thấu	TQ	Cái	4.000.000	1.000.000		
19	Lốp xe	TQ	Cái	2.000.000	700.000		
X	**Dây chuyền sản xuất sản phẩm thiết bị điện gia dụng thông minh**				17.150.000	172.000	16.978.000
1	PCBA	Việt Nam	Cái	16.000.000	1.600.000		
2	Vỏ nhựa	TQ/ Việt Nam	Bộ	26.000.000	1.300.000		
3	Pin	TQ	Cái	4.000.000	2.000.000		
4	Trục bánh răng	TQ	Cái	4.000.000	100.000		
5	Motor	TQ	Cái	16.000.000	8.000.000		
6	Bánh răng	TQ	Cái	18.000.000	1.260.000		
7	Giá đỡ	Việt Nam/TQ	Cái	18.000.000	720.000		
8	Thùng bảo hiểm	TQ	Cái	2.000.000	700.000		
9	Vòng bi	TQ	Cái	4.000.000	80.000		
10	Trục định vị	TQ	Cái	2.000.000	60.000		
11	Dây curoa răng	TQ	Cái	4.000.000	1.200.000		
12	Đầu DC	TQ	Cái	2.000.000	30.000		
13	Tấm đàn hồi sạc điện	TQ	Cái	2.000.000	100.000		
XI	**Dây chuyền sản xuất thiết bị điện tử chuyển đổi năng lượng điện**				974.000	10.000	964.000
1	Bảng mạch PCBA	Việt Nam	Cái	2.000.000	200.000		
2	Connecter	TQ	Cái	4.000.000	8.000		
3	Tụ điện	TQ	Cái	16.000.000	16.000		
4	Cuộn cảm biến	TQ	Cái	16.000.000	48.000		
5	LED	TQ	Cái	4.000.000	2.000		
6	Vỏ nhựa	Việt Nam/TQ	Bộ	4.000.000	200.000		
7	Pin phần cứng	TQ	Cái	2.000.000	500.000		

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

Trong đó, nhu cầu sừ dụng nguyên vật liệu phục vụ dây chuyền sản xuất thiết bị điện tử chuyển đổi năng lượng điện sẽ được sử dụng trong giai đoạn 3.

Bảng 1. 14. Nhu cầu sử dụng hóa chất phục vụ hoạt động giai đoạn 2 của Dự án

Khu vực	Tầng	Dây chuyền	Tên hóa chất	Đơn vị	Khối lượng	Thành phần/ Công thức hóa học

Xưởng 2 (chế tạo, sửa chữa khuôn và đúc vỏ nhựa)	1	Phòng sửa khuôn	Dầu cắt gọt		200 kg/năm	- Dầu gốc 80% (hàm lượng lưu huỳnh <0.01% (thường 20-0 ppm) thành phần aromatic <1% (100 ppm), hàm lượng hydrocacbon no > 90%, sulfur <0.03% độ nhớt từ 105-120) - Hơi dầu cắt gọt Diethylene glycol $(HOCH_2CH_2)_2O$ 0,075-0,14
		Phòng in lưới	Mực in		0,55 tấn/năm	- Glyxerin $C_3H_8O_3$ 55-60% - Dầu khoáng 20-30% - Toluen $C_6H_5CH_3$ 5% - Cyclo henxane C_6H_{12} 5%
		Phòng khắc tinh sảo, phòng khắc laser	-	-	-	- Không sử dụng hóa chất, phát sinh bụi, phoi kim loại
		Xưởng đúc mẫu	Hạt nhựa	Tấn/năm	70	- Hạt nhựa C_2H_3Cl 75-80% - $C_{24}H_{38}O_4$ 20-25%
Xưởng 3	1 (các sản phẩm nguồn điện và nguồn điện trong ô tô)	Hàn sóng - 7 máy	Thiếc thanh	Tấn/năm	0,98	- Sn – 99,3% - Cu – 0,7%
			Chất trợ hàn	Tấn/năm	0,712	- Axit succinic($C_4H_6O_4$)1-85-90% - Axit glutamic($C_5H_9O_4N$) 1-5% - Poly-pale -1-5%;
		Hàn sóng - 7 máy	Thiếc thanh	Tấn/năm	0,97	- Sn – 99,3% - Cu – 0,7%
			Chất trợ hàn	Tấn/năm	0,712	- Axit succinic($C_4H_6O_4$)1-85-90% - Axit glutamic($C_5H_9O_4N$) 1-5% - Poly-pale -1-5%;
		Hàn sóng - 6 máy	Thiếc thanh	Tấn/năm	0,88	- Sn – 99,3% - Cu – 0,7%
			Chất trợ hàn	Tấn/năm	0,68	- Axit succinic($C_4H_6O_4$)1-85-90% - Axit glutamic($C_5H_9O_4N$) 1-5% - Poly-pale -1-5%;
		Dây chuyền hàn sau (hàn tay) - 10 dây chuyền	Dây thiếc	Tấn/năm	0,72	- Sn – 99,3% - Cu – 0,7%
		Dây chuyền hàn sau (hàn tay) - 10 dây chuyền	Dây thiếc	Tấn/năm	0,72	- Sn – 99,3% - Cu – 0,7%
	2 (sản phẩm dây cáp các loại)	CABLE-AV - 10 dây chuyền	Keo UV	Tấn/năm	0,433	- $C_{13}H_{20}O_2$ – 30% - $C_5H_8O_2$ – 60% - C_3H_6 – 5% - C_2H_6O – 5%
		CABLE-USB - 10 dây chuền	Keo UV	Tấn/năm	0,478	- $C_{13}H_{20}O_2$ – 30% - $C_5H_8O_2$ – 60% - C_3H_6 – 5% - C_2H_6O – 5%
		CABLE-USB - 7 dây chuyền	Keo UV	Tấn/năm	0,621	- $C_{13}H_{20}O_2$ – 30% - $C_5H_8O_2$ – 60% - C_3H_6 – 5% - C_2H_6O – 5%
		CABLE-AV- 10 dây chuyền	Keo UV	Tấn/năm	0,433	- $C_{13}H_{20}O_2$ – 30% - $C_5H_8O_2$ – 60% - C_3H_6 – 5% - C_2H_6O – 5%

			Keo UV	Tấn/năm	0,433	- $C_{13}H_{20}O_2$ – 30% - $C_5H_8O_2$ – 60% - C_3H_6 – 5% - C_2H_6O – 5%
	3 (sản phẩm thiết bị thông minh và làm sạch)	Xưởng Quang học -13 dây chuyền (hàn thủ công)	Dây thiếc	Tấn/năm	0,85	- Sn – 99,3% - Cu – 0,7%
		Dây chuyền sản xuất máy quét sàn - 3 dây chuyền (hàn thủ công)	Dây thiếc	Tấn/năm	0,32	- Sn – 99,3% - Cu – 0,7%
Xưởng 3	4	4 (dán linh kiện bản mạch và thiết bị chuyển đổi tín hiệu)	Chất trợ hàn	Tấn/năm	0,715	- Isopropyl alcohol(C_3H_8O)85-95% - Axit succinic ($C_4H_6O_4$) 1-5%; - Axit Adipic ($(CH_2)_4(COOH)_2$) 1-5%
		Hàn đối lưu (SMT) 7 máy	Thiếc thanh	Tấn/năm	0,87	- Sn – 99,3% - Cu – 0,7%
		Hàn đối lưu (SMT) 5 máy, hàn sóng 2 máy	Thiếc thanh	Tấn/năm	0,68	- Sn – 99,3% - Cu – 0,7%
			Chất trợ hàn	Tấn/năm	0,63	- Isopropyl alcohol(C_3H_8O)85-95% - Axit succinic ($C_4H_6O_4$) 1-5%; - Axit Adipic ($(CH_2)_4(COOH)_2$) 1-5%
		Hàn đối lưu (SMT) 12 máy, hàn sóng 2 máy	Thiếc thanh	Tấn/năm	0,733	- Sn – 99,3% - Cu – 0,7%
			Chất trợ hàn	Tấn/năm	0,58	- Isopropyl alcohol(C_3H_8O)85-95% - Axit succinic ($C_4H_6O_4$) 1-5%; - Axit Adipic ($(CH_2)_4(COOH)_2$) 1-5%
		Hàn đối lưu (SMT) 5 máy, hàn sóng 2 máy	Thiếc thanh	Tấn/năm	0,68	- Sn – 99,3% - Cu – 0,7%
			Chất trợ hàn	Tấn/năm	0,63	- Isopropyl alcohol(C_3H_8O)85-95% - Axit succinic ($C_4H_6O_4$) 1-5%; - Axit Adipic ($(CH_2)_4(COOH)_2$) 1-5%
		Hàn đối lưu (SMT) 8 máy, hàn sóng 2 máy	Thiếc thanh	Tấn/năm	0,99	- Sn – 99,3% - Cu – 0,7%
			Chất trợ hàn	Tấn/năm	0,812	- Isopropyl alcohol(C_3H_8O)85-95% - Axit succinic ($C_4H_6O_4$) 1-5%; - Axit Adipic ($(CH_2)_4(COOH)_2$) 1-5%

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dường Việt Nam)

Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất đã được trình bày kết hợp tại các mục 1.3.2 tương ứng với từng phân xưởng sản xuất của Dự án.

1.4.2.3. Nhu cầu sử dụng điện, sử dụng nước và sử dụng dầu các loại

Bảng 1. 15. Nhu cầu sử dụng điện, nước phục vụ hoạt động sản xuất của Dự án

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	
			GĐ cấp phép (GĐ 01+02)	GĐ 03 (vận hành toàn bộ Dự án)
1	Điện	kWh/tháng	2.033.220	2.996.440

2	Nước			
2.1	*Nước làm mát (bổ sung hàng ngày cấp bù bay hơi)*	*m^3/ngày*	*45*	*90*
2.2	*Nước sinh hoạt + ăn uống*	*m^3/ngày*	*1.470*	*2.100*
2.3	*Nước cấp dung dịch pha dầu cắt gọt*	*m^3/tuần*	*0,04*	*0,04*
2.4	*Nước rửa đường, tưới cây*	*m^3/ngày*	*142*	*142*

Trong đó:

- Hoạt động sinh hoạt: lấy theo TCVN 13606:2023, nước cấp cho công nhân trong 1 ca (h) làm việc trong nhà xưởng bình thường là 25 lit/người.ng, Dự án tính cho định mức 45 l/người.ngày cho trường hợp có tăng ca.

- Hoạt động nấu ăn: lấy theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4513-1988 Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế. Bếp ăn tập thể có mức cấp nước tối đa là 25 l/suất ăn.

- Số người lao động theo các giai đoạn của Dự án: giai đoạn 01 và 02: 21.000 người và giai đoạn 03 là 32.000 người (tăng 9.000 người so với giai đoạn 2) khi hoạt động 100% công suất thiết kế.

- Hoạt động cấp nước làm mát: hàng ngày chỉ cấp bù lượng nước bay hơi trong quá trình tuần hoàn và giải nhiệt nước làm mát - lấy theo định mực thực tế tại nhà máy 1 và nhà máy 2 (tại Bắc Ninh của tập đoàn Ce Link Việt Nam).

- Hoạt động pha dầu cắt gọt chỉ diễn ra khi thay dung dịch cắt gọt tài các máy cắt, mài, tối đa 01 tuần/lần lấy theo lấy theo định mực thực tế tại nhà máy 1 và nhà máy 2 (tại Bắc Ninh của tập đoàn Ce Link Việt Nam).

- Hoạt động tưới cây rửa đường: Căn cứ theo TCVN 13606:2023: Định mức tưới cây là 3 lit/m^2 và rửa đường là 0,5 lit/m^2.

1.5. Các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và công trình bảo vệ môi trường còn tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường (nếu có):

Trong giai đoạn 3, Dự án tiếp tục thực hiện thi công xây dựng các hang mục, công trình sau đây:

Bảng 1. 16. Các hạng mục, công trình tiếp tục thi công xây dựng trong giai đoạn 3 của Dự án

STT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích (m^2)	Chiều cao (m)
I	**Hạng mục công trình xây dựng**			
1	Nhà xưởng 4	04	13.451,43	26,00
2	Nhà xưởng 5	04	13.451,43	26,00
3	Nhà ăn số 7	02	9.560,00	15,30
4	Nhà để xe máy số 9	01	2.240,00	2,90

5	Mái che (Nối xưởng 03 với xưởng 04, xưởng 02 với xưởng 05, xưởng 05 với nhà ăn số 02)		866,00	6,70
6	Cây xanh		4.599,65	
7	Giao thông		7.672,00	
II	**Các công trình, hạng mục bảo vệ môi trường**			
8	Lắp đặt dây chuyền, thiết bị máy móc tại tầng 1 của Nhà xưởng 3 và đấu nối về hệ thống ống chờ thu gom, xử lý khí thải	-		
9	Xây dựng hệ thống cống thu gom, thoát nước mưa của Nhà xưởng 4, Nhà xưởng 5, Nhà ăn 7 và phần đất cây xanh trong khuôn viên	-		
10	Xây dựng các công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt và kết nối với hệ thống thu gom, thoát nước thải của Dự án để dẫn về bể XLNT tập trung công suất thiết kế 2.600 m^3/ngày.	-		

1.6. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có):

1.6.1. Vị trí thực hiện dự án:

Dự án "Dự án đầu tư của Công ty TNNN Ce Link Hải Dương Việt Nam" được thực hiện tại Lô đất CN-05 của Khu công nghiệp An Phát 1, thuộc địa phận xã An Phú, thành phố Hải Phòng. Diện tích Dự án là 226.151 m², ranh giới tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc tiếp giáp tuyến đường số 01 của KCN;

- Phía Nam tiếp giáp tuyến đường số 02 của KCN;

- Phía Đông tiếp giáp: khu đất cây xanh của KCN;

- Phía Tây tiếp giáp tuyến đường số 04 của KCN;

Tọa độ các điểm mốc giới của Dự án điểm theo hệ trục tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105º30' múi chiếu 3º như sau:

Bảng 1. 17. Tọa độ các điểm mốc ranh giới của Dự án

Số hiệu điểm	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y(m)	
1	2325220,76	588234,67	1-2: 760,20
2	2325098,56	588984,46	2-3: 297,50
3	2324802,12	588935,46	3-4: 760,20
4	2324927,32	588185,67	4-1: 297,50

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

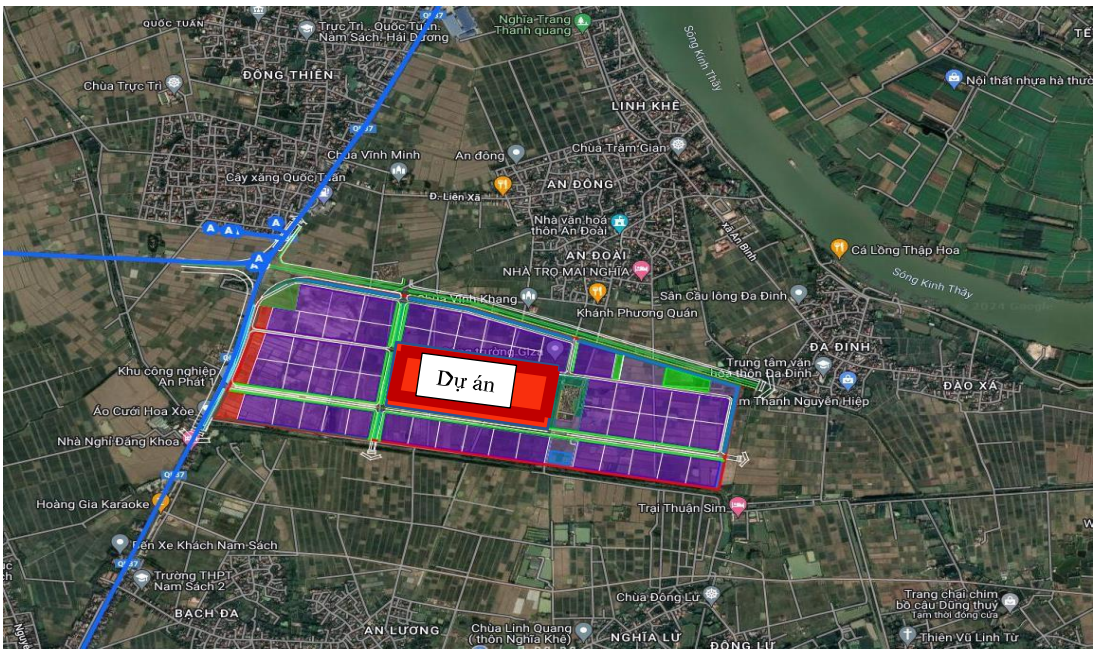

Hình 1. 22. Vị trí thực hiện Dự án trong KCN An Phát 1

Dự án được xây dựng trong KCN An Phát 1, đã được hoàn thiện cơ sở hạ tầng. KCN An Phát 1 (trước đây là KCN Quốc Tuấn - An Bình) có diện tích 178,3726 ha, do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 làm chủ đầu tư hạ tầng. KCN An Phát 1 đã hoàn thiện toàn bộ hạ tầng, được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp GPMT số 166/GPMT-BNNMT ngày 03/6/2025 và đang vận hành thử nghiệm trạm XLNT tập trung công suất 25.000 m^3/ngày đêm để tiếp nhận và xử lý nước thải của các dự án thứ cấp.

- Hạ tầng của KCN An Phát 1:

+ Hệ thống cấp điện: Nguồn cấp điện cho KCN là lưới điện quốc gia được đấu nối từ đường dây 110kV Phả Lại đi Lai Khê về trạm biến áp 110kV của hạ tầng KCN sau đó phân phối về các dự án đầu tư thứ cấp.

+ Hệ thống cấp nước: Nguồn nước sạch phục vụ sản xuất của KCN từ nhà máy nước sạch của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Nam Sơn bơm về hạ tầng cấp nước của KCN và phân phối đến các dự án thứ cấp.

+ Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 đã hoàn thiện xây dựng toàn bộ hạ tầng thu gom, thoát nước và xử lý nước thải với trạm XLNT tập trung công suất thiết kế 25.000 m^3/ngày đêm, hiện đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và sẵn sàng tiếp nhận nước thải từ các dự án thứ cấp.

+ Hệ thống phòng cháy chữa cháy: các trụ cứu hỏa dọc tuyến ống D100 trong khu công nghiệp được bố trí với khoảng cách từ 100÷150 m/trụ, giúp đáp ứng tốt và xử lý kịp thời các sự cố hỏa hoạn trong khu công nghiệp.

+ Hạ tầng khác: Hệ thống đường giao thông nội khu gồm đường trục chính của

KCN có chiều rộng mặt cắt là 42 m và 38 m, trong đó chiều rộng lòng đường lưu thông là 2x7,5 m; các đường nhánh nội bộ trong KCN có chiều rộng mặt cắt là 19÷21 m, trong đó chiều rộng lòng đường là 11 m. Toàn bộ hệ thống đường giao thông trong khu công nghiệp được bố trí vỉa hè, cây xanh và hệ thống chiếu sáng hai bên đường. Hệ thống thông tin liên lạc được quy hoạch cáp ngầm đến từng lô đất trong KCN; Hệ thống thu gom, phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt; hệ thống thoát nước mưa được xây dựng độc lập với hệ thống thoát nước thải, kết hợp với máy bơm tiêu có công suất 2 m^3/s cùng với cao độ san nền từ (+2.70)÷(+3.20) m đảm bảo tốt khả năng chống ngập úng; Hệ thống cây xanh, mặt nước.

- Kết nối và tiện ích ngoại khu của KCN An Phát 1:

+ Tiếp giáp phía Tây của KCN là tuyến đường Quốc Lộ 37 phục vụ chuyên chở nguyên vật liệu và luu thông hàng hóa.

+ Cách Dự án khoảng 500m về phía Đông Bắc và khoảng 900m về phía Tây Bắc là các khu dân cư thôn An Đoài, An Xá và các trường học, bệnh viện, chợ...

1.6.2. Các hạng mục, công trình của dự án đầu tư:

Tổng diện tích thực hiện Dự án là 226.151 m^2 trong đó xây dựng 5 nhà xưởng, 1 nhà kho kết hợp văn phòng, 2 nhà ăn và các công trình phụ trợ khác; được phân kỳ đầu tư theo 03 giai đoạn với cơ cấu sử dụng đất như sau:

Bảng 1. 18. Cơ cấu sử dụng đất của Dự án (theo giai đoạn)

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
I	**Giai đoạn 01**		
1	Diện tích đất công trình	72.447,36	30,9
2	Diện tích giao thông	33.626,40	14,9
3	Đất cây xanh	39.147,85	17,3
II	**Giai đoạn 02**		
1	Diện tích đất công trình	23.373,14	10,3
2	Diện tích giao thông	3.149,00	1,4
3	Đất cây xanh	2.566,74	1,1
III	**Giai đoạn 03**		
1	Diện tích đất công trình	39.568,86	17,5
2	Diện tích giao thông	7.672,00	3,4
3	Đất cây xanh	4.599,65	2,0

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

Sơ đồ bố trí tổng mặt bằng theo 03 giai đoạn:

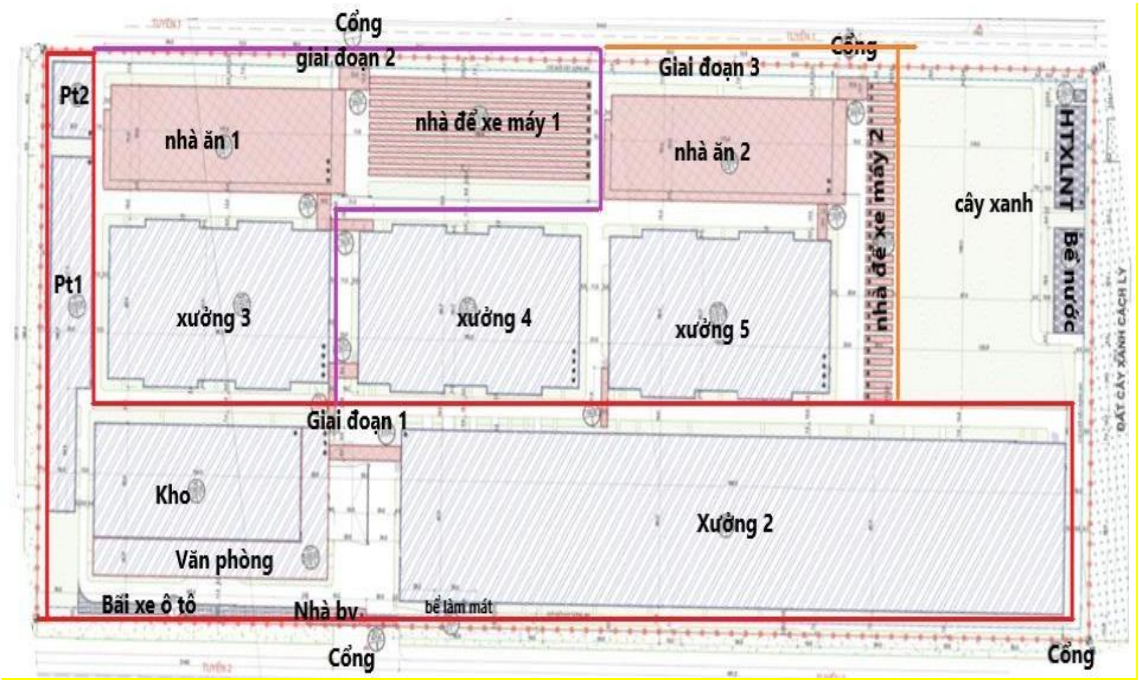

Hình 1. 23. Tổng mặt bằng bố trí các hạng mục công trình của Dự án

Công ty đã được Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp giấy phép xây dựng số 04/2025/KCN-GPXD ngày 10/3/2025 đối với các hạng mục: Tòa nhà văn phòng + Nhà kho số 1; Nhà xưởng 2 + Khu vực bể làm mát + Bể nước làm mát; Nhà phụ trợ số 8; Nhà phụ trợ số 9; Nhà để xe máy số 11; Nhà xử lý nước thải sinh hoạt số 12; Nhà bơm + Bể nước PCCC số 13; Phòng bảo vệ số 14; Nhà xưởng số 3; Nhà ăn số 6; Cổng, hàng rào, mái che và hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (tương ứng với giai đoạn 1 và giai đoạn 2), hiện tại đã thi công xây dựng xong các hạng mục công trình này.

Bảng 1. 19. Quy mô các hạng mục công trình của Dự án đã thi công xây dựng

STT	Tên hạng mục/công trình		Số tầng	Diện tích (m^2)	Chiều cao (m)	Giải trình sự sai khác
	Theo QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM số 110/QĐ-BTNMT ngày 10/01/2025)	Theo GPXD (số 04/2025/KCN-GPXD do BQL các KCN tỉnh Hải Dương ngày 10/3/2025				
I	**Giai đoạn 01**					
1	Nhà văn phòng	Tòa nhà Văn phòng	03	4.600,0	20,10	
2	Nhà kho	Nhà kho 1	01	9.000,0	15,60	
3	Nhà xưởng 02	Nhà xưởng 2	01	43.200,0	14,35	
4	Bể nước làm mát	Bể nước làm mát	01	120,0	2,00	
5	Nhà phụ trợ số 01	Nhà phụ trợ số 8	01	4.935,0	6,80	
6	Nhà phụ trợ số 02	Nhà phụ trợ số 9	01	1.200,0	6,80	
7	Nhà để xe máy số 01	Nhà để xe máy 11	01	5.760,0	2,90	
8	Bể gom nước thải	Nhà xử lý nước thải sinh hoạt 12 (chiều cao 5m)	01	196,66		Điều chỉnh để phù hợp với việc quản lý, vận hành. CDA đầu tư 1
9	Hệ thống xử lý nước thải	Bể XLNT sinh hoạt (diện tích 1.244,76, công trình ngầm, chiều cao -4,40)	01	1.048,10	5,00	

						trạm XLNT tập trung theo 2 line thay vì phân kỳ đầu tư thành 3 giai đoạn.
10	Nhà bơm	Nhà bơm	01	123,47	5,00	
11	Bể PCCC	Bể PCCC	01	1.086,53		
12	Phòng bảo vệ và cổng chính	Phòng bảo vệ 14	01	497,60	8,00	
13	Cổng số 02	Cổng, hàng rào, mái che và hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà của Dự án		100		
14	Cổng số 03			225		
15	Cổng số 04			225		
16	Bãi để ô tô			972		
17	Mái che (Nối từ Nhà văn phòng với nhà xưởng 2)			680	6,70	
18	Cây xanh			39.147,85		
19	Giao thông			33.626,40		
II	**Giai đoạn 2**					
20	Nhà xưởng 03	Nhà xưởng 3	04	13.453,99	26,00	
21	Nhà ăn số 01	Nhà ăn số 6	03	9.560,00	15,30	
22	Mái che (nối từ Nhà văn phòng với nhà xưởng số 03 và từ nhà xưởng số 03 với nhà ăn 01)			359,15	6,70	
23	Cây xanh			2.566,74		
24	Giao thông			3.149,00		

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

Trong phạm vi báo cáo đề xuất cấp GPMT, Dự án thực hiện các hoạt động sản xuất của giai đoạn 1+2 đồng thời tiếp tục thi công một số công trình, hạng mục của giai đoạn 3.

1.6.3. Tổng vốn đầu tư

**** Tổng vốn đầu tư của dự án:*** 1.395.900.000.000 (Một nghìn ba trăm chín mươi lăm nghìn tỷ chín trăm triệu đồng) tương đương 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đô la Mỹ, trong đó góp để thực hiện dự án là 1.395.900.000.000 (Một nghìn ba trăm chín mươi lăm tỷ, chỉn trăm triệu đồng), tương đương 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư. Phương thức góp vồn bằng tiền.

**** Tổ chức quản lý và thực hiện Dự án trong giai đoạn xây dựng (giai đoạn 3):***

Khi triển khai thực hiện, chủ Dự án tiến hành đấu thầu đơn vị thi công để xây lắp các hạng mục công trình trong Dự án. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý công trình về mọi mặt chất lượng, kỹ thuật, tiến độ, an toàn và vệ sinh môi trường bắt đầu từ giai

đoạn chuẩn bị đầu tư cho đến khi kết thúc xây dựng đưa Dự án vào khai thác sử dụng theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án.

- Tổng số công nhân tham gia thi công xây dựng Dự án (giai đoạn 3) tối đa là 60người.

- Công tác đảm bảo an toàn lao động (ATLĐ) và VSMT trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc thiết bị.

- Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị có 01 cán bộ có trình độ chuyên môn về ATLĐ - môi trường chịu trách nhiệm phụ trách môi trường, giám sát an toàn lao động, PCCC cho Dự án và 04 công nhân vệ sinh môi trường.

- Công tác tổ chức ăn ở cho cán bộ và công nhân trong thời gian thi công giai đoạn: trong giai đoạn thi công, xây dựng dự án và lắp đặt máy móc thiết bị dự án, nhà thầu thi công ưu tiên việc sử dụng lao động địa phương tại khu vực và tự túc trong các hoạt động ăn ở.

**** Tổ chức quản lý và thực hiện Dự án trong giai đoạn vận hành:***

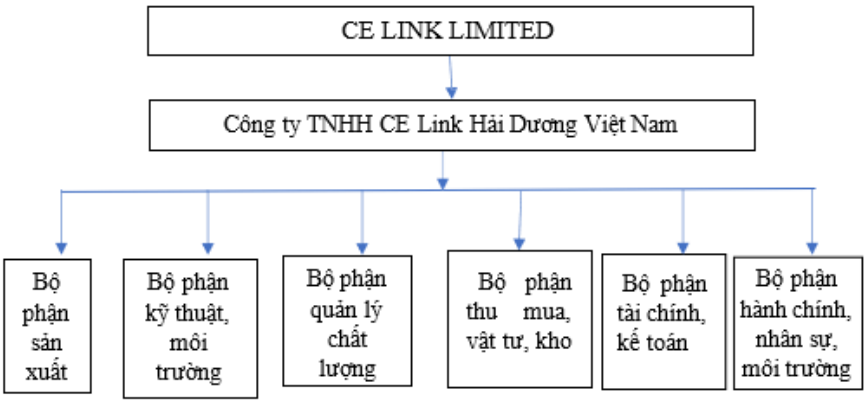

Hình 1. 24. Sơ đồ tổ chức quản lý của Dự án trong giai đoạn vận hành

Trong giai đoạn vận hành, Công ty có tổng nhu cầu lao động khi dự án đi vào hoạt động hoàn toàn khoảng 30.000 người trong đó có 1.200 người nước ngoài và 28.800 người việt.

- Giai đoạn 01 + 02: sử dụng 21.000 người

- Giai đoạn 03: sử dụng 9.000 người

Công ty bố có bộ phận chuyên trách về môi trường và an toàn lao động: số nhân sự 03 người có trình độ chuyên môn về môi trường và an toàn lao động từ kỹ sư trở lên để thực hiện các công tác quản lý môi trường.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định (nếu có):

Dự án thuộc Khuc công Nghiệp An Phát 1, tại xã An Phú, thành phố Hải Phòng. Ngành nghề sản xuất, kinh doanh của Dự án thuộc nhóm ngành nghề ưu tiên thu hút đầu tư của Khu công nghiệp An Phát 1 theo Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ) phê duyệt đề án phát triển công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Giấy chứng nhận đầu tư số 6624010012 của dự án Hạ tầng KCN An Phát 1 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp.

Nội dung về đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khoảng cách an toàn về môi trường đã được trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án, được Bộ Trài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định tại Quyết định số 110/QĐ-BTN&MT ngày 10/01/2025 và không có sự thay đổi.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)

Dự án nằm trong KCN An Phát 1 đã hoàn thiện đầu tư xây dựng hạ tầng, được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, cấp phép các hồ sơ môi trường, đã có giấy phép môi trường và đủ điều kiện tiếp nhận nước thải đấu nối từ các dự án đầu tư thứ cấp:

- Quyết định số 246/QĐ-BTNMT ngày 05/02/2021 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường Dự án "Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quốc Tuấn - An Bình" (diện tích 180ha) tại xã Quốc Tuấn, xã An Bình, xã An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Giấy phép môi trường số 200/GPMT-BTNMT ngày 05/6/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường của dự án "Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp An Phát 1 (trước đây tên là Khu công nghiệp Quốc Tuấn - An Bình)".

- Giấy phép môi trường số 166/GPMT-BTNMT ngày 03/6/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường của Khu công nghiệp An Phát 1 với tổng công suất trạm XLNT tập trung của hạ tầng là 25.000 m^3/ngày đêm và đang trong giai đoạn VHTN các modul để tiếp nhận nước thải sau xử lý.

Các nội dung này đã được trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được được Bộ Trài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định tại Quyết định số 110/QĐ-BTN&MT ngày 10/01/2025 và không có sự thay đổi làm tăng lưu lượng chất thải nên báo cáo không đánh giá lại.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Chủ dự án đã hoàn thiện thi công xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa của giai đoạn 1 và giai đoạn 2. 3 tuyến ống thu gom nước mưa của giai đoạn 3 chưa được thi công:

+ Tuyến ống thoát nước mưa dọc theo tuyến đường nội bộ giữa Nhà xưởng 5 và Nhà ăn 7 với khu đất cây xanh;

+ Tuyến ống thoát nước mưa dọc theo tuyến đường nội bộ giữa Nhà xưởng 5 với Nhà ăn 7;

+Tuyến ống thoát nước mưa trên tuyến đường nội bộ giữa Nhà xưởng 4 và Nhà xưởng 5.

Đối với các hạng mục, công trình đã xây dựng: Nước mưa từ trên mái các công trình tự chảy về các phễu thu và theo tuyến ống nhựa đứng PVC D110 - D140 dẫn xuống dưới và được các ống xối xả ra hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn trên sân đường thu gom về các ga thu nước vào các cống bê tông cốt thép D400, D600, D800 và D1000 sau đó thoát vào các mương B1000. Toàn bộ nước mưa của Dự án đấu nối về 6 điể thoát nước mưa của hạ tầng KCN An Phát 1:

- Các công trình phía Tây Bắc (Nhà phụ trợ 8, Nhà ăn 6 và phía Bắc nhà xưởng 3) được thu gom theo cống dốc về hướng Bắc, đấu nối về về điểm số 01 có tọa độ điểm đấu nối: X=2325214.96; Y= 588290.75 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^{o}30', múi chiếu 3^o).

- Các công trình phía Bắc (Nhà để xe 11, phía Bắc Nhà xưởng 4, phía Tây và phía Bắc Nhà xưởng 5) được thu gom theo cống dốc về hướng Bắc, đấu nối về về điểm số 02 có tọa độ điểm đấu nối: X=2325185.46; Y= 588467.96 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^{o}30', múi chiếu 3^o).

- Các công trình phía Đông Bắc (Phía Đông nhà xưởng 5, Phía Đông nhà ăn , nhà để xe 02, Khu cây xanh, khu TXLNT và bể nước sạch) được thu gom theo cống dốc về hướng Đông Bắc, đấu nối về về điểm số 03 có tọa độ điểm đấu nối: X=2325119.31; Y= 588863.99 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^{o}30', múi chiếu 3^o).

- Các công trình phía Tây Nam (Tòa nhà văn phòng và Nhà kho 1, phía Nam xưởng 3) được thu gom theo cống dốc về hướng Đông Bắc, đấu nối về về điểm số 03 có tọa độ điểm đấu nối: X= 2324909.46; Y= 588210.68 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^{o}30', múi chiếu 3^o).

- Các công trình phía Nam (phía Tây Nhà xưởng 2, phía Nam Nhà xưởng số 4, phía Tây Nam Nhà xưởng 5) được thu gom theo cống dốc về hướng Đông Bắc, đấu nối về về điểm số 03 có tọa độ điểm đấu nối: X= 2324869.96; Y= 588447.40 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105º30', múi chiếu 3º)

- Các công trình phía Đông Nam (phía Nam khu đất cây xanh, phía Đông Nhà xưởng 2, phía Đông Nam Nhà xưởng 5) được thu gom theo cống dốc về hướng Đông Bắc, đấu nối về về điểm số 03 có tọa độ điểm đấu nối: X= 2324795.78; Y= 588891.97 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105º30', múi chiếu 3º).

Bảng 3. 1. Tổng hợp khối lượng hệ thống thu gom, thoát nước mưa đã thi công xây dựng của Dự án

Stt	Tên gọi và quy cách	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống BTCT-D1000	m	48
2	Cống BTCT-D800	m	854
3	Cống BTCT-D600	m	1.815
4	Cống BTCT-D400	m	2.755
5	Mương xây B1000	m	65
6	Hố ga	cái	283
7	Điểm đấu nối	Điểm	06

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

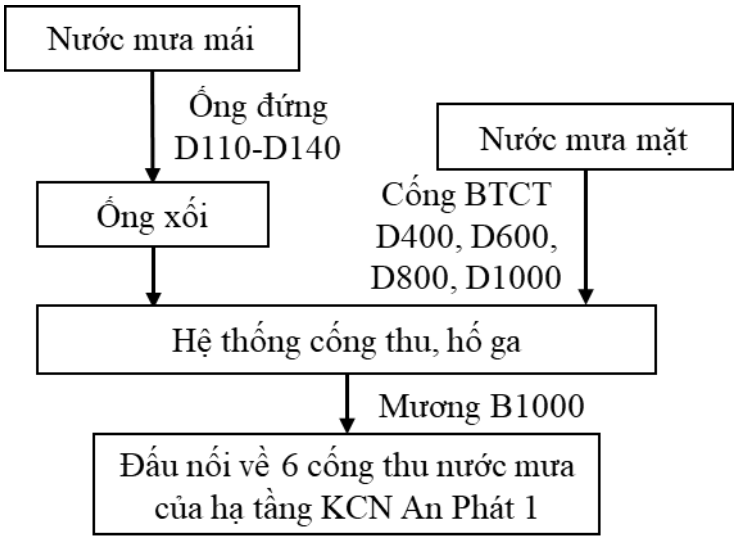

Hình 3. 1. Sơ đồ khối hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Dự án

(Chi tiết đính kèm tại bản vẽ hệ thống thu gom nước mưa - phụ lục bản vẽ của báo cáo)

Hệ thống thoát nước mưa bao gồm: Cống BTCT D 400 dài 2.755m, Cống BTCT D 600 dài 1.815m, Cống BTCT D 800 dài 854m, Cống BTCT D 1000 dài 48m; Rãnh xây B400 dài 65m; 283 hố ga, 06 điểm đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:

*** Nguồn phát sinh nước thải:** Dự án có phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp:

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ các máy mài, máy CNC ở công đoạn gia công, chế tạo khuôn.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, vệ sinh của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Dự án, vị trí phát sinh tại các nhà vệ sinh bên trong khuôn viên và tại Nhà ăn số 11.

- Nước thải xây dựng tại các khu vực thi công xây dựng giai đoạn 3.

*** Công trình thu gom nước thải:**

- Nước thải công nghiệp: Được lưu giữ tạm thời tại các khoang chứa tích hợp trong thiết bị, bản chất là dòng dầu làm mát có các cặn, phoi kim loại của quá trình gia công. Định kỳ Chủ dự án chuyển giao nước thải này cho đơn vị có đủ chức năng xử lý như chất thải nguy hại dạng lỏng, không xử lý tại Dự án.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải xí tiểu được thu gom bằng các ống PVC D110 xuống các bể phốt (bể tự hoại 3 ngăn) đặt ngầm dưới chân tòa nhà, sau khi xử lý sơ bộ tại các bể phốt được dẫn qua đường ống HDPE D200 có tổng chiều dài 708m đến hố ga và hố bơm, nước thải tại hố bơm được bơm qua đường ống HDPE D400 về trạm XLNT tập trung của Dự án để xử lý. Giai đoạn 1 đã xây dựng 13 bể tự hoại 03 ngăn có tổng thể tích 341 m^3.

+ Nước thải nhà ăn được thu gom bằng các đường ống PVC D75 đến các bể tách dầu mỡ, sau đó dẫn qua đường ống HDPE D200 có tổng chiều dài 362m đến hố ga và hố bơm, nước thải tại hố bơm được bơm qua đường ống HDPE D400 về trạm XLNT tập trung của Dự án để xử lý. Giai đoạn 1 và 2 đã xây dựng 02 bể tách mỡ tại Nhà ăn số 11 (dung tích là 15 m^3/bể),

+ Nước thải xây dựng được xử lý sơ bộ bằng bể lắng tạm tại công trường, sau đó tái sử dụng cho vệ sinh dụng cụ, thiết bị và được xả về hệ thống thu gom, xử lý nước thải hạ tầng XLNT của KCN An Phát 1 để xử lý.

- Hệ thống thu gom nước thải được xây lắp độc lập với hệ thống thoát nước mưa, gồm: Ống HDPE D400 dài 700m, ống HDPE D200 dài 1.070m, 62 hố ga nước thải, 02 bơm chìm Q=5m^3/h/máy. Hệ thống thu gom nước thải đã được thi công hoàn chỉnh trong giai đoạn 1.

- Nước thải sau khi xử lý được đấu nối về hố ga T137 của KCN An Phát 1. Tọa độ điểm đấu nối: X=2325098.06; Y= 588975.55 - hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^{o}30', múi chiếu 3^o).

- Quy trình thu gom nước thải của dự án như sau: Nước thải phát sinh → Công trình xử lý sơ bộ (bể tách mỡ/bể tự hoại) → Hệ thống thu gom → Trạm xử lý nước thải của dự án → Điểm đấu nối nước thải của KCN An Phát 1.

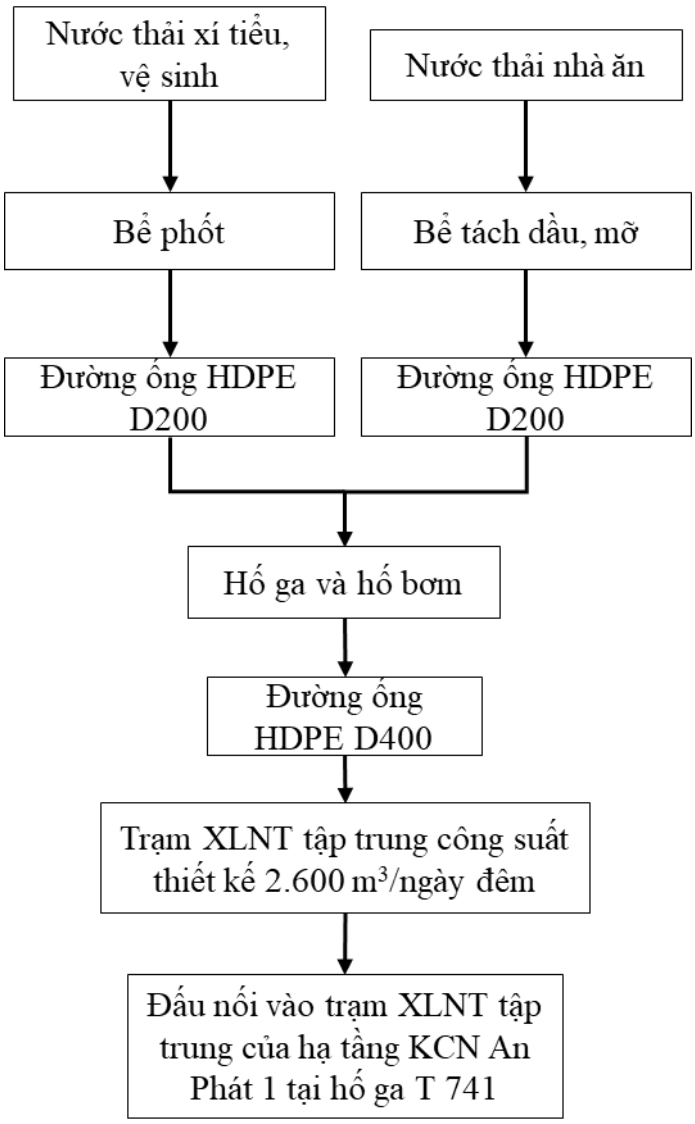

Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của Dự án

Khối lượng đã thi công hệ thống thu gom, thoát nước thải của giai đoạn 1 và giai đoạn 2 như sau:

Bảng 3. 2. Quy mô, khối lượng hệ thống thu gom nước thải

Tên gọi và quy cách	Đơn vị	Khối lượng
Ống HDPE D400	m	700
Ống HDPE D200	m	1.070
Hố Bơm	cái	01
Hố ga	cái	62
Bơm chìm nước thải Q=5m3/h, H=15m	cái	2

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

*** Quy trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của Dự án:**

Các công trình xử lý nước thải sơ bộ đã được hoàn thiện trong giai đoạn 01:

- Bể tự hoại 03 ngăn:

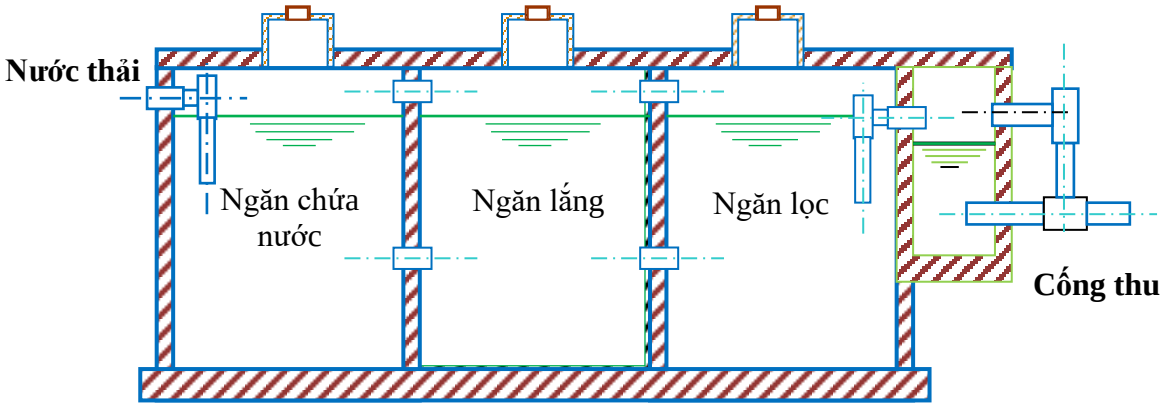

Hình 3. 3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

+ *Thuyết minh nguyên lý:* Nước thải xử lý trong bể tự hoại sẽ được làm sạch nhờ hai quá trình chính là lắng cặn và lên men cặn lắng. Do tốc độ nước qua bể rất chậm quá trình lắng cặn trong bể có thể xem như quá trình lắng tĩnh, dưới tác dụng trọng lực bản thân của các hạt cặn (cát, bùn, phân) lắng dần xuống đáy bể, tại đây các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí tạo thành khí CH_4, H_2S... Cặn lắng được phân huỷ sẽ giảm mùi hôi, thu hẹp thể tích bể chứa đồng thời giảm được các tác nhân gây ô nhiễm môi trường. Tốc độ phân huỷ chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn. Phần bùn cặn lắng tại bể tự hoại định kỳ 03 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng đến hút mang đi xử lý. Chủ dự án đã xây dựng 13 bể tự hoại ở giai đoạn 1 và giai đoạn 2; kết cấu bể được xây bằng gạch chỉ đặc vữa xi măng mác 75, vữa trát bể bằng vữa xi măng mác 50, thành trong đáy, tấm đan, giằng dầm đổ BTCT.

+ Quy trình thu gom và xử lý: Nước thải từ các khu nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn (Lắng → Yếm khí → Lọc) → Hệ thống thu gom nước thải → Trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

- Bể tách dầu, mỡ: Bể tách dầu mỡ có cấu tạo 03 ngăn, được xây dựng bằng BTCT, nắp đậy bằng Inox sus 304. Tại đây nước thải được tách mỡ riêng ra, phần nước thải sau khi xử lý sơ bộ sẽ được thu gom và đưa sang công đoạn xử lý tiếp theo trong hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở. Bên cạnh đó, lớp dầu, mỡ sẽ tích tụ dần dần và tạo thành lớp váng trên bề mặt nước, định kỳ 02-03 tuần/lần sẽ được đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý. Thông số kỹ thuật của mỗi bể tách dầu mỡ:

+ Thể tích bể: 15m^3 kích thước dài x rộng x cao = 5x2x1,5 (m).

+ Vật liệu xây bể: BTCT, xây chìm.

+ Nắp bể: Inox sus 304

+ Số lượng: 02 bể.

3.1.3. Xử lý nước thải:

Chủ dự án đầu tư 01 trạm XLNT tập trung công suất thiết kế 2.600 m^3/ngày đêm để thực hiện xử lý nước thải cho cả 3 giai đoạn, hiện đã đầu tư xây dựng xong, không chia tách thành 3 modul, quy trình xử lý như sau:

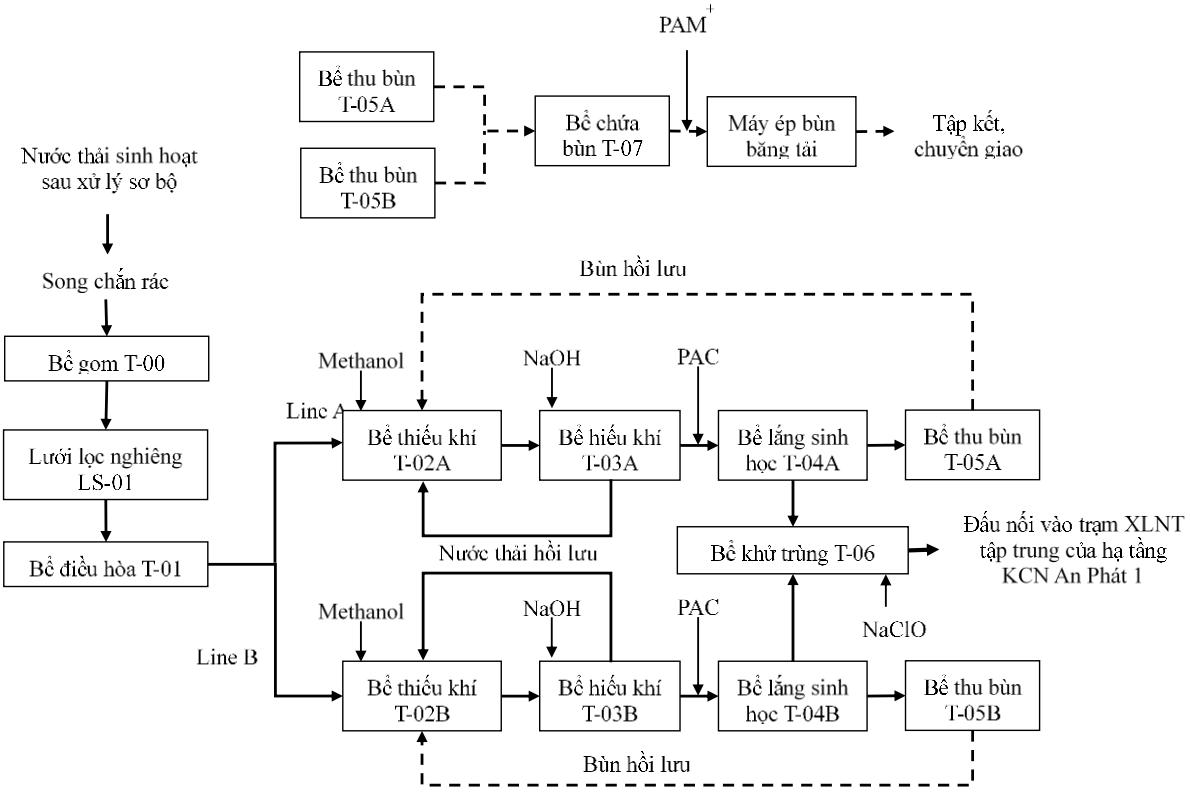

Hình 3. 4. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải của trạm XLNT tập trung công suất 2.600 m^3/ngày đêm tại Dự án

*** Thuyết minh công nghệ:**

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại và bể tách mỡ cùng với nước thải sinh hoạt (rửa tay, rửa sàn khu vệ sinh) được thu gom về bể thu gom của trạm XLNT sinh hoạt với tổng công suất 2.600 m^3/ngày đêm. Các công đoạn của quy trình xử lý nước thải tập trung như sau:

- Bể gom (T-00): Bể có nhiệm vụ tiếp nhận nước thải và bơm nước thải về bể điều hòa. Tại bể thu gom lắp đặt thiết bị tách rác thô (song chắn rác, song chắn có khoảng cách khe 5 mm), nước thải qua song chắn rác đến bể gom, được bơm qua lưới lọc nghiêng để xử lý cơ học (loại các cặn, nilon, rác thải… còn sót lại). Các loại rác này có thể làm tắc nghẽn đường dẫn nước hoặc làm hư hỏng máy bơm. Rác sau khi lấy ra khỏi nước thải được thu gom, lưu giữ và xử lý cùng CTR sinh hoạt phát sinh từ dự án.

- Bể điều hòa (T-01): Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa nước thải về lưu lượng và nồng độ, giúp tạo chế độ làm việc ổn định cho các công trình phía sau, tránh hiện tượng

quá tải. Bể điều hòa được đảo trộn bởi quá trình cấp khí từ cánh khuấy chìm, tránh tình trạng lắng cặn và phát sinh mùi trong quá trình xử lý do vi sinh yếm khí. Nước thải từ bể điều hòa được bơm vào bể thiếu khí. Ssau bể điều hòa, trạm XLNT chia thành 2 line A và line B có cùng quy mô công suất và chạy song song, độc lập với nhau, cụ thể:

- Bể thiếu khí (T-02A/B):

Bể thiếu khí là nơi diễn ra quá trình anoxic hay còn gọi là quá trình denitrat giúp khử nitơ tổng. Tại đây NO_3^- được chuyển hóa thành N khi không có mặt Oxy hoặc có với mật độ thấp bởi các vi sinh vật thiếu khí. Đây là quá trình bắt buộc nhằm giảm được Nitơ trong nước thải. Bể thiếu khí được cấp khí gián đoạn từ máy thổi khí đảm bảo DO <0,2 mg/l để khuấy trộn hoàn toàn dòng nước thải vào bể thiếu khí và đảm bảo khả năng tiếp xúc của vi sinh vật với các chất trong nước. Nước và bùn tuần hoàn được bơm về bể thiếu khí để bổ trợ tăng cường cho bể thiếu khí để xử lý nitơ và bổ sung lượng vi sinh cần thiết.

Tại bể thiếu khí diễn ra đồng thời phản ứng chuyển hóa nitrat, nitrit thành khí nitơ thoát ra ngoài không khí và quá trình tổng hợp tế bào. Trong đó các vi sinh này cần nguồn cung là hợp chất hữu cơ để thực hiện 2 quá trình trên. Phản ứng tại bể anoxic có thể được biểu diễn như sau:

$$NO_3^- + 1{,}08CH_3OH + 0{,}24H_2CO_3 \rightarrow$$
$$\rightarrow 0{,}06C_5H_7NO_2 + 0{,}47N_2 + 1{,}68H_2O + HCO_3^-.$$

$$\frac{1}{70}C_{18}H_{19}O_9N + \frac{1}{5}NO_3^- + \frac{1}{5}H^+ \rightarrow \frac{1}{10}N_2 + \frac{17}{70}HCO_3 + \frac{1}{70}NH_4^+ + \frac{1}{5}H_2O.$$

- Bể hiếu khí (T-03A/B): Bể hiếu khí sử dụng chủng vi sinh vật hiếu khí để phân hủy chất thải. Trong bể này, vi sinh vật (còn gọi là bùn hoạt tính) tồn tại ở dạng lơ lửng sẽ hấp thụ oxy và chất hữu cơ (chất ô nhiễm) và sử dụng chất dinh dưỡng là Nitơ & Photpho để tổng hợp tế bào mới, CO_2, H_2O và giải phóng năng lượng. Tại bể hiếu khí, nhờ quá trình cấp khí cưỡng bức (bằng máy thổi khí) nhằm đảm bảo nồng độ oxy trong bể khoảng 2 mg/l để cung cấp dưỡng khí cần thiết cho vi sinh vật hiếu khí phân hủy sinh học các hợp chất hữu cơ .

Ngoài quá trình tổng hợp tế bào mới, tồn tại phản ứng phân hủy nội sinh (tế bào vi sinh vật già sẽ tự phân hủy) làm giảm số lượng bùn hoạt tính. Tuy nhiên quá trình tổng hợp tế bào mới vẫn chiếm ưu thế do trong bể duy trì các điều kiện tối ưu vì vậy số lượng tế bào mới tạo thành nhiều hơn tế bào bị phân hủy và tạo thành bùn dư cần phải được thải bỏ định kỳ.

Các phản ứng chính xảy ra trong bể xử lý sinh học hiếu khí gồm:

+ Quá trình Oxy hóa và phân hủy chất hữu cơ:

$$\text{Chất hữu cơ} + O_2 \rightarrow CO_2 + H_2O + \text{năng lượng}$$

+ Quá trình tổng hợp tế bào mới:

Chất hữu cơ + O_2 + NH_3 → Tế bào vi sinh vật + CO_2 + H_2O + năng lượng

+ Quá trình phân hủy nội sinh:

$$C_5H_7O_2N + O_2 \rightarrow CO_2 + H_2O + NH_3 + \text{năng lượng}$$

+ Bên cạnh quá trình khử BOD, phân hủy hợp chất hữu cơ, tại bể hiếu khí còn diễn ra quá trình nitrat hóa. Đây là phản ứng quan trọng chuyển hóa amoni, nitơ hữu cơ thành nitrat, được thực hiện bởi 02 chủng vi sinh chính là nitrobacter và nitrosonomas. Nitrat tạo thành sau phản ứng sẽ được tuần hoàn về bể thiếu khí để thực hiện quá trình khử thành nitơ không khí, khép kín quá trình AO xử lý nito. Phản ứng của quá trình được mô phỏng như sau:

$$C_{18}H_{19}O_9N + 19{,}5O_2 \rightarrow 18CO_2 + 9H_2O + H^+ + NO_3^-$$

- Bể lắng sinh học (T-04A/B): Sau phản ứng tại bể hiếu khí, nước thải sẽ tự chảy sang bể lắng sinh học, tại đây diễn ra quá trình phân tách bùn thải với nước. Dưới tác dụng của trọng lực, bùn hoạt tính bị rơi xuống đáy bể, phần nước trong đươc dẫn sang ngăn bể khử trùng. Để tăng hiệu quả lắng, tiến hành châm thêm hóa chất PAC để tạo bông bùn, giúp bùn vi sinh lắng nhanh hơn. Do có châm thêm hóa chất nên không hồi lưu bùn sau bể lắng về bể thiếu khí mà hồi lưu hỗn hợp bùn-nước cuối bể hiếu khí để kiểm soát lượng bùn và tỷ lệ F/M trong bể. Bùn dư ở đáy bể lắng được bơm về bể chứa và nén bùn sau đó ép bùn.

- Bể khử trùng: Nước thải sau xử lý có thể vẫn còn dư lượng lớn vi sinh vật, gây ảnh hưởng lên chỉ số coliform. Vì vậy để nước thải sau xử lý đảm bảo an toàn, không phát tán vi sinh gây bệnh, các chất có tính diệt khuẩn mạnh là Javen được thêm vào bể khử trùng. Nước sau bể khử trùng đảm bảo đạt Tiêu chuẩn đấu nối nước thải của KCN An Phát 1 được đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN An Phát 1.

- Bể chứa và nén bùn: Bể chứa và nén bùn có chức năng chứa lượng bùn dư được tạo thành trong quá trình xử lý. Bùn dư sẽ được phân hủy, điều này làm giảm thể tích lượng bùn dư. Một phần nước dư được tuần hoàn trở lại Bể thu gom để tiếp tục được xử lý, đồng thời dòng nước này cũng làm thức ăn và dinh dưỡng cho vi sinh vật. Bùn sau khi nén được bơm về xử lý tại máy ép bùn khung bản để loại bỏ nước thải chứa trong bùn. Bùn khô được chủ đầu tư thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định. Nước thải từ máy ép bùn băng tải được thu gom về bể thu gom để tiếp tục được xử lý.

- Hệ hóa chất, cấp khí: Hệ hóa chất của trạm bao gồm hệ bồn pha, bồn chứa hóa chất, hệ bơm định lượng hóa chất. Nhằm cung cấp các loại hóa chất phù hợp với công nghệ xử lý. Bao gồm:

+ Hệ hóa chất Methanol: Cấp dinh dưỡng và bể thiếu khí, để đảm bảo thông số Carbon trong xử lý sinh học.

+ Hệ hóa chất PAC: Cấp hóa chất PAC vào bể lắng.

+ Hệ hóa chất Javen: Cấp hóa chất Javen vào bể khử trùng.

+ Hệ hóa chất PAM: Cấp hóa chất PAM cho quá trình ép bùn để tăng hiệu quả ép.

+ Hệ cấp khí: Bao gồm máy thổi khí để cấp khí vào các bể: bể điều hòa, bể thiếu khí và bể hiếu khí.

Như vậy, công nghệ xử lý so với phương án đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường không có sự thay đổi, chỉ có điều chỉnh về mặt kích thước các bể và chia line chạy song song thay cho việc thiết kế và vận hành theo 3 modul.

Thông số kỹ thuật của các bể trong trạm XLNT tập trung

Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật của các bể trong trạm xử lý nước thải tập trung

TT	Tên bể	Ký hiệu	Số lượng (bể)	Kích thước (tính cho 01 bể)			Ghi chú
				Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao (m)	
1	Bể gom	T-00A/B	02	18,15	10	4,5	Kích thước trong lòng bể
2	Bể điều hòa	T-01	01	17,2	17,0	4,45	
3	Bể thiếu khí	T-02A/B	02	10,0	9,5	4,0	
4	Bể hiếu khí	T-03A/B	02	15,7	9,5	4,0	
5	Bể lắng sinh học	T-04A/B	02	(đường kính) D9,5		4,0	
6	Bể thu bùn	T-05A/B	02	1,2	0,7	4,45	
7	Bể khử trùng	T-06	01	6,1	0,7	4,45	
8	Bể chứa bùn	T-07	01	17,2	3,5	4,0	

(Nguồn: Bản vẽ hoàn công trạm XLNT tập trung của Dự án)

Bảng 3. 4. Danh mục máy móc thiết bị của trạm xử lý nước thải tập trung

TT	Mã thiết bị	Chủng loại, công năng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng
1	AB-01/02	Máy thổi khí tại bể	- Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 30 kW - Công suất thổi khí 37,5 m^3/phút - H=4.000 mmH_2O	02
2	AC	Máy nén khí	- Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 30 kW - Công suất 255 lít/phút - Áp suất 7 kg/cm^2	01
3	AG-01	Máy khuấy pha hóa chất PAM	- Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 0,75 kW - Tốc độ khuấy 50 vòng/phút	01
4	AG-02	Máy khuấy pha hóa chất Metanol	- Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 0,75 kW	01

TT	Mã thiết bị	Chủng loại, công năng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng
			- Tốc độ khuấy 50 vòng/phút	
5	AG-03	Máy khuấy pha hóa chất PAC	- Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 0,75 kW - Tốc độ khuấy 50 vòng/phút	01
6	AG-04A/B	Máy gạt bùn bể lắng	- Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 0,75 kW - Chu kỳ: 0,1 vòng/phút	02
7	DPC-01	Bơm định lượng PAM	- Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 0,18 kW - Lưu lượng 6.600 ml/phút - Áp suất 3bar	02
8	DPC-02A	Bơm định lượng Metanol	- Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 0,18 kW - Lưu lượng 6.600 ml/phút - Áp suất 3bar	02
9	DPC-02B	Bơm định lượng PAC	- Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 0,18 kW - Lưu lượng 6.600 ml/phút - Áp suất 3bar	02
10	FP	Máy ép bùn	- Kiểu: máy ép bùn băng tải - Công suất 6,5-10,5 m^3/giờ	01
11	FS-01	Máy tách rác sàn	- Lưu lượng: Q= 0-150 m^3/giờ	01
12	SM-01A/B	Máy khuấy bể điều hòa	- Máy khuấy chìm - Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 2,5 kW - Tốc độ khuấy 740 vòng/phút	02
13	SM-02A/B	Máy khuấy bể thiếu khí	- Máy khuấy chìm - Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 2,5 kW - Tốc độ khuấy 740 vòng/phút	02
14	SM-02C/D	Máy khuấy bể thiếu khí	- Máy khuấy chìm - Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 2,5 kW - Tốc độ khuấy 740 vòng/phút	02
15	SP-00A/B	Bơm nước thải từ bể gom về bể điều hòa	- Bơm chìm - Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 5,5 kW - Lưu lượng 2 m^3/phút - H=12,5 mH_2O	02
16	SP-01A/B SP-01C/D	Bơm nước thải từ bể điều hòa sang bể thiếu khí (bơm A/B bơm về T-02B và C/D bơm về T-02B)	- Bơm chìm - Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 5,5 kW - Lưu lượng 2 m^3/phút	04

TT	Mã thiết bị	Chủng loại, công năng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng
			- H=12,5 mH_2O	
17	SP-03A/B	Bơm hồi lưu bùn từ bể hiếu khí T-03A về bể thiếu khí T-02A	- Bơm chìm - Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 2,2 kW - Lưu lượng 0,9 m^3/phút - H=12,5 mH_2O	02
18	SP-03C/D	Bơm hồi lưu bùn từ bể hiếu khí T-03B về bể thiếu khí T-02B	- Bơm chìm - Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 2,2 kW - Lưu lượng 0,9 m^3/phút - H=12,5 mH_2O	02
19	SP-05A1/2	Bơm hồi lưu bùn từ bể lắng sinh học về bể thiếu khí T-02A	- Bơm chìm - Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 2,2 kW - Lưu lượng 0,9 m^3/phút - H=12,5 mH_2O	02
20	SP-05B1/2	Bơm hồi lưu bùn từ bể lắng sinh học về bể thiếu khí T-02B	- Bơm chìm - Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 2,2 kW - Lưu lượng 0,9 m^3/phút - H=12,5 mH_2O	02
21	SP-05A3/B3	Bơm xả bùn dư	- Bơm bùn - Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 1,5 kW - Lưu lượng 0,5 m^3/phút - H=10 mH_2O	02
22	SP-07A/B	Bơm nạp bùn từ bể nén bùn về máy ép bùn	- Bơm bùn - Điện áp 380V/3 pha/50Hz, công suất 0,75 kW - Lưu lượng 0,15 m^3/phút - H=10 mH_2O	02

(Nguồn: Bản vẽ hoàn công trạm XLNT tập trung của Dự án)

Bảng 3. 5. Nhu cầu sử dụng hóa chất của trạm xử lý nước thải tập trung

TT	Loại hóa chất	Định mức sử dụng (kg/m^3)	Khối lượng (kg/tháng)	Mục đích sử dụng
1	Metanol	0,015	1.168,4	Cấp dinh dưỡng cho bể thiếu khí, kiểm soát tỷ lệ F/M trong quá trình vận hành
2	NaOH	0,0005		Điều chỉnh pH của nước thải
3	PAC	0,002	156	Keo tụ, tạo bông tăng hiệu quả lắng tại bể lắng
4	Dung dịch Javen 10%	0,03	2.340	Khử trùng cho nước thải sau xử lý

TT	Loại hóa chất	Định mức sử dụng (kg/m^3)	Khối lượng (kg/tháng)	Mục đích sử dụng
5	PAM	0,00064	50	Cấp cho máy ép bùn, tăng hiệu quả và giảm thời gian ép

(Nguồn: Hướng dẫn vận hành trạm XLNT tập trung của công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

Một số hình ảnh thực tế của trạm XLNT tập trung đã xây dựng tại Dự án

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Theo báo cáo ĐTM đã được Bộ Tài nghuyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt kết quả thẩm định tại Quyết định số 110/QĐ-BTNMT ngày 10/01/2025, Dự án có các dòng phát sinh bụi, khí thải như sau:

Bảng 3. 6. Thống kê số lượng và lưu lượng của các công trình xử lý bụi, khí thải tại Dự án theo Quyết định số 110/QĐ-BTNMT ngày 10/01/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Số lượng, thông tin	Lưu lượng	Tổng lưu lượng (m^3/giờ)
I	**Nhà văn phòng**		**10.000**
1	01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực tiền xử lý tại tầng 02 Nhà văn phòng	10.000 m^3/giờ	10.000

II	**Nhà xưởng 2**		**30.500**
1	01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực CNC, mài, khoan tại Nhà xưởng 02	5.000 m^3/giờ	5.000
2	01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu in lụa, khắc tinh xảo laser tại Nhà xưởng 02	10.000 m^3/giờ	10.000
3	01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu đúc vỏ nhựa tại nhà xưởng 02	20.000 m^3/giờ	20.000
III	**Nhà xưởng 3**		**235.000**
1	01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải xưởng quang học và máy quét sàn tại tầng 1	15.000 m^3/giờ	15.000
2	02 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu dây cáp tại tầng 2	20.000 m^3/giờ/hệ thống	40.000
3	03 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu hàn sóng siêu âm tại tầng 4	20.000 m^3/giờ/hệ thống	60.000
4	02 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu hàn sau (chỉnh sửa mối hàn thủ công) tại tầng 4	10.000 m^3/giờ/hệ thống	20.000
5	04 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu hàn đối lưu và hàn song tại tầng 4	15.000 m^3/giờ/hệ thống	60.000
6	02 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu sản xuất dây chuyền tín hiệu tại tầng 3	20.000 m^3/giờ/hệ thống	40.000
	Tổng lưu lượng		**265.000**

Thực tế:

- Tại Nhà văn phòng: đã lắp đặt đường ống chờ để thu gom khí thải nhưng chưa lắp đặt máy móc thiết bị sản xuất của công đoạn này nên chưa có khí thải. Chủ dự án điều chỉnh dòng khí thải này sang giai đoạn 3.

- Tại Nhà xưởng 2: đã lắp đặt toàn bộ hệ thống thu gom, thoát khí và xử lý khí thải theo đúng báo cáo ĐTM, không có sự thay đổi.

- Tại nhà xưởng 3: do bố trí lại layout mặt bằng lắp đặt máy móc thiết bị, nên có sự điều chỉnh so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM:

+ Theo QĐ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM: Nhà xưởng 3 có 15 dòng khí thải tương ứng với 15 quạt hút của 15 hệ thống xử lý khí thải, tổng lưu lượng thiết kết là 235.000 m^3/giờ.

+ Thực tế: Nhà xưởng 3 có 12 dòng khí thải tương ứng với 12 quạt hút của 12 hệ thống xử lý khí thải, tổng lưu lượng thiết kế là 165.000 m^3/giờ. đã lắp đặt toàn bộ hệ thống ống chờ, các quạt hút và thiết bị xử lý khí thải cho cả 12 quạt, tuy nhiên, chưa lắp đặt máy móc thiết bị sản xuất tại tầng 1 nên có 4 quạt hút của tầng chưa có nguồn phát sinh khí thải.

Bảng 3. 7. Thống kê các công trình, thiết bị quạt hút trong hệ thống xử lý khí thải tại Nhà xưởng 3

STT	Quạt số	Tầng	Lưu lượng	Ghi chú
1	1F-2#	1	10.000	Đã có ống chờ, chưa có máy móc thiết bị phát sinh khí thải, đã lắp đặt hệ thống quạt hút và thiết bị xử lý khí thải
2	1F-1#	1	10.000	
3	1F-4#	1	10.000	
4	1F-3#	1	10.000	
5	2F-2#	2	10.000	Đã lắp đặt máy móc thiết bị
6	2F-1#	2	10.000	
7	3F-1#	3	5.000	Đã lắp đặt máy móc thiết bị
8	4F-1#	4	20.000	Có thay đổi về số lượng và công suất so với báo cáo ĐTM. Các quạt số 3#, 4#, 5# đã lắp quạt hút, thiết bị xử lý khí thải và ống chờ nhưng chưa có máy móc thiết bị sản xuất phát sinh khí thải
9	4F-2#	4	20.000	
10	4F-3#	4	20.000	
11	4F-4#	4	20.000	
12	4F-5#	4	20.000	
Tổng lưu lượng			**165.000**	

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

Toàn bộ các hệ thống thu gom, xử lý khí thải của Dự án đều sử dụng phương pháp xử lý là cụm gồm 1 tháp tích hợp quang phân tử UV kèm than hoạt tính, với các công suất xử lý 5.000 m^3/giờ, 10.000 m^3/giờ hoặc 20.000 m^3/giờ. Nguyên lý chung của quá trình xử lý khí thải như sau: Khí thải phát sinh → (Chụp hút) → Đường ống thu gom → Quang phân tử UV → Hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Môi trường.

Chi tiết về các hệ thống thu gom, xử lý khí thải như sau:

3.2.1. Hệ thống thu gom khí thải tại nhà xưởng số 2 (đã hoàn thiện và lắp đặt máy móc thiết bị)

Nhà xưởng 1 có 3 hệ thống thu gom, xử lý khí thải, không có thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, chi tiết như sau:

3.2.1.1. Hệ thống thu gom khí thải từ phòng sửa khuôn

Khí thải từ nguồn phát sinh gồm hơi dầu, bụi, phoi kim loại… từ các máy cắt, máy mài, máy gia công CNC trong phòng sửa khuôn được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 01 của Nhà xưởng 2 theo 03 nhánh thu:

- Nhánh thu khí 1, 2, 3 → Ống gom chung → Hệ thống xử lý khí thải (tháp tích hợp quang phân tử UV kèm than hoạt tính) công suất 5.000 m^3/giờ → Quạt hút → Ống thoát khí.

- Nhánh 1: 04 điểm đầu thu hút khí về ống thu D200 lắp đặt trên trần của xưởng. Chiều cao từ mặt sàn đến tâm ống là 3,9m, chiều dài ống thu D200 là 10,6m. Sau đó ống thu D200 nối vào đoạn ống D200 của ống gom chung.

- Nhánh 2: 05 điểm đầu thu hút khí về ống thu D200 lắp đặt trên trần của xưởng. Chiều cao từ mặt sàn đến tâm ống là 3,9m, chiều dài ống thu D200 là 12,5 m. Sau đó ống thu D200 nối vào đoạn ống D300 của ống gom chung.

- Nhánh 3: 04 điểm đầu thu hút khí về ống thu D200 lắp đặt trên trần của xưởng. Chiều cao từ mặt sàn đến tâm ống là 3,9m, chiều dài ống thu D200 là 8,355 m. Sau đó ống thu D200 nối vào đoạn ống D400 của ống gom chung. Và một điểm đầu thu hút khí D50 đấu nối trực tiếp vào đoạn ống D400 của ống gom chung.

- Ống gom chung là một đường ống ghép nối theo thứ tự: Ống D200 chiều dài 7,520m → Ống D300 chiều dài 8,620m → Ống D400 chiều dài 8,620m → Hệ thống xử lý khí thải.

- Hệ thống xử lý khí thải gồm 1 tháp tích hợp quang phân tử UV kèm than hoạt tính, kích thước (D×R×C) là 1.300×1.208×2.000 (mm), công suất xử lý 5.000 m^3/giờ.

- Ống thoát khí thải sau xử lý là ống D400 chiều cao 14,7m.

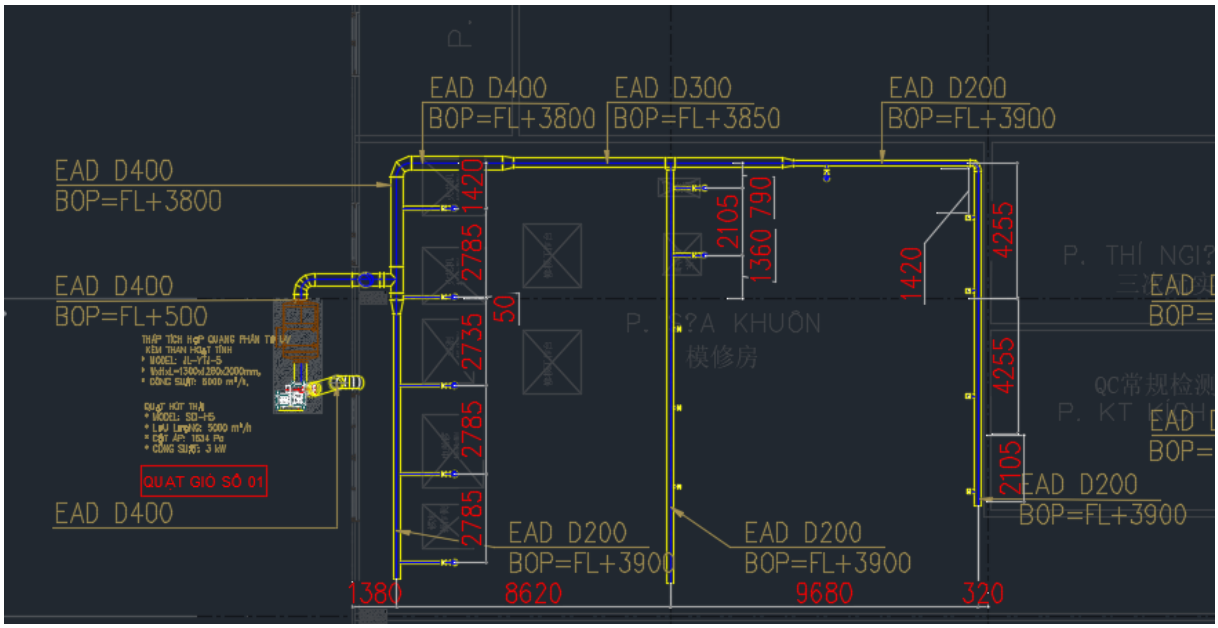

Hình 3. 5. Sơ đồ khối hệ thống thu gom, xử lý khí thải của hệ thống xử lý số 01 công

suất 5.000 m^3/giờ tại Nhà xưởng 2

3.2.1.2. Hệ thống thu gom khí thải khu vực in và khắc vỏ nhựa (phòng gia công)

Khí thải từ nguồn phát sinh gồm hơi dầu, dung môi, hóa chất vệ sinh lưới in… từ các bàn gia công khu vực in lụa và khắc khuôn trong phòng in và khắc được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 02 của Nhà xưởng 2 theo 8 nhánh thu:

- 5 nhánh thu khí từ các bàn thao tác khu vực in lụa, 1 nhánh thu khí từ khu vực máy sấy và 2 nhánh thu khí từ các khu vực khắc laser → Ống gom chung → Hệ thống xử lý khí thải (tháp tích hợp quang phân tử UV kèm than hoạt tính) công suất 10.000 m^3/giờ → Quạt hút → Ống thoát khí.

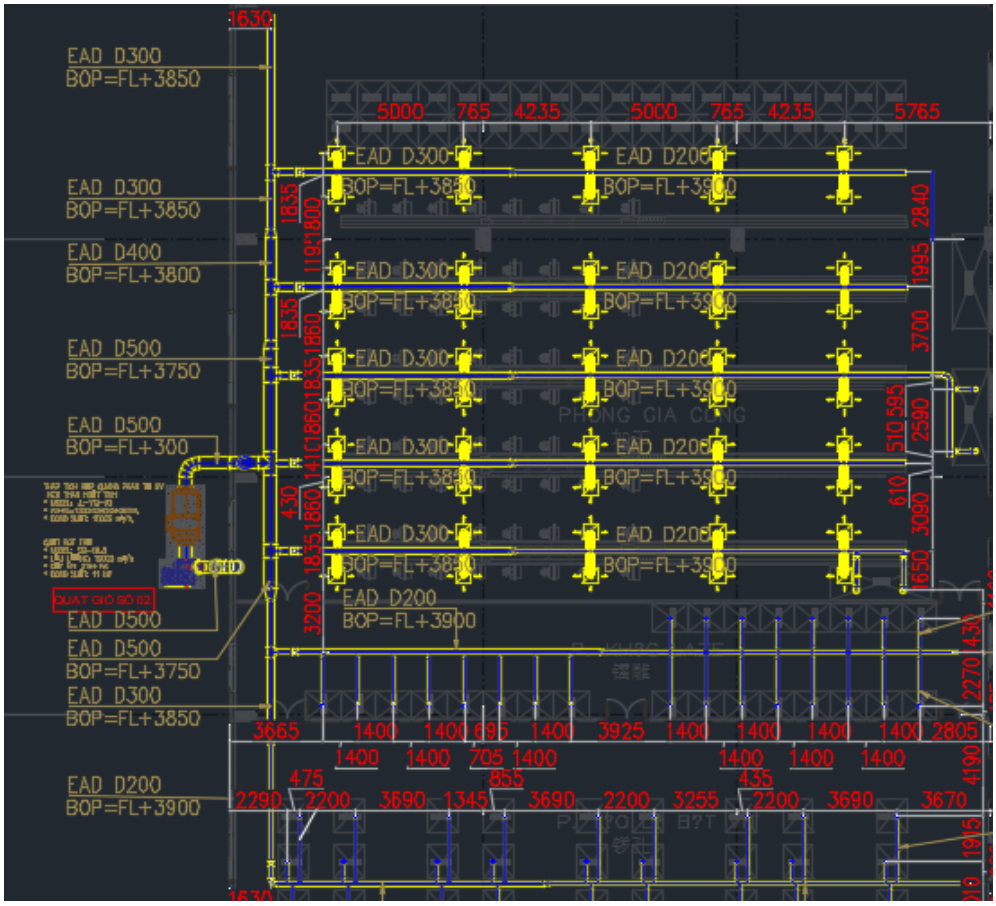

Hình 3. 6. Sơ đồ khối hệ thống thu gom, xử lý khí thải của hệ thống xử lý số 02 công suất 10.000 m^3/giờ tại Nhà xưởng 2

- 5 nhánh thu khí từ khu vực in lụa: 8 đầu hút D320 tại mỗi bàn thao tác → chụp hút khí → Ống thu D200 chiều dài 12m, tâm ống cao 3,90m so với sàn → Ống gom.

- 2 nhánh thu khí từ khu vực khắc laser: 4 đầu hút từ máy khắc laser → Ống thu D150 → Ống thu D200 chiều dài 12m, cao 3,9m so với sàn → Ống gom.

- 1 tủ sấy UV → Ống gom D300 chiều dài 5,0m, tâm ống cao 3,85m so với mặt sàn.

- Ống gom là một đường ống ghép nối theo thứ tự: Ống D200 chiều dài 7,520m → Ống D300 chiều dài 8,620m → Ống D400 chiều dài 8,620m → Hệ thống xử lý khí thải.

- Hệ thống xử lý khí thải gồm 1 tháp tích hợp quang phân tử UV kèm than hoạt tính, kích thước (D×R×C) là 1.300×1.208×2.000 (mm), công suất xử lý 10.000 m^3/giờ.

3.2.1.3. Hệ thống thu gom khí thải khu vực đúc vỏ nhựa

Khí thải từ nguồn phát sinh gồm hơi nhựa hơi phụ gia… từ các vị trí nung và đùn ép của khu vực đúc vỏ nhựa của Nhà xưởng 2 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 03 của Nhà xưởng 2 tại mỗi máy đùn ép theo 02 nhánh thu:

- Thiết bị máy đùn ép là một thiết bị kín, làm việc theo mẻ (như hình ảnh đã trình bày tại Chương 1, trang 13 của Báo cáo), tại vị trí từ từ phếu tiếp liệu đến buồng nung có 1 chụp hút/máy và từ vị trí vòi phun nhựa lỏng vào khuôn được hút về đường ống D60 dẫn về đường ống D400, đặt trên trân, chiều cao tâm ống cao 4,0m so với sàn.

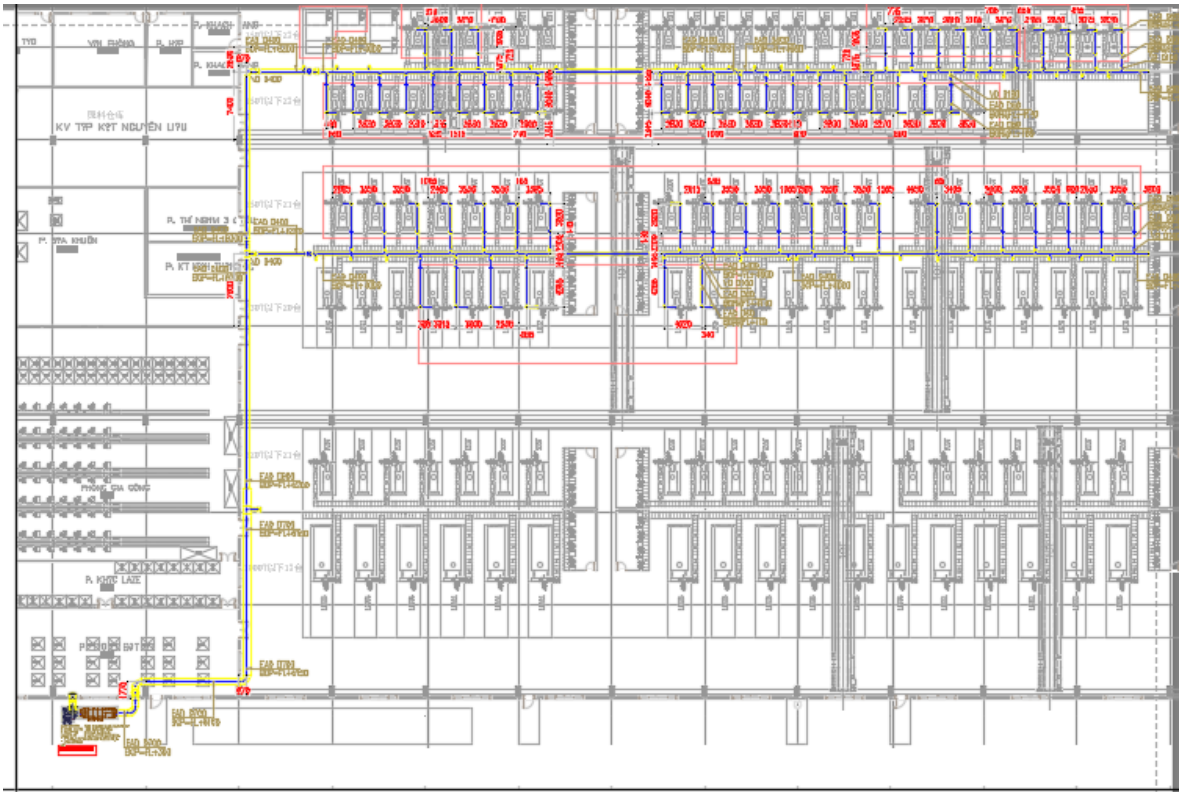

Hình 3. 7. Sơ đồ khối hệ thống thu gom, xử lý khí thải của hệ thống xử lý số 02 công suất 20.000 m^3/giờ tại Nhà xưởng 2

3.2.2. Hệ thống thu gom, xử lý khí thải tại nhà xưởng số 3 (các công trình đường ống thu gom, xử lý đã hoàn thiện và lắp đặt máy móc thiết bị)

Nhà xưởng 3 có 12 quạt hút thu gom, hút khí thải và xử lý khí thải. Quạt hút và hệ thống xử lý khí thải được lắp đặt trên tầng thượng của Nhà xưởng 3, hệ thống thu gom khí thải được bố trí theo các tầng:

- Tóm tắt hệ thống thu gom khí thải:

+ Các bàn thao tác khu vực hàn tay, dán linh kiện → chụp hút D320 → Ống nối từ chụp hút đến đường ống thu gom → Hệ đường ống thu gom theo mạng xương cá, với các đường ống D200, D300, D400 và D500 → Ống hộp đứng kích thước 620*320 (mm)

→ Quạt hút và Hệ thống tháp quang phân tử UV kết hợp than hoạt tính đặt tại tầng thượng của Nhà xưởng 3 → Ống thoát khí thải sau xử lý.

+ Các máy hàn dán tự động SMT → khoang kín phát sinh hơi, khí thải từ quá trình hàn → Ống nối từ khoang phát sinh khí thải của máy đến đường ống thu gom → Hệ đường ống thu gom theo mạng xương cá, với các đường ống D300, D400, D600 → Ống hộp đứng kích thước 620*320 (mm) → Quạt hút và Hệ thống tháp quang phân tử UV kết hợp than hoạt tính đặt tại tầng thượng của Nhà xưởng 3 → Ống thoát khí thải sau xử lý.

- Các quạt hút, ống thoát khí và các thiết bị xử lý khí thải được đặt trên tầng thượng của tòa nhà, khí thải phátt sinh tại mỗi tầng được thu gom bằng hệ thống đường ống lắp đặt phía trên trần, khoảng cách tứ tâm ống tới sàn khoảng 3,9m. Các ống ngang này thu gom khí thải về trục ống đứng kích thước 630*320 (mm). Ống đứng này chạy dọc theo cột trụ của nhà xưởng. Chi tiết về bố trí các hê thống đường ống thu gom, thoát khí thải thể hiện trong các hình dưới đây:

** Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát khí thải tại tầng 01 Nhà xưởng 3:*

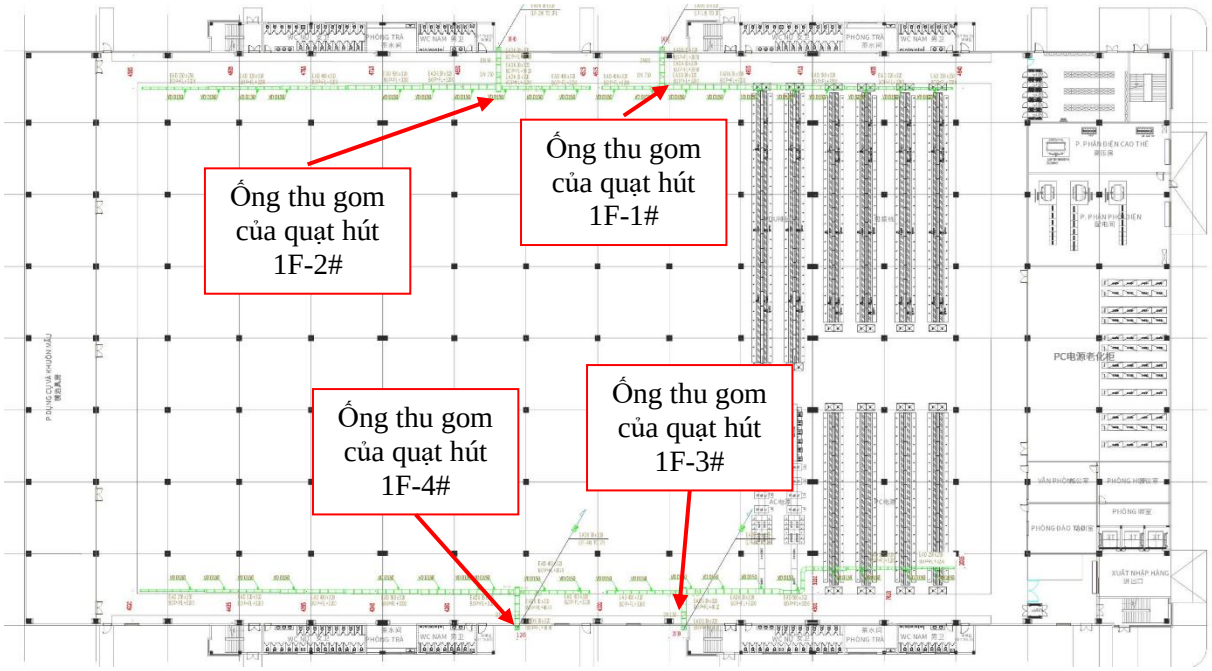

Hình 3. 8. Hệ thống thu gom, thoát khí thải tại tầng 1 của Nhà xưởng 3

** Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát khí thải tại tầng 02 Nhà xưởng 3:*

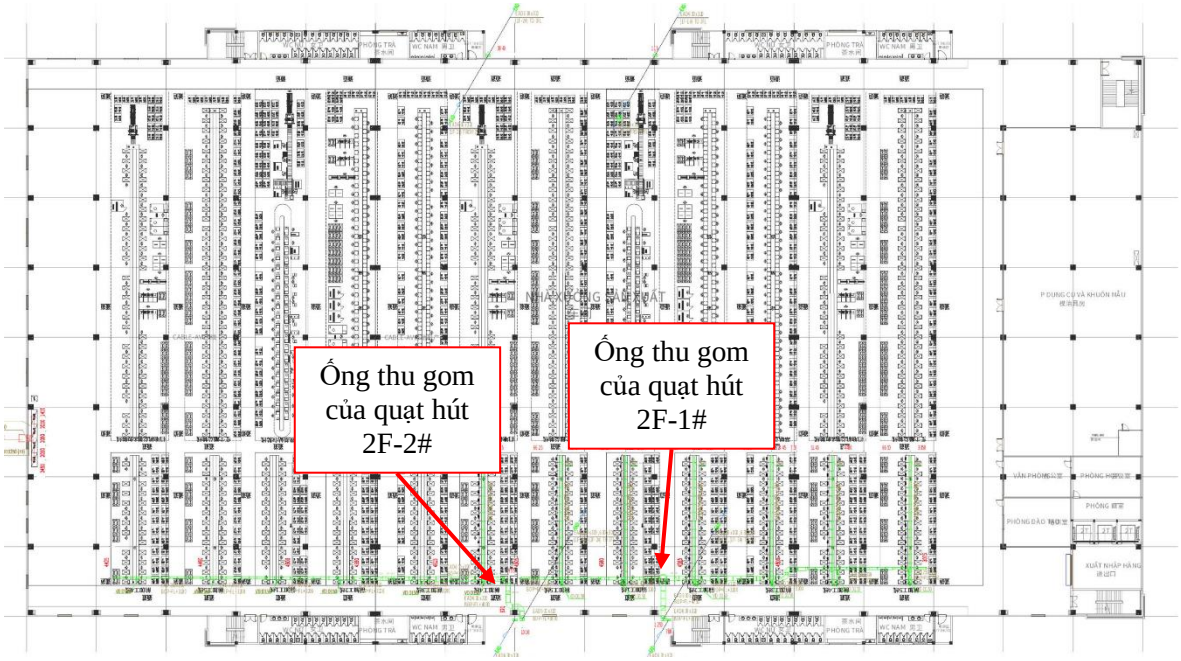

Hình 3. 9. Hệ thống thu gom, thoát khí thải tại tầng 2 của Nhà xưởng 3

** Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát khí thải tại tầng 03 Nhà xưởng 3:*

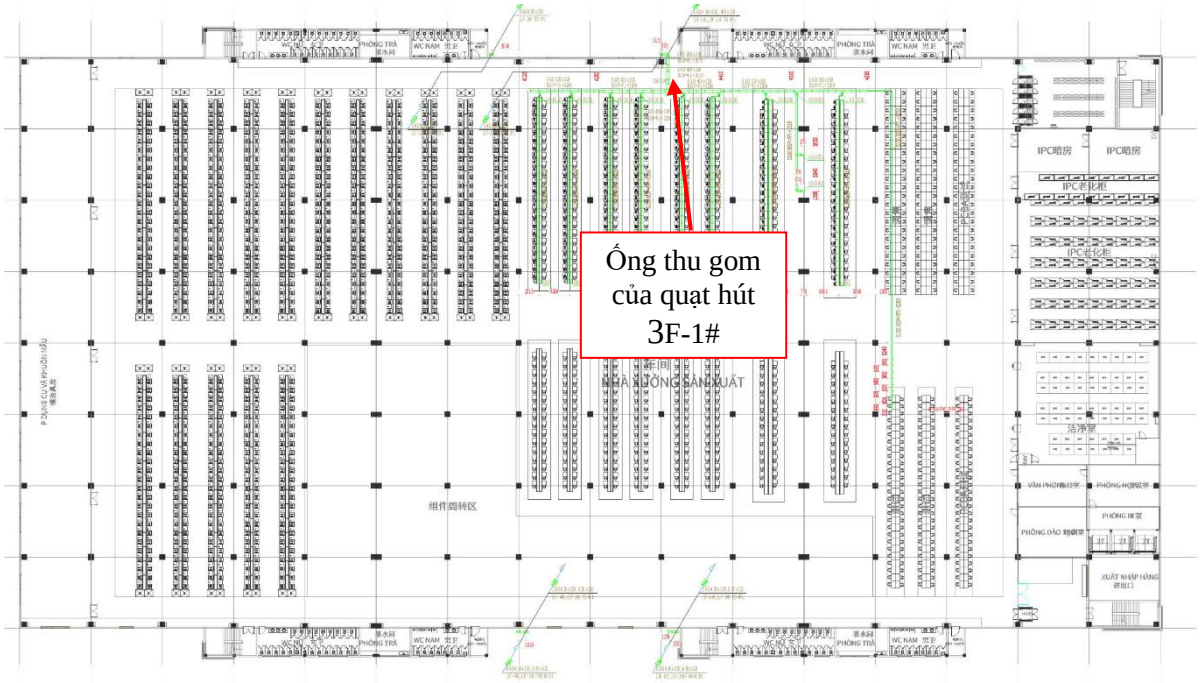

Hình 3. 10. Hệ thống thu gom, thoát khí thải tại tầng 3 của Nhà xưởng 3

** Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát khí thải tại tầng 04 Nhà xưởng 3:*

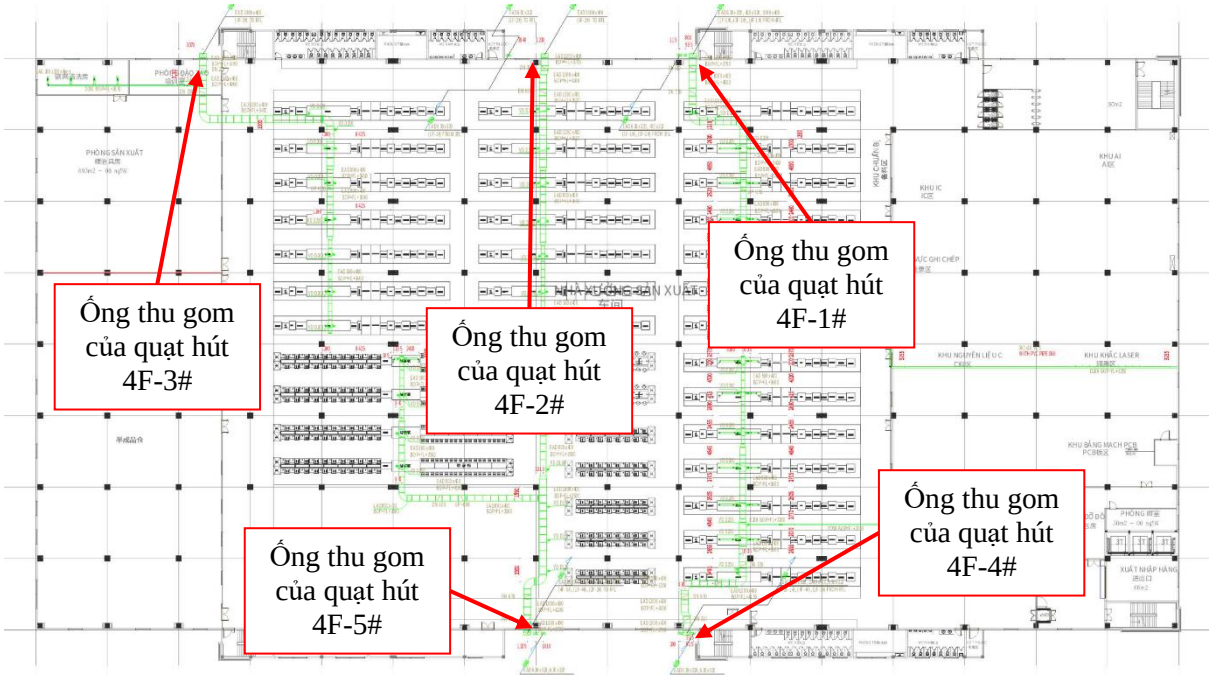

Hình 3. 11. Hệ thống thu gom, thoát khí thải tại tầng 4 của Nhà xưởng 3

Hình vẽ chi tiết tại bản vẽ hoàn công lắp đặt các hệ thống thu gom thoát khí thải đính kèm trong phụ lục báo cáo.

3.2.3. Các thiết bị xử lý khí thải tại Dự án:

- Tóm tắt quy tình chung xử lý khí thải: Khí thải phát sinh → (Chụp hút) → Đường ống thu gom → Quang phân tử UV → Hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Môi trường.

Tại các khu vực phát sinh khí thải sản xuất trong Nhà văn phòng, Nhà xưởng 2, Nhà xưởng 3, bố trí các chụp hút đồng bộ cùng với dây chuyền máy móc, thiết bị có công đoạn phát sinh bụi và khí thải. Khí thải từ các chụp hút được dẫn qua các ống dẫn có đường kính phù hợp với công suất quạt hút của hệ thống và dẫn qua hệ thống xử lý khí thải (bằng điện quang phân tử UV và hấp phụ than hoạt tính rồi thoát ra ngoài qua các ống thoát khí thải bố trí trên tầng mái của nhà xưởng).

Khí thải qua ống dẫn về tháp xử lý khí thải có cấu tạo hình hộp bằng thép carbon sơn tĩnh điện bên trong bố trí máy quang phân tử UV, tại đây các bộ tạo ozone có tác dụng xử lý các thành phần ô nhiễm trong khí thải. Sau đó dòng khí tiếp tục qua than hoạt tính dạng tổ ong để hấp thụ tiếp các thành phần ô nhiễm đảm bảo dòng khí qua quạt hút đẩy ra ống thoát khí đạt đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột C, trước khi xả thải ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Thông số cơ bản của các thiết bị xử lý khí thải:

Bảng 3. 8. Thông số cơ bản của các công trình, thiết bị xử lý khí thải tại Dự án

STT	Loại thiết bị	Mã thiết bị	Công suất (m^3/giờ)	Số lượng, vị trí, thông số kỹ thuật cơ bản
1	Quạt hút khí thải	SCI-H6.3	10.000	- Số lượng: 03 - Vị trí lắp đặt: Quạt số 2F-1#; 2F-2# của Nhà xưởng 3 và Quạt gió số 02 của Nhà xưởng 2 - Lưu lượng 10.000 m^3/giờ - Công suất 11kW - Cột áp 2.164 Pa
2	Quạt hút khí thải	SCI-H5	5.000	- Số lượng: 02 - Vị trí lắp đặt: Quạt số 3F-1# của Nhà xưởng 3 và Quạt số 01 của Nhà xưởng 2 - Lưu lượng 5.000 m^3/giờ - Công suất 3kW - Cột áp 1.534 Pa
3	Quạt hút khí thải	SCI-H8	20.000	- Số lượng: 06 - Vị trí lắp đặt: 4F-1#; 4F-2#; 4F-3#; 4F-4#; 4F-5# của Nhà xưởng 3 và Quạt gió số 03 của Nhà xưởng 2 - Lưu lượng 20.000 m^3/giờ - Công suất 22kW - Cột áp 2.268 Pa
4	Tháp tích hợp quang phân tử	JL-YJT-10	10.000	- Số lượng: 03 - Vị trí lắp đặt phía trước quạt 2F-1# và 2F-2# - Kích thước 1.300×1.280×2.400 (mm) - Công suất 11kW - Ống thoát khí thải cao 2,750 m so với mặt sàn, phần ống thoát cong dường kính D500
5	Tháp tích hợp quang phân tử	JL-YJT-5	5.000	- Số lượng: 02 - Vị trí lắp đặt phía trước quạt 3F-1# của Nhà xưởng 3 và Quạt gió số 01 của Nhà xưởng 2 - Kích thước 1.300×1.280×2.000 (mm) - Công suất 11kW - Ống thoát khí thải cao 2,797 m so với mặt sàn, phần ống thoát cong dường kính D400
6	Tháp tích hợp quang phân tử	JL-YJT-20	20.000	- Số lượng: 06 - Vị trí lắp đặt phía trước quạt 4F-1#; 4F-2#; 4F-3#; 4F-4#; 4F-5# của Nhà xưởng 3 và Quạt gió số 03 của Nhà xưởng 2 - Kích thước 1.300×1.280×3.780 (mm) - Công suất 11kW - Ống thoát khí thải cao 4,150 m so với mặt sàn, phần ống thoát cong dường kính D700

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

Một số hình ảnh các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải đã lắp đặt tại Dự án:

- Nhà xưởng 2:

Quạt hút và hệ thiết bị xử lý khí thải, ống thoát khí tại Nhà xưởng 2

Tủ sấy và hệ thống thu gom khí thải phát sinh tại Nhà xưởng 2

Tủ sấy và hệ thống thu gom khí thải phát sinh tại Nhà xưởng 2

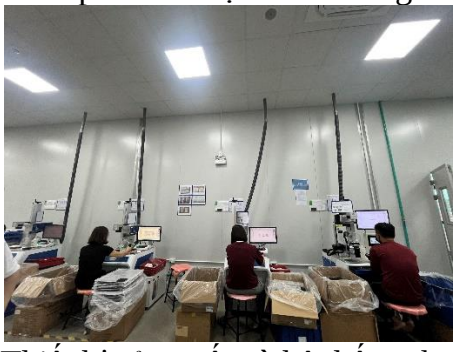

Thiết bị sản xuất và hệ thống thu gom khí thải tại khu vực khắc Laser, Nhà xưởng 2

Thiết bị sản xuất và hệ thống thu gom khí thải tại khu vực đúc vỏ nhựa, Nhà xưởng 2

- Nhà xưởng 3

Quạt hút và thiết bị xử lý khí thải, ống thoát khí tại tầng thượng của Nhà xưởng 3

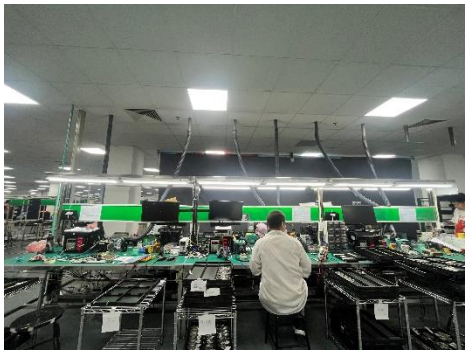

Khu vực thao tác hàn tay và hệ thống ống thu gom khí thải phát sinh tại tầng 3 của Nhà xưởng 3

Máy hàn dán bảng mạch tự động SMT (kín) kèm theo tích hợp hệ thống thu gom khí thải của mỗi máy tại tầng 4 của Nhà xưởng 3

Khu vực thao tác hàn/dán thủ công và hệ thống thu chụp hút, ống chờ thu gom khí thải bên trong Nhà xưởng 3

Hình 3. 12. Hình ảnh thực tế một số công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải đã lắp đặt tại Dự án trong giai đoạn 1 và 2

3.2.4. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

* Giảm thiểu bụi, khí thải do các phương tiện giao thông chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm và của công nhân viên:

- Tiến hành phun nước rửa các tuyến đường nội bộ, đặc biệt là các khu vực có nhiều xe lưu thông trong trường hợp cần thiết.

- Phương tiện vận chuyển đảm bảo tiêu chuẩn lưu hành về chất lượng khí thải, không sử dụng xe quá cũ để vận chuyển, giảm phát thải bụi và các khí độc hại như SO2, NOx, CO…

- Có chế độ điều tiết xe vận tải chở nguyên liệu, sản phẩm đi tiêu thụ hợp lý để tránh hiện tượng tắc nghẽn giao thông tại tuyến đường ra vào dự án.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Trồng cây xanh tại các khu vực trong dự án nhằm hạn chế phát tán bụi.

- Bê tông hóa các tuyến đường chính trong khu vực dự án để hạn chế mức độ phát sinh bụi.

- Không cho xe nổ máy khi tham gia giao, nhận hàng.

- Xe chở đúng trọng tải quy định, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về lưu thông.

- Trang bị khẩu trang, gang tay, kính mắt… cho những người làm việc tại các khu vực có khả năng phát sinh ô nhiễm không khí.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì phương tiện vận chuyển đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất:

+ Nhà xưởng được thiết kế thông thoáng, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp. Các khu vực có nguồn nhiệt cao được tăng cường điều kiện thông thoáng nhằm giảm nhiệt môi trường lao động. Sử dụng hệ thống làm mát không khí để cấp không khí mát vào khu vực có nhiệt độ cao. Trong xưởng sản xuất, không khí được trao đổi liên tục, thông thoáng nhờ hệ thống quạt thổi và thông gió tự nhiên qua hệ thống cửa mái.

+ Trang bị các thiết bị bảo hộ như khẩu trang, găng tay,... để phục vụ cho quá trình lao động sản xuất của công nhân làm việc tại các khu vực làm việc.

+ Trồng cây xanh, cây cảnh xung quanh nhà xưởng, văn phòng, đường nội bộ trong dự án.

+ Thường xuyên vệ sinh khu vực nhà xưởng sạch sẽ hàng ngày.

+ Lắp đặt hệ thống quạt hút gió công nghiệp tại các vị trí thích hợp trong nhà xưởng.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

* Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Căn cứ nhu cầu sử dụng lao động của Dự án trong giai đoạn 1 + 2 là khoảng 7.500 người, nhu cầu sử dụng lạo động thi công xây dựng và lắp đặt các hạng mục công trình của giai đoạn 3 là 60 người; lấy định mức phát sinh CTR sinh hoạt là 0,5 kg/người.ngày, ước tính lượng CTR sinh hoạt phát sinh trong phạm vi đề xuất cấp GPMT là khoảng 3.780 kg/ngày. CTR sinh hoạt có thành phần gồm chất khó phân hủy (túi nilon, vỏ chai, hộp đựng thức ăn…) và chất hữu cơ dễ phân hủy gây ra mùi hôi thối (thực phẩm thừa, rau, củ hỏng…). Các chất hữu cơ dễ phân hủy là môi trường tốt cho

các loài gây bệnh như ruồi, muỗi, chuột, gián... qua các vật trung gian có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người và động vật, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái của khu vực. CTR sinh hoạt nếu không được thu gom tốt sẽ làm mất Mỹ quan, gây mùi hôi thối ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường không khí khu vực và CBCNV làm việc tại nhà máy. Ngoài ra, CTR sinh hoạt không được thu gom đúng quy định có thể bị cuốn theo nước mưa làm ảnh hưởng chất chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

* Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt kho được phân loại tại nguồn gồm 3 loại sau:

+ Nhóm chất thải thực phẩm;

+ Nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế: giấy, nhựa, bìa carton…

+ Nhóm còn lại: giấy ăn, rác WC…

- Công ty trang bị các thùng chứa chất thải trong khuôn viên dự án, các loại thùng chứa chất thải bố trí có nắp đậy, dung tích từ 100-200 lít/thùng. Cụ thể như sau:

+ Tại khu vực văn phòng, nhà vệ sinh, nhà ăn: bố trí các thùng chứa rác các loại 20-50 lít/thùng, bằng nhựa hoặc inox có nắp đậy.

+ Tại vị trí dọc hành lang dự án: bố trí các thùng chứa dung tích khoảng 60 lít, 120 lít bằng nhựa, có nắp đậy và được nhãn dán.

+ Các thùng chứa được bố trí đảm bảo số lượng và tiêu chuẩn vệ sinh, đồng thời thuận lợi cho việc thu gom rác về khu vực tập kết CTRSH. CTRSH được nhân viên vệ sinh thu gom, tập kết từ các thùng rác trong khu vực phát sinh về 06 thùng chứa dung tích 600 lít có nắp đậy và được chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chuyển giao: Chất thải rắn sinh hoạt định kỳ 1 lần/ngày được chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Công ty ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để chuyển giao, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

* Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh gồm:

- Chất thải từ hoạt động xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 03:

+ Chất thải xây dựng phát sinh tối đa khoảng 25 tấn/tháng. Thành phần chủ yếu: Đất, đá, gạch ngói vỡ, cát sỏi, vỏ bao xi măng, sắt thép loại bỏ, chỉ phát sinh trong thời gian thi công xây dựng.

+ Chất thải từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị phát sinh tối đa khoảng 0,5 tấn/tháng. Thành phần chủ yếu: Nilon, thùng carton, giấy, xốp thải.

- Chất thải từ hoạt động sản xuất giai đoạn 01, 02:

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 7.260 tấn/năm. Thành phần chủ yếu: Bìa carton, dây buộc, pallet gỗ, bao bì nilon đựng

nguyên liệu, giấy văn phòng, sản phẩm lỗi không chứa thành phần nguy hại.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khoảng 5.040 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn cặn.

Tổng hợp khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại Dự án trong giai đoạn 1 + 2 được thể hiện trong bảng sau:

STT	Nguồn phát sinh	Khối lượng CTR thông thường (tấn/năm)
I	**CTR sinh hoạt** *Khối lượng phát sinh 3.780 kg/ngày*	**1.134**
II	**CTR xây dựng (thi công xây dựng giai đoạn 3)**	**50**
III	**CTR công nghiệp thông thường**	**7.260**
1	Dây chuyền hàn dán linh kiện lên bảng mạch (SMT) *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 7.371.000 (kg/năm)*	74
2	Dây chuyền sản xuất vỏ nhựa thiết bị điện tử *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 700.000 (kg/năm)*	7
3	Dây chuyền chế tạo và sửa chữa khuôn *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 864.410 (kg/năm)*	8,557
4	Dây chuyền sản xuất các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 4.489.000 (kg/năm)*	3
5	Dây chuyền sản xuất dây cáp tín hiệu *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 946.410.000 (kg/năm)*	5.459
6	Dây chuyền sản xuất Dây cáp truyền tín hiệu ô tô *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 61.938.000 (kg/năm)*	620
7	Dây chuyền sản xuất sản phẩm điện tử thông minh *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 22.260.000 (kg/năm)*	916
8	Dây chuyền sản xuất sản phẩm thiết bị điện gia dụng thông minh *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 17.150.000 (kg/năm)*	172
	Tổng	***8.444***

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

* Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Trong khu vực sản xuất, mỗi nhà xưởng bố trí khu vực thu gom bằng các thùng chứa 60-150 lít thùng, các thùng để thu gom lượng chất thải phát sinh.

- Sau đó sẽ hàng ngày sẽ chuyển về khu lưu phân loại rác tại nhà phụ trợ số 8 diện tích 494 m^2 tại đây rác được đưa đến các khu giữ chất thải tập trung tạm thời của Công ty, được chứa trong các thùng nhựa cứng 120 lít, bao túi mềm bằng nilon. Chất thải được phân loại trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý phù hợp.

- Hàng ngày, cuối mỗi ca làm việc, Công ty phân công các nhân viên thực hiện thu gom, phân loại các chất thải công nghiệp phát sinh trong ca sản xuất về khu vực lưu giữ tạm thời, quét dọn và vệ sinh khu vực nhà xưởng.

+ Đối với CTRCNTT phải xử lý: Được thu gom vào các bao tải và sắp xếp gọn gàng tại khu vực lưu chứa chất thải thông thường của dự án tại nhà phụ trợ số 1 rộng 2.063 m^2 với chiều cao trung bình là 1,5m, mật độ 70%: thể tích 2.166 m^3.

+ Đối với CTRCNTT có khả năng tái chế (bìa carton, phoi thép…): Được chủ dự án tập kết gọn gàng đưa và phòng ép rác tại nhà phụ trợ số 1 diện tích là 289 m2 và được ép đóng kiện thành các khối gọn gàng đưa về kho chứa chất thải có khả năng tái chế rộng 376 m^2, mật độ 70%, chiều cao 1,5 m: thể tích chứa rác 395 m^3. Kho có kết cấu: mái che kín, tường bao xung quanh tránh nắng và nước mưa, có biển báo đầy đủ theo quy định.

+ Việc sắp xếp, lưu chứa CTRCNTT đảm bảo số lượng và tiêu chuẩn vệ sinh, đồng thời thuận lợi cho việc bàn giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển.

- Công ty sẽ ký hợp đồng với các đơn vị thu mua phế liệu tại nhà máy, và các đơn vị có chức năng xử lý phù hợp đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật;

- Tần suất thu gom: Các loại chất thải không tái chế được tần suất thu gom 07-10 ngày/lần. Các loại phế liệu thu gom tùy theo số lượng thực tế phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

* Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động thi công, lắp đặt tối đa khoảng 138,76 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: Giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, ắc quy thải, bao bì mềm thải, que hàn thải, vỏ thùng sơn, cặn sơn.

- Chất thải nguy hại từ các hoạt động sản xuất giai đoạn 01, 02 phát sinh khoảng 88.530,5 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Bóng đèn huỳnh quang thải, các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải chứa thành phần nguy hại, các loại pin, ắc quy, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại, các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác, bao bì kim loại cứng thải, dung dịch hóa chất, hộp chứa mực in thải và mực in thải, than hoạt tính thải.

* Công trình, biện pháp thu gom, quản lý, lưu giữ CTNH: Chất thải nguy hại được phân loại tại nguồn và lưu giữ vào các dụng cụ chuyên dụng:

+ Toàn bộ khối lượng CTNH của dự án phát sinh được thu gom vào các thùng chứa nhựa HDPE, dung tích khoảng 50-200 lít, có nắp đậy và được dán nhãn đặt tại các khu vực sản xuất và hàng ngày được đưa về kho CTNH được xây dựng tại giai đoạn 01 có diện tích 288 m^2 tại Nhà phụ trợ 9.

+ Móng xây gạch đặc; nền bê tông trên lớp base đầm chặt dày 30 cm, mái lợp tôn; tường xây gạch trát vữa; có cửa che chắn bằng sắt có khóa đảm bảo không bị mưa nắng thâm nhập; có gờ chống tràn.

+ Khu vực lưu giữ CTNH phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến CTNH.

+ CTNH được chứa trong các thùng chứa bằng nhựa cứng dung tích 50-300 lít; có nắp đậy kín và dán nhãn mã số CTNH. Đối với các loại CTNH dạng lỏng như dầu thải, dung dịch rửa khuôn thải bỏ, dung dịch tẩy rửa thải, hoá chất thải bỏ từ quá trình mạ, rửa sẽ được thu gom vào các thùng phi dung tích 200 lít, có nắp đậy, lưu chứa tại kho CTNH của Nhà máy.

- Phương thức chuyển giao, xử lý: Công ty ký hợp đồng vận chuyển và xử lý với đơn vị có đủ chức năng theo quy định của pháp luật.

- Tần suất thu gom CTNH của nhà máy trung bình khoảng 07-10 ngày/lần, trong trường hợp CTNH phát sinh đột biến, sẽ tăng tần suất vận chuyển xử lý để đảm bảo hiệu diện tích kho lưu chứa của Nhà máy.

Hình 3. 13. Hình ảnh thực tế một số khu vực tập kết nội bộ, thu gom rác thải công nghiệp và kho chứa chất thải nguy hại của Dự án trong giai đoạn 1 và 2

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu do các phương tiện giao thông của cán bộ, công nhân viên và hoạt động của các loại máy móc. Biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng đến tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí thời gian làm việc và nghỉ ngơi cho công nhân của khu vực có độ ồn cao và giảm tối đa số lượng công nhân làm việc ở đó.

- Tại chân máy bố trí tấm đệm cao su để giảm tối đa độ rung trong quá trình vận hành máy. Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ. Cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên tra dầu bôi trơn cho các máy. Thông thường chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4÷ 6 tháng/lần, thiết bị cũ là 03 tháng/lần

- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân làm việc trong khu vực có mức ồn cao.

- Thực hiện trồng cây xanh xung quanh tường rào Công ty để tạo bóng mát và cảnh quan môi trường, giảm tác động của nhiệt độ và tiếng ồn;

- Thiết kế nhà xưởng hợp lý, đảm bảo độ ồn và rung động đạt quy chuẩn cho phéplắp đặt điều hòa nhiệt độ, hệ thống thông gió tại các nhà xưởng sản xuất để giảm lượng nhiệt phát sinh; Chọn vị trí đặt máy thích hợp. Bố trí các nơi làm việc cần yên tĩnh ở vị trí cách xa nguồn ồn. Đánh giá mức ồn trước khi lắp đặt.

- Bố trí phân lập các bộ phận gây ồn trong xưởng cách xa nhau (giảm mật độ thiết bị trên một đơn vị diện tích) nhằm giảm tác động lan truyền của sóng âm, bố trí thêm tường ngăn tiêu âm giữa các bộ phận.

- Bố trí các tấm vật liệu hút âm bằng xốp trên trần, trên tường, treo trong không gian nhà xưởng để hấp thu âm lan truyền trong không khí và phản xạ từ các vật dụng khác.

- Cửa sổ bố trí dạng vách nghiêng tiêu âm, cửa chính kín và bằng thép nặng hoặc treo rèm để hấp thu và ngăn tiếng ồn truyền ra ngoài.

- Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hay máy móc thiết bị dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi cho vào hoạt động lại. Ngoài ra, chủ đầu tư sẽ trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trực tiếp các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất với số lượng 02 bộ bảo hộ lao động/người.

- Phương tiện nhập nguyên liệu hay xuất hàng tắt máy khi không cần thiết.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức:

3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải

Để ứng phó với sự cố có thể xảy ra trong khi vận hành công trình xử lý chất thải, Chủ dự án nghiêm túc thực hiện các nội dung sau:

- Nhân viên vận hành được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố xảy ra.

- Phân công cán bộ kỹ thuật chuyên trách quản lý, kiểm tra thường xuyên các công trình xử lý chất thải, có khả năng ứng phó kịp thời với những sự cố có thể xảy ra; ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định để kiểm soát hiện trạng hoạt động của thiết bị và sớm phát hiện các lỗi, tránh xảy ra sự cố bất ngờ.

- Đối với công trình thoát nước thải, nhà máy sẽ thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, nạo vét, thông hút tránh làm tắc nghẽn.

- Sự cố cháy máy bơm là sự cố thường gặp trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải có thể do các yếu tố như bơm bị chèn vật lạ, bị tắc rác, lỗi do kết nối điện, kẹp van bơm, bơm làm việc ở áp lực cao hơn áp lực cho phép, quá tải…Đối với các nguyên nhân này cần thường xuyên kiểm tra tháo và vệ sinh đầu hút và đầu đẩy, khớp nối, đường ống của máy bơm, gắn bộ lọc rác dưới bơm, kiểm tra cường độ dòng điện, điều chỉnh áp suất của máy bơm… để máy bơm hoạt động với hiệu suất tốt nhất.

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông số vận hành hàng ngày như: lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố.

+ Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện.

+ Tiến hành bảo dưỡng định kỳ 1 tháng/lần, sửa chữa khi có hỏng hóc.

+ Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, phao, van, cánh khuấy... để thay thế khi cần thiết.

+ Dự trữ đủ lượng hóa chất cần thiết để vận hành hệ thống.

+ Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý. Nếu phát hiện có bất cứ thông số nào vượt quá ngưỡng cho phép theo Quy chuẩn hiện hành thì lập tức cho kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố phát sinh.

3.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý khí thải

+ Thiết kế, xây dựng hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy chuẩn, công suất xử lý đảm bảo xử lý triệt để khí thải phát sinh.

+ Giao công nhân vận hành, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục trong thời gian sản xuất.

+ Vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành như: lượng hóa chất sử dụng, lượng VOCs, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố.

+ Khi hệ thống xử lý khí thải xảy ra sự cố, nhà máy tạm thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố để khắc phục hệ thống giảm thiểu các tác động. Đồng thời trang bị đồ dùng bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong xưởng.Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án.

+ Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

+ Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện.

+ Tiến hành bảo dưỡng định kỳ 1 tháng/lần, sửa chữa khi có hỏng hóc.

+ Định kỳ 3 tháng/lần, quan trắc chất lượng khí thải đầu ra của hệ thống xử lý tại ống thải. Nếu phát hiện có bất cứ thông số nào vượt quá ngưỡng cho phép theo Quy chuẩn hiện hành thì lập tức cho kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố phát sinh.

- Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động phù hợp cho đội ứng cứu sự cố.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị trong hệ thống hút khí thải phát sinh từ nhà xưởng, hệ thống xử lý khí thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

3.6.3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố điện giật

- Thực hiện nghiêm quy chế quản lý an toàn, các quy trình an toàn được quy định.

- Trên công trường trang bị đầy đủ thuốc y tế, sơ cứu tối thiểu.

- Huấn luyện ứng cứu tình huống khẩn cấp cho công nhân trong công trường.

* Xử lý khi bị điện giật:

- Không tiếp xúc trực tiếp với nạn nhân khi chưa bảo đảm cách điện an toàn.

- Nhanh chống tách nguồn điện ra khỏi nạn nhân bằng cách: ngắt điện, cúp cầu dao, dùng dụng cụ cách điện như cây khô, đồ nhựa, mũ... tách nguồn điện ra khỏi nạn nhân.

- Chuyển nạn nhân đến nơi khô ráo, thoáng khí, an toàn.

- Nhanh chóng chuyển nạn nhân đến bệnh viện gần nhất để được theo dõi và xử trí kịp thời.

Tùy theo tình trạng nạn nhân chúng ta có cách xử lý khi bị điện giật riêng.

3.6.4. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Lập Ban an toàn lao động và bảo vệ môi trường tại công trường gồm trưởng ban chuyên trách và đại diện của mỗi tổ thi công xây dựng.

- Quy định các nội quy làm việc tại công trường, bao gồm nội quy ra, vào làm việc tại công trường; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; nội quy sử dụng thiết bị nâng cẩu; nội quy về an toàn điện; nội quy an toàn giao thông; nội quy an toàn cháy nổ... Các bảng nội quy công trường lắp đặt nơi dễ thấy, dễ đọc, nơi ra vào.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội quy (an toàn điện, nội quy công trường) cho công nhân bằng nhiều hình thức khác nhau như in nội quy treo tại công trường; tổ chức học nội quy; tổ chức tuyên truyền bằng loa phóng thanh; thanh tra và nhắc nhở tại hiện trường...

- Lắp đặt biển cấm người qua lại khu làm việc của thiết bị nâng cẩu. Cử cán bộ cảnh giới và chỉ huy thiết bị nâng cẩu.

- Tổ chức theo dõi tai nạn lao động, xác định kịp thời nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự.

- Tổ chức cứu chữa các ca tai nạn lao động nhẹ và sơ cứu các ca tai nạn nghiêm trọng trước khi chuyển về bệnh viện.

* Xử lý sự cố tai nạn lao động:

- Bước 1: Kịp thời sơ cứu cho người bị tai nạn: Ngay lập tức kiểm tra, nếu có thể di chuyển được người bị tai nạn, cần đưa đến nơi an toàn để thực hiện bước tiếp theo. Nếu không di chuyển được, tiến hành sơ cứu và gọi đội cứu hộ hoặc cấp cứu để có sự trợ giúp.

- Bước 2: Bảo vệ hiện trường

- Bước 3: Thông báo cho nhà quản lý và khai báo tai nạn lao động

- Bước 4: Đưa ra sự trợ giúp y tế từ người có chuyên môn: Sau khi đánh giá tình hình của người bị tai nạn, người sử dụng lao động cần có trách nhiệm thực hiện tham vấn y tế từ cơ sở uy tín để giảm thiểu thương tật, nếu cần thiết cần đưa nạn nhân đi cấp cứu tại bệnh viện.

3.6.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố ngộ độc thực phẩm

Nhận thức được ảnh hưởng tiêu cực của sự cố ngộ độc thực phẩm trong nhà ăn tập thể đối với sức khỏe của công nhân lao động, năng suất lao động của cơ sở, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu cụ thể như sau:

- Công ty tuyển dụng các đầu bếp vừa có tâm, có tay nghề và có giấy phép hành nghề nấu ăn.

- Thực phẩm được chọn mua từ các đơn vị cung cấp có uy tín trên địa bàn huyện.

- Các thiết bị nấu ăn như nồi, xoong chảo, bát đũa được vệ sinh sạch sẽ trước khi sử dụng.

- Đội ngũ nấu ăn được trang bị đầy đủ bảo hộ như găng tay, giày, mũ, quần áo, khẩu trang…

- Thực hiện các biện pháp sơ cứu tại chỗ, đưa công nhân đến cơ sở y tế gần nhất khi có sự cố xảy ra; Thông báo cho các cơ quan chức năng biết tình hình.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Do đặc thù của Dự án sử dụng nhiều các loại nguyên liệu nhựa và các loại linh kiện, thiết bị điện tử dễ xảy ra nguy cơ cháy nổ, vì vậy chủ dự án phải tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng ngừa, ứng phó với sự cố cháy nổ. Chủ dự án đã hoàn tất các thủ tục về PCCC và được hướng dẫn về công tác PCCC theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy (số 89/TD-PCCC do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 14/02/2025), cụ thể:

* Hệ thống PCCC: Để phòng ngừa và ứng phó với các sự cố về cháy nổ Chủ dự án lắp đặt các hệ thống phòng cháy chữa cháy và được cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về hệ thống PCCC, bao gồm:

(i) Hệ thống báo cháy tự động: Do đặc điểm, mục đích sử dụng của công trình và cách phân vùng quản lý thiết kế hệ thống báo cháy gồm: 1 tủ trung tâm báo cháy đặt tại mỗi nhà xưởng và 10 kênh đặt tại phòng trực bảo vệ đảm bảo quản lý tất cả các đầu báo cháy tại vị trí có nguy hiểm cháy. Tùy vào tính chất từng phòng, khu vực mà lắp đặt đầu báo cháy khói hay nhiệt.

(ii) Hệ thống chữa cháy: Hệ thống chữa cháy bằng nước gồm:

- Hệ thống chữa cháy ngoài nhà.

- Hệ thống chữa cháy họng nước vách tường.

- Các phương tiện chữa cháy ban đầu: Theo đặc điểm và tính chất của mục tiêu bảo vệ của công trình, để chữa cháy thích hợp với loại đám cháy cho từng tầng, Cơ sở chọn chất chữa cháy ban đầu là bột hoá học tổng hợp ABC loại 4kg bột và bình CO_2 loại 3kg khí cho tất cả các tầng. Bình chữa cháy được đặt trong cạnh họng nước chữa cháy và chung cùng hộp họng nước chữa cháy.

- Định kỳ hàng năm tổ chức thực tập phương án chữa cháy cho cán bộ công nhân viên của nhà máy.

- Xây dựng các phương án PCCC và tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt về PCCC. Các phương tiện PCCC được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng hoạt động.

- Các thiết bị điện sẽ được duy trì ở điều kiện an toàn, ngăn ngừa khả năng phát tia lửa điện của các thiết bị, dụng cụ điện ở các khu vực gây nguy hiểm.

- Thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra, nhắc nhở cán bộ công nhân viên chấp hành tốt các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy.

- Định kỳ bảo dưỡng các dụng cụ, phương tiện chữa cháy đã trang bị để đảm bảo có đủ số lượng, chất lượng để sẵn sàng chữa cháy theo quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị chức năng thực hiện tốt các quy định về phòng cháy chữa cháy.

3.8. Các công trình, hạng mục bảo vệ môi trường tiếp tục thi công xây dựng trong giai đoạn tiếp theo:

Lắp đặt các máy móc thiết bị của dây chuyền sản xuất các loại nguồn điện và thiết bị điều chỉnh nguồn điện trên ô tô và đường ống thu gom khí thải tại tầng 1 của Nhà xưởng 3 và tiếp cập nhật vào hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường của giai đoạn 3 theo quy định.

3.9. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần đã được cấp (nếu có).

Tổng hợp các điểm thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM đã được phê duyệt được tổng hợp tại bản dưới đây

Bảng 3. 9. Các thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Hiện trạng thực tế	Lý do thay đổi
I	**Hạng mục công trình xây dựng**			
1.1	Các hạng mục công trình xây dựng	- Phân kỳ đầu tư theo 03 giai đoạn, thi công xây dựng theo giai đoạn 1 + 2.	Đã thi công giai đoạn 1+2 và có điều chỉnh: - Thay đổi tên gọi của một số công trình, hạng mục (chi tiết tại bảng 1.17). - Hạng mục bể làm mát và bể PCCC có thêm mái. - Thi công toàn bộ cổng, hàng rào, mái che và hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà của toàn bộ dự án trong giai đoạn 1 + 2. - Bổ sung Nhà XLNT sinh hoạt 12 và xây dựng, lắp đặt với toàn bộ công suất 2.600 m^3/ngày.	- Điều chỉnh tên gọi để thống nhất với Giấy phép xây dựng số 04/2025/KCN-GPXD của BQL các KCN tỉnh Hải Dương cấp ngày 10/3/2025 về mặt hồ sơ. - Bổ sung thêm Nhà XLNT sinh hoạt 12 để phục vụ vận hành trạm.
	Một số hạng mục phụ trợ (có điều chỉnh về mặt xây dựng)	Các bể không có mái che.	- Bể nước làm mát và bể PCCC là các công trình, hạng mục có mái che	- Điều chỉnh để đảm bảo chất lượng công trình, phù hợp với điều kiện khí hậu thực tế.
1.2	Hệ thống thu gom thoát nước mưa	- Giai đoạn 1 thi công toàn bộ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Dự án. - Hệ thống thoát nước mưa bao gồm: Cống BTCT D 400 dài 2.755m, Cống BTCT D 600 dài 1.815m, Cống BTCT D 800 dài 854m, Cống BTCT D 1000 dài 48m; Rãnh xây B400 dài 65m; 283 hố ga, 06 điểm	- Chưa thi công một số tuyến thu gom, thoát nước mưa: + Tuyến ống thoát nước mưa dọc theo tuyến đường nội bộ giữa Nhà xưởng số 5 và Nhà ăn số 7 với khu đất cây xanh; + Tuyến ống thoát nước mưa dọc theo tuyến đường nội bộ giữa Nhà xưởng số 5 với Nhà ăn số 7;	- Tiến độ thi công điều chỉnh Theo tiến độ cấp giấy phép xây dựng, - Kích thước đường ống đứng thu gom nước mưa thay đổi theo hiện trạng thi công các công trình nhà xưởng hiện nay, đáp ứng khả năng tiêu thoát nước mưa của Nhà máy, đảm bảo không bị ngập úng.

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Hiện trạng thực tế	Lý do thay đổi
		đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN.	+Tuyến ống thoát nước mưa trên tuyến đường nội bộ giữa Nhà xưởng số 4 và Nhà xưởng số 5.	
1.3	Hệ thống thu gom, lưu giữ chất thải	- 01 khu vực tiếp nhận và phân loại rác thông thường tại Nhà phụ trợ số 01 diện tích 494 m^2. - CTR công nghiệp thông thường: Với các chất thải thông thường cồng kềnh như là bìa carton… được đưa về phòng ép rác 289 m^2; các loại chất thải thông thường có thể tái chế được lưu vào kho kiểm soát rác thông thường rộng 376 m^2, các loại rác thông thường khác lưu giữ trong các khu vực của kho rác rộng 2.063 m^2. - Chất thải nguy hại được tập kết và lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 284m^2 tại nhà phụ trợ số 02.	- Điều chỉnh tên gọi của công trình có kho chất thải thành "Nhà phụ trợ 8" để thống nhất với Giấy phép xây dựng. - Kho chất thải nguy hại có diện tích 288 m^2 được đặt tại Nhà phụ trợ 9. .	- Điều chỉnh tên gọi của công trình có kho chất thải để thống nhất với Giấy phép xây dựng. - Thay đổi quy mô diện tích kho chứa chất thải phù hợp với khối lượng phát sinh của Dự án.
II	**Bố trí dây chuyền, máy móc, thiết bị và số lượng đã lắp đặt tại các nhà xưởng**			
2.1	Nhà văn phòng	- Dây chuyền cắt dây: 49 máy cắt tại tầng 02 nhà văn phòng. - Lắp đặt và đi vào hoạt động hệ thống xử lý khí thải khu vực tiền xử lý (cắt dây) tại tầng 2 của Nhà văn phòng 1 trong giai đoạn 1 + 2.	- Chưa lắp đặt máy móc thiết bị dây chuyền xử lý. - Chưa lắp đặt máy móc thiết bị khu vực tiền xử lý tại tầng 2 của Nhà văn phòng, đã có ống chờ để lắp đặt hệ thống xử lý khí thải nhưng chưa lắp đặt thiết bị quạt hút, ống thoát.	- Chủ dự án đề xuất điều chỉnh sang lắp đặt và xin cấp phép trong giai đoạn 3 do hiện tại chưa có đủ đơn hàng để triển khai lắp đặt và vận hành thử nghiệm dây chuyền của loại sản phẩm này.

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Hiện trạng thực tế	Lý do thay đổi
2.2	Nhà xưởng 2	- Dây chuyền chế tạo và sửa chữa khuôn: 01 máy CNC, 01 máy khắc, 02 máy bắn tia lửa, 02 máy phay, 01 máy mài chính xác cao, 01 máy mài dao, 01 máy cưa, 01 máy hàn laser, 01 máy hàn argon, 01 máy mài dao đa năng, 01 máy khoan nhỏ tại nhà xưởng 02. - Dây chuyền sản xuất vỏ nhựa: 90 máy ép phun kiểu nằm, 13 máy đục lỗ, 12 máy in laser, 04 máy in lưới, 02 máy sấy, 15 máy dán màng bảo vệ tại nhà xưởng 02. - Toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị lắp đặt xong và đi vào hoạt động sản xuất trong giai đoạn 2.	Thực tế, số lượng máy móc thiết bị có tổng và số máy móc thiết bị đã lắp đặt có thay đổi: - Dây chuyền chế tạo và sửa chữa khuôn (đã lắp đặt): 01 máy phay M3, 01 máy mài chính xác cao, 1 máy cưa và 1 máy hàn Argon. Các thiết bị còn lại được lắp đặt trong giai đoạn tiếp theo của Dự án. - Dây chuyền sản xuất vỏ nhựa: + 126 máy ép phun kiểu nằm với các công suất khác nhau (đã lắp đặt 35 máy. + 30 máy đục lỗ (đã lắp đặt 6 máy). + 30 máy in lưới (đã lắp đặt 18 máy). + 5 máy sấy (đã lắp đặt 2 máy). + 30 máy dán màng bảo vệ (đã lắp đặt 18 máy).	- Lắp đặt máy móc theo từng giai đoạn để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Dự án. - Dây chuyền sản xuất vỏ nhựa: + Máy đùn ép: tổng công suất đùn ép không thay đổi nhưng bố trí thêm các máy có công suất nhỏ thay cho các máy có công suất lớn để đa dạng về mặt chủng loại, đơn hàng nhận sản xuất.
2.3	Nhà xưởng 3	- Giai đoạn 2: hoàn thành lắp đặt máy móc thiết bị và đưa vào vận hành toàn bộ Nhà xưởng 3. - Bố trí thiết bị tại mỗi tầng đều có máy hàn sóng tự động. - Bố trí máy móc thiết bị sản xuất tại các tầng: + Tầng 1: dây chuyền sản xuất thiết bị gia dụng thông minh và các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu (máy quét sàn thông minh, camera...).	- Không có thay đổi về thiết kế xây dựng, đã xây xong công trình nhưng chỉ lắp đặt máy móc thiết bị tại một số khu vực (chưa đi vào vận hành toàn bộ trong giai đoạn 2). - Thay đổi về mặt bằng bố trí máy móc thiết bị bên trong các tầng: máy hàn sóng tự động được bố trí tập trung trên tầng 4, tổng số lượng máy hàn sóng không thay đổi tăng lên so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. + Tầng 1: dây chuyền sản xuất các sản phẩm nguồn điện và nguồn điện trong ô tô (chưa lắp	- Để thuận tiện cho việc vận chuyển nội bộ và phân phối các bán sản phẩm đến các dây chuyền sản xuất khác trong Nhà xưởng 3. Không tăng tác động đến môi trường không khí so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. (chi tiết tại mục 1.3.2 của Chương I và mục 3.2.2 tại Chương III của báo cáo).

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Hiện trạng thực tế	Lý do thay đổi
		+ Tầng 2: dây chuyền sản xuất cáp CABLE-AV và dây chuyền sản xuất cáp CABLE-USB, cáp tín hiệu ô tô các loại. + Tầng 3: dây chuyền sản xuất các sản phẩm nguồn điện và nguồn điện trong ô tô. + Tầng 4: Dây chuyền dán bảng mạch tự động và sản xuất thiết bị truyền tín hiệu.	đặt thiết bị sản xuất, đã lắp đặt ống chờ của hệ thống thu gom khí thải và quạt hút, hệ thống tháp xử lý khí thải của tầng 1, Nhà xưởng 3). + Tầng 2: dây chuyền sản xuất cáp CABLE-AV và dây chuyền sản xuất cáp CABLE-USB, cáp tín hiệu ô tô các loại. + Tầng 3: dây chuyền sản xuất thiết bị gia dụng thông minh và các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu (máy quét sàn thông minh, camera...). + Tầng 4: Hệ máy dán bảng mạch tự động của dây chuyền sản xuất tại các tầng khác.	
III	**Hệ thống thu gom và xử lý nước thải**			
3.1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	01 trạm XLNT tập trung chia 3 modul, phân kỳ đầu tư 3 giai đoạn: + GĐ1: modul 1 công suất 650 m^3/ngày đêm. + GĐ2: modul 2 công suất 1.150 m^3/ngày đêm. + GĐ3: modul 3 công suất 800 m^3/ngày đêm. - Tổng công suất thiết kế trạm 2.600 m^3/ngày đêm.	- 01 trạm XLNT tập trung gồm 2 line song song, tổng công suất 2.600 m^3/ngày đêm và không chia modul. Không điều chỉnh về công nghệ xử lý	Điều chỉnh phù hợp với kế hoạch vận hành và tuyển dụng nhân viên của Công ty, tiết kiệm chi phí xây dựng và chi phí vận hành.
IV	**Hệ thống thu gom và xử lý khí thải**			

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Hiện trạng thực tế	Lý do thay đổi
4.1	Số lượng nguồn phát sinh bụi, khí thải, hệ thống thu gom, hút khí thải	- Nhà văn phòng 1: 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải - Nhà xưởng 2: 03 hệ thống thu gom, xử lý khí thải, vị trí, lưu lượng và công suất không có sự thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. - Nhà xưởng 3: Tầng 1 chưa lắp đặt máy móc thiết bị vận hành nên chưa phát sinh khí thải (nhưng đã lắp đặt quạt hút và các đường ống chờ), các tầng 2, 3 và 4 thay đổi về mặt bằng bố trí thiết bị dẫn đến thay đổi về hệ thống thu gom, thoát khí thải.	- Nhà văn phòng 1: Thay đổi về tiến độ thực hiện, hiện chưa lắp đặt máy móc thiết bị và hệ thống xử lý. - Nhà xưởng 2: không có sự thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. - - Nhà xưởng 3: tăng số lượng chụp hút thu gom khí thải, giảm tổng lưu lượng khí thải phát sinh và thay đổi về hệ thống mạng ống thu gom, thoát khí thải.	Điều chỉnh phù hợp với kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đảm bảo đủ điều kiện để vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải.
4.2	Số lượng, công suất của các hệ thống xử lý khí thải	- Nhà xưởng 3: có 15 hệ thống xử lý khí thải, tổng lưu lượng tối đa là 235.000 m^3/giờ.	- Nhà xưởng 3: có 12 hệ thống xử lý khí thải, tổng lưu lượng tối đa 165.000 m^3/giờ (trong đó có 4 hệ thống của tầng 1 tổng lưu lượng 40.000 m^3/giờ chưa lắp đặt máy móc thiết bị phát sinh và thiết bị xử lý).	Điều chỉnh do thay đổi mặt bằng bố trí thiết bị để thu gom gộp chung những nguồn khí thải có cùng tính chất để xử lý.
4.3	Vị trí, kích thước của các ống xả khí thải sau xử lý	- - Không quy định chi tiết tọa độ các vị trí của các ống xả khí sau xử lý.	Thay đổi tọa độ và kích thước của ống xả khí thải sau xử lý tại Nhà xưởng 3.	Điều chỉnh do giảm số nguồn phát sinh và công suất của hệ thống xử lý khí thảo so với báo cáo ĐTM.

Ghi chú: Dự án không có nội dung thay đổi về quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, vị trí xả trực tiếp nước thải sau xử lý vào nguồn nước theo quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

4.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Dự án "Dự án đầu tư của Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam" không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý được thu gom về hệ thống thu gom nước thải, chảy về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phát 1 để tiếp tục xử lý và không xả trực tiếp ra môi trường).

Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam đã ký Hợp đồng thuê đất và sử dụng cơ sở hạ tầng số 0807/2023/HĐTLĐ/AP1-CELINK ngày 07/8/2023 với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1, tại Phụ lục số 03 (ký bổ sung ngày 22/10/2024) thỏa thuận đấu nối toàn bộ nước thải sinh hoạt của Dự án về trạm XLNT tập trung của KCN An Phát 1 và xử lý theo quy định của pháp luật. Vị trí đấu nối: Đấu nối nước thải vào hố ga T137 của KCN An Phát 1. Tọa độ điểm đấu nối: X (m) = 2325098.06; Y (m) = 588975.55 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^{o}30', múi chiếu 3^o).

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà ăn được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ cùng với nước thải từ khu nhà vệ sinh theo đường ống dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án công suất thiết kế 2.600 m^3/ngày đêm để xử lý, sau đó dẫn về hố ga T137 đấu nối vào hệ thống thu gom, dẫn nước thải chung của Khu công nghiệp An Phát 1 để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất tại các máy gia coogn CNC được lưu chứa vào các bể chứa kín tích hợp trong thiết bị, định kỳ 1 lần/tuần chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng để xử lý.

b. Công trình thiết bị xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại/bể tách mỡ → Hệ thống thu gom nước thải → Bể gom chung → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước sau xử lý chung (đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN An Phát 1) → Đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập

trung của KCN An Phát 1. Bùn dư từ quá trình xử lý nước thải được đưa về bể chứa bùn, định kỳ được đơn vị có chức năng bơm hút đem xử lý.

* Nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình: Được lưu chứa vào các bể chứa kín tích hợp trong thiết bị lưu trữ → định kỳ 1 lần/tuần chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý như chất thải nguy hại.

c. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

d. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Phân công cán bộ có trình độ chuyên môn để quản lý, vận hành đúng quy trình kỹ thuật và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

- Niêm yết sơ đồ quy trình công nghệ và hướng dẫn vận hành của hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xây lắp.

- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn hoạt động hiệu quả.

- Định kỳ vệ sinh các đường ống thu thoát nước mưa, nước thải; nạo hút bùn cặn tại các hố ga, bể tự hoại, bể chứa bùn; vớt váng dầu mỡ tại bể tách mỡ.

- Trang bị các phương tiện, máy móc, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời trong các bể xử lý để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải (nếu có):

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

Dự án có các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

+ Nguồn số 01: Khí thải từ hoạt động của các máy CNC và máy mài, khu vực phòng sửa khuôn, thực hiện gia công khuôn tại Nhà xưởng 2; khí thải nguồn này được thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom và Quạt số 01 - Nhà xưởng 2.

+ Nguồn số 02: Khí thải phát sinh tại các bàn thao tác khu in, máy cắt và máy sấy sau in của công đoạn in lụa và khắc laser tại Nhà xưởng 2; khí thải nguồn này được thu

gom bằng hệ thống đường ống thu gom và Quạt số 02 - Nhà xưởng 2.

+ Nguồn số 03: Khí thải phát sinh tại các máy đùn ép của khu vực đúc vỏ nhựa tại Nhà xưởng 2; khí thải nguồn này được thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom và Quạt số 03 - Nhà xưởng 2.

+ Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ công đoạn cắt dây, dán keo, hàn thủ công... tại các bàn thao tác của khu vực sản xuất dây cáp CABLE-AV tại tầng 2 của Nhà xưởng 3; khí thải nguồn này được thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom và Quạt số 2F-1# của Nhà xưởng 3.

+ Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ công đoạn cắt dây, dán keo, hàn thủ công... tại các bàn thao tác của khu vực sản xuất dây cáp CABLE-USB tại tầng 2 của Nhà xưởng 3; khí thải nguồn này được thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom và Quạt số 2F-2# của Nhà xưởng 3.

+ Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn thủ công, dán keo… tại các bàn thao tác của khu vực sản xuất (sản xuất thiết bị gia dụng thông minh) tại tầng 3 của Nhà xưởng 3; khí thải nguồn này được thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom và Quạt số 3F-1# của Nhà xưởng 3.

+ Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn thủ công… tại các bàn thao tác của khu vực sản xuất (sản xuất các loại camera) tại tầng 3 của Nhà xưởng 3; khí thải nguồn này được thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom và Quạt số 3F-1# của Nhà xưởng 3.

+ Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn dán tự động của 7 máy hàn dán bảng mạch tự động tại tầng 4 của Nhà xưởng 3; khí thải nguồn này được thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom và Quạt số 4F-1# của Nhà xưởng 3.

+ Nguồn số 09: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn dán tự động của 7 máy hàn dán bảng mạch tự động tại tầng 4 của Nhà xưởng 3; khí thải nguồn này được thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom và Quạt số 4F-2# của Nhà xưởng 3.

+ Nguồn số 10: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn dán tự động của 7 máy hàn dán bảng mạch tự động tại tầng 4 của Nhà xưởng 3; khí thải nguồn này được thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom và Quạt số 4F-3# của Nhà xưởng 3.

+ Nguồn số 11: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn dán tự động của 7 máy hàn dán bảng mạch tự động tại tầng 4 của Nhà xưởng 3; khí thải nguồn này được thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom và Quạt số 4F-4# của Nhà xưởng 3.

+ Nguồn số 12: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn dán tự động của 7 máy hàn dán bảng mạch tự động tại tầng 4 của Nhà xưởng 3; khí thải nguồn này được thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom và Quạt số 4F-5# của Nhà xưởng 3.

+ Nguồn số 13: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn thủ công của các bàn thao tác khu vực sửa chữa bảng mạch hàn lỗi tại tầng 4 của Nhà xưởng 3; khí thải nguồn này được thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom và Quạt số 4F-5# của Nhà xưởng 3.

4.2.2. Dòng khí thải:

Dự án đề nghị cấp phép đối với 11 dòng khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý của quạt hút F-1# của hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực CNC, mài, khoan tại phòng sửa khuôn Nhà xưởng 02, công suất 5.000 m^3/giờ. Tọa độ ống thoát khí: X= 2324950.66, Y = 588453.71 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105o30', múi chiếu 3o).

- Dòng khí thải số 02: Khí thải sau xử lý của quạt hút F-2# của hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực khu in lụa, khắc tinh xảo lazer Nhà xưởng 02, công suất 10.000 m^3/giờ. X= 2324915.53, Y = 588447.58 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^{o}30', múi chiếu 3^o).

- Dòng khí thải số 03: Khí thải sau xử lý của quạt hút F-3# của hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực đúc vỏ nhựa Nhà xưởng 02, công suất 20.000 m^3/giờ. X= 2324892.32.66, Y = 588461.25 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105o30', múi chiếu 3o).

- Dòng khí thải số 04: Khí thải sau xử lý của quạt hút 2F-1# của hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực hàn tay tại phân xưởng sản xuất sản phẩm chuyển đổi tín hiệu tầng 2 Nhà xưởng 03, công suất 10.000 m^3/giờ. Tọa độ X= 2325116.23, Y = 588288.55 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^{o}30', múi chiếu 3^o).

- Dòng khí thải số 05: Khí thải sau xử lý của quạt hút 2F-2# của hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực hàn tay tại phân xưởng sản xuất thiết bị vệ sinh (máy hút bụi) tầng 2 Nhà xưởng 03, công suất 10.000 m^3/giờ. Tọa độ X= 2325115.22, Y = 588295.19 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^{o}30', múi chiếu 3^o)

- Dòng khí thải số 06: Khí thải sau xử lý của quạt hút 3F-1# của hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực hàn tay tầng 3 Nhà xưởng 03, công suất 5.000 m^3/giờ. Tọa độ X= X= 2325107.24, Y = 588342.66 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^{o}30', múi chiếu 3^o)

- Dòng khí thải số 07: Khí thải sau xử lý của quạt hút 4F-1# của hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực hàn dán bảng mạch tự động tầng 4 Nhà xưởng 03, công suất 20.000 m^3/giờ. Tọa độ X= 2325105.16, Y = 588355.47 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^{o}30', múi chiếu 3^o)

- Dòng khí thải số 08: Khí thải sau xử lý của quạt hút 4F-2# của hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực hàn dán bảng mạch tự động tầng 4 Nhà xưởng 03, công suất 20.000 m^3/giờ. Tọa độ X= 2325097.00, Y = 588404.91 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^{o}30', múi chiếu 3^o)

- Dòng khí thải số 09: Khí thải sau xử lý của quạt hút 4F-3# của hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực hàn dán bảng mạch tự động tầng 4 Nhà xưởng 03, công suất 20.000 m^3/giờ. Tọa độ = 2325023.19, Y = 588392.51 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^{o}30', múi chiếu 3^o)

- Dòng khí thải số 10: Khí thải sau xử lý của quạt hút 4F-14 của hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực hàn dán bảng mạch tự động tầng 4 Nhà xưởng 03, công suất 20.000 m^3/giờ. Tọa độ X= 2325036.81, Y = 588328.75 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^{o}30', múi chiếu 3^o)

- Dòng khí thải số 11: Khí thải sau xử lý của quạt hút 4F-5# của hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực hàn dán bảng mạch tự động tầng 4 Nhà xưởng 03, công suất 20.000 m^3/giờ. Tọa độ X= X= 2325033.91, Y = 588328.36 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^{o}30', múi chiếu 3^o)

4.2.3. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa 5.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải tối đa 10.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải tối đa 20.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải tối đa 10.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải tối đa 10.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải tối đa 5.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 07: Lưu lượng xả khí thải tối đa 20.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 08: Lưu lượng xả khí thải tối đa 20.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 09: Lưu lượng xả khí thải tối đa 20.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 10: Lưu lượng xả khí thải tối đa 20.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 11: Lưu lượng xả khí thải tối đa 20.000 m^3/giờ.

4.2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải.

Các chất ô nhiễm theo dòng khí thải sau xử lý bảo đảm không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT (cột C). Cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của chất ô nhiễm theo dòng khí thải

STT	Thông số	Giá trị giới hạn cho phép (*)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục

I	**Dòng khí thải số 02**			
1	Lưu lượng	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	≤ 35		
3	TVOC	≤ 100		
4	Phenol	≤ 15		
5	Etylaxetat	≤ 80		
II	**Dòng khí thải số 03**			
1	Lưu lượng	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	≤ 35		
3	TVOC	≤ 150		
4	Etylaxetat	≤ 80		
5	Phenol	≤ 15		
6	Formaldehyt	≤ 20		
7	Etylen oxyt	≤ 15		
8	Propylen oxyt	≤ 50		
9	Vinylclorua	≤ 20		
III	**Dòng khí thải số 01, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11**			
1	Lưu lượng	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	≤ 35		
3	TVOC	≤ 100		
4	Benzen	≤ 150		
5	Phenol	≤ 15		
6	Đồng (Cu) và hợp chất Cu (tính theo Cu)	≤ 6		
7	Kẽm (Zn) và hợp chất Zn (tính theo Zn)	≤ 12		

Trong đó: (*) giá trị giới hạn cho phép quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, Cột C (Dự án không thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải theo Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023), Bảng 1. Giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm ở "thể khí"

4.2.5. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

4.2.5.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Dự án có đã lắp đặt 17 hệ thống thu gom khí thải tại 02 nhà xưởng sản xuất, quy trình thu gom khí thải chung: Khí thải phát sinh → Chụp hút → Đường ống thu gom → Quang phân tử UV → Hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Môi trường, chi tiết như sau:

- Hệ thống đường ống thu gom gồm 14 chụp hút và 01 ống thoát khí, D450 mm và H=3m từ mái (H= 17,35 từ cao trình mặt đất) tương ứng với dòng khí thải số 01.

- Hệ thống đường ống thu gom gồm 101 chụp hút và 0101 ống thoát khí, D450 mm và H=3m từ mái (H= 17,35 từ cao trình mặt đất) tương ứng với dòng khí thải số 02.

4.2.5.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy tình chung xử lý khí thải: Khí thải phát sinh → (Chụp hút) → Đường ống thu gom → Quang phân tử UV → Hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Môi trường.

- Thông số cơ bản của các thiết bị xử lý khí thải:

Bảng 4. 2. Thông số cơ bản của các công trình, thiết bị xử lý khí thải đề xuất cấp phép

STT	Loại thiết bị	Mã thiết bị	Công suất (m^3/giờ)	Số lượng, vị trí, thông số kỹ thuật cơ bản
1	Quạt hút khí thải	SCI-H6.3	10.000	- Số lượng: 03 - Vị trí lắp đặt: Quạt số 2F-1#; 2F-2# của Nhà xưởng 3 và Quạt gió số 02 của Nhà xưởng 2 - Lưu lượng 10.000 m^3/giờ - Công suất 11kW - Cột áp 2.164 Pa
2	Quạt hút khí thải	SCI-H5	5.000	- Số lượng: 02 - Vị trí lắp đặt: Quạt số 3F-1# của Nhà xưởng 3 và Quạt số 01 của Nhà xưởng 2 - Lưu lượng 5.000 m^3/giờ - Công suất 3kW - Cột áp 1.534 Pa
3	Quạt hút khí thải	SCI-H8	20.000	- Số lượng: 06 - Vị trí lắp đặt: 4F-1#; 4F-2#; 4F-3#; 4F-4#; 4F-5# của Nhà xưởng 3 và Quạt gió số 03 của Nhà xưởng 2 - Lưu lượng 20.000 m^3/giờ - Công suất 22kW - Cột áp 2.268 Pa
4	Tháp tích hợp quang phân tử	JL-YJT-10	10.000	- Số lượng: 02 - Vị trí lắp đặt phía trước quạt 2F-1# và 2F-2# - Kích thước 1.300×1.280×2.400 (mm) - Công suất 11kW - Ống thoát khí thải cao 2,750 m so với mặt sàn, phần ống thoát cong dường kính D500

5	Tháp tích hợp quang phân tử	JL-YJT-5	5.000	- Số lượng: 02 - Vị trí lắp đặt phía trước quạt 3F-1# của Nhà xưởng 3 và Quạt gió số 01 của Nhà xưởng 2 - Kích thước 1.300×1.280×2.000 (mm) - Công suất 11kW - Ống thoát khí thải cao 2,797 m so với mặt sàn, phần ống thoát cong dường kính D400
6	Tháp tích hợp quang phân tử	JL-YJT-20	20.000	- Số lượng: 06 - Vị trí lắp đặt phía trước quạt 4F-1#; 4F-2#; 4F-3#; 4F-4#; 4F-5# của Nhà xưởng 3 và Quạt gió số 03 của Nhà xưởng 2 - Kích thước 1.300×1.280×3.780 (mm) - Công suất 11kW - Ống thoát khí thải cao 4,150 m so với mặt sàn, phần ống thoát cong dường kính D700

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

4.2.5.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

4.2.5.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị xử lý chất thải. Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải tại khu vực xử lý.

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định. Ghi đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý.

- Đào tạo đội ngũ người lao động nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

* Nguồn phát sinh tiếng ồn, rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động của phương tiện vận chuyển, hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất của các hạng mục của giai đoạn 3.

- Nguồn số 02: Hoạt động của phương tiện vận chuyển và hoạt động nhập.xuất hàng tại Nhà kho.

- Nguồn số 03: Hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất (máy CNC, động cơ các thiết bị bơm, quạt…) tại Nhà xưởng 2.

- Nguồn số 04: Hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất (máy hàn dán, động cơ các thiết bị bơm, quạt…) tại Nhà xưởng 3.

* Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, áp dụng cho Dự án: Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rộ rung đến hết ngày 31/12/2026 và QCVN 26:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rộ rung từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn đến hết ngày 31/12/2026.

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng	*Khu vực thông thường*

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn từ ngày 01/01/2027.

TT	Ngày (06h00 - 18h00) (dBA)	Tối (18h00 - 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 - 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng	*Khu vực thông thường*

- Giá trị giới hạn đối với độ rung:

+ Giá trị giới hạn đối với độ rung đến hết ngày 31/12/2026.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	*Khu vực thông thường*

+ Giá trị giới hạn đối với độ rung từ ngày 01/01/2027.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú

	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	75	70	Không thuộc đối tượng	*Khu vực thông thường*

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.4.1. Khối lượng và chủng loại chất thải phát sinh:

*** Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

Bảng 4. 3. Khối lượng chất thải rắn thông thường ước tính phát sinh tại Dự án

STT	Nguồn phát sinh	Khối lượng CTR thông thường (tấn/năm)
I	**CTR sinh hoạt** *Khối lượng phát sinh 3.780 kg/ngày*	**1.134**
II	**CTR xây dựng (thi công xây dựng giai đoạn 3)**	**50**
III	**CTR công nghiệp thông thường**	**7.260**
1	Dây chuyền hàn dán linh kiện lên bảng mạch (SMT) *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 7.371.000 (kg/năm)*	74
2	Dây chuyền sản xuất vỏ nhựa thiết bị điện tử *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 700.000 (kg/năm)*	7
3	Dây chuyền chế tạo và sửa chữa khuôn *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 864.410 (kg/năm)*	8,557
4	Dây chuyền sản xuất các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 4.489.000 (kg/năm)*	3
5	Dây chuyền sản xuất dây cáp tín hiệu *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 946.410.000 (kg/năm)*	5.459
6	Dây chuyền sản xuất Dây cáp truyền tín hiệu ô tô *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 61.938.000 (kg/năm)*	620
7	Dây chuyền sản xuất sản phẩm điện tử thông minh *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 22.260.000 (kg/năm)*	916
8	Dây chuyền sản xuất sản phẩm thiết bị điện gia dụng thông minh *Khối lượng sản phẩm quy đổi: 17.150.000 (kg/năm)*	172
	Tổng	***8.444***

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

*** Khối lượng chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:**

(Xác định theo tỷ lệ phát sinh thực tế tại 02 nhà máy đang hoạt động ở Bắc Giang)

Bảng 4. 4. Khối lượng chất thải nguy hại ước tính phát sinh tại Dự án

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải ra là CTNH) thải	3.000	18 01 03
2	Các loại pin, ắc quy khác	81	19 06 05
3	Giẻ lau, găng tay nhiễm dầu	200	18 02 01
4	Các loại dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	220	17 02 03
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH hoặc chứa áp suất chưa đảm bảo rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiăng) thải	9000	18 01 02
6	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất thải	200	19 05 02
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	120	20 01 21
8	Hộp mực in thải	200	08 02 04
9	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải	1.493,5	12 04 04
10	Mực in thải	100	08 02 01
11	Linh kiện điện tử thải	74.000	10 02 06
Tổng		**88.662,5**	**-**

(Nguồn: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam)

4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

**** Chất thải nguy hại:***

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy với dung từ 50 – 200 lít, dán mã số tương ứng với từng loại bên ngoài thùng để vào kho lưu giữ chất thải nguy hại để thu gom, lưu chứa riêng từng loại CTNH, bên ngoài thùng chứa có dán mã chất thải nguy hại.

- Kho chứa chất thải nguy hại: Gồm 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích là 288 m^2, bố trí tại tầng 1 của Nhà phụ trợ 9.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Móng xây gạch đặc; nền bê tông trên lớp base đầm chặt dày 30 cm, mái lợp tôn; tường xây gạch trát vữa; có cửa che chắn bằng sắt có khóa đảm bảo không bị mưa nắng thâm nhập; có gờ chống tràn, bên ngoài dán biển cảnh báo.

**** Chất thải rắn sinh hoạt:***

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy dung tích từ 20 ÷ 50 lít/thùng tại khu vực văn phòng, phòng chức năng, các thùng rác có nắp đậy dung tích từ 100 ÷ 150 lít/thùng bố trí tại các nhà xưởng và nhà kho, 04 thùng chứa có nắp đậy loại 200 lít/thùng tại mỗi nhà ăn, sau đó được thu gom về các thùng chứa có bánh xe dung tích 1.100 lít đưa về khu vực tiếp nhận và phân loại rác thông thường 494 m2 tại

nhà phụ trợ số 01. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

* Chất thải rắn công nghiệp:

- CTR công nghiệp thông thường tại khu vực sản xuất trong nhà xưởng 02 và nhà xưởng 03: được phân loại và thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy dung tích 60 ÷ 150 lít/thùng tại cá vị trí phát sinh; chất thải sau đó được tập kết về nhà phụ trợ 01 tại Khu vực tiếp nhận và phân loại rác thông thường 494 m^2, tiếp đó được phân loại và đưa về các khu vực lưu chứa theo từng loại: Với các chất thải thông thường cồng kềnh như là bìa carton,… được đưa về phòng lưu giữ 289 m^2, các loại chất thải thông thường có thể tái chế được lưu vào kho kiểm soát rác thông thường rộng 376 m^2, các loại rác thông thường khác lưu giữ trong các khu vực của kho rác rộng 2.063 m2. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định, tần suất tùy thuộc vào khối lượng phát sinh thực tế.

- Bùn phát sinh từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt được tuần hoàn tại bể sinh học thiếu khí của hệ thống xử lý nước thải; bùn dư được phân định theo quy định về quản lý chất thải và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất tùy thuộc vào lượng phát sinh thực tế.

- Bùn nạo vét từ các hố ga của hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn và bùn thải từ bể tự hoại được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định, định kỳ 06 ÷ 12 tháng/lần.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của dự án, chủ dự án tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành, cụ thể như sau:

5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:

Căn cứ điểm k khoản 1 Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo vệ môi tường được bổ sung tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm trạm XLNT tập trung công suất 2.600 m^3/ngày đêm do đã được đấu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và XLNT tập trung của hạ tầng KCN An Phát 1.

Chủ dự án phải vận hành thử nghiệm 11 hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất, tại Nhà xưởng 2 và nhà xưởng 3. Chi tiết như sau:

5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Bảng 5. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

TT	Hạng mục công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực phòng sửa khuôn tương ứng với Quạt gió số 01 tại Nhà xưởng 2 công suất thiết kế 5.000 m^3/giờ	Tháng 6/2026	Tháng 10/2026
2	Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực in lụa, khắc tinh xảo lazer tương ứng với Quạt gió số 02 tại Nhà xưởng 2 công suất thiết kế 10.000 m^3/giờ		
3	Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực đúc vỏ nhựa tương ứng với Quạt gió số 03 tại Nhà xưởng 2 công suất thiết kế 20.000 m^3/giờ		
4	Hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ công đoạn hàn tay, gắn keo của dây chuyền sản xuất tương ứng với quạt 2F-1# tại tầng 2 Nhà xưởng 3 công suất thiết kế 10.000 m^3/giờ		
5	Hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ công đoạn hàn tay, gắn keo của dây chuyền sản xuất tương ứng với quạt 2F-2# tại tầng 2 Nhà xưởng 3 công suất thiết kế 10.000 m^3/giờ		

TT	Hạng mục công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
6	Hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ công đoạn hàn tay, gắn keo của dây chuyền sản xuất tương ứng với quạt 3F-1# tại tầng 3 Nhà xưởng 3 công suất thiết kế 5.000 m^3/giờ		
7	Hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ công đoạn hàn dán tự động (SMT) bằng máy của dây chuyền sản xuất tương ứng với quạt 4F-1# tại tầng 4 Nhà xưởng 3 công suất thiết kế 20.000 m^3/giờ		
8	Hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ công đoạn hàn dán tự động (SMT) bằng máy của dây chuyền sản xuất tương ứng với quạt 4F-2# tại tầng 4 Nhà xưởng 3 công suất thiết kế 20.000 m^3/giờ		
9	Hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ công đoạn hàn dán tự động (SMT) bằng máy của dây chuyền sản xuất tương ứng với quạt 4F-3# tại tầng 4 Nhà xưởng 3 công suất thiết kế 20.000 m^3/giờ	Tháng 8/2026 (sau khi lắp đặt xong máy móc thiết bị sản xuất)	Tháng 12/2026
10	Hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ công đoạn hàn dán tự động (SMT) bằng máy của dây chuyền sản xuất tương ứng với quạt 4F-4# tại tầng 4 Nhà xưởng 3 công suất thiết kế 20.000 m^3/giờ		
11	Hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ công đoạn hàn dán tự động (SMT) bằng máy của dây chuyền sản xuất tương ứng với quạt 4F-5# tại tầng 4 Nhà xưởng 3 công suất thiết kế 20.000 m^3/giờ		

5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Dự án thuộc đối tượng quy định tại cột 3 Phụ lục 2 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Do vậy, kế hoạch quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm của Công ty được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể như sau:

Bảng 5. 2. Dự kiến thời gian và tần suất lấy mẫu chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

STT	Vị trí giám sát	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	**Hệ thống xử lý khí thải tương ứng với dòng khí thải số 02**			
	- 01 vị trí khí thải sau xử lý tại ống thoát khí thải - Tổng: 01 vị trí ứng với 01 dòng	- Lấy mẫu 5 lần trong giai đoạn điều chỉnh lưu lượng. Dự kiến tiến hành lấy mẫu các ngày: + Lần 1: 01/6/2026 + Lần 2: 16/6/2026 + Lần 3: 01/7/2026 + Lần 4: 16/7/2026 + Lần 5: 31/7/2026 - Lấy mẫu 7 lần trong giai đoạn vận hành ổn định. Dự kiến tiến hành lấy mẫu các ngày: 01/8/2026-07/8/2026. - Tần suất lấy mẫu: 01 mẫu/ngày ở mỗi vị trí.	Lưu lượng; Bụi tổng; Styren; Etylaxetat; Phenol và hợp chất phenol (C_6H_5OH); Formaldehyt; Etylen oxyt; Đồng (Cu) và hợp chất Cu (tính theo Cu); Kẽm (Zn) và hợp chất Zn (tính theo Zn)	QCVN 19:2024/ BTNMT
2	**Hệ thống xử lý khí thải tương ứng với dòng khí thải số 03**			
	- 01 vị trí khí thải sau xử lý tại ống thoát khí thải - Tổng: 01 vị trí ứng với 01 dòng	- Lấy mẫu 5 lần trong giai đoạn điều chỉnh lưu lượng. Dự kiến tiến hành lấy mẫu các ngày: + Lần 1: 01/6/2026 + Lần 2: 16/6/2026 + Lần 3: 01/7/2026 + Lần 4: 16/7/2026 + Lần 5: 31/7/2026 - Lấy mẫu 7 lần trong giai đoạn vận hành ổn định. Dự kiến tiến hành lấy mẫu các ngày: 01/8/2026-07/8/2026. - Tần suất lấy mẫu: 01 mẫu/ngày ở mỗi vị trí.	Lưu lượng; Bụi tổng; Styren; Etylaxetat; Phenol và hợp chất phenol (C_6H_5OH); Formaldehyt; Etylen oxyt; Đồng (Cu) và hợp chất Cu (tính theo Cu); Kẽm (Zn) và hợp chất Zn (tính theo Zn)	QCVN 19:2024/ BTNMT
3	**Hệ thống xử lý khí thải tương ứng với dòng khí thải số 01, 04, 05, 06, 07, 08**			
	- 01 vị trí khí thải sau xử lý tại ống thoát khí thải của mỗi ống thoát khí thải - Tổng: 06 vị trí ứng với 06 dòng	- Lấy mẫu 5 lần trong giai đoạn điều chỉnh lưu lượng. Dự kiến tiến hành lấy mẫu các ngày: + Lần 1: 01/6/2026 + Lần 2: 16/6/2026 + Lần 3: 01/7/2026 + Lần 4: 16/7/2026 + Lần 5: 31/7/2026 - Lấy mẫu 7 lần trong giai đoạn vận hành ổn định. Dự kiến tiến hành lấy mẫu các ngày: 01/8/2026-07/8/2026.	Lưu lượng; Bụi tổng; Styren; Etylaxetat; Phenol và hợp chất phenol (C_6H_5OH); Formaldehyt; Etylen oxyt; Đồng (Cu) và hợp chất Cu (tính theo Cu); Kẽm (Zn) và hợp chất Zn (tính theo Zn)	QCVN 19:2024/ BTNMT

		- Tần suất lấy mẫu: 01 mẫu/ngày ở mỗi vị trí.		
3	**Hệ thống xử lý khí thải tương ứng với dòng khí thải số 09, 10 và 11**			
	- 01 vị trí khí thải sau xử lý tại ống thoát khí thải của mỗi ống thoát khí thải - Tổng: 03 vị trí ứng với 03 dòng	- Lấy mẫu 5 lần trong giai đoạn điều chỉnh lưu lượng. Dự kiến tiến hành lấy mẫu các ngày: + Lần 1: 01/8/2026 + Lần 2: 16/8/2026 + Lần 3: 01/9/2026 + Lần 4: 16/9/2026 + Lần 5: 01/10/2026 - Lấy mẫu 7 lần trong giai đoạn vận hành ổn định. Dự kiến tiến hành lấy mẫu các ngày: 01/10/2026-07/10/2026. - Tần suất lấy mẫu: 01 mẫu/ngày ở mỗi vị trí.	Lưu lượng; Bụi tổng; Styren; Etylaxetat; Phenol và hợp chất phenol (C_6H_5OH); Formaldehyt; Etylen oxyt; Đồng (Cu) và hợp chất Cu (tính theo Cu); Kẽm (Zn) và hợp chất Zn (tính theo Zn)	QCVN 19:2024/ BTNMT

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

5.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục và định kỳ theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Đối với bụi, khí thải: Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục và định kỳ theo quy định tại Điều 98 và Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục và định kỳ theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục và định kỳ theo quy định tại Điều 98 và Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5.2.3. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

Chủ dự án thực hiện chương trình quan trắc nước thải định kỳ theo thỏa thuận với CĐT hạ tầng KCN An Phát 1 theo quy chế BVMT và theo hợp đồng giữa 2 bên để xác định đơn giá xử lý và phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường.

5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc định kỳ chất lượng môi trường nước thải, khí thải hàng năm là 60 triệu/năm.

CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam cam kết:

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các số liệu, thông tin trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này. Nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

2. Cam kết việc lưu giữ, xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án đầu tư, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả dự án đầu tư tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

3. Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (rà soát, liệt kê đầy đủ trách nhiệm phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường):

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp khống chế, giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đối với môi trường không khí xung quanh.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đấu nối của KCN An Phát 1 trước khi xả vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải của hạ tầng KCN.

- Đối với nước thải sản xuất: thu gom, chuyển giao toàn bộ nước thải phát sinh theo quy định và theo giấy phép đã được cấp.

- Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp.

- Cam kết thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cam kết khi có thay đổi về quy mô công nghệ Chủ dự án sẽ cập nhật và thực hiện đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án cam kết đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung đã đăng ký trong giấy phép môi trường được phê duyệt.

+ Sử dụng máy móc, thiết bị, hiện đại, phù hợp hạn chế các tác động đến môi trường.

+ Thực hiện các biện pháp kiểm soát, giám sát, xử lý giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, nước thải trong quá trình hoạt động của Cơ sở.

+ Thực hiện các biện pháp phân loại, thu gom, lưu trữ, hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc, giám sát và đánh giá các thông số quy định về môi trường để có biện pháp xử lý đảm bảo chất lượng môi trường.

+ Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan, Mỹ quan môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động.

+ Có bộ phận chuyên môn về an toàn lao động, sức khỏe, môi trường và hóa chất đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ. Cán bộ môi trường chuyên trách có trình độ từ Kỹ sư môi trường trở lên.

+ Chủ dự án cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, các quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

+ Chủ dự án cam kết sẽ khắc phục, bồi hoàn chi phí tổn hại môi trường, sức khỏe con người do những chất thải, sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở gây ra./.

PHỤ LỤC

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 6516486208

Chứng nhận lần đầu: Ngày 31 tháng 3 năm 2023
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 22 tháng 9 năm 2023
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba: Ngày 30 tháng 7 năm 2024
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ bốn: Ngày 04 tháng 4 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương: Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương; Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6516486208, do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2023, điều chỉnh lần thứ ba ngày 30 tháng 7 năm 2024; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801394934, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2023, thay đổi lần thứ hai ngày 15 tháng 02 năm 2024;

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam nộp ngày 03 tháng 4 năm 2025,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM; Mã số dự án 6516486208, do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2023, điều chỉnh lần thứ ba ngày 30 tháng 7 năm 2024,

Được đăng ký điều chỉnh: Tiến độ thực hiện dự án (Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động).

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

CE LINK LIMITED; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 53553420; Ngày cấp: ngày 03 tháng 01 năm 2011, sửa đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 12 năm 2023; Cơ quan cấp: Cơ quan đăng ký doanh nghiệp - Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 2204, tầng 22/F, Trung tâm thương mại Tung Chiu, số 193 đường Lockhart, Wanchai, Hong Kong.

Điện thoại: (852)25988283 Email: ivyhan@ce-link.com

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên: ZHOU HONG LIANG Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc; Ngày sinh: ngày 12 tháng 7 năm 1975; Quốc tịch: Trung Quốc; Số hộ chiếu: EJ6046076; Ngày cấp: ngày 05 tháng 8 năm 2022; Nơi cấp: Cục quản lý di dân quốc gia nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Địa chỉ thường trú: 1201, Block A, Building 1, Zhongzhou Huafu, Chuangye 2nd Road, Baoan District, Shenzhen City, Guangdong Province, China.

Tel: (852)25988283 Email: ivyhan@ce-link.com

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801394934 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2023, thay đổi lần thứ hai ngày 15 tháng 02 năm 2024; Mã số thuế: 0801394934.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC

1	Sản xuất, gia công linh kiện điện tử. Chi tiết: Dán linh kiện bảng mạch (SMT); sản xuất và gia công các loại sản phẩm nguồn điện; sản xuất và gia công các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu; sản xuất và gia công dây cáp tín hiệu (các sản phẩm cáp máy tính, cáp máy in, cáp USB, cáp điện thoại và các hệ thống cáp tương tự); sản xuất và gia công sản phẩm điện tử thông minh; sản xuất và gia công sản phẩm máy móc thiết bị điện vệ sinh, làm sạch; sản xuất và gia công sản phẩm thiết bị điện tử chuyển đổi năng lượng điện.	2610
2	Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất vỏ nhựa thiết bị điện tử.	2220
3	Gia công cơ khí. Chi tiết: Chế tạo và sửa chữa khuôn mẫu (Quy trình sản xuất không có công đoạn xi mạ, làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất).	2592
4	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sản xuất và gia công dây cáp truyền tín hiệu ô tô; sản xuất và gia công thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô.	2930

Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam cam kết xuất khẩu 100% sản phẩm, đăng ký được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất.

3. Quy mô dự án:

- Bán thành phẩm phục vụ sản xuất, không tiêu thụ:

+ Dán linh kiện bảng mạch (SMT): 30.000.000 cái/năm.

+ Sản xuất vỏ nhựa: 70.000.000 cái/năm.

+ Chế tạo và sửa chữa khuôn: 600 cái/năm.

- Thành phẩm:

+ Các loại sản phẩm nguồn điện: 21.000.000 cái/năm.

+ Các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu: 13.000.000 cái/năm.

+ Dây cáp tín hiệu: 31.500.000 cái/năm.

+ Dây cáp truyền tín hiệu ô tô: 6.000.000 cái/năm.

+ Thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô: 6.000.000 cái/năm.

+ Sản phẩm điện tử thông minh: 2.000.000 cái/năm.

+ Sản phẩm máy móc thiết bị điện vệ sinh, làm sạch: 2.000.000 cái/năm.

+ Thiết bị điện tử chuyển đổi năng lượng điện: 2.000.000 cái/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất CN05, khu công nghiệp An Phát 1, thuộc các xã Quốc Tuấn, An Bình và An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

5. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 22,6ha.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.395.900.000.000 *(Một nghìn ba trăm chín mươi lăm tỷ, chín trăm triệu)* đồng, tương đương 60.000.000 *(Sáu mươi triệu)* đô la Mỹ, trong đó:

Vốn góp để thực hiện dự án là 1.395.900.000.000 *(Một nghìn ba trăm chín mươi lăm tỷ, chín trăm triệu)* đồng, tương đương 60.000.000 *(Sáu mươi triệu)* đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	CE LINK LIMITED	1.395.900.000.000	60.000.000	100	Bằng tiền	Nhà đầu tư góp trong vòng 60 *(sáu mươi)* tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu đến ngày 17 tháng 02 năm 2071.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn:

Vốn góp để thực hiện dự án là 1.395.900.000.000 đồng, tương đương 60.000.000 đô la Mỹ; Nhà đầu tư góp trong vòng 60 *(sáu mươi)* tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động:

Thực hiện các thủ tục về đầu tư, doanh nghiệp: Tháng 4/2023.

b.1) Giai đoạn 1 *(Tòa nhà văn phòng/nhà kho số 1, nhà xưởng 2 , nhà phụ trợ số 8, nhà phụ trợ số 9, nhà để xe máy số 11, nhà xử lý nước thải sinh hoạt số 12, bể PCCC số 13, cổng chính/phòng bảo vệ số 14, cổng chính số 15, cổng chính số 16, cổng chính số 17, mái che liên kết, đường nội bộ, thảm cây xanh, tường rào, hệ thống cấp thoát nước)*

- Thực hiện các thủ tục liên quan về quy hoạch, môi trường, phòng cháy chữa cháy và xây dựng: Từ tháng 4/2023 đến tháng 3/2025.

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình; tuyển dụng và đào tạo lao động: Từ tháng 3/2025 đến tháng 12/2025.

- Hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu; lắp đặt máy móc thiết bị; vận hành thử nghiệm: Từ tháng 12/2025 đến tháng 4/2026.

- Vận hành, hoạt động chính thức: Từ tháng 4/2026.

b.2) Giai đoạn 2 *(Nhà xưởng số 3, nhà ăn số 6, mái che liên kết, đường nội bộ, thảm cây xanh, hệ thống cấp thoát nước)*

- Thực hiện các thủ tục liên quan về quy hoạch, môi trường, phòng cháy chữa cháy và xây dựng; đầu tư xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình: Từ tháng 3/2025 đến tháng 12/2025.

- Hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu; lắp đặt máy móc thiết bị; vận hành thử nghiệm: Từ tháng 12/2025 đến tháng 4/2026.

- Vận hành, hoạt động chính thức: Từ tháng 4/2026.

b.3) Giai đoạn 3 *(Nhà xưởng 4 (số 4), nhà xưởng 5 (số 5), nhà ăn 7 (số 7), nhà xe máy 1 (số 10), mái liên kết, đường nội bộ, thảm cây xanh, các công trình còn lại)*

- Thực hiện các thủ tục liên quan về quy hoạch, môi trường, phòng cháy chữa cháy và xây dựng: Từ tháng 12/2025 đến tháng 02/2027.

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình: Từ tháng 02/2027 đến tháng 12/2027.

- Hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu; lắp đặt máy móc thiết bị; vận hành thử nghiệm: Từ tháng 12/2027 đến tháng 3/2028.

- Vận hành, hoạt động chính thức: Từ tháng 3/2028 đến tháng 5/2028.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Luật Đầu tư; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ưu đãi về Thuế nhập khẩu: Luật Đầu tư; Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu; và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất: Luật Đầu tư; Luật Đất đai; và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác: Theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương.

3. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế có trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Đầu tư; pháp luật về đất đai, môi trường, quy hoạch, xây dựng, nhập khẩu – xuất khẩu, lao động, phòng cháy và chữa cháy, quy định khác của pháp luật có liên quan và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư.

4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp, công nghệ xử lý chất thải; bảo vệ môi trường; phòng chống cháy, nổ và an toàn lao động theo quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động của dự án.

5. Thực hiện đúng quy định về đầu tư trong khu công nghiệp; nghiêm chỉnh chấp hành các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; chịu trách nhiệm về việc huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

6. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế chịu trách nhiệm toàn diện về việc đăng ký được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất; về việc thực hiện đúng các quy định của pháp luật về doanh nghiệp chế xuất.

Sau khi hoàn thành quá trình xây dựng, doanh nghiệp chế xuất phải được cơ quan hải quan có thẩm quyền xác nhận việc đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trước khi chính thức đi vào hoạt động. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất không được xác nhận đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan thì không được hưởng chính sách thuế áp dụng đối với khu phi thuế quan. Việc kiểm tra, xác nhận, hoàn thiện điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan của doanh nghiệp chế xuất thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

7. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế phải bảo đảm những nội dung sau:

- Nguyên liệu dự án phải bảo đảm không sử dụng các chất bị cấm sử dụng và gây ảnh hưởng sức khỏe, ô nhiễm môi trường.

- Chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật. Các thiết bị máy móc phải đảm bảo chất lượng, phù hợp và đồng bộ với mục tiêu, quy mô công suất của dự án; trong đó, phải rõ cụ thể từng thiết bị, máy móc về công suất sản xuất, thông số kỹ thuật và các điều kiện về an toàn của thiết bị, máy móc.

- Thực hiện đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật cho công nhân vận hành dây chuyền, thiết bị máy móc (nếu có).

- Thực hiện việc đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam (nếu có).

8. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế chỉ được đưa dự án vào hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi hoàn thiện các thủ tục cần thiết theo quy định và khi chủ đầu

tư hạ tầng khu công nghiệp An Phát 1 đã hoàn thành đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, đảm bảo dự án của nhà đầu tư thứ cấp đủ điều kiện hoạt động an toàn.

9. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án; báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6516486208, do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2023, điều chỉnh lần thứ ba ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 *(hai)* bản gốc; Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

Nguyễn Trung Kiên

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 6516486208

Chứng nhận lần đầu: Ngày 31 tháng 3 năm 2023
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 22 tháng 9 năm 2023
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba: Ngày 30 tháng 7 năm 2024
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ bốn: Ngày 04 tháng 4 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương: Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương; Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6516486208, do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2023, điều chỉnh lần thứ ba ngày 30 tháng 7 năm 2024; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801394934, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2023, thay đổi lần thứ hai ngày 15 tháng 02 năm 2024;

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam nộp ngày 03 tháng 4 năm 2025,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM; Mã số dự án 6516486208, do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2023, điều chỉnh lần thứ ba ngày 30 tháng 7 năm 2024,

Được đăng ký điều chỉnh: Tiến độ thực hiện dự án (Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động).

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

CE LINK LIMITED; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 53553420; Ngày cấp: ngày 03 tháng 01 năm 2011, sửa đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 12 năm 2023; Cơ quan cấp: Cơ quan đăng ký doanh nghiệp - Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 2204, tầng 22/F, Trung tâm thương mại Tung Chiu, số 193 đường Lockhart, Wanchai, Hong Kong.

Điện thoại: (852)25988283 Email: ivyhan@ce-link.com

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên: ZHOU HONG LIANG Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc; Ngày sinh: ngày 12 tháng 7 năm 1975; Quốc tịch: Trung Quốc; Số hộ chiếu: EJ6046076; Ngày cấp: ngày 05 tháng 8 năm 2022; Nơi cấp: Cục quản lý di dân quốc gia nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Địa chỉ thường trú: 1201, Block A, Building 1, Zhongzhou Huafu, Chuangye 2nd Road, Baoan District, Shenzhen City, Guangdong Province, China.

Tel: (852)25988283 Email: ivyhan@ce-link.com

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801394934 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2023, thay đổi lần thứ hai ngày 15 tháng 02 năm 2024; Mã số thuế: 0801394934.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC

1	Sản xuất, gia công linh kiện điện tử. Chi tiết: Dán linh kiện bảng mạch (SMT); sản xuất và gia công các loại sản phẩm nguồn điện; sản xuất và gia công các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu; sản xuất và gia công dây cáp tín hiệu (các sản phẩm cáp máy tính, cáp máy in, cáp USB, cáp điện thoại và các hệ thống cáp tương tự); sản xuất và gia công sản phẩm điện tử thông minh; sản xuất và gia công sản phẩm máy móc thiết bị điện vệ sinh, làm sạch; sản xuất và gia công sản phẩm thiết bị điện tử chuyển đổi năng lượng điện.	2610
2	Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất vỏ nhựa thiết bị điện tử.	2220
3	Gia công cơ khí. Chi tiết: Chế tạo và sửa chữa khuôn mẫu (Quy trình sản xuất không có công đoạn xi mạ, làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất).	2592
4	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sản xuất và gia công dây cáp truyền tín hiệu ô tô; sản xuất và gia công thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô.	2930

Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam cam kết xuất khẩu 100% sản phẩm, đăng ký được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất.

3. Quy mô dự án:

- Bán thành phẩm phục vụ sản xuất, không tiêu thụ:

+ Dán linh kiện bảng mạch (SMT): 30.000.000 cái/năm.

+ Sản xuất vỏ nhựa: 70.000.000 cái/năm.

+ Chế tạo và sửa chữa khuôn: 600 cái/năm.

- Thành phẩm:

+ Các loại sản phẩm nguồn điện: 21.000.000 cái/năm.

+ Các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu: 13.000.000 cái/năm.

+ Dây cáp tín hiệu: 31.500.000 cái/năm.

+ Dây cáp truyền tín hiệu ô tô: 6.000.000 cái/năm.

+ Thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô: 6.000.000 cái/năm.

+ Sản phẩm điện tử thông minh: 2.000.000 cái/năm.

+ Sản phẩm máy móc thiết bị điện vệ sinh, làm sạch: 2.000.000 cái/năm.

+ Thiết bị điện tử chuyển đổi năng lượng điện: 2.000.000 cái/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất CN05, khu công nghiệp An Phát 1, thuộc các xã Quốc Tuấn, An Bình và An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

5. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 22,6ha.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.395.900.000.000 *(Một nghìn ba trăm chín mươi lăm tỷ, chín trăm triệu)* đồng, tương đương 60.000.000 *(Sáu mươi triệu)* đô la Mỹ, trong đó:

Vốn góp để thực hiện dự án là 1.395.900.000.000 *(Một nghìn ba trăm chín mươi lăm tỷ, chín trăm triệu)* đồng, tương đương 60.000.000 *(Sáu mươi triệu)* đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	CE LINK LIMITED	1.395.900.000.000	60.000.000	100	Bằng tiền	Nhà đầu tư góp trong vòng 60 *(sáu mươi)* tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu đến ngày 17 tháng 02 năm 2071.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn:

Vốn góp để thực hiện dự án là 1.395.900.000.000 đồng, tương đương 60.000.000 đô la Mỹ; Nhà đầu tư góp trong vòng 60 *(sáu mươi)* tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động:

Thực hiện các thủ tục về đầu tư, doanh nghiệp: Tháng 4/2023.

b.1) Giai đoạn 1 *(Tòa nhà văn phòng/nhà kho số 1, nhà xưởng 2 , nhà phụ trợ số 8, nhà phụ trợ số 9, nhà để xe máy số 11, nhà xử lý nước thải sinh hoạt số 12, bể PCCC số 13, cổng chính/phòng bảo vệ số 14, cổng chính số 15, cổng chính số 16, cổng chính số 17, mái che liên kết, đường nội bộ, thảm cây xanh, tường rào, hệ thống cấp thoát nước)*

- Thực hiện các thủ tục liên quan về quy hoạch, môi trường, phòng cháy chữa cháy và xây dựng: Từ tháng 4/2023 đến tháng 3/2025.

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình; tuyển dụng và đào tạo lao động: Từ tháng 3/2025 đến tháng 12/2025.

- Hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu; lắp đặt máy móc thiết bị; vận hành thử nghiệm: Từ tháng 12/2025 đến tháng 4/2026.

- Vận hành, hoạt động chính thức: Từ tháng 4/2026.

b.2) Giai đoạn 2 *(Nhà xưởng số 3, nhà ăn số 6, mái che liên kết, đường nội bộ, thảm cây xanh, hệ thống cấp thoát nước)*

- Thực hiện các thủ tục liên quan về quy hoạch, môi trường, phòng cháy chữa cháy và xây dựng; đầu tư xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình: Từ tháng 3/2025 đến tháng 12/2025.

- Hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu; lắp đặt máy móc thiết bị; vận hành thử nghiệm: Từ tháng 12/2025 đến tháng 4/2026.

- Vận hành, hoạt động chính thức: Từ tháng 4/2026.

b.3) Giai đoạn 3 *(Nhà xưởng 4 (số 4), nhà xưởng 5 (số 5), nhà ăn 7 (số 7), nhà xe máy 1 (số 10), mái liên kết, đường nội bộ, thảm cây xanh, các công trình còn lại)*

- Thực hiện các thủ tục liên quan về quy hoạch, môi trường, phòng cháy chữa cháy và xây dựng: Từ tháng 12/2025 đến tháng 02/2027.

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình: Từ tháng 02/2027 đến tháng 12/2027.

- Hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu; lắp đặt máy móc thiết bị; vận hành thử nghiệm: Từ tháng 12/2027 đến tháng 3/2028.

- Vận hành, hoạt động chính thức: Từ tháng 3/2028 đến tháng 5/2028.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Luật Đầu tư; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ưu đãi về Thuế nhập khẩu: Luật Đầu tư; Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu; và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất: Luật Đầu tư; Luật Đất đai; và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác: Theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương.

3. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế có trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Đầu tư; pháp luật về đất đai, môi trường, quy hoạch, xây dựng, nhập khẩu – xuất khẩu, lao động, phòng cháy và chữa cháy, quy định khác của pháp luật có liên quan và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư.

4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp, công nghệ xử lý chất thải; bảo vệ môi trường; phòng chống cháy, nổ và an toàn lao động theo quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động của dự án.

5. Thực hiện đúng quy định về đầu tư trong khu công nghiệp; nghiêm chỉnh chấp hành các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; chịu trách nhiệm về việc huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

6. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế chịu trách nhiệm toàn diện về việc đăng ký được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất; về việc thực hiện đúng các quy định của pháp luật về doanh nghiệp chế xuất.

Sau khi hoàn thành quá trình xây dựng, doanh nghiệp chế xuất phải được cơ quan hải quan có thẩm quyền xác nhận việc đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trước khi chính thức đi vào hoạt động. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất không được xác nhận đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan thì không được hưởng chính sách thuế áp dụng đối với khu phi thuế quan. Việc kiểm tra, xác nhận, hoàn thiện điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan của doanh nghiệp chế xuất thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

7. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế phải bảo đảm những nội dung sau:

- Nguyên liệu dự án phải bảo đảm không sử dụng các chất bị cấm sử dụng và gây ảnh hưởng sức khỏe, ô nhiễm môi trường.

- Chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật. Các thiết bị máy móc phải đảm bảo chất lượng, phù hợp và đồng bộ với mục tiêu, quy mô công suất của dự án; trong đó, phải rõ cụ thể từng thiết bị, máy móc về công suất sản xuất, thông số kỹ thuật và các điều kiện về an toàn của thiết bị, máy móc.

- Thực hiện đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật cho công nhân vận hành dây chuyền, thiết bị máy móc (nếu có).

- Thực hiện việc đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam (nếu có).

8. Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế chỉ được đưa dự án vào hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi hoàn thiện các thủ tục cần thiết theo quy định và khi chủ đầu

tư hạ tầng khu công nghiệp An Phát 1 đã hoàn thành đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, đảm bảo dự án của nhà đầu tư thứ cấp đủ điều kiện hoạt động an toàn.

9. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án; báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6516486208, do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2023, điều chỉnh lần thứ ba ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 *(hai)* bản gốc; Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

Nguyễn Trung Kiên

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-BTNMT	*Hà Nội, ngày tháng năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của "Dự án đầu tư của Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam"

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của "Dự án đầu tư của Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam" của Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam tại Văn bản số 20/CV-CELINK ngày 20 tháng 12 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của "Dự án đầu tư của Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Lô CN-05, Khu công nghiệp An Phát 1, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Sở TN&MT tỉnh Hải Dương;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Hải Dương;
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Lưu: VT, VPMC, MT. HTH

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Công Thành

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA "DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM"

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Dự án đầu tư của Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam.

- Địa điểm thực hiện: Lô CN-05, Khu công nghiệp (KCN) An Phát 1, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam.

- Địa chỉ liên hệ: Lô CN-05, KCN An Phát 1, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Dự án được Ban Quản lý các KCN tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 6516486208, chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba ngày 30 tháng 7 năm 2024.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

1.2.1. Phạm vi, quy mô của Dự án

Quy mô diện tích đất thực hiện Dự án là 226.151 m^2, tổng diện tích xây dựng công trình 135.389,36 m^2. Dự án được chia làm 03 giai đoạn đầu tư như sau:

+ Giai đoạn 01: Tổng diện tích sử dụng đất khoảng 145.221,60 m^2, tổng diện tích xây dựng 72.447,36 m^2.

+ Giai đoạn 02: Tổng diện tích sử dụng đất khoảng 29.088,88 m^2, tổng diện tích xây dựng 23.373,14 m^2.

+ Giai đoạn 03: Tổng diện tích sử dụng đất khoảng 51.840,51 m^2, tổng diện tích xây dựng 39.568,86 m^2.

1.2.2. Công suất của Dự án

- Dự án có tổng công suất 83.500.000 sản phẩm/năm, cụ thể như sau:

TT	Tên sản phẩm	Công suất (sản phẩm/năm)		
		Giai đoạn 01	**Giai đoạn 01, 02**	**Giai đoạn 01, 02, 03**
I. Bán thành phẩm phục vụ sản xuất - không tiêu thụ				
1	Dán linh kiện bảng mạch (SMT)	15.000.000	30.000.000	30.000.000
2	Sản xuất vỏ nhựa	35.000.000	70.000.000	70.000.000
3	Chế tạo và sửa chữa khuôn	300	600	600
II. Các sản phẩm hoàn thiện của Dự án				
1	Các loại sản phẩm nguồn điện		21.000.000	21.000.000
2	Thiết bị điều		6.000.000	6.000.000

TT	Tên sản phẩm	Công suất (sản phẩm/năm)		
		Giai đoạn 01	Giai đoạn 01, 02	Giai đoạn 01, 02, 03
	chỉnh nguồn điện trong ô tô			
3	Các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu		13.000.000	13.000.000
4	Dây cáp tín hiệu (*cáp máy tính, cáp máy in, cáp USB, cáp điện thoại và các hệ thống cáp tương tự*)		31.500.000	31.500.000
5	Dây cáp truyền tín hiệu ô tô		6.000.000	6.000.000
6	Sản phẩm điện tử thông minh		2.000.000	2.000.000
7	Sản phẩm máy móc, thiết bị điện vệ sinh, làm sạch		2.000.000	2.000.000
8	Thiết bị điện tử chuyển đổi năng lượng điện			2.000.000

- Phạm vi ĐTM được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm hoạt động khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng đến Dự án.

1.3. Công nghệ sản xuất của Dự án

1.3.1. Quy trình công nghệ chế tạo và lắp ráp bán thành phẩm

- Quy trình dán linh kiện bảng mạch bằng công nghệ dán bề mặt (SMT): Nguyên liệu (bảng mạch trơn - PCB) → In kem hàn (kem thiếc, kem hàn) → Kiểm tra → Dán linh kiện → Gia nhiệt (hàn hồi lưu) → Kiểm tra → Đóng gói, lưu kho.

- Quy trình chế tạo khuôn: Nguyên liệu (tấm kim loại) → Thiết kế bản vẽ → Khoan lỗ → Mài thô → Cắt tự động bằng kỹ thuật số công nghệ cao (CNC) → Mài mịn → Lắp ráp → Thử nghiệm khuôn → Đóng gói, lưu kho.

- Quy trình sửa chữa khuôn: Khuôn cần sửa chữa → Cắt CNC → Mài mịn → Lắp ráp → Thử nghiệm khuôn → Đóng gói, lưu kho.

- Quy trình sản xuất vỏ nhựa: Nguyên liệu (hạt nhựa) → Nhập liệu → Sấy, trộn → Ép phun → Làm nguội → Dập lỗ → In logo (in laser/in lưới) → Kiểm tra → Đóng gói, lưu kho.

1.3.2. Quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp các sản phẩm của Dự án

- Quy trình sản xuất, lắp ráp nguồn điện và thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô: Nguyên liệu (bảng mạch đã dán linh kiện - PCBA, tụ điện, cảm biến) → Xử lý trước gia công (cắt, uốn chân) → Cắm phích → Hàn sóng → Cắt chân → Hàn thiếc thủ công → Kiểm tra chức năng → Lắp ráp → Kiểm tra ngoại quan

→ Kiểm tra lão hóa → Kiểm tra chức năng lần cuối → Đóng gói, lưu kho.

- Quy trình sản xuất sản phẩm chuyển đổi tín hiệu: Nguyên liệu (bảng mạch PCBA, dây điện, dây cáp, giắc cắm) → Tuốt vỏ và khắc logo → Lắp giắc cắm → Lắp vỏ kim loại → Điểm keo → Lắp vỏ → Ép siêu âm → Kiểm tra → Đóng gói, lưu kho.

- Quy trình sản xuất dây cáp tín hiệu và dây cáp truyền tín hiệu ô tô: Nguyên liệu (cuộn dây cáp, bộ kết nối) → Cắt dây → Tuốt vỏ → Chấm keo → Nhúng thiếc → Lắp bảng mạch PCBA → Hàn nhiệt → Lắp ráp vỏ ngoài → Thành hình → Kiểm tra → Đóng gói, lưu kho.

- Quy trình lắp ráp sản phẩm thông minh: Nguyên liệu (vỏ nhựa, bảng mạch PCBA, tụ điện, cầu chì, dây cáp và các phụ kiện khác) → Tiền xử lý → Lắp bảng mạch → Hàn thủ công → Lắp ráp → Kiểm tra → Đóng gói, lưu kho.

- Quy trình lắp ráp thiết bị điện vệ sinh, làm sạch: Nguyên liệu (các linh kiện, bánh răng, dây cáp, mô tơ và các phụ kiện khác, bảng mạch PCBA) → Lắp bánh răng vào khung → Lắp dây cáp → Lắp thùng chứa rác → Lắp mô tơ → Hàn thủ công → Lắp ổ khóa, sạc điện → Lắp bảng mạch PCBA và mô tơ bên → Hoàn thiện → Kiểm tra → Đóng gói, lưu kho.

- Quy trình lắp ráp thiết bị điện tử chuyển đổi năng lượng điện: Nguyên liệu (vỏ nhựa, bảng mạch PCBA, tụ điện, dây cáp và các phụ kiện khác) → Tiền xử lý (thủ công) → Lắp ráp → Kiểm tra ngoại quan → Kiểm tra công năng → Đóng gói, lưu kho.

1.3.3. Quy trình công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa các sản phẩm lỗi sản xuất tại Dự án

- Sản phẩm lỗi sản xuất tại Dự án → Kiểm tra phát hiện lỗi → Chuyển về các dây chuyền sản xuất để sửa lỗi (*lỗi tại công đoạn nào được chuyển về công đoạn đó để sửa lỗi*) → Kiểm tra → Sản phẩm đạt yêu cầu → Đóng gói và xuất hàng.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án

- Các hạng mục công trình chính

TT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích (m^2)	Chiều cao (m)
I	**Giai đoạn 01**			
1	Nhà văn phòng	03	4.600,00	20,10
2	Nhà kho	01	9.000,00	15,60
3	Nhà xưởng 02	01	43.200,00	14,35
II	**Giai đoạn 02**			
1	Nhà xưởng 03	04	13.453,99	26,00
III	**Giai đoạn 03**			
1	Nhà xưởng 04	04	13.451,43	26,00
2	Nhà xưởng 05	04	13.451,43	26,00

- Các hạng mục công trình phụ trợ

TT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích (m^2)	Chiều cao (m)
I	**Giai đoạn 01**			
1	Bể nước làm mát	01	120,00	

TT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích (m^2)	Chiều cao (m)
2	Nhà phụ trợ số 01	01	4.935,00	6,80
3	Nhà phụ trợ số 02	01	1.200,00	6,80
4	Nhà để xe máy số 01	01	5.760,00	2,90
5	Nhà bơm	01	123,47	5,00
6	Bể PCCC	01	1.086,53	
7	Phòng bảo vệ, cổng chính số 01	01	497,60	8,00
8	Cổng số 02		100,00	
9	Cổng số 03		225,00	
10	Cổng số 04		225,00	
11	Bãi để ô tô		972,00	
12	Mái che (*Nối từ Nhà văn phòng với nhà xưởng 02*)		680,00	6,70
13	Cây xanh		39.147,85	
14	Giao thông		33.626,40	
II	**Giai đoạn 02**			
1	Nhà ăn số 01	03	9.560,00	15,30
2	Mái che (*Nối từ nhà văn phòng với nhà xưởng 03 và từ nhà xưởng 03 với nhà ăn số 01*)		359,15	6,70
3	Cây xanh		2.566,74	
4	Giao thông		3.149,00	
III	**Giai đoạn 03**			
1	Nhà ăn số 02	02	9.560,00	15,30
2	Nhà để xe máy số 02	01	2.240,00	2,90
3	Mái che (*Nối nhà xưởng 03 với nhà xưởng 04, nhà xưởng 02 với nhà xưởng 05 và nhà xưởng 05 với nhà ăn số 02*)		866,00	6,70
4	Cây xanh		4.599,65	
5	Giao thông		7.672,00	

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng/công suất
I	**Giai đoạn 01**		
1	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	Hệ thống	01
2	Hệ thống thu gom nước thải	Hệ thống	01
3	Hệ thống tuần hoàn nước làm mát	Hệ thống	01
4	Bể gom nước thải	Bể	01
5	Mô đun số 01 trạm xử lý nước thải	m^3/ngày đêm	650
6	Bể chứa nước thải sau xử lý	Bể	01
7	Công trình chứa chất thải nguy hại (CTNH)	Nhà	01
8	Công trình chứa chất thải thông thường	Nhà	01
9	Hệ thống xử lý khí thải		
9.1	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực*	*m^3/giờ*	*5.000*

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng/công suất
	CNC, mài, khoan tại phòng sửa khuôn tại nhà xưởng 02		
9.2	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu in lụa, khắc tinh xảo laser tại nhà xưởng 02*	*m^3/giờ*	*10.000*
9.3	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu đúc vỏ nhựa tại nhà xưởng 02*	*m^3/giờ*	*20.000*
II	**Giai đoạn 02**		
1	Mô đun số 02 trạm xử lý nước thải	m^3/ngày đêm	1.150
2	Hệ thống xử lý khí thải		
2.1	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực tiền xử lý tại tầng 02 tòa nhà văn phòng*	*m^3/giờ*	*10.000*
2.2	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải xưởng quang học và sản xuất máy quét sàn tại tầng 01 nhà xưởng 03*	*m^3/giờ*	*15.000*
2.3	*02 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu dây cáp tại tầng 02 nhà xưởng 03*	*m^3/giờ/hệ thống*	*20.000*
2.4	*03 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu hàn sóng siêu âm tại tầng 03 nhà xưởng 03*	*m^3/giờ/hệ thống*	*20.000*
2.5	*02 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu hàn sau (chỉnh sửa mối hàn thủ công) tại tầng 03 nhà xưởng 03*	*m^3/giờ/hệ thống*	*10.000*
2.6	*04 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu hàn đối lưu và hàn sóng tại tầng 04 nhà xưởng 03*	*m^3/giờ/hệ thống*	*15.000*
2.7	*02 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu sản xuất dây chuyền tín hiệu tại tầng 04 nhà xưởng 03*	*m^3/giờ/hệ thống*	*5.000*
III	**Giai đoạn 03**		
1	Mô đun số 03 trạm xử lý nước thải	m^3/ngày đêm	800

1.4.2. Các máy móc, thiết bị chính của Dự án

a) Các máy móc, thiết bị chính vận hành giai đoạn 01

- Dây chuyền chế tạo và sửa chữa khuôn: 01 máy CNC, 01 máy khắc, 02 máy bắn tia lửa, 02 máy phay, 01 máy mài chính xác cao, 01 máy mài dao, 01 máy cưa, 01 máy hàn laser, 01 máy hàn argon, 01 máy mài dao đa năng, 01 máy khoan nhỏ tại nhà xưởng 02.

- Dây chuyền sản xuất vỏ nhựa: 90 máy ép phun kiểu nằm, 13 máy đục lỗ, 12 máy in laser, 04 máy in lưới, 02 máy sấy, 15 máy dán màng bảo vệ tại nhà xưởng 02.

b) Các máy móc, thiết bị chính vận hành giai đoạn 01, 02

- Dây chuyền cắt dây: 49 máy cắt tại tầng 02 nhà văn phòng.

- Dây chuyền chế tạo và sửa chữa khuôn: 02 máy CNC, 02 máy khắc, 04 máy bắn tia lửa, 04 máy phay, 02 máy mài chính xác cao, 02 máy mài dao, 02 máy cưa,

02 máy hàn laser, 02 máy hàn argon, 02 máy mài dao đa năng, 02 máy khoan nhỏ tại nhà xưởng 02.

- Dây chuyền sản xuất vỏ nhựa: 180 máy ép phun kiểu nằm, 27 máy đục lỗ, 24 máy in laser, 09 máy in lưới, 05 máy sấy, 30 máy dán màng bảo vệ tại nhà xưởng 02.

- Dây chuyền dán linh kiện bảng mạch (SMT): 24 máy in, 24 máy test kem hàn, 96 máy dán linh kiện, 24 máy hàn buồng nhiệt tại tầng 04, nhà xưởng 03.

- Dây chuyền sản xuất sản phẩm điện tử thông minh: 42 máy bắn vít tự động, 56 máy bắn keo, 06 máy kiểm tra pin, 14 máy hàn sóng siêu âm, 21 máy khắc laser, 07 máy kiểm tra độ kín, 21 máy kiểm tra chức năng tại tầng 01, nhà xưởng 03.

- Dây chuyền sản xuất thiết bị gia dụng thông minh: 12 máy bắn vít tự động, 06 máy kiểm tra pin, 120 máy hàn tay, 03 máy khắc laser, 06 máy bắn keo tại tầng 01, nhà xưởng 03.

- Dây chuyền sản xuất dây cáp tín hiệu và dây cáp tín hiệu ô tô: 25 máy bóc vỏ, 47 lò nhúng thiếc mini, 94 máy laser, 94 máy hàn cao tần, 51 máy hàn hotbar 01 mặt, 13 máy hàn tự động, 51 máy chấm keo, 05 máy siêu âm, 240 máy đúc ép nhựa, 47 máy cuộn dây sản phẩm tại tầng 02, nhà xưởng 03.

- Dây chuyền sản xuất các loại sản phẩm nguồn điện và thiết bị điều chỉnh nguồn điện trong ô tô: 06 máy cắt chân, 06 máy uốn chân linh kiện, 26 máy hàn sóng, 240 máy hàn tay, 144 máy kiểm tra chức năng, 124 máy lão hóa, 20 máy hút ẩm tại tầng 03, nhà xưởng 03.

- Dây chuyền sản xuất các loại sản phẩm chuyển đổi tín hiệu: 02 máy bóc vỏ, 39 máy khắc laser, 28 máy hàn, 14 máy bắn keo, 56 máy đúc ép nhựa, 06 máy hàn siêu âm, 28 máy kiểm tra, 04 máy kiểm tra lão hóa tại tầng 04, nhà xưởng 03.

c) Các máy móc, thiết bị chính vận hành giai đoạn 01, 02, 03

- Dây chuyền sản xuất thiết bị điện tử chuyển đổi năng lượng điện: 03 máy uốn chân linh kiện, 03 máy cắm chân linh kiện, 41 máy kiểm tra chức năng, 01 máy cắt dây, 01 máy dập đầu cos tự động tại tầng 01 nhà xưởng 04.

- Tiếp tục vận hành các máy móc, thiết bị theo thông tin đã được trình bày ở điểm b, mục 1.4.2.

1.4.3. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình; lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất và các hạng mục công trình bảo vệ môi trường.

- Hoạt động sản xuất, lắp ráp sản phẩm như đã nêu tại Mục 1.2.2 của Quyết định này.

- Hoạt động của công trình xử lý nước thải, khí thải; hoạt động thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi

tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

TT	Hoạt động của Dự án
I	**Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị**
A	***Thi công xây dựng giai đoạn 01, 02, lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 01 (Giai đoạn I)***
1	Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng trong phạm vi Dự án
2	Hoạt động vệ sinh máy móc, phương tiện thi công
3	Hoạt động xây dựng các hạng mục công trình trong giai đoạn 01, 02
4	Hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 01
5	Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường, công nhân lắp đặt
6	Hoạt động của phương tiện giao thông của công nhân thi công, lắp đặt
B	***Lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 02, sản xuất vận hành giai đoạn 01 (Giai đoạn II)***
1	Hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 02
2	Hoạt động của công nhân lắp đặt
3	Hoạt động sản xuất giai đoạn 01
3.1	*Sản xuất 35.000.000 sản phẩm vỏ nhựa/năm (tương đương 346,5 tấn sản phẩm/năm)*
3.2	*Sản xuất 300 sản phẩm khuôn/năm (tương đương 855,5 tấn sản phẩm/năm)*
4	Hoạt động sinh hoạt của công nhân sản xuất
5	Hoạt động của công trình xử lý nước thải: mô đun 01 công suất 650 m^3/ngày đêm
6	Hoạt động của công trình xử lý khí thải:
6.1	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực CNC, mài, khoan tại phòng sửa khuôn nhà xưởng 02, công suất 5.000 m^3/h.*
6.2	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu in lụa, khắc tinh xảo lazer nhà xưởng 02, công suất 10.000 m^3/h.*
6.3	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu đúc vỏ nhựa nhà xưởng 02, công suất 20.000 m^3/h.*
C	***Thi công xây dựng và lắp đặt giai đoạn 03, sản xuất vận hành giai đoạn 01, 02 (Giai đoạn III)***
1	Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng trong phạm vi Dự án
2	Hoạt động vệ sinh máy móc, phương tiện thi công
3	Hoạt động xây dựng các hạng mục công trình trong giai đoạn 03
4	Hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 03
5	Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường, công nhân lắp đặt
6	Hoạt động của phương tiện giao thông của công nhân thi công, lắp đặt
7	Hoạt động sản xuất giai đoạn 01, 02
7.1	*Sản xuất 30.000.000 sản phẩm linh kiện bảng mạch (SMT)/năm (tương đương 7.297 tấn sản phẩm/năm)*
7.2	*Sản xuất 70.000.000 sản phẩm vỏ nhựa/năm (tương đương 693 tấn sản phẩm/năm)*
7.3	*Sản xuất 600 sản phẩm khuôn/năm (tương đương 1.711 tấn sản phẩm/năm)*
7.4	*Sản xuất 21.000.000 sản phẩm nguồn điện/năm (tương đương 10.571 tấn sản phẩm/năm)*

TT	Hoạt động của Dự án
7.5	*Sản xuất 6.000.000 sản phẩm điều chỉnh nguồn điện trong ô tô/năm (tương đương 4.486 tấn sản phẩm/năm)*
7.6	*Sản xuất 13.000.000 sản phẩm chuyển đổi tín hiệu/năm (tương đương 1.711 tấn sản phẩm/năm)*
7.7	*Sản xuất 31.500.000 sản phẩm dây cáp tín hiệu/năm (tương đương 61.318 tấn sản phẩm/năm)*
7.8	*Sản xuất 6.000.000 sản phẩm cáp truyền tín hiệu ô tô/năm (tương đương 1.286 tấn sản phẩm/năm)*
7.9	*Sản xuất 2.000.000 sản phẩm điện tử thông minh/năm (tương đương 21.344 tấn sản phẩm/năm)*
7.10	*Sản xuất 2.000.000 sản phẩm máy móc, thiết bị vệ sinh, làm sạch/năm (tương đương 16.978 tấn sản phẩm/năm)*
8	Hoạt động sinh hoạt của công nhân sản xuất
9	Hoạt động của công trình xử lý nước thải: mô đun số 01 công suất 650 m^3/ngày đêm, mô đun số 02 công suất 1.150 m^3/ngày đêm
10	Hoạt động của công trình xử lý khí thải:
10.1	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực CNC, mài, khoan tại phòng sửa khuôn nhà xưởng 02, công suất 5.000 m^3/h.*
10.2	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu in lụa, khắc tinh xảo lazer nhà xưởng 02, công suất 10.000 m^3/h.*
10.3	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu đúc vỏ nhựa nhà xưởng 02, công suất 20.000 m^3/h.*
10.4	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực tiền xử lý tại khu vực tiền xử lý trong tầng 02 tòa nhà văn phòng, công suất 10.000 m^3/h*
10.5	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải xưởng quang học và sản xuất máy quét sàn tại tầng 01 nhà xưởng 03, công suất 15.000 m^3/h*
10.6	*02 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu dây cáp tại tầng 02 nhà xưởng 03, công suất mỗi hệ thống là 20.000 m^3/h*
10.7	*03 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu hàn sóng siêu âm tại tầng 03 nhà xưởng 03, công suất mỗi hệ thống là 20.000 m^3/h*
10.8	*02 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu hàn sau (chỉnh sửa mối hàn thủ công) tầng 03 nhà xưởng 03, công suất mỗi hệ thống là 10.000 m^3/h*
10.9	*04 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu hàn đối lưu và hàn sóng tầng 04 nhà xưởng 03, công suất mỗi hệ thống là 15.000 m^3/h*
10.10	*02 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu sản xuất dây chuyền tín hiệu tầng 04 nhà xưởng 03, công suất mỗi hệ thống là 5.000 m^3/h*
II	**Giai đoạn vận hành**
1	Hoạt động sản xuất các sản phẩm của Dự án
2	Hoạt động sinh hoạt của công nhân
3	Hoạt động giao thông của công nhân
4	Hoạt động vận hành công trình xử lý nước thải sinh hoạt: mô đun số 01 công suất 650 m^3/ngày đêm, mô đun số 02 công suất 1.150 m^3/ngày đêm, mô đun số 03 công suất 800 m^3/ngày đêm
5	Hoạt động của công trình xử lý khí thải:
5.1	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực CNC, mài, khoan tại phòng sửa khuôn nhà xưởng 02, công suất 5.000 m^3/h.*

TT	Hoạt động của Dự án
5.2	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu in lụa, khắc tinh xảo lazer nhà xưởng 02, công suất 10.000 m^3/h.*
5.3	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu đúc vỏ nhựa nhà xưởng 02, công suất 20.000 m^3/h.*
5.4	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực tiền xử lý tại khu vực tiền xử lý trong tầng 02 tòa nhà văn phòng, công suất 10.000 m^3/h*
5.5	*01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải xưởng quang học và sản xuất máy quét sàn tại tầng 01 nhà xưởng 03, công suất 15.000 m^3/h*
5.6	*02 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu dây cáp tại tầng 02 nhà xưởng 03, công suất mỗi hệ thống là 20.000 m^3/h*
5.7	*03 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu hàn sóng siêu âm tại tầng 03 nhà xưởng 03, công suất mỗi hệ thống là 20.000 m^3/h*
5.8	*02 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu hàn sau (chỉnh sửa mối hàn thủ công) tầng 03 nhà xưởng 03, công suất mỗi hệ thống là 10.000 m^3/h*
5.9	*04 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu hàn đối lưu và hàn sóng tầng 04 nhà xưởng 03, công suất mỗi hệ thống là 15.000 m^3/h*
5.10	*02 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu sản xuất dây chuyền tín hiệu tầng 04 nhà xưởng 03, công suất mỗi hệ thống là 5.000 m^3/h*

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

3.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị

a) Giai đoạn I

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân tham gia thi công xây dựng tối đa khoảng 9,0 m^3/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD_5, COD, tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P), tổng Coliforms.

- Nước thải thi công phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe, vệ sinh máy móc thi công khoảng 3,5 m^3/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Dầu mỡ, đất, cát, TSS.

b) Giai đoạn II

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân lắp đặt thiết bị tối đa khoảng 0,9 m^3/ngày đêm, từ công nhân vận hành giai đoạn 01 tối đa khoảng 525 m^3/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD_5, COD, tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P), tổng Coliforms.

c) Giai đoạn III

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân lắp đặt thiết bị tối đa khoảng 2,7 m^3/ngày đêm, từ công nhân vận hành giai đoạn 01, 02 tối đa khoảng 1.470 m^3/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD_5, COD, tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P), tổng Coliforms.

- Nước thải thi công phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe, vệ sinh máy móc thi công khoảng 1,9 m^3/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Dầu mỡ, đất, cát, TSS.

3.1.2. Giai đoạn vận hành

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân của nhà máy khoảng 2.100 m^3/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD_5, COD, tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P), tổng Coliforms.

3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

3.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị

a) Giai đoạn I

- Bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông, máy móc thi công sử dụng động cơ đốt trong, từ các hoạt động thi công và lắp đặt máy móc, thiết bị. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO_2.

- Bụi từ hoạt động đào, đắp, trút, đổ, bốc xúc nguyên vật liệu xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi.

- Bụi và khí thải từ hoạt động rải bê tông nhựa mặt đường và sơn hoàn thiện công trình. Thông số ô nhiễm đặc trưng: VOCs.

b) Giai đoạn II

- Bụi và khí thải từ hoạt động lắp đặt và phương tiện giao thông của công nhân. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO_2.

- Bụi và khí thải từ các hoạt động sản xuất giai đoạn 01:

+ Bụi và khí thải từ hoạt động cắt, mài, khoan, làm bóng bề mặt khuôn tại nhà xưởng 02. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 2.450 m^3/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi kim loại, Diethyleneglycol ($C_4H_{10}O_3$).

+ Bụi và khí thải từ hoạt động in lụa, khắc laser và khắc tinh xảo tại nhà xưởng 02. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 4.950 m^3/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi kim loại, Toluene ($C_6H_5CH_3$), Cyclohexane (C_6H_{12}).

+ Khí thải từ hoạt động đúc vỏ nhựa thiết bị tại nhà xưởng 02. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 10.050 m^3/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Vinyl chloride (C_2H_3Cl), Dioctyl phthalate ($C_{24}H_{38}O_4$).

+ Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO_2, VOCs.

+ Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. Thông số ô nhiễm đặc trưng: H_2S, CH_4.

c) Giai đoạn III

- Bụi và khí thải từ các hoạt động thi công giai đoạn 03:

+ Bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông, máy móc thi công sử dụng động cơ đốt trong, từ các hoạt động thi công và lắp đặt máy móc, thiết bị. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO_2.

+ Bụi từ hoạt động đào, đắp, trút, đổ, bốc xúc nguyên vật liệu xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi.

+ Bụi và khí thải từ hoạt động sơn hoàn thiện công trình. Thông số ô nhiễm đặc trưng: VOCs.

- Bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất giai đoạn 01, 02:

+ Bụi và khí thải từ hoạt động cắt, mài, khoan, làm bóng bề mặt khuôn tại nhà xưởng 02. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 4.900 m^3/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi kim loại, Diethyleneglycol ($C_4H_{10}O_3$).

+ Bụi và khí thải từ hoạt động in lụa, khắc laser và khắc tinh xảo tại nhà xưởng 02. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 9.825 m^3/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi kim loại, Toluene ($C_6H_5CH_3$), Cyclohexane (C_6H_{12}).

+ Khí thải từ hoạt động đúc vỏ nhựa thiết bị tại nhà xưởng 02. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 19.950 m^3/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Vinyl chloride (C_2H_3Cl), Dioctyl phthalate ($C_{24}H_{38}O_4$).

+ Khí thải từ hoạt động tiền xử lý bằng nhiệt tại tầng 02, nhà văn phòng. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 8.000 m^3/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Vinyl chloride (C_2H_3Cl).

+ Khí thải từ hoạt động hàn thủ công ở khu vực xưởng quang học, máy quét sàn tại tầng 01, nhà xưởng 03. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 9.520 m^3/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Sn.

+ Khí thải từ hoạt động phun keo UV ở khu vực sản xuất dây cáp tại tầng 02, nhà xưởng 03. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 28.200 m^3/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Carboxylic acid ($C_5H_8O_2$).

+ Khí thải từ hoạt động hàn sóng siêu âm sử dụng thanh thiếc và chất trợ hàn tại tầng 03, nhà xưởng 03. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 56.000 m^3/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Sn, Carboxylic acid **(**$C_6H_4O_4$).

+ Khí thải từ hoạt động hàn thủ công tại dây chuyền hàn sau tại tầng 03, nhà xưởng 03. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 19.000 m^3/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Sn.

+ Khí thải từ hoạt động hàn đối lưu, hàn sóng sử dụng kem hàn tại tầng 04, nhà xưởng 03. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 59.360 m^3/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Sn, Ancolpropanol (C_3H_8O).

+ Khí thải từ hoạt động hàn đối lưu ở khu vực sản xuất dây chuyền tín hiệu tại tầng 04 nhà xưởng 03. Lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 9.600 m^3/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Sn, Ancolpropanol (C_3H_8O).

+ Bụi và khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO_2, VOCs.

+ Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. Thông số ô nhiễm đặc trưng: H_2S, CH_4.

3.2.2. Giai đoạn vận hành

Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi và khí thải giai đoạn này tương tự hoạt động sản xuất giai đoạn 01, 02 theo thông tin đã được trình bày tại điểm c, mục 3.2.1.

3.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị

a) Giai đoạn I

- Chất thải sinh hoạt từ công nhân xây dựng và lắp đặt phát sinh tối đa khoảng 100 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Chất thải xây dựng phát sinh tối đa khoảng 65 tấn/tháng. Thành phần chủ yếu: Đất, đá, gạch ngói vỡ, cát sỏi, vỏ bao xi măng, sắt thép loại bỏ.

- Chất thải từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị phát sinh tối đa khoảng 0,5 tấn/tháng. Thành phần chủ yếu: Nilon, thùng carton, giấy, xốp thải.

b) Giai đoạn II

- Chất thải từ hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 02:

+ Chất thải sinh hoạt từ công nhân lắp đặt phát sinh tối đa khoảng 10 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

+ Chất thải từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị phát sinh tối đa khoảng 0,8 tấn/tháng. Thành phần chủ yếu: Nilon, thùng carton, giấy, xốp thải.

- Chất thải từ hoạt động sản xuất giai đoạn 01:

+ Chất thải sinh hoạt từ công nhân phát sinh tối đa khoảng 3,75 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu: Các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 163,757 tấn/năm. Thành phần chủ yếu: Bìa carton, dây buộc, pallet gỗ, bao bì nilon đựng nguyên liệu, giấy văn phòng, sản phẩm lỗi không chứa thành phần nguy hại.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (mô đun số 01) khoảng 1.820 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn cặn.

c) Giai đoạn III

- Chất thải từ hoạt động xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 03:

+ Chất thải sinh hoạt từ công nhân xây dựng và lắp đặt phát sinh tối đa khoảng 30 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

+ Chất thải xây dựng phát sinh tối đa khoảng 25 tấn/tháng. Thành phần chủ yếu: Đất, đá, gạch ngói vỡ, cát sỏi, vỏ bao xi măng, sắt thép loại bỏ.

+ Chất thải từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị phát sinh tối đa khoảng 0,5 tấn/tháng. Thành phần chủ yếu: Nilon, thùng carton, giấy, xốp thải.

- Chất thải từ hoạt động sản xuất giai đoạn 01, 02:

+ Chất thải sinh hoạt từ công nhân phát sinh tối đa khoảng 10,5 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu: Các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 611,246 tấn/năm. Thành phần chủ yếu: Bìa carton, dây buộc, pallet gỗ, bao bì nilon đựng nguyên liệu, giấy văn phòng, sản phẩm lỗi không chứa thành phần nguy hại.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (mô đun số 01, 02) khoảng 5.040 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn cặn.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải sinh hoạt từ công nhân phát sinh tối đa khoảng 15 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu: Các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án khoảng 801,014 tấn/năm. Thành phần chủ yếu: Bìa carton, dây buộc, pallet gỗ, bao bì nilon đựng nguyên liệu, giấy văn phòng, sản phẩm lỗi không chứa thành phần nguy hại.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (mô đun số 01, 02, 03) khoảng 7.280 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn cặn.

3.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị

a) Giai đoạn I

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động thi công, lắp đặt tối đa khoảng 182,803 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: Giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, ắc quy thải, bao bì mềm thải, que hàn thải, vỏ thùng sơn, cặn sơn.

b) Giai đoạn II

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động lắp đặt tối đa khoảng 5,5 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: Giẻ lau dính dầu mỡ, que hàn thải.

- Chất thải nguy hại từ các hoạt động sản xuất giai đoạn 01 phát sinh khoảng 1.341 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Bóng đèn huỳnh quang thải, các loại pin, ắc quy, giẻ lau, các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác, bao bì kim loại cứng thải, dung dịch hóa chất, hộp chứa mực in thải và mực in thải, than hoạt tính thải.

c) Giai đoạn III

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động thi công, lắp đặt tối đa khoảng 138,76 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: Giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, ắc quy thải, bao bì mềm thải, que hàn thải, vỏ thùng sơn, cặn sơn.

- Chất thải nguy hại từ các hoạt động sản xuất giai đoạn 01, 02 phát sinh khoảng 88.530,5 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Bóng đèn huỳnh quang thải, các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải chứa thành phần nguy hại, các loại pin, ắc quy, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại, các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác, bao bì kim loại cứng thải, dung dịch hóa chất, hộp chứa mực in thải và mực in thải, than hoạt tính thải.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại từ các hoạt động sản xuất phát sinh khoảng 88.662,5 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Bóng đèn huỳnh quang thải; các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải có thành phần nguy hại, các loại pin, ắc quy, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại, các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác, bao bì kim loại cứng thải, dung dịch hóa chất, hộp chứa mực in thải và mực in thải, than hoạt tính thải.

3.5. Tiếng ồn, độ rung

3.5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị

Hoạt động của phương tiện vận chuyển, hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ thi công, xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất của Dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung.

3.5.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất (máy CNC, máy gắn linh kiện tốc độ cao) và hoạt động của các công trình bảo vệ môi trường của Dự án (quạt hút, máy bơm, máy thổi khí) của Dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung.

3.6. Các tác động khác

3.6.1. Giai đoạn thi công, xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị

- Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 0,64 m^3/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (SS), đất, cát.

- Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án có khả năng gây ảnh hưởng tới giao thông trong khu vực, tai nạn giao thông.

- Hoạt động tập trung công nhân lao động gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương.

- Sự cố môi trường liên quan đến kho lưu chứa chất thải, cháy nổ.

3.6.2. Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 0,96 m^3/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (SS), đất, cát.

- Nhiệt dư phát sinh từ các công đoạn gia nhiệt, đùn ép nhựa.

- Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án có khả năng gây ảnh hưởng tới giao thông trong khu vực, tai nạn giao thông.

- Sự cố môi trường liên quan đến hóa chất, hệ thống xử lý nước thải, khí thải, kho chứa chất thải, cháy nổ, máy nén khí.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị

a) Giai đoạn I

- Đối với nước thải sinh hoạt: Công nhân xây dựng sử dụng 06 nhà vệ sinh lưu động có kích thước 0,9 m x 1,3 m x 2,4 m và bể chứa nước thải dung tích 1.000 lít. Nhà thầu thi công chịu trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định với tần suất 07 ngày/lần, không xả thải ra môi trường.

+ Quy trình công nghệ thu gom xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Nước thải từ quá trình rửa bánh xe và quá trình vệ sinh thiết bị: Bố trí cầu rửa xe thu nước xịt bánh xe với hố lắng có thể tích 06 m^3 (kích thước 3,0 m x 2,0 m x1,0 m), gồm 02 ngăn. Tại ngăn thứ nhất xảy ra quá trình lắng sơ bộ các chất

rắn lơ lửng. Giữa ngăn 01 và ngăn 02 có bố trí vải lọc dầu chuyên dụng để loại bỏ dầu mỡ trong nước thải. Nước thải sau khi loại bỏ lớp dầu mỡ được lắng tiếp ở ngăn thứ 02, sau đó được dẫn về hố thu nước sạch và tuần hoàn sử dụng cho hoạt động rửa bánh xe, không thải ra môi trường. Loại vải lọc này được thay thế định kỳ khoảng 02 tuần/lần và được thu gom, quản lý theo quy định về quản lý CTNH.

+ Quy trình thu gom và xử lý nước thải thi công: Nước vệ sinh xe/thiết bị → Hố lắng → Lọc dầu → Lắng → Bể chứa nước tái sử dụng.

b) Giai đoạn II

- Hệ thống thoát nước thải tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của Dự án được thu gom vào 13 bể tự hoại và 02 bể tách mỡ, dẫn về mô đun số 01 công suất 650 m^3/ngày đêm để xử lý đảm bảo tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN An Phát 1 trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN An Phát 1.

+ Quy trình: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại/bể tách mỡ → Hệ thống thu gom nước thải → Bể gom chung → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước sau xử lý chung (*đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN An Phát 1*) → Đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN An Phát 1.

+ Vị trí đấu nối: Đấu nối nước thải vào hố ga T137 của KCN An Phát 1. Tọa độ điểm đấu nối: X (m) = 2325098.06; Y (m) = 588975.55 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^o30'$, múi chiếu 3^o).

- Quy chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN An Phát 1, quy định chi tiết tại khoản 5, Điều 3 của Phụ lục số 03 Sửa đổi Phụ lục số 02 của Hợp đồng cho thuê lại đất số 0807/2023/HĐTLĐ/AP1-CELINK ngày 07 tháng 08 năm 2023.

c) Giai đoạn III

- Đối với nước thải phát sinh từ khu vực thi công:

Tiếp tục áp dụng các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường theo thông tin đã được trình bày tại điểm a, mục 4.1.1.

- Đối với nước thải từ khu vực sản xuất giai đoạn 01, 02:

+ Hệ thống thoát nước thải tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

+ Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của Dự án được thu gom vào 26 bể tự hoại và 04 bể tách mỡ dẫn về hệ thống xử lý nước thải bao gồm: mô đun số 01 công suất 650 m^3/ngày đêm và mô đun số 02 công suất 1.150 m^3/ngày đêm để xử lý đảm bảo tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN An Phát 1 trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN An Phát 1.

+ Quy trình, vị trí đấu nối, quy chuẩn áp dụng theo thông tin đã được trình bày tại điểm b, mục 4.1.1.

4.1.2. Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thoát nước thải tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành của Dự án được thu gom vào 26 bể tự hoại và 04 bể tách mỡ dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tổng công suất 2.600 m^3/ngày đêm (gồm

mô đun số 01 công suất 650 m^3/ngày đêm, mô đun số 02 công suất 1.150 m^3/ngày đêm và mô đun số 03 công suất 800 m^3/ngày đêm) để xử lý đảm bảo tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN An Phát 1 trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN An Phát 1.

- Quy trình, vị trí đấu nối, quy chuẩn áp dụng theo thông tin đã được trình bày tại điểm b, mục 4.1.1.

4.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN An Phát 1 để tiếp tục xử lý theo thỏa thuận đấu nối.

4.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

4.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị

a) Giai đoạn I

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp; xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công, xây dựng; tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Lắp đặt hàng rào xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng các phương tiện, máy móc chất lượng tốt, đảm bảo độ an toàn và tiêu chuẩn môi trường được các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép lưu hành; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe vận chuyển được rửa sạch bùn đất dính bám trước khi ra khỏi công trường.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

b) Giai đoạn II

- Vận hành 03 hệ thống thu gom, xử lý khí thải để thu gom và xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất của Dự án đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả vào môi trường, các hệ thống cùng chung quy trình công nghệ xử lý:

+ Quy trình xử lý khí thải: Bụi, khí thải → Chụp hút khí thải → Đường ống thu gom khí thải → Quang phân tử UV → Hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải.

+ 01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực CNC, mài, khoan tại nhà xưởng 02, công suất 5.000 m^3/h.

+ 01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu in lụa, khắc tinh xảo laser tại nhà xưởng 02, công suất 10.000 m^3/h.

+ 01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu đúc vỏ nhựa tại nhà xưởng 02, công suất 20.000 m^3/h.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) với K_p = 0,8 và K_v = 1,0 và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

c) Giai đoạn III

- Từ các hoạt động thi công giai đoạn 03:

+ Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo thông tin đã được trình bày tại điểm a, mục 4.2.1.

- Từ các hoạt động sản xuất giai đoạn 01, 02:

+ Vận hành 18 hệ thống thu gom, xử lý khí thải để thu gom và xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất của Dự án đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả vào môi trường, các hệ thống cùng chung quy trình công nghệ xử lý:

+ Quy trình xử lý khí thải: Bụi, khí thải → Chụp hút khí thải → Đường ống thu gom khí thải → Quang phân tử UV → Hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải.

++ 01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực tiền xử lý tại tầng 02 nhà văn phòng, công suất 10.000 m^3/h.

++ 01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu vực CNC, mài, khoan tại nhà xưởng 02, công suất 5.000 m^3/h.

++ 01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu in lụa, khắc tinh xảo laser tại nhà xưởng 02, công suất 10.000 m^3/h.

++ 01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải khu đúc vỏ nhựa tại nhà xưởng 02, công suất 20.000 m^3/h.

++ 01 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải ở khu vực xưởng quang học, máy quét sàn tại tầng 01 nhà xưởng 03, công suất 15.000 m^3/h.

++ 02 hệ thống thu gom và xử lý khí thải ở khu vực sản xuất dây cáp tại tầng 02 nhà xưởng 03, công suất mỗi hệ thống 20.000 m^3/h.

++ 03 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải ở khu vực hàn sóng siêu âm tại tầng 03 nhà xưởng 03, công suất mỗi hệ thống 20.000 m^3/h.

++ 02 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải ở khu vực hàn sau tại tầng 03 nhà xưởng 03, công suất mỗi hệ thống 10.000 m^3/h.

++ 04 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải ở khu vực hàn đối lưu và hàn sóng tại tầng 04 nhà xưởng 03, công suất mỗi hệ thống 15.000 m^3/h.

++ 02 Hệ thống thu gom và xử lý khí thải ở khu vực sản xuất dây chuyền tín hiệu tại tầng 04 nhà xưởng 03, công suất mỗi hệ thống 5.000 m^3/h.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) với K_p = 0,8 và K_v =

1,0 và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

4.2.2. Giai đoạn vận hành

Tiếp tục vận hành 18 hệ thống thu gom, xử lý khí thải để thu gom và xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất của Dự án đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả vào môi trường, theo thông tin đã được trình bày tại điểm c, mục 4.2.1.

4.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo môi trường không khí xung quanh trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Lắp đặt, vận hành hệ thống thông gió, hệ thống thu gom, xử lý khí thải theo đúng thiết kế, đảm bảo toàn bộ khí thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án đều được thu gom, xử lý đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, hệ số K_p = 0,8 và K_v = 1,0) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

4.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị

a) Giai đoạn I

- Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH): Bố trí các thùng chứa CTRSH gần khu vực thi công. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng có thể tái chế hoặc tái sử dụng như bao bì xi măng, chai lọ, sắt thép dư thừa được thu gom và bán cho đơn vị có chức năng để tái sử dụng, tái chế.

+ Chất thải rắn khác không tận dụng được thu gom tập trung về các thùng lưu chứa tạm thời tại khu vực thi công và hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn II

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy dung tích từ 20 ÷ 50 lít/thùng tại khu vực văn phòng, phòng chức năng, các thùng rác có nắp đậy dung tích từ 100 ÷ 150 lít/thùng bố trí tại các nhà xưởng và nhà kho, 04 thùng chứa có nắp đậy loại 200 lít/thùng tại mỗi nhà ăn, sau đó được thu gom về các thùng chứa có bánh xe dung tích 1.100 lít đưa về khu vực tiếp nhận và phân loại rác thông thường 494 m^2 tại nhà phụ trợ số 01. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường tại khu vực sản xuất trong nhà xưởng 02 được phân loại và thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy dung tích 60 ÷ 150 lít/thùng tại cá vị trí phát sinh; chất thải sau đó được tập kết về nhà phụ trợ

01 tại Khu vực tiếp nhận và phân loại rác thông thường 494 m^2, tiếp đó được phân loại và đưa về các khu vực lưu chứa theo từng loại: Với các chất thải thông thường cồng kềnh như là bìa carton,… được đưa về phòng ép rác 289 m^2, các loại chất thải thông thường có thể tái chế được lưu vào kho kiểm soát rác thông thường rộng 376 m^2, các loại rác thông thường khác lưu giữ trong các khu vực của kho rác rộng 2.063 m^2. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định, tần suất tùy thuộc vào khối lượng phát sinh thực tế.

- Bùn phát sinh từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt được tuần hoàn tại bể sinh học thiếu khí của hệ thống xử lý nước thải; bùn dư được phân định theo quy định về quản lý chất thải và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất tùy thuộc vào lượng phát sinh thực tế.

- Bùn nạo vét từ các hố ga của hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn và bùn thải từ bể tự hoại được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định, định kỳ 06 ÷ 12 tháng/lần.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

c) Giai đoạn III

- Từ các hoạt động thi công giai đoạn 03:

Tiếp tục áp dụng các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường theo thông tin đã được trình bày tại điểm a, mục 4.3.1.

- Từ các hoạt động sản xuất giai đoạn 01, 02: Tiếp tục thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường theo thông tin đã được trình bày tại điểm b, mục 4.3.1.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

Tiếp tục thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường theo thông tin đã được trình bày tại điểm b, mục 4.3.1.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ CTRSH, chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT) phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, phân định, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

4.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị

a) Giai đoạn I

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động xây dựng được phân loại, thu gom và lưu giữ trong 06 thùng chuyên dụng có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng và tập kết vào kho chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích 15 m^2 bố trí ngay trên khu vực thi công. Các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo theo quy định. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển

giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Kho chứa chất thải tạm thời được gia cố nền chống thấm, có tường bao, có mái che. Bên trong có bố trí các thùng chứa CTNH chuyên dụng có nắp đậy, có dán nhãn cảnh báo theo quy định, đảm bảo lưu chứa an toàn, không tràn đổ. Có trang bị bình cứu hỏa và thùng cát.

b) Giai đoạn II

- Các loại chất thải nguy hại được phân loại, thu gom và lưu giữ vào các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy kín dung tích từ 50 ÷ 300 lít/thùng bố trí tại các khu vực sản xuất. Các thùng chứa đều dán nhãn mác CTNH và dấu hiệu cảnh báo đúng theo quy định. Hàng ngày được thu gom đưa về lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 284 m^2 tại nhà phụ trợ số 02 của Dự án. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Điểm tập kết và kho lưu giữ CTNH được thiết kế, xây dựng theo đúng quy định, đảm bảo tránh mưa, tránh nắng, phân loại chất thải theo mã CTNH, nền sơn chống thấm, có rãnh thu hồi chất lỏng khi bị rò rỉ, bên trong bố trí các thùng chứa CTNH chuyên dụng có nắp đậy, có dán nhãn cảnh báo theo quy định, đảm bảo lưu chứa an toàn, không tràn đổ, bố trí dụng cụ cứu hỏa, thùng cát; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất tối thiểu 06 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

c) Giai đoạn III

- Từ các hoạt động thi công giai đoạn 03:

Tiếp tục thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo thông tin đã được trình bày tại điểm a, mục 4.4.1.

- Từ các hoạt động sản xuất giai đoạn 01, 02:

Tiếp tục thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo thông tin đã được trình bày tại điểm b, mục 4.4.1.

4.4.2. Giai đoạn vận hành

Tiếp tục thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường theo thông tin đã được trình bày tại điểm b, mục 4.4.1.

4.4.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện quản lý CTNH theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; định kỳ chuyển giao toàn bộ CTNH cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải CTNH theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị

a) Giai đoạn I

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Sử dụng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị đạt tiêu chuẩn, được đăng

kiểm theo quy định; các thiết bị được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện thi công, thay thế các bộ phận truyền động bị hư hỏng, lắp đặt và bảo trì các thiết bị giảm thanh, đảm bảo đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công.

b) Giai đoạn II

- Thiết kế lắp đặt bộ phận giảm ồn, rung cho máy móc, thiết bị sản xuất; định kỳ kiểm tra bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và bôi trơn định kỳ.

- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên.

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu, bãi đậu xe và nhân viên hướng dẫn ra vào hợp lý.

- Quy định tốc độ, không kéo còi xe khi ra vào Dự án.

- Đảm bảo diện tích cây xanh, thảm cỏ trong nhà máy để tạo cảnh quan, giảm nhiệt và giảm thiểu bụi, tiếng ồn xung quanh khu vực Dự án.

c) Giai đoạn III

- Từ các hoạt động thi công giai đoạn 03:

Tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung theo thông tin đã được trình bày tại điểm a, mục 4.5.1.

- Từ các hoạt động sản xuất vận hành giai đoạn 01, 02:

Tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung theo thông tin đã được trình bày tại điểm b, mục 4.5.1.

4.5.2. Giai đoạn vận hành

Tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung theo thông tin đã được trình bày tại điểm b, mục 4.5.1.

4.5.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.6.1. Giai đoạn thi công, xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị

a) Giai đoạn I

(i) Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường khác

- Nước mưa chảy tràn: Bố trí hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm có các hố ga lắng cát. Thi công cuốn chiếu, thi công hạ tầng giao thông và hệ thống thu gom nước mưa được ưu tiên trước, thường xuyên dọn dẹp mặt bằng thi công; tập kết nguyên vật liệu theo tiến độ thi công, che chắn các khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng.

(ii) Các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để tránh các trường hợp chập điện gây cháy; bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu quy phạm phòng chống cháy nổ đặc biệt tại các khu vực trạm biến thế, các bảng điện; quy định và đặt biển báo các khu vực cấm lửa và các khu vực dễ gây cháy.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tại kho lưu chứa chất thải: Trong công trường thi công bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại tạm thời có nền gia cố vật liệu chống thấm. Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

b) Giai đoạn II

(i) Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường khác

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải. Nạo vét các hố ga đảm bảo khả năng tiêu thoát nước định kỳ 01 năm/lần.

- Nhiệt dư phát sinh từ các công đoạn gia nhiệt, đùn ép nhựa: Vận hành 01 hệ thống tuần hoàn nước làm mát tại các khu vực có hoạt động đùn ép nhựa.

- Vận hành hệ thống điều hòa thông gió AHU tại nhà xưởng 02 và tòa nhà văn phòng, nhà kho.

(ii) Các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải (mô đun số 01): Vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật, có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng. Khi gặp sự cố, tiến hành tạm dừng hoạt động để kiểm tra xác định nguyên nhân sự cố. Cho đến khi sự cố được khắc phục hoàn toàn, nước thải từ các bể của mô đun được bơm lại bể điều hòa để xử lý đảm bảo nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quy định trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phát 1.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải: Vận hành 03 hệ thống theo đúng hướng dẫn kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, đảm bảo các thiết bị hoạt động liên tục và có hiệu quả; bố trí các thiết bị dự phòng. Khi có sự cố xảy ra, dừng hoạt động của máy móc và các thiết bị tại khu vực hệ thống gặp sự cố phụ trách, tiến hành kiểm tra và xác định nguyên nhân sự cố và khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động sản xuất đảm bảo khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra môi trường.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy. Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để tránh các trường hợp chập điện gây cháy. Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu quy phạm phòng chống cháy nổ đặc biệt tại các khu vực trạm biến thế, các bảng điện; quy định các khu vực cấm lửa và các khu vực dễ gây cháy.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống thu gom nước thải: Vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành; thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống dẫn, hố ga thu gom nước thải để phát hiện kịp thời hỏng hóc và có phương án khắc phục kịp thời; thường xuyên nạo vét hệ thống tiêu thoát nước thải tránh tình trạng ứ đọng, tắc nghẽn dòng chảy gây ngập úng cục bộ định kỳ khoảng 06 ÷ 12 tháng/lần.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do hóa chất: Bố trí kho chứa hóa chất có khoảng cách an toàn so với các khu vực; hóa chất bảo quản trong kho được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, đúng vị trí quy định theo từng chủng loại, thuận tiện cho việc xuất nhập hóa chất; xây dựng quy trình vận chuyển, lưu giữ và sử dụng hoá chất cho công nhân, tuân thủ các biện pháp an toàn do nhà sản xuất quy định trên giấy tờ thông tin an toàn sản phẩm; tập huấn kỹ thuật an toàn hóa chất cho công nhân xếp dỡ, vận chuyển theo quy định tại Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

c) Giai đoạn III

(i) Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường khác

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải. Nạo vét các hố ga đảm bảo khả năng tiêu thoát nước định kỳ 01 lần/năm.

- Nhiệt dư phát sinh từ các công đoạn gia nhiệt, đùn ép nhựa: Vận hành 01 hệ thống tuần hoàn nước làm mát tại các khu vực có hoạt động đùn ép nhựa.

- Vận hành hệ thống điều hòa thông gió AHU tại nhà xưởng 02, nhà xưởng 03 và tòa nhà văn phòng, nhà kho.

(ii) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải (mô đun số 01, mô đun số 02): Vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật, có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng. Khi gặp sự cố, tiến hành tạm dừng hoạt động để kiểm tra xác định nguyên nhân sự cố tại mô đun nào. Cho đến khi sự cố được khắc phục hoàn toàn, nước thải từ các bể của mô đun gặp sự cố được bơm lại bể điều hòa để xử lý đảm bảo nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quy định trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phát 1.

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, cháy nổ, hệ thống thu gom nước thải, khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại, hóa chất theo thông tin đã được trình bày tại điểm b, mục 4.6.1.

4.6.2. Giai đoạn vận hành

a) Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường khác

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải. Nạo vét các hố ga đảm bảo khả năng tiêu thoát nước định kỳ 01 năm/lần.

- Nhiệt dư phát sinh từ các công đoạn gia nhiệt, đùn ép nhựa: Vận hành 01 hệ thống tuần hoàn nước làm mát tại các khu vực có hoạt động đùn ép nhựa.

- Vận hành hệ thống điều hòa thông gió AHU tại nhà xưởng 02, xưởng 03, xưởng 04, xưởng 05 và tòa nhà văn phòng, nhà kho.

b) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải (mô đun số 01, mô đun số 02, số 03): Vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật, có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng. Khi gặp sự cố, tiến hành tạm dừng hoạt động để kiểm tra xác định nguyên nhân sự cố tại mô đun nào. Cho đến khi sự cố được khắc phục hoàn toàn, nước thải từ các bể của mô đun gặp sự cố được bơm lại bể điều hòa để xử lý đảm bảo nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quy định trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phát 1.

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, cháy nổ, hệ thống thu gom nước thải, khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại, hóa chất theo thông tin đã được trình bày tại điểm b, mục 4.6.1.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị

5.1.1. Giám sát môi trường khu vực thi công, xây dựng

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại khu vực công trường thi công (01 vị trí thi công giai đoạn I và 01 vị trí thi công giai đoạn III).

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), SO_2, NO_2, CO, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại CTRSH, chất thải rắn thông thường và CTNH theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; định kỳ chuyển giao CTRSH, chất thải rắn thông

thường và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.1.2. Giám sát chất thải thông thường, CTNH:

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại CTRSH, CTRCNTT và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; định kỳ chuyển giao CTRSH, CTRCNTT và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục và định kỳ theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5.2.2. Giám sát khí thải

a) Giám sát khí thải tự động liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát khí thải tự động, liên tục theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 98 và Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP do quá trình sản xuất không có các thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng FO, than đá.

b) Giám sát khí thải định kỳ

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát khí thải định kỳ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 98 và Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP do quá trình sản xuất không có các thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng FO, than đá.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại CTRSH, CTRCNTT và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; định kỳ chuyển giao CTRSH, CTRCNTT và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

6.1. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

6.2. Tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6.3. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành; giám sát môi trường không khí bên trong nhà xưởng sản xuất theo quy định.

6.4. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030; tuân thủ các quy định hiện hành về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố hóa chất, an toàn lao động, đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

6.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ chính xác, tin cậy của toàn bộ dữ liệu, số liệu tính toán, đo đạc của các hạng mục, công trình, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

6.6. Bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đáp ứng các quy chuẩn môi trường: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan khác.

6.7. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

6.8. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phòng ngừa và phòng chống cháy nổ đối với cán bộ, công nhân.

6.9. Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định liên quan khác.

6.10. Thiết lập mô hình quản lý và bảo đảm nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.11. Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi được phê duyệt; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6.12. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không bảo đảm công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật

6.13. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và phải đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

独立—自由—幸福

PHỤ LỤC SỐ 03

附录 03

Sửa đổi Phụ lục số 02 của Hợp đồng cho thuê lại đất số 0807/2023/HĐTLĐ/AP1-CELINK ngày 07 tháng 08 năm 2023.

调整于 2023 年 08 月 07 日签署的 0807/2023/HĐTLĐ/AP1-CELINK 号土地租赁合约之附录 02

- Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất số 0807/2023/HĐTLĐ/AP1-CELINK ngày 07 tháng 08 năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 và Công ty TNHH Celink Hải Dương Việt Nam (**"Hợp Đồng"**);

  根据安发 1 高科技工业区 股份公司与越南海阳海能有限公司于 2023 年 08 月 07 日签署 0807/2023/HĐTLĐ/AP1-CELINK 号土地租赁合约（**"合约"**）

- Căn cứ Phụ lục số 02: Phí Dịch Vụ và Phí Tiện Ích của Hợp Đồng ("**Phụ lục 02**");

  根据合约的附录 02：服务费用和便捷费用 (**"附录 02"**)

- Căn cứ tình hình thực tế, nhu cầu và thỏa thuận giữa các Bên.

  根据实际情况，各方的需求与协商

Hôm nay, ngày 22 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở chính của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1, chúng tôi gồm có:

今日，于 2024 年 10 月 22 日，在安发 1 高科技工业区 股份公司住所，我们包括：

Bên Cho Thuê	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP KỸ THUẬT CAO AN PHÁT 1**
出租方	:	**安发一高科技工业区股份公司**
Địa chỉ trụ sở chính	:	Khu Công Nghiệp An Phát 1, Km 72, Quốc lộ 37, Xã An Bình, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

住所地址	:	越南海阳省南策县安平乡，37 号国道第 72 公里，安发 1 工业区
Mã số doanh nghiệp	:	0801298395
企业代码	:	0801298395
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Phạm Văn Tuấn
法律代表人	:	范文俊先生
Chức danh	:	Tổng giám đốc
职务	:	总经理

Và/ 以及

Bên Thuê	:	**CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM**
承租方	:	**越南海阳海能责任有限公司**
Địa chỉ trụ sở chính	:	Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1, Xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
住所地址	:	越南海阳省南策县安平公社安发 1 工业区 CN05 地块
Mã số doanh nghiệp	:	0801394934
企业代码	:	0801394934
Đại diện	:	Wang XianChao theo Văn bản uỷ quyền số 01080723/UQ-CELINK ngày 07/08/2023.
代表人	:	王先朝，根据 2023 年 08 月 07 日的 01080723/UQ-CELINK 号授权书。
Chức danh	:	Phó Tổng giám đốc
职务	:	副总经理

Bên Cho Thuê và Bên Thuê sau đây được gọi chung là **"Các Bên"** hoặc "**Hai Bên**" và gọi riêng là **"Bên",** trừ khi ngữ cảnh có quy định cụ thể khác.

出租方及承租方下面统称为"各方"或"双方"，独称为"方"，排除语境有其他具体规定.

Các Bên thỏa thuận và đồng ý ký kết Phụ lục số 03 với các nội dung dưới đây.

各方经协商同意签署附录 03 具体内容如下:

Điều 1: Sửa đổi Điều 6.2 của Hợp Đồng thành:

第一条：调整合约第 6.2 条如下：

Bên Cho Thuê đồng ý tiếp nhận xử lý nước thải của Bên Thuê với lưu lượng tối đa là 2.100 m^3/ngày đêm (hai nghìn một trăm mét khối trên ngày đêm). Bên Cho Thuê có quyền từ chối tiếp nhận xử lý phần nước thải của Bên Thuê vượt quá lưu lượng tối đa nêu trên.

出租方同意接收承租方的污水处理，最大处理量为每日 2100 立方米（两千一百立方米/日夜）。出租方有权拒绝接收承租方超过上述最大流量的污水处理部分。

Điều 2: Thay thế Mục 4 của Phụ lục 02 thành:

第二条：将附录 02 的第 4 条替换为：

4. **Khối lượng nước thải tính Phí xử lý nước thải** : khối lượng nước thải làm căn cứ tính Phí xử lý nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước Bên Thuê sử dụng. Khối lượng nước Bên Thuê sử dụng được xác định theo chỉ số đồng hồ đo nước của đơn vị cung cấp nước cho Bên Thuê.
   Bên Thuê có trách nhiệm thanh toán Phí xử lý nước thải của tháng N chậm nhất vào ngày thứ 10 của tháng N +1, riêng tháng 12 phải thanh toán vào ngày 31/12. Phí xử lý nước thải bắt đầu được tính sau khi hoàn thành việc đấu nối nước thải của Bên Thuê với hệ thống xử lý nước thải của Khu Công Nghiệp.

   计算污水处理费用的污水量：用来计算污水处理费用的污水量按当月承租方使用净水量的 80%计算。承租方使用的水量根据为承租方供水单位的水表读数确定。

   承租方有责任在 N+1 月 10 日之前支付第 N 月的污水处理费，排除 12 月于 12 月 31 日进行支付。此费用在承租方废水链接致工业园区废水处理系统完成之后开始计算。

   Đơn giá Phí xử lý nước thải áp dụng đối với Nước Thải Đạt Tiêu Chuẩn tại thời điểm ký Phụ lục số 03 này là: 9.000 VND/m3 (chín nghìn đồng trên một mét khối) (chưa bao gồm thuế GTGT).

   对符合标准的污水处理费单价适用于签署附录 03 时的价格为：9,000 VND/m3（未包含增值税.

Điều 3: Bổ sung Mục 5 của Phụ lục 02 như sau:

第三条：补充附录 02 第 5 条如下：

5. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải/ 污水接收标准

Bên Thuê đảm bảo nước thải của mình có các thông số ô nhiễm: Asen, thủy ngân, chì, crom (VI), clorua, tổng PCB, tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ, tổng xianua có giá trị bằng hoặc thấp hơn so với tiêu chuẩn tại Bảng 1 Cột A và các thông số ô nhiễm khác có giá trị bằng hoặc hơn thấp tiêu chuẩn Bảng 1 Cột B theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp ("Nước Thải Đạt Tiêu Chuẩn"), cụ thể như sau:

承租方确保其具有以下污染参数的污水：砷、汞、铅、六价铬、氯化物、总 PCB、总有机氯植保化学品、总有机磷植保化学品、总氰化物浓度等于或低于 A 标 01 栏，以及其他污染参数等于或低于 B 标 01 栏；标准参照根据 QCVN 40：2011/BTNMT 号关于工业污水的国家技术规准（“达标污水”），具体如下：

TT 序号	Thông số 参数	Đơn vị 单位	Giới hạn giá trị tiếp nhận 接收价值限制
1.	Nhiệt độ 温度	oC	Nhỏ hơn hoặc bằng 40 小于或等于 40
2.	Màu 颜色	Pt/Co	Nhỏ hơn hoặc bằng 150 小于或等于 150
3.	pH		Từ 5.5 đến 9 从 5.5 到 9
4.	BOD5 (20oC)	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 50 小于或等于 50
5.	COD	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 150 小于或等于 150
6.	Chất rắn lơ lửng 漂浮固体	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 100 小于或等于 100
7.	Asen	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 0.05 小于或等于 0.05
8.	Thuỷ ngân 汞	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 0.005 小于或等于 0.005
9.	Chì 铅（Pb）	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 0.1 小于或等于 0.1
10.	Cadimi 镉	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 0.1 小于或等于 0.1

11.	Crom (VI) 六价铬	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 0.05 小于或等于 0.05
12.	Crom (III) 铬(III)	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 1 小于或等于 1
13.	Đồng 铜	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 2 小于或等于 2
14.	Kẽm 锌	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 3 小于或等于 3
15.	Niken 镍	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 0.5 小于或等于 0.5
16.	Mangan 锰	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 1 小于或等于 1
17.	Sắt 铁	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 5 小于或等于 5
18.	Tổng xianua 总氰化物	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 0.07 小于或等于 0.07
19.	Tổng phenol 总酚	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 0.5 小于或等于 0.5
20.	Tổng dầu mỡ khoáng 总矿物油和润滑脂	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 10 小于或等于 10
21.	Sunfua 硫化物	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 0.5 小于或等于 0.5
22.	Florua 氟化物	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 10 小于或等于 10
23.	Amoni (tính theo N) 氨（以 N 计）	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 10 小于或等于 10
24.	Tổng nitơ 总氮	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 40 小于或等于 40
25.	Tổng phốt pho (tính theo P) 总磷（以 P 计）	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 6 小于或等于 6
26.	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)氯化物（排入盐水或苦咸水时请勿使用）	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 500 小于或等于 500
27.	Clo dư 余氯	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 2 小于或等于 2
28.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 0.05 小于或等于 0.05

	总有机氯植保化学品		
29.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ 总有机磷植保化学品	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 0.3 小于或等于 0.3
30.	Tổng PCB 多氯联苯总量	mg/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 0.003 小于或等于 0.003
31.	Coliform 大肠菌群	vi khuẩn/100ml 细菌/100ml	Nhỏ hơn hoặc bằng 5000 小于或等于 5000
32.	Tổng hoạt độ phóng xạ α 总放射性活度 α	Bq/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 0.1 小于或等于 0.1
33.	Tổng hoạt độ phóng xạ β 总放射性活度 β	Bq/l	Nhỏ hơn hoặc bằng 1 小于或等于 1

Điều 4: Sửa đổi Phần Lưu Ý của Phụ lục 02 như sau:

第四条：针对附录 02 注明内容进行如下调整：

"Lưu ý 注明：

(i) Các khoản phí, giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (thuế GTGT) và chi phí thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

上述单价未包含增值税（VAT）和落实支付义务的续费。

(ii) Trừ trường hợp có thoả thuận khác, Phí quản lý và Phí xử lý nước thải được Bên Cho Thuê điều chỉnh mỗi năm không quá một lần, theo đó mức phí của năm tiếp theo sẽ được thông báo trước hoặc vào ngày 15/12 hàng năm với cam kết mức phí điều chỉnh tăng tương ứng với mức tăng của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân của 03 (ba) năm liền kề trước đó theo số liệu của Tổng Cục Thống Kê công bố; Phí quản lý và Phí xử lý nước thải cao hơn không quá 20% (hai mươi phần trăm) so với bình quân phí quản lý, bình quân phí xử lý nước thải tương ứng của các khu công nghiệp mà có hệ thống cơ sở hạ tầng tương đương với Khu công nghiệp An Phát 1 trong địa bàn tỉnh Hải Dương.

排除另有约定，管理费用与污水处理费用由出租方每年调整不超过一次，据此次年的费用将在每年 12 月 15 日之前或当天通知，其中保证调整后的涨幅将相应于前面连续 03 年的年平均居民消費價格指數的涨幅（CPI）（以國家統計總局所公佈的資料為准），管理费及污水处理费单价将不高于海阳省区内与安发 1 园区具备相等基础设施系统工业园区的管理费及污水处理费平均水平的 20%（百分之二十）。

Các Bên thống nhất rằng, Bên Cho Thuê sẽ không tăng Phí quản lý cho thời gian tính kể từ ngày ký Hợp Đồng Này đến hết ngày 31/12/2024.

各方一致同意，从本合约签署日期起至 2024 年 12 月 31 日，出租方将不调高管理费用。

(iii) Bên Cho Thuê có quyền thuê một bên thứ ba có đầy đủ năng lực theo quy định pháp luật để thực hiện xét nghiệm định kỳ hoặc đột xuất chất lượng nước thải của Bên Thuê. Trường hợp kết quả xét nghiệm này chỉ ra rằng thông số ô nhiễm của nước thải mà Bên Thuê thải ra có giá trị cao hơn so với Nước Thải Đạt Tiêu Chuẩn theo đúng ghi nhận tại Hợp Đồng này và quy định pháp luật, Bên Cho Thuê có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) từ chối tiếp nhận nước thải của Bên Thuê, đồng thời toàn bộ các chi phí kiên quan đến việc kiểm tra, xét nghiệm này sẽ do Bên Thuê chiu trách nhiệm chi trả trả. Đối với, đơn giá xử lý đối với nước thải không đạt tiêu chuẩn sẽ do Bên Cho Thuê thông báo cho Bên Thuê. Việc lấy mẫu nước thải được thực hiện có sự chứng kiến của Bên Thuê, trường hợp Bên Thuê đã được thông báo nhưng không tham gia lấy mẫu sẽ không ảnh hưởng tới giá trị của kết quả kiểm nghiệm.

出租方有权聘用具有法律规定资质的第三方来进行承租方排水质量的定期/突击检查。此结果若指明承租方所排放的污水指数超出本合约和法律规定的达标污水标准情况下，出租方有权（但无义务）拒收承租方的污水，同时全部相关此检查、检测的费用将由承租方承担。进一步说明，不达标污水的处理费用将由出租方通知承租方。污水取样必须有承租方当场见证，在承租方已被通知却不参与情况将不会影响检测结果。”

Điều 5: Các quy định khác

第 5 条：其他规定

5.1 Trừ các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục số 03 này, các nội dung khác của Hợp Đồng và Phụ lục số 02 vẫn giữ nguyên hiệu lực.

除本附录 03 修改，补充内容外，合约以及附录 02 其他内容仍保持其效力。

5.2 Phụ lục số 03 này có hiệu lực kể từ ngày Hai Bên ký kết nêu trên và là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng.

本附录 03 自双方签字之日起生效，是合约不可分割的一部分。

5.3 Phụ lục số 03 này được lập thành 06 bản gốc bằng tiếng Việt và tiếng Trung có giá trị pháp

lý như nhau, mỗi Bên giữ 03 bản gốc để thực hiện. Trường hợp có mâu thuẫn giữa tiếng Trung và tiếng Việt, tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

附录 03 共有 06（六）份，用越南语与中文撰写，具有同等法律效力。双方各执 3（三）份作为执行依据。若上述语言存在差异，越南语将被优先采用。

5.4 Hai Bên đã đọc, hiểu các nội dung của Phụ lục 03 này và đồng ý với các nội dung tại đây.

双方已阅读并理解本附录 03 的内容并在此签名同意。

BÊN CHO THUÊ/出租方	**BÊN THUÊ/承租方**
TM. CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP KỸ THUẬT CAO AN PHÁT 1	**TM. CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM**
安发 1 高科技工业区股份公司	**越南海阳海能责任有限公司**
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP KỸ THUẬT CAO AN PHÁT 1 AN PHAT 1 HIGH-TECH M.S.D.N: 0801298395	M.S.D.N: 0801394934 CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM TỈNH HẢI DƯƠNG
	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC WANG XIAN CHAO
Họ và Tên: Phạm Văn Tuấn	**Họ và Tên: Wang Xian Chao**
姓名：范文俊先生	姓名：王先朝先生
Chức danh: Tổng Giám Đốc	**Chức danh: Phó Tổng Giám Đốc**
职位：总经理	职位：副总经理

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2025

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 04/2025/KCN-GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam.
- Địa chỉ: Lô CN05, KCN An Phát 1, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

2. Được phép xây dựng các hạng mục sau:
- Tên hạng mục: Tòa nhà văn phòng + Nhà kho số 1; Nhà xưởng 2 + Khu vực bể làm mát + Bể nước làm mát; Nhà phụ trợ số 8; Nhà phụ trợ số 9; Nhà để xe máy số 11; Nhà xử lý nước thải sinh hoạt số 12; Nhà bơm + Bể nước PCCC số 13; Phòng bảo vệ số 14; Nhà xưởng số 3; Nhà ăn số 6; Cổng, hàng rào, mái che và hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (*chi tiết trong phụ lục số: 04/2025/PL-GPXD*).
- Theo thiết kế có ký hiệu: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.
- Do: Công ty cổ phần kỹ thuật & xây dựng Token Việt Nam lập.
- Chủ nhiệm thiết kế: Nguyễn Anh Chiến.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Xây dựng.
- Chủ nhiệm thẩm tra: Nguyễn Tiến Quyết.
- Đơn vị thẩm định thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH Ce Link Hải Dương Việt Nam.
- Gồm các nội dung sau:
+ Vị trí xây dựng: Lô CN05, KCN An Phát 1, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
+ Diện tích lô đất: 226.151,0 m^2.
+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo Quy hoạch chi tiết xây dựng nhà máy và Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết KCN An Phát 1 được phê duyệt.
+ Loại, cấp công trình: Công nghiệp, cấp I; Màu sắc công trình: màu sáng, hài hòa;
+ Diện tích xây dựng: 95.104,48 m^2; Tổng diện tích sàn xây dựng: 162.514,92 m^2.
+ Chiều cao công trình: 26,0 m; Số tầng: 04 tầng.
+ Mật độ xây dựng tổng thể: 53,29% Hệ số sử dụng đất: >0,3.
+ Mật độ cây xanh, thảm cỏ: >= 20% diện tích lô đất.
- Những điều lưu ý khác (*Nguồn điện, nguồn nước, đường thải nước, yêu cầu xử lý chất thải, bảo vệ môi trường*): Theo Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết KCN An Phát 1 được phê duyệt, hồ sơ bảo vệ môi trường của dự án được phê duyệt; Chủ đầu tư phải có phương án phòng chống cháy nổ cho công trình theo quy định của Luật phòng cháy, chữa cháy Việt Nam.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 042179 do Văn phòng đăng kí đất đai tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/12/2023.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- UBND huyện Nam Sách;
- Lưu: VT, QHXDMT (Hiếu).

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trung Kiên

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH, GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh, gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

Cơ quan cấp giấy phép xây dựng

CÔNG AN TỈNH HẢI DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 89 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính Phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 04/ĐN-PCCC ngày 12/02/2025 của Công ty TNHH CE LINK Hải Dương Việt Nam.

Người đại diện là ông: **Zhou Hong Liang** Chức danh: **Tổng Giám đốc**

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ CHỨNG NHẬN

CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM (GIAI ĐOẠN 1 VÀ GIAI ĐOẠN 2)

Địa điểm xây dựng: Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1, thuộc các xã Quốc Tuấn, An Bình và An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH CE LINK Hải Dương Việt Nam.

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Xây dựng Token Việt Nam; Công ty TNHH Một thành viên Phòng cháy chữa cháy và An ninh điện tử Hà Bắc

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau: Tổng mặt bằng, khoảng cách an toàn PCCC; Đường giao thông, bãi đỗ xe chữa cháy; Mặt bằng bố trí công năng bên trong công trình; Bậc chịu lửa công trình; Giải pháp ngăn cháy; Lối và đường thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn; Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà; Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước; Hệ thống chữa cháy tự động bằng bọt; Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí FM-200; Hệ thống bảo vệ chống khói; Hệ thống loa thông báo và hướng dẫn thoát nạn; Hệ thống điện cấp cho PCCC; Phương tiện chữa cháy ban đầu; Phương tiện, dụng cụ phá dỡ thô sơ.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2.

Hải Dương, ngày 14 tháng 02 năm 2025

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Đào Văn Thắng

Nơi nhận:
- C07 – Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CAT;
- Đ/c Đại tá Phạm Chí Hiếu – PGĐ CAT;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- Chủ đầu tư;
- Lưu: VT (PCCC&CNCH).

QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 89./TD-PCCC ngày 14../02/2025 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH)

TT	Nội dung	GHI CHÚ
I	**QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH**	
	Dự án đầu tư của Công ty TNHH CE LINK Hải Dương Việt Nam (Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2) được xây dựng trên khu đất có diện tích 22,6ha. Giai đoạn 1 gồm các hạng mục: - Tòa nhà văn phòng + Nhà kho số 1 (Nhà số 1): + Khu vực văn phòng: 03 tầng, diện tích 4.600m^2/tầng; kết cấu cột bê tông cốt thép, dầm, sàn, mái bê tông cốt thép. Bậc II chịu lửa. + Khu vực kho: 01 tầng, diện tích 9.000m^2; kết cấu cột bê tông cốt thép, khung kèo thép, mái tôn. Toàn bộ khung kèo thép chịu lực được sơn chống cháy đạt GHCL R90. Bậc II chịu lửa. - Nhà xưởng 2 (Nhà số 2): 01 tầng, diện tích 43.200m^2; kết cấu cột bê tông cốt thép kết hợp cột thép, khung kèo thép, mái tôn. Toàn bộ cột thép, khung kèo thép chịu lực được sơn chống cháy đạt GHCL R45. Bậc III chịu lửa. - Nhà phụ trợ số 8 (Nhà số 8): 01 tầng, diện tích 4.935m^2; kết cấu cột bê tông cốt thép, dầm, mái bê tông cốt thép. Bậc II chịu lửa. - Nhà phụ trợ số 9 (Nhà số 9): 01 tầng, diện tích 1.200m^2; kết cấu cột bê tông cốt thép, dầm, mái bê tông cốt thép. Bậc II chịu lửa. Giai đoạn 2 gồm hạng mục: - Nhà xưởng 3 (Nhà số 3): 04 tầng, diện tích 13.453,99m^2/tầng; kết cấu cột bê tông cốt thép, dầm, sàn, mái bê tông cốt thép. Bậc II chịu lửa. Các hạng mục khác: Nhà bơm, bể PCCC (Số 13).	
II	**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ**	
1	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 6516486208 do Ban quản lý các KCN tỉnh Hải Dương chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba ngày 30/7/2024	
2	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0801394934 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 15/02/2024.	
3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 042179 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/12/2023.	
4	Dự toán tổng mức đầu tư công trình	
5	Thuyết minh thiết kế	
6	Bản vẽ thiết kế thi công phần kiến trúc	
7	Bản vẽ thiết kế thi công phần kết cấu	
8	Bản vẽ thiết kế thi công phần PCCC	

***Lưu ý*:** Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 04/KCN - GPXD

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Ký tên:

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 1002/CBST

Ngày 10 tháng 02 năm 2025

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 13/TĐ-Celink

Ngày 18 tháng 02 năm 2025

Người thẩm định ký tên:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA CHỈ: LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

地址：CN5地块, 安发1工业区, 安平社, 南册县, 海阳省, 越南。

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số 13/QĐ-Celink

ngày 18 tháng 02 năm 2025

Ký tên:

HẠ TẦNG KỸ THUẬT

基础设施

OWN

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司

M.S.D.N: 0801394934 CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM TỈNH HẢI DƯƠNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

WANG XIAN CHAO

DESIGN

TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

TOKEN VIETNAM ENGINEERING AND CONSTRUCTION.,JSC

TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN, PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

TEL: 0432 636 777; FAX: 0432 565 777

M.S.D.N: 0104297764 CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lương Ngọc Tân

HÀ NỘI 2024

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...13...../TB-Celink

Ngày....18.tháng....02.năm 2025.....

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 100 21/CBST.....

Ngày..10...tháng..02...năm 2025.

Chủ trì bộ môn ký tên:

M.S.D.N: 0801394834 CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM TỈNH HẢI DƯƠNG

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số..13.....TĐ-Celink

ngày...18...tháng..02.....năm 2025...

Ký tên:

M.S.D.N: 0800427764 CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TỈNH HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

HẠ TẦNG KỸ THUẬT

基础设施

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ....13...1.Th-Celink
Ngày..18...tháng..02..năm 2025....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:..1002/CBST.....
Ngày..10...tháng..02...năm 2025....
Chủ trì bộ môn ký tên:

DANH MỤC BẢN VẼ / 圖面清單				
KÝ HIỆU	TÊN BẢN VẼ	图纸名称	GHI CHÚ	笔记
C.C.01	BÌA	覆盖		
C.C.02	HẠ TẦNG KỸ THUẬT	基础设施		
C.C.03	DANH MỤC BẢN VẼ	圖面清單		
C.R.01	GIAO THÔNG	交通		
C.R.02	MẶT BẰNG GIAO THÔNG	交通平面圖		
C.R.03	MẶT BẰNG KHE CO GIÃN	伸縮縫平面圖		
C.R.04	MẶT BẰNG BÓ VỈA	路緣石平面圖		
C.R.05	MẶT BẰNG TỔ CHỨC GIAO THÔNG	交通組織場地		
C.R.06	MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH 1	代表鋪面圖		
C.R.07	MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH 2	代表鋪面圖		
C.R.08	MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH 3	代表鋪面圖		
C.R.09	CHI TIẾT KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG-CT1	道路結構細節		
C.R.10	CHI TIẾT KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG-CT2	道路結構細節		
C.R.11	CHI TIẾT KHE CO GIÃN	伸縮縫細節		
C.R.12	ĐIỂN HÌNH RAM DỐC	代表斜坡細節		
C.R.13	ĐIỂN HÌNH VẠCH SƠN	典型塗裝線		
C.D.01	THOÁT NƯỚC MƯA	雨水派購		
C.D.02	MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA	雨水排水溝平面圖		
C.D.03	MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA PHẦN NGẦM	雨水排水溝平面圖		
C.D.04	CẤU TẠO HỐ GA LD-D4-6	陰莖細節		
C.D.05	CẤU TẠO HỐ GA VH-D4-6	陰莖細節		
C.D.06	CẤU TẠO HỐ GA LD-D8	陰莖細節		
C.D.07	CẤU TẠO HỐ GA VH-D8	陰莖細節		
C.D.08	CẤU TẠO HỐ GA VH-D10	陰莖細節		
C.D.09	CẤU TẠO HỐ GA LD-D10	陰莖細節		
C.D.10	CẤU TẠO HỐ GA LD-B4	陰莖細節		
C.D.11	CẤU TẠO HỐ GA DN-D10	陰莖細節		
C.D.12	CẤU TẠO RÃNH GRATING B400	GRATING B400 溝		
C.D.13	CHI TIẾT RÃNH B1000	B1000 溝		
C.D.14	CHI TIẾT CỐNG ĐIỂN HÌNH	代表水溝細節		
C.W.01	THOÁT NƯỚC MÁI	屋頂水溝		
C.W.02	CHI TIẾT LẮP ĐẶT 01	安装细节		
C.W.03	CHI TIẾT LẮP ĐẶT 02	安装细节		
C.A.00	TÒA NHÀ VĂN PHÒNG - NHÀ KHO SỐ 1	办公楼 - 仓库		
C.A.01	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG 1	1樓排水沟平面		
C.A.02	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG 2	2樓排水沟平面		
C.A.03	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG 3	3樓排水沟平面		
C.A.04	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG TUM	阁樓排水沟平面		
C.A.05	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG MÁI	頂樓排水沟平面		
C.A.06	MẶT CẮT BỐ TRÍ ỐNG XÓI	排水溝鋪面圖		
C.B.00	NHÀ PHỤ TRỢ SỐ 8	附属房		
C.B.01	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG 1	1樓排水沟平面		
C.B.02	MẶT CẮT BỐ TRÍ ỐNG XÓI	排水溝鋪面圖		
C.P.00	NHÀ PHỤ TRỢ SỐ 9	附属房		
C.P.01	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI	樓排水沟平面		
C.P.02	MẶT CẮT BỐ TRÍ ỐNG XÓI	排水溝鋪面圖		
C.E.00	NHÀ ĂN SỐ 6	饭堂6		
C.E.01	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG 1	1樓排水沟平面		
C.E.02	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG 2	2樓排水沟平面		
C.E.03	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG 3	3樓排水沟平面		
C.E.04	MẶT CẮT BỐ TRÍ ỐNG XÓI	排水溝鋪面圖		
C.G.00	NHÀ XƯỞNG 2 - KHU VỰC BỂ LÀM MÁT	车间 2		
C.G.01	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI	樓排水沟平面		
C.G.02	MẶT CẮT BỐ TRÍ ỐNG XÓI	排水溝鋪面圖		
C.H.00	NHÀ XƯỞNG SỐ 3	车间 3		
C.H.01	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG 1	1樓排水沟平面		
C.H.02	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG 2	2樓排水沟平面		
C.H.03	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG 3	3樓排水沟平面		
C.H.04	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG 4	4樓排水沟平面		
C.H.05	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG ÁP MÁI	阁樓排水沟平面		
C.H.06	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG MÁI	頂樓排水沟平面		
C.H.07	MẶT CẮT BỐ TRÍ ỐNG XÓI	排水溝鋪面圖		
C.L.00	NHÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT SỐ 12	生活污水处理站12		
C.L.01	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI	樓排水沟平面		
C.L.02	MẶT CẮT BỐ TRÍ ỐNG XÓI	排水溝鋪面圖		
C.M.00	CỔNG CHÍNH & PHÒNG BẢO VỆ SỐ 14	大门 - 保安室		
C.M.01	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI	樓排水沟平面		
C.M.02	MẶT CẮT BỐ TRÍ ỐNG XÓI	排水溝鋪面圖		
C.N.00	NHÀ BƠM - BỂ PCCC SỐ 13	泵房 - 消防水池		
C.N.01	MẶT BẰNG MẶT CẮT BỐ TRÍ ỐNG XÓI	排水溝鋪面圖平面		
C.O.00	NHÀ ĐỂ XE MÁY SỐ 11	摩托车棚		
C.O.01	MẶT BẰNG MẶT CẮT ỐNG XÓI	排水溝鋪面圖平面		

M.S.D.N: 0801394934
CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
TỈNH HẢI DƯƠNG

M.S.D.N: 0425764.C.I.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TRUNG ĐẠT VIỆT NAM
CỤC CỬU CHÂU - TP HẢI PHÒNG

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số...13.1/QĐ-Celink
ngày...18...tháng...02...năm 2025...
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 1002.1.CBST...

Ngày..10...tháng..02.năm 20.25..

Chủ trì bộ môn ký tên:

M.S.D.N: 0801394934 CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM TỈNH HẢI DƯƠNG

M.S.D.N: 0801394934 CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ XÂY DỰNG TỈNH HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

GIAO THÔNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: ...../.....

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 13...../CE-Celink

Ngày 18 tháng 02 năm 2025

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 1002/CBST.....

Ngày 10 tháng 02 năm 2025

Chủ trì bộ môn ký tên:

GIAI ĐOẠN 3 KHÔNG TRÌNH THẨM ĐỊNH

+2.80 +2.85 +3.15 +2.75 +2.80

COS NỀN HIỆN TRẠNG: +2.75

COS THIẾT KẾ ĐANG LẤY THEO COS QUY HOẠCH ĐỒ HẠ TẦNG ĐANG THI CÔNG

GHI CHÚ/ 备注

- HÀNG RÀO 围墙
- ĐƯỜNG LOẠI 1 一级道路
- ĐƯỜNG LOẠI 2 二级道路
- ĐƯỜNG LOẠI 3 三级道路
- GIAI ĐOẠN 2 第二阶段
- GIAI ĐOẠN 3 第三阶段
- CỔNG VÀO 门
- CÂY XANH, THẢM CỎ 绿化
- HÈ ĐƯỜNG 人行道
- GẠCH BLOCK TRỒNG CỎ 种砖草
- DỐC VÀO NHÀ XƯỞNG 工厂进入路
- CD CAO ĐỘ THIẾT KẾ 高级设计

1-1 4.5M 4.2M 1.5M MẶT CẮT NGANG 红街 10.7M

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...13...../QĐ-Celink

ngày....18...tháng..02....năm 2025

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 修改

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资方

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CELINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 项目

LÔ ĐẤT CN05 ICH AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

CN05地块, 安阳工业园1区, 安平社, 南阳县, 海阳省, 越南.

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资方

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777, FAX: 0432 566 777

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司

地址：河内市侨航区杨亭艺街农村路片大楼 8 楼

电话：0432 636 777，传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. ĐẶNG CHÍNH HỮU	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. VŨ TRỌNG QUÂN	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. ĐẶNG CHÍNH HỮU	

HẠNG MỤC - 项目

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG GIAO THÔNG

交通平面圖

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸编号

C.R.02

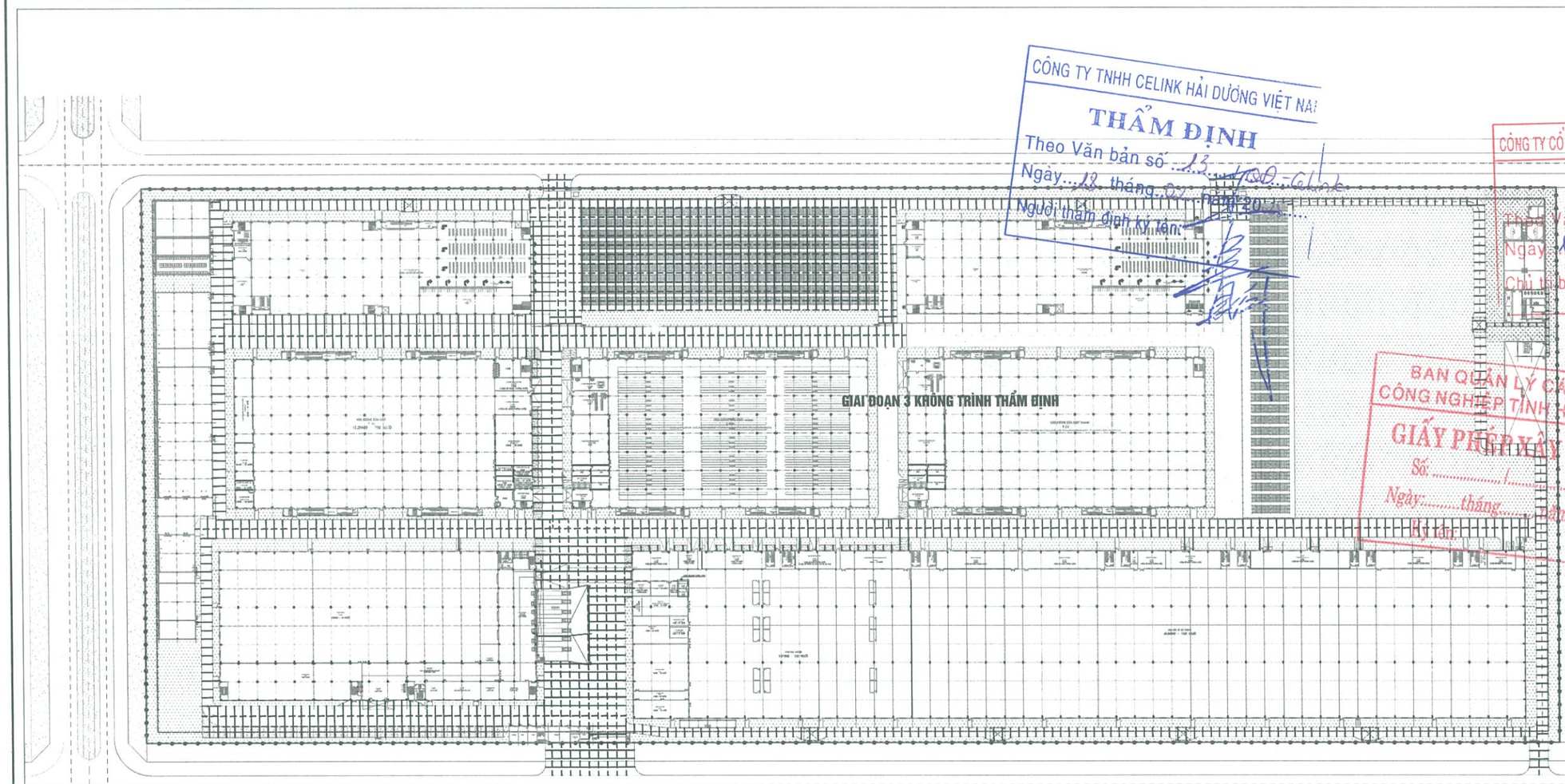

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...13...CLHD...Celink
Ngày...13..tháng..02..năm 20...
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số...100.11.CBST...
Ngày...10..tháng.02..năm 20.25..
Chủ trì bộ môn ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số...13...CLHD...Celink
ngày...13..tháng..02...năm 2025
Ký tên:

GHI CHÚ/ 备注

- HÀNG RÀO 围墙
- KHE CO 插槽详细信息
- KHE DÃN 扩张型狭缝
- KHE DỌC 纵向狭槽
- CÂY XANH, THẢM CỎ 绿化
- GIAI ĐOẠN 2 第二阶段
- GIAI ĐOẠN 3 第三阶段

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

SỬA CHỮA - 更正

NGÀY	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点

LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CN05地块, 安发1工业区, 安平乡, 南册县, 海阳市, 越南.

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资方

CE LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C
BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN, PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777, FAX: 0432 566 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市农报大楼 8 楼
电话：0432 636 777，传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	KS. LƯƠNG NGỌC TÂN
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	KTS. ĐẶNG CHÍNH HỮU
CHỦ TRÌ - 设计主持人	KS. VŨ TRỌNG QUÂN
THIẾT KẾ - 设计者	KS. TRẦN TIẾN SANG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	KTS. ĐẶNG CHÍNH HỮU

HẠNG MỤC - 项目

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG KHE CO GIÃN
伸缩缝平面图

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.R.03

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20...

Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: .....

Ngày.....tháng.....năm 20...

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 1002/CBST

Ngày 10 tháng 02 năm 2025

Chủ trì bộ môn ký tên:

GIAI ĐOẠN 3 KHÔNG TRÌNH THẨM ĐỊNH

GHI CHÚ/ 备注

- HÀNG RÀO 围墙
- BỒ VỈA L1 L1路沿石
- BỒ VỈA L2 L2路沿石
- CÂY XANH, THẢM CỎ 绿化
- GIAI ĐOẠN 2 第二阶段
- GIAI ĐOẠN 3 第三阶段

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点

LÔ ĐẤT CN6 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司 安发1工业园, 安平社, 南阳县, 海阳市, 越南.

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资方

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: TẦNG 3, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN, PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777, FAX: 0432 666 777

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司

地址：河内市怀德区马华艺街农村镇社大堡 3 张

电话：0432 636 777，传真：0432 666 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. ĐẶNG CHÍNH HỮU	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. VŨ TRỌNG QUÂN	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. ĐẶNG CHÍNH HỮU	

HẠNG MỤC - 项目

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG BỒ VỈA

路缘石平面图

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.R.04

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số:
Ngày.....tháng.....năm 2...
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 1002/CBST
Ngày 10 tháng 02 năm 20.25
Chủ trì bộ môn ký tên:

GIAI ĐOẠN 3 KHÔNG TRÌNH THẨM ĐỊNH

GHI CHÚ/ 备注

- VẠCH 1.1: VẠCH TIM ĐƯỜNG
  弦 1.1：心弦
- VẠCH 3.1A: VẠCH GIỚI HẠN MÉP NGOÀI PHẦN ĐƯỜNG XE CHẠY
  线 3.1A：限制道路外缘的线
- GIAI ĐOẠN 2
  第二阶段
- GIAI ĐOẠN 3
  第三阶段

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số...../.....
ngày.....tháng.....năm.....
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 变更

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CELINK越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点
LÔ ĐẤT CHO KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, THỊ XÃ NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CVCN安发1工业区，安平社，南册县，海阳省，越南。

CHỦ ĐẦU TƯ - 业主

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C
BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BẢO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777, FAX: 0432 566 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市侨绿区将艺创农村路社大楼 8 楼
电话：0432 636 777，传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. ĐẶNG CHÍNH HỮU	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. VŨ TRỌNG QUÂN	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. ĐẶNG CHÍNH HỮU	

HẠNG MỤC - 项目

GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG TỔ CHỨC GIAO THÔNG
交通组织场地

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.R.05

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

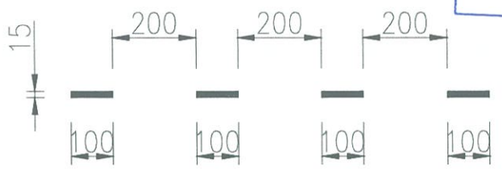

VẠCH 1.1: VẠCH TIM ĐƯỜNG PHÂN CHIA 2 PHẦN ĐƯỜNG XE CHẠY NGƯỢC CHIỀU (MÀU VÀNG)

線 1.1：相反方向行駛車輛的 2 路分界線（黃色的）

VẠCH 3.1A: VẠCH GIỚI HẠN MÉP NGOÀI PHẦN ĐƯỜNG XE CHẠY (MÀU TRẮNG, DÀY 2MM)

線 3.1a：道路外緣的邊界線（白色，2mm厚）

GHI CHÚ:

- VẠCH SƠN KẺ ĐƯỜNG TUÂN THỦ THEO QCVN 41:2019/ BGTVT
  道路標誌符合 QCVN 41:2019/ BGTVT
- KÍCH THƯỚC GHI TRÊN BẢN VẼ LÀ CENTIMET, TRỪ TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CHỈ RÕ:
  除非另有說明，圖面上所示尺寸均以公分為單位

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số...../.....
ngày.....tháng.....năm.....
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 修正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址
LÔ ĐẤT CN6 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
安平县，安阳工业区 1，安平社，南德县，海阳省，越南。

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询
TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN, PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市扶沟区扬艺街道杨绿社大堤 8 楼
电话：0432 636 777，传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
ĐIỂN HÌNH VẠCH SƠN
典型塗装線

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
C.R.13

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số .....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

M.S.D.N: 0801394834
CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
TỈNH HẢI DƯƠNG

M.S.D.N: 0402777[illegible]
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOÀN ĐỨC VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Quyết định số.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

THOÁT NƯỚC MƯA

雨水派購

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ..13...../TTĐ-Celink

Ngày ..18.. tháng ...02.. năm 20..25...

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

GIAI ĐOẠN 3 KHÔNG TRÌNH THẨM ĐỊNH

GHI CHÚ/ 备注

- ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA HẠ TẦNG KHU 小区基础设施维修排水管道
- CỐNG THOÁT NƯỚC 下水道
- GA VỈA HÈ 人行道除盖
- GA LÒNG ĐƯỜNG 道路除盖
- D400-0,25%-L23.4 → ĐƯỜNG KÍNH(MM)-DỐC DỌC(%) / HƯỚNG DỐC
- D400-0,25%-L23.4 → 直径(mm)-直斜坡(%) / 斜坡方向
- +3.37 / +1.55 DN110 64 — CAO ĐỘ MẶT GA 眼睛水平 / CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG 涵底标高 | LOẠI GA 除垢堆填 | TÊN GA 除垢名增 / SỐ HIỆU GA 字周号
- GIAI ĐOẠN 2 第二阶段
- GIAI ĐOẠN 3 第三阶段

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số..13../QĐ-Celink

ngày..18....tháng..02..năm..2025

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ – 布置图

HIỆU CHỈNH – 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP – 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH – 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG – 地点

LÔ ĐẤT CNN3 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

CHỦ ĐẦU TƯ – 投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ – 设计咨询

TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司

地址：河内市特别区乔艺街农村报社大楼 8 楼

电话：0432 636 777; 传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC – 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN – 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ – 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ – 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT – 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC – 项目

THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ – 图纸名称

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

南水排水清平面圖

PHIÊN BẢN – 版本	NGÀY – 日	KHỔ GIẤY – 纸张尺寸
		TỶ LỆ – 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ – 图纸编号

C.D.02

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: ...../.....

Ngày: tháng..... năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 03.../TE Celink

Ngày 18...tháng 02...năm 2025...

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày ...tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

GIAI ĐOẠN 3 KHÔNG TRÌNH THẨM ĐỊNH

GHI CHÚ/ 备注

- ỐNG THÉP BẢO VỆ 保护钢管
- ỐNG THOÁT NƯỚC 下水管道
- GA VỈA HÈ 人行道盖章
- GA LÒNG ĐƯỜNG 道路盖章
- GIAI ĐOẠN 2 第二阶段
- GIAI ĐOẠN 3 第三阶段

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số: 37/QĐ-Celink

ngày 18 tháng 02 năm 2025

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

SỬA CHỮA - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

M.S.D.N: 0801394...

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址

LÔ ĐẤT KÝ HIỆU CN.AN.PHẤT.1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

CN.AN.PHẤT.1地块, 安平社, 南册县, 海阳省, 越南。

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C

BETTER THAN BEFORE

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ TẦNG 8, TÒA NHÀ BAO NÔNG THÔN PHỐ DƯỠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 0432 626 777; FAX: 0432 566 777

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司

地址：河内市侨威区科学艺阳农村维社大楼 8 楼

电话：0432 636 777，传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA PHẦN NGẦM

雨水排水沟平面图

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.D.03

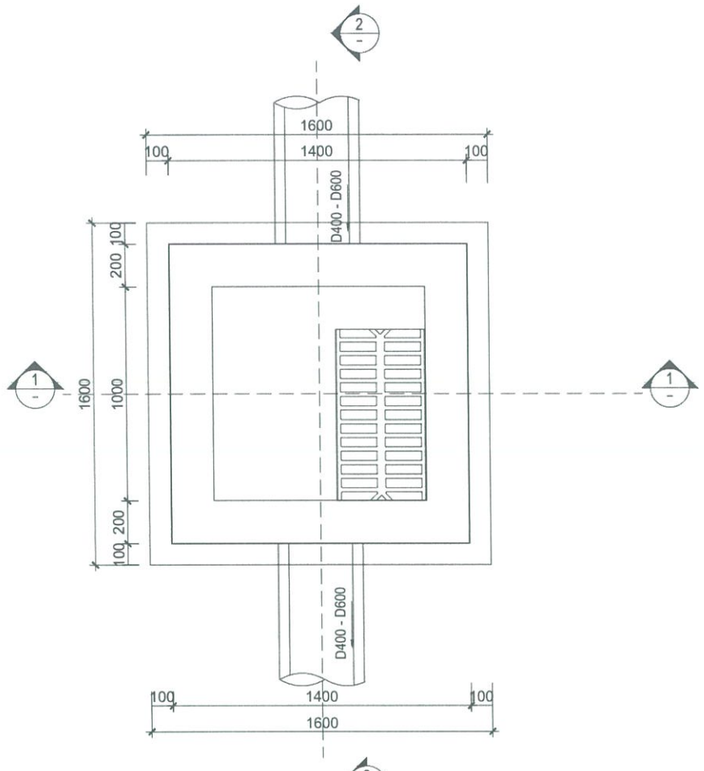

MẶT BẰNG
平面

A

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

B

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

BÊ TÔNG LÓT MÁC 100
M100 混凝土底层

ĐẤT ĐẦM CHẶT
夯實地面

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...13.../...Th-Celink

Ngày...13...tháng...02...năm 20...25...

Người thẩm định ký tên:

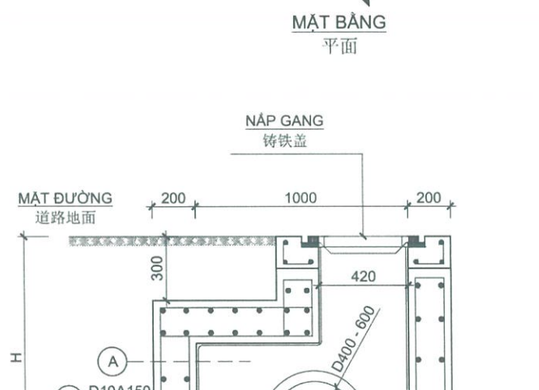

MẶT CẮT 1 - 1
鋪面圖 1 - 1

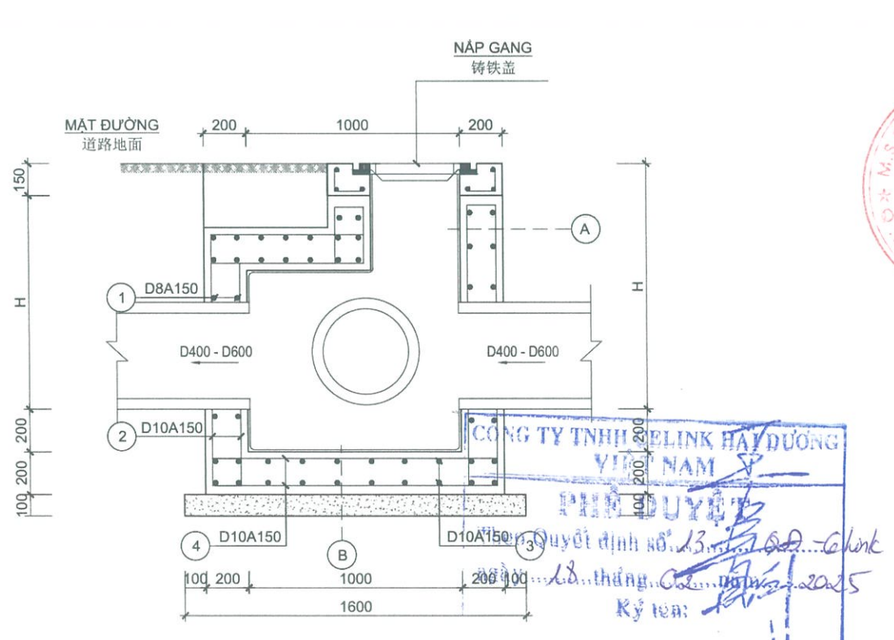

MẶT CẮT 2 - 2
鋪面圖 2 - 2

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Quyết định số: 13/.../QĐ-Celink

Ngày 13 tháng 02 năm 2025

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正		
NGÀY - 日	PHIÊN BẢN - 版本	NỘI DUNG - 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 建设地点

CCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CCN安发1, 安平乡, 南册县, 海阳省, 越南.

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C
BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 5, TÒA NHÀ BẢO HƯNG THỊNH, PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 566 777; FAX: 0432 566 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市杨庭区杨舒艺街农村规划大院 8 楼
电话：0432 566 777；传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TẤN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

CẤU TẠO HỐ GA LD-D4-6
陰莖細節

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.D.04

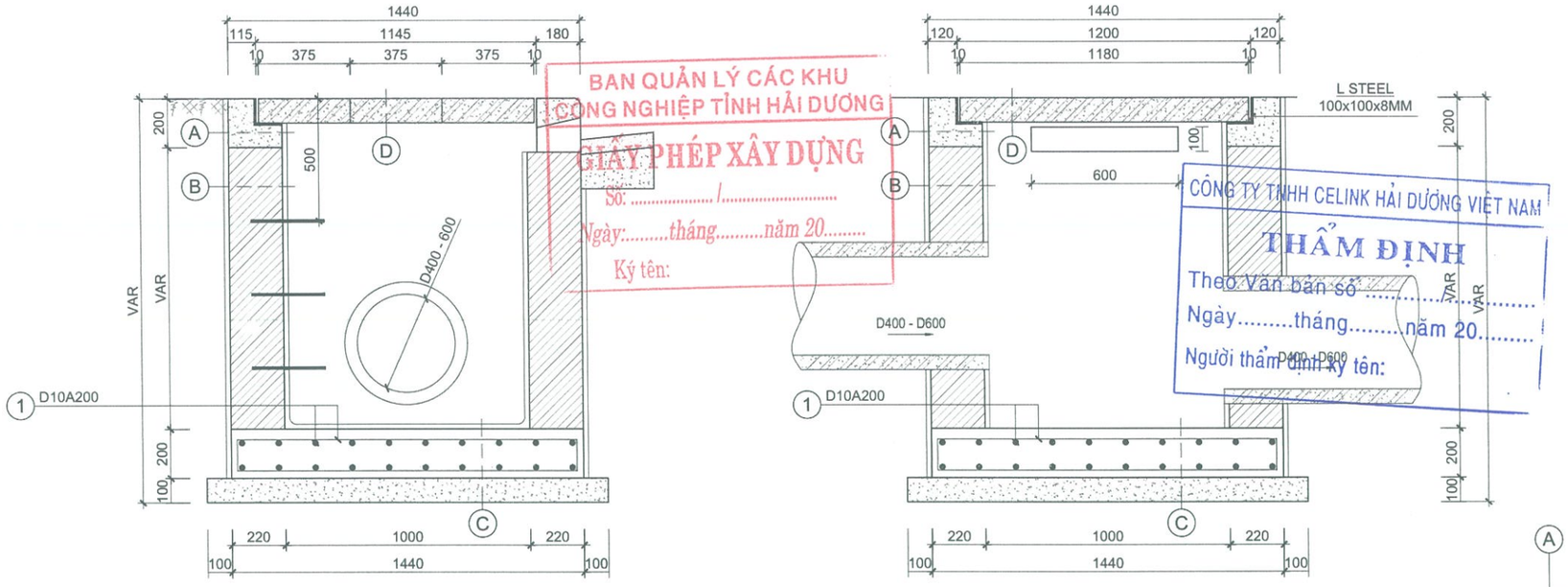

MẶT CẮT 1 - 1
鋪面圖 1 - 1

MẶT CẮT 2 - 2
鋪面圖 2 - 2

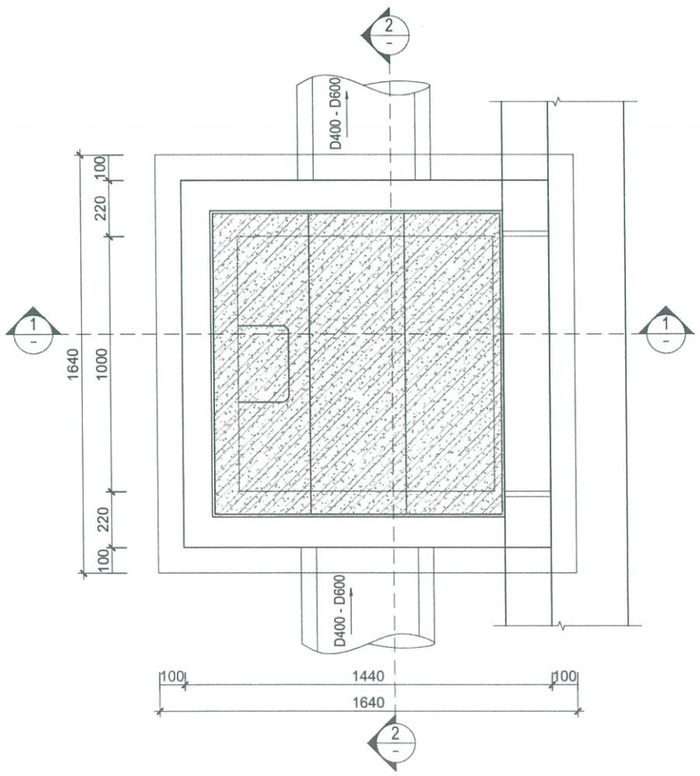

MẶT BẰNG
平面

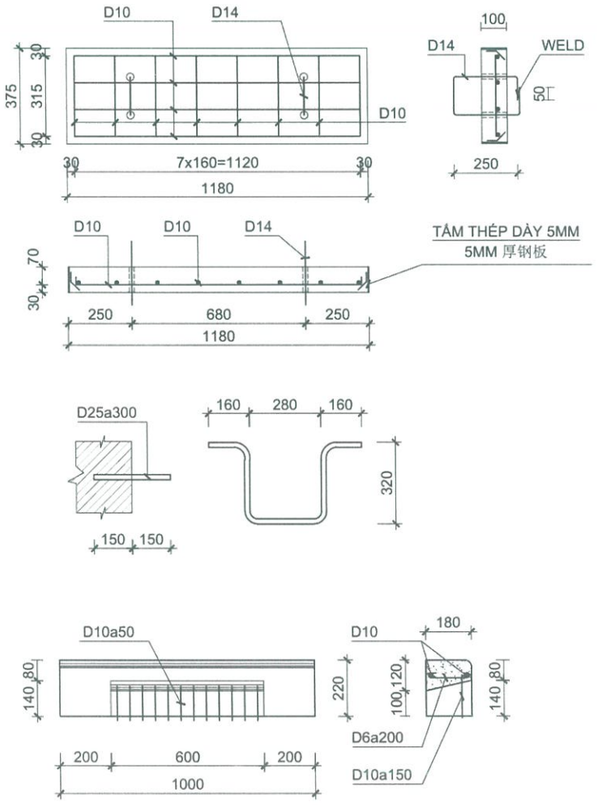

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

Ⓐ
TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG ĐÁ 1x2, MÁC 250
石材混凝土 1X2，材料 250

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

Ⓑ
TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

GẠCH XÂY VỮA XI MĂNG M75
水泥砂浆用砖 M75

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

Ⓒ
TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

BÊ TÔNG LÓT MÁC 100
M100 混凝土垫层

ĐẤT ĐẦM CHẶT
夯實地面

Ⓓ
BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

SỞ XÂY DỰNG TỈNH HẢI DƯƠNG
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số...../.....
...tháng.....năm.....
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点
LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CN05地块, 安阳工业区, 安平社, 南明庆, 海阳市, 越南。

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询
TOKEN E&C
BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 656 777; FAX: 0432 565 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市怀德区科学与技术大街 8 楼
电话：0432 656 777；传真：0432 565 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
CẤU TẠO HỐ GA VH-D4-6
陆堂细部

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		A1
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
C.D.05

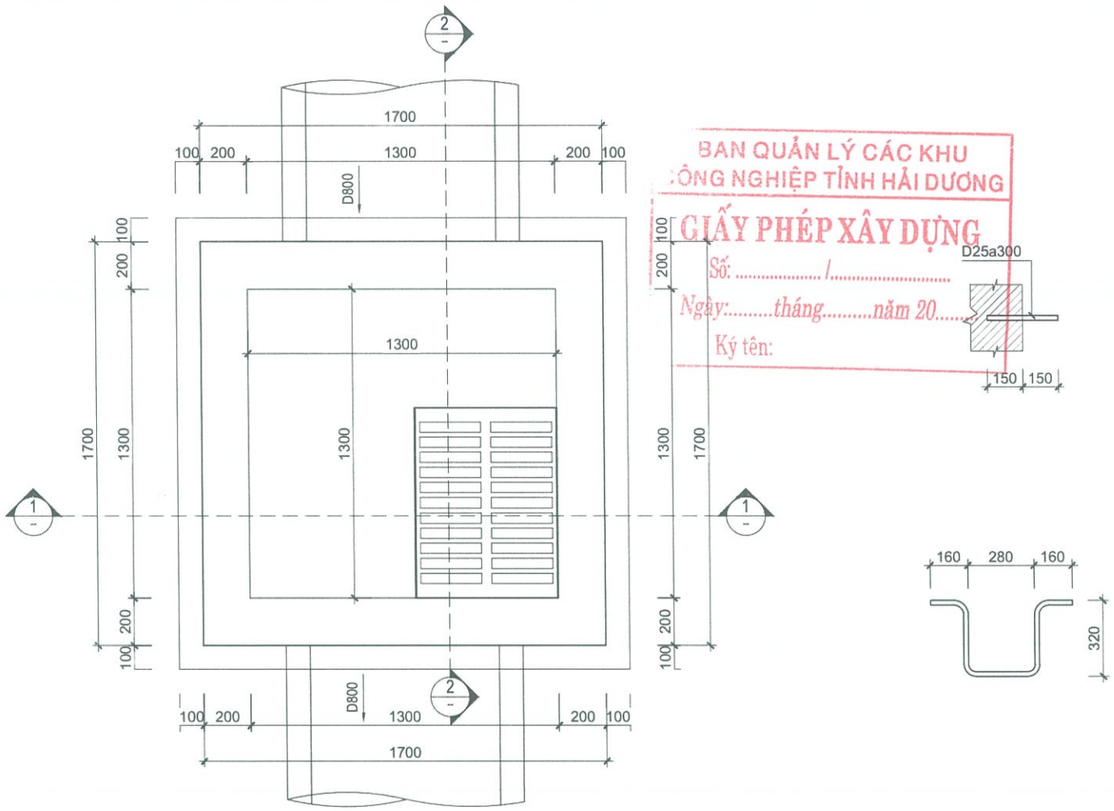

MẶT BẰNG
平面

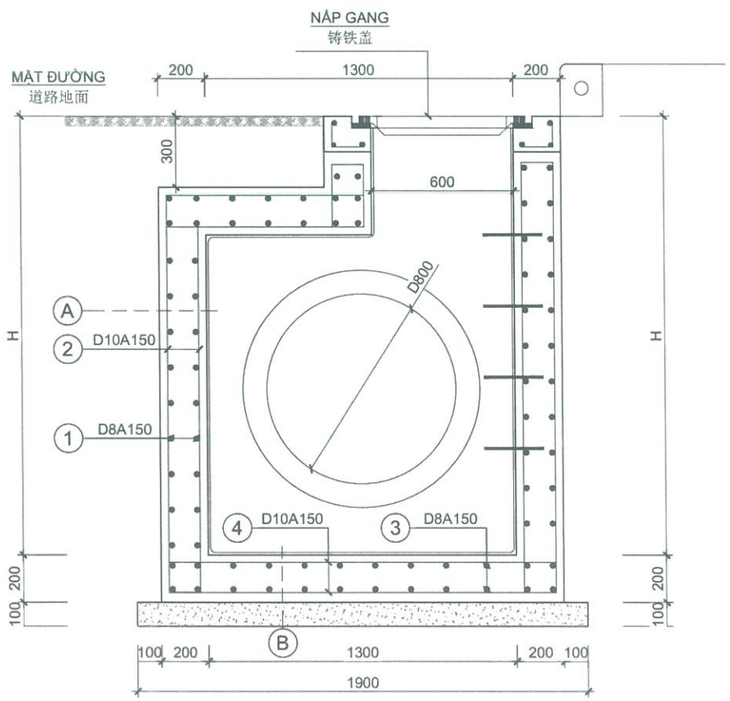

MẶT CẮT 1 - 1
鋪面圖 1 - 1

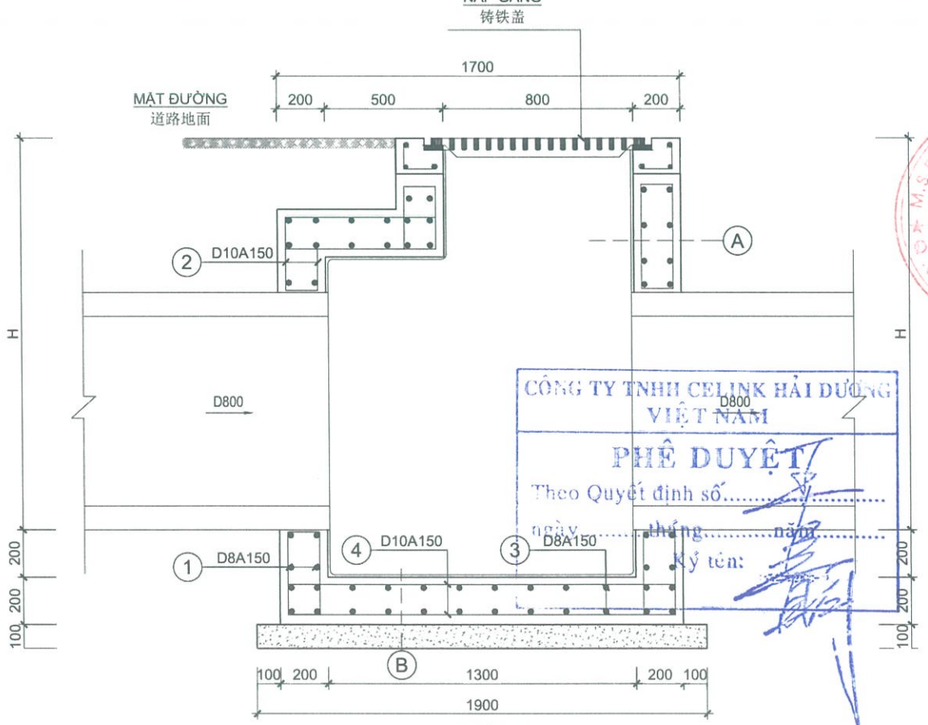

MẶT CẮT 2 - 2
鋪面圖 2 - 2

A

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

B

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

BÊ TÔNG LÓT MÁC 100
M100 混凝土底層

ĐẤT ĐẦM CHẶT
夯實地面

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số.....
ngày.....tháng.....năm.....
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

CÔNG TRÌNH - 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点
LÔ ĐẤT CNCN VCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CNCN VCN AN PHÁT 1, 安平社, 南册县, 海阳省, 越南.

CHỦ ĐẦU TƯ - 建设方

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询
TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ TẦNG 8 TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ ĐƯỜNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 565 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市怀德区科艺街农村原长大楼 8 楼
电话：0432 636 777；传真：0432 565 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

CHỦ TRÌ - 设计主持人
KS. LÊ KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - 设计者
KS. TRẦN TIẾN SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

HẠNG MỤC - 项目
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
CẤU TẠO HỐ GA LD-D8
陆堂细節

PHIÊN BẢN - 版本 | NGÀY - 日 | KHỔ GIẤY - 纸张尺寸 | TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸编号
C.D.06

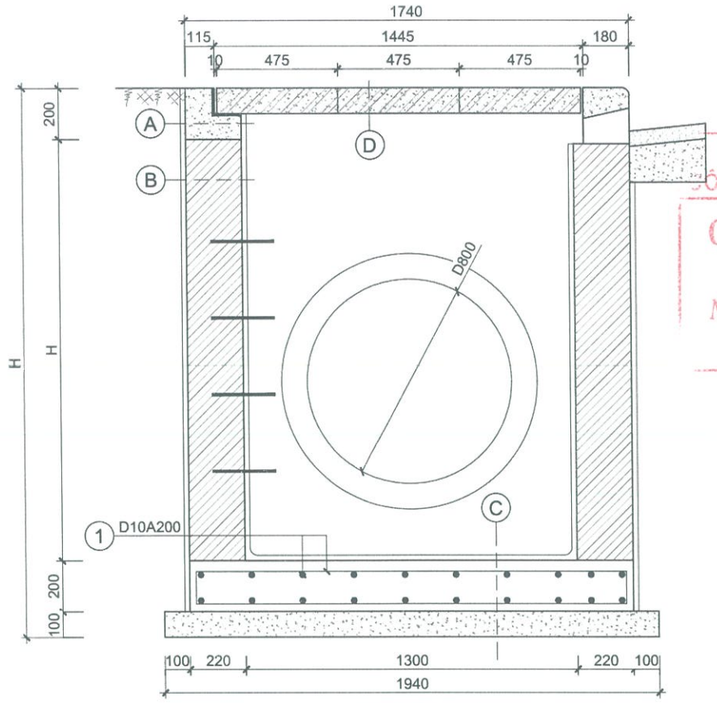

MẶT CẮT 1 - 1
鋪面圖 1 - 1

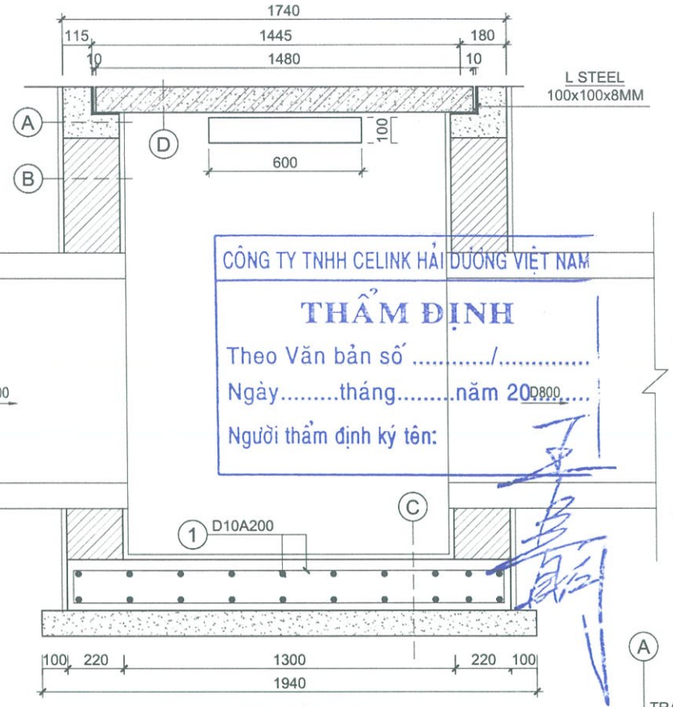

MẶT CẮT 2 - 2
鋪面圖 2 - 2

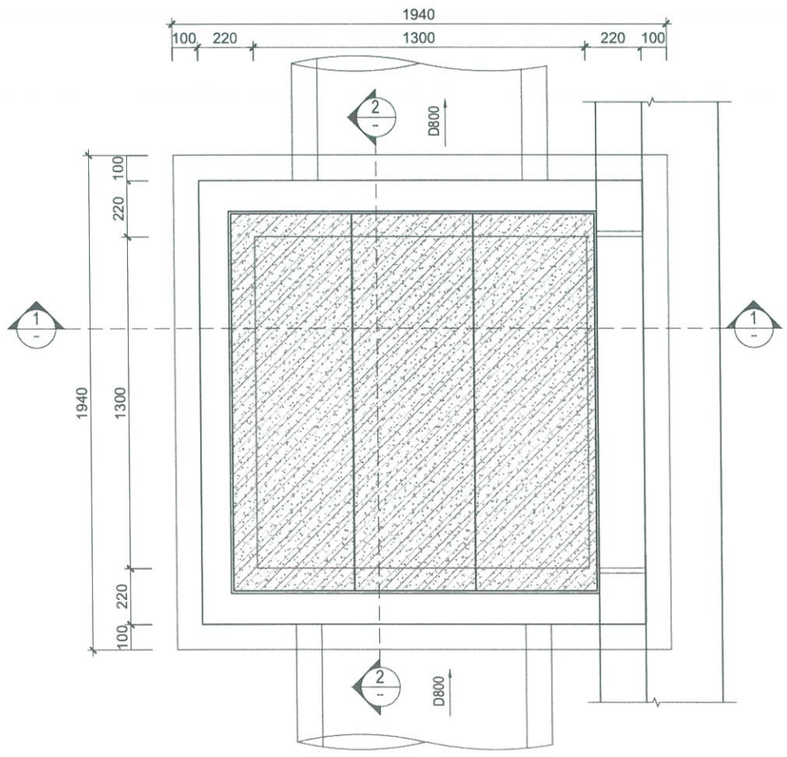

MẶT BẰNG
平面

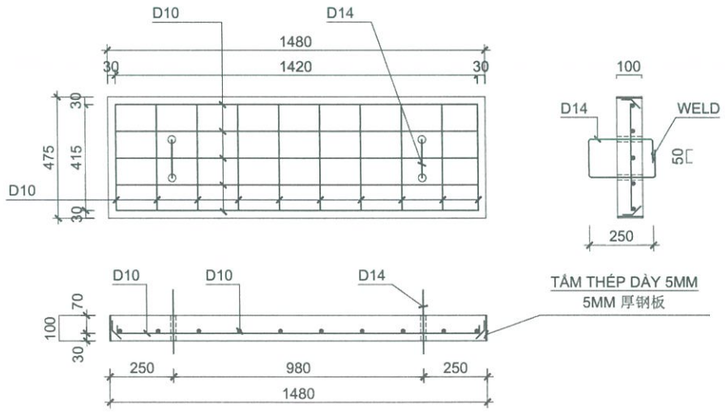

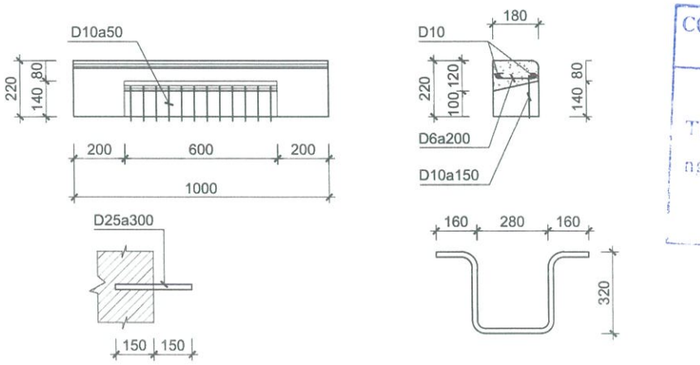

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG ĐÁ 1x2, MÁC 250
石材混凝土 1X2，材料 250

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

B

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

GẠCH XÂY VỮA XI MĂNG M75
水泥砂浆用砖 M75

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

C

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

BÊ TÔNG LÓT MÁC 100
M100 混凝土垫层

ĐẤT ĐẦM CHẶT
夯实地面

D

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
Theo Quyết định số ...../.....
ngày.....tháng.....năm.....
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址
LÔ ĐẤT CN2-3 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询
TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 6, TÒA NHÀ BẢO NÔNG THÔN, PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 565 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市西湖区西艺方农村模范大道 8 号
电话：0432 636 777；传真：0432 565 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

CHỦ TRÌ - 设计主持人
KS. LÊ KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - 设计者
KS. TRẦN TIẾN SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

HẠNG MỤC - 项目
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
CẤU TẠO HỐ GA VH-D8
险笙细部

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
C.D.07

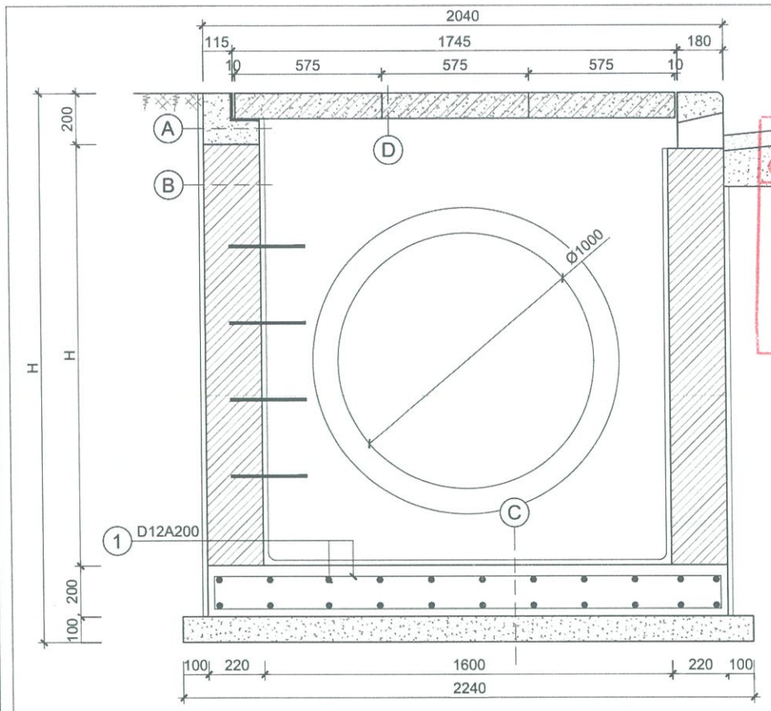

MẶT CẮT 1 - 1
鋪面圖 1 - 1

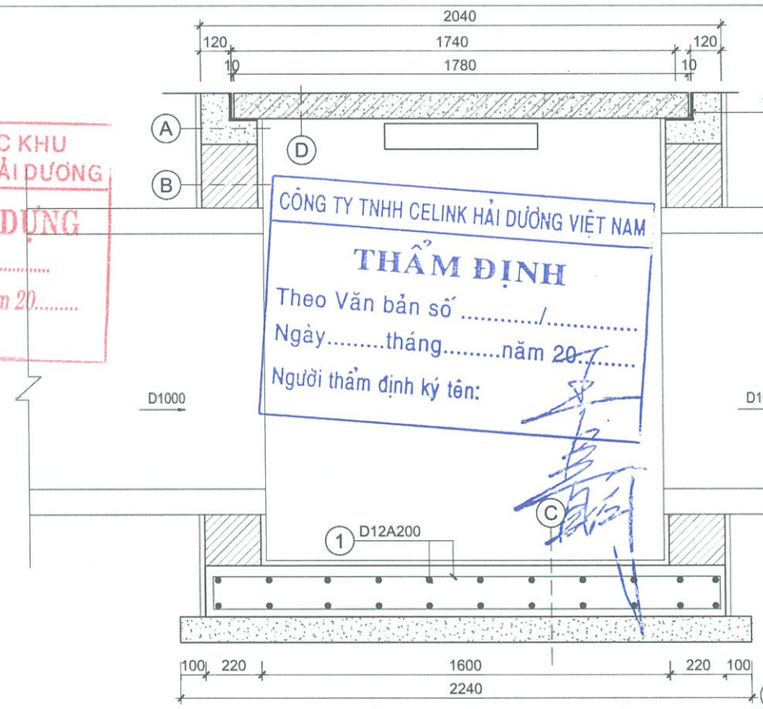

MẶT CẮT 2 - 2
鋪面圖 2 - 2

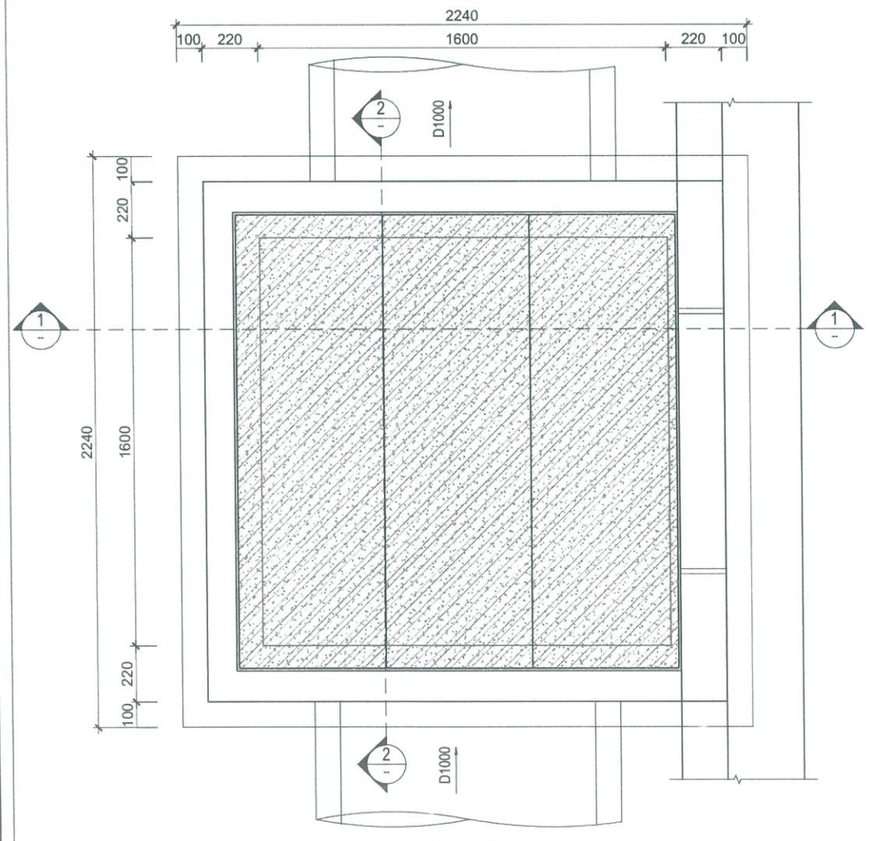

MẶT BẰNG
平面

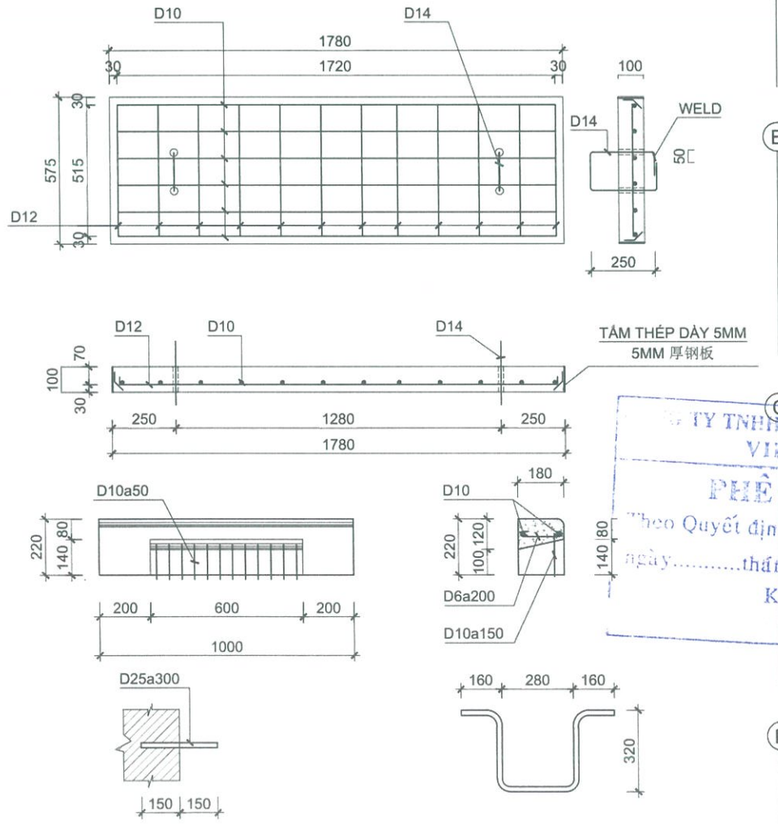

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG ĐÁ 1x2, MÁC 250
石材混凝土 1X2，材料 250

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

B

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

GẠCH XÂY VỮA XI MĂNG M75
水泥砂浆用砖 M75

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

C

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

BÊ TÔNG LÓT MÁC 100
M100 混凝土底層

ĐẤT ĐẦM CHẶT
夯實地面

D

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số:...../.....
ngày.....tháng.....năm.....
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点

LÔ CÁT CN01, KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CN1地块, 安发1工业区, 安平社, 南册县, 海阳市, 越南.

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资商

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C
BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BAO NÔNG THÔN, PHỐ DƯỠNG GIAO NGHÈ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777
拓视 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市杨绍区杨艺街农村绿社大道 8 楼
电话：0432 636 777，传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

CẤU TẠO HỐ GA VH-D10
陆堂细部

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.D.08

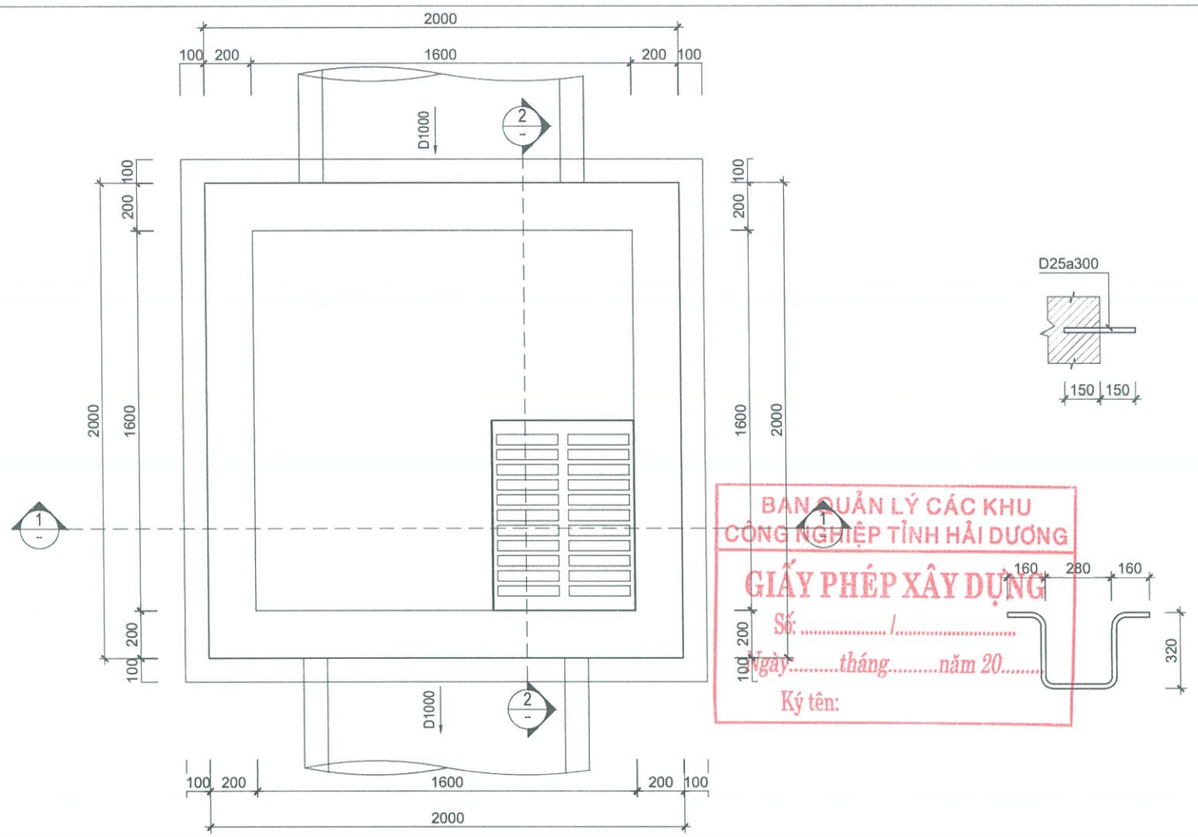

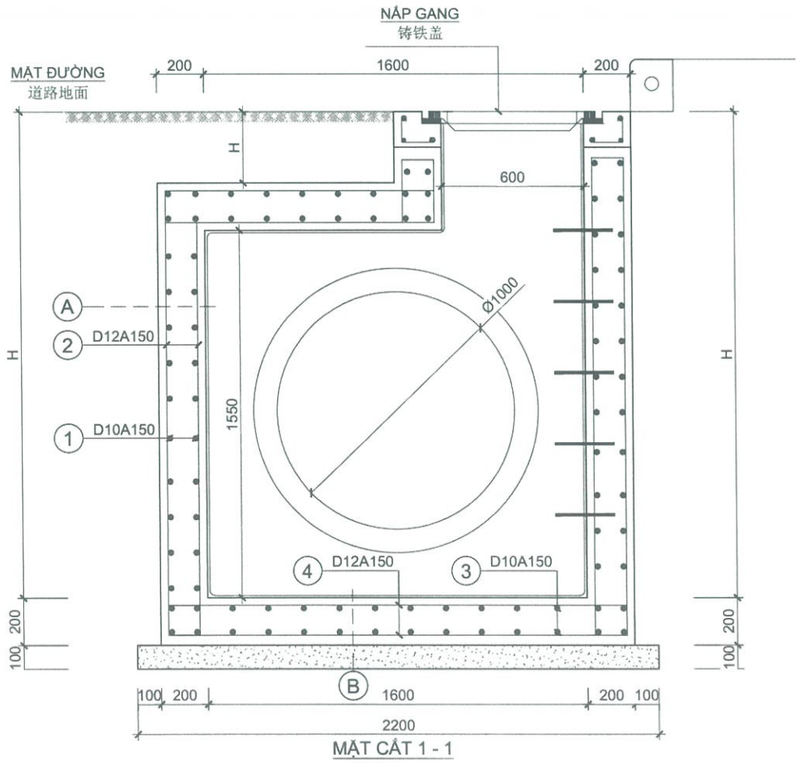

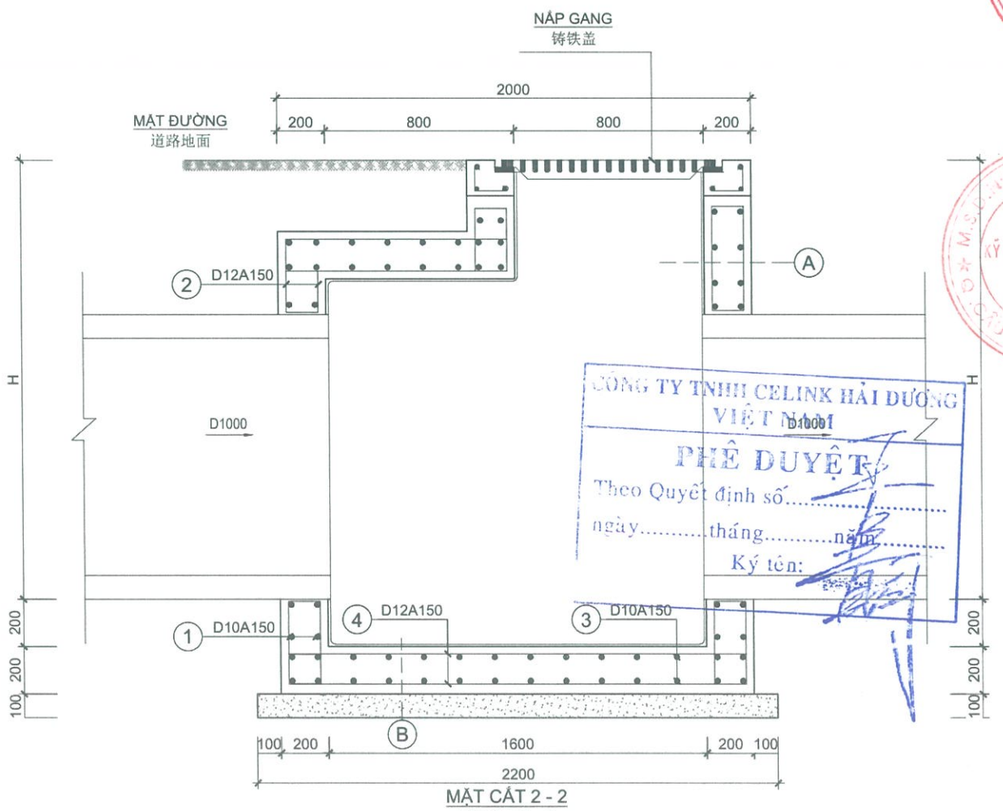

A

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

B

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

BÊ TÔNG LÓT MÁC 100
M100 混凝土底層

ĐẤT ĐẦM CHẶT
夯實地面

CÔNG TY TNHH CHẾ LINH HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Văn bản số.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số.....
ngày.....tháng.....năm.....
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK在阳越南分公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址
CỤM CÔNG NGHIỆP KCN AN PHÁT I, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CCN安发1工业区，安平社，南册县，海阳市，越南。

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询
TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 565 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市扬廷科
经济农村规划大楼 8 楼
电话：0432 636 777；传真：0432 565 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理: KS. LƯƠNG NGỌC TÂN
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN
CHỦ TRÌ - 设计主持人: KS. LÊ KIM HOÀNG
THIẾT KẾ - 设计者: KS. TRẦN TIẾN SANG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

HẠNG MỤC - 项目
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
CẤU TẠO HỐ GA LD-D10
陪垫细部

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
C.D.09

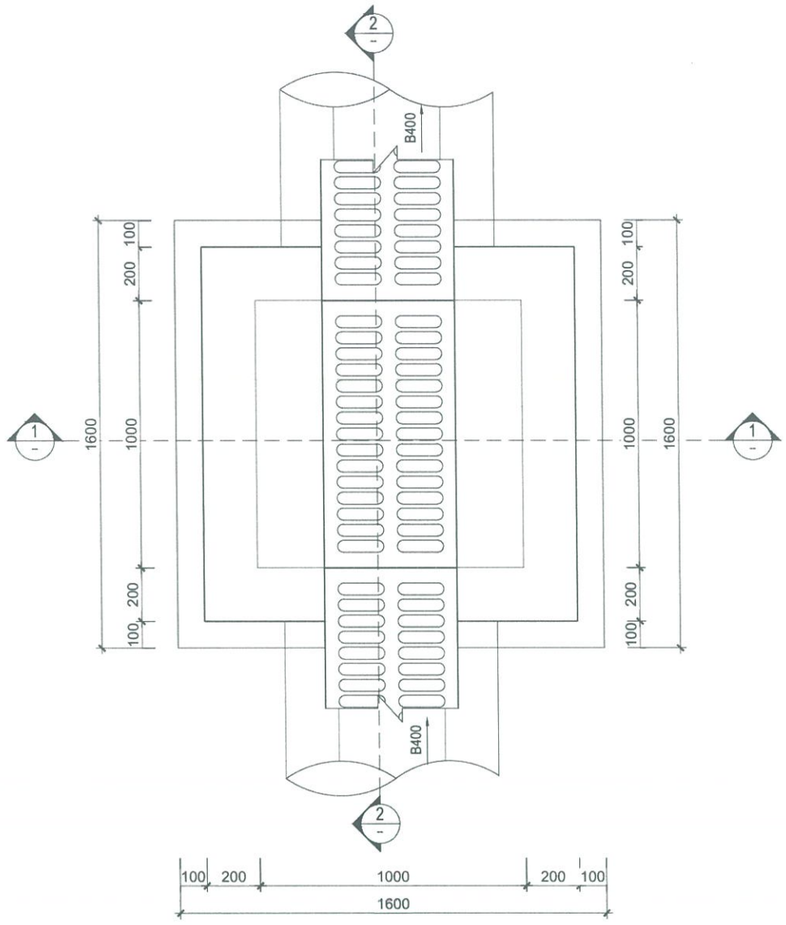

MẶT BẰNG
平面

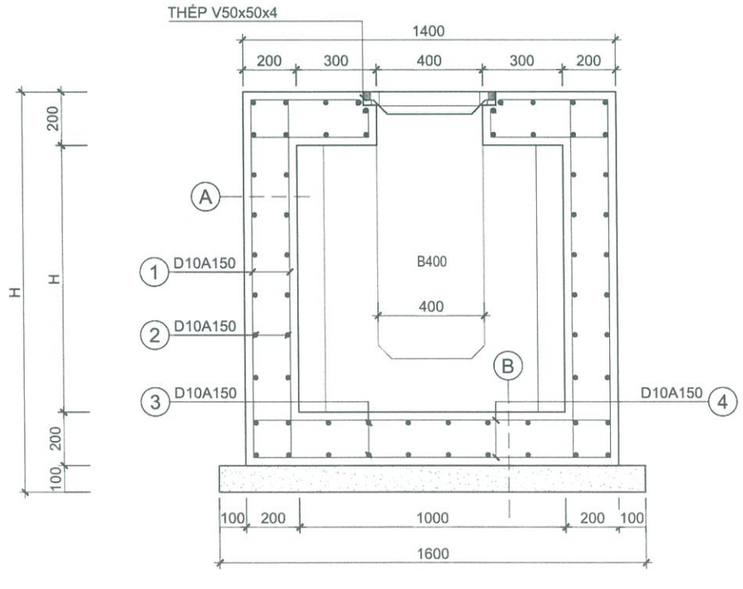

MẶT CẮT 1 - 1
鋪面圖 1 - 1

A

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG ĐÁ 1X2, MÁC 250
石材混凝土 1X2，材料 250

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

B

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

BÊ TÔNG LÓT MÁC 100
M100 混凝土底層

NỀN ĐẦM CHẶT
夯實地面

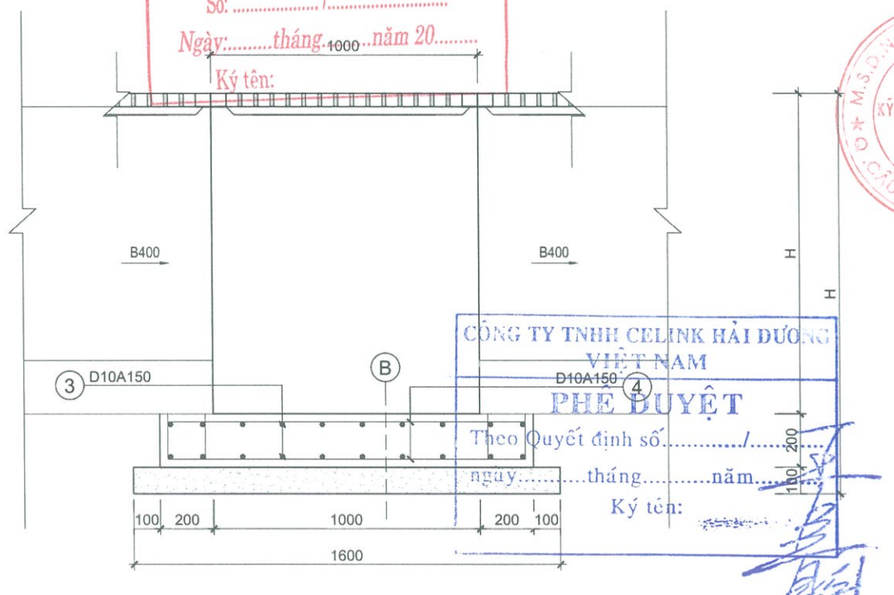

MẶT CẮT 2 - 2
鋪面圖 2 - 2

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số:...../.....
ngày.....tháng.....năm.....
Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 1002/CBST
Ngày 10 tháng 02 năm 20 25
Chủ trì bộ môn ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CELINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址
LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CN05地块, 工业区, 安平社, 南册县, 海阳省, 越南。

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询
TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777, FAX: 0432 565 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市扶绥区书乔乡农村4社北大楼 8 楼
电话：0432 636 777，传真：0432 565 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ XUÂN HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
CẤU TẠO HỐ GA LD-B4
除垢细部

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸编号
C.D.10

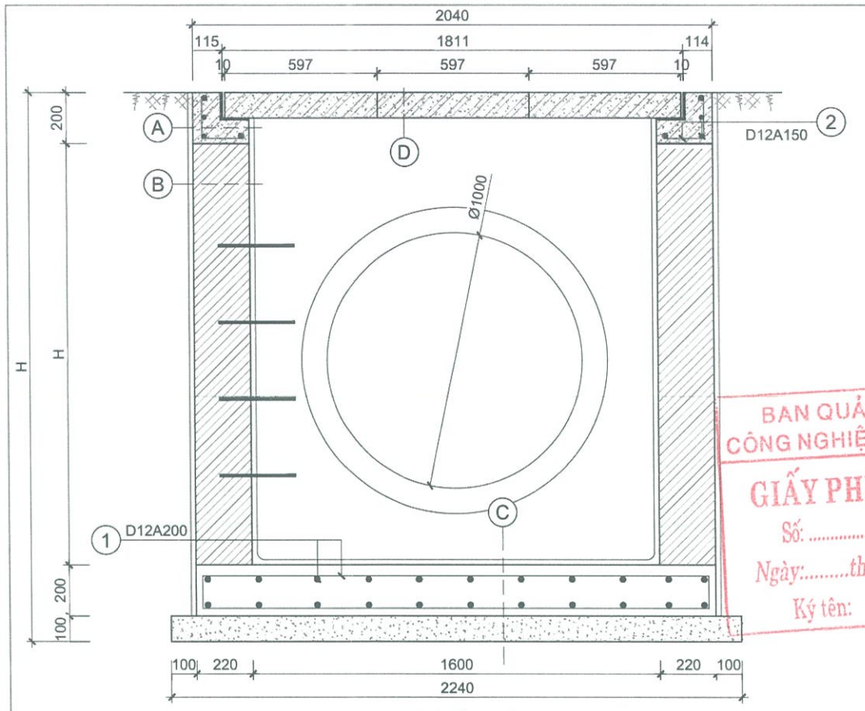

MẶT CẮT 1 - 1
鋪面圖 1 - 1

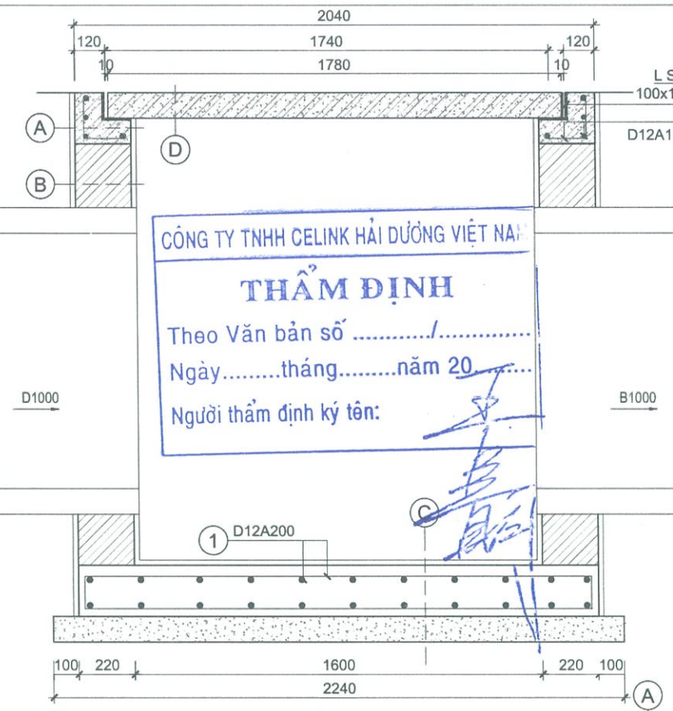

MẶT CẮT 2 - 2
鋪面圖 2 - 2

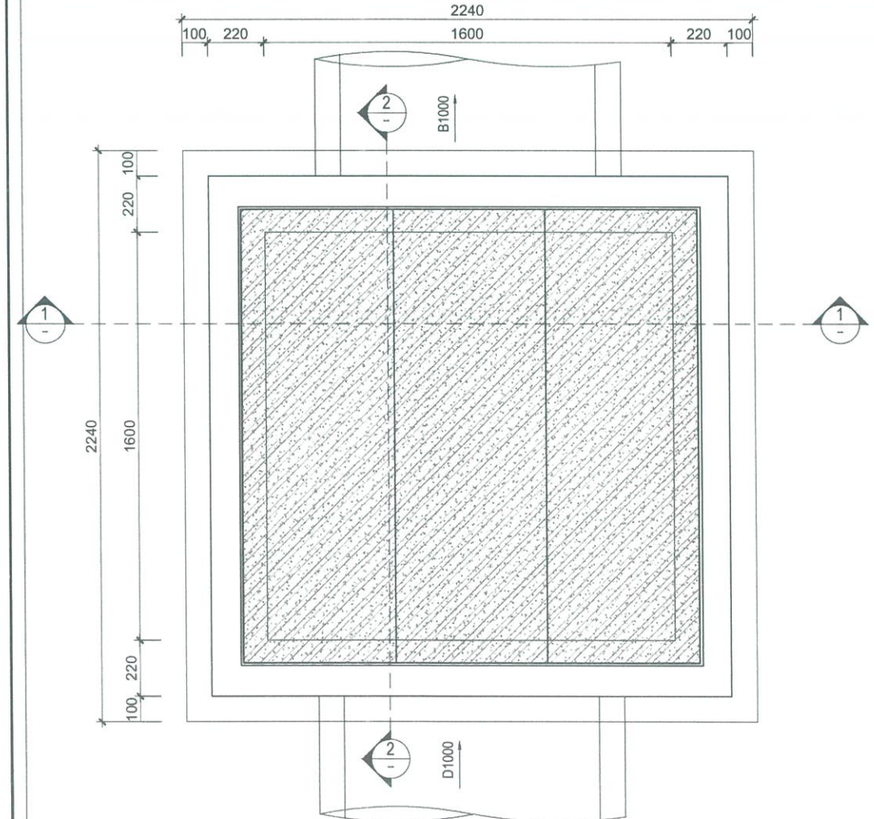

MẶT BẰNG
平面

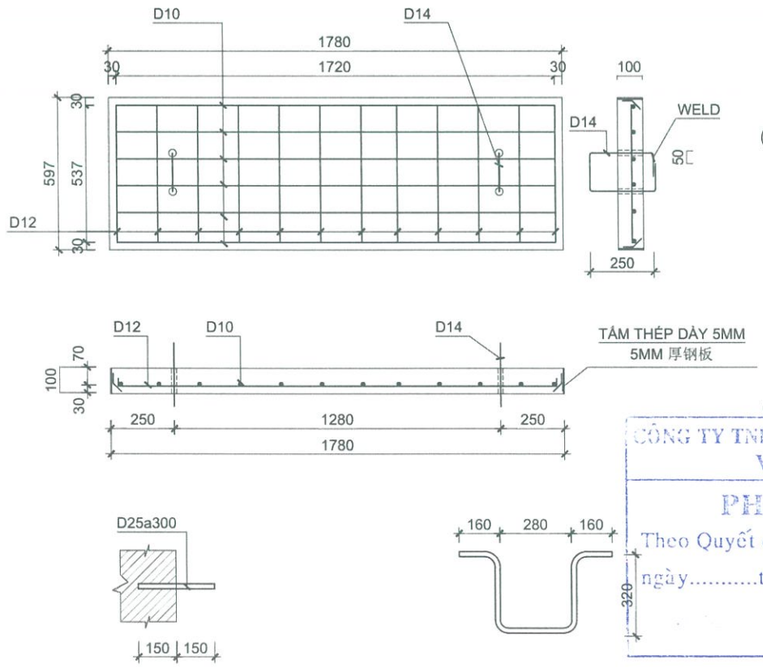

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

B

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

GẠCH XÂY VỮA XI MĂNG M75
水泥砂浆用砖 M75

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

C

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

BÊ TÔNG LÓT MÁC 100
M100 混凝土底層

ĐẤT ĐẦM CHẶT
夯實地面

D

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK越南海阳有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址

LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CN05地块 安发1工业区 安平社 城阳庄 海阳市 海阳省 越南。

CHỦ ĐẦU TƯ - 业主单位

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C
BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市科举区杨艺街农村规划大楼 8 楼
电话：0432 636 777；传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

CHỦ TRÌ - 设计主持人
KS. LÊ KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - 设计者
KS. TRẦN TIẾN SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

HẠNG MỤC - 项目
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
CẤU TẠO HỐ GA DN-D10
除垢细節

PHIÊN BẢN - 图本 | NGÀY - 日 | KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
C.D.11

THẨM TRA
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số:.....
ngày.....tháng.....năm.....

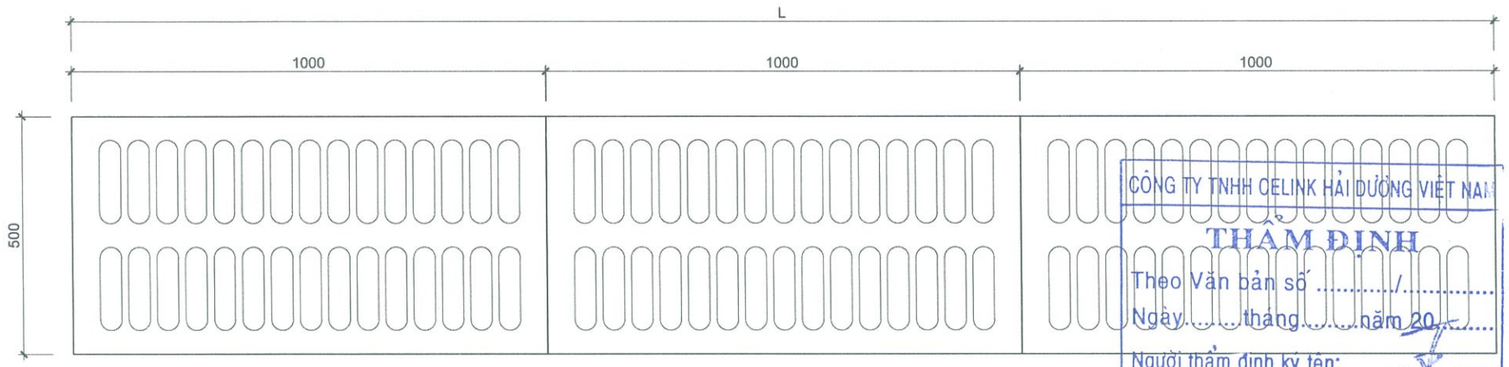

MẶT BẰNG ĐIỂN HÌNH RÃNH THU NƯỚC
典型的排水表面

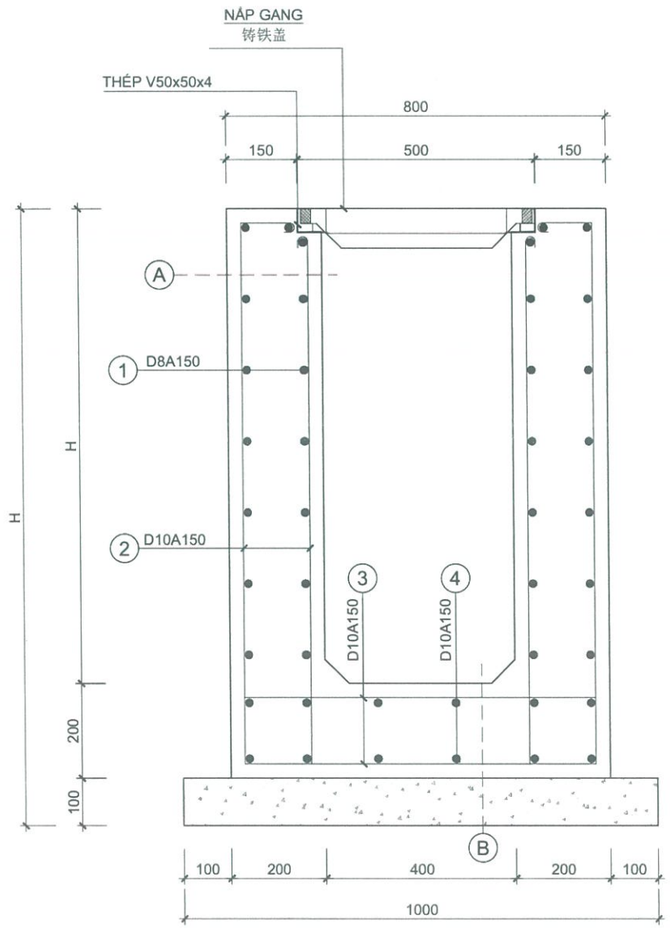

CHI TIẾT RÃNH THU NƯỚC B400
細節 排水沟 B400

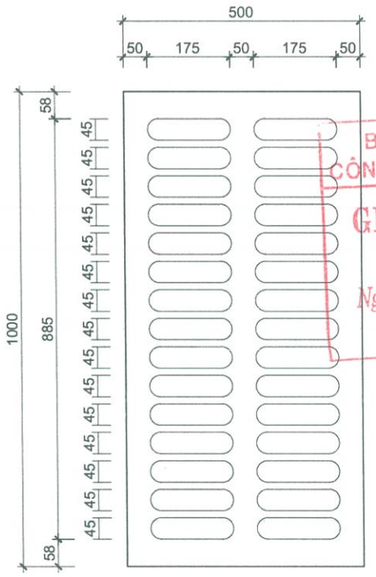

CHI TIẾT NẮP ĐAN 1000x500
細節 铸铁盖 1000x500

A

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

B

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

BÊ TÔNG LÓT DÀY 100MM, MÁC 100
M100 混凝土底层, 100MM厚

NỀN ĐẦM CHẶT
夯實地面

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 10021/CBST
Ngày 10 tháng 02 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày ... tháng ... năm 20...
Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số...../.....
ngày.....tháng.....năm.....
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK (VN)有限责任公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址
LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者

CE-LINK
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询
TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BAO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市怀德区科学农业村大楼 8 楼
电话：0432 636 777；传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN
CHỦ TRÌ - 设计主持人
KS. LÊ KIM HOÀNG
THIẾT KẾ - 设计者
KS. TRẦN TIẾN SANG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

HẠNG MỤC - 项目
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
CẤU TẠO RÃNH GRATING B400
GRATING B400 沟

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
C.D.12

MẶT BẰNG
平面

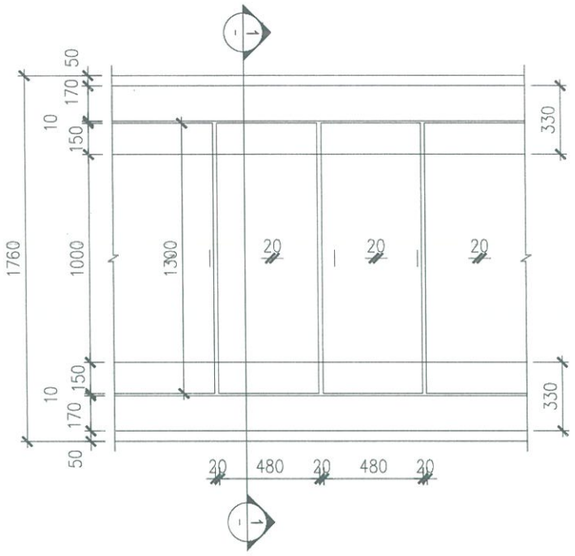

TẤM ĐAN RÃNH
小厨房床单

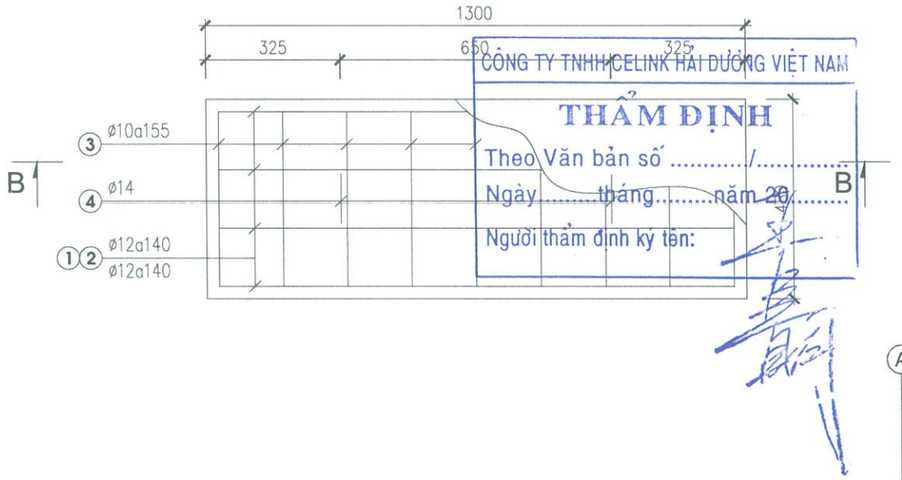

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

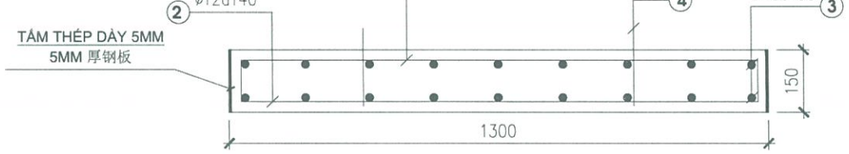

MẶT CẮT B - B
鋪面圖 B - B

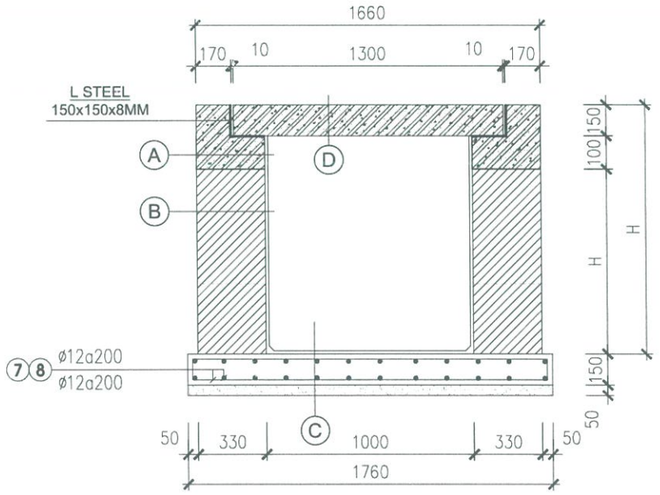

MẶT CẮT 1 - 1
鋪面圖 1 - 1

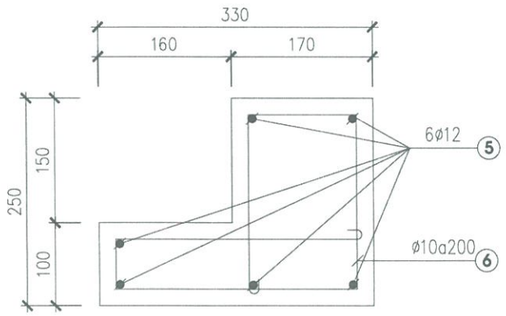

MŨ RÃNH
小代码

A

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

B

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

GẠCH XÂY VỮA XI MĂNG M75
水泥砂浆用砖 M75

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

C

TRÁT VỮA XI MĂNG DÀY 20MM, MÁC 75
水泥砂浆抹灰 M75, 20MM . 厚

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

BÊ TÔNG LÓT MÁC 100
M100 混凝土底层

ĐẤT ĐẦM CHẶT
夯实地面

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số...../...../.....
ngày...D...tháng.....năm.....
Ký tên:

BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2, MÁC 250
鋼筋混凝土 1X2，M 250

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点
LÔ ĐẤT CNCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM.
CHẢNG ĐẤT CNCN AN PHÁT 1, 安平社, 南册县, 海阳省, 越南.

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询
TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN, PHỐ DƯƠNG SINH NGHIỆ, CẨU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 636 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市纸区传抒艺街农村报社大楼 8 楼
电话：0432 636 777；传真：0432 636 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
CẤU TẠO RÃNH B1000
B1000 沟

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
C.D.07

CHI TIẾT ĐIỂN HÌNH CỐNG
代表水溝細節

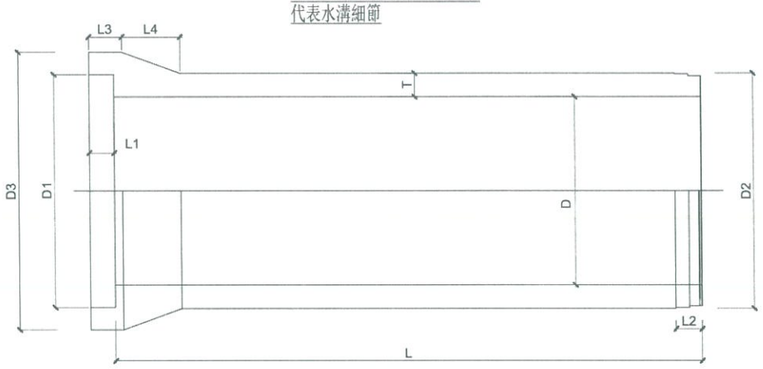

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

* GHI CHÚ / 笔记:

- KÍCH THƯỚC CỐNG, ĐỂ CỐNG THỰC TẾ THEO NHÀ SẢN XUẤT
  制造商的实际排水尺寸、表面尺寸
- CỐNG DƯỚI ĐƯỜNG CHỊU ĐƯỢC TẢI TRỌNG HL-93
  過馬路底下水溝荷重HL-93

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

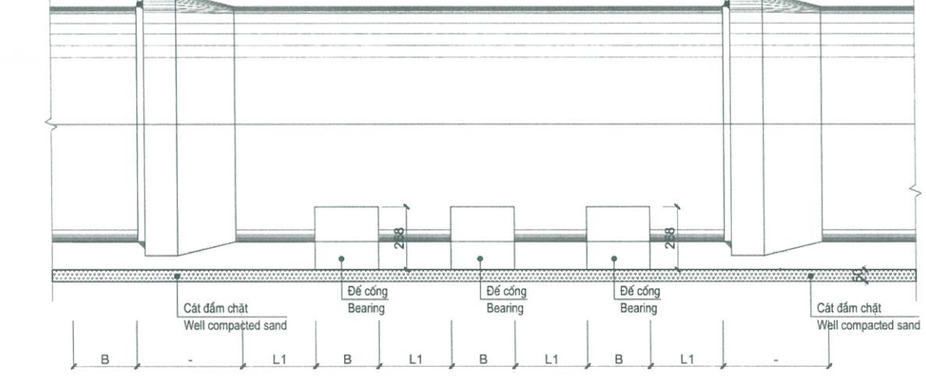

ĐẾ CỐNG BÊ TÔNG
混泥土水溝底部

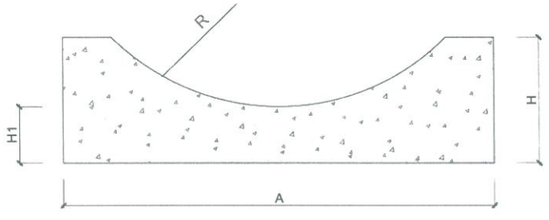

MỐI NỐI / 連接頭

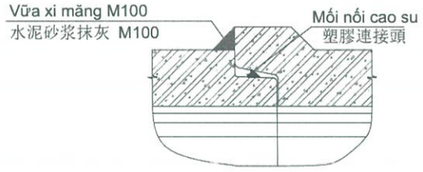

MỐI NỐI CAO SU/塑膠連接頭

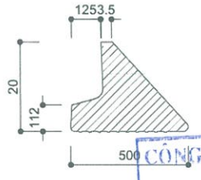

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
在海阳越南公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点:
LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
(Lô đất CN05, KCN An Phát 1, xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam)

CHỦ ĐẦU TƯ - 业主:

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询:

TOKEN E&C
BETTER THAN BEFORE

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市扬廷艺街道农村报社大楼 8 楼
电话：0432 636 777；传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

CHI TIẾT CỐNG ĐIỂN HÌNH
代表水溝細節

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.D.14

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

M.S.D.N: 0801334934
CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
TỈNH HẢI DƯƠNG

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

THOÁT NƯỚC MÁI

屋頂水溝

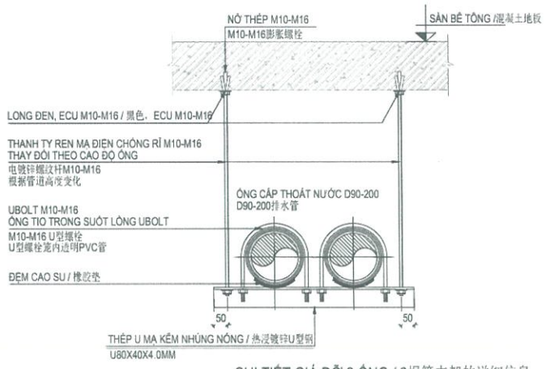

CHI TIẾT GIÁ ĐỠ 2 ỐNG / 2根管支架的详细信息

ÁP DỤNG CHO ỐNG D90 ĐẾN D200 / 适用于D90到D200管道

KHOẢNG CÁCH GIÁ ĐỠ 2.0M/CÁI / 支架间距2.0米/每个

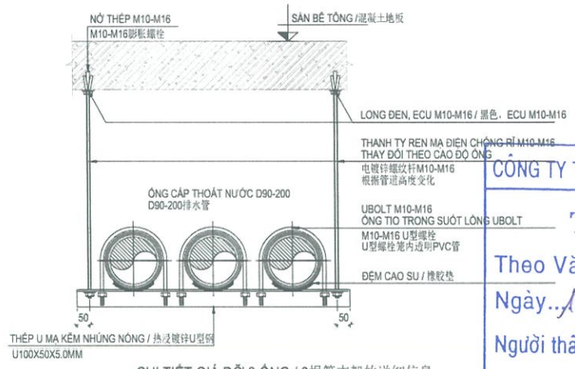

CHI TIẾT GIÁ ĐỠ 3 ỐNG / 3根管支架的详细信息

ÁP DỤNG CHO ỐNG D90 ĐẾN D200 / 适用于D90到D200管道

KHOẢNG CÁCH GIÁ ĐỠ 2.0M/CÁI / 支架间距2.0米/每个

CHI TIẾT CẦU THU NƯỚC MƯA ĐIỂN HÌNH / 建筑雨水陷阱详细信息

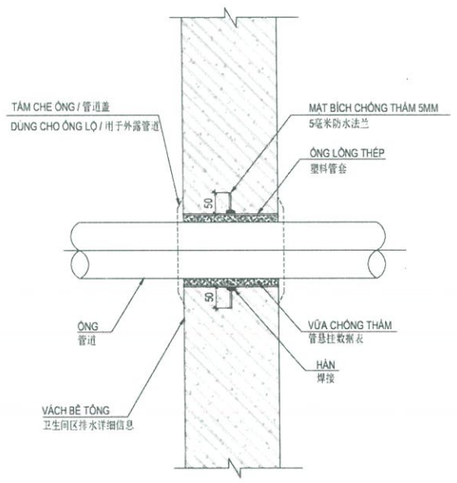

CHI TIẾT ỐNG XUYÊN TƯỜNG CHỐNG THẤM

穿墙防水管细节

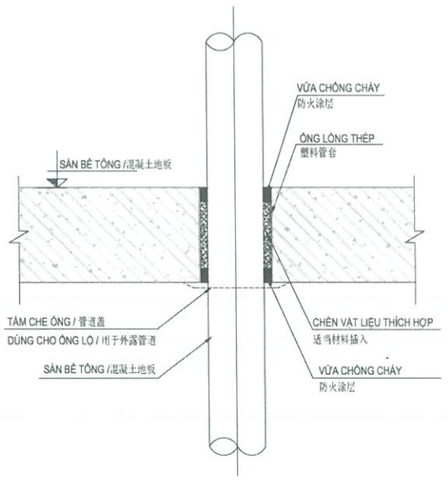

CHI TIẾT ỐNG XUYÊN SÀN

穿地板管细节

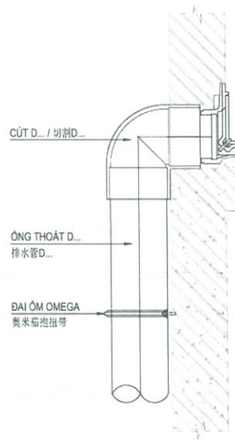

CHI TIẾT PHỄU THU MƯA NGANG ĐIỂN HÌNH

横向屋顶排水漏斗细节

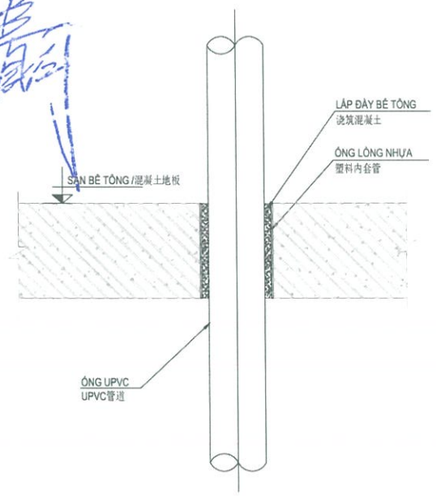

CHI TIẾT ỐNG XUYÊN SÀN CHO KHU VỆ SINH

卫生间地板穿地管细节

BẢNG SỐ LIỆU CHẾ TẠO QUANG TREO ĐƠN ỐNG PPR

PPR管吊架数据表

TT	D MM	DN (A)	NỞ ĐỒNG 扩展封闭 M(A)	TY REN 螺纹杆 M(A)
1	40	32A	10	10
2	50	40A	10	10
3	63	50A	10	10
4	75	65A	10	10
5	90	80A	10	10

BẢNG SỐ LIỆU CHẾ TẠO QUANG TREO ĐƠN ỐNG U.PVC

UPVC管吊架数据表

TT	D MM	DN (A)	NỞ ĐỒNG 扩展封闭 M(A)	TY REN 螺纹杆 M(A)
1	110	100A	10	10
2	140	125A	12	12
3	160	150A	12	12
4	200	200A	16	16
5	250	250A	16	16

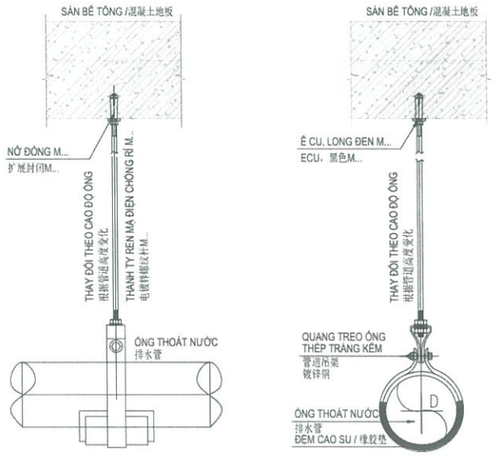

GHI CHÚ / 注意:

- QUANG TREO ỐNG D200,D160,D140 ĐƯỢC ĐẶT NGAY TẠI ĐẦU XUỐNG CỦA THIẾT BỊ VÀ CÁCH NHAU 1.2M
- D200、D160、D140管夹位于设备进口处，间距1.2米。
- QUANG TREO ỐNG D110,D90 ĐƯỢC ĐẶT NGAY TẠI ĐẦU XUỐNG CỦA THIẾT BỊ VÀ CÁCH NHAU 1,2M
- D110、D60管夹位于设备进口处，间距1.2米。
- QUANG TREO ỐNG D75,D60,D48,D42 ĐƯỢC ĐẶT NGAY TẠI ĐẦU XUỐNG CỦA THIẾT BỊ VÀ CÁCH NHAU KHOẢNG 1.2M
- D75、D60、D48、D42管夹位于设备进口处，间距约为1.2米

QUANG TREO ỐNG THOÁT NƯỚC ĐƠN NGOÀI WC

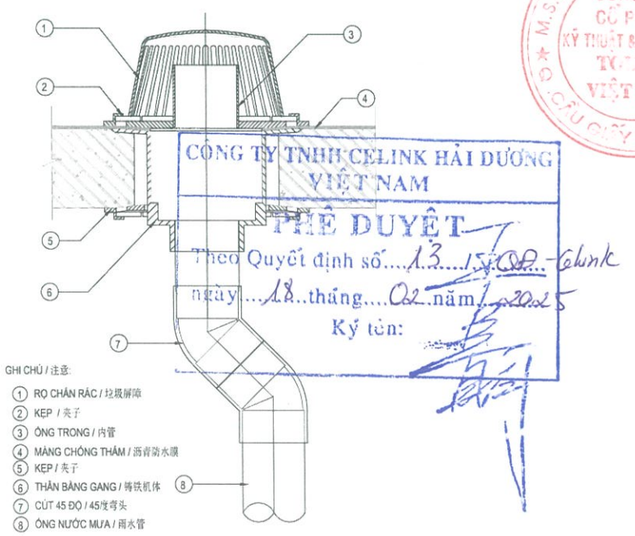

GHI CHÚ / 注意:

1. RỌ CHẮN RÁC / 垃圾屏障
2. KẸP / 夹子
3. ỐNG TRONG / 内管
4. MÀNG CHỐNG THẤM / 沥青防水膜
5. KẸP / 夹子
6. THÂN BẰNG GANG / 铸铁机体
7. CÚT 45 ĐỘ / 45度弯头
8. ỐNG NƯỚC MƯA / 雨水管

CHI TIẾT PHỄU THU NƯỚC MÁI ĐIỂN HÌNH

屋顶排水陷阱详细信息

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 10021CBST

Ngày 10 tháng 02 năm 2025

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 231.TK-Celink

Ngày 13 tháng 02 năm 2025

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số 13-15/QĐ-Celink

ngày 18 tháng 02 năm 2025

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点

CỤM CÔNG NGHIỆP AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM.

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN, PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司

地址：河内市怀德区玲玛农村镇 8 楼

电话：0432 636 777；传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

THOÁT NƯỚC MÁI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

CHI TIẾT LẮP ĐẶT 01

安装细节

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.W.02

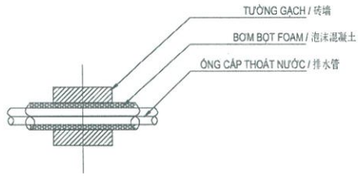

CHI TIẾT ỐNG CẤP THOÁT NƯỚC XUYÊN TƯỜNG
穿墙排水管详细信息

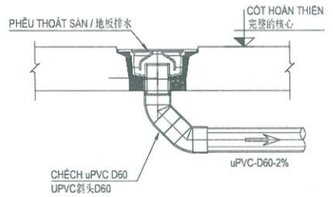

CHI TIẾT PHỄU THOÁT SÀN LOGIA
露台地板排水详细信息

CHI TIẾT CỤM GIẢM CHẤN ỐNG ĐỨNG THOÁT NƯỚC
用于防水减震装配的垃圾槽

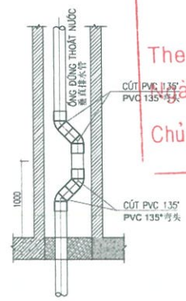

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...13.../Tb-Celink
Ngày...18...tháng...02...năm 20..25...
Người thẩm định ký tên:

CƠ QUAN THẨM TRA: VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

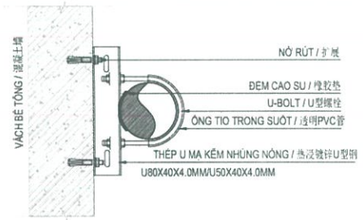

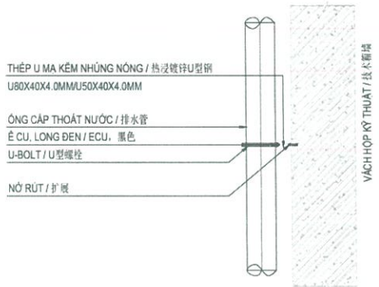

CHI TIẾT NEO ỐNG ĐỨNG 1 / 垂直管支架1的详细信息
KHOẢNG CÁCH NEO ỐNG L= 2M VỊ TRÍ / 支架间距L= 2米位置

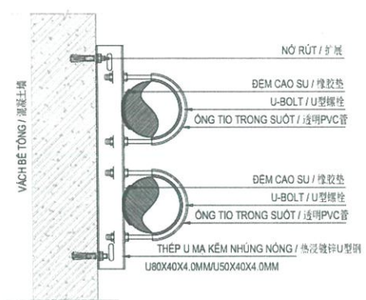

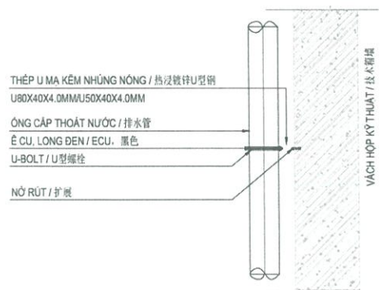

CHI TIẾT NEO ỐNG ĐỨNG 2 / 垂直管支架2的详细信息
KHOẢNG CÁCH NEO ỐNG L= 2M VỊ TRÍ / 支架间距L= 2米位置

TỔNG HỢP KÍCH CỠ GIÁ ĐỠ ỐNG
管道支架尺寸综合

KÍCH THƯỚC ỐNG 管道尺寸	THÉP U MẠ KẼM NHÚNG NÓNG 热浸镀锌U型钢	TY REN 螺纹杆 M(A)	NỞ RÚT 扩展 M(A)	U-BOLT U型螺栓 M(A)
ĐƠN VỊ / 单位	MM.	MM.	MM.	MM.
		A	A	A
15	50X40X4.0	8	8	8
20	50X40X4.0	8	8	8
25	50X40X4.0	8	8	8
32	50X40X4.0	8	8	8
40	50X40X4.0	8	8	8
-	-	-	-	-
60	80X40X4	10	10	10
75	80X40X4	10	10	10
90	80X40X4	10	10	10
110	80X40X4	10	10	10
140	80X40X4	10	10	10
160	100X50X5	12	12	12
200	100X50X5	14	12	12
250	100X50X5	14	12	12

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số...13.../QĐ-Celink
Ngày...18...tháng...02...năm...2025
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点
(LÔ D40 CCN&DS KCN AN PHÁT 1), XÃ AN BÌNH, THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
(D40地块 集住1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24,25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37,38,39,40,41,42,43,44,45,46,47,48,49,50,51,52,53,54,55,56,57,58,59,60,61,62,63,64,65,66,67,68,69,70,71,72,73,74,75,76,77,78,79,80,81,82,83,84,85,86,87,88,89,90,91,92,93,94,95,96,97,98,99,100,101,102,103,104,105,106,107,108,109,110,111,112,113,114,115,116,117,118,119,120,121,122,123,124,125,126,127,128,129,130,131,132,133,134,135,136,137,138,139,140,141,142,143,144,145,146,147,148,149,150,151,152,153,154,155,156,157,158,159,160,161,162,163,164,165,166,167,168,169,170,171,172,173,174,175,176,177,178,179,180,181,182,183,184,185,186,187,188,189,190,191,192,193,194,195,196,197,198,199,200,201,202,203,204,205,206,207,208,209,210,211,212,213,214,215,216,217,218,219,220,221,222,223,224,225,226,227,228,229,230,231,232,233,234,235,236,237,238,239,240,241,242,243,244,245,246,247,248,249,250,251,252,253,254,255,256,257,258,259,260,261,262,263,264,265,266,267,268,269,270,271,272,273,274,275,276,277,278,279,280,281,282,283,284,285,286,287,288,289,290,291,292,293,294,295,296,297,298,299,300,301,302,303,304,305,306,307,308,309,310,311,312,313,314,315,316,317,318,319,320,321,322,323,324,325,326,327,328,329,330,331,332,333,334,335,336,337,338,339,340,341,342,343,344,345,346,347,348,349,350,351,352,353,354,355,356,357,358,359,360,361,362,363,364,365,366,367,368,369,370,371,372,373,374,375,376,377,378,379,380,381,382,383,384,385,386,387,388,389,390,391,392,393,394,395,396,397,398,399,400,401,402,403,404,405,406,407,408,409,410,411,412,413,414,415,416,417,418,419,420,421,422,423,424,425,426,427,428,429,430,431,432,433,434,435,436,437,438,439,440,441,442,443,444,445,446,447,448,449,450,451,452,453,454,455,456,457,458,459,460,461,462,463,464,465,466,467,468,469,470,471,472,473,474,475,476,477,478,479,480,481,482,483,484,485,486,487,488,489,490,491,492,493,494,495,496,497,498,499,500,501,502,503,504,505,506,507,508,509,510,511,512,513,514,515,516,517,518,519,520,521,522,523,524,525,526,527,528,529,530,531,532,533,534,535,536,537,538,539,540,541,542,543,544,545,546,547,548,549,550,551,552,553,554,555,556,557,558,559,560,561,562,563,564,565,566,567,568,569,570,571,572,573,574,575,576,577,578,579,580,581,582,583,584,585,586,587,588,589,590,591,592,593,594,595,596,597,598,599,600,601,602,603,604,605,606,607,608,609,610,611,612,613,614,615,616,617,618,619,620,621,622,623,624,625,626,627,628,629,630,631,632,633,634,635,636,637,638,639,640,641,642,643,644,645,646,647,648,649,650,651,652,653,654,655,656,657,658,659,660,661,662,663,664,665,666,667,668,669,670,671,672,673,674,675,676,677,678,679,680,681,682,683,684,685,686,687,688,689,690,691,692,693,694,695,696,697,698,699,700,701,702,703,704,705,706,707,708,709,710,711,712,713,714,715,716,717,718,719,720,721,722,723,724,725,726,727,728,729,730,731,732,733,734,735,736,737,738,739,740,741,742,743,744,745,746,747,748,749,750,751,752,753,754,755,756,757,758,759,760,761,762,763,764,765,766,767,768,769,770,771,772,773,774,775,776,777,778,779,780,781,782,783,784,785,786,787,788,789,790,791,792,793,794,795,796,797,798,799,800,801,802,803,804,805,806,807,808,809,810,811,812,813,814,815,816,817,818,819,820,821,822,823,824,825,826,827,828,829,830,831,832,833,834,835,836,837,838,839,840,841,842,843,844,845,846,847,848,849,850,851,852,853,854,855,856,857,858,859,860,861,862,863,864,865,866,867,868,869,870,871,872,873,874,875,876,877,878,879,880,881,882,883,884,885,886,887,888,889,890,891,892,893,894,895,896,897,898,899,900,901,902,903,904,905,906,907,908,909,910,911,912,913,914,915,916,917,918,919,920,921,922,923,924,925,926,927,928,929,930,931,932,933,934,935,936,937,938,939,940,941,942,943,944,945,946,947,948,949,950,951,952,953,954,955,956,957,958,959,960,961,962,963,964,965,966,967,968,969,970,971,972,973,974,975,976,977,978,979,980,981,982,983,984,985,986,987,988,989,990,991,992,993,994,995,996,997,998,999,1000,1001,1002,1003,1004,1005,1006,1007,1008,1009,1010,1011,1012,1013,1014,1015,1016,1017,1018,1019,1020,1021,1022,1023,1024,1025,1026,1027,1028,1029,1030,1031,1032,1033,1034,1035,1036,1037,1038,1039,1040,1041,1042,1043,1044,1045,1046,1047,1048,1049,1050,1051,1052,1053,1054,1055,1056,1057,1058,1059,1060,1061,1062,1063,1064,1065,1066,1067,1068,1069,1070,1071,1072,1073,1074,1075,1076,1077,1078,1079,1080,1081,1082,1083,1084,1085,1086,1087,1088,1089,1090,1091,1092,1093,1094,1095,1096,1097,1098,1099,1100,1101,1102,1103,1104,1105,1106,1107,1108,1109,1110,1111,1112,1113,1114,1115,1116,1117,1118,1119,1120,1121,1122,1123,1124,1125,1126,1127,1128,1129,1130,1131,1132,1133,1134,1135,1136,1137,1138,1139,1140,1141,1142,1143,1144,1145,1146,1147,1148,1149,1150,1151,1152,1153,1154,1155,1156,1157,1158,1159,1160,1161,1162,1163,1164,1165,1166,1167,1168,1169,1170,1171,1172,1173,1174,1175,1176,1177,1178,1179,1180,1181,1182,1183,1184,1185,1186,1187,1188,1189,1190,1191,1192,1193,1194,1195,1196,1197,1198,1199,1200,1201,1202,1203,1204,1205,1206,1207,1208,1209,1210,1211,1212,1213,1214,1215,1216,1217,1218,1219,1220,1221,1222,1223,1224,1225,1226,1227,1228,1229,1230,1231,1232,1233,1234,1235,1236,1237,1238,1239,1240,1241,1242,1243,1244,1245,1246,1247,1248,1249,1250,1251,1252,1253,1254,1255,1256,1257,1258,1259,1260,1261,1262,1263,1264,1265,1266,1267,1268,1269,1270,1271,1272,1273,1274,1275,1276,1277,1278,1279,1280,1281,1282,1283,1284,1285,1286,1287,1288,1289,1290,1291,1292,1293,1294,1295,1296,1297,1298,1299,1300,1301,1302,1303,1304,1305,1306,1307,1308,1309,1310,1311,1312,1313,1314,1315,1316,1317,1318,1319,1320,1321,1322,1323,1324,1325,1326,1327,1328,1329,1330,1331,1332,1333,1334,1335,1336,1337,1338,1339,1340,1341,1342,1343,1344,1345,1346,1347,1348,1349,1350,1351,1352,1353,1354,1355,1356,1357,1358,1359,1360,1361,1362,1363,1364,1365,1366,1367,1368,1369,1370,1371,1372,1373,1374,1375,1376,1377,1378,1379,1380,1381,1382,1383,1384,1385,1386,1387,1388,1389,1390,1391,1392,1393,1394,1395,1396,1397,1398,1399,1400,1401,1402,1403,1404,1405,1406,1407,1408,1409,1410,1411,1412,1413,1414,1415,1416,1417,1418,1419,1420,1421,1422,1423,1424,1425,1426,1427,1428,1429,1430,1431,1432,1433,1434,1435,1436,1437,1438,1439,1440,1441,1442,1443,1444,1445,1446,1447,1448,1449,1450,1451,1452,1453,1454,1455,1456,1457,1458,1459,1460,1461,1462,1463,1464,1465,1466,1467,1468,1469,1470,1471,1472,1473,1474,1475,1476,1477,1478,1479,1480,1481,1482,1483,1484,1485,1486,1487,1488,1489,1490,1491,1492,1493,1494,1495,1496,1497,1498,1499,1500,1501,1502,1503,1504,1505,1506,1507,1508,1509,1510,1511,1512,1513,1514,1515,1516,1517,1518,1519,1520,1521,1522,1523,1524,1525,1526,1527,1528,1529,1530,1531,1532,1533,1534,1535,1536,1537,1538,1539,1540,1541,1542,1543,1544,1545,1546,1547,1548,1549,1550,1551,1552,1553,1554,1555,1556,1557,1558,1559,1560,1561,1562,1563,1564,1565,1566,1567,1568,1569,1570,1571,1572,1573,1574,1575,1576,1577,1578,1579,1580,1581,1582,1583,1584,1585,1586,1587,1588,1589,1590,1591,1592,1593,1594,1595,1596,1597,1598,1599,1600,1601,1602,1603,1604,1605,1606,1607,1608,1609,1610,1611,1612,1613,1614,1615,1616,1617,1618,1619,1620,1621,1622,1623,1624,1625,1626,1627,1628,1629,1630,1631,1632,1633,1634,1635,1636,1637,1638,1639,1640,1641,1642,1643,1644,1645,1646,1647,1648,1649,1650,1651,1652,1653,1654,1655,1656,1657,1658,1659,1660,1661,1662,1663,1664,1665,1666,1667,1668,1669,1670,1671,1672,1673,1674,1675,1676,1677,1678,1679,1680,1681,1682,1683,1684,1685,1686,1687,1688,1689,1690,1691,1692,1693,1694,1695,1696,1697,1698,1699,1700,1701,1702,1703,1704,1705,1706,1707,1708,1709,1710,1711,1712,1713,1714,1715,1716,1717,1718,1719,1720,1721,1722,1723,1724,1725,1726,1727,1728,1729,1730,1731,1732,1733,1734,1735,1736,1737,1738,1739,1740,1741,1742,1743,1744,1745,1746,1747,1748,1749,1750,1751,1752,1753,1754,1755,1756,1757,1758,1759,1760,1761,1762,1763,1764,1765,1766,1767,1768,1769,1770,1771,1772,1773,1774,1775,1776,1777,1778,1779,1780,1781,1782,1783,1784,1785,1786,1787,1788,1789,1790,1791,1792,1793,1794,1795,1796,1797,1798,1799,1800,1801,1802,1803,1804,1805,1806,1807,1808,1809,1810,1811,1812,1813,1814,1815,1816,1817,1818,1819,1820,1821,1822,1823,1824,1825,1826,1827,1828,1829,1830,1831,1832,1833,1834,1835,1836,1837,1838,1839,1840,1841,1842,1843,1844,1845,1846,1847,1848,1849,1850,1851,1852,1853,1854,1855,1856,1857,1858,1859,1860,1861,1862,1863,1864,1865,1866,1867,1868,1869,1870,1871,1872,1873,1874,1875,1876,1877,1878,1879,1880,1881,1882,1883,1884,1885,1886,1887,1888,1889,1890,1891,1892,1893,1894,1895,1896,1897,1898,1899,1900,1901,1902,1903,1904,1905,1906,1907,1908,1909,1910,1911,1912,1913,1914,1915,1916,1917,1918,1919,1920,1921,1922,1923,1924,1925,1926,1927,1928,1929,1930,1931,1932,1933,1934,1935,1936,1937,1938,1939,1940,1941,1942,1943,1944,1945,1946,1947,1948,1949,1950,1951,1952,1953,1954,1955,1956,1957,1958,1959,1960,1961,1962,1963,1964,1965,1966,1967,1968,1969,1970,1971,1972,1973,1974,1975,1976,1977,1978,1979,1980,1981,1982,1983,1984,1985,1986,1987,1988,1989,1990,1991,1992,1993,1994,1995,1996,1997,1998,1999,2000,2001,2002,2003,2004,2005,2006,2007,2008,2009,2010,2011,2012,2013,2014,2015,2016,2017,2018,2019,2020,2021,2022,2023,2024,2025,2026,2027,2028,2029,2030,2031,2032,2033,2034,2035,2036,2037,2038,2039,2040,2041,2042,2043,2044,2045,2046,2047,2048,2049,2050,2051,2052,2053,2054,2055,2056,2057,2058,2059,2060,2061,2062,2063,2064,2065,2066,2067,2068,2069,2070,2071,2072,2073,2074,2075,2076,2077,2078,2079,2080,2081,2082,2083,2084,2085,2086,2087,2088,2089,2090,2091,2092,2093,2094,2095,2096,2097,2098,2099,2100,2101,2102,2103,2104,2105,2106,2107,2108,2109,2110,2111,2112,2113,2114,2115,2116,2117,2118,2119,2120,2121,2122,2123,2124,2125,2126,2127,2128,2129,2130,2131,2132,2133,2134,2135,2136,2137,2138,2139,2140,2141,2142,2143,2144,2145,2146,2147,2148,2149,2150,2151,2152,2153,2154,2155,2156,2157,2158,2159,2160,2161,2162,2163,2164,2165,2166,2167,2168,2169,2170,2171,2172,2173,2174,2175,2176,2177,2178,2179,2180,2181,2182,2183,2184,2185,2186,2187,2188,2189,2190,2191,2192,2193,2194,2195,2196,2197,2198,2199,2200,2201,2202,2203,2204,2205,2206,2207,2208,2209,2210,2211,2212,2213,2214,2215,2216,2217,2218,2219,2220,2221,2222,2223,2224,2225,2226,2227,2228,2229,2230,2231,2232,2233,2234,2235,2236,2237,2238,2239,2240,2241,2242,2243,2244,2245,2246,2247,2248,2249,2250,2251,2252,2253,2254,2255,2256,2257,2258,2259,2260,2261,2262,2263,2264,2265,2266,2267,2268,2269,2270,2271,2272,2273,2274,2275,2276,2277,2278,2279,2280,2281,2282,2283,2284,2285,2286,2287,2288,2289,2290,2291,2292,2293,2294,2295,2296,2297,2298,2299,2300,2301,2302,2303,2304,2305,2306,2307,2308,2309,2310,2311,2312,2313,2314,2315,2316,2317,2318,2319,2320,2321,2322,2323,2324,2325,2326,2327,2328,2329,2330,2331,2332,2333,2334,2335,2336,2337,2338,2339,2340,2341,2342,2343,2344,2345,2346,2347,2348,2349,2350,2351,2352,2353,2354,2355,2356,2357,2358,2359,2360,2361,2362,2363,2364,2365,2366,2367,2368,2369,2370,2371,2372,2373,2374,2375,2376,2377,2378,2379,2380,2381,2382,2383,2384,2385,2386,2387,2388,2389,2390,2391,2392,2393,2394,2395,2396,2397,2398,2399,2400,2401,2402,2403,2404,2405,2406,2407,2408,2409,2410,2411,2412,2413,2414,2415,2416,2417,2418,2419,2420,2421,2422,2423,2424,2425,2426,2427,2428,2429,2430,2431,2432,2433,2434,2435,2436,2437,2438,2439,2440,2441,2442,2443,2444,2445,2446,2447,2448,2449,2450,2451,2452,2453,2454,2455,2456,2457,2458,2459,2460,2461,2462,2463,2464,2465,2466,2467,2468,2469,2470,2471,2472,2473,2474,2475,2476,2477,2478,2479,2480,2481,2482,2483,2484,2485,2486,2487,2488,2489,2490,2491,2492,2493,2494,2495,2496,2497,2498,2499,2500,2501,2502,2503,2504,2505,2506,2507,2508,2509,2510,2511,2512,2513,2514,2515,2516,2517,2518,2519,2520,2521,2522,2523,2524,2525,2526,2527,2528,2529,2530,2531,2532,2533,2534,2535,2536,2537,2538,2539,2540,2541,2542,2543,2544,2545,2546,2547,2548,2549,2550,2551,2552,2553,2554,2555,2556,2557,2558,2559,2560,2561,2562,2563,2564,2565,2566,2567,2568,2569,2570,2571,2572,2573,2574,2575,2576,2577,2578,2579,2580,2581,2582,2583,2584,2585,2586,2587,2588,2589,2590,2591,2592,2593,2594,2595,2596,2597,2598,2599,2600,2601,2602,2603,2604,2605,2606,2607,2608,2609,2610,2611,2612,2613,2614,2615,2616,2617,2618,2619,2620,2621,2622,2623,2624,2625,2626,2627,2628,2629,2630,2631,2632,2633,2634,2635,2636,2637,2638,2639,2640,2641,2642,2643,2644,2645,2646,2647,2648,2649,2650,2651,2652,2653,2654,2655,2656,2657,2658,2659,2660,2661,2662,2663,2664,2665,2666,2667,2668,2669,2670,2671,2672,2673,2674,2675,2676,2677,2678,2679,2680,2681,2682,2683,2684,2685,2686,2687,2688,2689,2690,2691,2692,2693,2694,2695,2696,2697,2698,2699,2700,2701,2702,2703,2704,2705,2706,2707,2708,2709,2710,2711,2712,2713,2714,2715,2716,2717,2718,2719,2720,2721,2722,2723,2724,2725,2726,2727,2728,2729,2730,2731,2732,2733,2734,2735,2736,2737,2738,2739,2740,2741,2742,2743,2744,2745,2746,2747,2748,2749,2750,2751,2752,2753,2754,2755,2756,2757,2758,2759,2760,2761,2762,2763,2764,2765,2766,2767,2768,2769,2770,2771,2772,2773,2774,2775,2776,2777,2778,2779,2780,2781,2782,2783,2784,2785,2786,2787,2788,2789,2790,2791,2792,2793,2794,2795,2796,2797,2798,2799,2800,2801,2802,2803,2804,2805,2806,2807,2808,2809,2810,2811,2812,2813,2814,2815,2816,2817,2818,2819,2820,2821,2822,2823,2824,2825,2826,2827,2828,2829,2830,2831,2832,2833,2834,2835,2836,2837,2838,2839,2840,2841,2842,2843,2844,2845,2846,2847,2848,2849,2850,2851,2852,2853,2854,2855,2856,2857,2858,2859,2860,2861,2862,2863,2864,2865,2866,2867,2868,2869,2870,2871,2872,2873,2874,2875,2876,2877,2878,2879,2880,2881,2882,2883,2884,2885,2886,2887,2888,2889,2890,2891,2892,2893,2894,2895,2896,2897,2898,2899,2900,2901,2902,2903,2904,2905,2906,2907,2908,2909,2910,2911,2912,2913,2914,2915,2916,2917,2918,2919,2920,2921,2922,2923,2924,2925,2926,2927,2928,2929,2930,2931,2932,2933,2934,2935,2936,2937,2938,2939,2940,2941,2942,2943,2944,2945,2946,2947,2948,2949,2950,2951,2952,2953,2954,2955,2956,2957,2958,2959,2960,2961,2962,2963,2964,2965,2966,2967,2968,2969,2970,2971,2972,2973,2974,2975,2976,2977,2978,2979,2980,2981,2982,2983,2984,2985,2986,2987,2988,2989,2990,2991,2992,2993,2994,2995,2996,2997,2998,2999,3000,3001,3002,3003,3004,3005,3006,3007,3008,3009,3010,3011,3012,3013,3014,3015,3016,3017,3018,3019,3020,3021,3022,3023,3024,3025,3026,3027,3028,3029,3030,3031,3032,3033,3034,3035,3036,3037,3038,3039,3040,3041,3042,3043,3044,3045,3046,3047,3048,3049,3050,3051,3052,3053,3054,3055,3056,3057,3058,3059,3060,3061,3062,3063,3064,3065,3066,3067,3068,3069,3070,3071,3072,3073,3074,3075,3076,3077,3078,3079,3080,3081,3082,3083,3084,3085,3086,3087,3088,3089,3090,3091,3092,3093,3094,3095,3096,3097,3098,3099,3100,3101,3102,3103,3104,3105,3106,3107,3108,3109,3110,3111,3112,3113,3114,3115,3116,3117,3118,3119,3120,3121,3122,3123,3124,3125,3126,3127,3128,3129,3130,3131,3132,3133,3134,3135,3136,3137,3138,3139,3140,3141,3142,3143,3144,3145,3146,3147,3148,3149,3150,3151,3152,3153,3154,3155,3156,3157,3158,3159,3160,3161,3162,3163,3164,3165,3166,3167,3168,3169,3170,3171,3172,3173,3174,3175,3176,3177,3178,3179,3180,3181,3182,3183,3184,3185,3186,3187,3188,3189,3190,3191,3192,3193,3194,3195,3196,3197,3198,3199,3200,3201,3202,3203,3204,3205,3206,3207,3208,3209,3210,3211,3212,3213,3214,3215,3216,3217,3218,3219,3220,3221,3222,3223,3224,3225,3226,3227,3228,3229,3230,3231,3232,3233,3234,3235,3236,3237,3238,3239,3240,3241,3242,3243,3244,3245,3246,3247,3248,3249,3250,3251,3252,3253,3254,3255,3256,3257,3258,3259,3260,3261,3262,3263,3264,3265,3266,3267,3268,3269,3270,3271,3272,3273,3274,3275,3276,3277,3278,3279,3280,3281,3282,3283,3284,3285,3286,3287,3288,3289,3290,3291,3292,3293,3294,3295,3296,3297,3298,3299,3300,3301,3302,3303,3304,3305,3306,3307,3308,3309,3310,3311,3312,3313,3314,3315,3316,3317,3318,3319,3320,3321,3322,3323,3324,3325,3326,3327,3328,3329,3330,3331,3332,3333,3334,3335,3336,3337,3338,3339,3340,3341,3342,3343,3344,3345,3346,3347,3348,3349,3350,3351,3352,3353,3354,3355,3356,3357,3358,3359,3360,3361,3362,3363,3364,3365,3366,3367,3368,3369,3370,3371,3372,3373,3374,3375,3376,3377,3378,3379,3380,3381,3382,3383,3384,3385,3386,3387,3388,3389,3390,3391,3392,3393,3394,3395,3396,3397,3398,3399,3400,3401,3402,3403,3404,3405,3406,3407,3408,3409,3410,3411,3412,3413,3414,3415,3416,3417,3418,3419,3420,3421,3422,3423,3424,3425,3426,3427,3428,3429,3430,3431,3432,3433,3434,3435,3436,3437,3438,3439,3440,3441,3442,3443,3444,3445,3446,3447,3448,3449,3450,3451,3452,3453,3454,3455,3456,3457,3458,3459,3460,3461,3462,3463,3464,3465,3466,3467,3468,3469,3470,3471,3472,3473,3474,3475,3476,3477,3478,3479,3480,3481,3482,3483,3484,3485,3486,3487,3488,3489,3490,3491,3492,3493,3494,3495,3496,3497,3498,3499,3500,3501,3502,3503,3504,3505,3506,3507,3508,3509,3510,3511,3512,3513,3514,3515,3516,3517,3518,3519,3520,3521,3522,3523,3524,3525,3526,3527,3528,3529,3530,3531,3532,3533,3534,3535,3536,3537,3538,3539,3540,3541,3542,3543,3544,3545,3546,3547,3548,3549,3550,3551,3552,3553,3554,3555,3556,3557,3558,3559,3560,3561,3562,3563,3564,3565,3566,3567,3568,3569,3570,3571,3572,3573,3574,3575,3576,3577,3578,3579,3580,3581,3582,3583,3584,3585,3586,3587,3588,3589,3590,3591,3592,3593,3594,3595,3596,3597,3598,3599,3600,3601,3602,3603,3604,3605,3606,3607,3608,3609,3610,3611,3612,3613,3614,3615,3616,3617,3618,3619,3620,3621,3622,3623,3624,3625,3626,3627,3628,3629,3630,3631,3632,3633,3634,3635,3636,3637,3638,3639,3640,3641,3642,3643,3644,3645,3646,3647,3648,3649,3650,3651,3652,3653,3654,3655,3656,3657,3658,3659,3660,3661,3662,3663,3664,3665,3666,3667,3668,3669,3670,3671,3672,3673,3674,3675,3676,3677,3678,3679,3680,3681,3682,3683,3684,3685,3686,3687,3688,3689,3690,3691,3692,3693,3694,3695,3696,3697,3698,3699,3700,3701,3702,3703,3704,3705,3706,3707,3708,3709,3710,3711,3712,3713,3714,3715,3716,3717,3718,3719,3720,3721,3722,3723,3724,3725,3726,3727,3728,3729,3730,3731,3732,3733,3734,3735,3736,3737,3738,3739,3740,3741,3742,3743,3744,3745,3746,3747,3748,3749,3750,3751,3752,3753,3754,3755,3756,3757,3758,3759,3760,3761,3762,3763,3764,3765,3766,3767,3768,3769,3770,3771,3772,3773,3774,3775,3776,3777,3778,3779,3780,3781,3782,3783,3784,3785,3786,3787,3788,3789,3790,3791,3792,3793,3794,3795,3796,3797,3798,3799,3800,3801,3802,3803,3804,3805,3806,3807,3808,3809,3810,3811,3812,3813,3814,3815,3816,3817,3818,3819,3820,3821,3822,3823,3824,3825,3826,3827,3828,3829,3830,3831,3832,3833,3834,3835,3836,3837,3838,3839,3840,3841,3842,3843,3844,3845,3846,3847,3848,3849,3850,3851,3852,3853,3854,3855,3856,3857,3858,3859,3860,3861,3862,3863,3864,3865,3866,3867,3868,3869,3870,3871,3872,3873,3874,3875,3876,3877,3878,3879,3880,3881,3882,3883,3884,3885,3886,3887,3888,3889,3890,3891,3892,3893,3894,3895,3896,3897,3898,3899,3900,3901,3902,3903,3904,3905,3906,3907,3908,3909,3910,3911,3912,3913,3914,3915,3916,3917,3918,3919,3920,3921,3922,3923,3924,3925,3926,3927,3928,3929,3930,3931,3932,3933,3934,3935,3936,3937,3938,3939,3940,3941,3942,3943,3944,3945,3946,3947,3948,3949,3950,3951,3952,3953,3954,3955,3956,3957,3958,3959,3960,3961,3962,3963,3964,3965,3966,3967,3968,3969,3970,3971,3972,3973,3974,3975,3976,3977,3978,3979,3980,3981,3982,3983,3984,3985,3986,3987,3988,3989,3990,3991,3992,3993,3994,3995,3996,3997,3998,3999,4000,4001,4002,4003,4004,4005,4006,4007,4008,4009,4010,4011,4012,4013,4014,4015,4016,4017,4018,4019,4020,4021,4022,4023,4024,4025,4026,4027,4028,4029,4030,4031,4032,4033,4034,4035,4036,4037,4038,4039,4040,4041,4042,4043,4044,4045,4046,4047,4048,4049,4050,4051,4052,4053,4054,4055,4056,4057,4058,4059,4060,4061,4062,4063,4064,4065,4066,4067,4068,4069,4070,4071,4072,4073,4074,4075,4076,4077,4078,4079,4080,4081,4082,4083,4084,4085,4086,4087,4088,4089,4090,4091,4092,4093,4094,4095,4096,4097,4098,4099,4100,4101,4102,4103,4104,4105,4106,4107,4108,4109,4110,4111,4112,4113,4114,4115,4116,4117,4118,4119,4120,4121,4122,4123,4124,4125,4126,4127,4128,4129,4130,4131,4132,4133,4134,4135,4136,4137,4138,4139,4140,4141,4142,4143,4144,4145,4146,4147,4148,4149,4150,4151,4152,4153,4154,4155,4156,4157,4158,4159,4160,4161,4162,4163,4164,4165,4166,4167,4168,4169,4170,4171,4172,4173,4174,4175,4176,4177,4178,4179,4180,4181,4182,4183,4184,4185,4186,4187,4188,4189,4190,4191,4192,4193,4194,4195,4196,4197,4198,4199,4200,4201,4202,4203,4204,4205,4206,4207,4208,4209,4210,4211,4212,4213,4214,4215,4216,4217,4218,4219,4220,4221,4222,4223,4224,4225,4226,4227,4228,4229,4230,4231,4232,4233,4234,4235,4236,4237,4238,4239,4240,4241,4242,4243,4244,4245,4246,4247,4248,4249,4250,4251,4252,4253,4254,4255,4256,4257,4258,4259,4260,4261,4262,4263,4264,4265,4266,4267,4268,4269,4270,4271,4272,4273,4274,4275,4276,4277,4278,4279,4280,4281,4282,4283,4284,4285,4286,4287,4288,4289,4290,4291,4292,4293,4294,4295,4296,4297,4298,4299,4300,4301,4302,4303,4304,4305,4306,4307,4308,4309,4310,4311,4312,4313,4314,4315,4316,4317,4318,4319,4320,4321,4322,4323,4324,4325,4326,4327,4328,4329,4330,4331,4332,4333,4334,4335,4336,4337,4338,4339,4340,4341,4342,4343,4344,4345,4346,4347,4348,4349,4350,4351,4352,4353,4354,4355,4356,4357,4358,4359,4360,4361,4362,4363,4364,4365,4366,4367,4368,4369,4370,4371,4372,4373,4374,4375,4376,4377,4378,4379,4380,4381,4382,4383,4384,4385,4386,4387,4388,4389,4390,4391,4392,4393,4394,4395,4396,4397,4398,4399,4400,4401,4402,4403,4404,4405,4406,4407,4408,4409,4410,4411,4412,4413,4414,4415,4416,4417,4418,4419,4420,4421,4422,4423,4424,4425,4426,4427,4428,4429,4430,4431,4432,4433,4434,4435,4436,4437,4438,4439,4440,4441,4442,4443,4444,4445,4446,4447,4448,4449,4450,4451,4452,4453,4454,4455,4456,4457,4458,4459,4460,4461,4462,4463,4464,4465,4466,4467,4468,4469,4470,4471,4472,4473,4474,4475,4476,4477,4478,4479,4480,4481,4482,4483,4484,4485,4486,4487,4488,4489,4490,4491,4492,4493,4494,4495,4496,4497,4498,4499,4500,4501,4502,4503,4504,4505,4506,4507,4508,4509,4510,4511,4512,4513,4514,4515,4516,4517,4518,4519,4520,4521,4522,4523,4524,4525,4526,4527,4528,4529,4530,4531,4532,4533,4534,4535,4536,4537,4538,4539,4540,4541,4542,4543,4544,4545,4546,4547,4548,4549,4550,4551,4552,4553,4554,4555,4556,4557,4558,4559,4560,4561,4562,4563,4564,4565,4566,4567,4568,4569,4570,4571,4572,4573,4574,4575,4576,4577,4578,4579,4580,4581,4582,4583,4584,4585,4586,4587,4588,4589,4590,4591,4592,4593,4594,4595,4596,4597,4598,4599,4600,4601,4602,4603,4604,4605,4606,4607,4608,4609,4610,4611,4612,4613,4614,4615,4616,4617,4618,4619,4620,4621,4622,4623,4624,4625,4626,4627,4628,4629,4630,4631,4632,4633,4634,4635,4636,4637,4638,4639,4640,4641,4642,4643,4644,4645,4646,4647,4648,4649,4650,4651,4652,4653,4654,4655,4656,4657,4658,4659,4660,4661,4662,4663,4664,4665,4666,4667,4668,4669,4670,4671,4672,4673,4674,4675,4676,4677,4678,4679,4680,4681,4682,4683,4684,4685,4686,4687,4688,4689,4690,4691,4692,4693,4694,

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

M.S.D.N: 0801394934 CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM TỈNH HẢI DƯƠNG

M.S.D.N: 0429776A-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TRUNG ĐÔNG VIỆT NAM Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

TÒA NHÀ VĂN PHÒNG - NHÀ KHO SỐ 1

仓库 – 办公楼

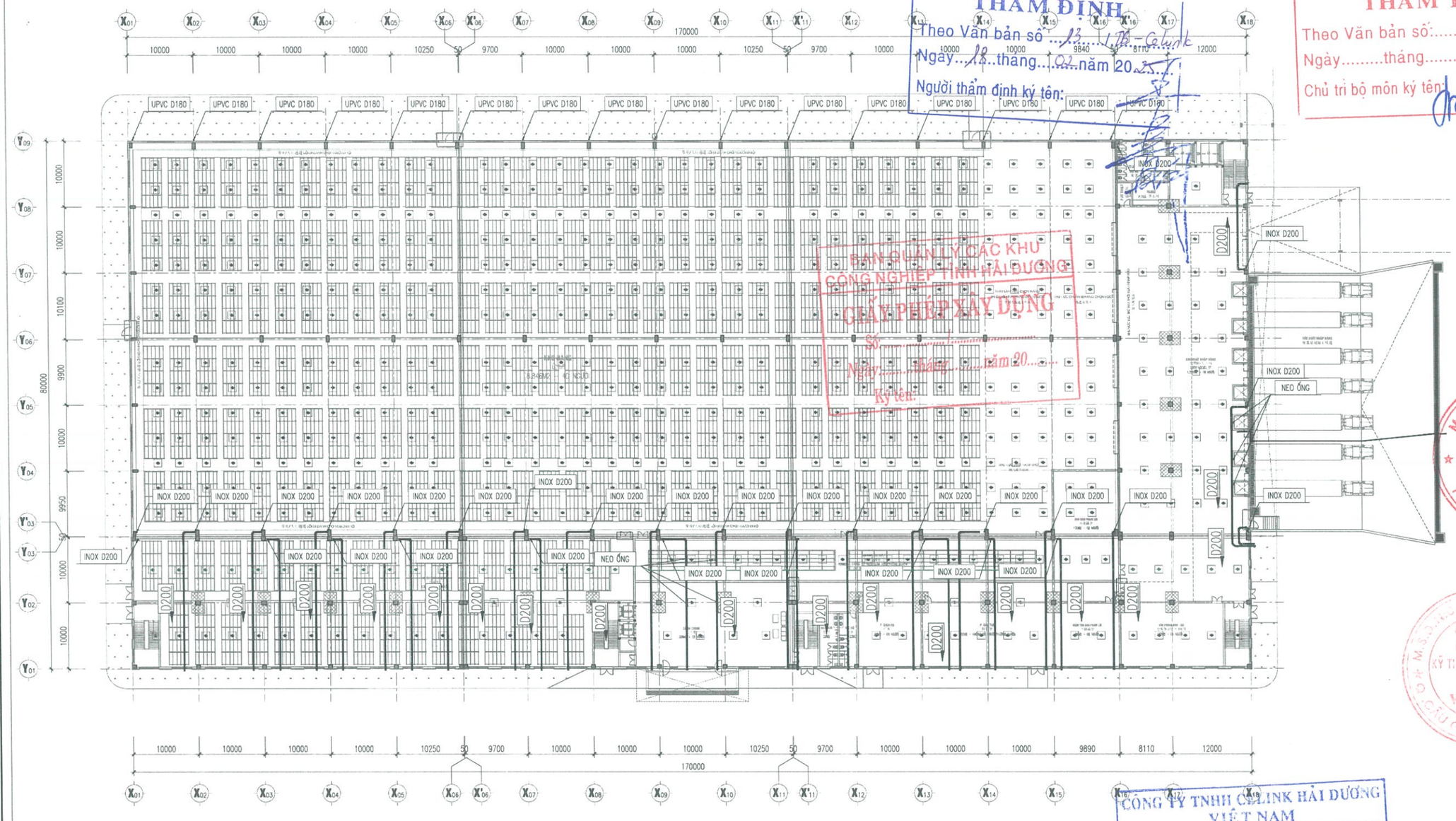

GHI CHÚ

-0.50 CAO ĐỘ ĐÁY ỐNG

MẶT BẰNG TẦNG 1

一层平面

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ..13../TĐ-Celink
Ngày ..18.. tháng ..02.. năm 20..25..
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
CHẤP PHÉP XÂY DỰNG
Số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số ..13../QĐ-Celink
ngày ..18..tháng ..02..năm ..2025
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK有限越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址
CỤM CÔNG NGHIỆP AN PHÁT - XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CCN AN PHÁT - 安发工业区 - 安平社 - 南册县 - 海阳省 - 越南.

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资方
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询
TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市扬辉区杨宁乡农村绿社大楼 8 楼
电话：0432 636 777，传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目
TÒA NHÀ VĂN PHÒNG - NHÀ KHO SỐ 1

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI TẦNG 1
1楼排水沟平面

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
C.A.01

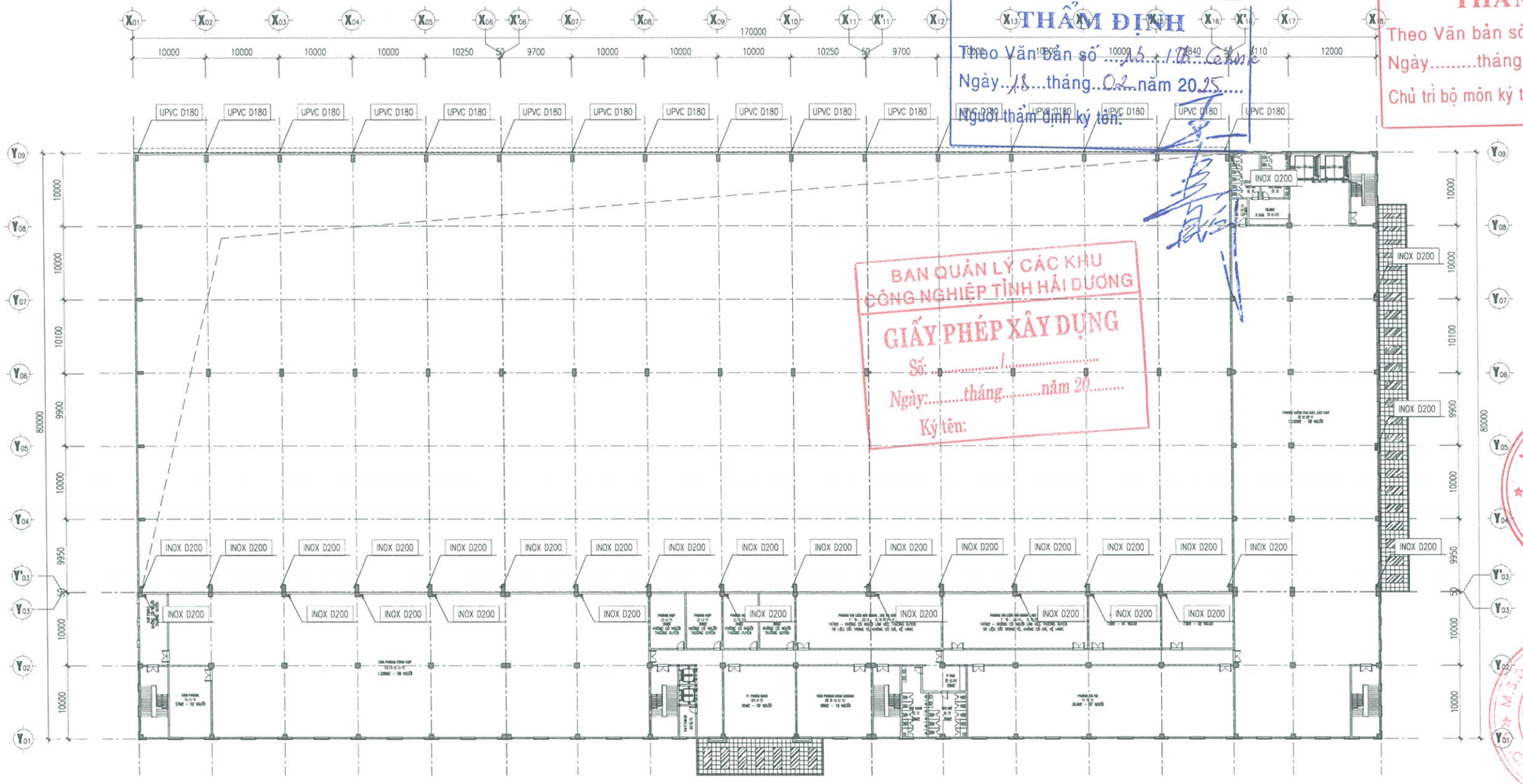

MẶT BẰNG TẦNG 2
二层平面

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...05../18..Celink
Ngày..18...tháng..02...năm 2025.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số 19.02/..Celink
ngày...18...tháng.02.....năm...2025
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CELINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点
LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CN05地块, 位于1号工业园区, 安平社, 南册县, 海阳省, 越南。

CHỦ ĐẦU TƯ - 业主

CE-LINK
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C
BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 6, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777
从化 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市市轨区书作名街村规社大道 6 楼
电话：0432 636 777；传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

TÒA NHÀ VĂN PHÒNG - NHÀ KHO SỐ 1

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI TẦNG 2
2楼排水沟平面

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.A.02

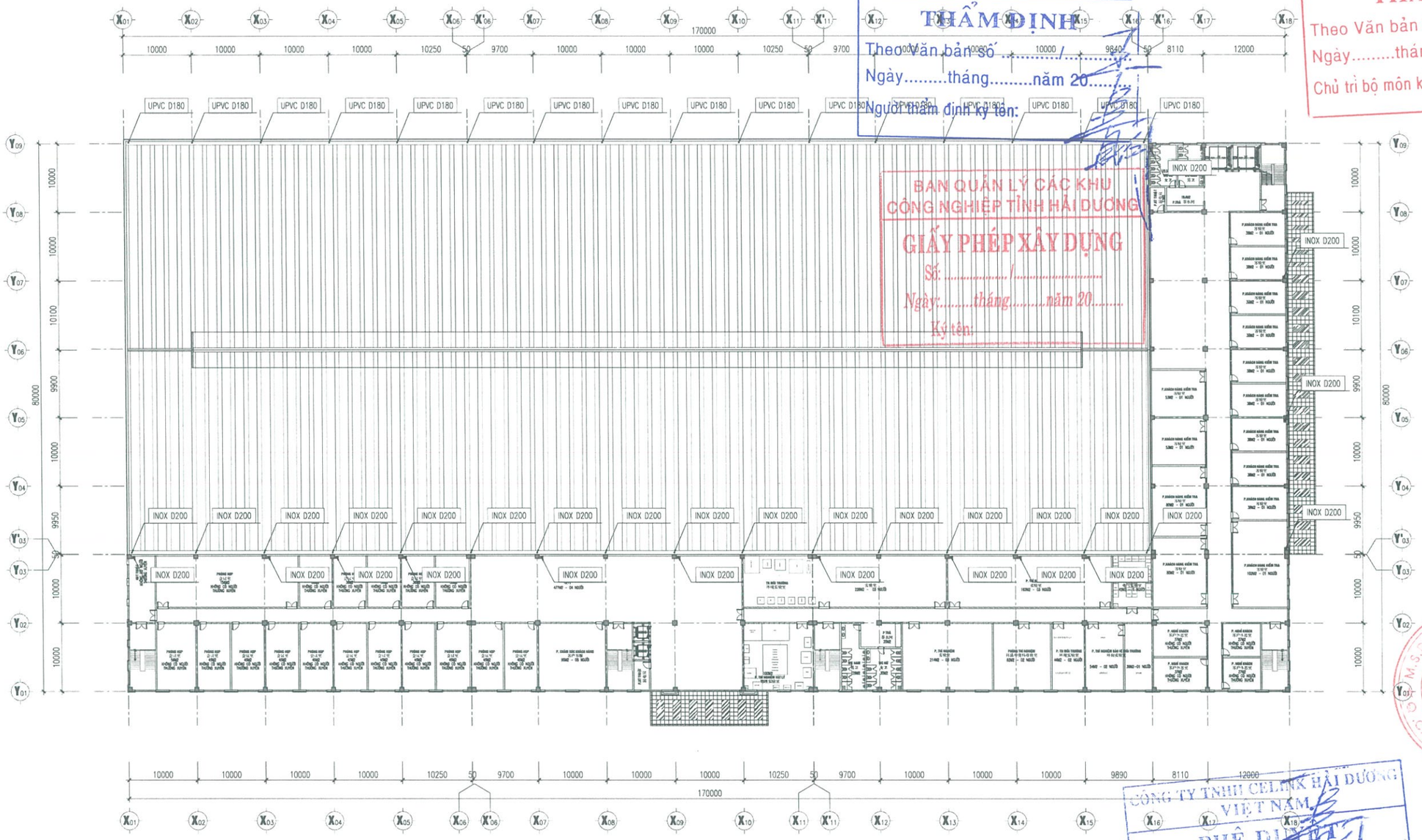

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số .....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số.....
ngày.....tháng.....năm.....
Ký tên:

MẶT BẰNG TẦNG 3
三层平面

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK有限责任公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址
LÔ ĐẤT CHỢ ĐỒN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CE LINK有限责任公司的投资项目位于安平社，金城县，海阳省，越南。

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资方
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询
TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BẢO HƯNG THỊNH PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市怀德区科学艺术街村维社大道 8 座
电话：0432 636 777，传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目
TÒA NHÀ VĂN PHÒNG - NHÀ KHO SỐ 1

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI TẦNG 3
3楼排水沟平面

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
C.A.03

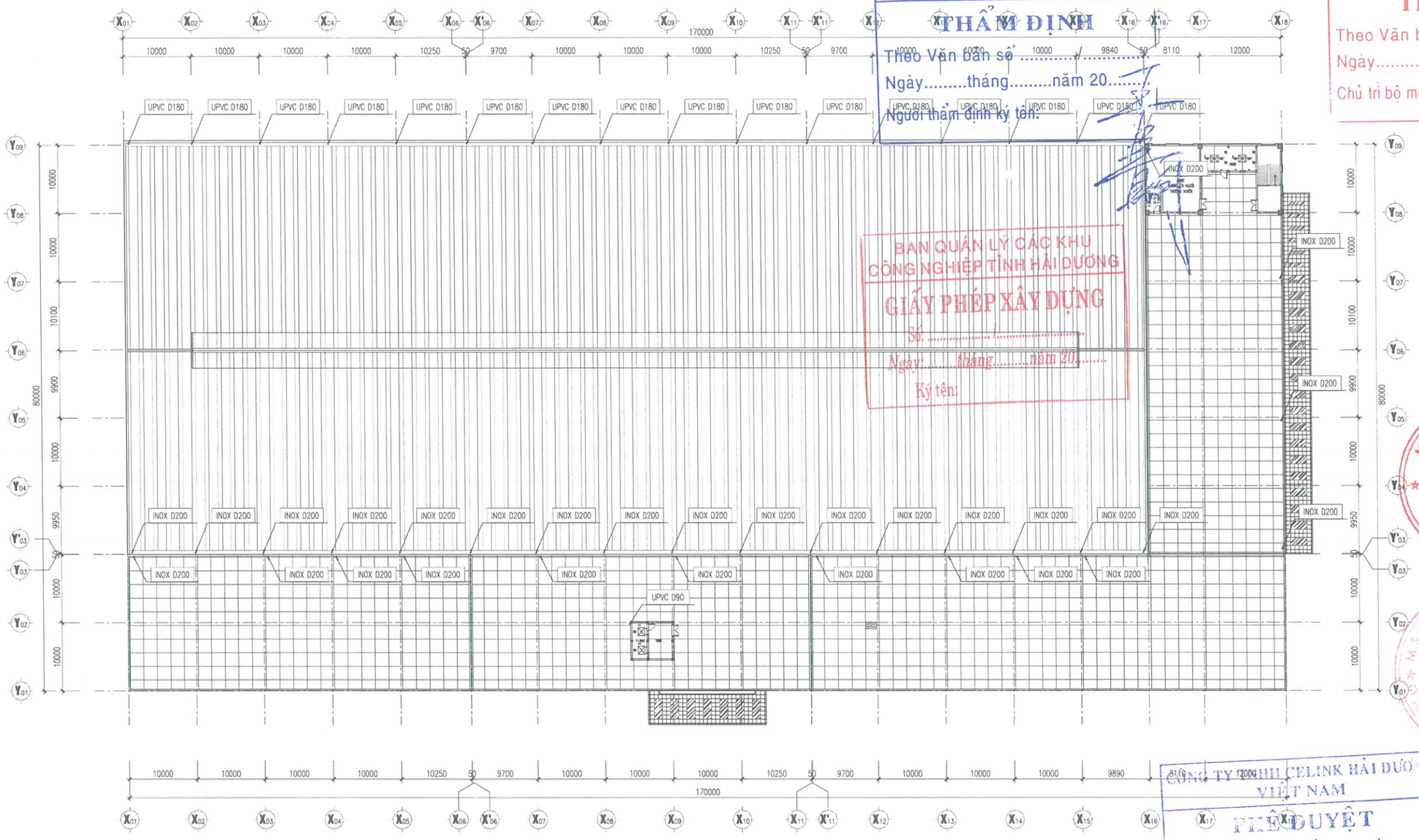

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số .....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

MẶT TẦNG TUM

阁楼墙体平面

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE-LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址

LÔ ĐẤT CNN KN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM.

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C

BETTER THAN BEFORE

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BẢO HƯNG THỊNH PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 0432 566 777; FAX: 0432 566 777

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司

地址：河内市杨镇区阳炉大楼 8 楼

电话：0432 566 777；传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TẤN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

TÒA NHÀ VĂN PHÒNG - NHÀ KHO SỐ 1

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG TUM

阁楼排水沟平面

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸号码

C.A.04

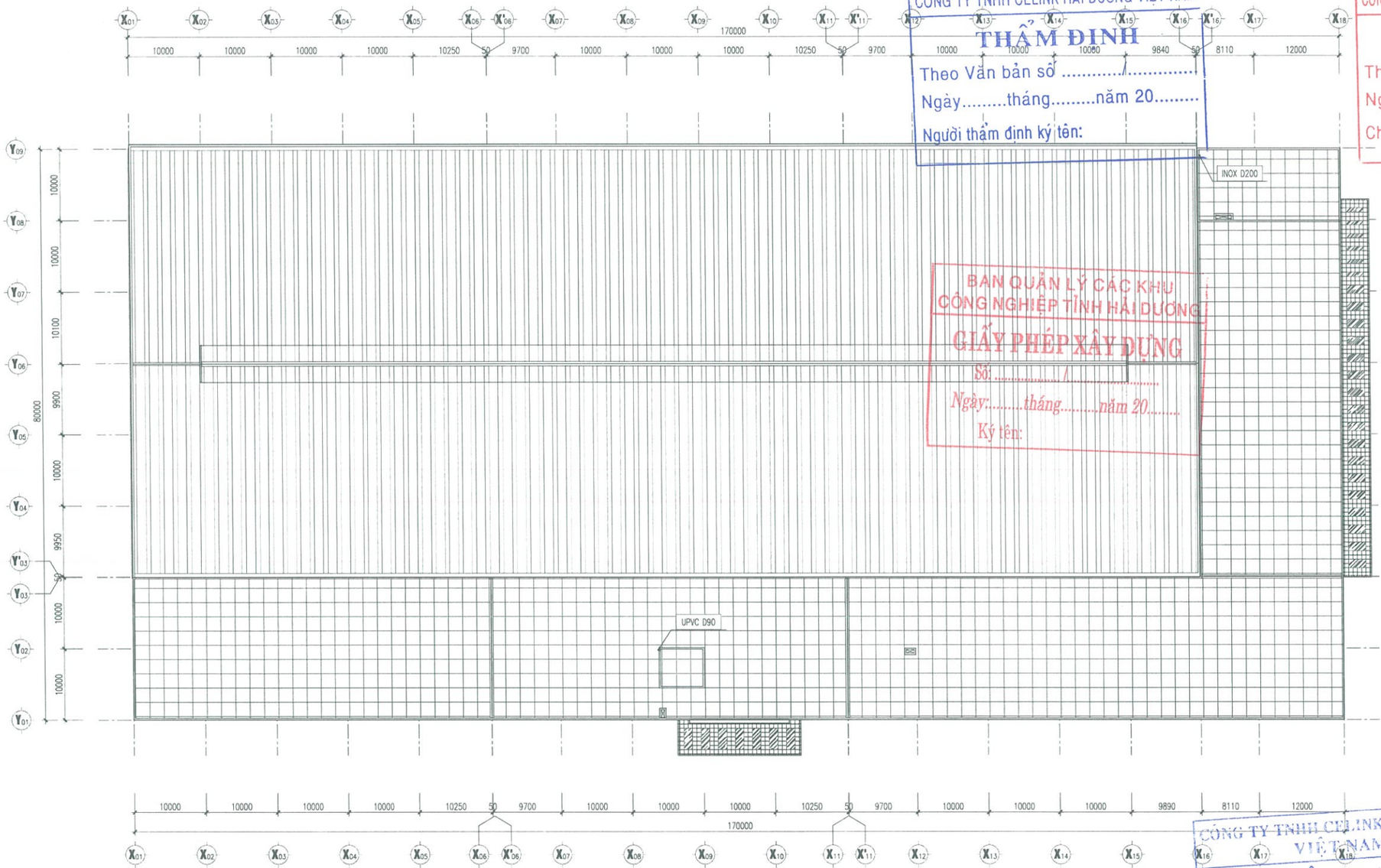

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số .....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số..13...../TB-Celink
ngày...18...tháng..02...năm...2025
Ký tên:

MẶT BẰNG MÁI
屋顶平面

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY - 日	PHIÊN BẢN - 版本	NỘI DUNG - 内容

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称:
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE-LINK越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址:
LOCATED IN AN PHAT 1, XA AN BINH, HUYEN NAM SACH, TINH HAI DUONG, VIET NAM
位于越南海阳省南策县安平社安发1村

CHỦ ĐẦU TƯ - 建设单位
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777
越南TOKEN技术与建筑股份公司
地址：河内市依照区杨俘艺街道村规划大楼B楼
电话：0432 636 777；传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理: KS. LƯƠNG NGỌC TÂN
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN
CHỦ TRÌ - 设计主持人: KS. LÊ KIM HOÀNG
THIẾT KẾ - 设计者: KS. TRẦN TIẾN SANG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

HẠNG MỤC - 项目
TÒA NHÀ VĂN PHÒNG - NHÀ KHO SỐ 1

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI TẦNG MÁI
顶棚排水沟平面

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
C.A.05

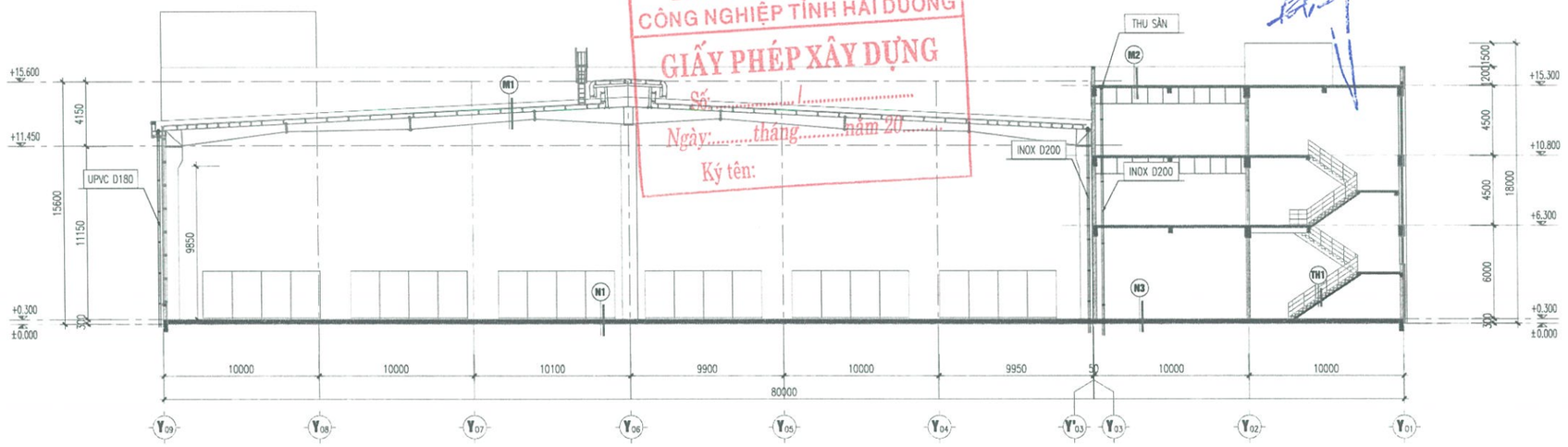

MẶT CẮT A-A

A–A 剖面

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 10021/CBST

Ngày 10 tháng 02 năm 2025

Chủ trì bộ môn ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: ...../.....

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

越南CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点

CỤM CÔNG NGHIỆP AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

CHỦ ĐẦU TƯ - 业主

CE-LINK

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计单位

TOKEN E&C

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 0432 566 777 - FAX: 0432 566 777

越南 TOKEN 技术与建筑

股份公司

地址：河内市纸区区

阵艺街农村模块大楼 8 楼

电话：0432 566 777，传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

TÒA NHÀ VĂN PHÒNG - NHÀ KHO SỐ 1

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT CẮT BỐ TRÍ ỐNG XỐI

排水沟铺面图

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.A.06

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

M.S.D.N: 0801394934 CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM TỈNH HẢI DƯƠNG

M.S.D.N: 0104277764-C.T.C.P KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TGREEN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

NHÀ PHỤ TRỢ SỐ 9

辅助建筑 9号

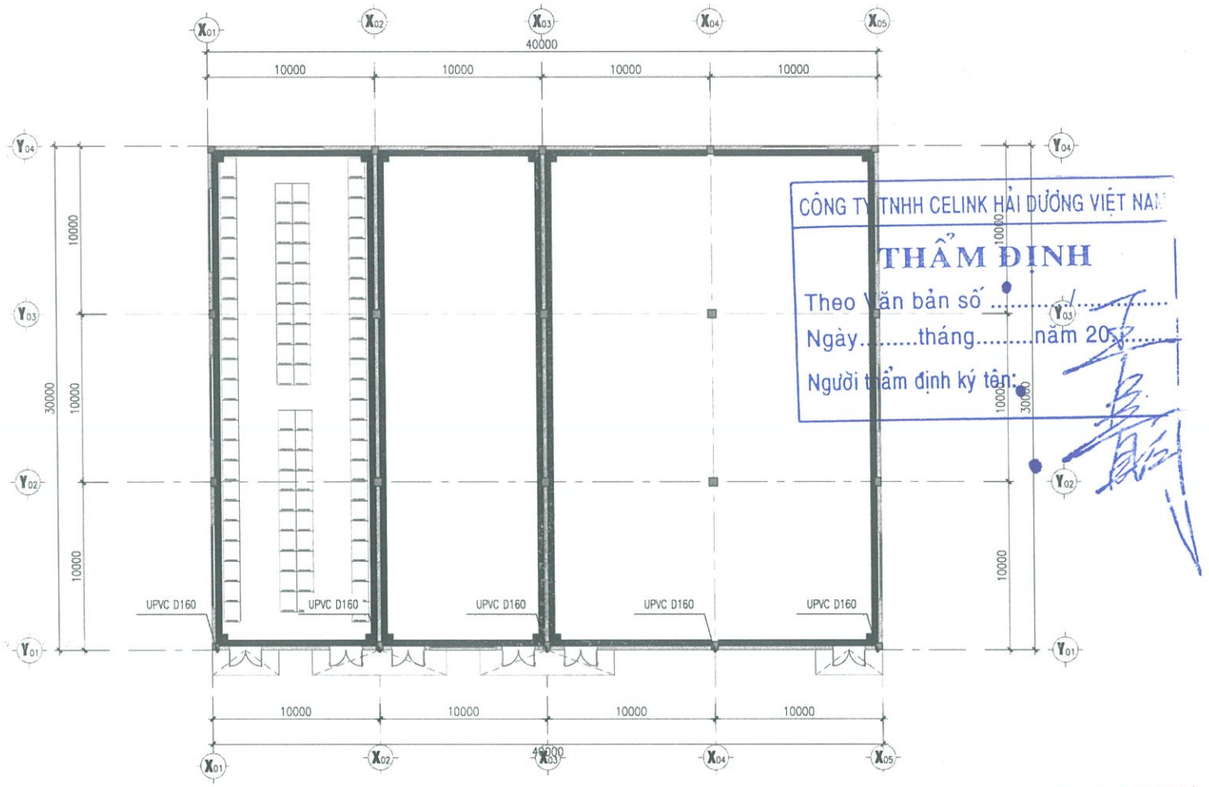

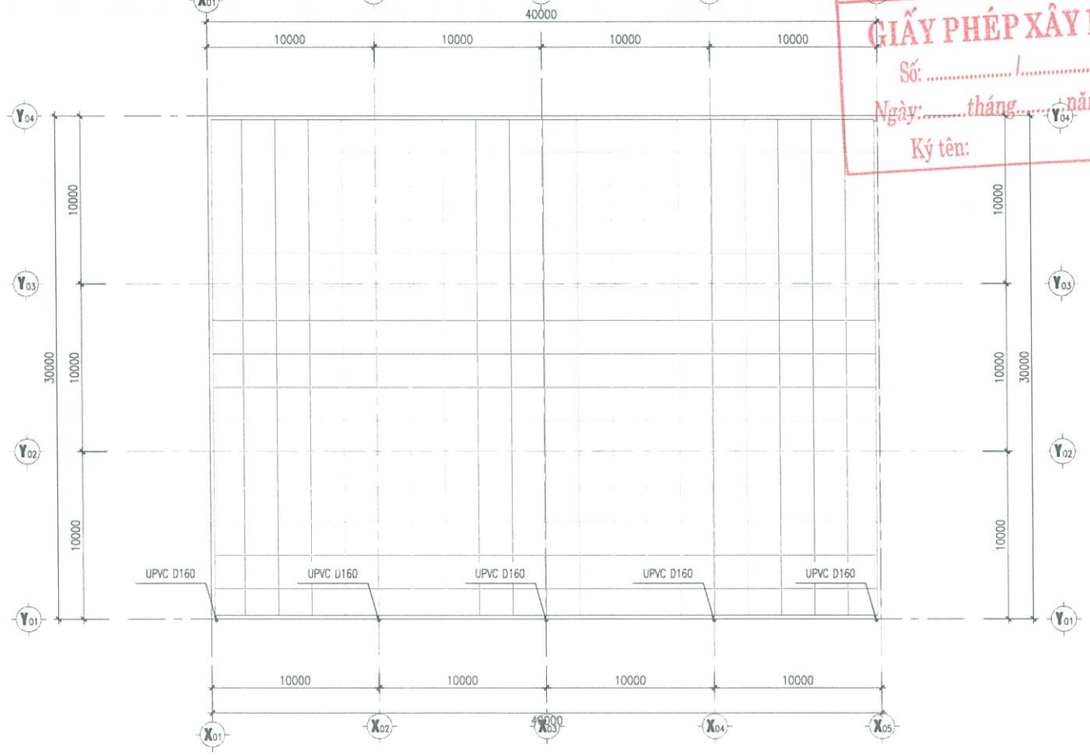

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số .....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: ...../.....

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

MẶT BẰNG TẦNG 1

一层平面

MẶT BẰNG MÁI

屋顶平面

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ – 布置图

HIỆU CHỈNH – 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP – 工业区管理局

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG – 地点

LÔ ĐẤT CNN1 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ – 设计咨询

TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

DIỆN THOẠI: 0432 626 777, FAX: 0432 566 777

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司

地址：河内市怀德区杨艺街市村报社大楼 8 楼

电话：0432 626 777，传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC – 总经理: KS. LƯƠNG NGỌC TÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN – 项目主任: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

CHỦ TRÌ – 设计主持人: KS. LÊ KINH HOÀNG

THIẾT KẾ – 设计者: KS. TRẦN TIẾN SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT – 技术管理: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

HẠNG MỤC – 项目: **NHÀ PHỤ TRỢ SỐ 9**

TÊN BẢN VẼ – 图纸名称: **MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI**

檫排水沟平面

PHIÊN BẢN – 版本 | NGÀY – 日 | KHỔ GIẤY – 纸张尺寸 | TỶ LỆ – 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ – 图纸编号: **C.P.01**

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

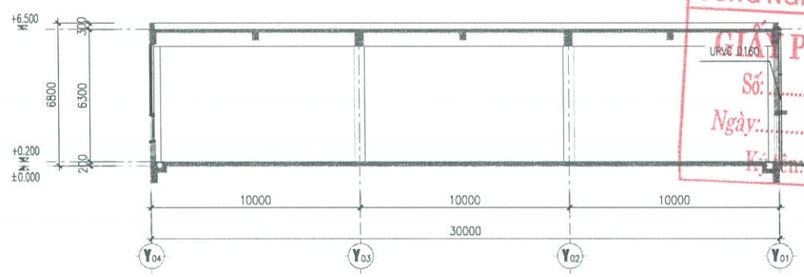

MẶT CẮT A-A

A-A 剖面

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点

LÔ ĐẤT CỤM SCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM.

安平1工业区, 安北1工业区, 安平县, 南册县, 海阳市, 越南.

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: TẦNG 6, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司

地址：河内市纸江区杨艺农村镇科大楼 6 楼

电话：0432 636 777；传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

NHÀ PHỤ TRỢ SỐ 9

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT CẮT BỐ TRÍ ỐNG XÓI

排水清鋪面圖

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 图纸尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.P.02

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

M.S.D.N: 0601394934 CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM TỈNH HẢI DƯƠNG

M.S.D.N: 0429??CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOTEN VIỆT NAM CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

số...../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

NHÀ ĂN SỐ 6

饭堂 6

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...13...1.TĐ-Celink

Ngày...18..tháng.02...năm 2025.....

Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: ...1...

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

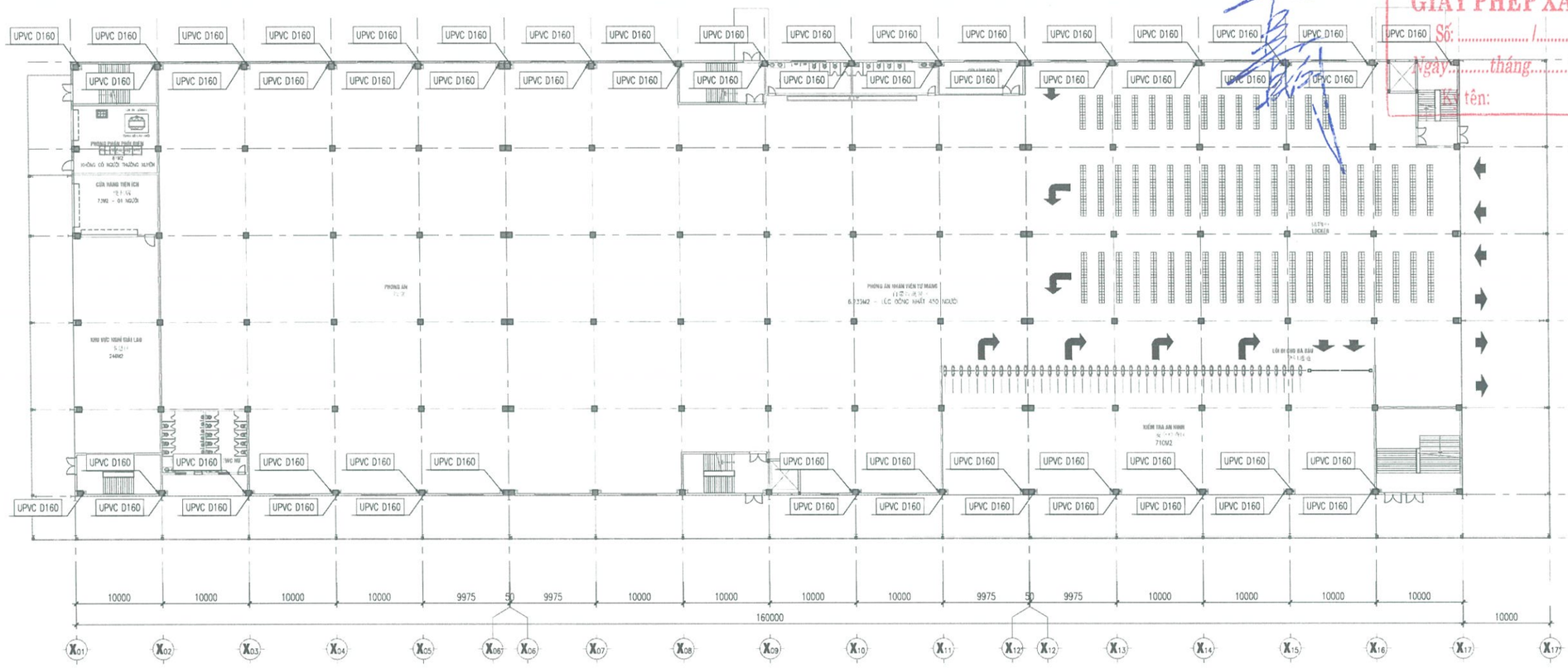

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số..13...TĐ-Celink

ngày....18..tháng...02....năm 2025

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点

CCN CCVVN KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

CCN CCVVN 工业区, 安平社, 南册县, 海阳市, 越南.

CHỦ ĐẦU TƯ - 业主单位

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司

地址：河内市杨廷特市老街乡的农村振兴大道 3 座

电话：0432 636 777；传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

NHÀ ĂN SỐ 6

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI TẦNG 1

1樓排水沟平面

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.E.01

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...13.../TĐ-Celink

Ngày..18..tháng..02..năm 20..25..

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

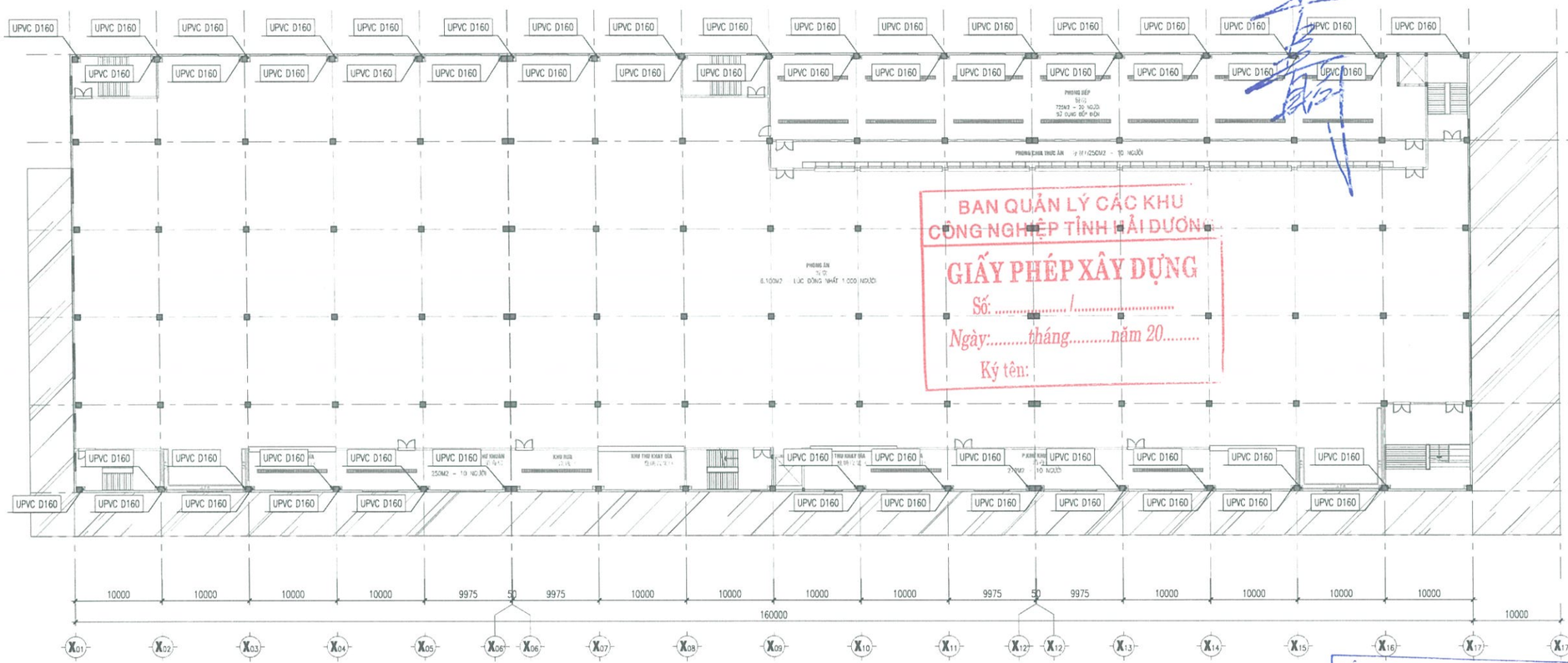

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: ...../.....

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...13.../QĐ-Celink

ngày...18...tháng..02...năm..2025

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE-LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点

LÔ ĐẤT CN01 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资方

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 565 777
越南TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市纸纸区将乞街农村报社大楼 8 楼
电话：0432 636 777，传真：0432 565 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理: KS. LƯƠNG NGỌC TẤN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

CHỦ TRÌ - 设计主持人: KS. LÊ KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - 设计者: KS. TRẦN TIẾN SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理: KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

HẠNG MỤC - 项目

NHÀ ĂN SỐ 6

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI TẦNG 2

2層排水沟平面

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.E.02

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 10021CBST

Ngày 10 tháng 02 năm 2025

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

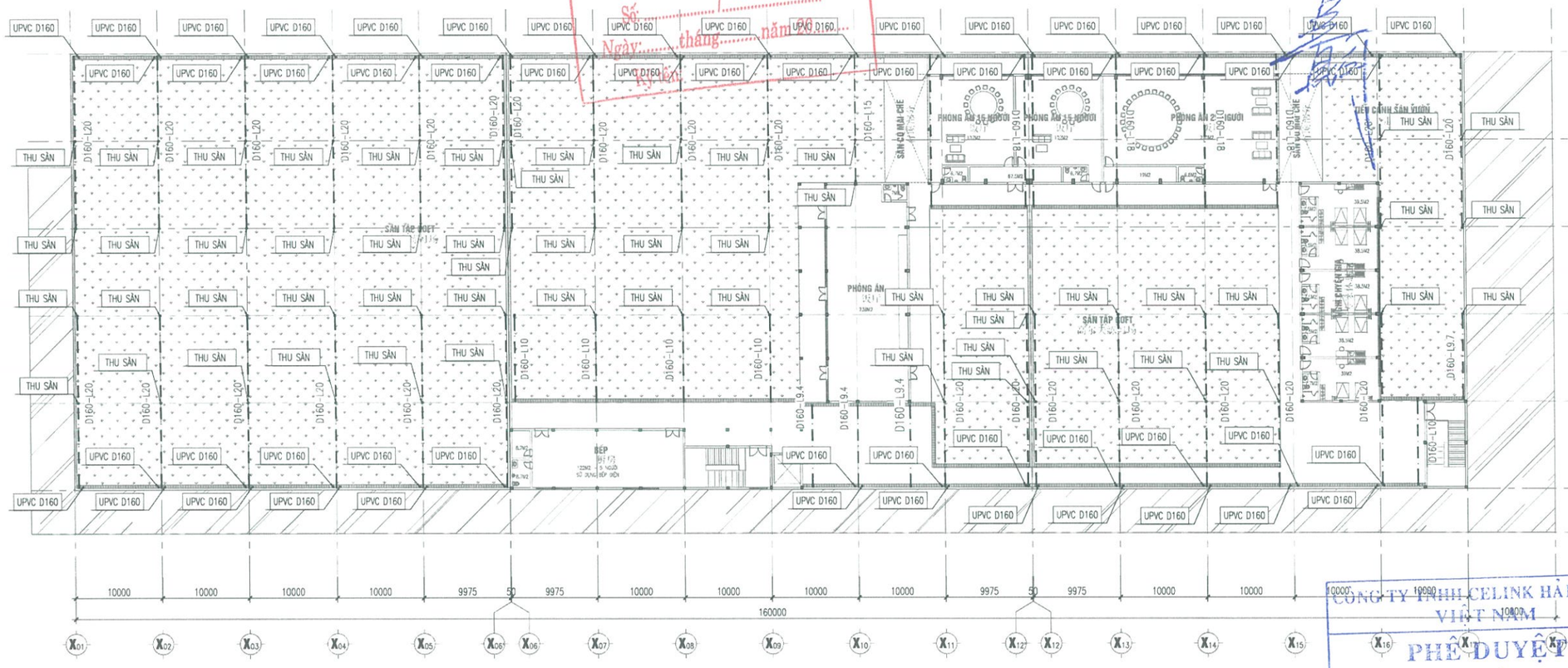

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK在海防越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点

LÔ ĐẤT CN5-1CN ĐẤT CN5-1CN, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM.

CN5-1CN地块, 安平乡, 南册县, 海阳省, 越南.

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司

地址：河内市怀德区行政农村模社大街 8 楼

电话：0432 636 777；传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

NHÀ ĂN SỐ 6

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI TẦNG 3

3楼排水沟平面

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.E.03

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

M.S.D.N: 0601394834 CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM TỈNH HẢI DƯƠNG

M.S.D.N: 0104297764-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TUYỀN VIỆT NAM - T.P HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

NHÀ XƯỞNG 2 - KHU VỰC BỂ LÀM MÁT

车间 2

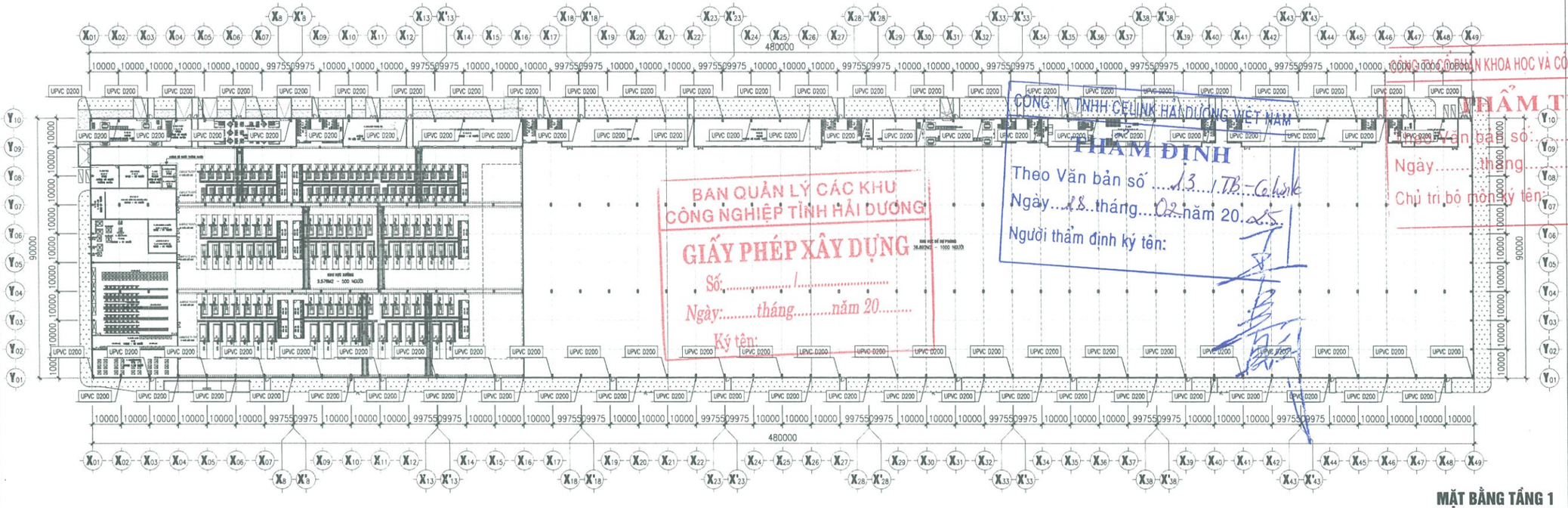

MẶT BẰNG TẦNG 1

一层平面

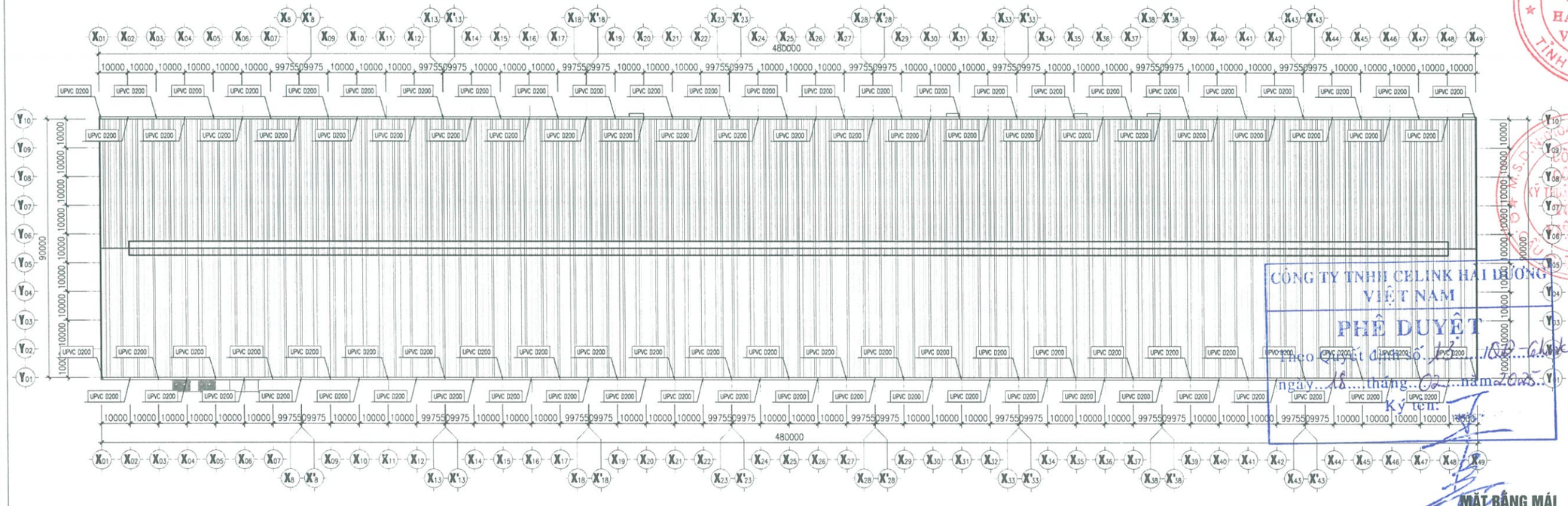

MẶT BẰNG MÁI

屋顶平面

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...13../TB-CeLink

Ngày...18..tháng...02..năm 20..25.

Người thẩm định ký tên:

TRUNG TÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số ...../QĐ-CeLink

ngày...18....tháng...02....năm 2025

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点

LÔ ĐẤT CN06 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

CN地块, 安宝1工业区, 安平社, 南阳县, 海阳省, 越南。

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	KS. LƯƠNG NGỌC TÂN
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN
CHỦ TRÌ - 设计主持人	KS. LÊ KIM HOÀNG
THIẾT KẾ - 设计者	KS. TRẦN TIẾN SANG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

HẠNG MỤC - 项目

NHÀ XƯỞNG 2 - KHU VỰC BỂ LÀM MÁT

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI

檐排水沟平面

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.G.01

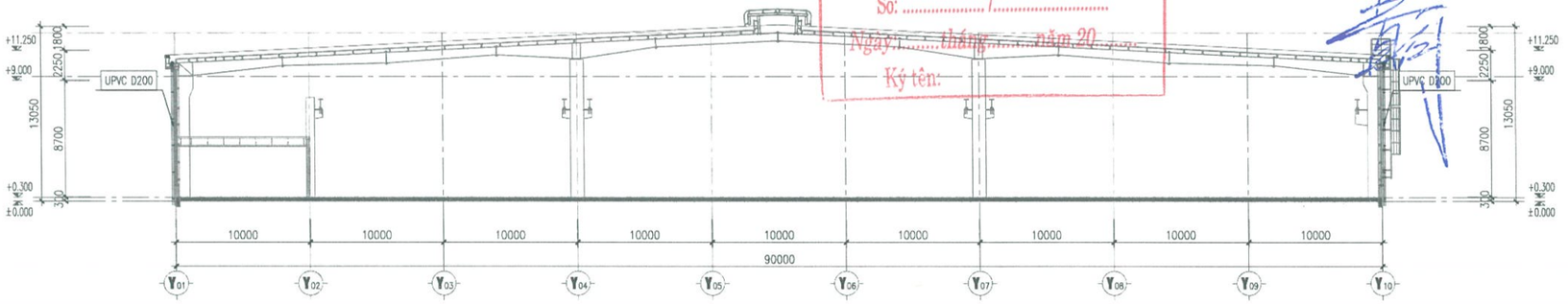

MẶT CẮT A-A
A–A 剖面

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...13...../TĐ-Celink
Ngày....18.tháng..02.năm 2025....
Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số....13...../QĐ-Celink
ngày...18....tháng..02...năm 2025
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE-LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK HẢI DƯƠNG 越南CE LINK有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址
LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CN05地块, 安阳工业区1, 安平社, 南阳县, 海阳市, 越南。

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资方
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询
TOKEN E&C
BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ TẦNG 8, TÒA NHÀ BAO HỒNG THỊN PHỐ ĐƯỜNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市侨凤区村
珍艺街道村镇长大楼 8 楼
电话：0432 636 777; 传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目
NHÀ XƯỞNG 2 - KHU VỰC ĐỂ LÀM MÁT

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT CẮT BỐ TRÍ ỐNG XÓI
排水清舖面圖

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
C.G.02

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

M.S.D.N: 0801394934 CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM TỈNH HẢI DƯƠNG

M.S.D.N: 0104297764-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOTEN VIỆT NAM CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

NHÀ XƯỞNG SỐ 3

车间 3

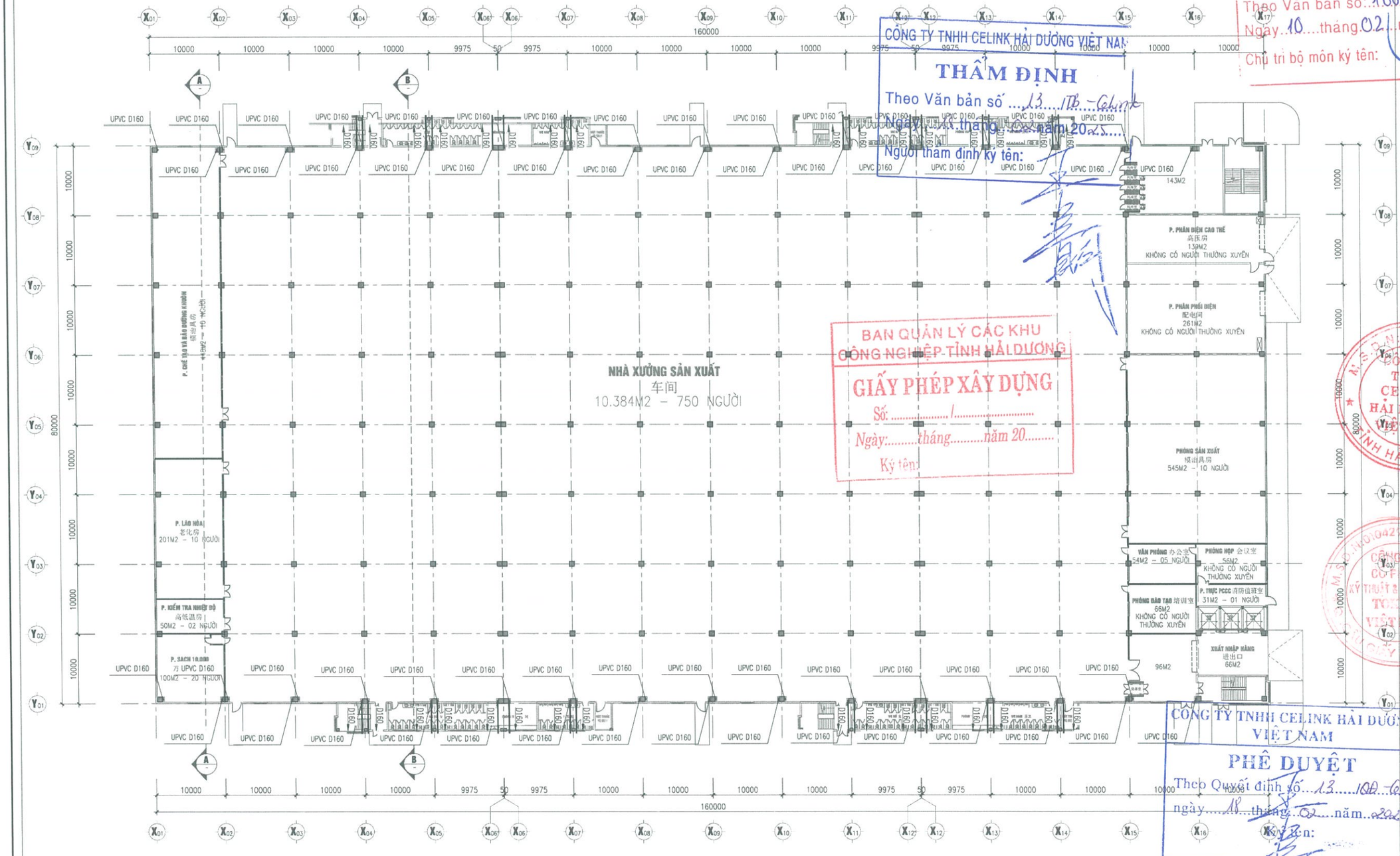

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ – 布置图

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 1002.ICBST
Ngày 10 tháng 02 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 13.1Đ-Celink
Ngày ... tháng ... năm 2025
Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...
Ngày ... tháng ... năm 20...
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số 13.1Đ-Celink
ngày 18 tháng 02 năm 2025
Ký tên:

HIỆU CHỈNH – 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP – 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH – 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海防越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG – 地址
LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CN05地块, 安发1工业区, 安平社, 南册县, 海阳省, 越南。

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ – 设计咨询
TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 6 TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 565 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市杨庭区杨芳若村大路 8 巷
电话：0432 636 777；传真：0432 565 777

TỔNG GIÁM ĐỐC – 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN – 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ – 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ – 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT – 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC – 项目
NHÀ XƯỞNG SỐ 3

TÊN BẢN VẼ – 图纸名称
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI TẦNG 1
1樓排水沟平面

PHIÊN BẢN – 版本	NGÀY – 日	KHỔ GIẤY – 纸张尺寸
		TỶ LỆ – 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ – 图纸标记
C.H.01

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số...../.....
ngày.....tháng.....năm.....
Ký tên:

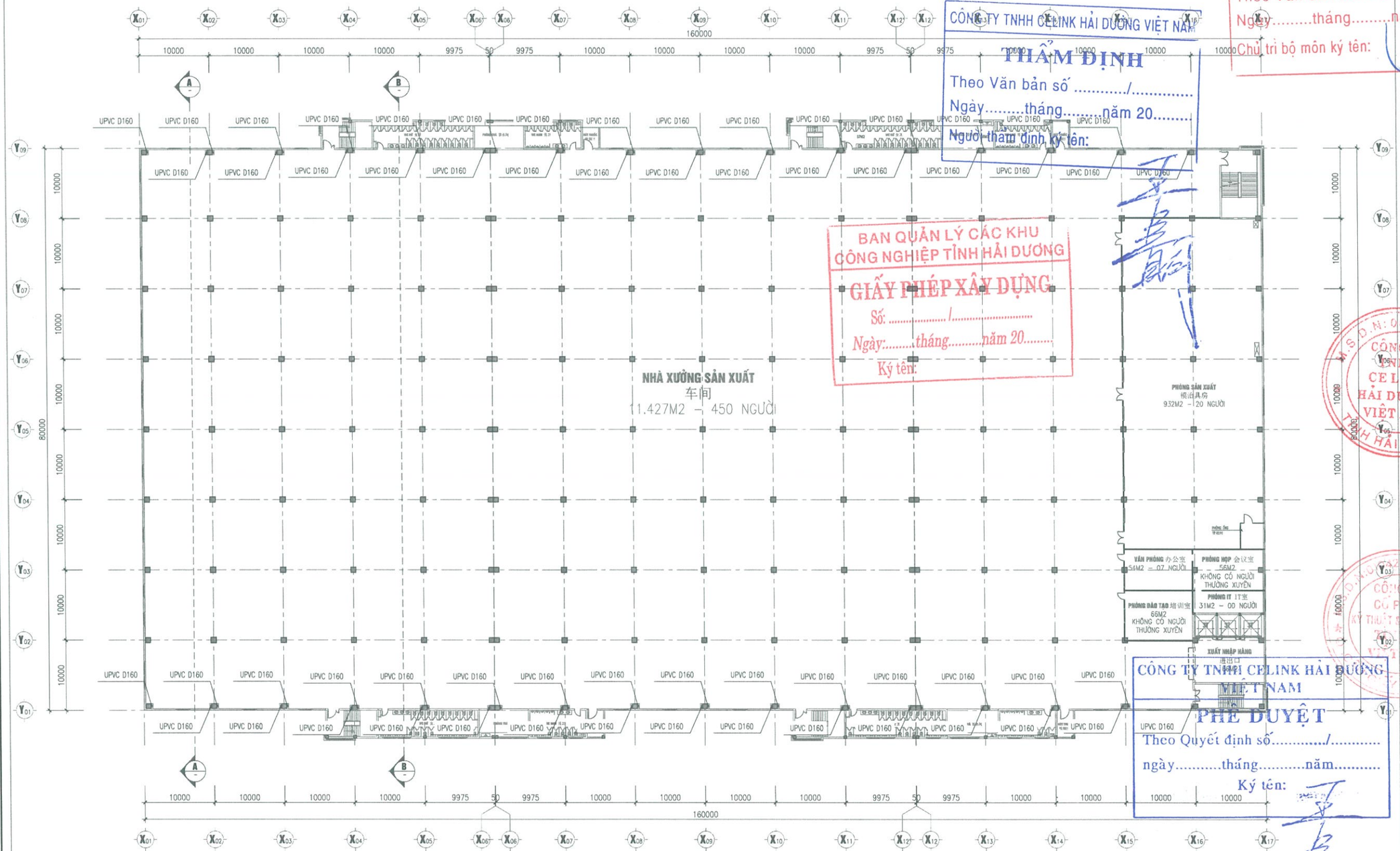

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称:
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址:
LÔ ĐẤT CỤM CN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
海阳省南策县安平社安平1工业区

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询
TOKEN E&C
BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ ĐƯỜNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777
越洲 TOKEN 技术与建筑 (股份公司)
地址：河内市纸桥区村 (学生街村)大团 8 楼
电话：0432 636 777，传真：0432 566 777

PHÓ GIÁM ĐỐC - 总经理
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

CHỦ TRÌ - 设计主持人
KS. LÊ KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - 设计者
KS. TRẦN TIẾN SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

HẠNG MỤC - 项目
NHÀ XƯỞNG SỐ 3

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称:
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI TẦNG 2
2层排水沟平面

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
C.N.02

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số:...../.....

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số:...../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT
车间
10.234M2 - 450 NGƯỜI

456M2 - 20 NGƯỜI

501M2 - 20 NGƯỜI

PHÒNG SẢN XUẤT
喷油房
932M2 - 20 NGƯỜI

VĂN PHÒNG 办公室
54M2 - 07 NGƯỜI

PHÒNG HỌP 会议室
56M2
KHÔNG CÓ NGƯỜI THƯỜNG XUYÊN

PHÒNG ĐÀO TẠO 培训室
66M2
KHÔNG CÓ NGƯỜI THƯỜNG XUYÊN

PHÒNG IT IT室
31M2 - 00 NGƯỜI

XUẤT NHẬP HÀNG
66M2

UPVC D160

160000

10000 10000 10000 10000 9975 50 9975 10000 10000 10000 10000 9975 50 9975 10000 10000 10000 10000

80000

10000

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE-LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
"CE-LINK越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点

LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CN05地块 安发1工业区, 安平社, 南册县, 海阳市, 越南.

CHỦ ĐẦU TƯ - 建设单位

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
TẦNG 8, TÒA NHÀ BAO NÔNG THÔN
PHỐ ĐƯỜNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市桥纸区 炉艺街农村规划大楼 8 楼
电话：0432 636 777; 传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

NHÀ XƯỞNG SỐ 3

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI TẦNG 3

3樓排水沟平面

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.N.03

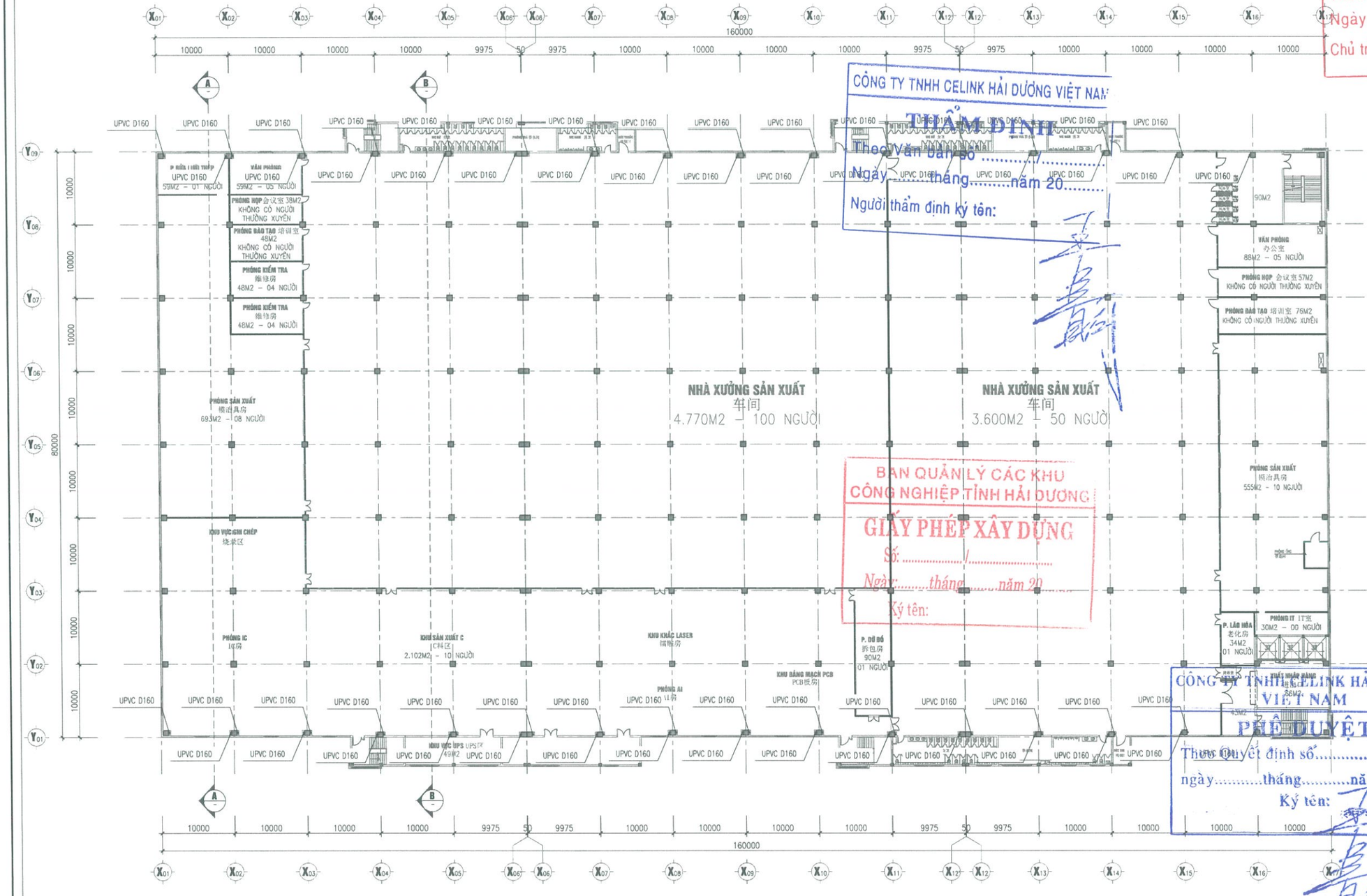

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số .....
Ngày .....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số:...../.....
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số...../.....
ngày.....tháng.....năm.....
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ – 布置图

HIỆU CHỈNH – 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP – 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH – 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG – 地址
KCN CHO ĐẦU AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM.
安阳镇, 安阳工业区, 南平社, 南阳县, 海阳.

CHỦ ĐẦU TƯ – 投资方
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ – 设计咨询
TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777, FAX: 0432 566 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市依城区阳芳乡农村规划大楼 8 楼
电话：0432 636 777，传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC – 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN – 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ – 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ – 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT – 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC – 项目
NHÀ XƯỞNG SỐ 3

TÊN BẢN VẼ – 图纸名称
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI TẦNG 4
4楼排水沟平面

PHIÊN BẢN – 版本	NGÀY – 日	KHỔ GIẤY – 纸张尺寸
		TỶ LỆ – 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ – 图纸标记
C.H.04

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ – 布置图

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số:...../.....

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

673M2 KHÔNG CÓ NGƯỜI THƯỜNG XUYÊN

HIỆU CHỈNH – 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP – 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH – 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海防越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG – 建设地点

LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

CN05地块, 工业区1, 安平1, 南册县, 海阳省, 越南。

CHỦ ĐẦU TƯ – 投资者

CE LINK

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ – 设计咨询

TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: TẦNG 8 TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司

地址：河内市纸区长乔乡农村报社大楼 8 楼

电话：0432 636 777，传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC – 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TẤN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN – 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ – 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ – 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT – 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC – 项目

NHÀ XƯỞNG SỐ 3

TÊN BẢN VẼ – 图纸名称

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XÓI TẦNG ÁP MÁI

阁楼排水沟平面

PHIÊN BẢN – 版本	NGÀY – 日	KHỔ GIẤY – 纸张尺寸
		TỶ LỆ – 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ – 图纸标记

C.H.05

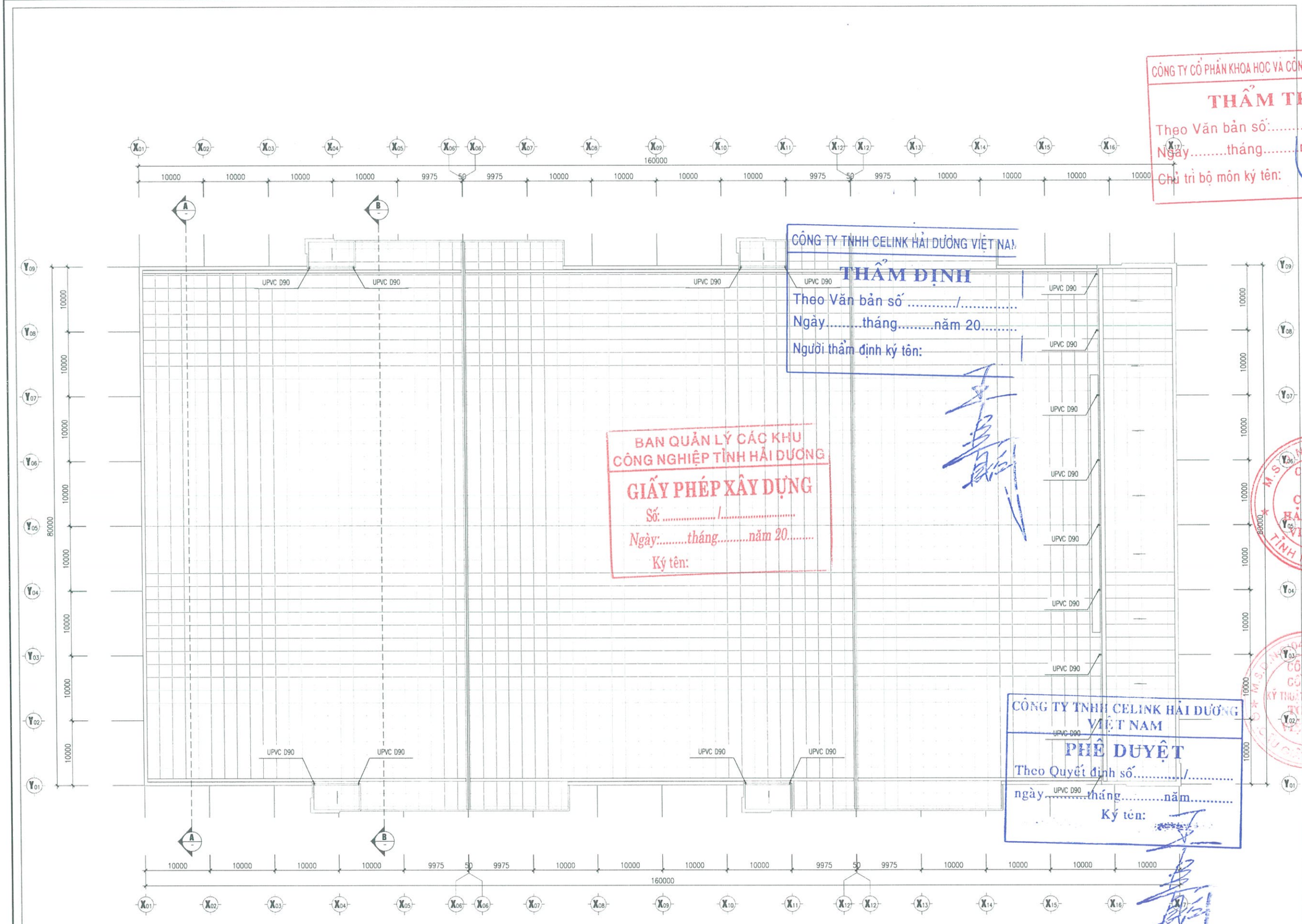

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số:...../.....

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点

LÔ ĐẤT CN5-CN KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

越南海阳省安比县，安发1工业区，南第5-南第5扩，海阳市，越南。

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司

地址：河内市纸区科学艺术技术大楼 8 楼

电话：0432 636 777；传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

NHÀ XƯỞNG SỐ 3

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI TẦNG MÁI

顶楼排水沟平面

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.H.06

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU
CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 1002/CBST
Ngày 10 tháng 02 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

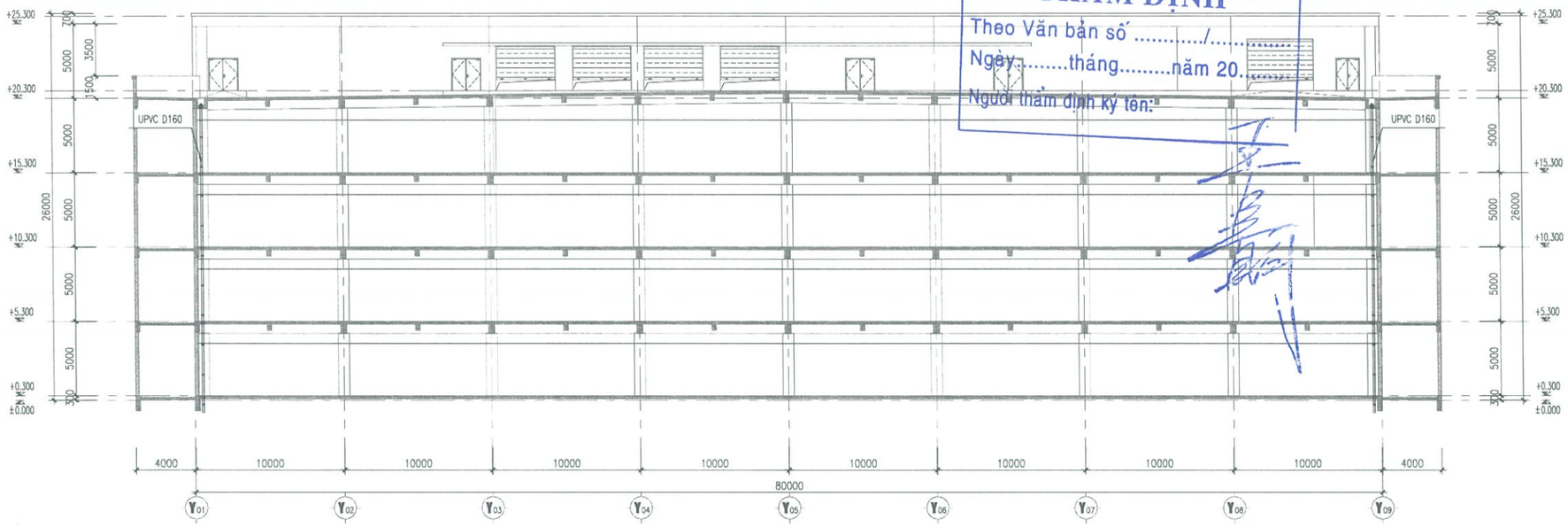

MẶT CẮT B-B
剖面 B-B

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số...../.....
ngày.....tháng.....năm.....
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE-LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点
LÔ CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CN05地块, 安平1工业区, 安平社, 南册县, 海阳省, 越南。

CHỦ ĐẦU TƯ - 业主

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
DỊA CHỈ TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市扬底区裕存农村报社大楼 8 楼
电话：0432 636 777；传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT CẮT BỐ TRÍ ỐNG XÓI
排水渭面圖

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
C.H.07

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

M.S.D.N: 0801394934 CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM TỈNH HẢI DƯƠNG

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

M.S.D.N: 0104297764 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

NHÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT SỐ 12

生活污水处理区12

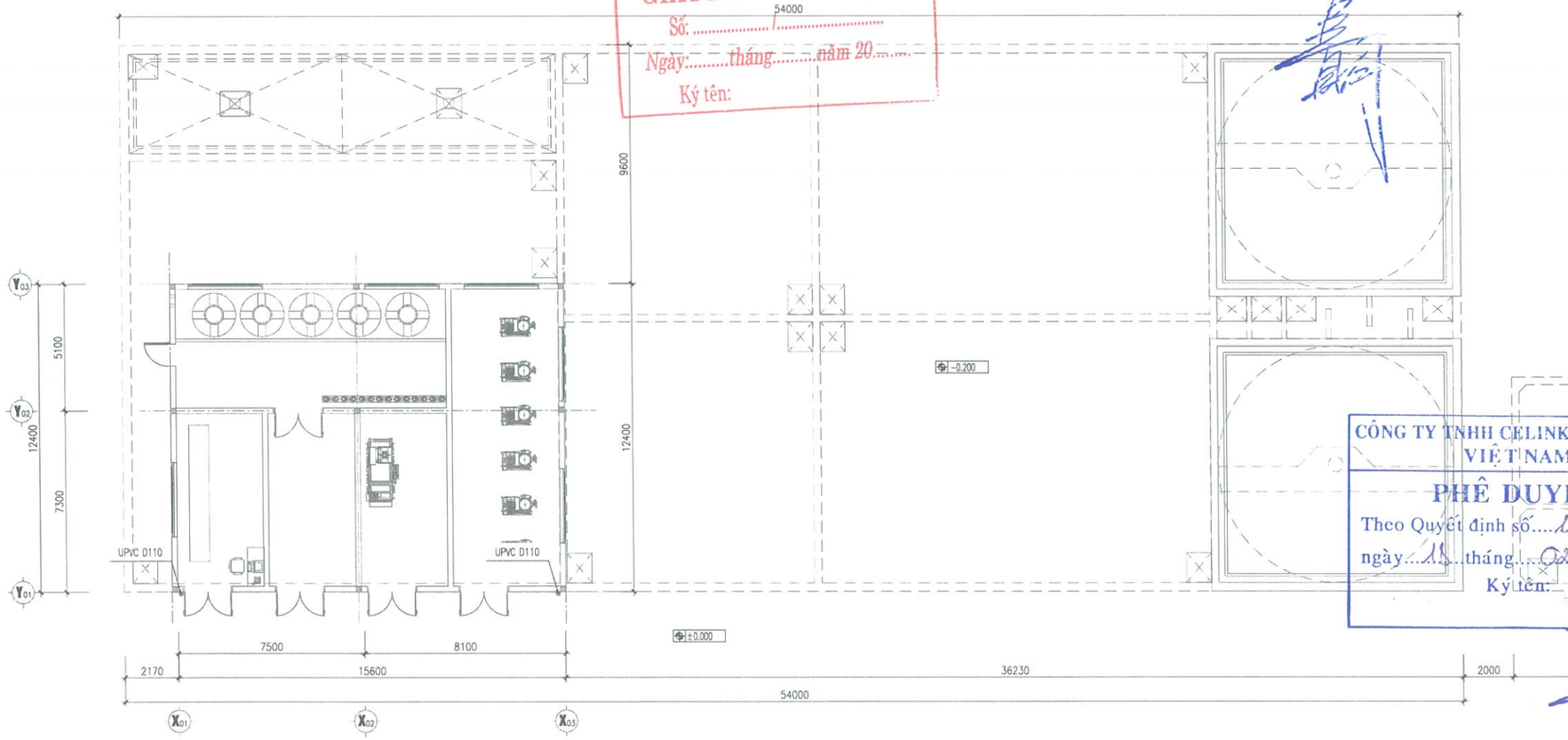

MẶT BẰNG TẦNG 1

一层平面

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...13...1Thẩm Celink

Ngày...18..tháng...02..năm 2025.....

Người thẩm định ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số....13...100...Celink

ngày...18...tháng...02.năm.2025

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

越南CE LINK海阳有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点

LÔ ĐẤT CHỢ KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

安平镇, 安发1工业区3, 安平社, 南册县, 海阳省, 越南。

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资方

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C BETTER THAN BEFORE

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: TẦNG 17 TÒA NHÀ BẢO HỒNG THỊNH PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司

地址：河内市扬廷艺街道保鸿盛村级社大楼 9 楼

电话：0432 636 777，传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	KS. LƯƠNG NGỌC TẤN
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN
CHỦ TRÌ - 设计主持人	KS. LÊ KIM HOÀNG
THIẾT KẾ - 设计者	KS. TRẦN TIẾN SANG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

HẠNG MỤC - 项目

NHÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT SỐ 12

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI

檐排水沟平面

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.L.01

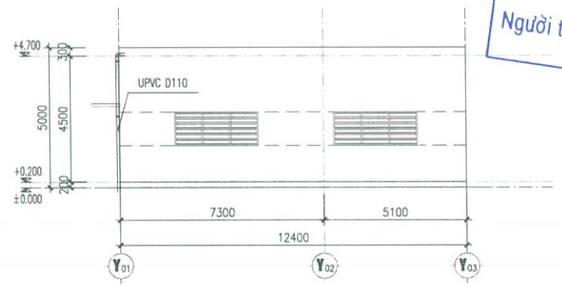

MẶT ĐỨNG TRỤC Y01-Y03

Y01-Y03 立面

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 1002/CBST
Ngày 10 tháng 02 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 13/1.TĐ-Celink
Ngày 18 tháng 02 năm 2025
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số 13/1002-Celink
ngày 18 tháng 02 năm 2025
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点

LÔ CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
工业区AN PHÁT 1, 安平社, 安阳县, 海阳市, 省.

CHỦ ĐẦU TƯ - 业主

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C
BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ TẦNG 8, TÒA NHÀ BẢO HƯNG THỊNH PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
地址：河内市科技区 乔艺街道时报社大楼 8 楼
电话：0432 636 777；传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TẬN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

NHÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT SỐ 12

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT CẮT BỐ TRÍ ỐNG XÓI

排水清淤面图

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.L.02

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 1002/CBST

Ngày 10 tháng 02 năm 2025

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

M.S.D.N: 0801394934 CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM TỈNH HẢI DƯƠNG

M.S.D.N: 0104297764-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOMEN VIỆT NAM CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

CỔNG CHÍNH & PHÒNG BẢO VỆ SỐ 14

正门 & 保安室14号

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU
CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: ...../.....

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

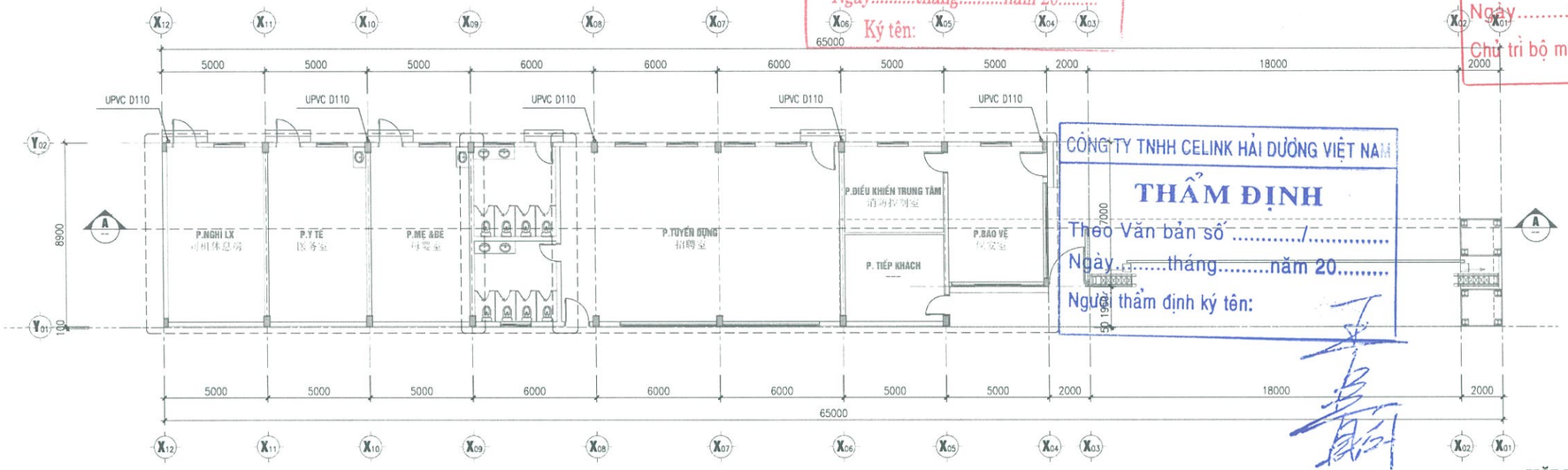

MẶT BẰNG TẦNG 1
一层平面

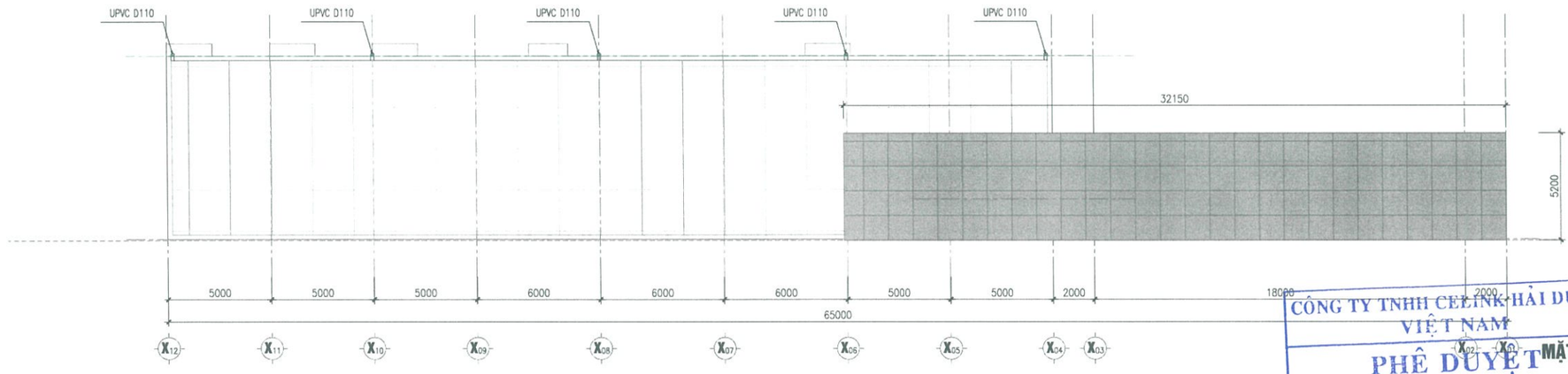

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

MẶT BẰNG MÁI
屋顶平面

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点

LÔ CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
CN05地块, 安平1号工业区, 安平社, 南册县, 海阳省, 越南。

CHỦ ĐẦU TƯ - 建设单位

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C
BETTER THAN BEFORE
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: TẦNG 8, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777; FAX: 0432 566 777
越南TOKEN 技术与建筑股份公司
地址: 河内市扶成区邦艺街道村模社大道 8 楼
电话: 0432 636 777, 传真: 0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

CỔNG CHÍNH & PHÒNG BẢO VỆ SỐ 14

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG XỐI
檐排水沟平面

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.M.01

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 1002.1/CBST

Ngày 10 tháng 02 năm 2025

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

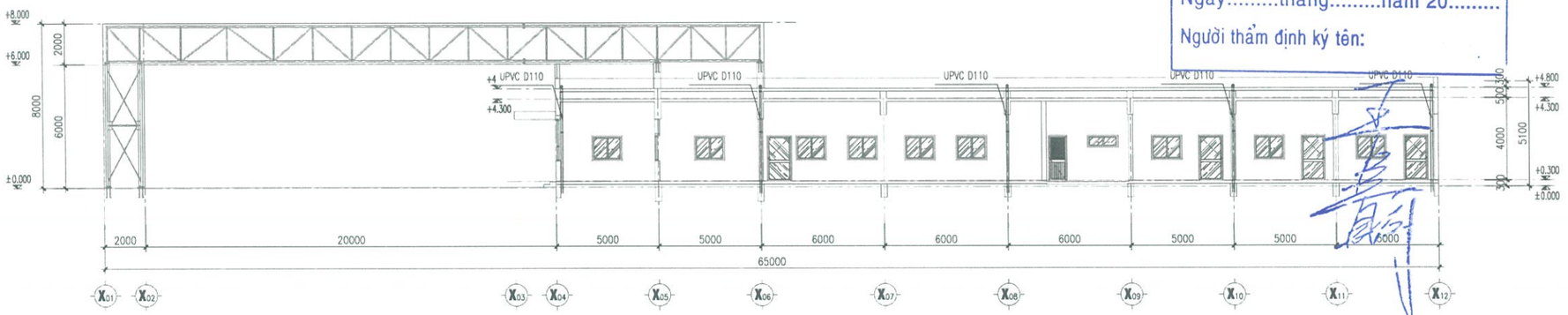

MẶT CẮT A-A

剖面图 A-A

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业注管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE-LINK有限越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 建设地点

LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者

CE-LINK

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TOKEN E&C

GET BETTER THAN BEFORE

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: TẦNG 3, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN, PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777 / FAX: 0432 566 777

越南 TOKEN 技术与建筑股份公司

地址：河内市纸桥区村 阵兰街村村自大楼 3 楼

电话：0432 636 777, 传真：0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
KS. LÊ KIM HOÀNG	
THIẾT KẾ - 设计者	
KS. TRẦN TIẾN SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN	

HẠNG MỤC - 项目

CỔNG CHÍNH & PHÒNG BẢO VỆ SỐ 14

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT CẮT BỐ TRÍ ỐNG XỐI

排水清铺面图

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

C.M.02

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

M.S.D.N: 0801394934 CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM TỈNH HẢI DƯƠNG

M.S.D.N: 0104297764-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM T.P HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số...../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Ký tên:

NHÀ BƠM - BỂ PCCC SỐ 13

消防泵房

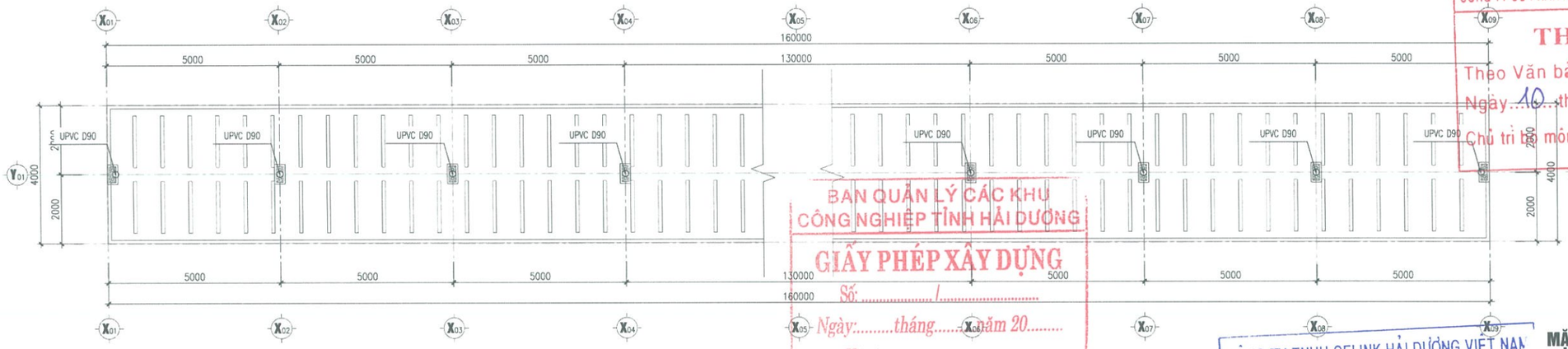

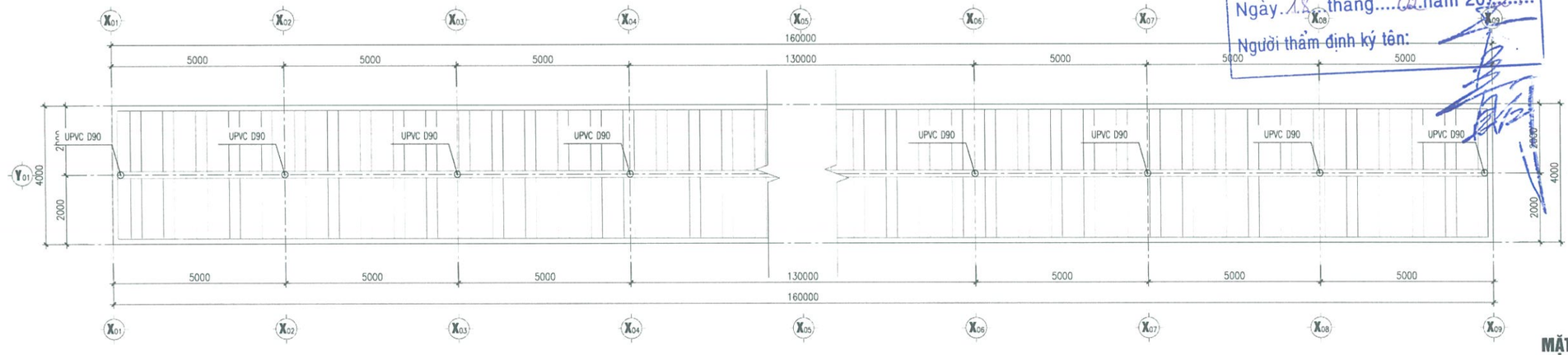

MẶT BẰNG MÁI
屋顶平面

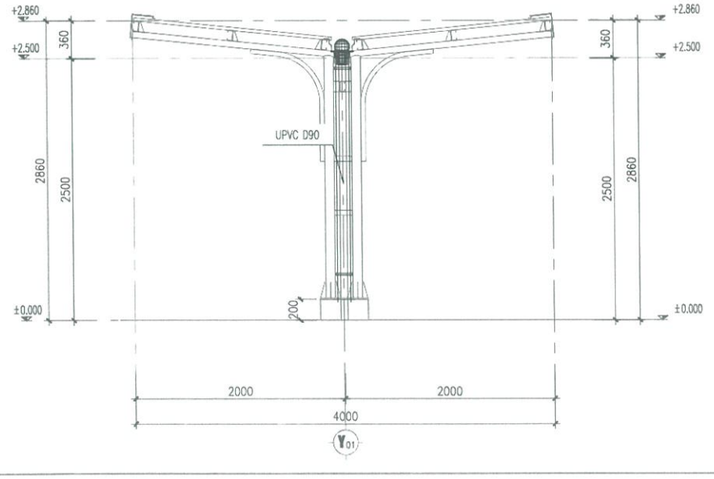

MẶT CẮT
剖面图

MẶT BẰNG
平面

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 1002/CBST
Ngày 10 tháng 02 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 13/CTB-Celink
Ngày 18 tháng 02 năm 2025
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH CELINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số 13/CTB-Celink
ngày 18 tháng 02 năm 2025
Ký tên:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地点
Ô ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN BÌNH, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM.
CN05地块, 安平工业区, 安平县, 海阳市, 越南.

CHỦ ĐẦU TƯ - 业主
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & XÂY DỰNG TOKEN VIỆT NAM
越南 TOKEN 技术与建筑股份公司
ĐỊA CHỈ: SẢNG 6, TÒA NHÀ BÁO NÔNG THÔN, PHỐ DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0432 636 777, FAX: 0432 566 777

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理
KS. LƯƠNG NGỌC TÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

CHỦ TRÌ - 设计主持人
KS. LÊ KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - 设计者
KS. TRẦN TIẾN SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理
KTS. NGUYỄN ANH CHIẾN

HẠNG MỤC - 项目
NHÀ ĐỂ XE MÁY SỐ 11

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG MẶT CẮT ỐNG XỐI
排水溝鋪面圖平面

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
C.0.01

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

DỰ ÁN :	ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
ĐỊA ĐIỂM XD :	LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN PHÚ, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM
CHỦ ĐẦU TƯ :	CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
NHÀ THẦU THI CÔNG :	CÔNG TY TNHH DEXIN

HẢI PHÒNG, THÁNG ..... NĂM 2026

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

DỰ ÁN :	ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
ĐỊA ĐIỂM XD :	LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN PHÚ, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM
CHỦ ĐẦU TƯ :	CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
NHÀ THẦU THI CÔNG :	CÔNG TY TNHH DEXIN

CHỦ ĐẦU TƯ

MSDN:0801394934-C.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN
TANG YAN HONG

NHÀ THẦU THI CÔNG

M.S.D.N: 2300707[illegible] C.T.T.N.H.H
CÔNG TY T.N.H.H DE XIN
TP. BẮC NINH - T. BẮC NINH

GIÁM ĐỐC
YANG AN JUN

HẢI PHÒNG, THÁNG ..... NĂM 2026

STT	SỐ BẢN VẼ	TÊN BẢN VẼ	KHỔ GIẤY
1	HVAC-C2-EA-00	DANH MỤC BẢN VẼ	A3
2	HVAC-C2-EA-01	MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI QUẠT SỐ 01 NHÀ XƯỞNG 2	A3
3	HVAC-C2-EA-02	MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI QUẠT SỐ 02 NHÀ XƯỞNG 2	A3
4	HVAC-C2-EA-03	MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI QUẠT SỐ 03 NHÀ XƯỞNG 2	A3
5	HVAC-C2-EA-04	MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI QUẠT SỐ 03 NHÀ XƯỞNG 2 KHU VỰC X01-X05/Y01-Y04	A3
6	HVAC-C2-EA-05	MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI QUẠT SỐ 03 NHÀ XƯỞNG 2 KHU VỰC X01-X05/Y04-Y08	A3
7	HVAC-C2-EA-06	MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI QUẠT SỐ 03 NHÀ XƯỞNG 2 KHU VỰC X03-X08/Y05-Y09	A3
8	HVAC-C2-EA-07	MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI QUẠT SỐ 03 NHÀ XƯỞNG 2 KHU VỰC X08-X13/Y05-Y09	A3
9	HVAC-C2-EA-08	MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI QUẠT SỐ 03 NHÀ XƯỞNG 2 KHU VỰC X09-X14/Y05-Y09	A3
10	HVAC-C2-EA-09	MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 01	A3
11	HVAC-C2-EA-10	MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 02	A3
12	HVAC-C2-EA-11	MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 03	A3

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày ....tháng.....năm 20....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÃM, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
南越，海阳省，南策县，安林安平与国安社，安定一工业区，CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN- 项目主任

CHỦ TRÌ - 主任主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

DANH MỤC BẢN VẼ

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸型尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C2-EA-00

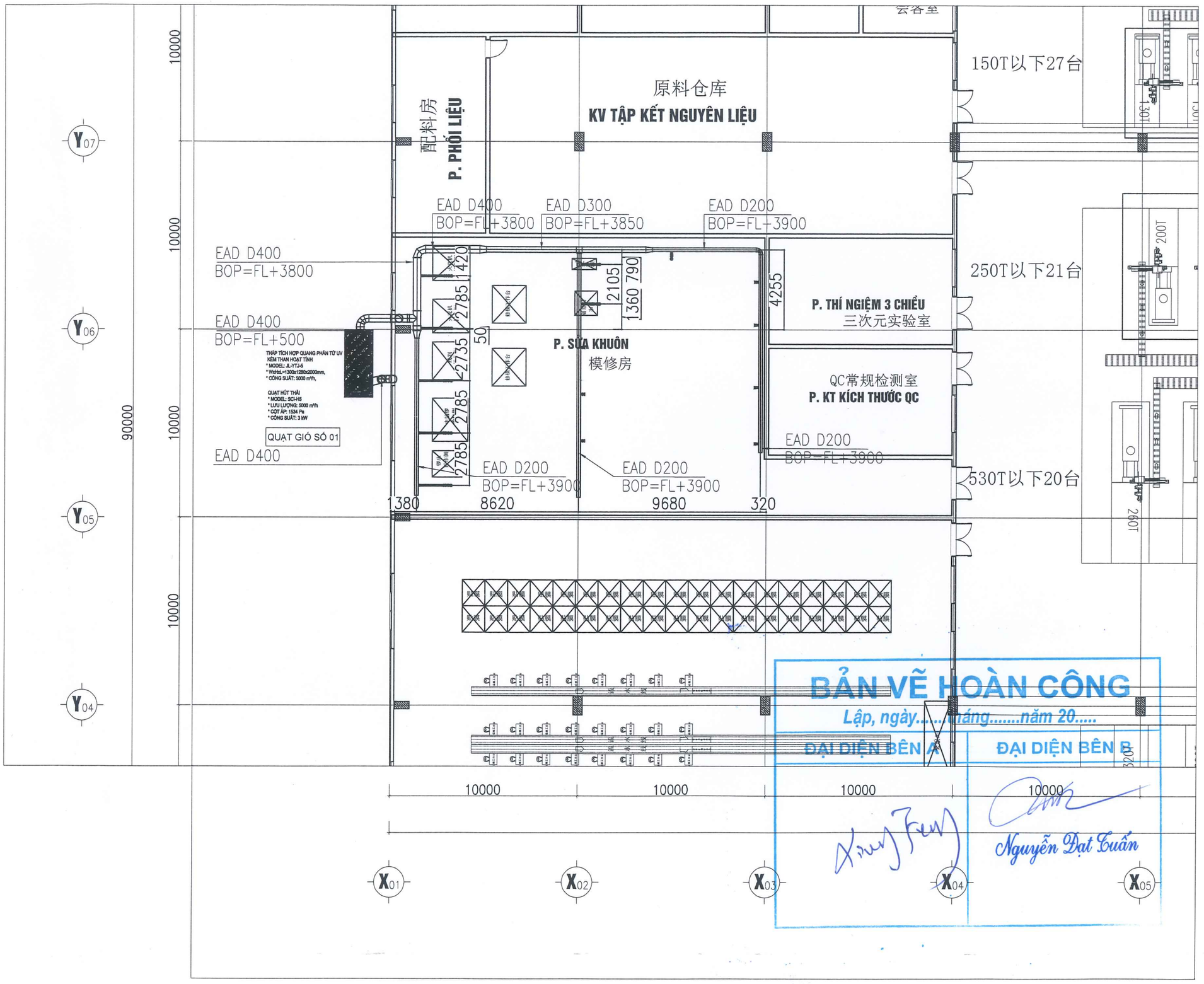

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP- 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH- 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÂM, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
越南, 海阳省, 南策县, 安平与国俊社, 安定一工业区, CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ- 设计单位

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN- 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG HỆ THỐNG
ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI
QUẠT HÚT SỐ 01 NHÀ XƯỞNG 2

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸型尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C2-EA-01

Y05
Y04
Y03
Y02
Y01

EAD D300
BOP=FL+3850
EAD D300
BOP=FL+3850
EAD D400
BOP=FL+3800
EAD D500
BOP=FL+3750
EAD D500
BOP=FL+300
EAD D500
BOP=FL+3750
EAD D300
BOP=FL+3850
EAD D200
BOP=FL+3900

1630
5000 765 4235 5000 765 4235 5765
EAD D300 EAD D200
BOP=FL+3850 BOP=FL+3900
1835 1800 2840
1195 1995
1835 1860 3700
1835 1860 510 595 2590
1410 1860 610 3090
430 1835 1860 1650
3200 1835 1860 1160
1630
10000 10000 10000 10000

THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH
* MODEL: JL-YTJ-10
* WxHxL=1300x1280x2400mm,
* CÔNG SUẤT: 10000 m³/h,

QUẠT HÚT THẢI
* MODEL: SCH-H8.3
* LƯU LƯỢNG: 10000 m³/h
* CỘT ÁP: 2164 Pa
* CÔNG SUẤT: 11 kW

QUẠT GIÓ SỐ 02

PHÒNG GIA CÔNG
加工

320T以下21台
320T
1000T以下17台
1000T
EAD D60
BOP=FL+3970
EAD D150
BOP=FL+3920
EAD D60
BOP=FL+3970
EAD D60
BOP=FL+3970
EAD D150
BOP=FL+3920

P. KHẮC LAZE
镭雕
2270 405
4190
1915 1910 980
P. TẠO LỖ BẰNG VÍT
锣孔
3665 1400 1400 695 1400 3925 1400 1400 1400 1400 2805
1400 1400 705 1400 1400 1400 1400
475 855 435
2290 2200 3690 1345 3690 2200 3255 2200 3690 3670
1630
10000 10000 10000 10000

EAD D200
BOP=FL+3900

QUẠT HÚT THẢI
* MODEL: BCH-H8
* LƯU LƯỢNG: 20000 m³/h
* CỘT ÁP: 2286 Pa
* CÔNG SUẤT: 22 kW

THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH
* MODEL: JL-YTJ-20
* WxHxL=1300x1280x3780mm,
* CÔNG SUẤT: 20000 m³/h,

EAD D150
BOP=FL+3920

X01 X02 X03 X04 X05

HẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....
ĐẠI DIỆN BÊN A
ĐẠI DIỆN BÊN B
Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址
LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN ĐỊNH VÀ AN LÃO, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
[illegible]

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者
CE-LINK
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任
CHỦ TRÌ - 设计主持人
THIẾT KẾ - 设计者
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目
HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG HỆ THỐNG
ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI
QUẠT HÚT SỐ 02 NHÀ XƯỞNG 2

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
HVAC-C2-EA-02

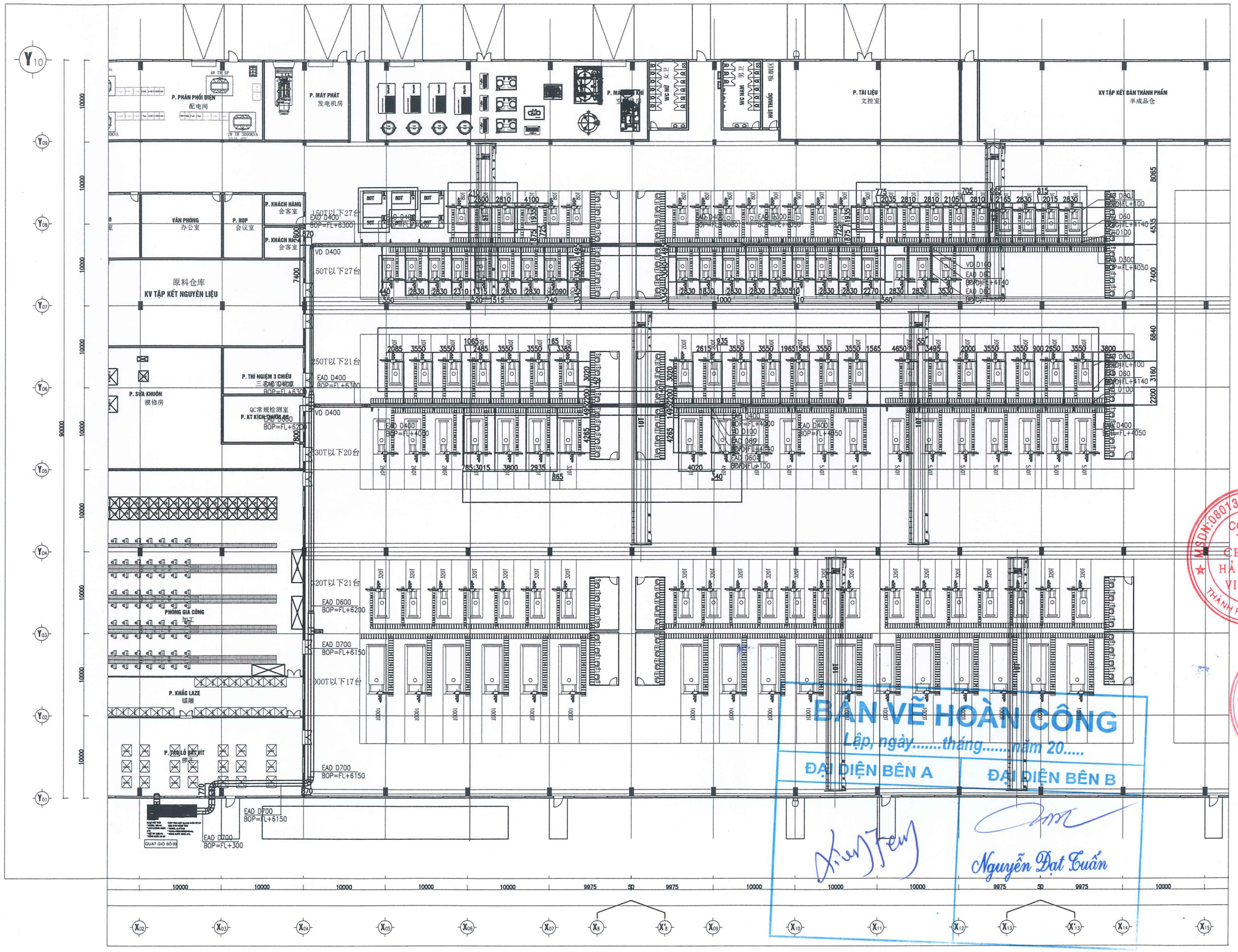

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

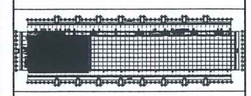

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP- 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH- 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÂM, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

越南, 海阳省, 南策县, 安林安平与国信社, 安定一工业区, CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	DE XIN
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN- 项目主任	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
THIẾT KẾ - 设计者	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI QUẠT HÚT SỐ 03 NHÀ XƯỞNG 2

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C2-EA-03

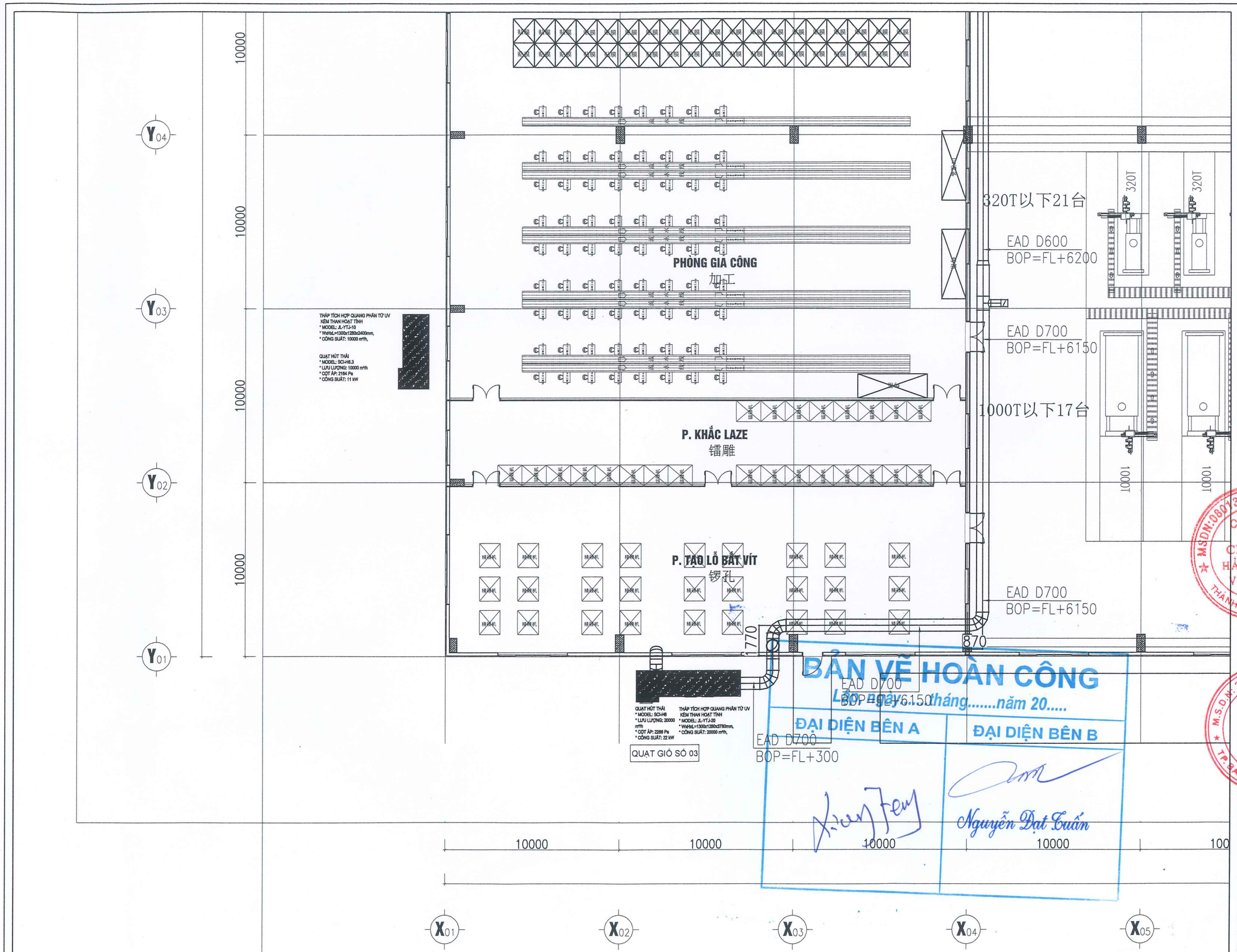

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lắp ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP- 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ ĐẤT CN05-KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÂM, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
越南，海阳省，南策县，安和安平与国俊社，安定一工业区，CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN- 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG HỆ THỐNG
ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI
QUẠT HÚT SỐ 03 NHÀ XƯỞNG 2
KHU VỰC X01-X05/Y01-Y04

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C2-EA-04

P. ĐÀO TẠO
培训室

VĂN PHÒNG
办公室

P. HỌP
会议室

P. KHÁCH HÀNG
会客室

P. KHÁCH HÀNG
会客室

配料房
P. PHỐI LIỆU

原料仓库
KV TẬP KẾT NGUYÊN LIỆU

P. SỬA KHUÔN
模修房

P. THÍ NGHIỆM 3 CHIỀU
三次元实验室

QC常规检测室
P. KT KÍCH THƯỚC QC

THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH
* MODEL: JL-YTJ-6
* WxHxL=1300x1280x2000mm,
* CÔNG SUẤT: 5000 m³/h,

QUẠT HÚT THẢI
* MODEL: SCI-HS
* LƯU LƯỢNG: 5000 m³/h
* CỘT ÁP: 1634 Pa
* CÔNG SUẤT: 3 kW

150T以下27台
EAD D400
BOP=FL+6300

VD D400

150T以下27台

250T以下21台
EAD D400
BOP=FL+6300

VD D400
EAD D400
BOP=FL+6200

530T以下20台

80T
80T
50T
80T
260T
260T

2600
870
7400
440
550
2830
2085
3550
7800

Y08
Y07
Y06
Y05
Y04

90000
10000
10000
10000
10000

X01
X02
X03
X04
X05

10000
10000
10000
10000

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
ngày.....tháng.....năm 20.....
ĐẠI DIỆN BÊN A
ĐẠI DIỆN BÊN B
Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址
LÔ ĐẤT CNG RỌN ÁN PHẬT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÂM, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
越南，海阳省，南策县，安平与国俊社，安定一工业区，CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者
CE-LINK
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE-LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

CÔNG TY T.N.H.H
DE XIN
M.S.D.N: 2301079053 C.T.T.N.H.H
TP. BẮC NINH, T. BẮC NINH

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目
HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG HỆ THỐNG
ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI
QUẠT HÚT SỐ 03 NHÀ XƯỞNG 2
KHU VỰC X01-X05/Y04-Y08

PHIÊN BẢN 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 图纸尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸编号
HVAC-C2-EA-05

Y09
Y08
Y07
Y06
Y05

2# TR 3000KVA
22/0.4KV

P. KHÁCH HÀNG
会客室
P. HỌP
会议室
P. KHÁCH HÀNG
会客室
N LIỆU

150T以下27台
EAD D400
BOP=FL+6300
VD D400
150T以下27台

80T 80T 80T 50T 80T 80T
EAD D400
BOP=FL+4000

5T

P. THÍ NGIỆM 3 CHIỀU
三次元实验室
EAD D400
BOP=FL+6300

QC常规检测室
P. KT KÍCH THƯỚC 8C
EAD D400
BOP=FL+6200

250T以下21台
EAD D400
BOP=FL+6300
VD D400
EAD D400
BOP=FL+4000
30T以下20台

10T 10T 10T

Y09
Y08
Y07
Y06
Y05
10000
10000
10000
90000
775
2035
2810
2810
2105
705
2810
665
2165
2830
815
2015
725
1875
1935
1495
3040
3345
EAD D400
BOP=FL+40000
EAD D300
BOP=FL+40050
VD D160
EAD D60
BOVC)FL+4140
EAD D60
BOVC)FL+4100
2830
1830
2830
2830
2830
510
2830
2830
2270
2830
2830
3530
1000
510
560
2615
935
3550
3550
1965
1585
3550
3550
1565
4650
55
3495
2000
3550
3550
900
2650
3020
1140
1495
2200
4265
EAD D400
BOP=FL+40000
VD D100
EAD D60
BOVC)FL+4140
EAD D60
BOVC)FL+4100
EAD D400
BOP=FL+40050
4020
340
10T
9975
50
9975
10000
10000
10000
9975
50
X8
X'8
X09
X10
X11
X12
X13

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....
ĐẠI DIỆN BÊN A
ĐẠI DIỆN BÊN B
Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址
LÔ ĐẤT CN01 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN CƯ, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
国际，岛屿名，发现名，文件名中与国家比，安全一工业区，CN01地块

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者
CE-LINK
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目
HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG HỆ THỐNG
ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI
QUẠT HÚT SỐ 03 NHÀ XƯỞNG 2
KHU VỰC X08-X13/Y05-Y09

PHIÊN BẢN 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸编号
HVAC-C2-EA-07

Y09
Y08
Y07
Y06
Y05
X09
X10
X11
X12
X13
X'13
X14
10000
10000
10000
90000
8065
4535
7400
6840
3160
2200
775 2035 2810 2810 2105 705 2810 665 2165 2830 815 2015 2830
EAD D400 BOP=FL+4000
EAD D300 BOP=FL+4050
EAD D60 BOVC=FL+100
EAD D60 BOVC=FL+4140
VD D100
EAD D300 BOP=FL+4050
VD D100 EAD D60 BOVC=FL+4140 EAD D60 BOVC=FL+100
1830 2830 2830 2830 510 2830 2830 2270 2830 2830 3530
1000 510 560
2615 935 3550 3550 1965 1585 3550 3550 1565 4650 55 3495 2000 3550 3550 900 2650 3550 3800
EAD D60 BOVC=FL+100
EAD D60 BOVC=FL+4140
VD D100
EAD D400 BOP=FL+4000
VD D100
EAD D60 BOVC=FL+4140
EAD D60 BOVC=FL+100
EAD D400 BOP=FL+4050
EAD D400 BOP=FL+4050
020 340
10000 10000 10000 9975 50 9975 10000
1935 725 1875 57 10T

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20...
ĐẠI DIỆN BÊN A
ĐẠI DIỆN BÊN B
Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP- 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址
LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN SƠN VÀ AN LÃO, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
越南，海阳省，南策县，安孙安平与国俊社，安定一工业区，CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ- 设计咨询

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN- 项目主任
CHỦ TRÌ - 设计主持人
THIẾT KẾ - 设计者
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目
HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI QUẠT HÚT SỐ 03 NHÀ XƯỞNG 2 KHU VỰC X09-X14/Y05-Y09

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
HVAC-C2-EA-08

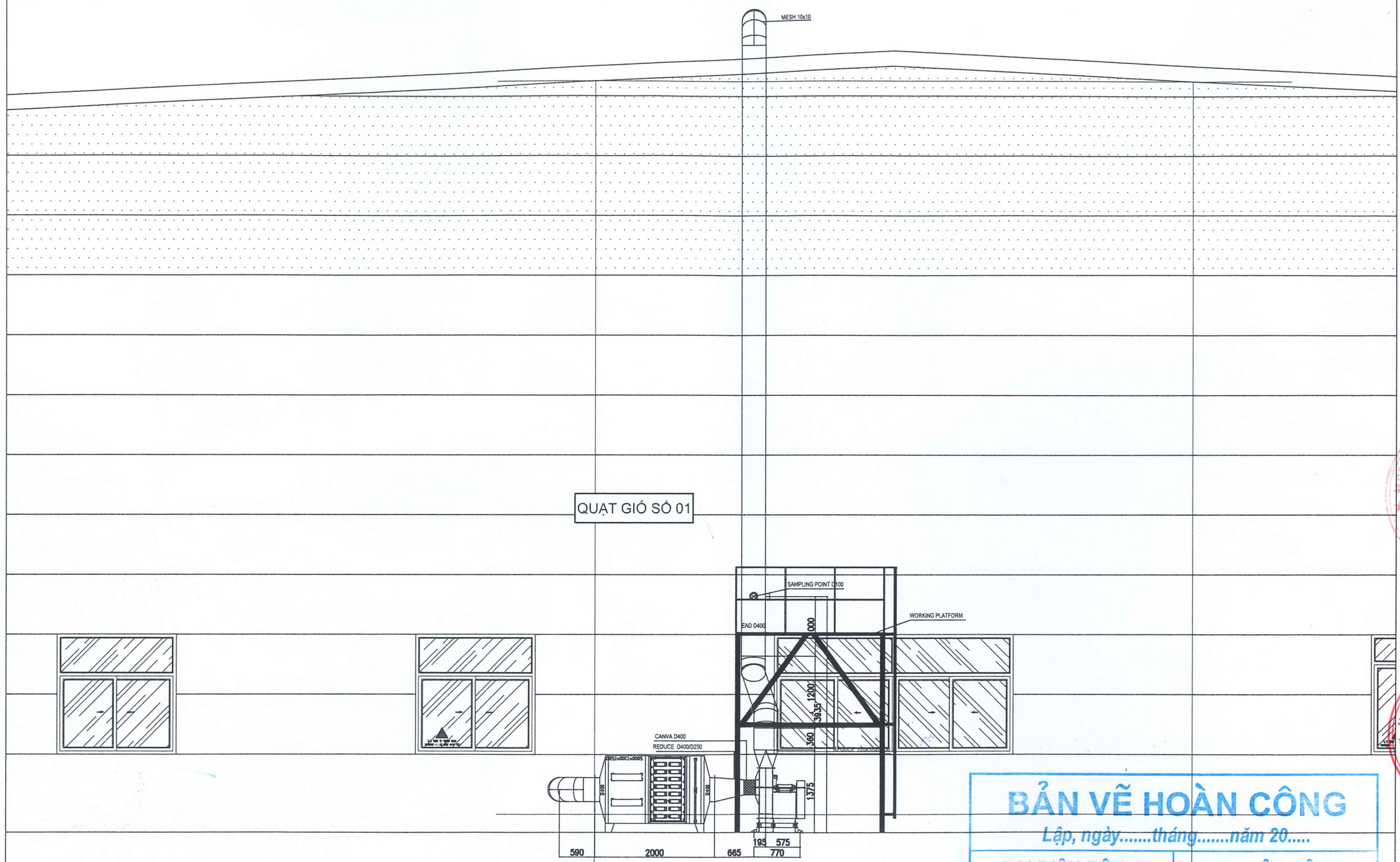

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Xiong Feng	Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 位置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÃM, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
瑞祥、寿增、南洋思、安林等乡镇的1#、安立一工业区、CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ- 设计咨询

CÔNG TY T.N.H.H DE XIN

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN- 项目主任	
CHỦ TRÌ - 设计主标人	
THIẾT KẾ - 设计者	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 01

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 图纸尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C2-EA-09

Y06

Y05

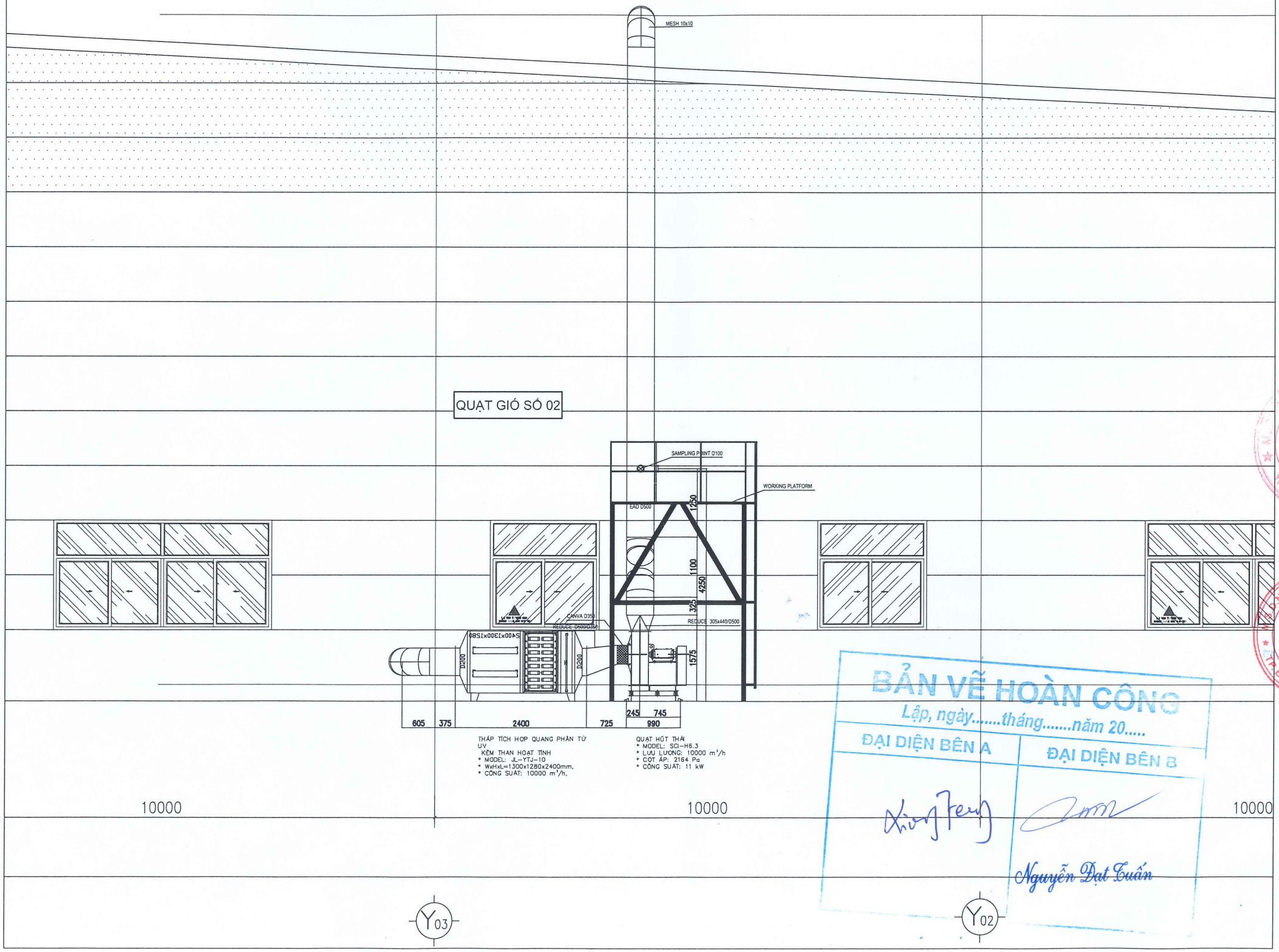

THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỪ UV
KÈM THAN HOẠT TÍNH
* MODEL: JL-YTJ-10
* WxHxL=1300x1280x2400mm,
* CÔNG SUẤT: 10000 m³/h,

QUẠT HÚT THẢI
* MODEL: SCI-H6.3
* LƯU LƯỢNG: 10000 m³/h
* CỘT ÁP: 2164 Pa
* CÔNG SUẤT: 11 kW

Y03

Y02

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 勾置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÃM, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
马陵、海阳市、嘉禾县、安阳王平与国兴村、安乐一工业区、CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ- 设计咨询

CÔNG TY T.N.H.H DE XIN

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主持人

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术评理

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỪ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 02

PHIÊN BẢN 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C2-EA-10

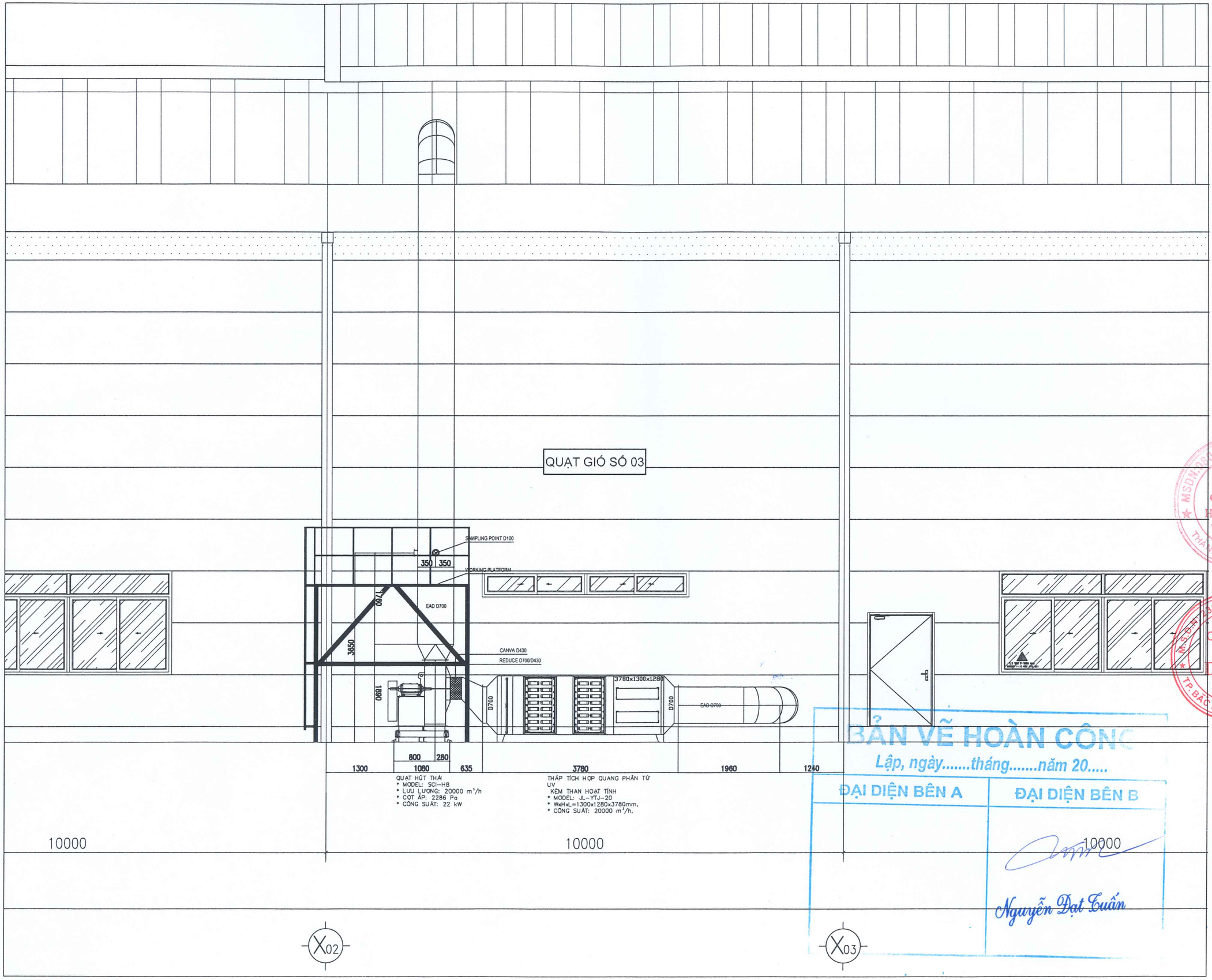

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 位置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	... ...
...	...	... ...
...	...	... ...
...	...	... ...
...	...	... ...
...	...	... ...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÂM, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
马潮，海阳市，海洋县，安株省平与国际中，安定一工业区，CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ-投资者

CE-LINK
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ- 设计咨询

CÔNG TY T.N.H.H DE XIN

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN- 项目主任	
CHỦ TRÌ - 设计主持人	
THIẾT KẾ - 设计者	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Nguyễn Đạt Tuấn

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 03

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C2-EA-11

STT	SỐ BẢN VẼ	TÊN BẢN VẼ	KHỔ GIẤY
1	HVAC-C3-EA-00	DANH MỤC BẢN VẼ	A3
2	HVAC-C3-EA-01	MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI TẦNG 1 NHÀ XƯỞNG 3	A3
3	HVAC-C3-AC-02	MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI TẦNG 2 NHÀ XƯỞNG 3	A3
4	HVAC-C3-AC-03	MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI TẦNG 3 NHÀ XƯỞNG 3	A3
5	HVAC-C3-AC-04	MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI TẦNG 4 NHÀ XƯỞNG 3	A3
6	HVAC-C3-AC-05	MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI TẦNG MÁI NHÀ XƯỞNG 3	A3
7	HVAC-C3-AC-06	TRỤC ĐỨNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI TRỤC Y1 NHÀ XƯỞNG 3	A3
8	HVAC-C3-AC-07	TRỤC ĐỨNG HỆ THỐNG ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI TRỤC Y9 NHÀ XƯỞNG 3	A3
9	HVAC-C3-AC-08	MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 04 (1F-1#)	A3
10	HVAC-C3-AC-09	MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 05 (1F-2#)	A3
11	HVAC-C3-AC-10	MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 06 (1F-3#)	A3
12	HVAC-C3-AC-11	MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 07 (1F-4#)	A3
13	HVAC-C3-AC-12	MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 08 (2F-1#)	A3
14	HVAC-C3-AC-13	MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 09 (2F-2#)	A3
15	HVAC-C3-AC-14	MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 10 (3F-1#)	A3
16	HVAC-C3-AC-15	MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 11 (4F-1#)	A3
17	HVAC-C3-AC-16	MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 12 (4F-2#)	A3
18	HVAC-C3-AC-17	MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 13 (4F-3#)	A3
19	HVAC-C3-AC-18	MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 14 (4F-4#)	A3
20	HVAC-C3-AC-19	MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 15 (4F-5#)	A3

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập ngày...tháng.....năm 20.....
ĐẠI DIỆN BÊN A
ĐẠI DIỆN BÊN B
Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP- 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÂM, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM 海阳、海阳市、南阳县、安林支平与国安社、安定一工业区、CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN- 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

DANH MỤC BẢN VẼ

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸型尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C3-EA-00

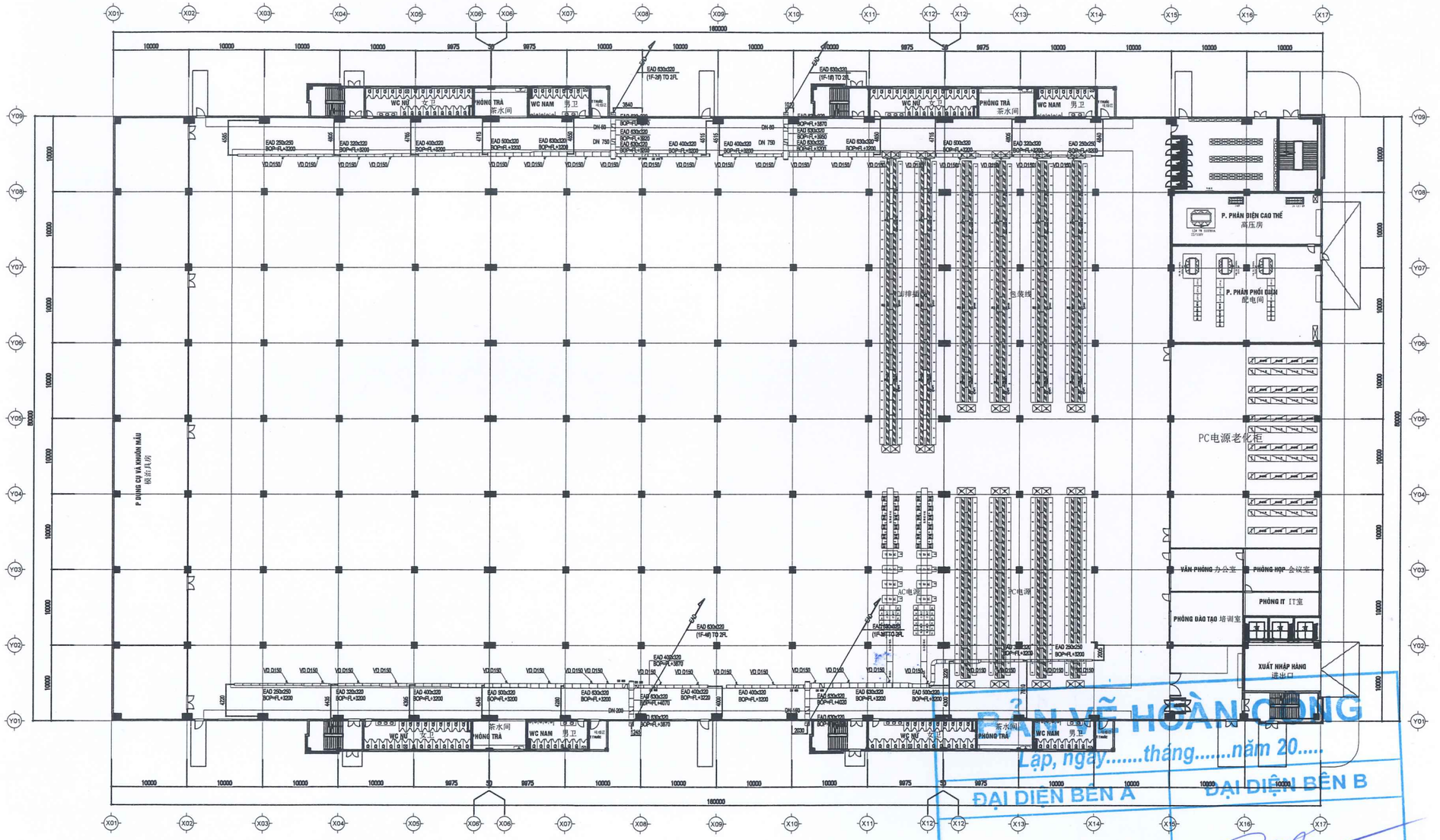

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH - 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址

LÔ D3A1 CNCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÃO, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
- 越南，海阳省，南册县，安和及平与国俊北，安立一工业区，CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM

越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计单位

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG HỆ THỐNG
ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI
TẦNG 1 NHÀ XƯỞNG 3

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C3-EA-01

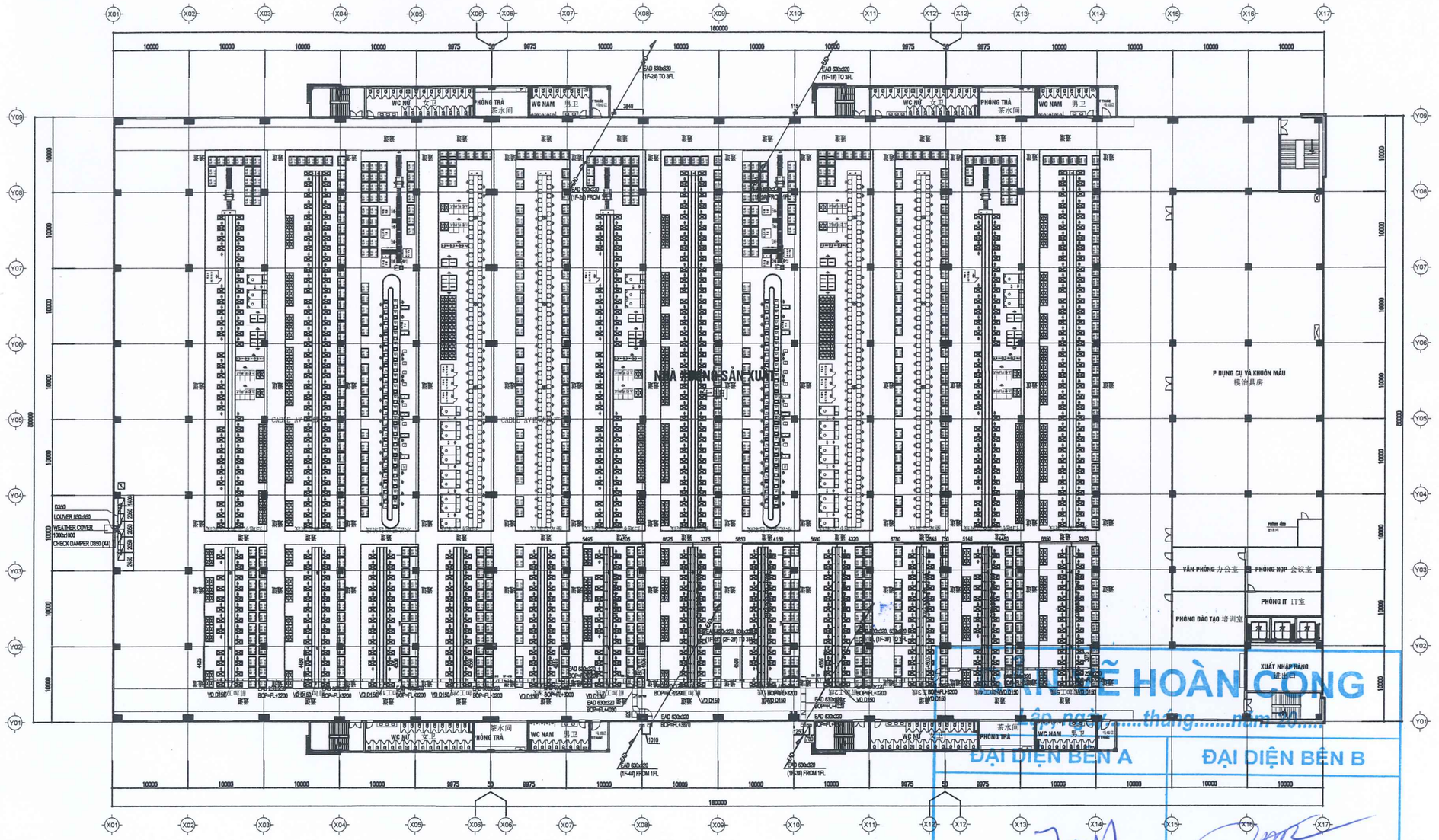

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

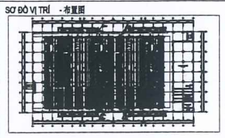

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP- 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ ĐẤT CNG RON AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÂM, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM 越南，海阳省，南策县，安宾和安林县境内，安定一工业区，CNG地块

CHỦ ĐẦU TƯ 投资方

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ- 设计单位

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN- 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG HỆ THỐNG
ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI
TẦNG 2 NHÀ XƯỞNG 3

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C3-EA-02

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Hoàn ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Xiong Feng	Nguyễn Đạt Tuấn

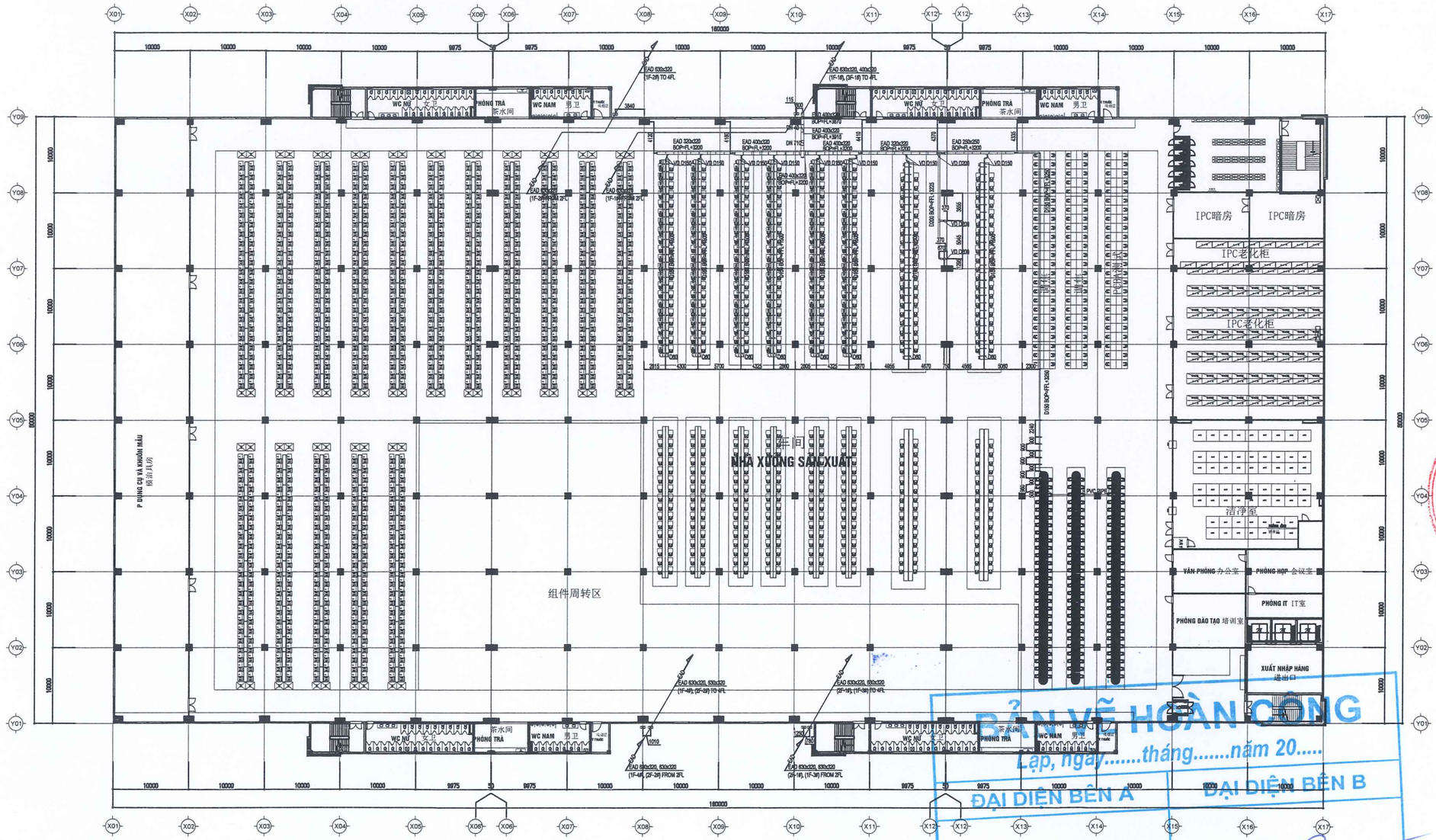

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址

LÔ ĐẤT CN06 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÃO, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
越南，海阳省，南策县，安平与安老乡，安定一工业区，CN06地块

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG HỆ THỐNG
ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI
TẦNG 3 NHÀ XƯỞNG 3

PHIÊN BẢN 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C3-EA-03

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
M.S.D.N: 0801394934 C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - T. HẢI DƯƠNG

CÔNG TY TNHH
M.S.D.N: 2301079053 C.T.T.N.H.H
DE XIN
T.P BẮC NINH - T. BẮC NINH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Nguyễn Đạt Tuấn

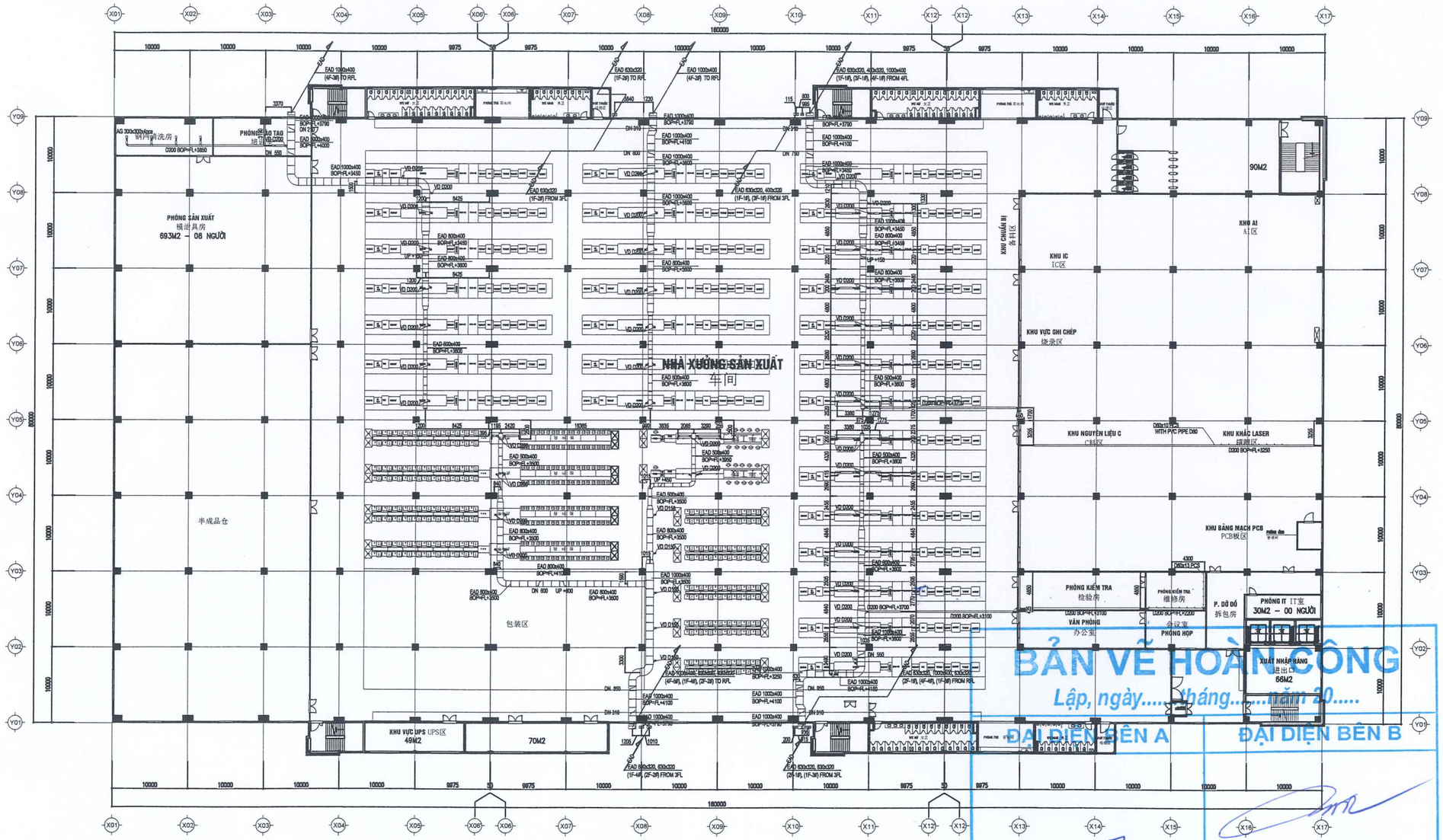

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

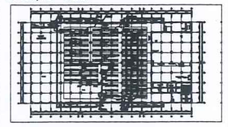

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN ĐỊNH VÀ AN LÃO, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
- 越南，海阳省，南册县，安和及平与国信社，安定一工业区，CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG HỆ THỐNG ÓNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI TẦNG 4 NHÀ XƯỞNG 3

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C3-EA-04

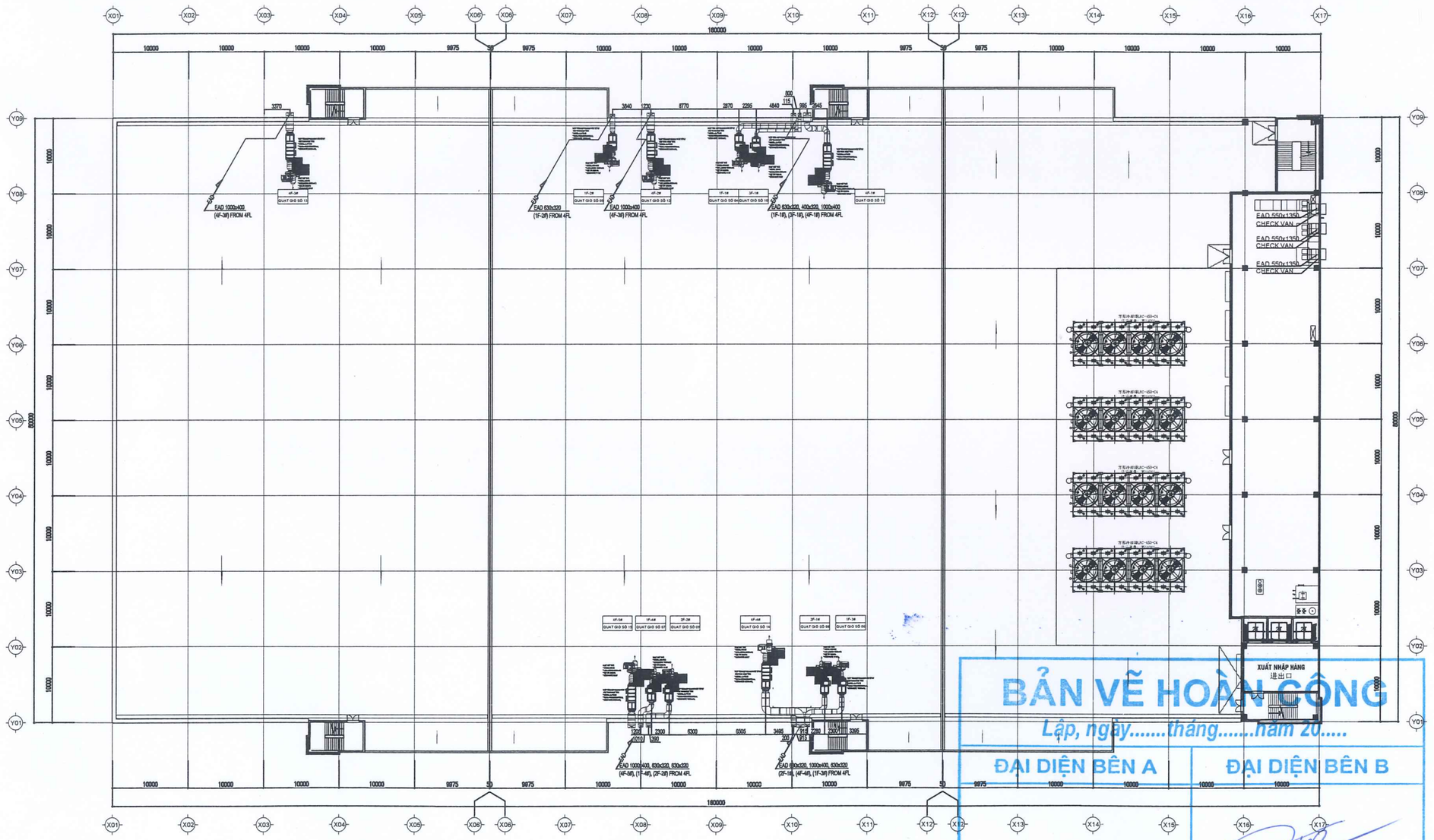

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

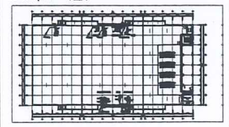

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ ĐẤT CN3-1 KHU AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÂM, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
越南，海阳省，南策县，安祥 安平与国安社，安定一工业区，CN3地块

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN- 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG HỆ THỐNG
ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI
TẦNG MÁI NHÀ XƯỞNG 3

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸型尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C3-EA-05

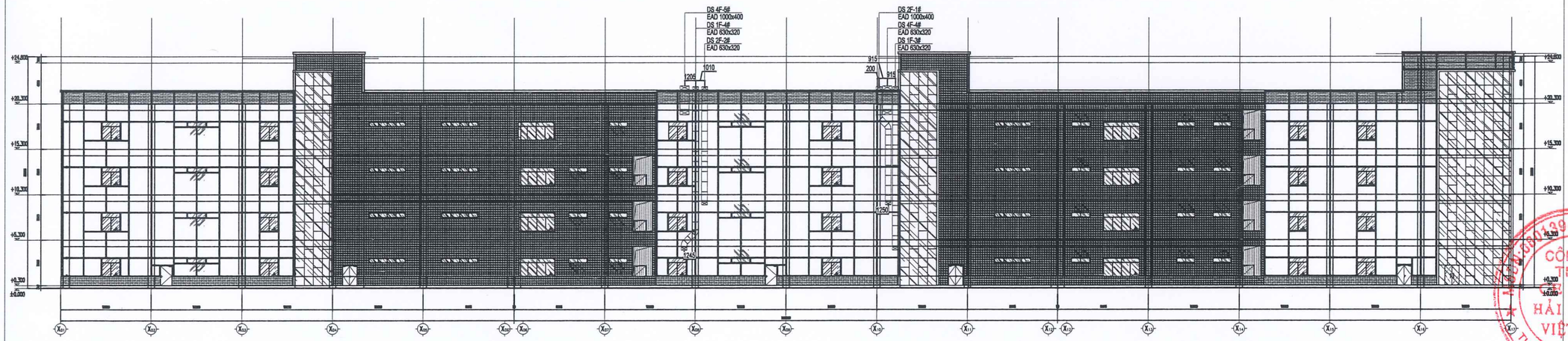

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÂM, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
地块二海阳市，南策县，安林安平与国俊社，安定一工业区，CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资方

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

TRỤC ĐỨNG HỆ THỐNG
ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI
TRỤC Y1 NHÀ XƯỞNG 3

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C3-EA-06

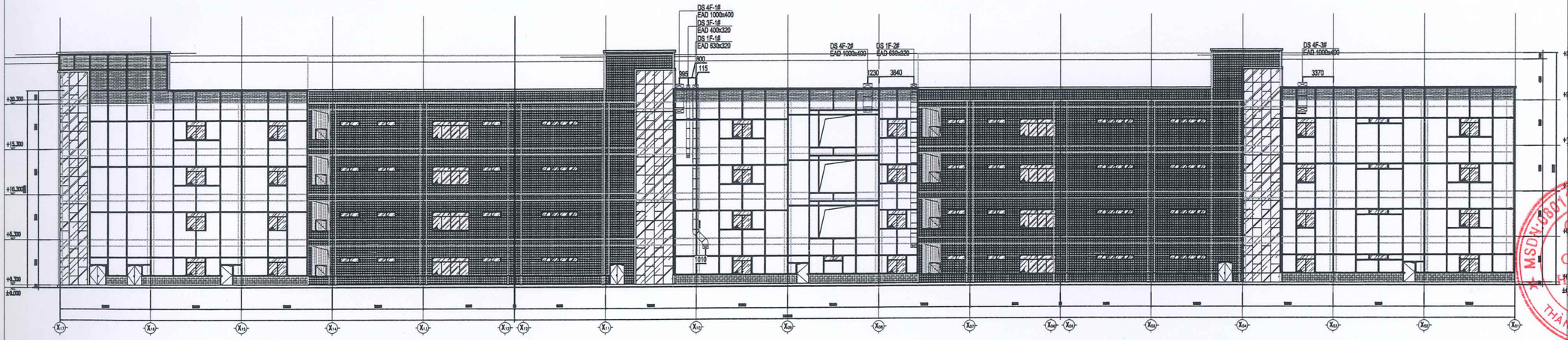

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP- 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ ĐẤT CNGS KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÃO, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
越南，海阳省，南策县，安林安平与安德社，安全一工业区，CNGS地块

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ- 设计咨询

M.S.D.N: 2301079053 CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM THÀNH PHỐ HẢI

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Nguyễn Đạt Tuấn

M.S.D.N: 2301079053 CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM TP. BẮC NINH - T. BẮC NINH

DE XIN

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN- 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT ĐỨNG HỆ THỐNG
ỐNG GIÓ HÚT KHÍ THẢI
TRỤC Y9 NHÀ XƯỞNG 3

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C3-EA-07

Y08

Y09

1F-1#

QUẠT GIÓ SỐ 04

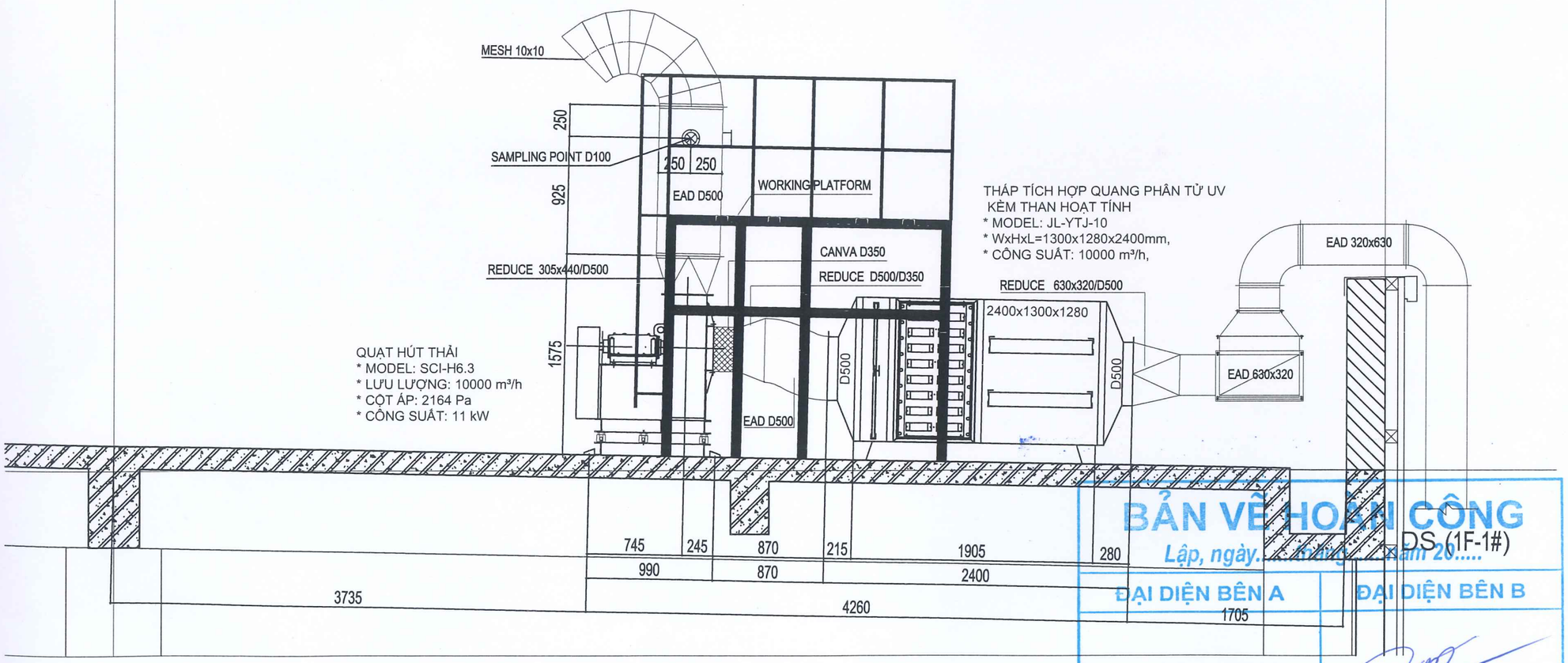

THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV
KÈM THAN HOẠT TÍNH
* MODEL: JL-YTJ-10
* WxHxL=1300x1280x2400mm,
* CÔNG SUẤT: 10000 m³/h,

QUẠT HÚT THẢI
* MODEL: SCI-H6.3
* LƯU LƯỢNG: 10000 m³/h
* CỘT ÁP: 2164 Pa
* CÔNG SUẤT: 11 kW

MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 04 (1F-1#)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG DS (1F-1#)

Lập, ngày... tháng... năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - 地址
LÔ ĐẤT CN03 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÂM, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
越南，海阳省，南册县，安和及平与国俊也，安立一工业区，CN03地块

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目
HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 04 (1F-1#)

PHIÊN BẢN - 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
HVAC-C3-EA-08

Y08

Y09

1F-2#

QUẠT GIÓ SỐ 05

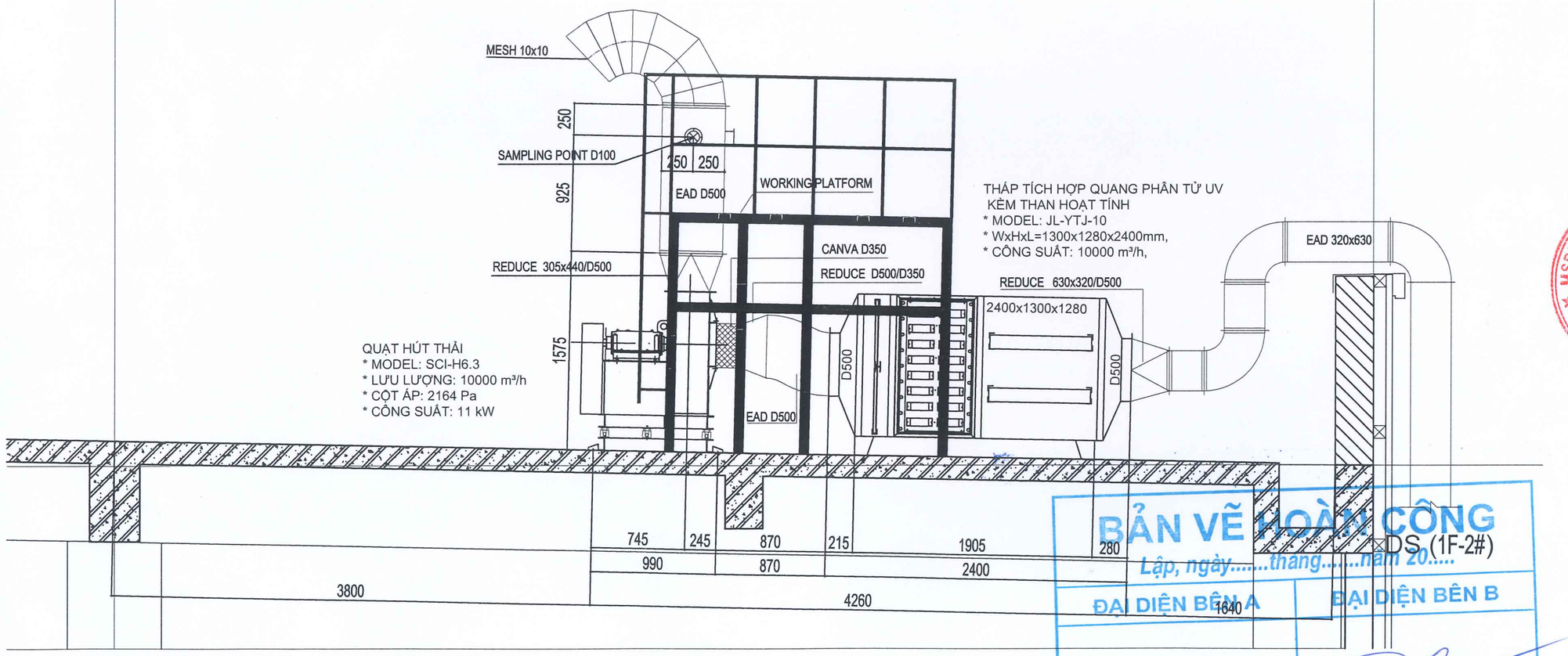

MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 05 (1F-2#)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP- 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH- 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ CÁT CN05 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN SINH VÀ AN GIAO, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
越南，海阳省，南册县，安兴、安平与安俊社、安交一工业区，CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ-业主者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ- 设计单位

CÔNG TY T.N.H.H DE XIN

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN- 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 05 (1F-2#)

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸型尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C3-EA-09

Y01

Y02

1F-3#

QUẠT GIÓ SỐ 06

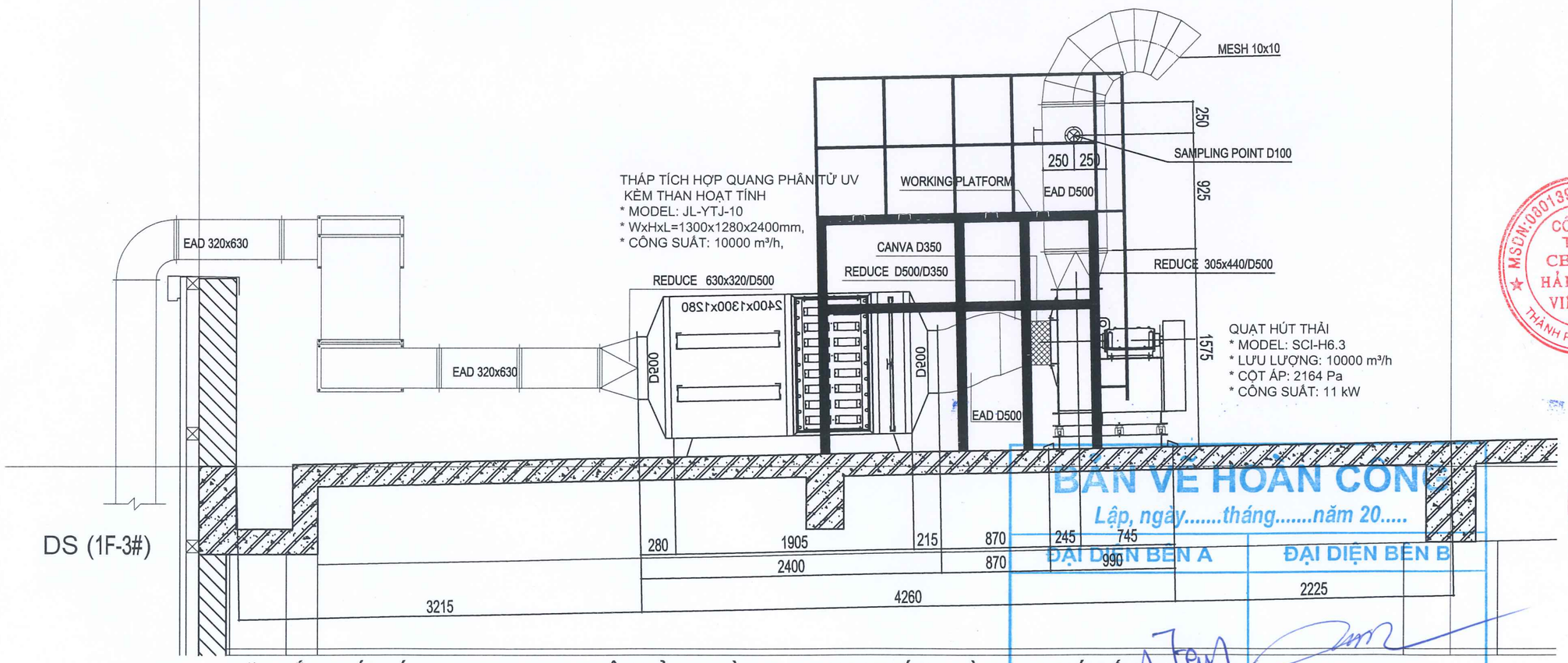

MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 06 (1F-3#)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....
ĐẠI DIỆN BÊN A | ĐẠI DIỆN BÊN B
Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址
LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN ĐỊNH VÀ AN LÃO, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
越南，海阳省，南策县，安祥安平与国俊北，安定一工业区，CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - 设计咨询

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
MSDN: 0801139493 C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

M.S.D.N: 2301079053 C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH
ĐỀ XIN
T. BẮC NINH - T. BẮC NINH

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN- 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目
HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 06 (1F-3#)

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记
HVAC-C3-EA-10

Y01

Y02

1F-4#

QUẠT GIÓ SỐ 07

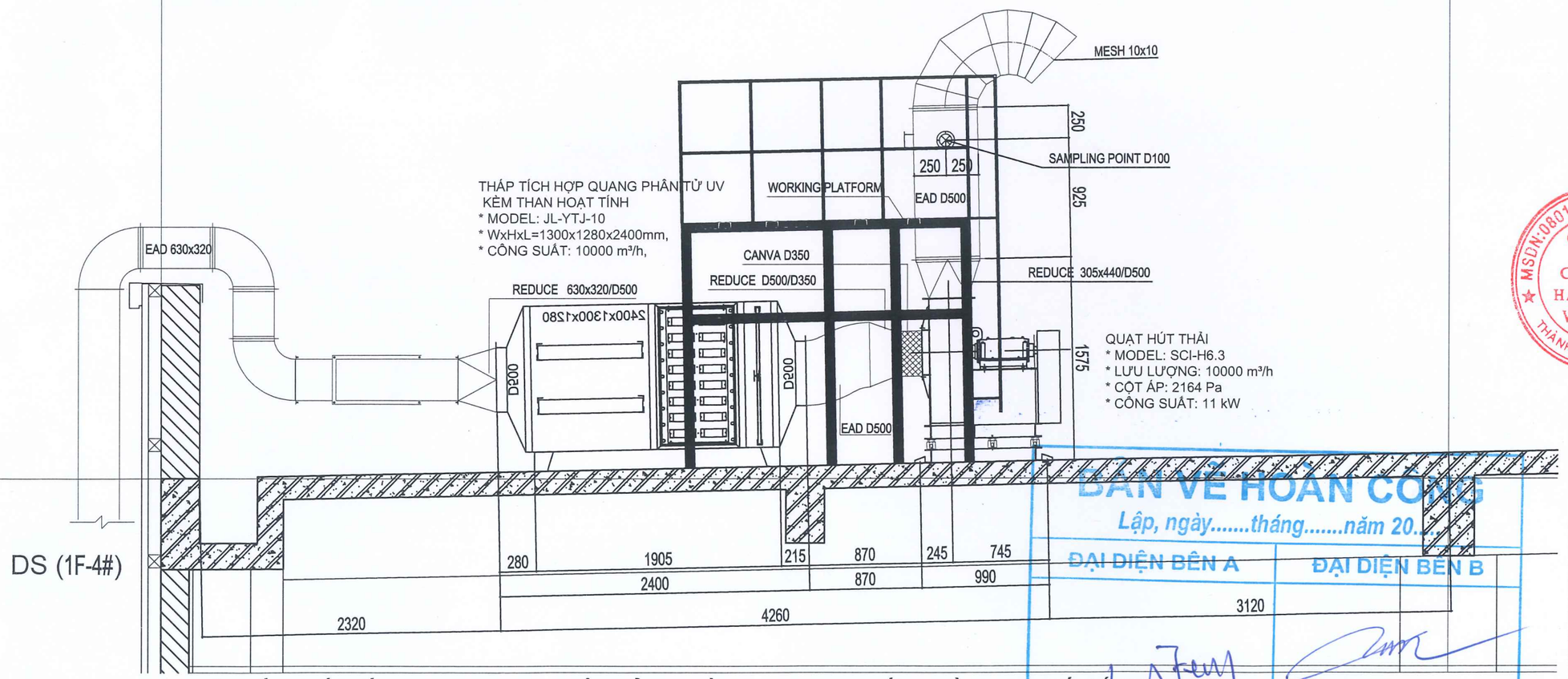

MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 07 (1F-4#)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20...

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP- 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN BÌNH VÀ AN LÂM, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM
越南，海阳省，南策县，安林安平与国俊社，安定一工业区，CN05地块

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ- 设计咨询

CÔNG TY T.N.H.H DỄ XÍN

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN- 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 07 (1F-4#)

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸张尺寸
1		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C3-EA-11

Y01

Y02

2F-1#

QUẠT GIÓ SỐ 08

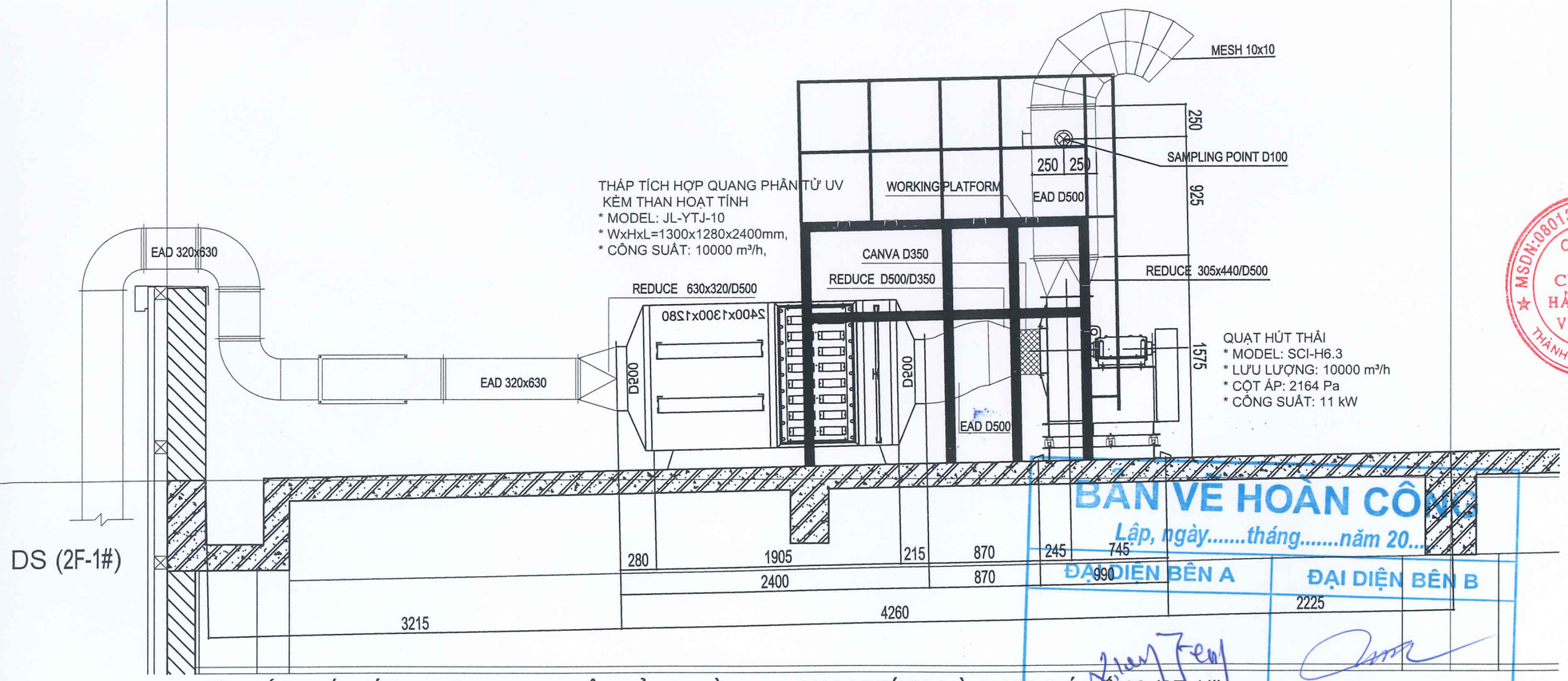

MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 08 (2F-1#)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20...

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Đạt Tuấn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ - 布置图

HIỆU CHỈNH - 更正

NGÀY 日	PHIÊN BẢN 版本	NỘI DUNG 内容
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - 工业区管理局

TÊN CÔNG TRÌNH 工程名称

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CE LINK海阳越南有限公司的投资项目

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG- 地址

LÔ G4T CNGS KCN AN PHÁT 1, THUỘC CÁC XÃ QUỐC TUẤN, AN ĐỊNH VÀ AN LÂM, HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM 加南，原印省，南登县，安新安平与国使社，安定一工业区，CNGS地块

CHỦ ĐẦU TƯ- 业主方

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ- 设计咨询

TỔNG GIÁM ĐỐC - 总经理

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN- 项目主任

CHỦ TRÌ - 设计主持人

THIẾT KẾ - 设计者

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - 技术管理

HẠNG MỤC - 项目

HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT CẮT THÁP TÍCH HỢP QUANG PHÂN TỬ UV KÈM THAN HOẠT TÍNH VÀ QUẠT GIÓ SỐ 08 (2F-1#)

PHIÊN BẢN- 版本	NGÀY - 日	KHỔ GIẤY - 纸型尺寸
		TỶ LỆ - 比例

KÝ HIỆU BẢN VẼ - 图纸标记

HVAC-C3-EA-12

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

DỰ ÁN :	ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
ĐỊA ĐIỂM XD :	LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN PHÚ, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM
CHỦ ĐẦU TƯ :	CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
NHÀ THẦU THI CÔNG :	CÔNG TY TNHH DEXIN

HẢI PHÒNG, THÁNG ..... NĂM 2025

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

DỰ ÁN :	ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
ĐỊA ĐIỂM XD :	LÔ ĐẤT CN05 KCN AN PHÁT 1, XÃ AN PHÚ, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM
CHỦ ĐẦU TƯ :	CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
NHÀ THẦU THI CÔNG :	CÔNG TY TNHH DEXIN

CHỦ ĐẦU TƯ

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN
TANG YAN HONG

NHÀ THẦU THI CÔNG

GIÁM ĐỐC
YANG AN JUN

HẢI PHÒNG, THÁNG ..... NĂM 2025

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Xiang Feng	Ngô Ngọc Vinh

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CÔNG TY T.N.H.H DE XIN

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT 2600m3/ngđ

生活废水处理系统 2600m3/天

DANH MỤC BẢN VẼ
图纸清单

DANH MỤC BẢN VẼ 图纸清单

STT 序号	KÝ HIỆU 象征	TÊN BẢN VẼ	图纸名称	GHI CHÚ 备注
0.TỔNG QUAN 纵观				
1	TQ-0.01	DANH MỤC BẢN VẼ	图纸清单	
2	TQ-0.02	TỔNG QUAN TRẠM XỬ LÝ	废水处理站纵观	
3	TQ-003	TỔNG QUAN TRẠM XỬ LÝ	废水处理站纵观	
4	TQ-004	TỔNG QUAN TRẠM XỬ LÝ	废水处理站纵观	
1.PHẦN KIẾN TRÚC 建筑部分				
5	KT-1.00	PHẦN KIẾN TRÚC	建筑环分	
6	KT-1.01	MẶT BẰNG BỐ TRÍ NẮP THĂM	检查口摆位平面图	
7	KT-1.02	MẶT BẰNG ĐÁY TRẠM XỬ LÝ	废水处理站平面图	
8	KT-1.03	MẶT CẮT 1-1, 2-2, 3-3	1-1, 2-2, 3-3剖面	
9	KT-1.04	MẶT CẮT 4-4,5-5	4,5剖面	
10	KT-1.05	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ LỖ CHỜ X1-X4	廢水處理廠過牆管图 X1-X4	
11	KT-1.06	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ LỖ CHỜ X4-X7	廢水處理廠過牆管图 X4-X7	
12	KT-1.07	DANH SÁCH LỖ CHỜ	预留孔清单	
2.0 PHẦN CÔNG NGHỆ 工艺部分				
13	CN-2.0.0	PHẦN CÔNG NGHỆ	工艺部分	
14	CN-2.0.1	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ	工艺流程图	
15	CN-2.0.2	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	污水处理站定位平面图	
16	CN-2.0.3	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ MẶT BỂ + COS 0.2M	COS +0.2M 表面设备摆位平面图	
17	CN-2.0.4	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ MẶT BỂ COS -4.4M	COS -4.4M 表面设备摆位平面图	
18	CN-2.0.5	3D TỔNG ĐƯỜNG ỐNG	污水管道3D	
19	CN-2.0.6	MẶT BẰNG TỔNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ COS -1.0M ĐẾN + COS 3.0M	管网平面图	
20	CN-2.0.7	MẶT BẰNG TỔNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ COS -4.4M ĐẾN COS -1.0M	管网平面图	
2.1 ĐƯỜNG NƯỚC THẢI 污水管道				
22	CN-2.1.00	ĐƯỜNG NƯỚC THẢI	污水管道	
23	CN-2.1.01	3D ĐƯỜNG NƯỚC THẢI	污水管道3D	
24	CN-2.1.02	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC THẢI	污水管道平面图	
25	CN-2.1.03	MẶT CẮT	剖面图	
26	CN-2.1.04	CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM BỂ GOM	泵池安装细节	
27	CN-2.1.05	ĐƯỜNG BƠM BỂ ĐIỀU HÒA	空调泵管道	
28	CN-2.1.06	ĐƯỜNG BƠM NỘI TUẦN HOÀN	内循环泵管路	
29	CN-2.1.07	KHUNG ĐỠ GIÁ THỂ SỢI	生物挂绳架	
2.2 ĐƯỜNG BÙN THẢI 污泥管道				
30	CN-2.2.00	ĐƯỜNG BÙN	污泥管道	
31	CN-2.2.01	3D ĐƯỜNG BÙN	3D污泥管道	
32	CN-2.2.02	MẶT BẰNG ĐƯỜNG BÙN	污泥管道平面图	
33	CN-2.2.03	MẶT CẮT	剖面图	
34	CN-2.2.04	BƠM HỒI LƯU BÙN & BƠM XẢ BÙN DƯ	泥浆回流泵 & 去除多余污泥泵	
35	CN-2.2.05	CHI TIẾT MÁY ÉP BÙN	污泥机械安装详情	
2.3 ĐƯỜNG CẤP KHÍ 配气管道				
36	CN-2.3.00	ĐƯỜNG CẤP KHÍ	配气管道	
37	CN-2.3.01	3D ĐƯỜNG KHÍ	3D配气管道	
38	CN-2.3.02	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ TỪ COS -1.0M ĐẾN + COS 3.0M	配气管道平面图	
39	CN-2.3.03	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ TỪ COS -4.4M ĐẾN COS -1.0M	配气管道平面图	
40	CN-2.3.04	MẶT CẮT	剖面图	
41	CN-2.3.05	CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY THỔI KHÍ	鼓风机安装详情	
2.4 ĐƯỜNG HÓA CHẤT 化工管道				
42	CN-2.4.00	ĐƯỜNG HÓA CHẤT	化工管道	
43	CN-2.4.01	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG HOÁ CHẤT	化工管道平面图	
44	CN-2.4.02	MẶT CẮT	剖面图	
45	CN-2.4.03	CHI TIẾT BỒN HOÁ CHẤT 1/2	化学品储罐详情 1/2	
46	CN-2.4.04	CHI TIẾT BỒN HOÁ CHẤT 2/2	化学品储罐详情 2/2	
2.5 PHẦN ĐIỆN 电气部分				
47	CN-2.5.00	PHẦN ĐIỆN	电气环分	
48	CN-2.5.01	MÁNG CÁP 3D	桥架3D	
49	CN-2.5.02	MÁNG CÁP ĐIỆN	桥架3D	
50	CN-2.5.03	MẶT BẰNG MÁNG CÁP ĐIỆN	桥架平面图	
51	CN-2.5.04	MẶT CẮT	剖面图	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ -图纸名称
DANH MỤC BẢN VẼ
图纸清单

CÔNG TRÌNH - 项目
CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程
CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :
Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1, xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商
CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Kinh Lễ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG
CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH
THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG
THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG
日期 :
页 : SC: A3
KÝ HIỆU: TQ-0.01

TỔNG QUAN TRẠM XỬ LÝ
废水处理站纵观

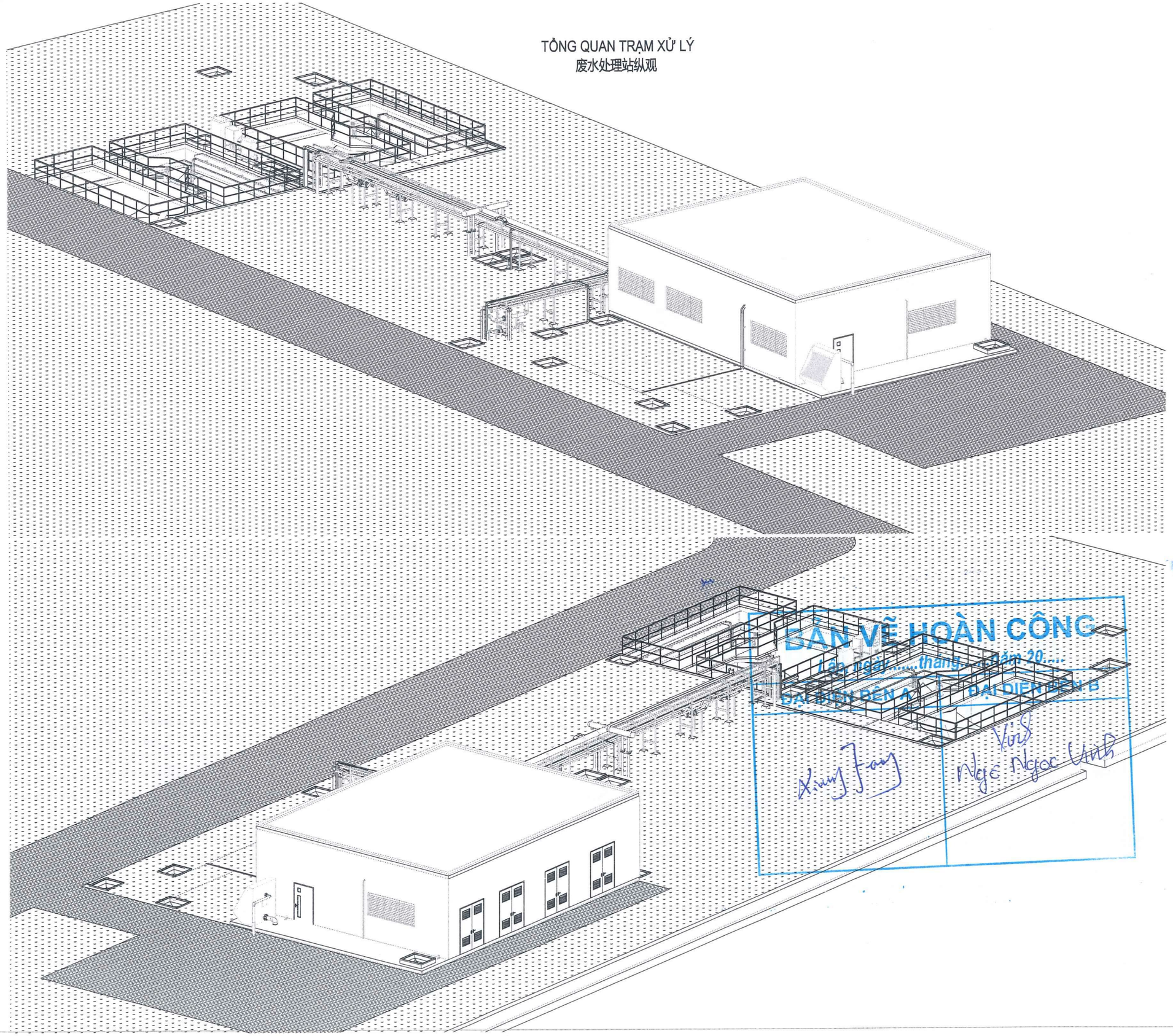

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập ngày.....tháng.....năm 20....
ĐẠI DIỆN BÊN A
ĐẠI DIỆN BÊN B

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

TỔNG QUAN TRẠM XỬ LÝ
废水处理站纵观

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP Và THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG XỬ LÝ NướC THảI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ-投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Kinh Lễ ,Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 :	SC:	A3
KÝ HIỆU:	TQ-0.02	

TỔNG QUAN TRẠM XỬ LÝ
废水处理站纵观

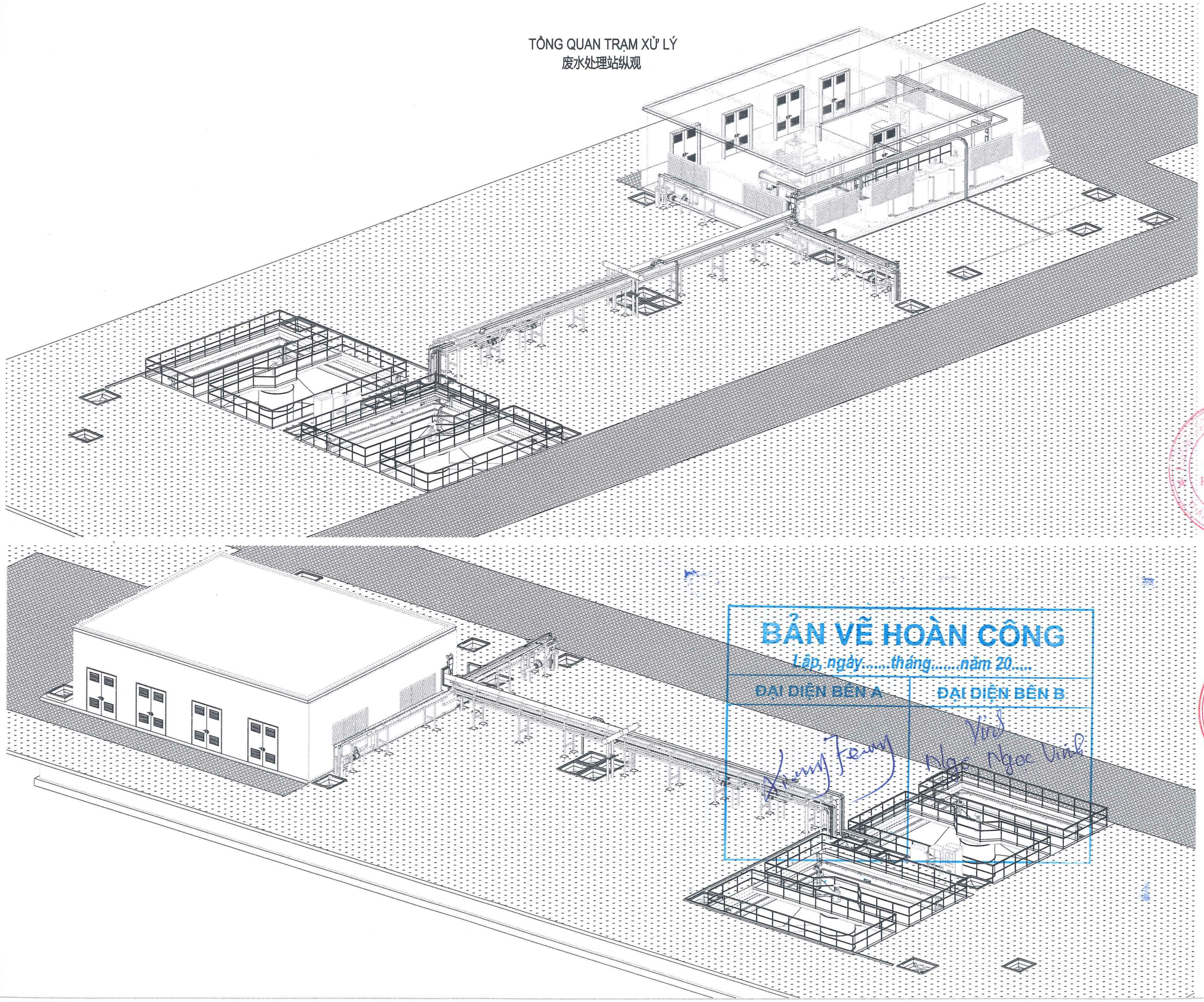

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

TỔNG QUAN TRẠM XỬ LÝ
废水处理站纵观

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP Và THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地点 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ ,Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 :	SC:	A3
KÝ HIỆU:	TQ-003	

TỔNG QUAN TRẠM XỬ LÝ
废水处理站纵观

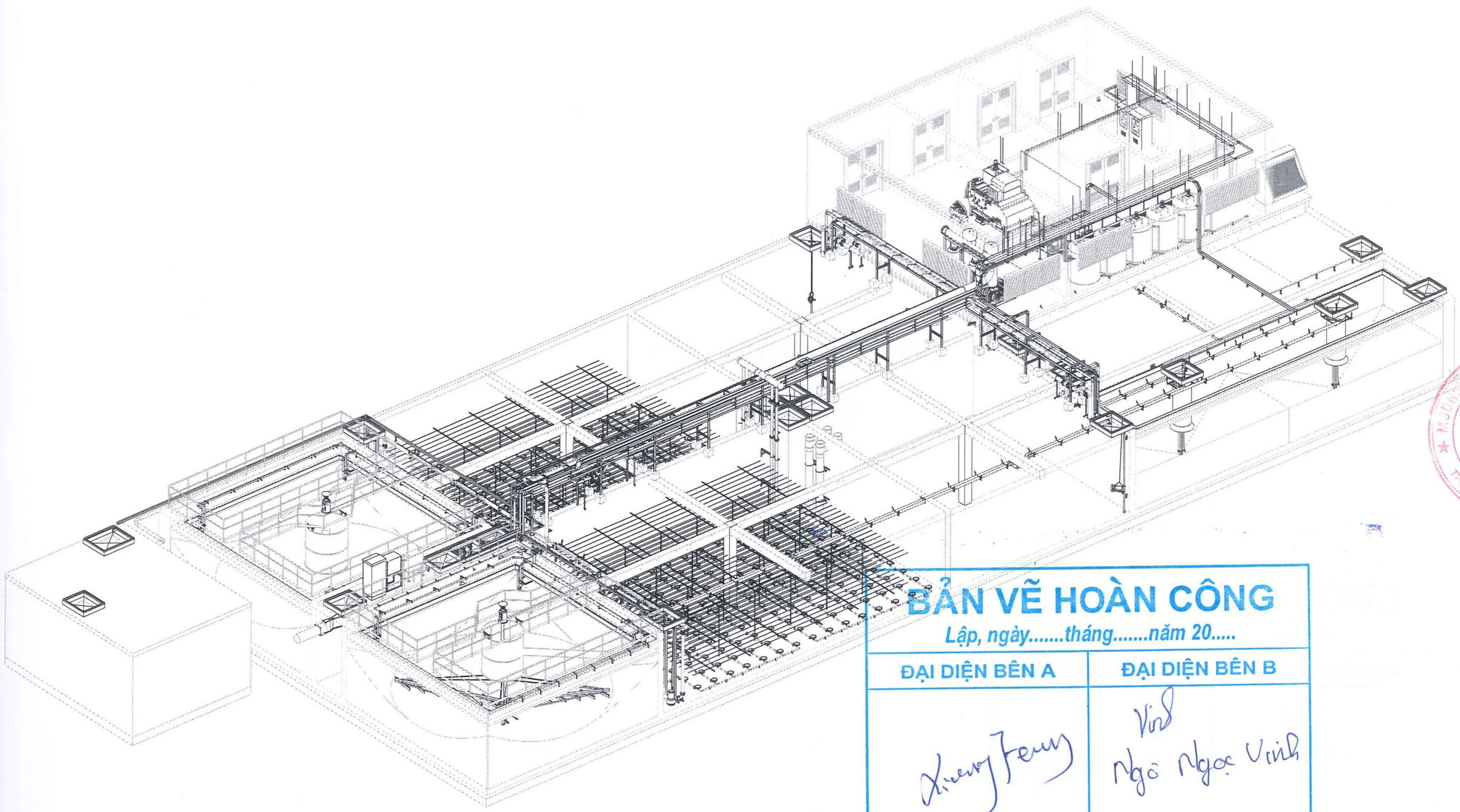

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Ngô Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

TỔNG QUAN TRẠM XỬ LÝ
废水处理站纵观

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP Và THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG XỬ Lý NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khai Lỗ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 :	SC:	A3
KÝ HIỆU:	TQ-004	

PHẦN KIẾN TRÚC

建筑环分

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Ngô Ngọc Vinh

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

M.S.D.N: 2301079053 CÔNG TY T.N.H.H DE XIN TP. BẮC NINH - T. BẮC NINH

PHẦN KIẾN TRÚC建筑环分

MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY XỬ LÝ
检查处理站平面图

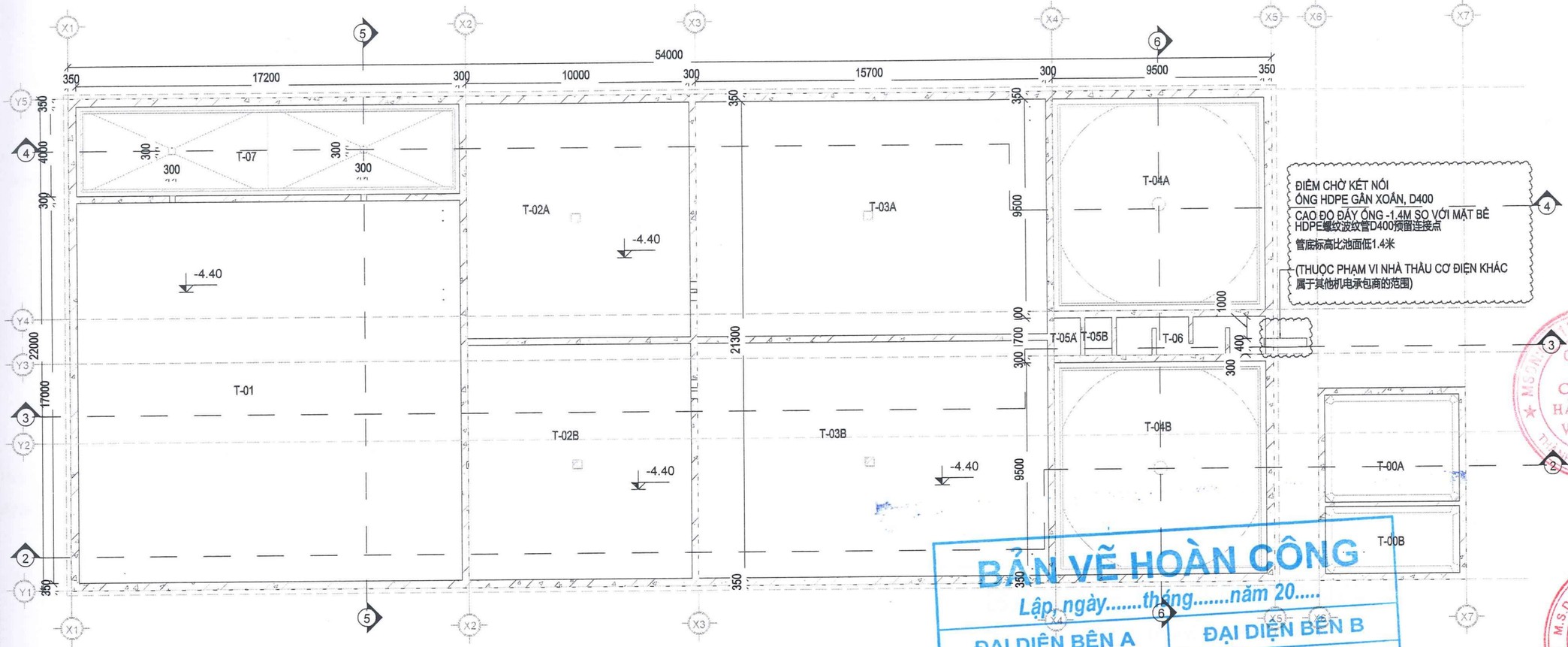

GHI CHÚ/ 备注:

T-00A/B: BỂ GOM/ 废水集水池
T-01 : BỂ ĐIỀU HÒA/ 调节池
T-02A/B: BỂ THIẾU KHÍ/ 和缺氧池
T-03A/B: BỂ HIẾU KHÍ/ 曝气池
T-04A/B: BỂ LẮNG/ 沉淀池
T-05A/B: BỂ THU BÙN BỂ LẮNG/ 污泥收集池
T-06 : BỂ KHỬ TRÙNG/ 消毒池
T-07 : BỂ CHỨA BÙN/ 污泥池

GHI CHÚ/ 备注:

Các hạng mục cầu thang, lan can, mái che, bệ thiết bị là hạng mục thuộc xây dựng
所有楼梯，栏杆，屋顶及设备支撑台归于建造项目

- Cos ±0.0 = Cao độ mặt cỏ hoàn thiện/ 草坪完成标高

- Cos -0.2 = Cao độ mặt bể/ 池面标高

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Xiong Feng	Ngo Ngoc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY XỬ LÝ
检查处理站平面图

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP và THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

KHÁCH HÀNG - 客户

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地点 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 :	SC: Asindicated	A3
KÝ HIỆU:	KT-1.02	

PHẦN KIẾN TRÚC建筑环分

MẶT CẮT 1-1, 2-2, 3-3
1-1, 2-2, 3-3剖面

MẶT CẮT 1-1
1-1剖面图

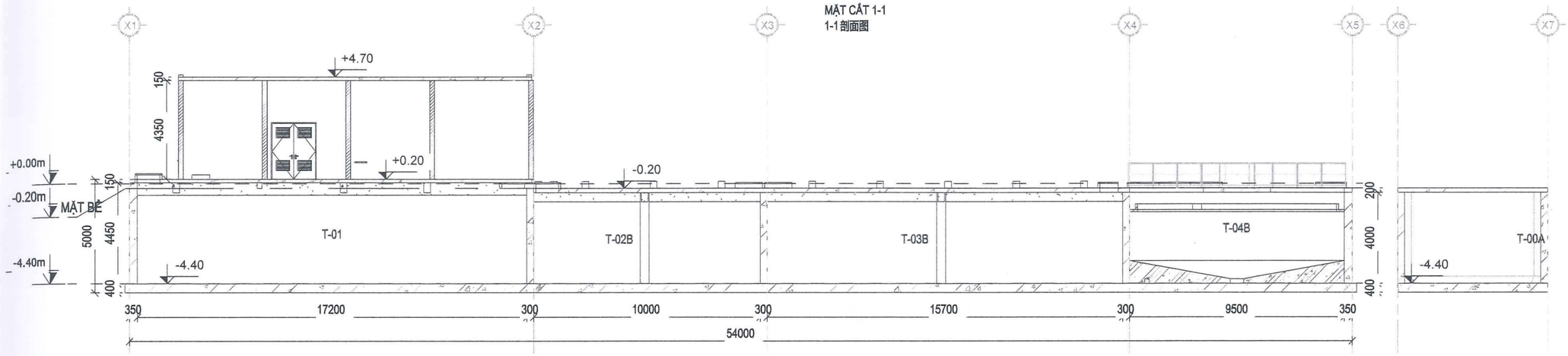

MẶT CẮT 2-2
2-2剖面图

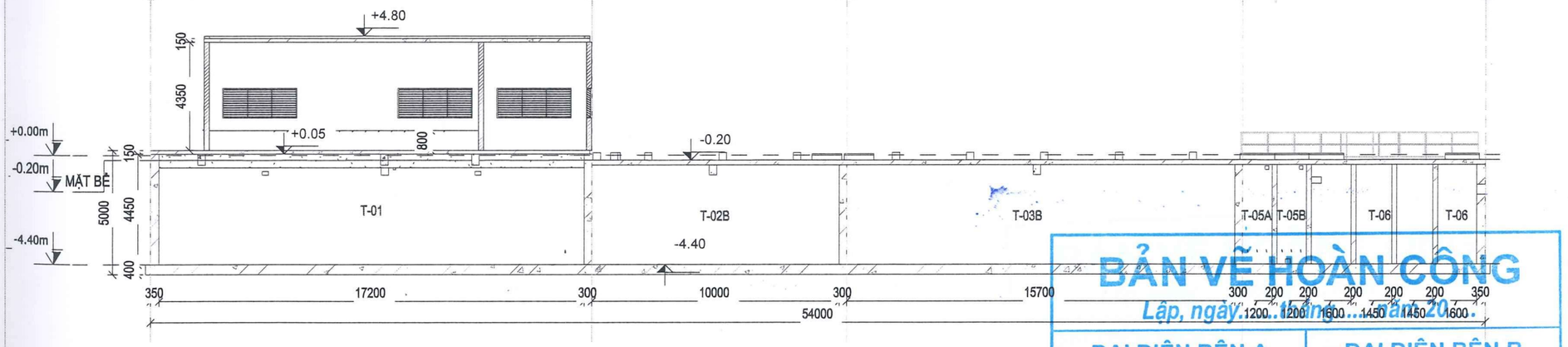

MẶT CẮT 3-3
3-3剖面图

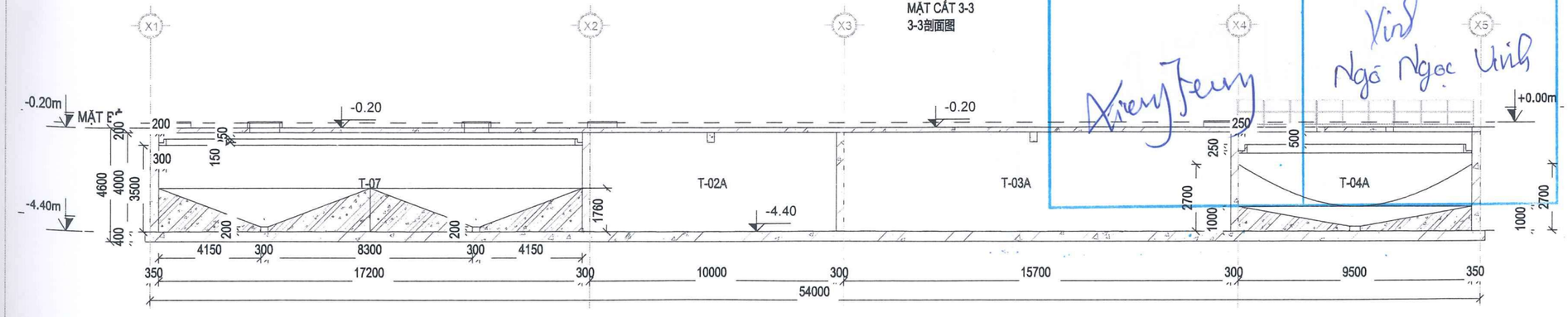

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày...tháng...năm 20...

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Ngô Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ -图纸名称

MẶT CẮT 1-1, 2-2, 3-3
1-1, 2-2, 3-3剖面

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT Hệ THỐNG XỬ Lý NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN

GIÁM ĐỐC 经理
LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理
ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计
ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图
ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 : SC: 1 : 200 A3

KÝ HIỆU: KT-1.03

PHẦN KIẾN TRÚC建筑环分

MẶT CẮT 4-4,5-5
4,5剖面

MẶT CẮT 4-4
4-4剖面图

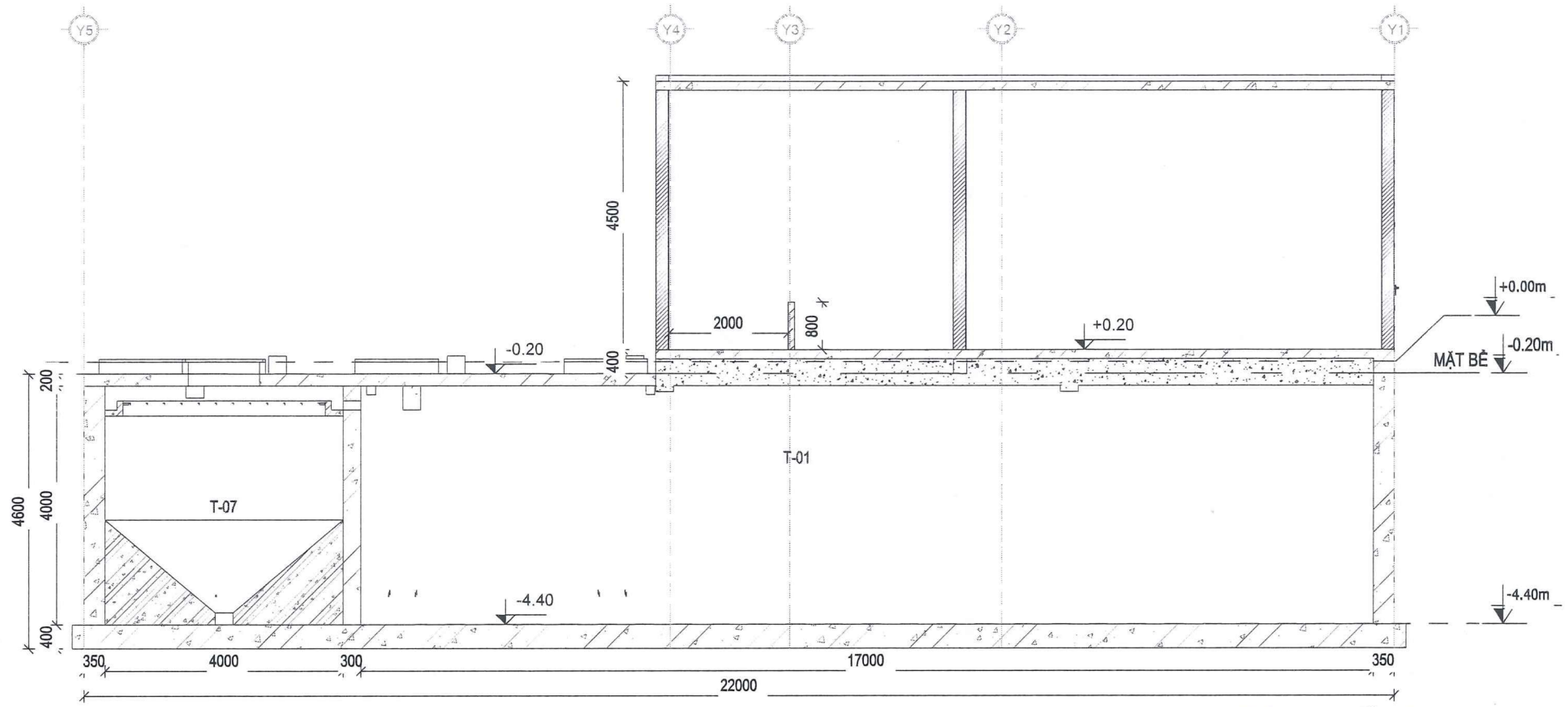

MẶT CẮT 5-5
5-5剖面图

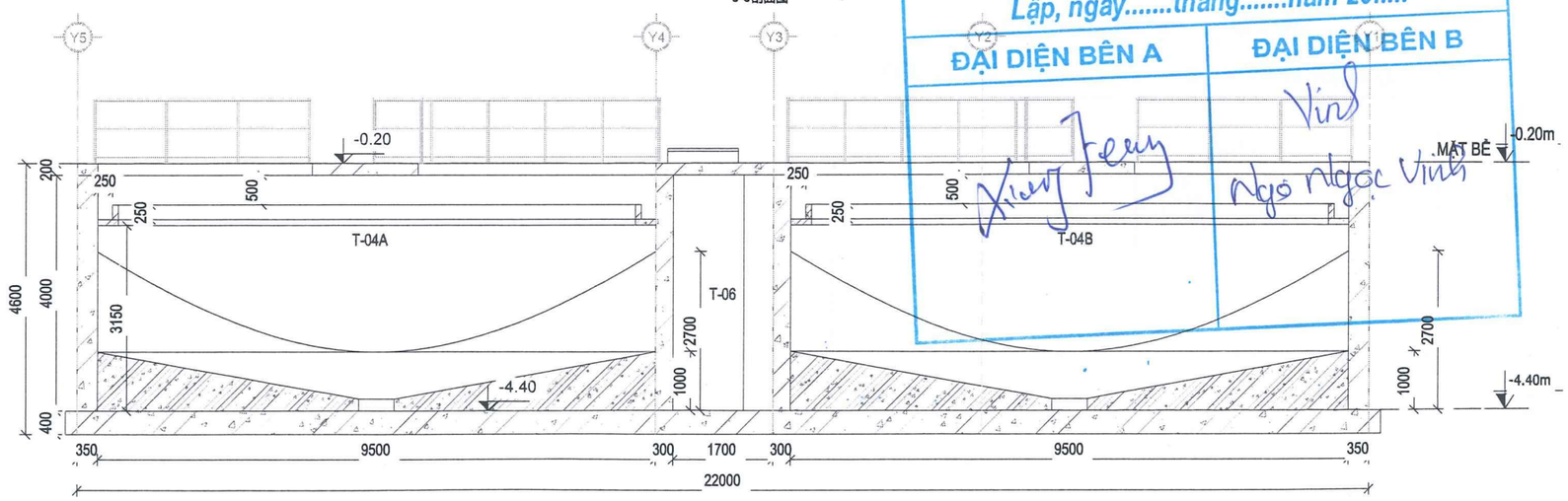

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Xiang Feng	Ngô Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT CẮT 4-4,5-5
4,5剖面

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Kha Lê, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 :	SC: 1:100	A3
KÝ HIỆU: KT-1.04		

PHẦN KIẾN TRÚC建筑环分

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ LỖ CHỜ X1-X4
廢水處理廠過牆管图 X1-X4

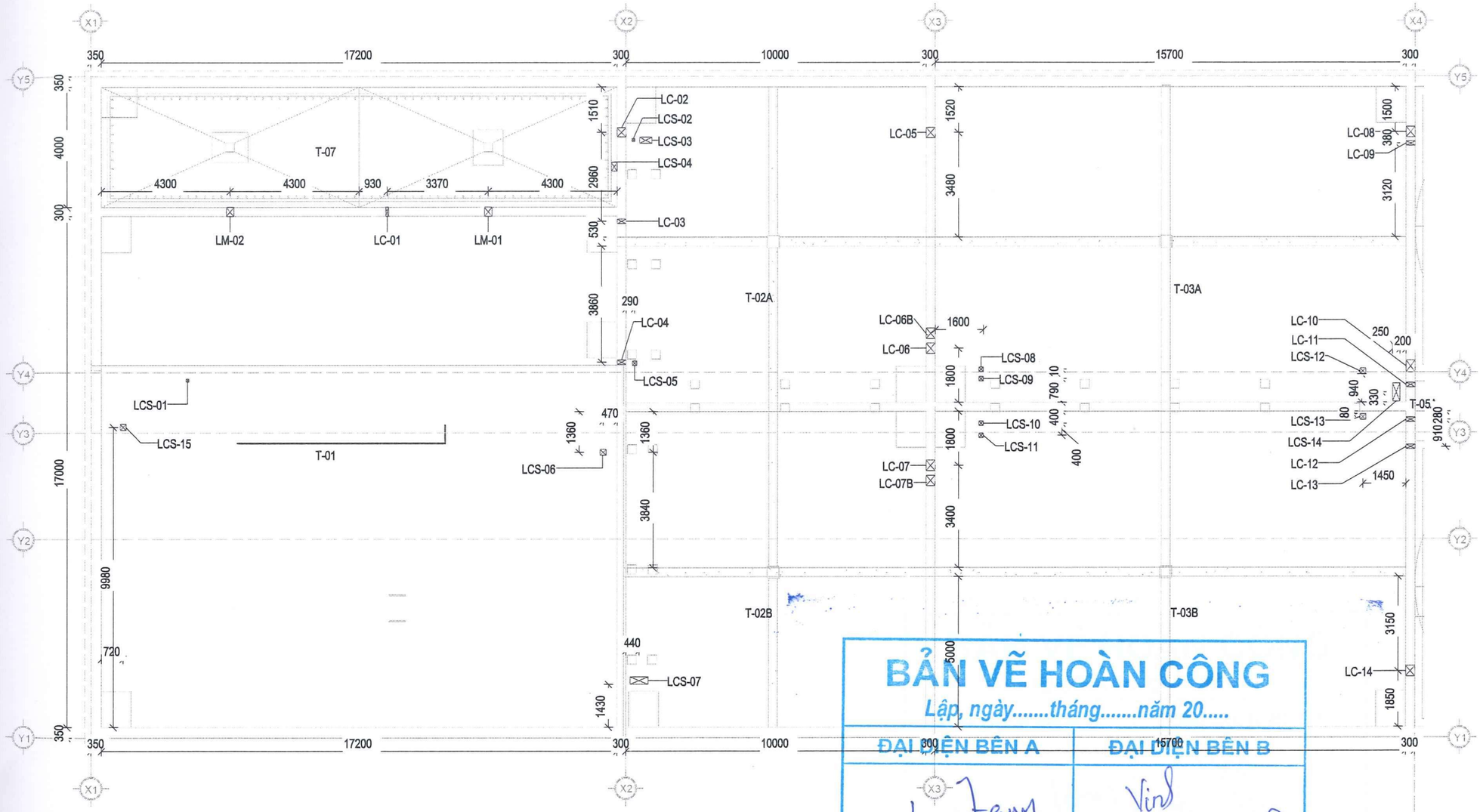

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Vinh Ngô Ngọc Vinh

GHI CHÚ/ 备注:

Các hạng mục cầu thang, lan can, mái che, nắp thăm, bệ thiết bị, vát đáy, máng thu nước, lỗ thăm, ống chờ, nhà điều hành là hạng mục thuộc xây dựng
楼梯、栏杆、遮阳棚、检查井盖、设备基座、底部倒角、排水槽、检查孔、预留管道、操作室是属于建筑的项目

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ LỖ CHỜ X1-X4
廢水處理廠過牆管图 X1-X4

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 : SC: Asindicated A3

KÝ HIỆU: KT-1.05

PHẦN KIẾN TRÚC建筑环分

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ LỖ CHỜ X4-X7

廢水處理廠過牆管图 X4-X7

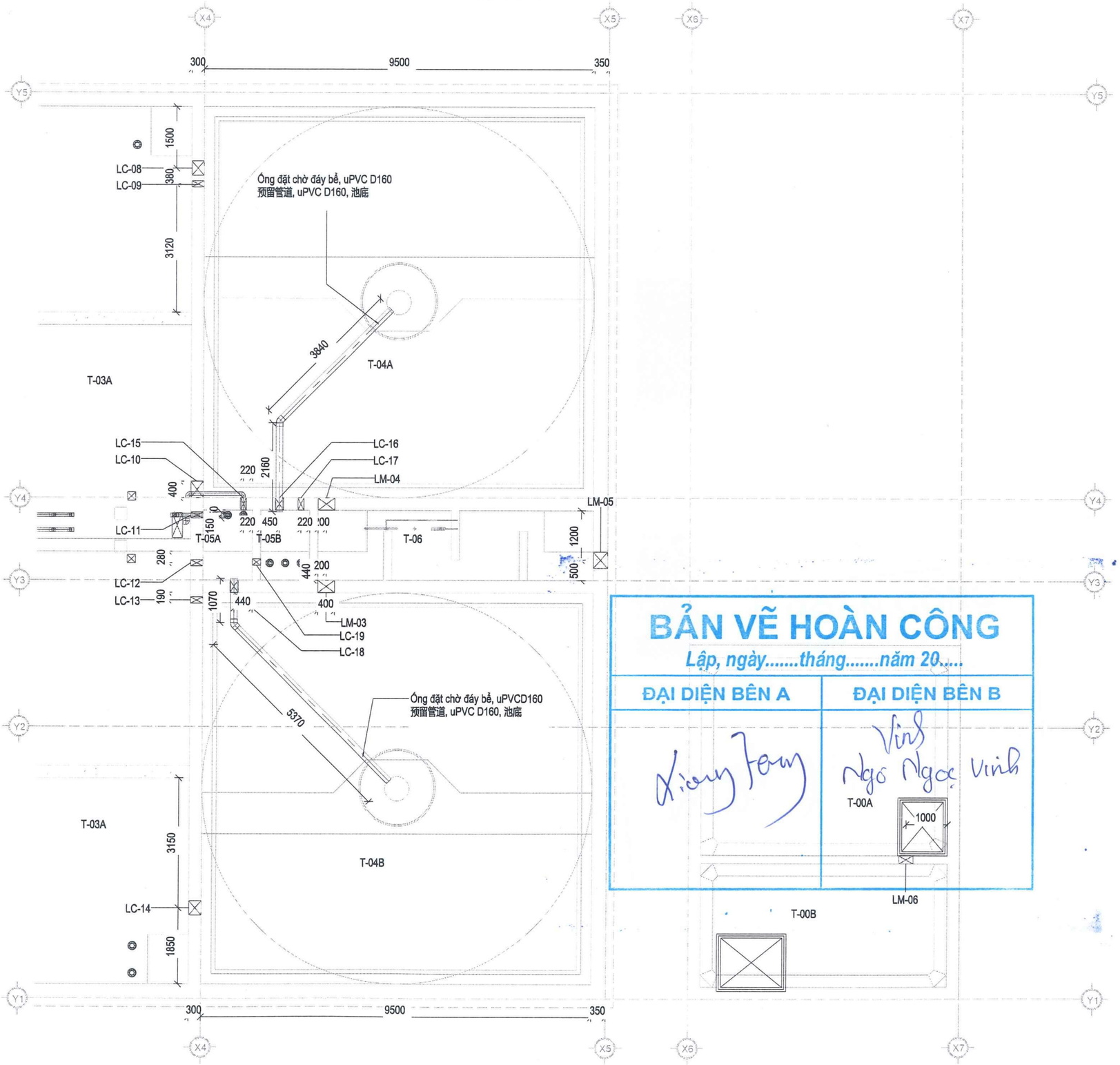

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Xiong Feng	Ngo Ngoc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ LỖ CHỜ X4-X7
廢水處理廠過牆管图 X4-X7

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP Và THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG Xử Lý NướC THảI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN
M.S.D.N: 2301079053 C.T.T.N.H.H DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ , Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 : SC: 1 : 100 A3

KÝ HIỆU: KT-1.06

PHẦN KIẾN TRÚC建筑环分

DANH SÁCH LỖ CHỜ
预留孔清单

THỐNG KÊ LỖ CHỜ				
KÝ HIỆU	KÍCH THƯỚC	ĐỘ DÀY TƯỜNG (W)	CAO ĐỘ BOP SO VỚI ĐÁY BÊ -4.40M	VỊ TRÍ
LC-01	LxH:100x100	300	+3.83 m	T-07
LC-02	LxH:300x200	300	+3.80 m	T-07
LC-03	LxH:150x150	300	+3.85 m	T-01
LC-04	LxH:150x150	300	+3.85 m	T-01
LC-05	LxH:350x200	300	+3.80 m	T-02A
LC-06	LxH:350x350	300	+3.40 m	T-02A
LC-06B	LxH:350x350	300	+3.40 m	T-02A
LC-07	LxH:350x350	300	+3.40 m	T-02B
LC-07B	LxH:350x350	300	+3.40 m	T-02B
LC-08	LxH:350x350	300	+2.80 m	T-03A
LC-09	LxH:150x150	300	+3.86 m	T-03A
LC-10	LxH:400x200	300	+3.80 m	T-03A
LC-11	LxH:150x150	300	+3.85 m	T-03A
LC-12	LxH:150x150	300	+3.85 m	T-03A
LC-13	LxH:150x150	300	+3.80 m	T-03A
LC-14	LxH:350x350	300	+2.80 m	T-03B
LC-15	LxH:150x150	300	+3.80 m	T-04A
LC-16	LxH:200x200	300	+0.00 m	T-04A
LC-17	LxH:150x150	300	+3.80 m	T-04A
LC-18	LxH:200x200	300	+0.00 m	T-04B
LC-19	LxH:150x150	200	+3.85 m	T-05A
LCS-01	LxH:100x100	150	+4.60 m	SÀN NHÀ ĐIỀU HÒNH
LCS-02	LxH:100x100	150	+4.20 m	SÀN BÊ
LCS-03	LxH:400x200	150	+4.20 m	SÀN BÊ
LCS-04	LxH:300x200	150	+4.20 m	SÀN BÊ
LCS-05	LxH:150x150	200	+4.20 m	SÀN BÊ
LCS-06	LxH:200x200	150	+4.60 m	SÀN NHÀ ĐIỀU HÒNH
LCS-07	LxH:600x250	150	+4.20 m	SÀN BÊ
LCS-08	LxH:150x150	200	+4.20 m	SÀN BÊ
LCS-09	LxH:150x150	200	+4.20 m	SÀN BÊ
LCS-10	LxH:150x150	200	+4.20 m	SÀN BÊ
LCS-11	LxH:150x150	200	+4.20 m	SÀN BÊ
LCS-12	LxH:200x200	150	+4.20 m	SÀN BÊ
LCS-13	LxH:200x200	150	+4.20 m	SÀN BÊ
LCS-14	LxH:600x250	150	+4.20 m	SÀN BÊ
LCS-15	LxH:200x200	150	+4.60 m	SÀN BÊ

THỐNG KÊ ỐNG CHỜ									
KÝ HIỆU	VẬT LIỆU	KÍCH THƯỚC	L1	L2	ĐỘ DÀY TƯỜNG (W)	CHIỀU DÀI ỐNG(L)	CAO ĐỘ BOP SOVỚI ĐÁY BÊ -4.40M	CÁNH CHỐNG THẤM	VỊ TRÍ

THỐNG KÊ LỖ MỞ				
KÝ HIỆU	KÍCH THƯỚC	ĐỘ DÀY TƯỜNG (W)	CAO ĐỘ BOP SO VỚI ĐÁY BÊ -4.40M	VỊ TRÍ
LM-01	HxL=200x200	300	+3.60	T-07
LM-02	HxL=200x200	300	+3.60	T-07
LM-03	HxL=250x400	300	+3.25	T-04B
LM-04	HxL=350x350	300	+3.25	T-04A
LM-05	HxL=400x400	350	+2.80	T-06
LM-06	HxL=350x350	200	-3.60	T-00A

Ghi chú: Với lỗ chờ (phục vụ cho đặt ống qua), sau khi thi công hoàn thiện phần ống thì phải bịt kín lại lỗ chờ đóPhần lỗ chờ trên mặt bể thực hiện khoan rút lõi

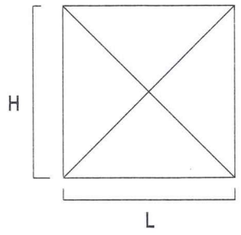

CHÚ THÍCH LỖ MỞ:CHIỀU RỘNG CỦA LỖ MỞ BẰNG VỚI ĐỘ DÀY CỦA TƯỜNG BỂ

LM - 01 — KÝ HIỆU LỖ MỞ
BOQ+0.00 — CAO ĐỘ ĐÁY LỖ MỞ SO VỚI COS ĐÁY BỂ -4.40M
H200 x L200 — CHIỀU RỘNG x CHIỀU CAO LỖ MỞ

BĂNG CẢN NƯỚC uPVC/PP/HDPE

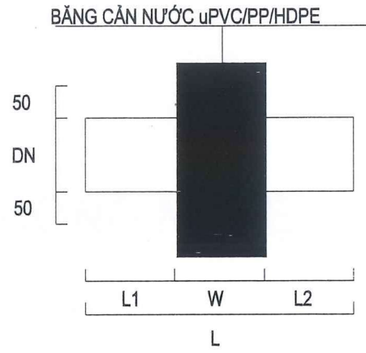

CHÚ THÍCH ỐNG CHỜ uPVC/PP/HDPE/:

OC - 01 — KÝ HIỆU ỐNG CHỜ
BOP+0.00 — CAO ĐỘ ĐÁY ỐNG CHỜ SO VỚI COS ĐÁY BỂ -4.40M
DN100 — ĐƯỜNG KÍNH ỐNG

BĂNG CẢN NƯỚC SUS304

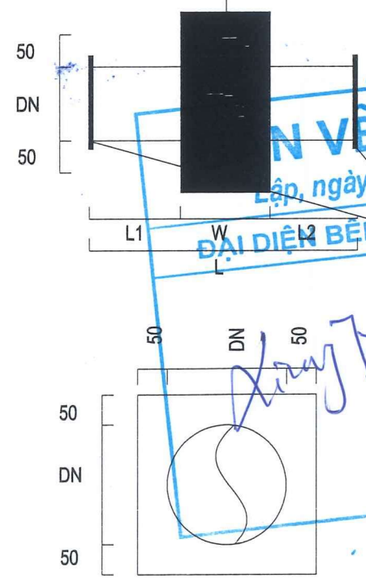

CHÚ THÍCH ỐNG CHỜ INOX:

OC - 01 — KÝ HIỆU ỐNG CHỜ
BOP+0.00 — CAO ĐỘ ĐÁY LỖ CHỜ SO VỚI COS ĐÁY BỂ -4.40M
DN100 — ĐƯỜNG KÍNH ỐNG

MẶT BÍCH KẾT NỐI :
(NẾU CÓ)

BẢNG CẢN NƯỚCDẠNG VUÔNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....
ĐẠI DIỆN BÊN A
ĐẠI DIỆN BÊN B
Ngọc Ngọc Vinh

修改		
次数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ LỖ CHỜ X4-X7
原水或理顺逃管管图 X4-X7

CÔNG TRÌNH - 项目
CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程
CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :
Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商
CÔNG TY TNHH DỆT XIN
CÔNG TY T.N.H.H
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
DỆT XIN

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG
CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH
THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG
THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG
日期 :
页 : SC: 1 : 100 A3
KÝ HIỆU: KT-1.08

PHẦN CÔNG NGHỆ

工艺部分

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Vinh Ngô Ngọc Vinh

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

M.S.D.N: 2301079053 CÔNG TY T.N.H.H DE XIN TP. BẮC NINH - T. BẮC NINH

PHẦN CÔNG NGHỆ 工艺部分

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
工艺流程图

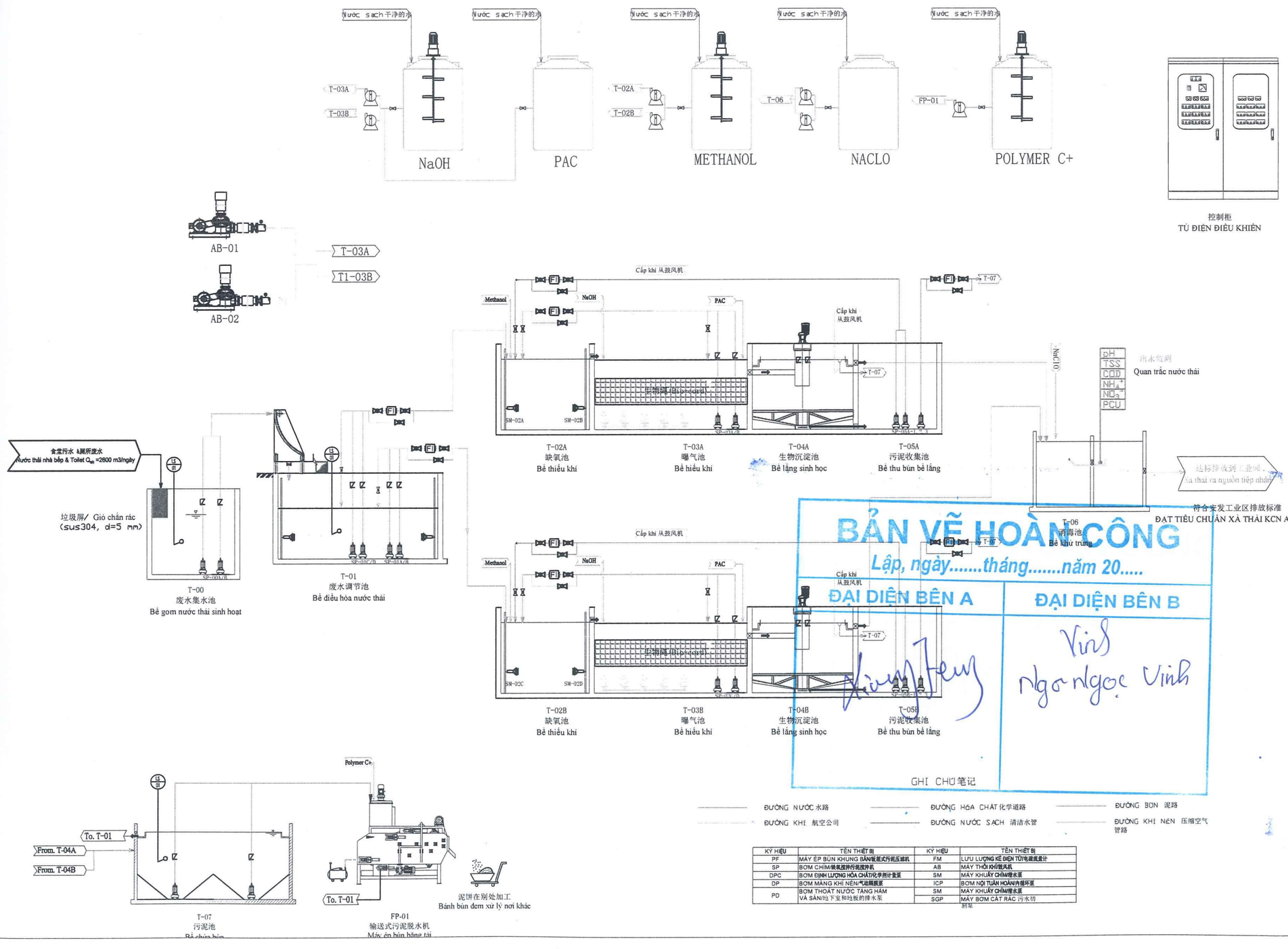

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Vinh Ngo Ngọc Vinh

GHI CHÚ 笔记

KÝ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ	KÝ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ
PF	MÁY ÉP BÙN KHUNG SÀN/板框式污泥压滤机	FM	LƯU LƯỢNG KẾ ĐIỆN TỬ/电磁流量计
SP	BƠM CHÌM/潜乳泥浆污泥泵	AB	MÁY THỔI KHÍ/鼓风机
DPC	BƠM ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT/化学剂计量泵	SM	MÁY KHUẤY CHÌM/潜水泵
DP	BƠM MÀNG KHÍ NÉN/气动隔膜泵	ICP	BƠM NỘI TUẦN HOÀN/内循环泵
PD	BƠM THOÁT NƯỚC TẦNG HẦM VÀ SÀN/地下室和地板的排水泵	SM	MÁY KHUẤY CHÌM/潜水泵
		SGP	MÁY BƠM CẮT RÁC 污水切割泵

修改		
次数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注：

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
工艺流程图

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP Và THI CÔNG LẮP đặt Hệ THỐNG XỬ Lý NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ-投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ , Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐÔNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 : SC: A3

KÝ HIỆU: CN-2.0.1

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
污水处理站定位平面图

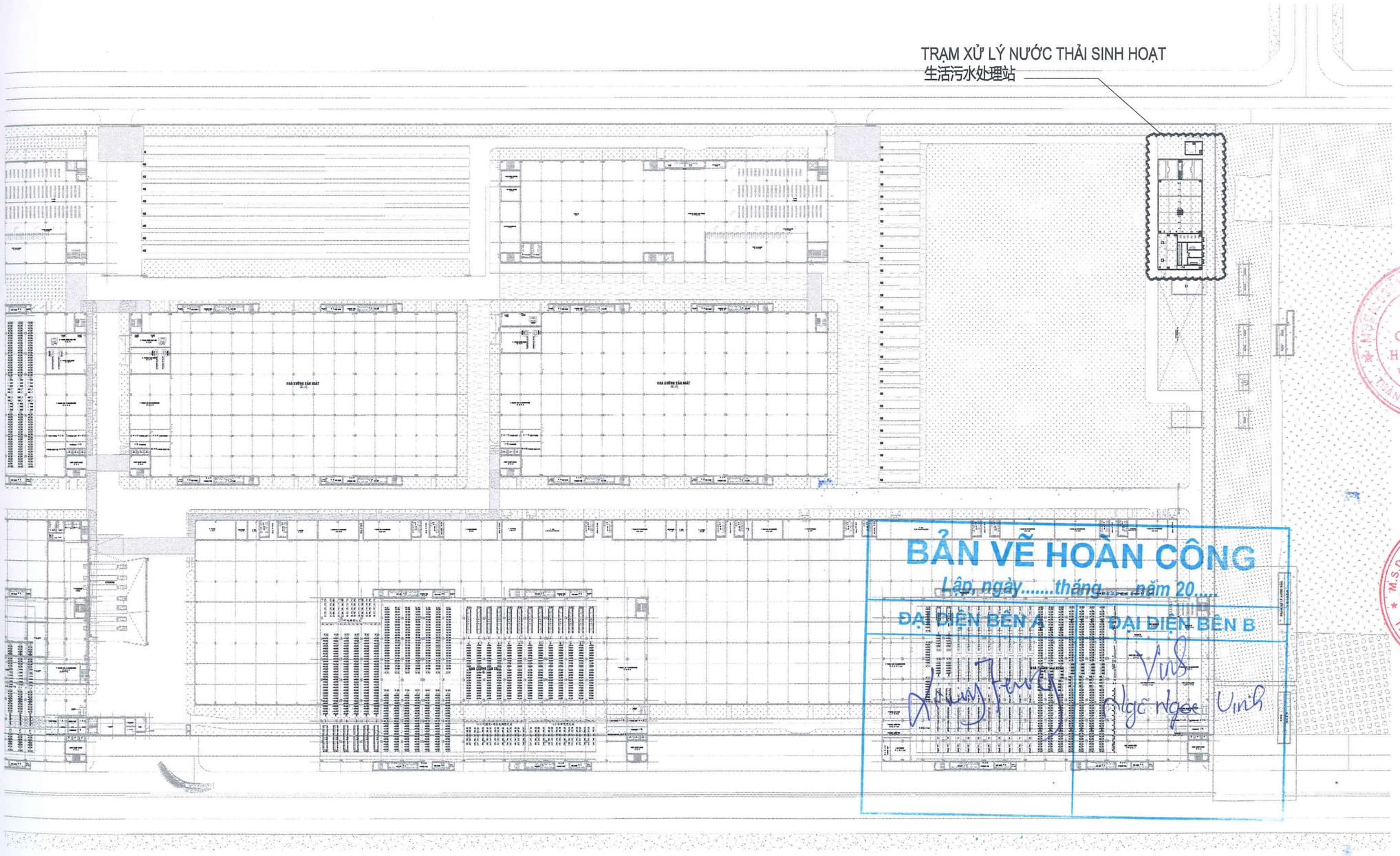

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
污水处理站定位平面图

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP và THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地点 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu KH1.1, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理	LÊ TIẾN DŨNG
CHỦ TRÌ 项目经理	ĐỒNG ANH THỊNH
THIẾT KẾ 设计	ĐỖ THANH TÙNG
THỂ HIỆN 绘图	ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 :	SC: 1 : 2000	A3
KÝ HIỆU: CN-2.0.2		

PHẦN CÔNG NGHỆ 工艺部分

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ MẶT BỂ + COS 0.2M
COS +0.2M 表面设备摆位平面图

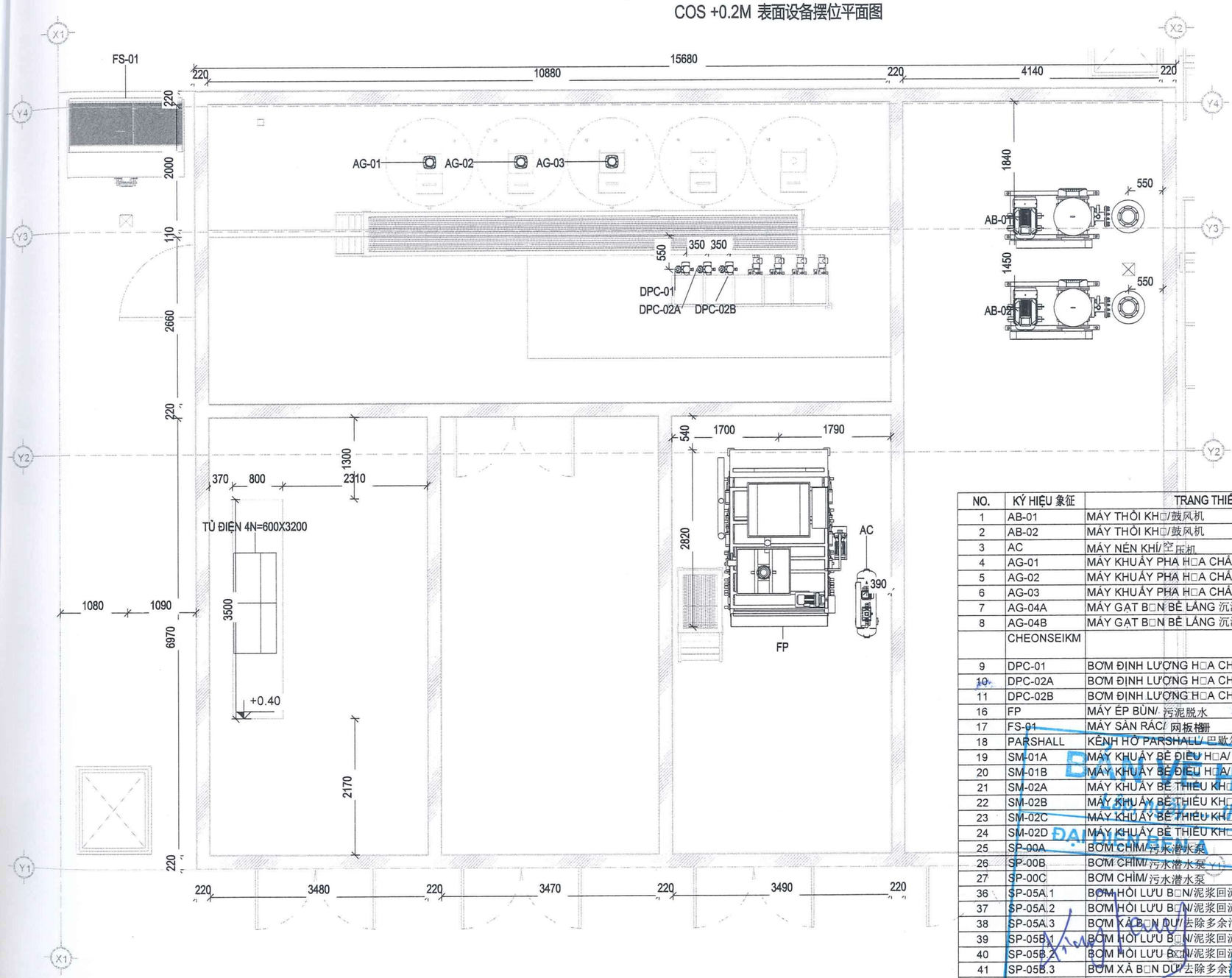

NO.	KÝ HIỆU 象征	TRANG THIẾT BỊ 设备	QUY CÁCH 规格
1	AB-01	MÁY THỔI KH□/鼓风机	30kw*37.5m3/min*4000mmH
2	AB-02	MÁY THỔI KH□/鼓风机	30kw*37.5m3/min*4000mmH
3	AC	MÁY NÉN KHÍ/空压机	1.5kw*255L/min*7kg/cm2
4	AG-01	MÁY KHUẤY PHA H□A CHẤT POLYMER/化學攪拌機	0.75kW*50rpm
5	AG-02	MÁY KHUẤY PHA H□A CHẤT METHANOL/化學攪拌機	0.75kW*50rpm
6	AG-03	MÁY KHUẤY PHA H□A CHẤT PAC/化學攪拌機	0.75kW*50rpm
7	AG-04A	MÁY GẠT B□N BỂ LẮNG 沉淀池刮泥机	0.75kW*380V*0.1rmp
8	AG-04B	MÁY GẠT B□N BỂ LẮNG 沉淀池刮泥机	0.75kW*380V*0.1rmp
	CHEONSEIKM		
9	DPC-01	BƠM ĐỊNH LƯỢNG H□A CHẤT POLYMER/ 加藥機	0.18kw*6600ml/min* 3 bar
10	DPC-02A	BƠM ĐỊNH LƯỢNG H□A CHẤT METHANOL/ 加藥機	0.18kw*6600ml/min* 3 bar
11	DPC-02B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG H□A CHẤT METHANOL/ 加藥機	0.18kw*6600ml/min* 3 bar
16	FP	MÁY ÉP BÙN/ 污泥脱水	6.5-10.5m3/hr
17	FS-01	MÁY SÀN RÁC/ 网板格栅	0-150 m3/h
18	PARSHALL	KÊNH HỞ PARSHALL/ 巴歇尔槽	
19	SM-01A	MÁY KHUẤY BỂ ĐIỀU H□A/ 调节池沉水式搅拌机	2.5Kw*740rpm*8P
20	SM-01B	MÁY KHUẤY BỂ ĐIỀU H□A/ 調节池沉水式搅拌机	2.5Kw*740rpm*8P
21	SM-02A	MÁY KHUẤY BỂ THIẾU KH□ /缺氧池沉水式搅拌机	2.5Kw*740rpm*8P
22	SM-02B	MÁY KHUẤY BỂ THIẾU KH□ /缺氧池沉水式搅拌机	2.5Kw*740rpm*8P
23	SM-02C	MÁY KHUẤY BỂ THIẾU KH□ /缺氧池沉水式搅拌机	2.5Kw*740rpm*8P
24	SM-02D	MÁY KHUẤY BỂ THIẾU KH□ /缺氧池沉水式搅拌机	2.5Kw*740rpm*8P
25	SP-00A	BƠM CHÌM/污水潜水泵	5.5kW*2m3/min*12.5mH
26	SP-00B	BƠM CHÌM/污水潜水泵	5.5kW*2m3/min*12.5mH
27	SP-00C	BƠM CHÌM/污水潜水泵	5.5kW*2m3/min*12.5mH
36	SP-05A.1	BƠM HỒI LƯU B□N/泥浆回流泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
37	SP-05A.2	BƠM HỒI LƯU B□N/泥浆回流泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
38	SP-05A.3	BƠM XẢ B□N DƯ/去除多余污泥泵	1.5kW*0.5m3/min*10mH
39	SP-05B.1	BƠM HỒI LƯU B□N/泥浆回流泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
40	SP-05B.2	BƠM HỒI LƯU B□N/泥浆回流泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
41	SP-05B.3	BƠM XẢ B□N DƯ/去除多余污泥泵	1.5kW*0.5m3/min*10mH
42	SP-07A	BƠM NẠP B□N/污泥进料泵	0.75kW*0.15m3/min*10mH
43	SP-07B	BƠM NẠP B□N/污泥进料泵	0.75kW*0.15m3/min*10mH
	TỦĐIỆN8--x600		
28	WP-01A	BƠM CHÌM/污水潜水泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
29	WP-01B	BƠM CHÌM/污水潜水泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
30	WP-01C	BƠM CHÌM/污水潜水泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
31	WP-01D	BƠM CHÌM/污水潜水泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
32	WP-03A	BƠM NỘI TUẦN HO□N/ 内循环泵	3.7kW*2m3/min*6mH
33	WP-03B	BƠM NỘI TUẦN HO□N/ 内循环泵	3.7kW*2m3/min*6mH
34	WP-03C	BƠM NỘI TUẦN HO□N/ 内循环泵	3.7kW*2m3/min*6mH
35	WP-03D	BƠM NỘI TUẦN HO□N/ 内循环泵	3.7kW*2m3/min*6mH

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ MẶT BỂ + COS 0.2M
COS +0.2M 表面设备摆位平面图

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN

GIÁM ĐỐC 经理

ĐẶNG TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理

ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计

ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图

ĐỖ THANH TÙNG

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Vinh

Ngọc

Vương

Ngọc Vương

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
日期 :		
页 :	SC: 1 : 70	A3
KÝ HIỆU:	CN-2.0.3	

PHẦN CÔNG NGHỆ 工艺部分

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ MẶT BỂ COS -4.4M
COS -4.4M 表面设备摆位平面图

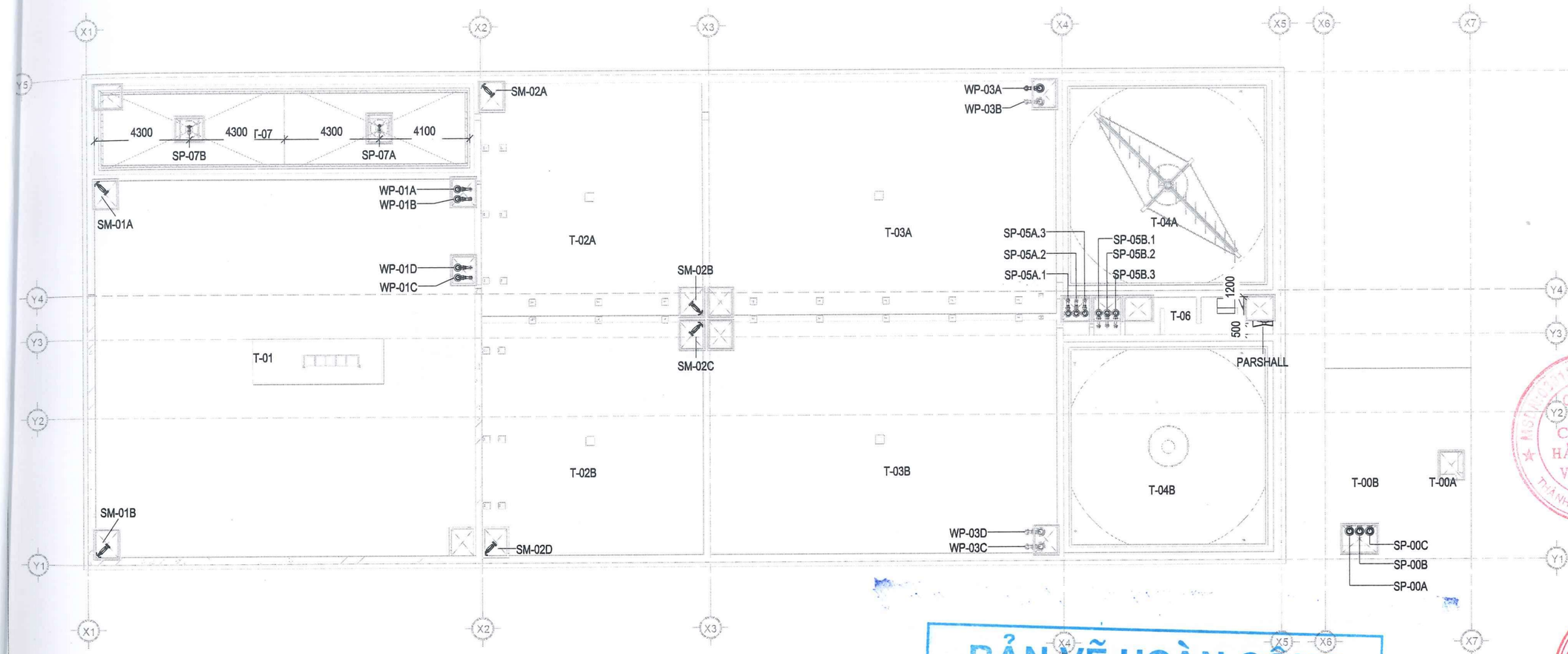

GHI CHÚ/ 备注:
T-00A/B : BỂ GOM/ 废水集水池
T-01 : BỂ ĐIỀU HÒA/ 调节池
T-02A/B : BỂ THIẾU KHÍ/ 和缺氧池
T-03A/B : BỂ HIẾU KHÍ/ 曝气池
T-04A/B : BỂ LẮNG/ 沉淀池
T-05A/B : BỂ THU BÙN BỂ LẮNG/ 污泥收集池
T-06 : BỂ KHỬ TRÙNG/ 消毒池
T-07 : BỂ CHỨA BÙN/ 污泥池

NO.	KÝ HIỆU 象征	TRANG THIẾT BỊ 设备	QUY CÁCH 规格
1	AB-01	MÁY THỔI KH□/鼓风机	30kw*37.5m3/min*4000mmH
2	AB-02	MÁY THỔI KH□/鼓风机	30kw*37.5m3/min*4000mmH
3	AC	MÁY NÉN KHÍ/空压机	1.5kw*255L/min*7kg/cm2
4	AG-01	MÁY KHUẤY PHA H□A CHẤT POLYMER/化學攪拌機	0.75kW*50rpm
5	AG-02	MÁY KHUẤY PHA H□A CHẤT METHANOL/化學攪拌機	0.75kW*50rpm
6	AG-03	MÁY KHUẤY PHA H□A CHẤT PAC/化學攪拌機	0.75kW*50rpm
7	AG-04A	MÁY GẠT B□N BỂ LẮNG 沉淀池刮泥机	0.75kW*380V*0.1rmp
8	AG-04B	MÁY GẠT B□N BỂ LẮNG 沉淀池刮泥机	0.75kW*380V*0.1rmp
	CHEONSEIKM		
9	DPC-01	BƠM ĐỊNH LƯỢNG H□A CHẤT POLYMER/ 加藥機	0.18kw*6600ml/min* 3 bar
10	DPC-02A	BƠM ĐỊNH LƯỢNG H□A CHẤT METHANOL/ 加藥機	0.18kw*6600ml/min* 3 bar
11	DPC-02B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG H□A CHẤT METHANOL/ 加藥機	0.18kw*6600ml/min* 3 bar
16	FP	MÁY ÉP BÙN/ 污泥脱水	6.5-10.5m3/hr
17	FS-01	MÁY SÀN RÁC/ 网板格栅	0-150 m3/h
18	PARSHALL	KÊNH HỞ PARSHALL/ 巴歇尔槽	
19	SM-01A	MÁY KHUẤY BỂ ĐIỀU H□A/ 调节池沉水式搅拌机	2.5Kw*740rpm*8P
20	SM-01B	MÁY KHUẤY BỂ ĐIỀU H□A/ 调节池沉水式搅拌机	2.5Kw*740rpm*8P
21	SM-02A	MÁY KHUẤY BỂ THIẾU KH□ /缺氧池沉水式搅拌机	2.5Kw*740rpm*8P
22	SM-02B	MÁY KHUẤY BỂ THIẾU KH□ /缺氧池沉水式搅拌机	2.5Kw*740rpm*8P
23	SM-02C	MÁY KHUẤY BỂ THIẾU KH□ /缺氧池沉水式搅拌机	2.5Kw*740rpm*8P

NO.	KÝ HIỆU 象征	TRANG THIẾT BỊ 设备	QUY CÁCH 规格
24	SM-02D	MÁY KHUẤY BỂ THIẾU KH□ /缺氧池沉水式搅拌机	2.5Kw*740rpm*8P
25	SP-00A	BƠM CHÌM/污水潜水泵	5.5kW*2m3/min*12.5mH
26	SP-00B	BƠM CHÌM/污水潜水泵	5.5kW*2m3/min*12.5mH
27	SP-00C	BƠM CHÌM/污水潜水泵	5.5kW*2m3/min*12.5mH
36	SP-05A.1	BƠM HỒI LƯU B□N/泥浆回流泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
37	SP-05A.2	BƠM HỒI LƯU B□N/泥浆回流泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
38	SP-05A.3	BƠM XẢ B□N DƯ/去除多余污泥泵	1.5kW*0.5m3/min*10mH
39	SP-05B.1	BƠM HỒI LƯU B□N/泥浆回流泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
40	SP-05B.2	BƠM HỒI LƯU B□N/泥浆回流泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
41	SP-05B.3	BƠM XẢ B□N DƯ/去除多余污泥泵	1.5kW*0.5m3/min*10mH
42	SP-07A	BƠM NẠP B□N/污泥进料泵	0.75kW*0.15m3/min*10mH
43	SP-07B	BƠM NẠP B□N/污泥进料泵	0.75kW*0.15m3/min*10mH
	TỦĐIỆN8--x600		
28	WP-01A	BƠM CHÌM/污水潜水泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
29	WP-01B	BƠM CHÌM/污水潜水泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
30	WP-01C	BƠM CHÌM/污水潜水泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
31	WP-01D	BƠM CHÌM/污水潜水泵	2,2 kW*0.9m3/min*8mH
32	WP-03A	BƠM NỘI TUẦN HO□N/ 内循环泵	3.7kW*2m3/min*6mH
33	WP-03B	BƠM NỘI TUẦN HO□N/ 内循环泵	3.7kW*2m3/min*6mH
34	WP-03C	BƠM NỘI TUẦN HO□N/ 内循环泵	3.7kW*2m3/min*6mH
35	WP-03D	BƠM NỘI TUẦN HO□N/ 内循环泵	3.7kW*2m3/min*6mH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....
ĐẠI DIỆN BÊN A
ĐẠI DIỆN BÊN B

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ MẶT BỂ COS -4.4M
COS -4.4M 表面设备摆位平面图

CÔNG TRÌNH - 项目
CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程
CUNG CẤP Và THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地点 :
Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ XÂY DỰNG
M.S.D.N: 2301079053 CÔNG TY T.N.H.H DỊCH VỤ XÂY DỰNG
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ ,Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理
LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理
ĐÔNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计
ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图
ĐỖ THANH TÙNG

GIAI ĐOẠN : BẢN VẼ HOÀN CÔNG
NGÀY :
TỶ LỆ: SC: 1 : 200
KÝ HIỆU: CN-2.0.4
A3

PHẦN CÔNG NGHỆ 工艺部分

3D TỔNG ĐƯỜNG ỐNG
污水管道 3D

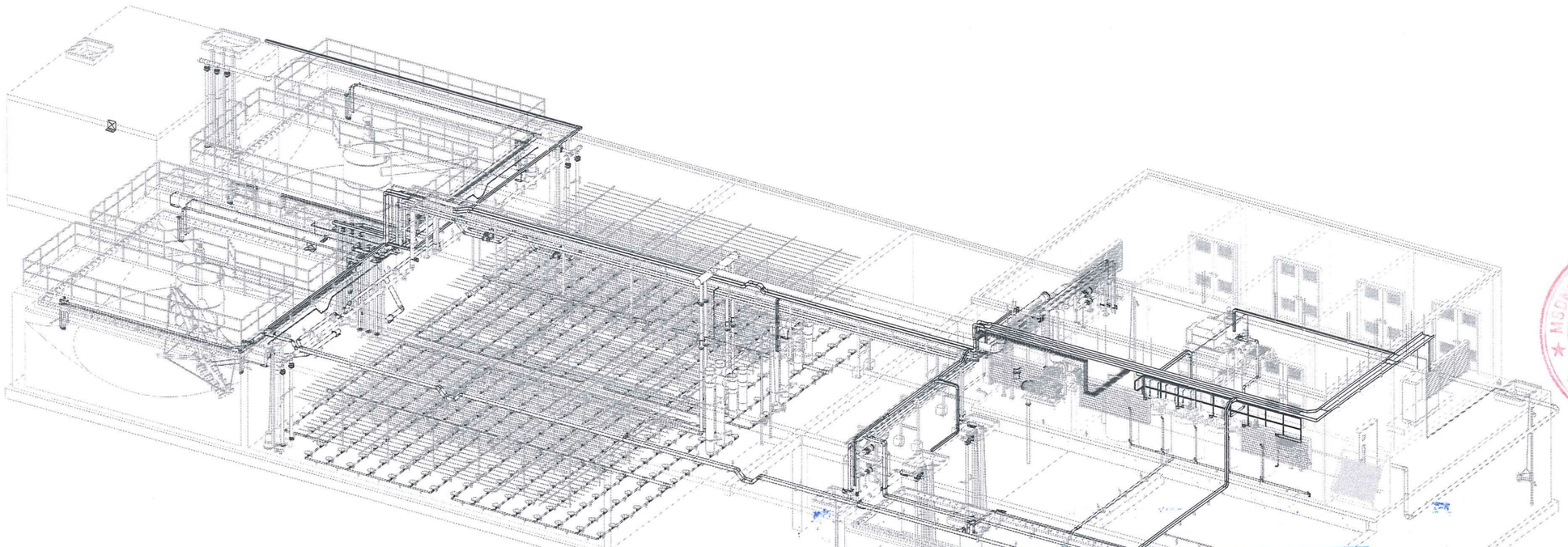

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Vinh Ngô Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ -图纸名称

3D TỔNG ĐƯỜNG ỐNG
污水管道 3D

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ-投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地点 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, VietNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 :	SC:	A3
KÝ HIỆU:	CN-2.0.5	

PHẦN CÔNG NGHỆ 工艺部分

MẶT BẰNG TỔNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ COS -1.0M ĐẾN + COS 3.0M
管网平面图

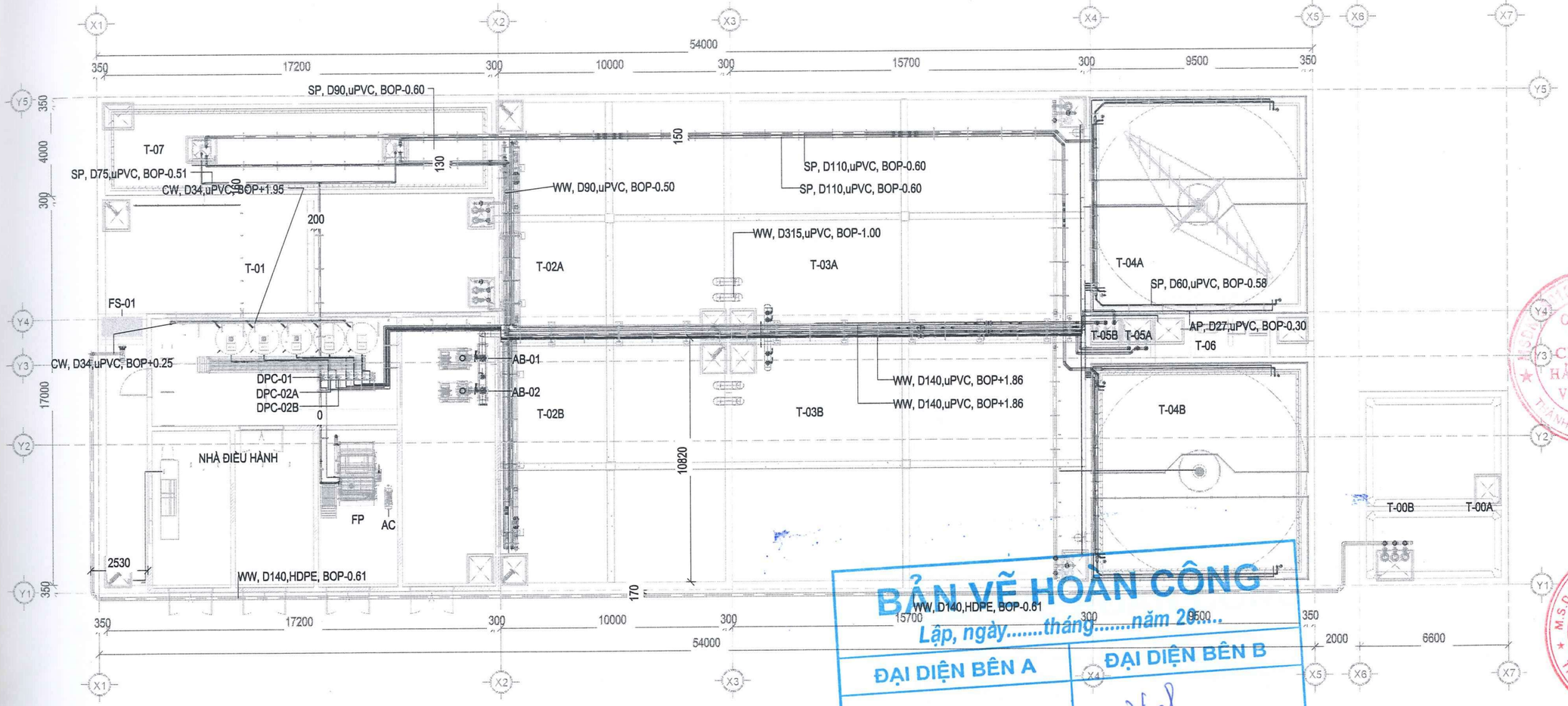

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20...

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Xiang Feng	Ngo Ngoc Vinh

GHI CHÚ/ 备注:

T-00A/B : BỂ GOM/ 废水集水池
T-01 : BỂ ĐIỀU HÒA/ 调节池
T-02A/B : BỂ THIẾU KHÍ/ 和缺氧池
T-03A/B : BỂ HIẾU KHÍ/ 曝气池
T-04A/B : BỂ LẮNG/ 沉淀池
T-05A/B : BỂ THU BÙN BỂ LẮNG/ 污泥收集池
T-06 : BỂ KHỬ TRÙNG/ 消毒池
T-07 : BỂ CHỨA BÙN/ 污泥池

NO.	KÝ HIỆU/符号	TÊN ỐNG/ 管道名称
1	WW	Đường ống dẫn nước thải/ 污水管道
2	CP	Đường ống dẫn hóa chất/ 药品管道
3	AP	Đường ống dẫn khí/ 配气管道
4	SP	Đường ống dẫn bùn/ 泥浆管道
5	CW	Đường ống dẫn nước sạch/ 干净的水管道
6	MC	Đường máng cáp điện/ 线槽布置

- Cos ±0.0 = Cao độ mặt cỏ hoàn thiện/ 草坪完成标高
- Cos -0.2 = Cao độ mặt bể/ 池面标高
- BOP=FL+: Tag đáy ống so với cos ±0.0/ 标记底管 vs. cos ±0.0
- BOT=FL+: Tag đáy máng cáp điện so với cos ±0.0/ 线槽底 vs. cos ±0.0

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG TỔNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ COS -1.0M ĐẾN + COS 3.0M
管网平面图

CÔNG TRÌNH - 项目
CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程
CUNG CẤP Và THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG XỬ Lý NướC THảI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :
Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商
CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Kinh Lễ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG
CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH
THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG
THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG
日期 :
页 : SC: Asindicated A3
KÝ HIỆU: CN-2.0.6

PHẦN CÔNG NGHỆ 工艺部分

MẶT BẰNG TỔNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ COS -4.4M ĐẾN COS -1.0M
管网平面图

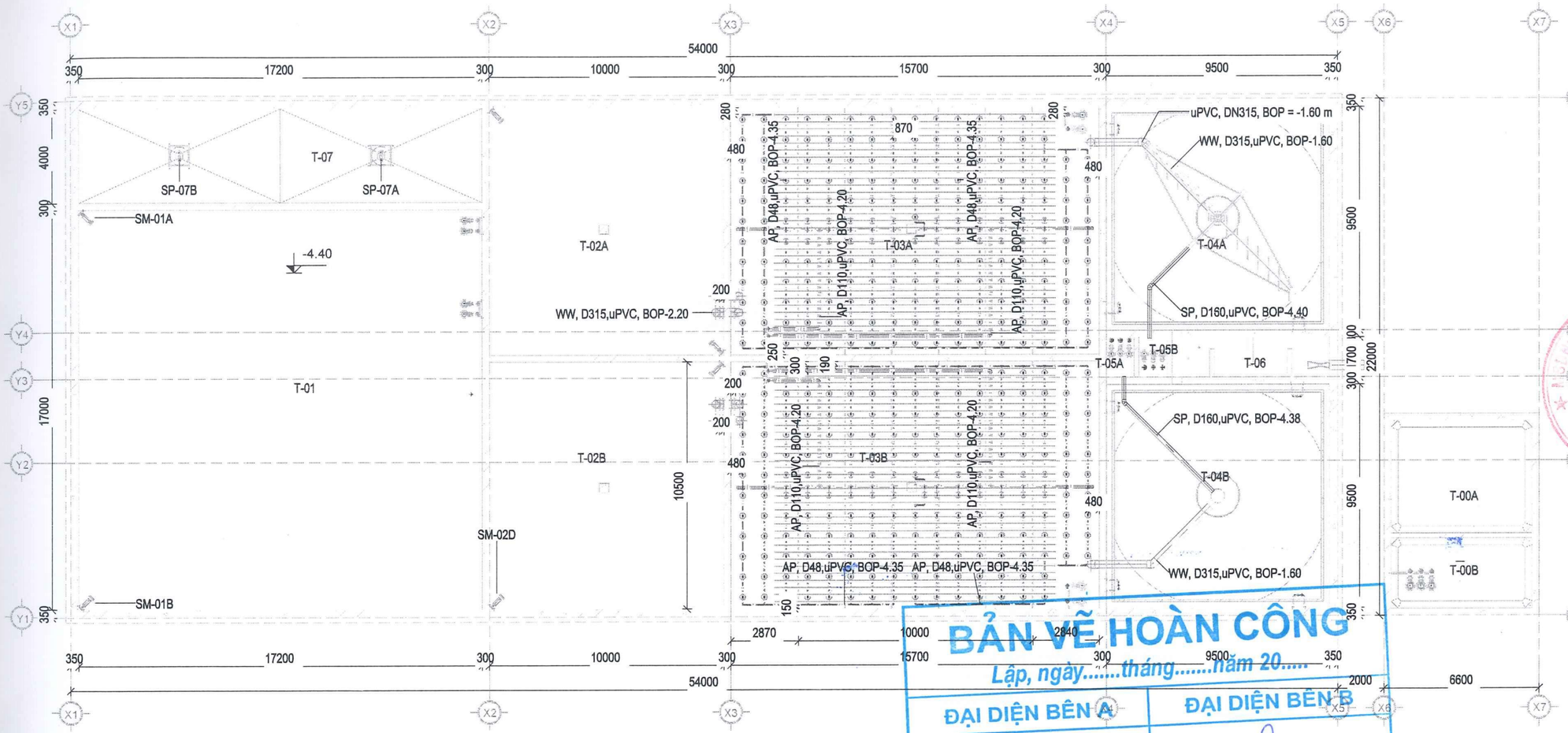

GHI CHÚ/ 备注:

T-00A/B : BỂ GOM/ 废水集水池
T-01 : BỂ ĐIỀU HÒA/ 调节池
T-02A/B : BỂ THIẾU KHÍ/ 和缺氧池
T-03A/B : BỂ HIẾU KHÍ/ 曝气池
T-04A/B : BỂ LẮNG/ 沉淀池
T-05A/B : BỂ THU BÙN BỂ LẮNG/ 污泥收集池
T-06 : BỂ KHỬ TRÙNG/ 消毒池
T-07 : BỂ CHỨA BÙN/ 污泥池

NO.	KÝ HIỆU/符号	TÊN ỐNG/ 管道名称
1	WW	Đường ống dẫn nước thải/ 污水管道
2	CP	Đường ống dẫn hóa chất/ 药品管道
3	AP	Đường ống dẫn khí/ 配气管道
4	SP	Đường ống dẫn bùn/ 泥浆管道
5	CW	Đường ống dẫn nước sạch/ 干净的水管道
6	MC	Đường máng cáp điện/ 线槽布置

- Cos ±0.0 = Cao độ mặt cỏ hoàn thiện/ 草坪完成标高
- Cos -0.2 = Cao độ mặt bể/ 池面标高
- BOP=FL+: Tag đáy ống so với cos ±0.0/ 标记底管 vs. cos ±0.0
- BOT=FL+: Tag đáy máng cáp điện so với cos ±0.0/ 线槽底 vs. cos ±0.0

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Xiong Feng	Vinh Ngo Ngoc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG TỔNG ĐƯỜNG ỐNG TỪ COS -4.4M ĐẾN COS -1.0M
管网平面图

CÔNG TRÌNH - 项目
CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程
CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地点 :
Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商
CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG
CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH
THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG
THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG
日期 :
页 : SC: As indicated
KÝ HIỆU: CN-2.0.7
A3

ĐƯỜNG NƯỚC THẢI

污水管道

BẢN VẼ HOÀN CÔNG *Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....*	
ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Vinh Ngô Ngọc Vinh

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

CÔNG TY T.N.H.H DE XIN

ĐƯỜNG NƯỚC THẢI污水管道

3D ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
污水管道 3D

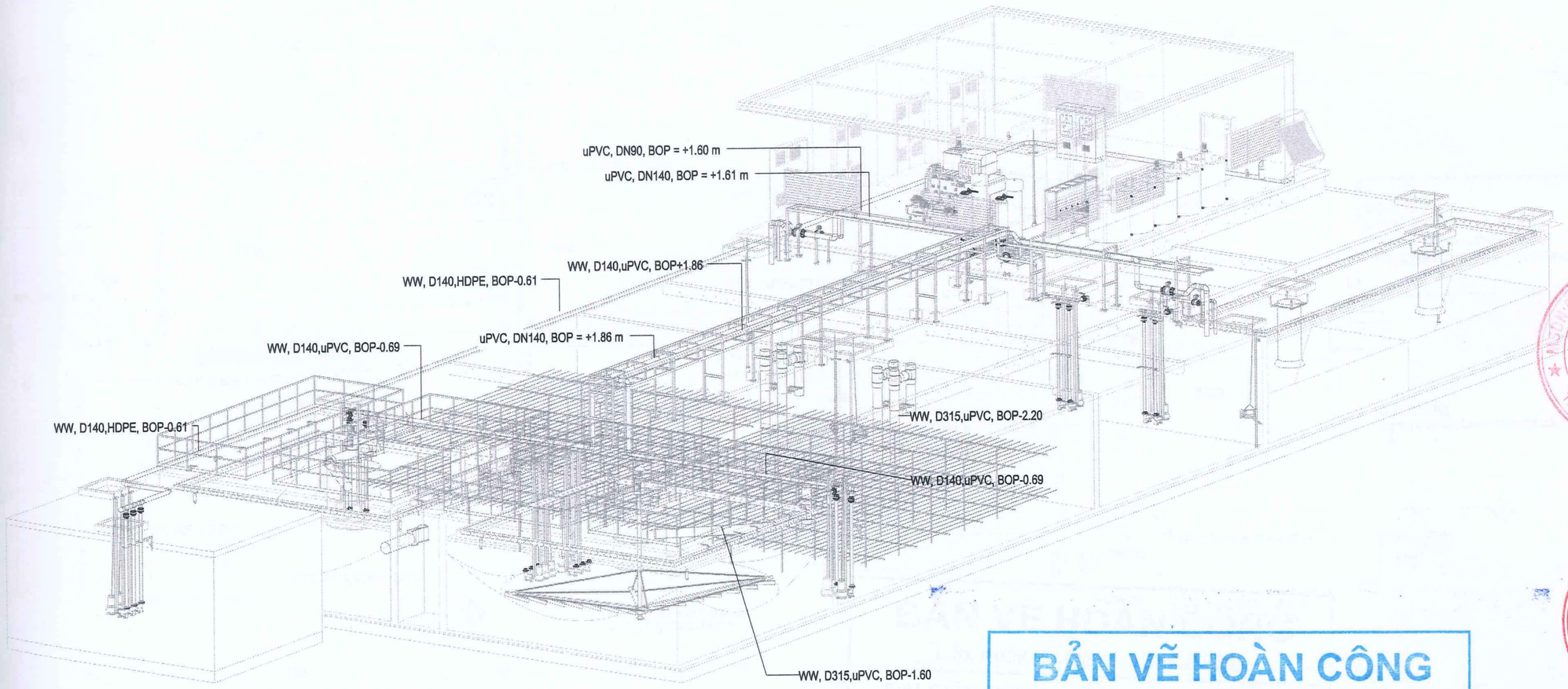

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Ngô Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ -图纸名称

3D ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
污水管道 3D

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP và THI CÔNG LẮP ĐẶT Hệ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ -投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 :	SC:	A3
KÝ HIỆU:	CN-2.1.01	

ĐƯỜNG NƯỚC THẢI 污水管道

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC THẢI
污水管道平面图

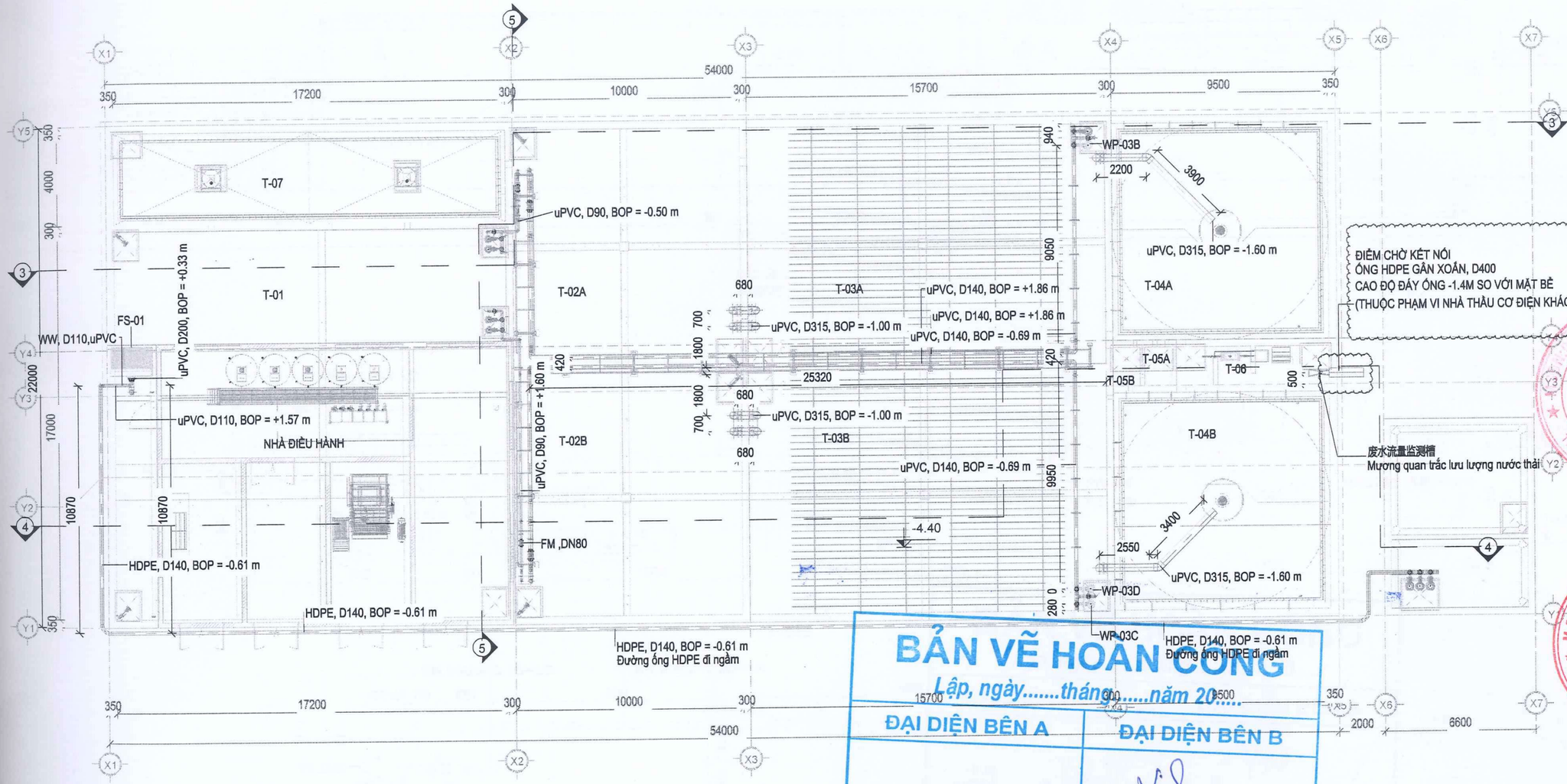

GHI CHÚ/ 备注:

T-00A/B : BỂ GOM/ 废水集水池
T-01 : BỂ ĐIỀU HÒA/ 调节池
T-02A/B : BỂ THIẾU KHÍ/ 和缺氧池
T-03A/B : BỂ HIẾU KHÍ/ 曝气池
T-04A/B : BỂ LẮNG/ 沉淀池
T-05A/B : BỂ THU BÙN BỂ LẮNG/ 污泥收集池
T-06 : BỂ KHỬ TRÙNG/ 消毒池
T-07 : BỂ CHỨA BÙN/ 污泥池

NO.	KÝ HIỆU/符号	TÊN ỐNG/ 管道名称
1	WW	Đường ống dẫn nước thải/ 污水管道
2	CP	Đường ống dẫn hóa chất/ 药品管道
3	AP	Đường ống dẫn khí/ 配气管道
4	SP	Đường ống dẫn bùn/ 泥浆管道
5	CW	Đường ống dẫn nước sạch/ 干净的水管道
6	MC	Đường máng cáp điện/ 线槽布置

- Cos ±0.0 = Cao độ mặt cỏ hoàn thiện/ 草坪完成标高
- Cos -0.2 = Cao độ mặt bể/ 池面标高
- BOP=FL+: Tag đáy ống so với cos ±0.0/ 标记底管 vs. cos ±0.0
- BOT=FL+: Tag đáy máng cáp điện so với cos ±0.0/ 线槽底 vs. cos ±0.0

FJ : 柔性连接 - KHỚP NỐI MỀM
BV : 塑料球阀 - VAN BI NHỰA
BCV : 球形止回阀 - VAN MỘT CHIỀU BI
CVL : 摆动止回阀翻板 - VAN MỘT CHIỀU LÁ LẬT
BFV : 蝶阀 - VAN BƯỚM TAY GẠT
GV : 闸阀 - VAN CỔNG

SL : 消声管 - ỐNG GIẢM THANH
FM : 电磁流量计 - LƯU LƯỢNG KẾ ĐIỆN TỪ
FL : 空白法兰 - BÍCH RỖNG
BU : 管接头 - Rắc co
FFJ : 不锈钢法兰软连接 KHỚP NỐI MỀM INOX MẶT BÍCH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC THẢI
污水管道平面图

CÔNG TRÌNH - 项目
CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程
CUNG CẤP Và THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG XỬ Lý NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地点 :
Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商
CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ ,Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG
CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH
THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG
THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG
日期 :
页 : SC: Asindicated A3
KÝ HIỆU: CN-2.1.02

ĐƯỜNG NƯỚC THẢI污水管道

MẶT CẮT
剖面图

MẶT CẮT 1-1
1-1剖面图

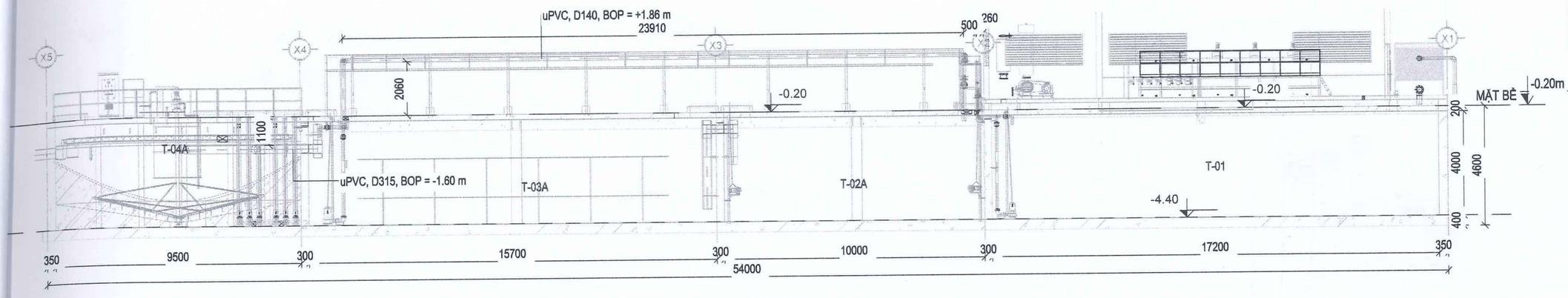

MẶT CẮT 2-2
2-2剖面图

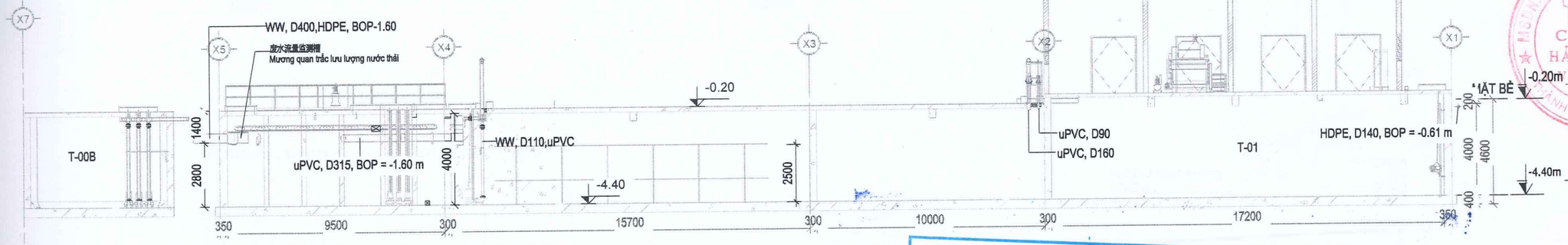

MẶT CẮT 3-3
3-3剖面图

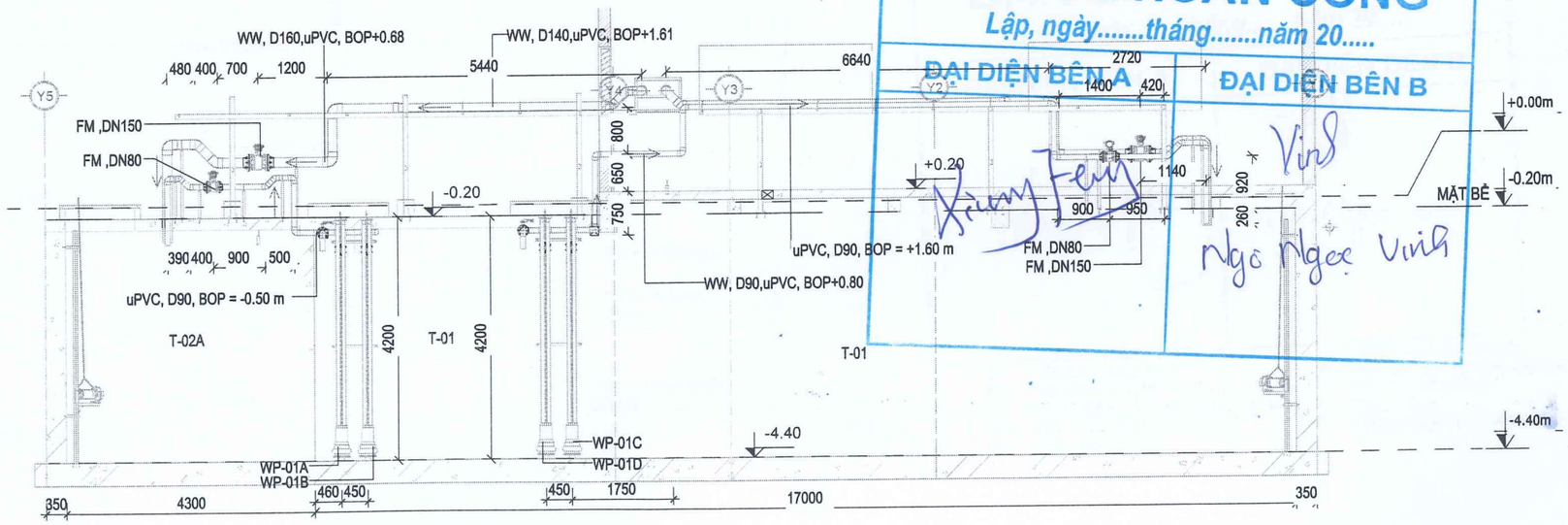

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Kiều Feng	Ngô Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT CẮT
剖面图

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DỄ XÍN

GIÁM ĐỐC
经理
LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ
项目经理
ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ
设计
ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN
绘图
ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 : SC: Asindicated A3

KÝ HIỆU: CN-2.1.03

ĐƯỜNG NƯỚC THẢI污水管道

CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM BỂ GOM
泵池安装细节

MẶT BẰNG
平面图

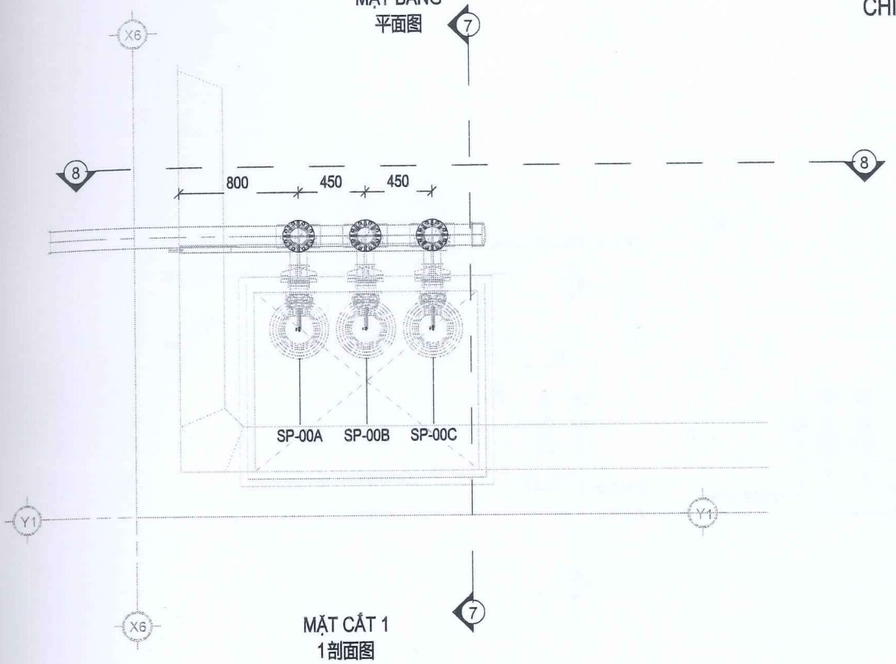

MẶT CẮT 1
1剖面图

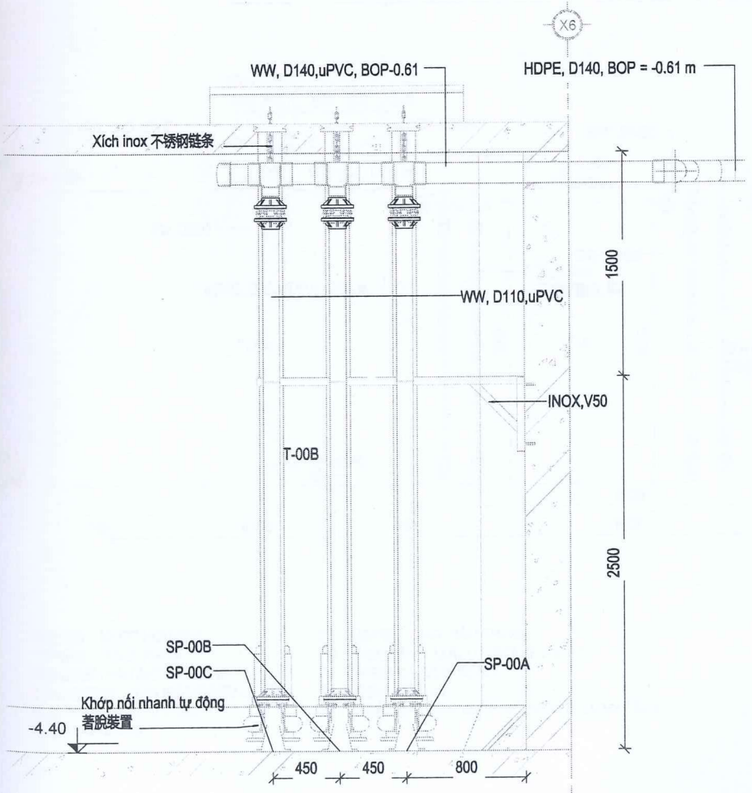

MẶT CẮT 2
2剖面图

3D VIEW

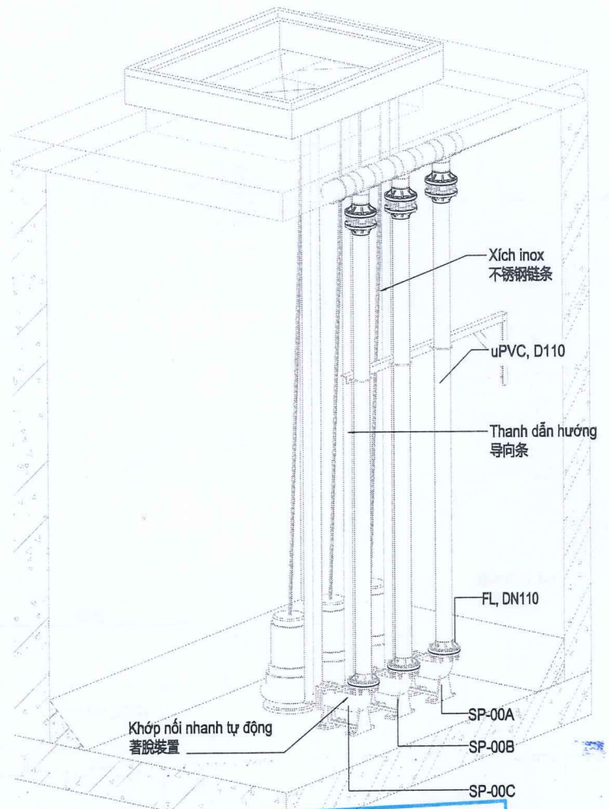

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Xiang Feng	Ngô Ngọc Vinh

FJ	: 柔性连接 - KHỚP NỐI MỀM	SL	: 消声管 - ỐNG GIẢM THANH
BV	: 塑料球阀 - VAN BI NHỰA	FM	: 电磁流量计 - LƯU LƯỢNG KẾ ĐIỆN TỬ
BCV	: 球形止回阀 - VAN MỘT CHIỀU BI	FL	: 空白法兰 - BÍCH RỖNG
CVL	: 摆动止回阀翻板 - VAN MỘT CHIỀU LÁ LẬT	BU	: 管接头 - Rắc cơ
BFV	: 蝶阀 - VAN BƯỚM TAY GẠT	FFJ	:不锈钢法兰软连接 KHỚP NỐI MỀM INOX MẶT BÍCH
GV	: 闸阀 - VAN CỔNG		

修改		
次数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM BỂ GOM
泵池安装细节

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP và THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, VietNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 :	SC: Asindicated	A3
KÝ HIỆU:	CN-2.1.04	

ĐƯỜNG NƯỚC THẢI污水管道

ĐƯỜNG BƠM BỂ ĐIỀU HÒA
空调泵管道

MẶT BẰNG
平面图

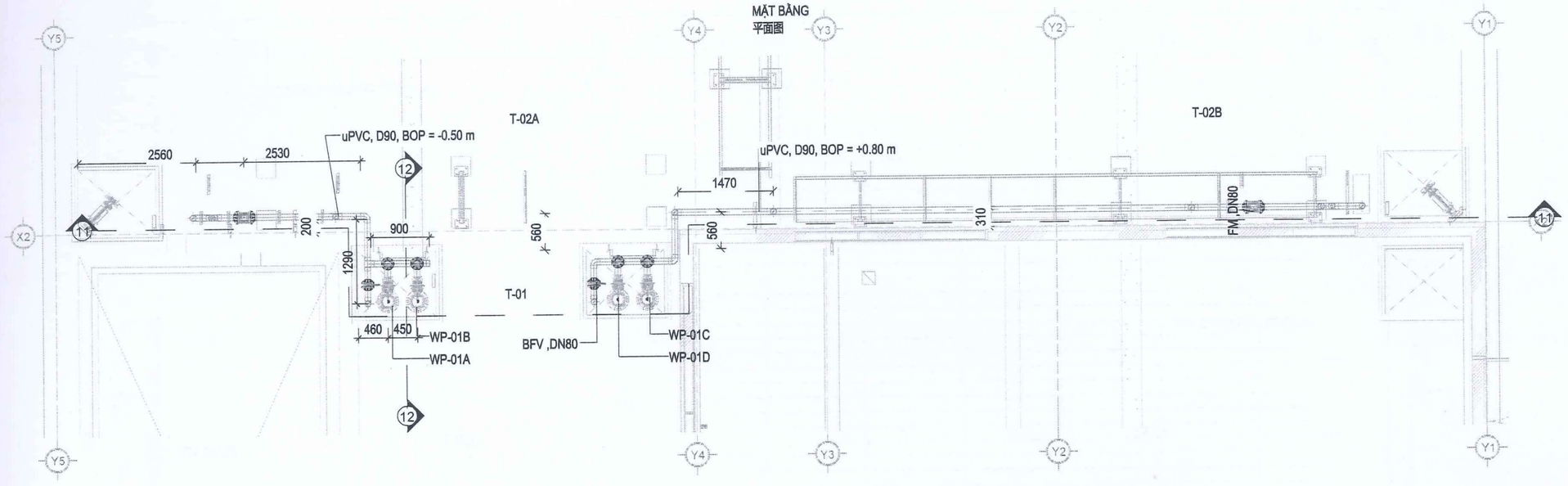

MẶT CẮT 2-2
2-2剖面图

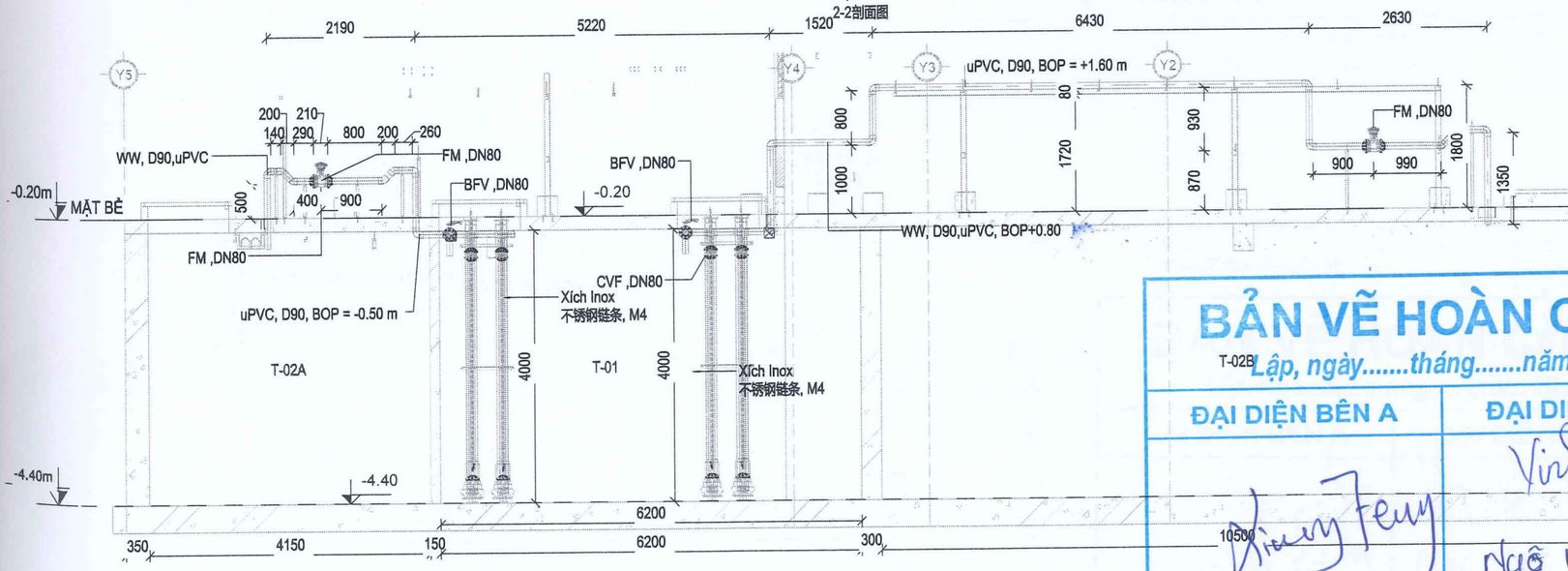

MẶT CẮT 1-1
1-1剖面图

FJ : 柔性连接 - KHỚP NỐI MỀM
BV : 塑料球阀 - VAN BI NHỰA
BCV : 球形止回阀 - VAN MỘT CHIỀU BI
CVL : 摆动止回阀翻板 - VAN MỘT CHIỀU LÁ LẬT
BFV : 蝶阀 - VAN BƯỚM TAY GẠT
GV : 闸阀 - VAN CỔNG

SL : 消声管 - ỐNG GIẢM THANH
FM : 电磁流量计 - LƯU LƯỢNG KẾ ĐIỆN TỪ
FL : 空白法兰 - BÍCH RỖNG
BU : 管接头 - Rắc co
FFJ : 不锈钢法兰软连接 KHỚP NỐI MỀM INOX MẶT BÍCH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

T-02B *Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....*

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Kiang Feng	Vinh Ngô Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

ĐƯỜNG BƠM BỂ ĐIỀU HÒA
空调泵管道

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Kha Lễ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理
LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理
ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计
ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图
ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
日期 :		
页 :	SC: Asindicated	A3
KÝ HIỆU:	CN-2.1.05	

ĐƯỜNG NƯỚC THẢI污水管道

ĐƯỜNG BƠM NỘI TUẦN HOÀN
内循环泵管路

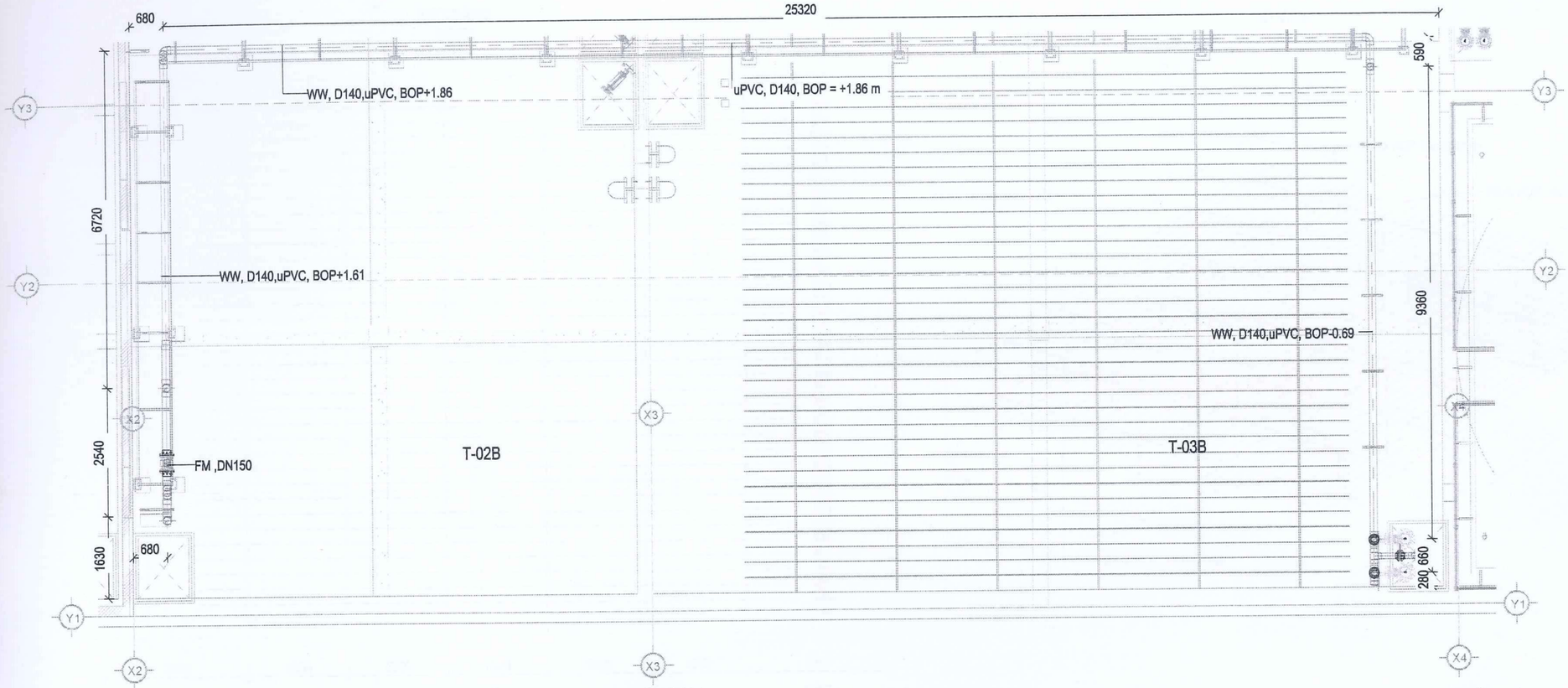

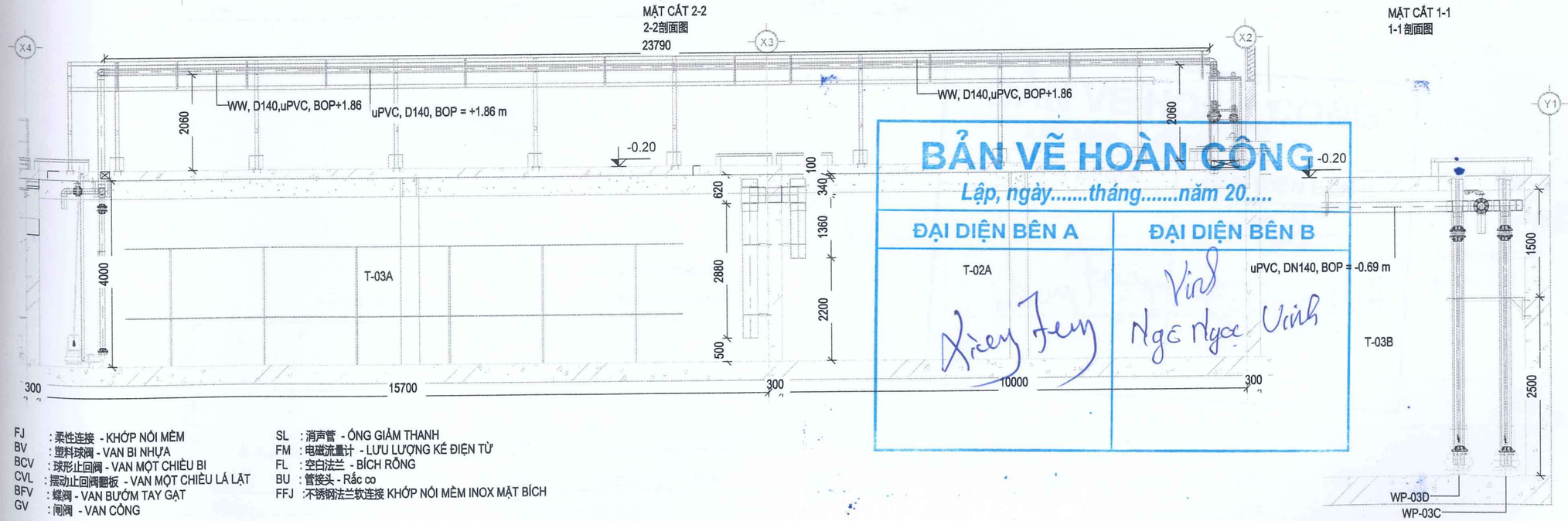

FJ : 柔性连接 - KHỚP NỐI MỀM
BV : 塑料球阀 - VAN BI NHỰA
BCV : 球形止回阀 - VAN MỘT CHIỀU BI
CVL : 摆动止回阀翻板 - VAN MỘT CHIỀU LÁ LẬT
BFV : 蝶阀 - VAN BƯỚM TAY GẠT
GV : 闸阀 - VAN CỔNG

SL : 消声管 - ỐNG GIẢM THANH
FM : 电磁流量计 - LƯU LƯỢNG KẾ ĐIỆN TỬ
FL : 空白法兰 - BÍCH RỖNG
BU : 管接头 - Rắc co
FFJ : 不锈钢法兰软连接 KHỚP NỐI MỀM INOX MẶT BÍCH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
T-02A	Vinh Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

ĐƯỜNG BƠM NỘI TUẦN HOÀN
内循环泵管路

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP Và THI CÔNG LẮP đặt Hệ THỐNG XỬ Lý NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :
Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商
CÔNG TY TNHH DE XIN

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 : SC: Asindicated

KÝ HIỆU: CN-2.1.06

A3

KHUNG ĐỠ GIÁ THỂ SỢI
生物滤绳架

MẶT BẰNG
平面图

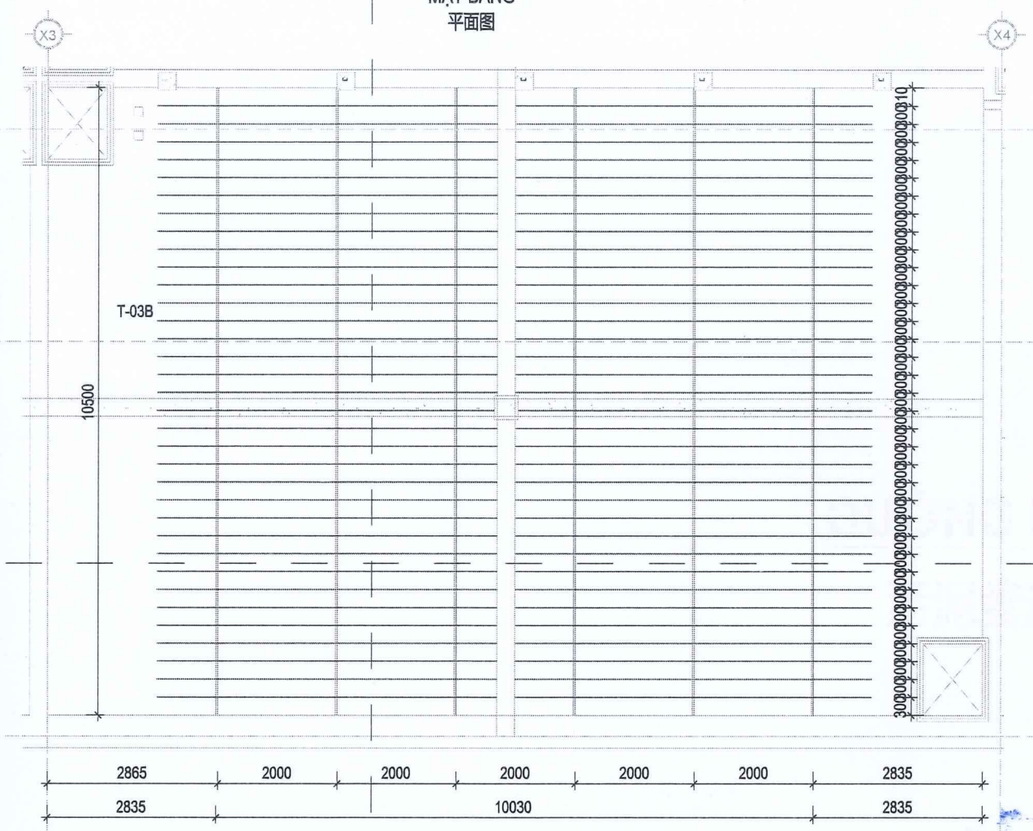

3D VIEW

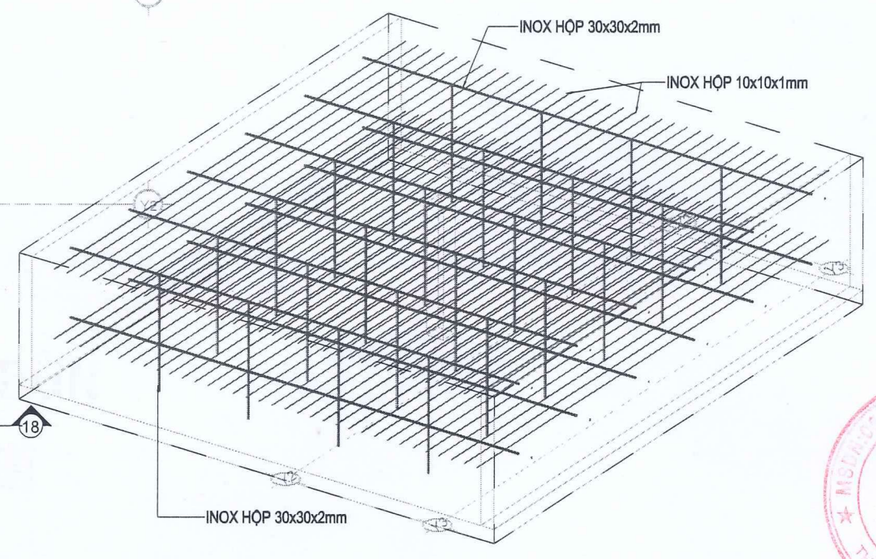

MẶT CẮT 1-1
1-1剖面图

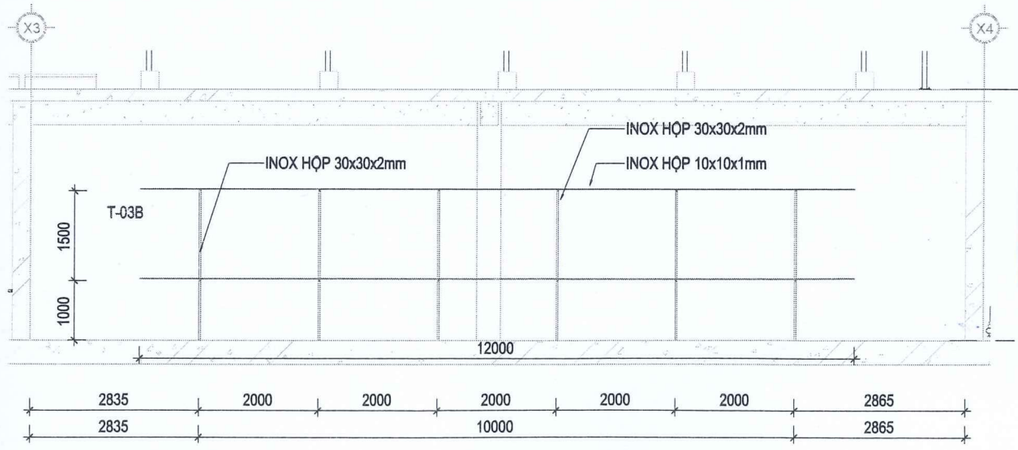

MẶT CẮT 2-2
2-2剖面图

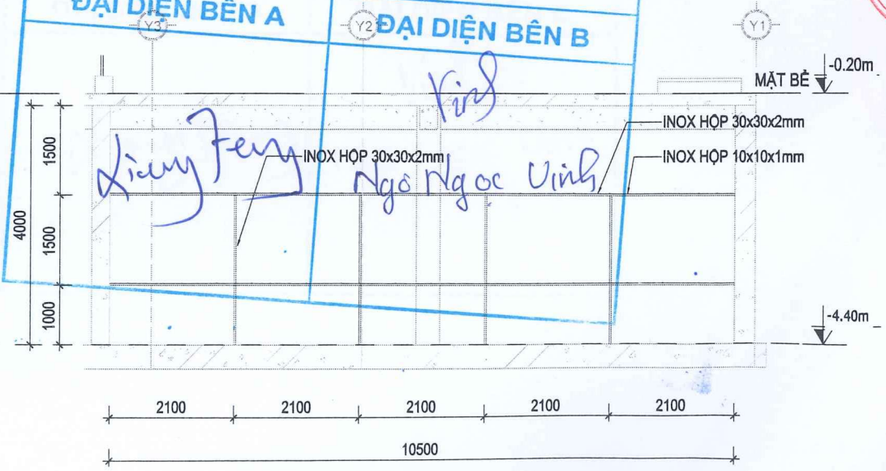

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....
ĐẠI DIỆN BÊN A
ĐẠI DIỆN BÊN B
Ngô Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

KHUNG ĐỠ GIÁ THỂ SỢI
生物滤绳架

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :
Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商
CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khai Lễ, Thị Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG
CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH
THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG
THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG
日期 :
页 : SC: 1 : 100 A3
KÝ HIỆU: CN-2.1.07

ĐƯỜNG BÙN

污泥管道

BẢN VẼ HOÀN CÔNG *Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....*	
ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Xiongfeng	Vinh Ngô Ngọc Vinh

ĐƯỜNG BÙN 污泥管道

3D ĐƯỜNG BÙN
3D污泥管道

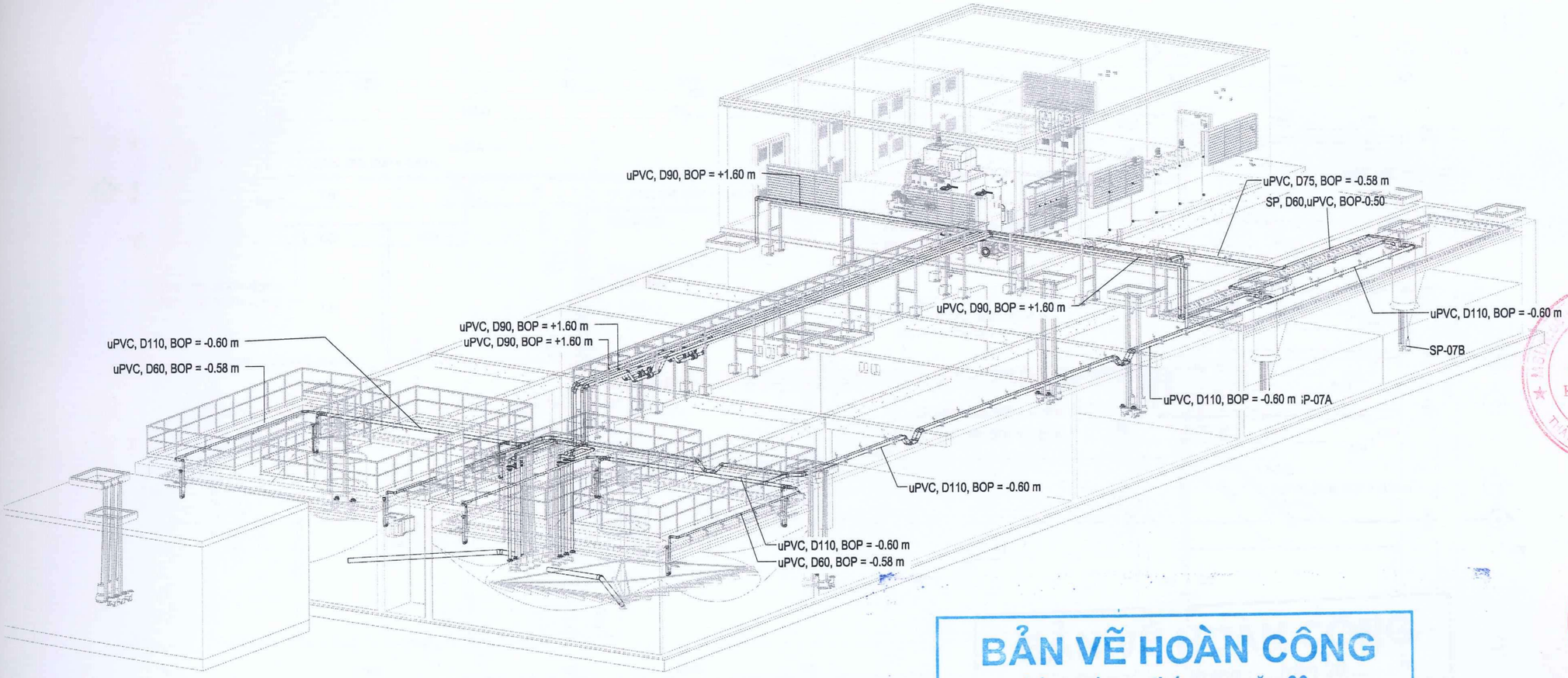

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Vinh Ngô Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

3D ĐƯỜNG BÙN
3D污泥管道

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT Hệ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 :	SC:	A3
KÝ HIỆU:	CN-2.2.01	

ĐƯỜNG BÙN 污泥管道

MẶT BẰNG ĐƯỜNG BÙN
污泥管道平面图

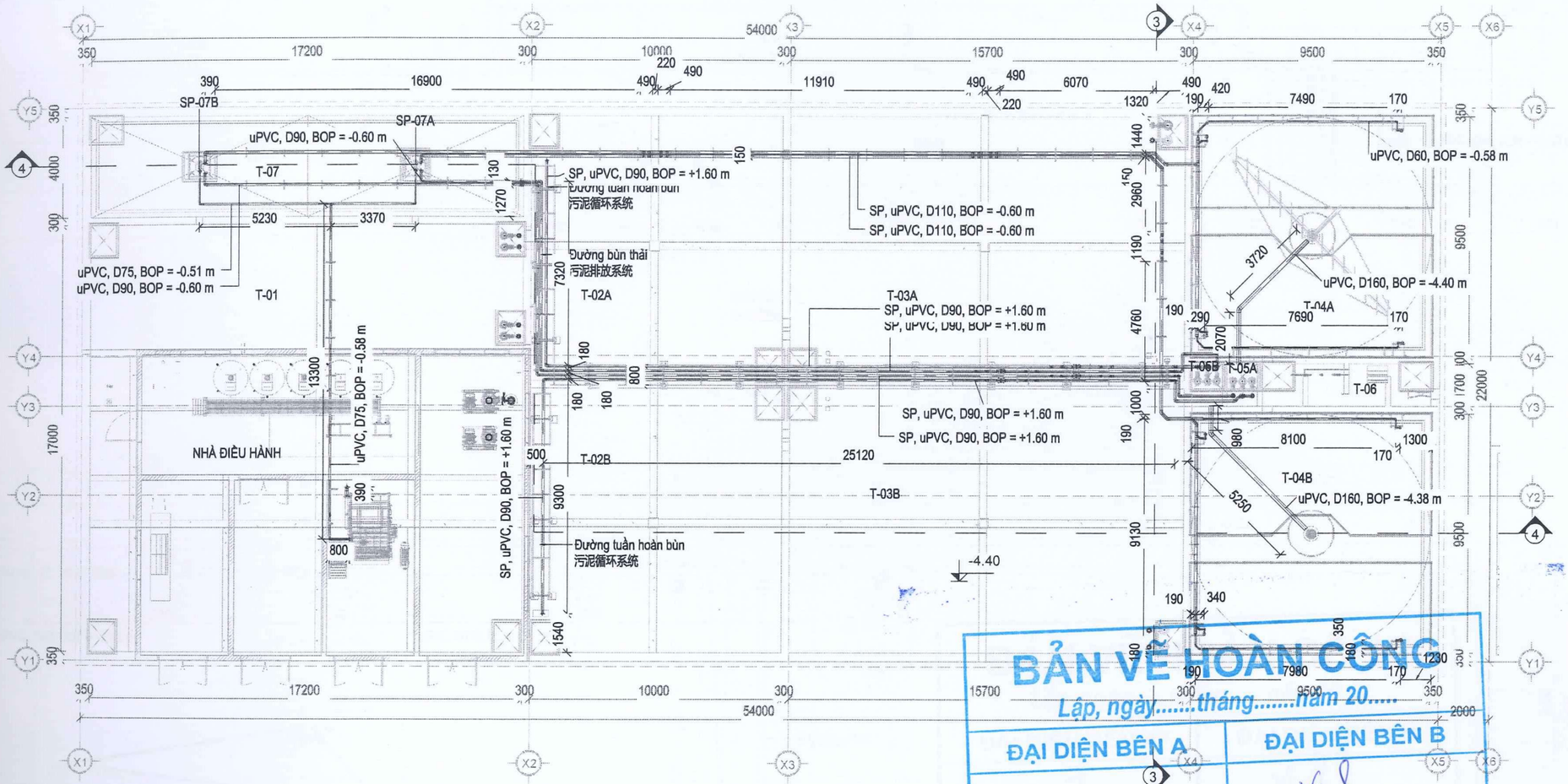

GHI CHÚ/ 备注:

T-00A/B : BỂ GOM/ 废水集水池
T-01 : BỂ ĐIỀU HÒA/ 调节池
T-02A/B : BỂ THIẾU KHÍ/ 和缺氧池
T-03A/B : BỂ HIẾU KHÍ/ 曝气池
T-04A/B : BỂ LẮNG/ 沉淀池
T-05A/B : BỂ THU BÙN BỂ LẮNG/ 污泥收集池
T-06 : BỂ KHỬ TRÙNG/ 消毒池
T-07 : BỂ CHỨA BÙN/ 污泥池

NO.	KÝ HIỆU/符号	TÊN ỐNG/ 管道名称
1	WW	Đường ống dẫn nước thải/ 污水管道
2	CP	Đường ống dẫn hóa chất/ 药品管道
3	AP	Đường ống dẫn khí/ 配气管道
4	SP	Đường ống dẫn bùn/ 泥浆管道
5	CW	Đường ống dẫn nước sạch/ 干净的水管道
6	MC	Đường máng cáp điện/ 线槽布置

- Cos ±0.0 = Cao độ mặt cỏ hoàn thiện/ 草坪完成标高
- Cos -0.2 = Cao độ mặt bể/ 池面标高
- BOP=FL+: Tag đáy ống so với cos ±0.0/ 标记底管 vs. cos ±0.0
- BOT=FL+: Tag đáy máng cáp điện so với cos ±0.0/ 线槽底 vs. cos ±0.0

FJ : 柔性连接 - KHỚP NỐI MỀM
BV : 塑料球阀 - VAN BI NHỰA
BCV : 球形止回阀 - VAN MỘT CHIỀU BI
CVL : 摆动止回阀翻板 - VAN MỘT CHIỀU LÁ LẬT
BFV : 蝶阀 - VAN BƯỚM TAY GẠT
GV : 闸阀 - VAN CỔNG

SL : 消声管 - ỐNG GIẢM THANH
FM : 电磁流量计 - LƯU LƯỢNG KẾ ĐIỆN TỪ
FL : 空白法兰 - BÍCH RỖNG
BU : 管接头 - Rắc co
FFJ :不锈钢法兰软连接 KHỚP NỐI MỀM INOX MẶT BÍCH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Xing Feng	Vinh Ngô Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG ĐƯỜNG BÙN
污泥管道平面图

CÔNG TRÌNH - 项目
CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程
CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :
Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商
CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Kha Lãnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理
LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理
ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计
ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图
ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 : SC: Asindicated A3

KÝ HIỆU: CN-2.2.02

ĐƯỜNG BÙN 污泥管道

MẶT CẮT
剖面图

MẶT CẮT 1-1
1-1剖面图

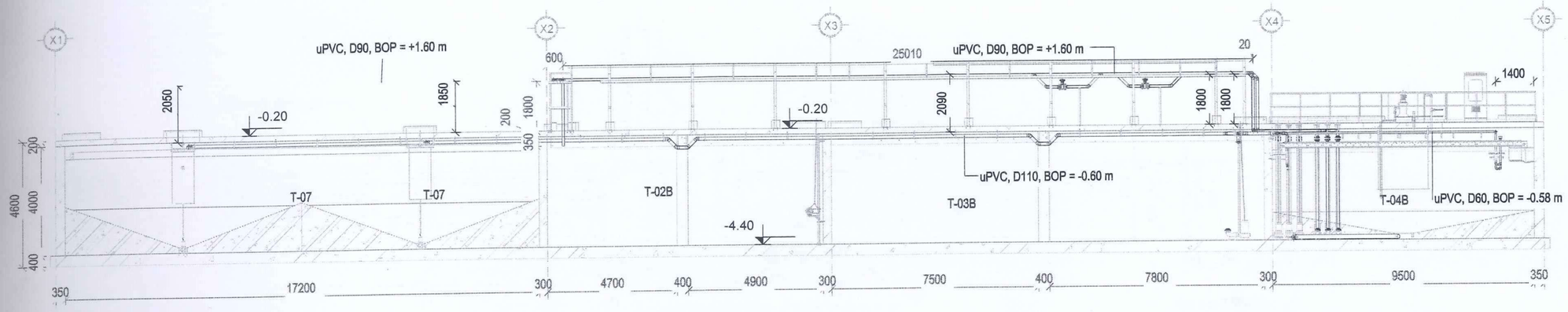

MẶT CẮT 2-2
2-2剖面图

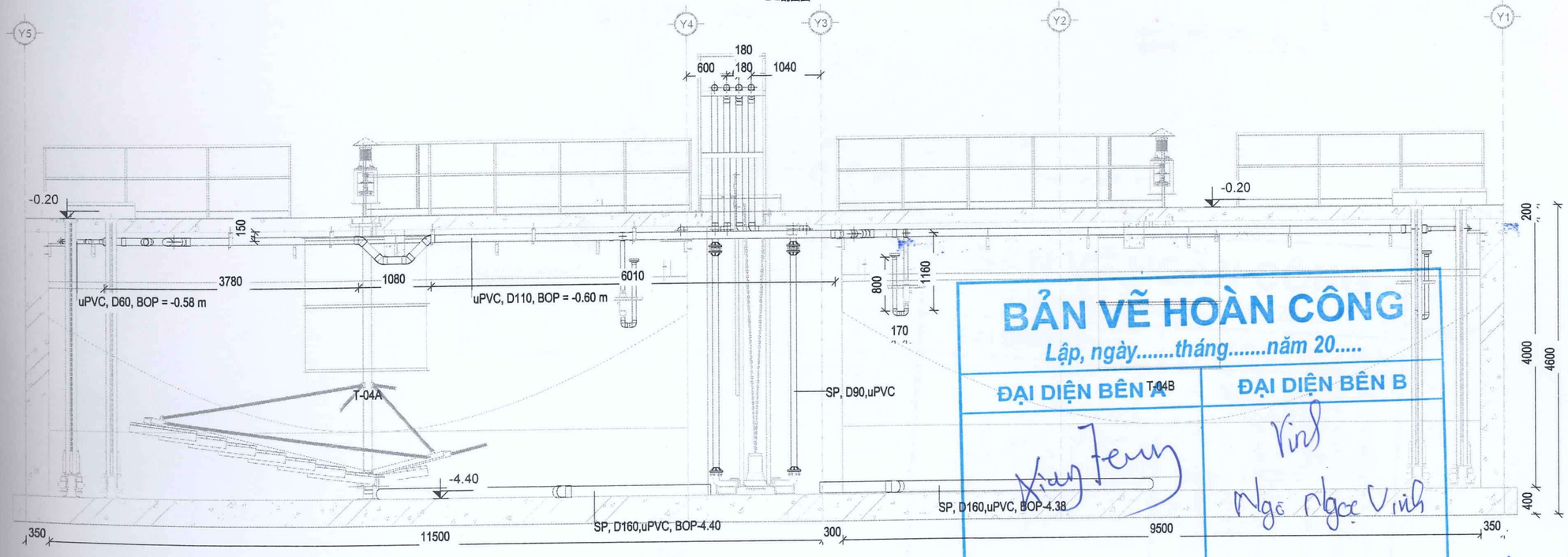

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Ngô Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT CẮT
剖面图

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Kinh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 : SC: Asindicated A3

KÝ HIỆU: CN-2.2.03

ĐƯỜNG BÙN 污泥管道

BƠM HỒI LƯU BÙN & BƠM XẢ BÙN DƯ
泥浆回流泵 & 去除多余污泥泵

MẶT BẰNG
平面图

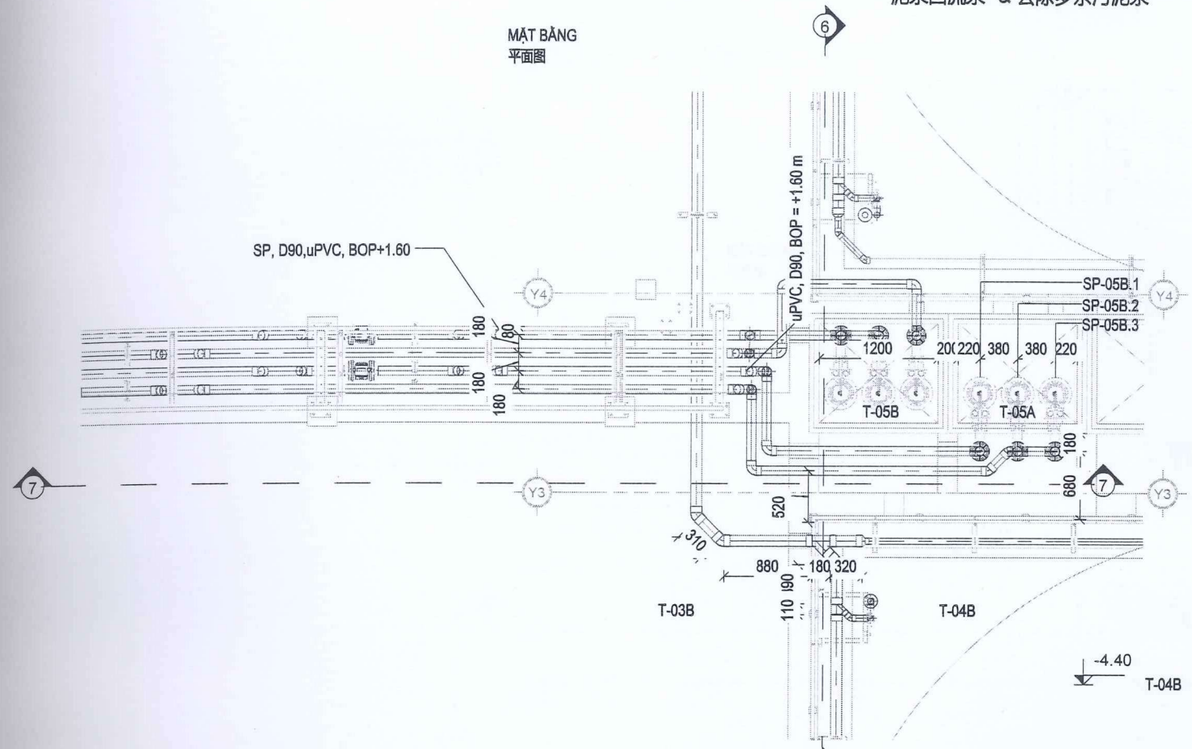

MẶT CẮT 1-1
1-1剖面图

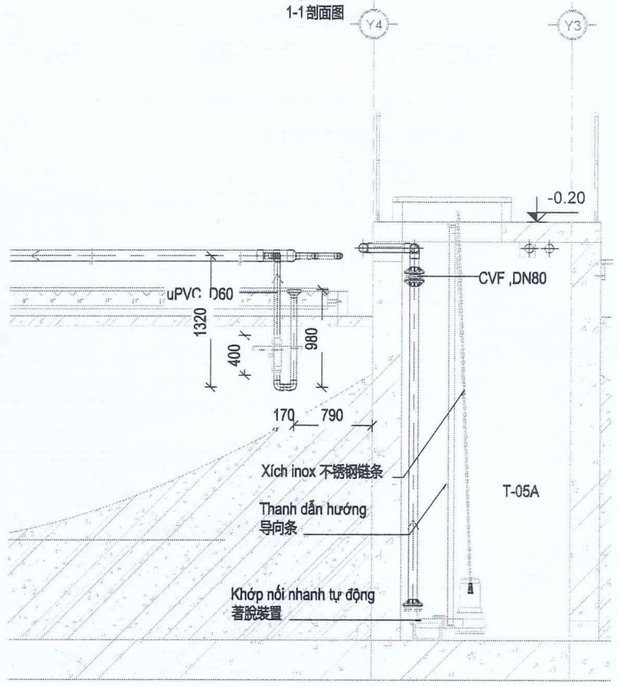

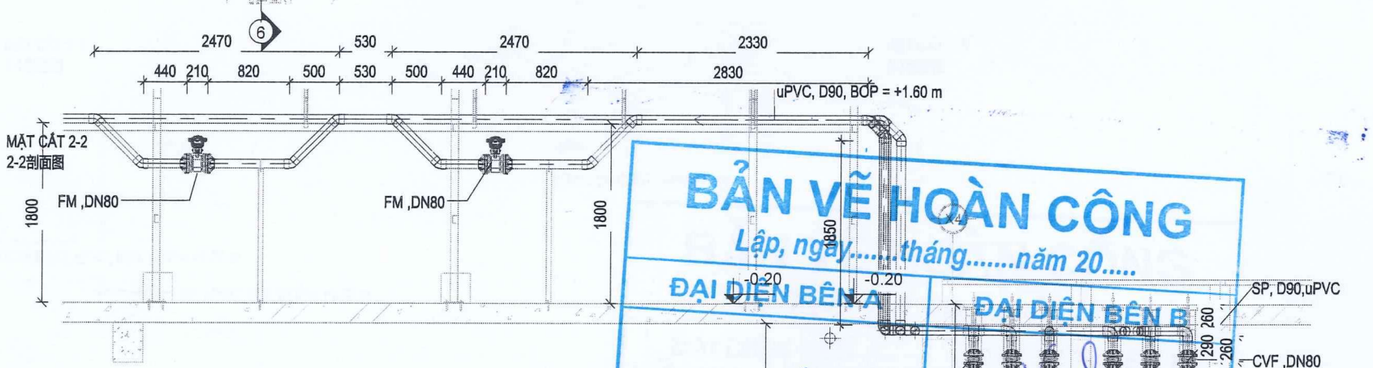

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....
ĐẠI DIỆN BÊN A
ĐẠI DIỆN BÊN B

FJ : 柔性连接 - KHỚP NỐI MỀM
BV : 塑料球阀 - VAN BI NHỰA
BCV : 球形止回阀 - VAN MỘT CHIỀU BI
CVL : 摆动止回阀翻板 - VAN MỘT CHIỀU LÁ LẬT
BFV : 蝶阀 - VAN BƯỚM TAY GẠT
GV : 闸阀 - VAN CỔNG

SL : 消声管 - ỐNG GIẢM THANH
FM : 电磁流量计 - LƯU LƯỢNG KẾ ĐIỆN TỬ
FL : 空白法兰 - BÍCH RỖNG
BU : 管接头 - Rắc co
FFJ : 不锈钢法兰软连接 KHỚP NỐI MỀM INOX MẶT BÍCH

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
BƠM HỒI LƯU BÙN & BƠM XẢ BÙN DƯ
泥浆回流泵 & 去除多余污泥泵

CÔNG TRÌNH - 项目
CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程
CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG XỬ Lý NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :
Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商
CÔNG TY TNHH DỄ XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
GIÁM ĐỐC 经理
LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理
ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计
ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图
ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 : SC: Asindicated A3

KÝ HIỆU: CN-2.2.04

ĐƯỜNG BÙN 污泥管道

CHI TIẾT MÁY ÉP BÙN
污泥脱水安装详情

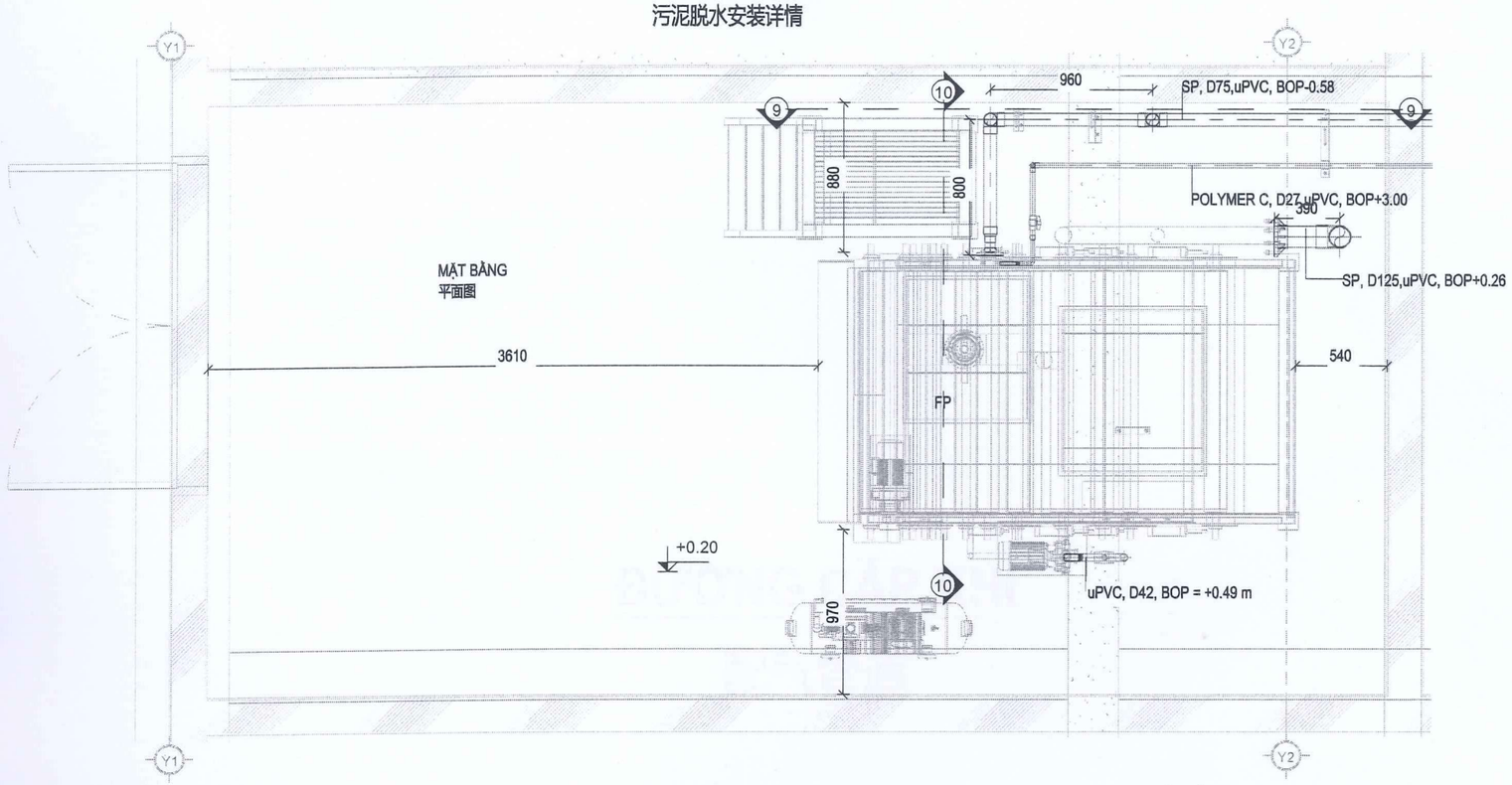

MẶT CẮT 1-1
1-1剖面图

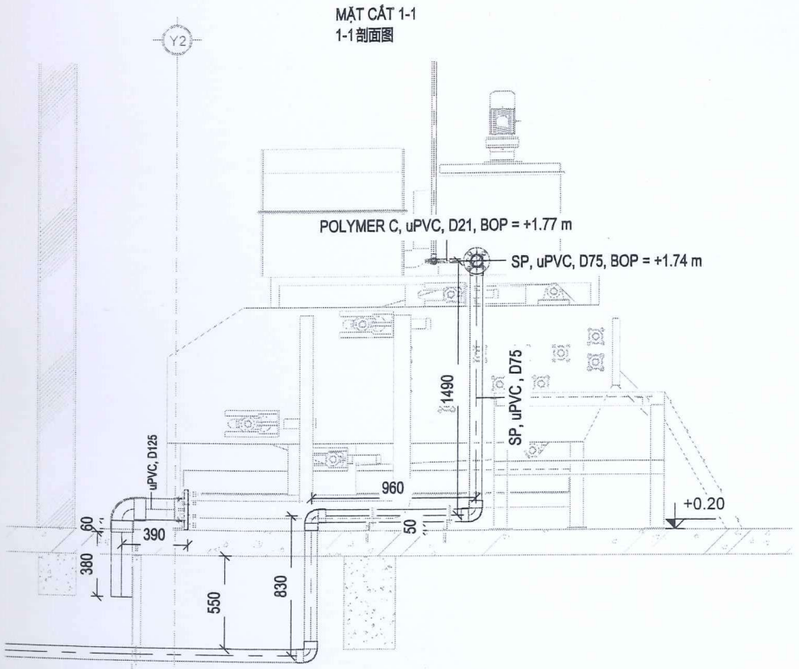

MẶT CẮT 2-2
2-2剖面图

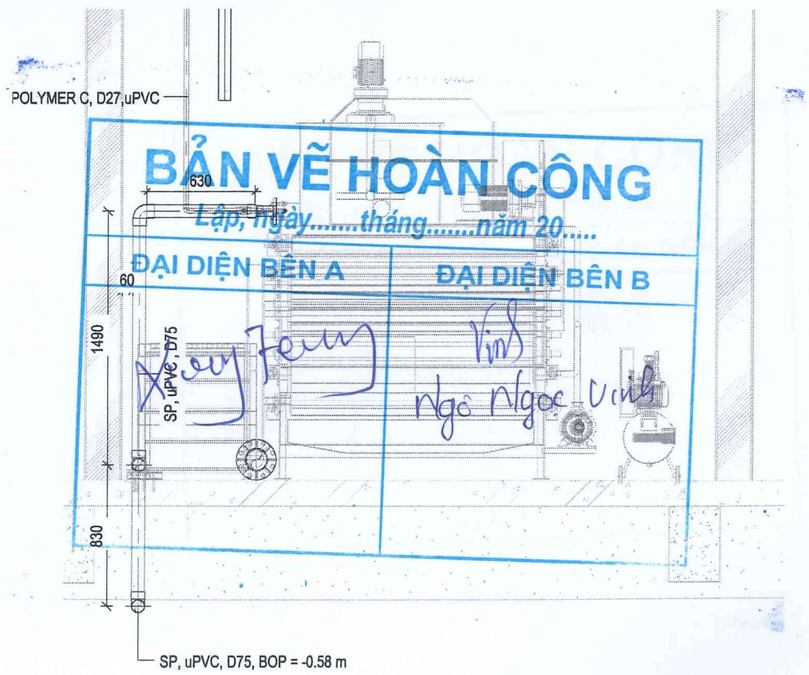

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....
ĐẠI DIỆN BÊN A
ĐẠI DIỆN BÊN B

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

CHI TIẾT MÁY ÉP BÙN
污泥脱水安装详情

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地点 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC
经理
LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ
项目经理
ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ
设计
ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN
绘图
ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 : SC: 1 : 35 A3

KÝ HIỆU: CN-2.2.05

ĐƯỜNG CẤP KHÍ

配气管道

BẢN VẼ HOÀN CÔNG *Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....*	
ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Vinh Ngô Ngọc Vinh

ĐƯỜNG CẤP KHÍ配气管道

3D ĐƯỜNG KHÍ
3D配气管道

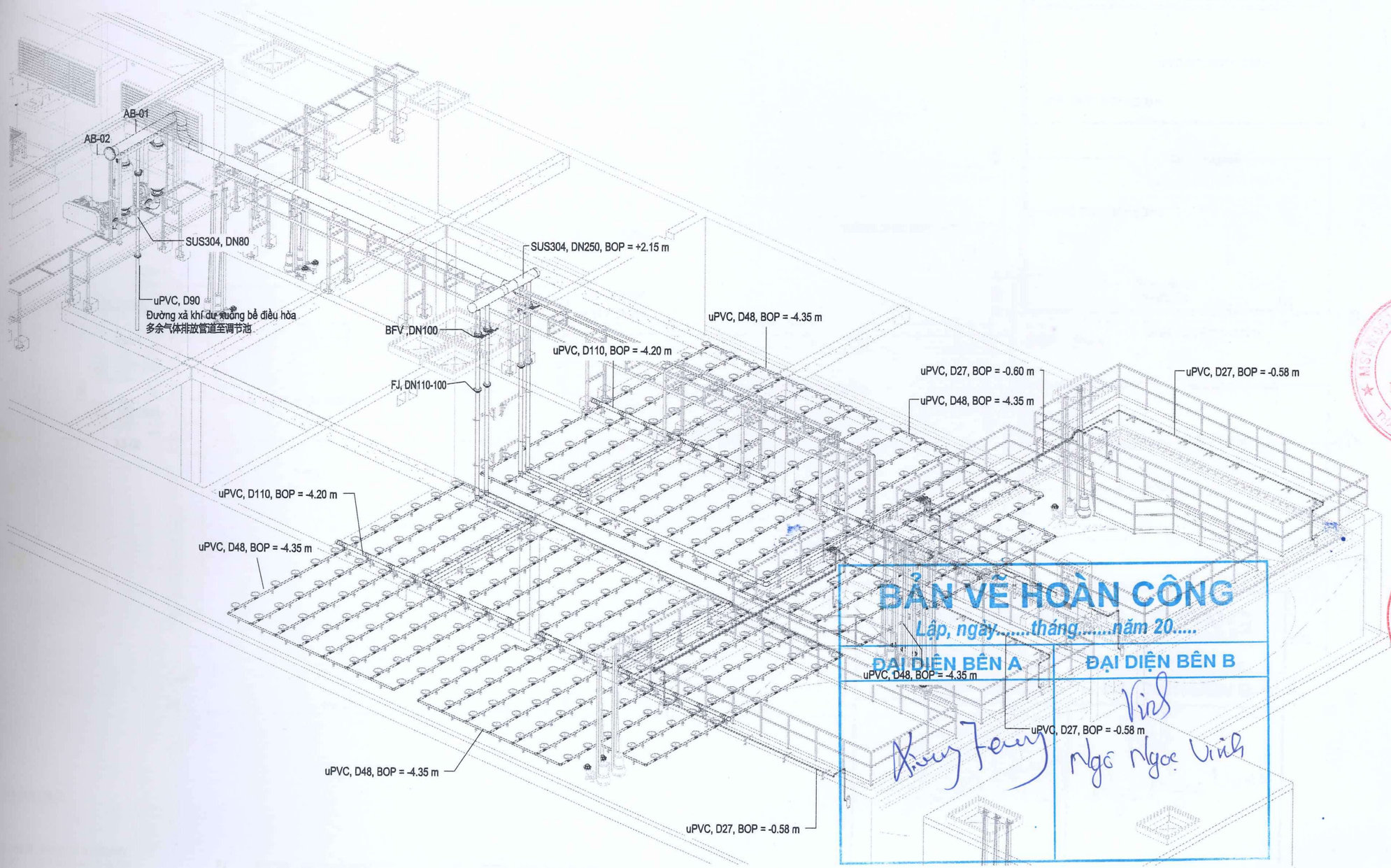

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Ngo Ngoc Vinh	Ngo Ngoc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

3D ĐƯỜNG KHÍ
3D配气管道

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP Và THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG XỬ Lý NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Kha Lễ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 : SC: A3

KÝ HIỆU: CN-2.3.01

ĐƯỜNG CẤP KHÍ配气管道

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ TỪ COS -1.0M ĐẾN + COS 3.0M
配气管道平面图

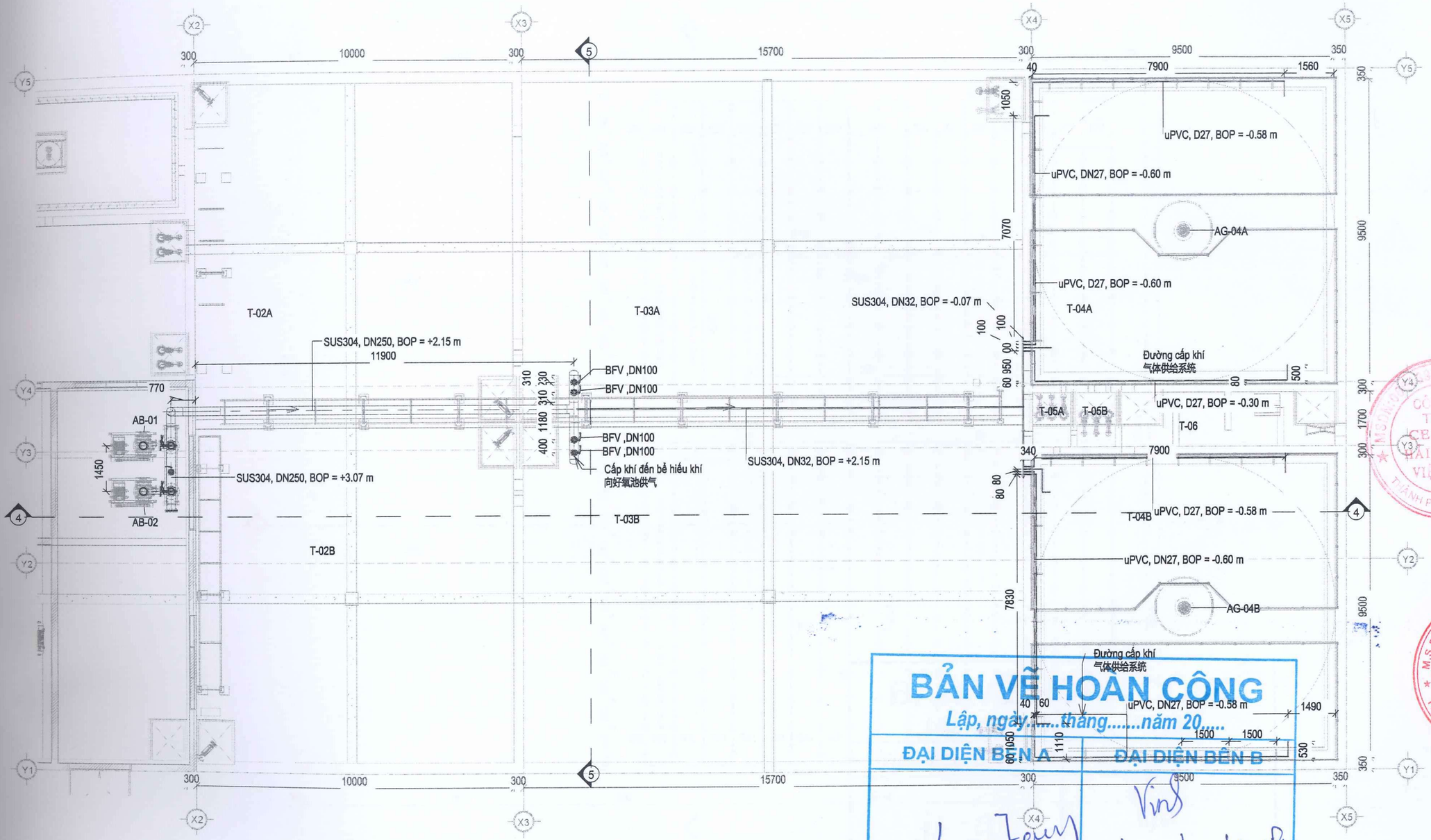

GHI CHÚ/ 备注:

T-00A/B: BỂ GOM/ 废水集水池
T-01 : BỂ ĐIỀU HÒA/ 调节池
T-02A/B: BỂ THIẾU KHÍ/ 和缺氧池
T-03A/B: BỂ HIẾU KHÍ/ 曝气池
T-04A/B: BỂ LẮNG/ 沉淀池
T-05A/B: BỂ THU BÙN BỂ LẮNG/ 污泥收集池
T-06 : BỂ KHỬ TRÙNG/ 消毒池
T-07 : BỂ CHỨA BÙN/ 污泥池

FJ : 柔性连接 - KHỚP NỐI MỀM
BV : 塑料球阀 - VAN BI NHỰA
BCV : 球形止回阀 - VAN MỘT CHIỀU BI
CVL : 摆动止回阀翻板 - VAN MỘT CHIỀU LÁ LẬT
BFV : 蝶阀 - VAN BƯỚM TAY GẠT
GV : 闸阀 - VAN CỔNG

SL : 消声管 - ỐNG GIẢM THANH
FM : 电磁流量计 - LƯU LƯỢNG KẾ ĐIỆN TỪ
FL : 空白法兰 - BÍCH RỖNG
BU : 管接头 - Rắc co
FFJ :不锈钢法兰软连接 KHỚP NỐI MỀM INOX MẶT BÍCH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Xiong Feng	Ngô Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ TỪ COS -1.0M ĐẾN + COS 3.0M
配气管道平面图

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH ĐỆ XIN
M.S.D.N: 2301079053 C.T.N.H.H
CÔNG TY T.N.H.H
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
ĐỆ XIN
TP. BẮC NINH - T.

GIÁM ĐỐC
经理
LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ
项目经理
ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ
设计
ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN
绘图
ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 :	SC: Asindicated	A3
KÝ HIỆU:	CN-2.3.02	

ĐƯỜNG CẤP KHÍ配气管道

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ TỪ COS -4.4M ĐẾN COS -1.0M
配气管道平面图

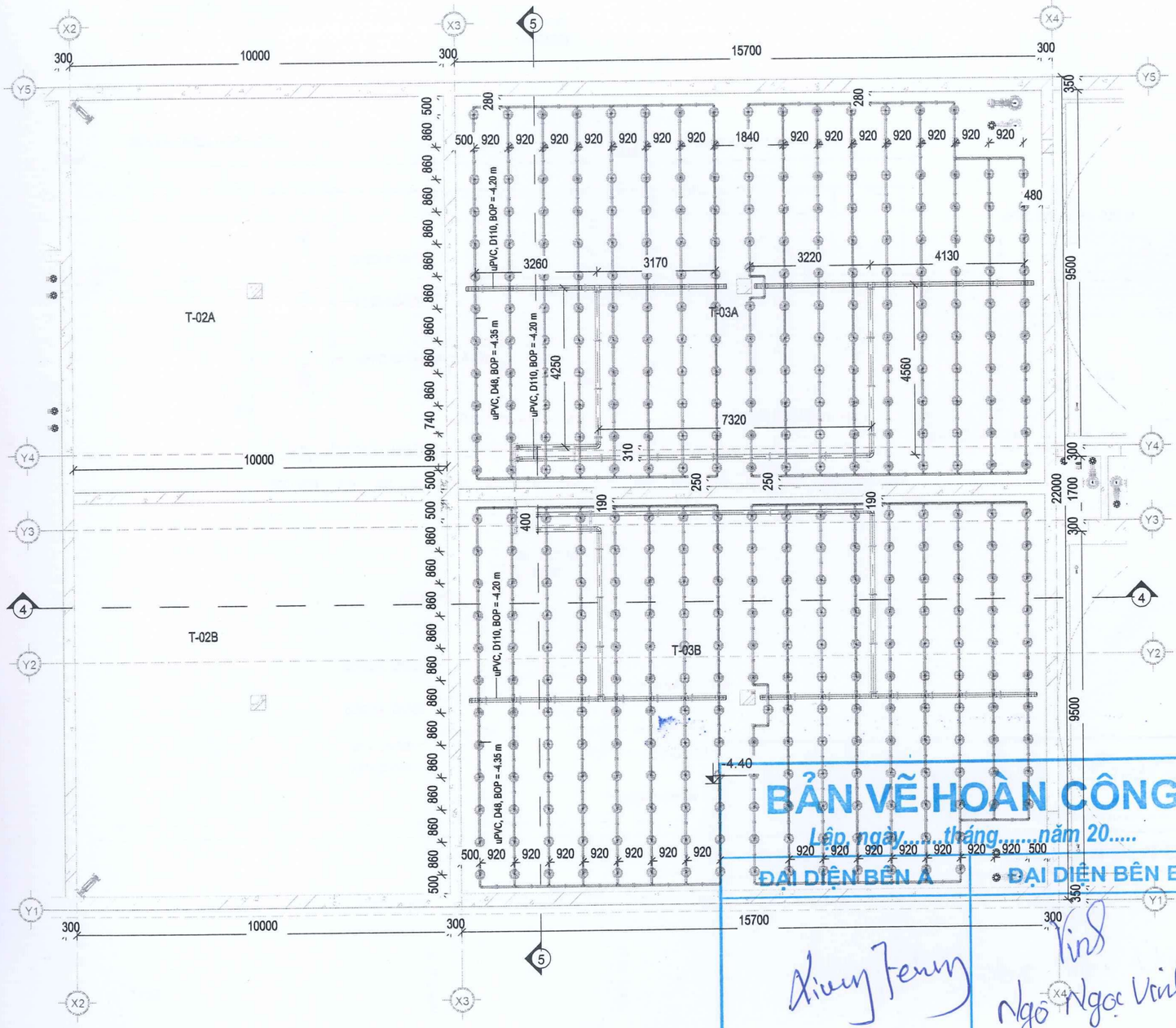

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập ngày.....tháng.....năm 20.....
ĐẠI DIỆN BÊN A
ĐẠI DIỆN BÊN B
Ngô Ngọc Vinh

GHI CHÚ/ 备注:

T-00A/B: BỂ GOM/ 废水集水池
T-01 : BỂ ĐIỀU HÒA/ 调节池
T-02A/B: BỂ THIẾU KHÍ/ 和缺氧池
T-03A/B: BỂ HIẾU KHÍ/ 曝气池
T-04A/B: BỂ LẮNG/ 沉淀池
T-05A/B: BỂ THU BÙN BỂ LẮNG/ 污泥收集池
T-06 : BỂ KHỬ TRÙNG/ 消毒池
T-07 : BỂ CHỨA BÙN/ 污泥池

FJ : 柔性连接 - KHỚP NỐI MỀM
BV : 塑料球阀 - VAN BI NHỰA
BCV : 球形止回阀 - VAN MỘT CHIỀU BI
CVL : 摆动止回阀翻板 - VAN MỘT CHIỀU LÁ LẬT
BFV : 蝶阀 - VAN BƯỚM TAY GẠT
GV : 闸阀 - VAN CỔNG

SL : 消声管 - ỐNG GIẢM THANH
FM : 电磁流量计 - LƯU LƯỢNG KẾ ĐIỆN TỪ
FL : 空白法兰 - BÍCH RỖNG
BU : 管接头 - Rắc cơ
FFJ : 不锈钢法兰软连接 KHỚP NỐI MỀM INOX MẶT BÍCH

修改		
次数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ TỪ COS -4.4M ĐẾN COS -1.0M
配气管道平面图

CÔNG TRÌNH - 项目
CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程
CUNG CẤP và THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG XỬ Lý NướC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地点 :
Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商
CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Phường Nguyên Quyền, Khu Khả Lễ ,Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理
LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理
ĐÔNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计
ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图
ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 : SC: As indicated

KÝ HIỆU: CN-2.3.03

A3

ĐƯỜNG CẤP KHÍ配气管道

MẶT CẮT
剖面图

MẶT CẮT 1-1
1-1剖面图

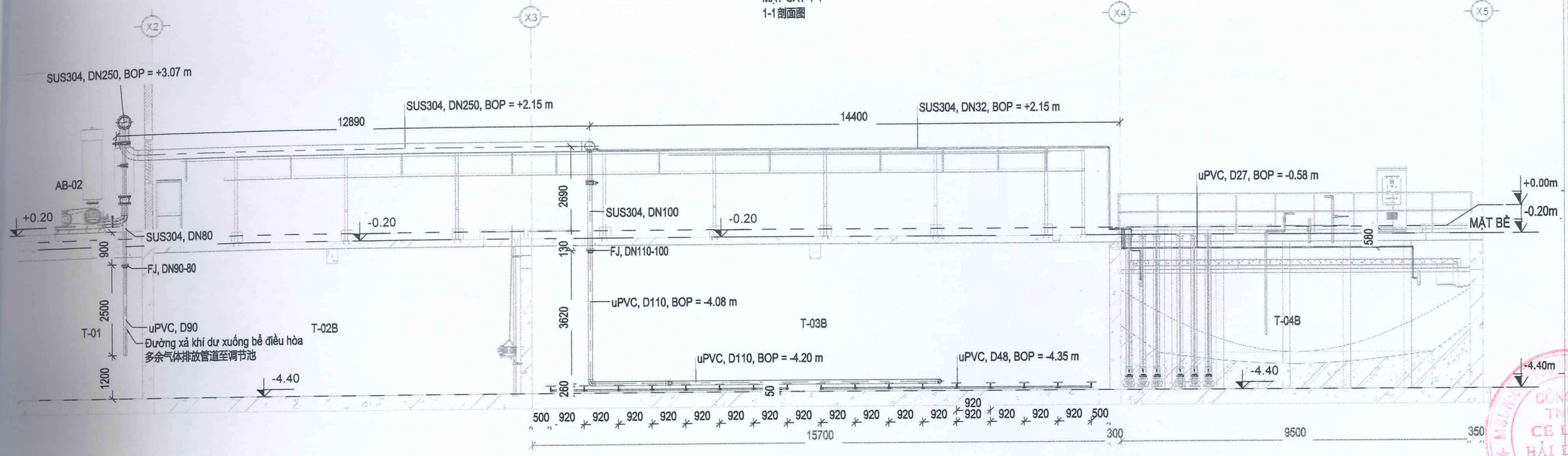

MẶT CẮT 2-2
2-2剖面图

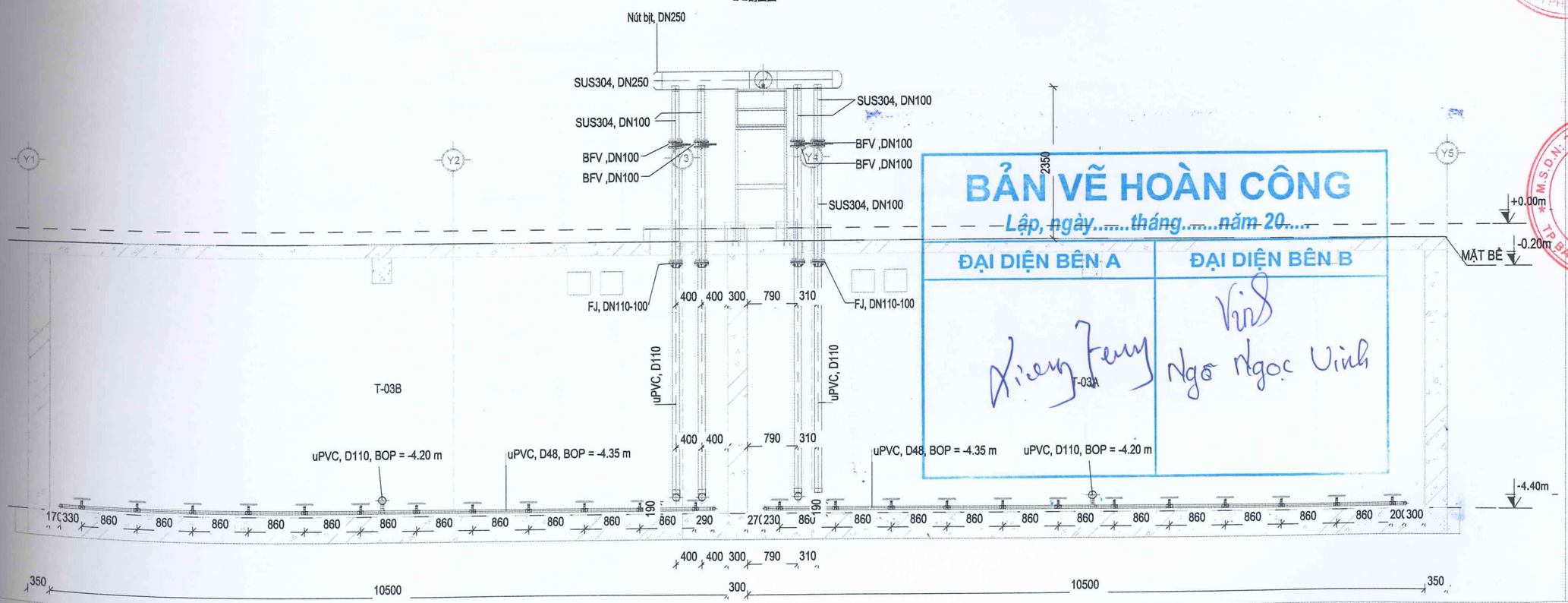

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Xiang Feng	Ngo Ngoc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT CẮT
剖面图

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG Xử Lý NướC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu KCN Tiên Sơn, Thị Bắc Ninh, Việt Nam
GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỘNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 : SC: Asindicated A3

KÝ HIỆU: CN-2.3.04

ĐƯỜNG CẤP KHÍ配气管道

CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY THỔI KHÍ
鼓风机安装详情

MẶT BẰNG
平面图

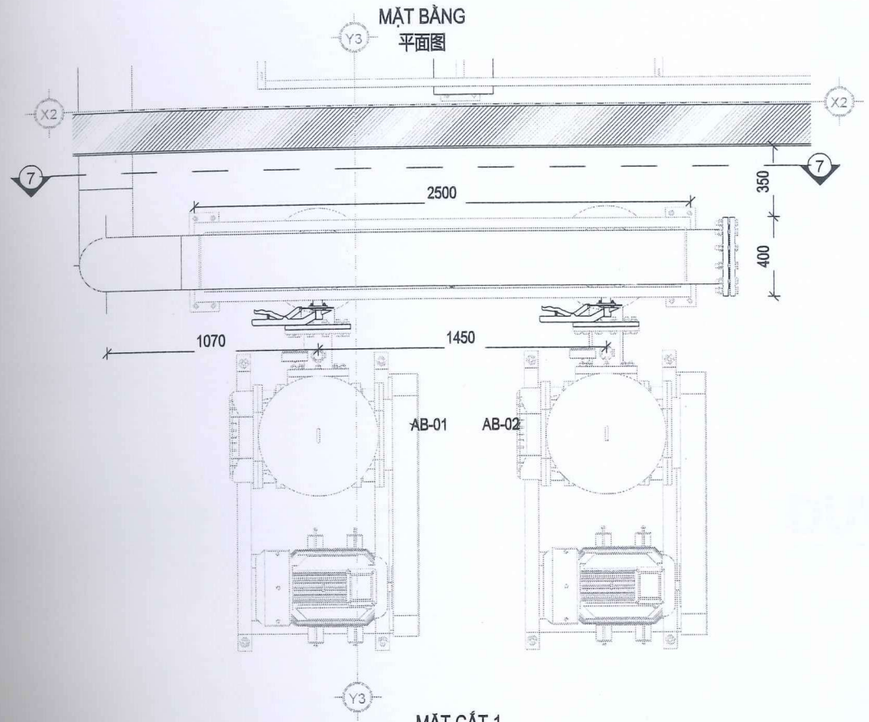

3D VIEW

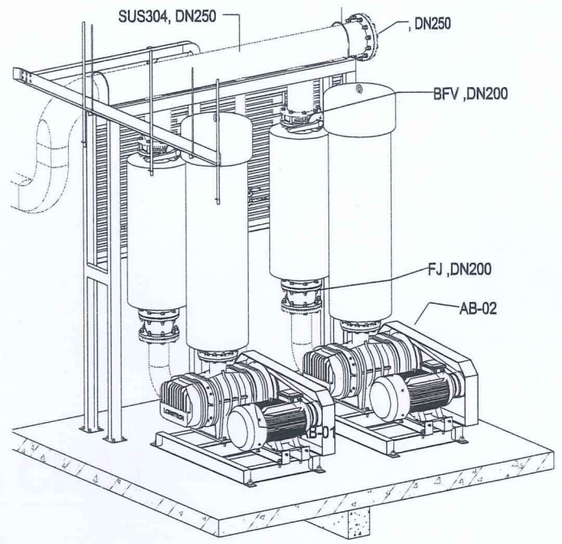

MẶT CẮT 1
1剖面图

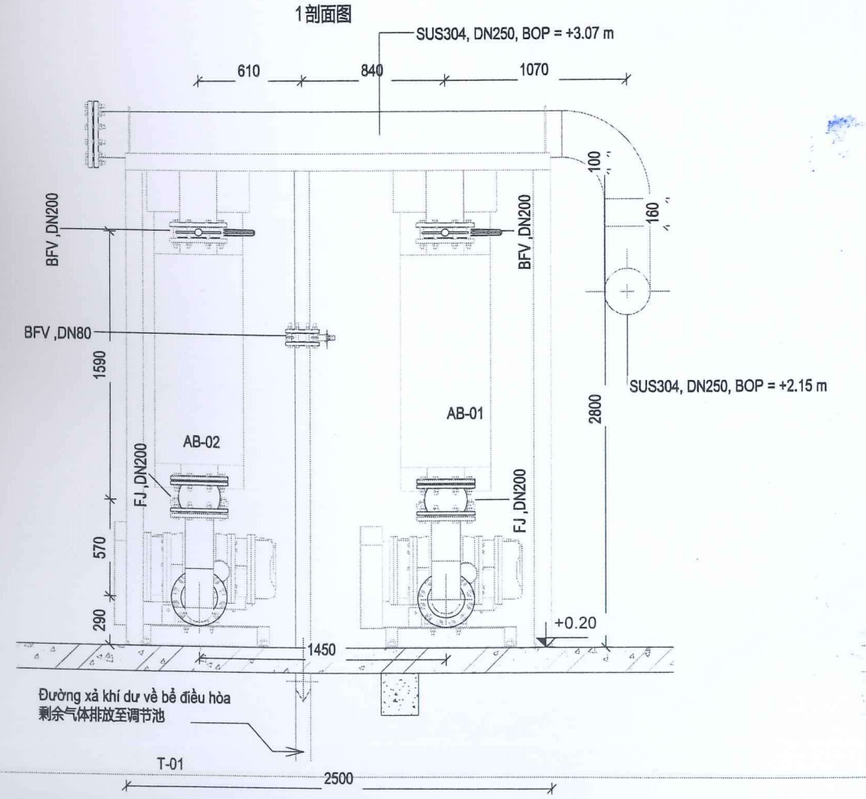

MẶT CẮT 2
2剖面图

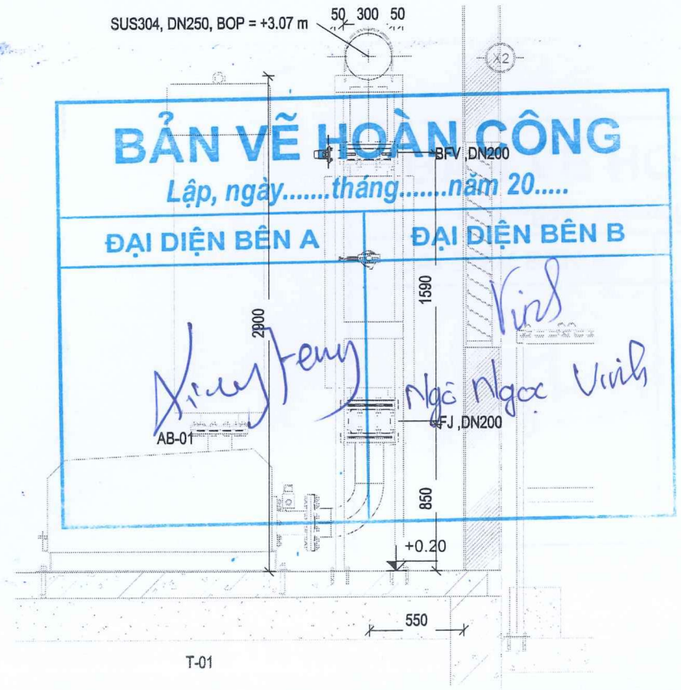

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....
ĐẠI DIỆN BÊN A | ĐẠI DIỆN BÊN B

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY THỔI KHÍ
鼓风机安装详情

CÔNG TRÌNH - 项目
CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程
CUNG CẤP Và THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG XỬ Lý Nước THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - . 工程地點 :
Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, VIệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商
CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG
CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH
THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG
THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG
日期 :
页 : SC: Asindicated
KÝ HIỆU: CN-2.3.05
A3

ĐƯỜNG HÓA CHẤT

化工管道

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG *Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....*	
ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B

M.S.D.N: 2301079053 CÔNG TY T.N.H.H DE XIN TP. BẮC NINH - T. BẮC NINH

ĐƯỜNG HÓA CHẤT化工管道3

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG HOÁ CHẤT
化工管道平面图

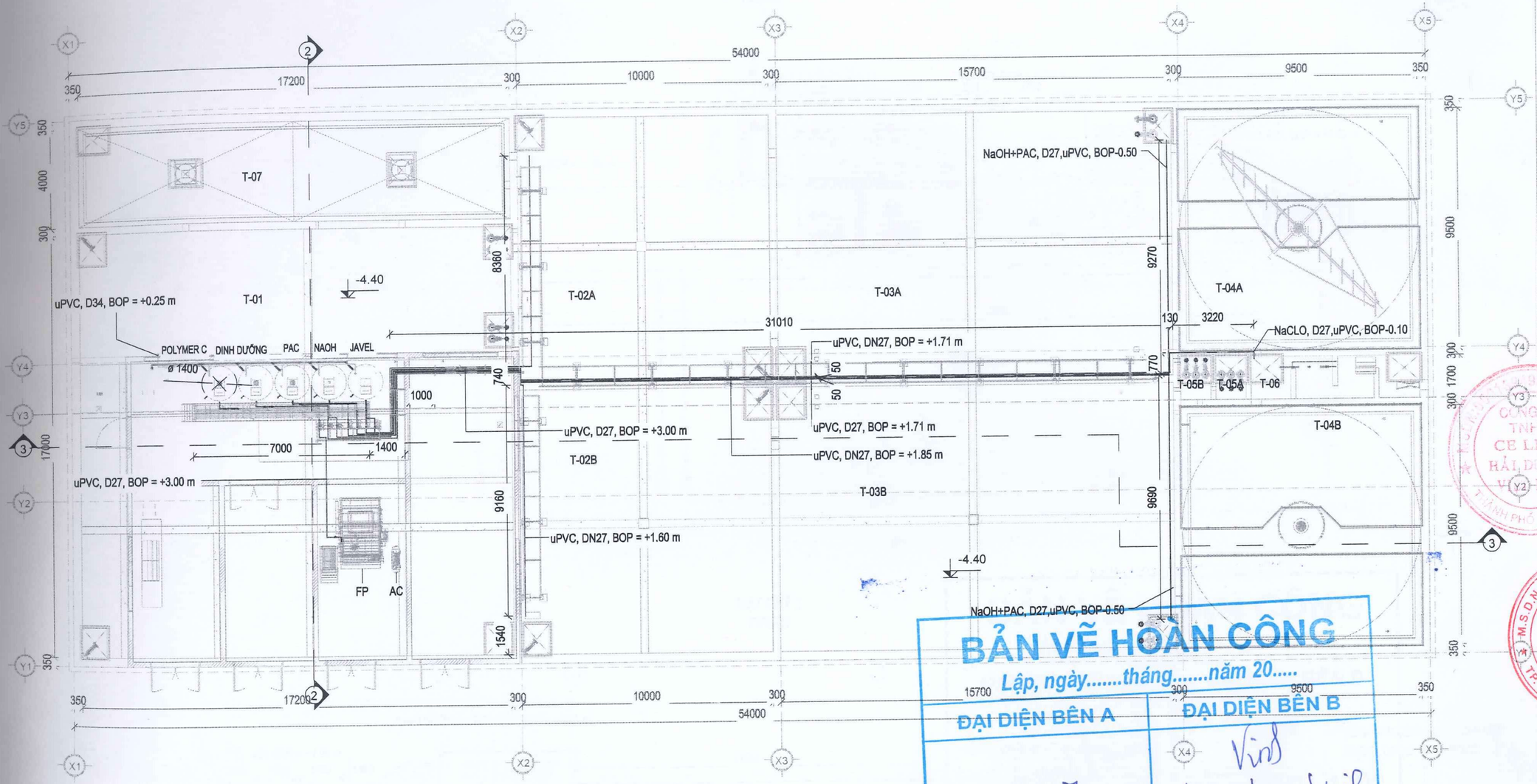

GHI CHÚ/ 备注:

T-00A/B : BỂ GOM/ 废水集水池
T-01 : BỂ ĐIỀU HÒA/ 调节池
T-02A/B : BỂ THIẾU KHÍ/ 和缺氧池
T-03A/B : BỂ HIẾU KHÍ/ 曝气池
T-04A/B : BỂ LẮNG/ 沉淀池
T-05A/B : BỂ THU BÙN BỂ LẮNG/ 污泥收集池
T-06 : BỂ KHỬ TRÙNG/ 消毒池
T-07 : BỂ CHỨA BÙN/ 污泥池

NO.	KÝ HIỆU/符号	TÊN ỐNG/ 管道名称
1	WW	Đường ống dẫn nước thải/ 污水管道
2	CP	Đường ống dẫn hóa chất/ 药品管道
3	AP	Đường ống dẫn khí/ 配气管道
4	SP	Đường ống dẫn bùn/ 泥浆管道
5	CW	Đường ống dẫn nước sạch/ 干净的水管道
6	MC	Đường máng cáp điện/ 线槽布置

- Cos ±0.0 = Cao độ mặt cỏ hoàn thiện/ 草坪完成标高
- Cos -0.2 = Cao độ mặt bể/ 池面标高
- BOP=FL+: Tag đáy ống so với cos ±0.0/ 标记底管 vs. cos ±0.0
- BOT=FL+: Tag đáy máng cáp điện so với cos ±0.0/ 线槽底 vs. cos ±0.0

FJ : 柔性连接 - KHỚP NỐI MỀM
BV : 塑料球阀 - VAN BI NHỰA
BCV : 球形止回阀 - VAN MỘT CHIỀU BI
CVL : 摆动止回阀翻板 - VAN MỘT CHIỀU LÁ LẬT
BFV : 蝶阀 - VAN BƯỚM TAY GẠT
GV : 闸阀 - VAN CỔNG

SL : 消声管 - ỐNG GIẢM THANH
FM : 电磁流量计 - LƯU LƯỢNG KẾ ĐIỆN TỪ
FL : 空白法兰 - BÍCH RỖNG
BU : 管接头 - Rắc co
FFJ : 不锈钢法兰软连接 KHỚP NỐI MỀM INOX MẶT BÍCH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Xiemyfeng	Ngô Ngọc Vinh

修改		
次数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG HOÁ CHẤT
化工管道平面图

CÔNG TRÌNH - 项目
CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程
CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :
Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商
CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lí, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG
CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỘNG ANH THỊNH
THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG
THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG
日期 :
页 : SC: Asindicated
KÝ HIỆU: CN-2.4.01
A3

ĐƯỜNG HÓA CHẤT化工管道3

MẶT CẮT
剖面图

MẶT CẮT 1
1剖面图

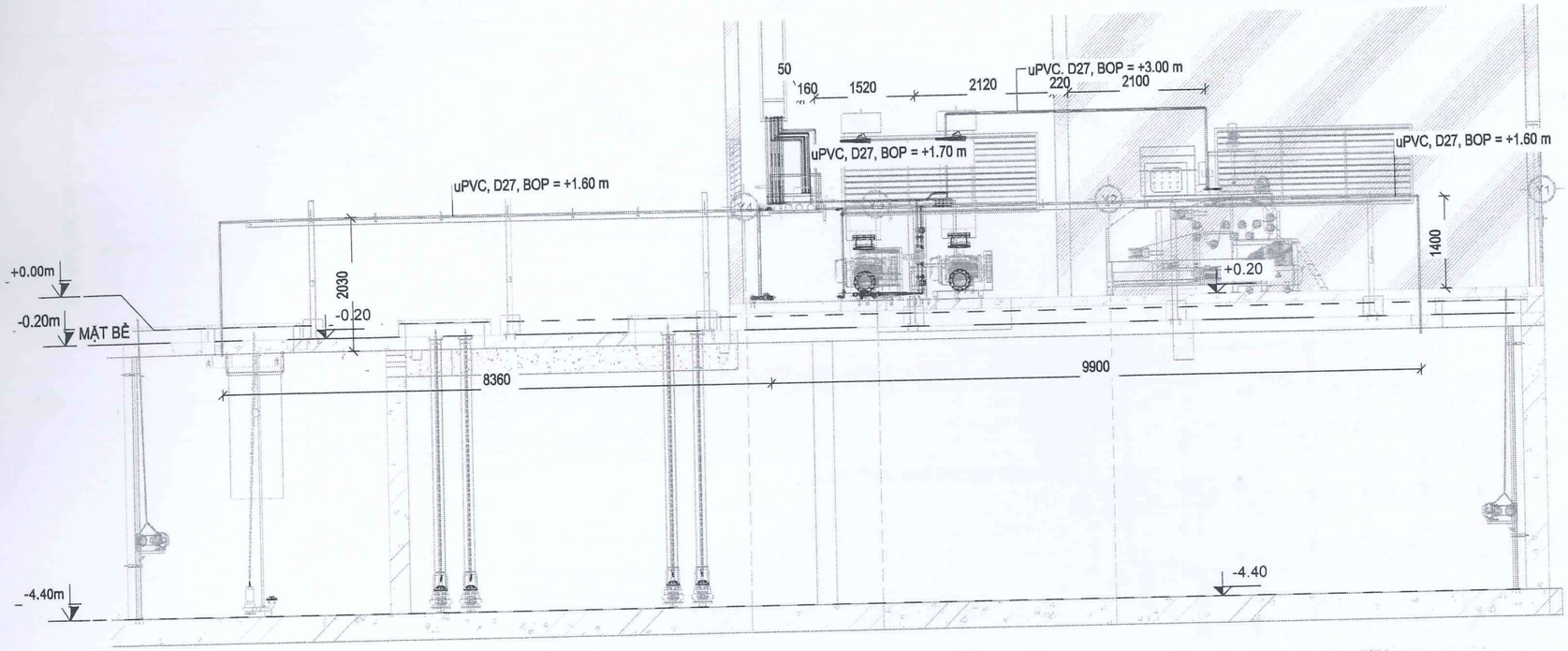

MẶT CẮT 2
2剖面图

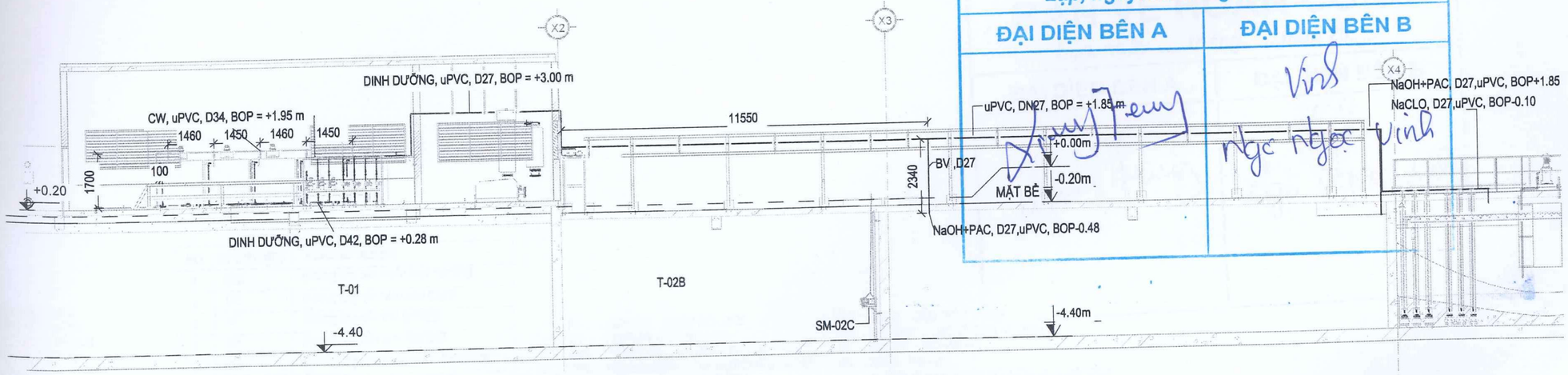

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B

修改		
次数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT CẮT
剖面图

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT Hệ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ 投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, VIệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DỄ XÍN

GIÁM ĐỐC
经理

LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ
项目经理

ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ
设计

ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN
绘图

ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 :	SC: Asindicated	A3
KÝ HIỆU:	CN-2.4.02	

ĐƯỜNG HÓA CHẤT 化工管道 3

CHI TIẾT BỒN HOÁ CHẤT 1/2
化学品储罐详情 1/2

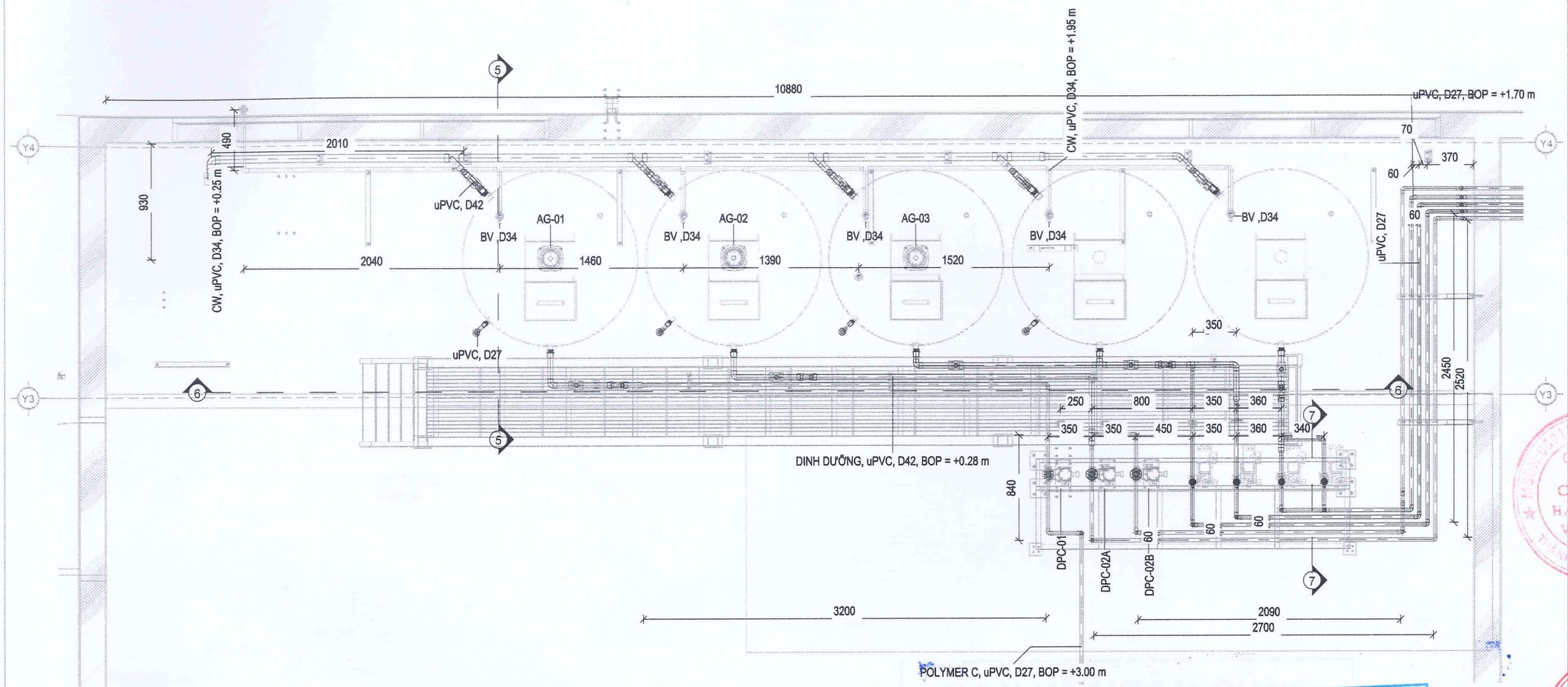

GHI CHÚ/ 备注:

T-00A/B : BỂ GOM/ 废水集水池
T-01 : BỂ ĐIỀU HÒA/ 调节池
T-02A/B : BỂ THIẾU KHÍ/ 和缺氧池
T-03A/B : BỂ HIẾU KHÍ/ 曝气池
T-04A/B : BỂ LẮNG/ 沉淀池
T-05A/B : BỂ THU BÙN BỂ LẮNG/ 污泥收集池
T-06 : BỂ KHỬ TRÙNG/ 消毒池
T-07 : BỂ CHỨA BÙN/ 污泥池

NO.	KÝ HIỆU/符号	TÊN ỐNG/ 管道名称
1	WW	Đường ống dẫn nước thải/ 污水管道
2	CP	Đường ống dẫn hóa chất/ 药品管道
3	AP	Đường ống dẫn khí/ 配气管道
4	SP	Đường ống dẫn bùn/ 泥浆管道
5	CW	Đường ống dẫn nước sạch/ 干净的水管道
6	MC	Đường máng cáp điện/ 线槽布置

- Cos ±0.0 = Cao độ mặt cỏ hoàn thiện/ 草坪完成标高
- Cos -0.2 = Cao độ mặt bể/ 池面标高
- BOP=FL+: Tag đáy ống so với cos ±0.0/ 标记底管 vs. cos ±0.0
- BOT=FL+: Tag đáy máng cáp điện so với cos ±0.0/ 线槽底 vs. cos ±0.0

FJ : 柔性连接 - KHỚP NỐI MỀM
BV : 塑料球阀 - VAN BI NHỰA
BCV : 球形止回阀 - VAN MỘT CHIỀU BI
CVL : 摆动止回阀翻板 - VAN MỘT CHIỀU LÁ LẬT
BFV : 蝶阀 - VAN BƯỚM TAY GẠT
GV : 闸阀 - VAN CỔNG
SL : 消声管 - ỐNG GIẢM THANH
FM : 电磁流量计 - LƯU LƯỢNG KẾ ĐIỆN TỪ
FL : 空白法兰 - BÍCH RỖNG
BU : 管接头 - Rắc co
FFJ : 不锈钢法兰软连接 KHỚP NỐI MỀM INOX MẶT BÍCH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Ngô Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称
CHI TIẾT BỒN HOÁ CHẤT 1/2
化学品储罐详情 1/2

CÔNG TRÌNH - 项目
CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程
CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG Xử Lý NướC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者
CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地点 :
Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商
CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Kha Lê , Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG
CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH
THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG
THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG
日期 :
页 : SC: Asindicated
KÝ HIỆU: CN-2.4.03
A3

ĐƯỜNG HÓA CHẤT 化工管道

CHI TIẾT BỒN HOÁ CHẤT 2/2
化学品储罐详情 2/2

MẶT CẮT 1-1
1-1剖面图

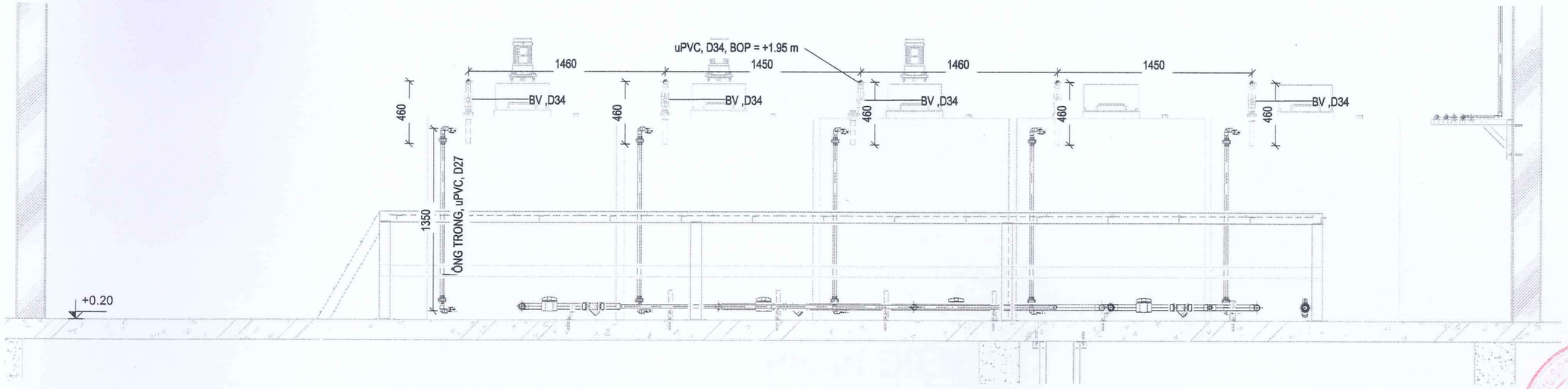

MẶT CẮT 2-2
2-2剖面图

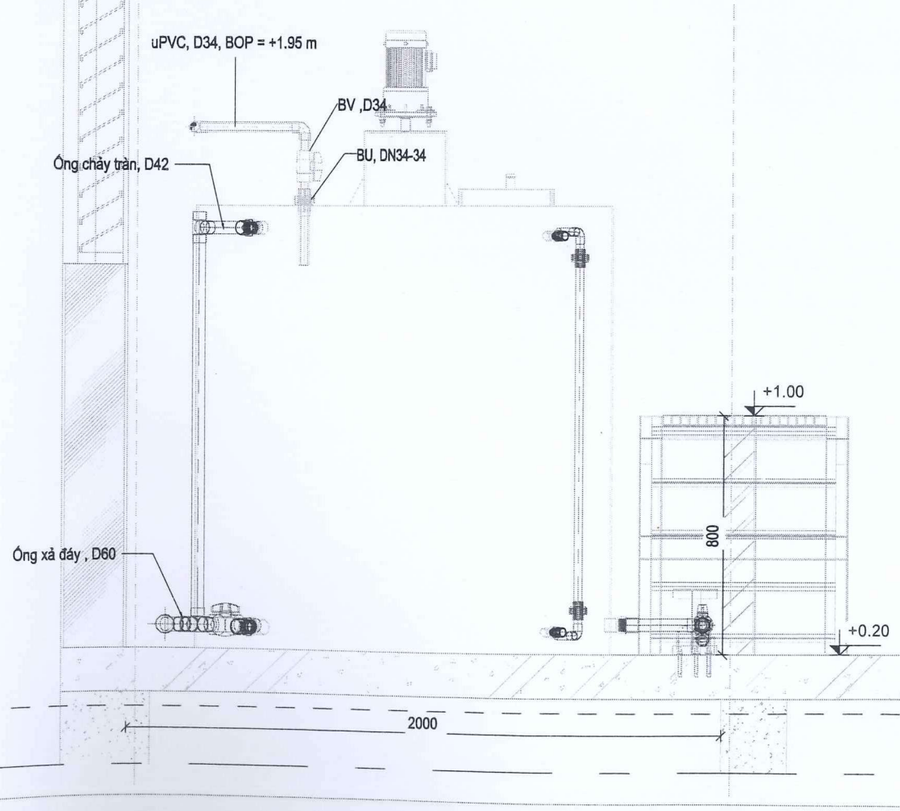

MẶT CẮT 3-3
3-3剖面图

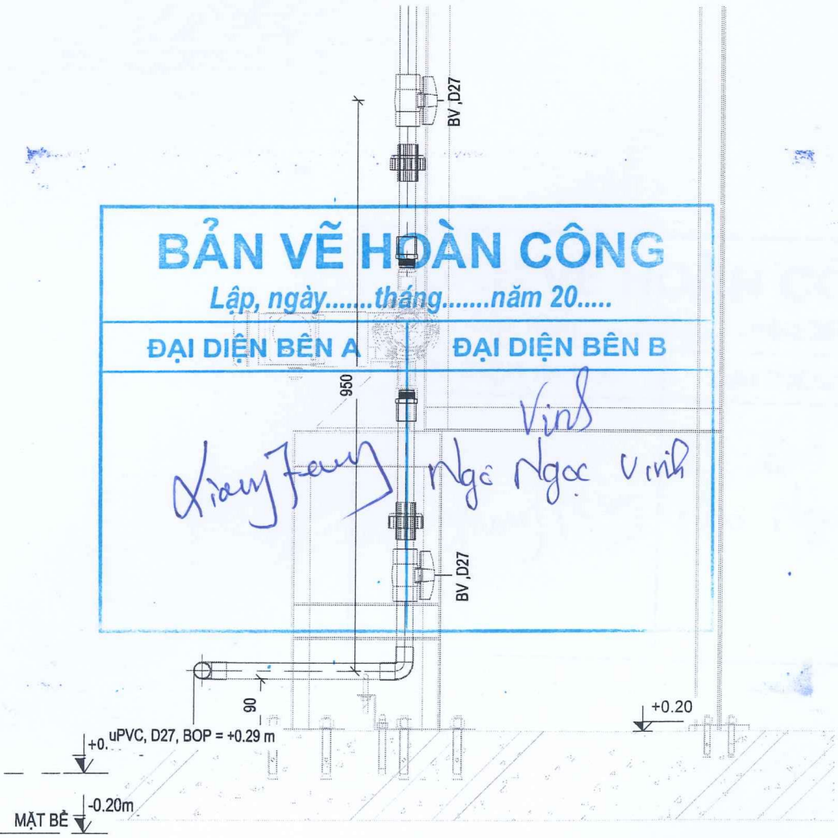

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....
ĐẠI DIỆN BÊN A ĐẠI DIỆN BÊN B

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ -图纸名称

CHI TIẾT BỒN HOÁ CHẤT 2/2
化学品储罐详情 2/2

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG XỬ Lý NướC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地点 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ, Thị Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理

LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理

ĐÔNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计

ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图

ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 : SC: Asindicated A3

KÝ HIỆU: CN-2.4.04

PHẦN ĐIỆN

电气环分

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Ngô Ngọc Vinh

PHẦN ĐIỆN 电气部分

MÁNG CÁP 3D
桥架3D

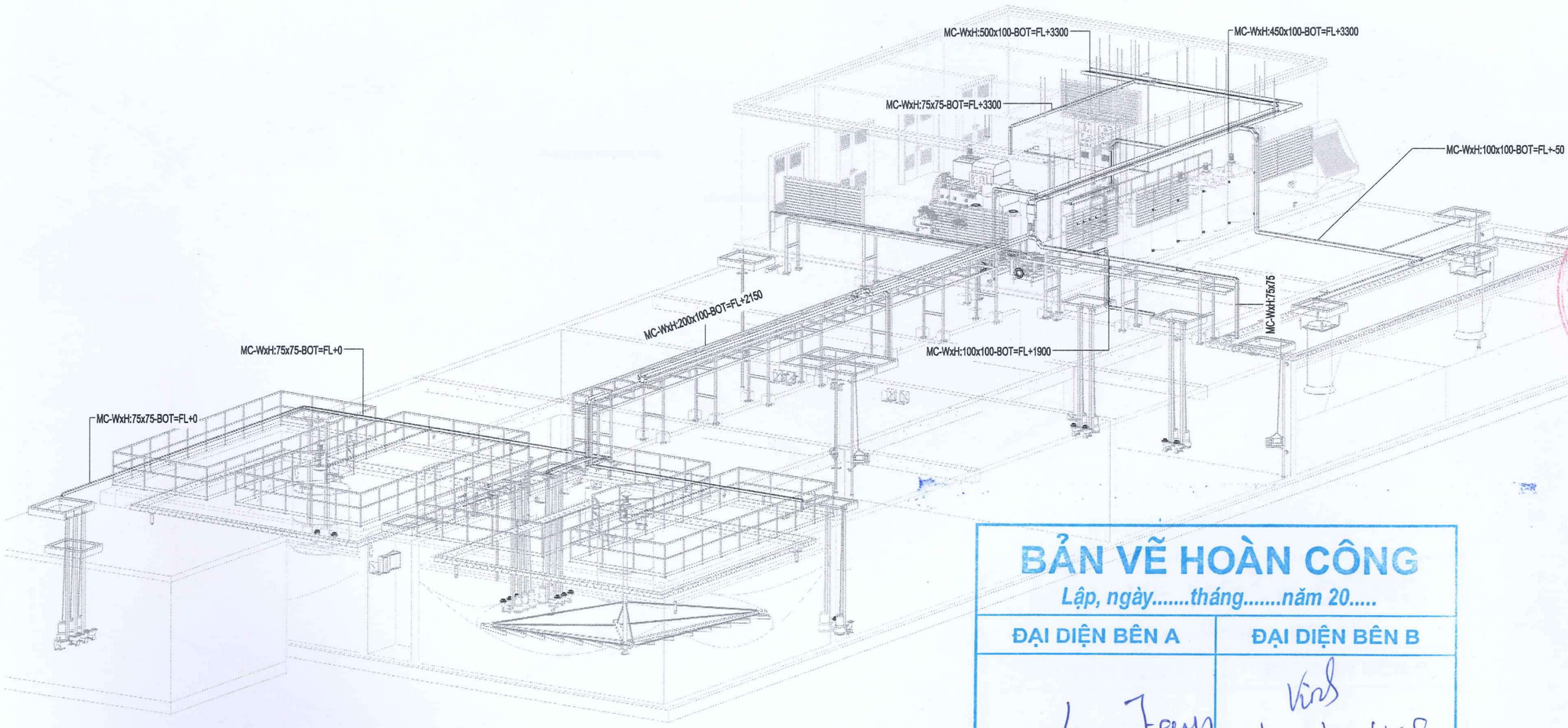

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Xiang Feng	Vinh Ngô Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ -图纸名称

MÁNG CÁP 3D
桥架3D

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP Và THI CÔNG LẮP đặT Hệ THốNG Xử Lý NướC THảI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN

GIÁM ĐỐC
经理

LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ
项目经理

ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ
设计

ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN
绘图

ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 :	SC:	A3
KÝ HIỆU:	CN-2.5.01	

PHẦN ĐIỆN 电气部分

MÁNG CÁP ĐIỆN
桥架3D

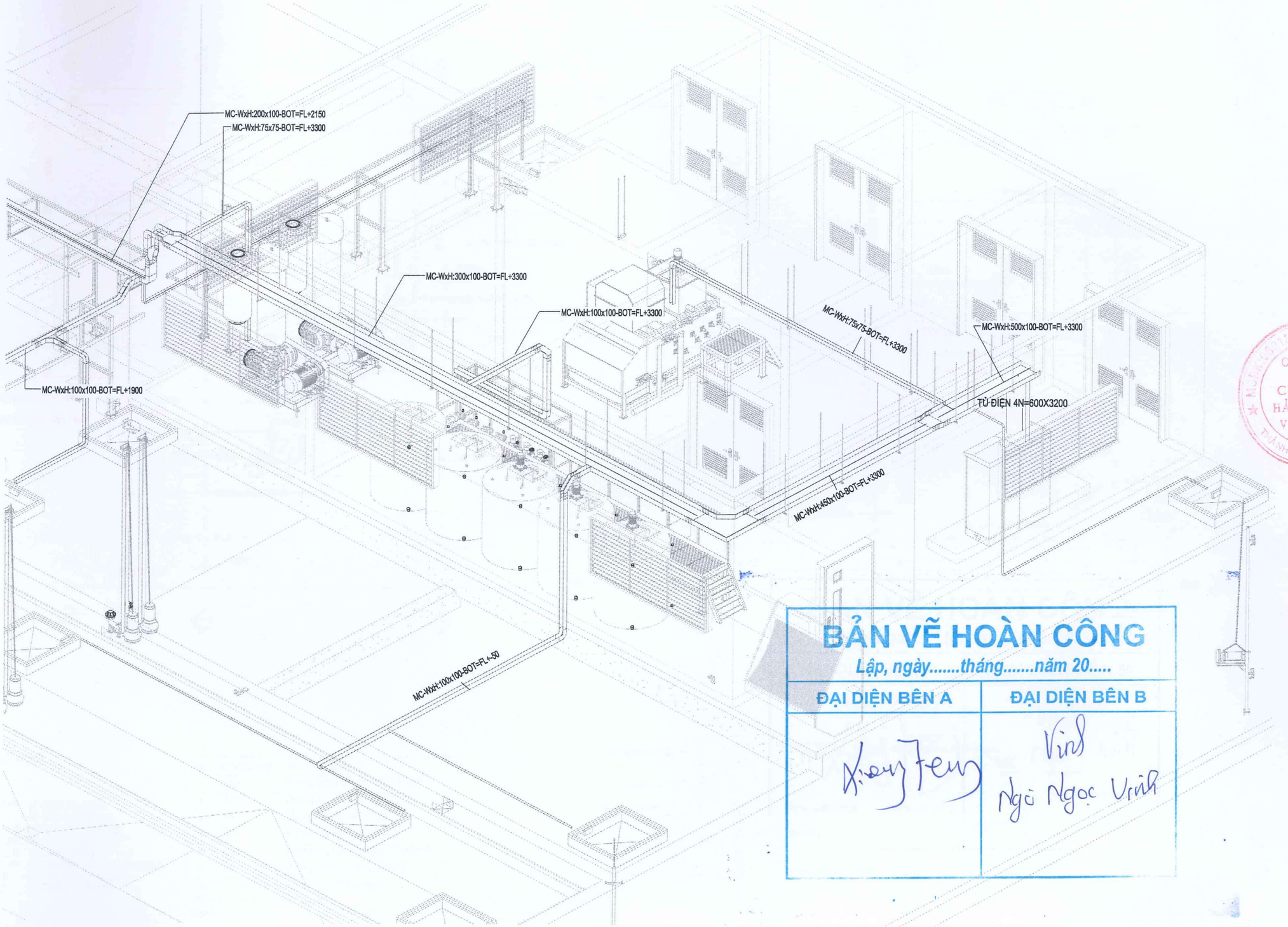

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Ngô Ngọc Vinh

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ -图纸名称

MÁNG CÁP ĐIỆN
桥架3D

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP Và THI CÔNG LẮP đặt Hệ THỐNG XỬ Lý NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®

CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ , Thái Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理 — LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理 — ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计 — ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图 — ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 :	SC:	A3
KÝ HIỆU:	CN-2.5.02	

PHẦN ĐIỆN 电气部分

MẶT BẰNG MÁNG CÁP ĐIỆN
桥架平面图

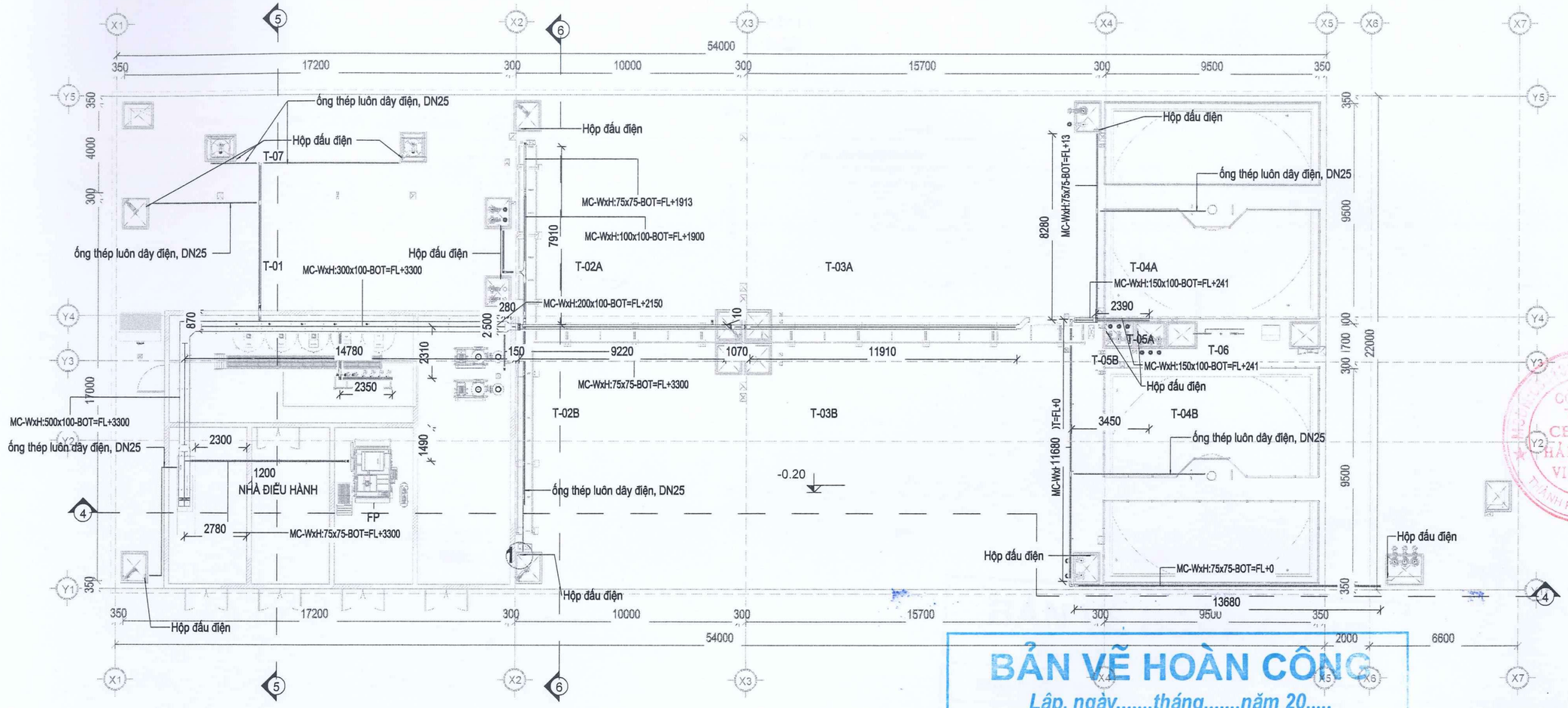

GHI CHÚ/ 备注:

T-00A/B : BỂ GOM/ 废水集水池
T-01 : BỂ ĐIỀU HÒA/ 调节池
T-02A/B : BỂ THIẾU KHÍ/ 和缺氧池
T-03A/B : BỂ HIẾU KHÍ/ 曝气池
T-04A/B : BỂ LẮNG/ 沉淀池
T-05A/B : BỂ THU BÙN BỂ LẮNG/ 污泥收集池
T-06 : BỂ KHỬ TRÙNG/ 消毒池
T-07 : BỂ CHỨA BÙN/ 污泥池

BOT: COS ĐÁY MÁNG CÁP SO VỚI COS 0.0M

NO.	KÝ HIỆU/符号	TÊN ỐNG/ 管道名称
1	WW	Đường ống dẫn nước thải/ 污水管道
2	CP	Đường ống dẫn hóa chất/ 药品管道
3	AP	Đường ống dẫn khí/ 配气管道
4	SP	Đường ống dẫn bùn/ 泥浆管道
5	CW	Đường ống dẫn nước sạch/ 干净的水管道
6	MC	Đường máng cáp điện/ 线槽布置

- Cos ±0.0 = Cao độ mặt cỏ hoàn thiện/ 草坪完成标高
- Cos -0.2 = Cao độ mặt bể/ 池面标高
- BOP=FL+: Tag đáy ống so với cos ±0.0/ 标记底管 vs. cos ±0.0
- BOT=FL+: Tag đáy máng cáp điện so với cos ±0.0/ 线槽底 vs. cos ±0.0

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Vinh
	Ngô Ngọc Vinh

1 CHI TIẾT LẮP ĐẶT HỘP ĐẤU
(LOẠI CHỐNG NƯỚC)

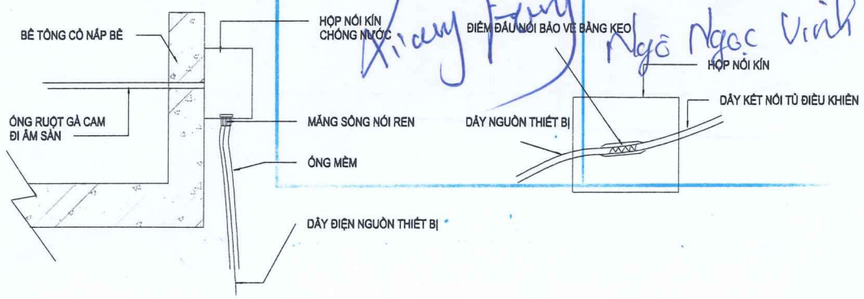

CHI TIẾT LẮP HỘP ĐẤU

CHI TIẾT ĐẤU NỐI DÂY ĐIỆN

修改		
次 数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称

MẶT BẰNG MÁNG CÁP ĐIỆN
桥架平面图

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ- 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN
M.S.D.N: 2301079053 C.T.T.N.H.H
CÔNG TY T.N.H.H DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC 经理
LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ 项目经理
ĐÔNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ 设计
ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN 绘图
ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 :	SC: Asindicated	A3
KÝ HIỆU:	CN-2.5.03	

PHẦN ĐIỆN 电气部分

MẶT CẮT
剖面图

MẶT CẮT 1-1
1-1剖面图

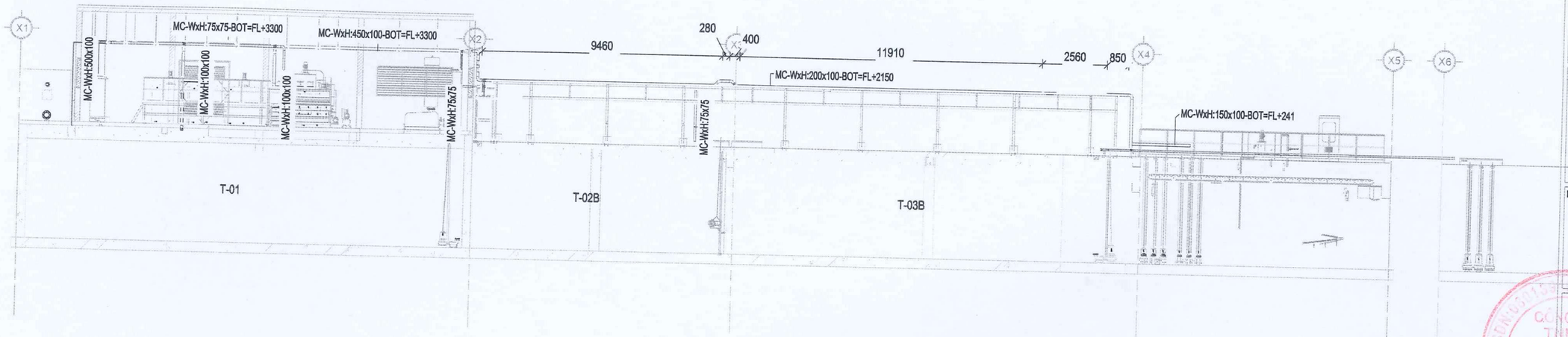

MẶT CẮT 2-2
2-2剖面图

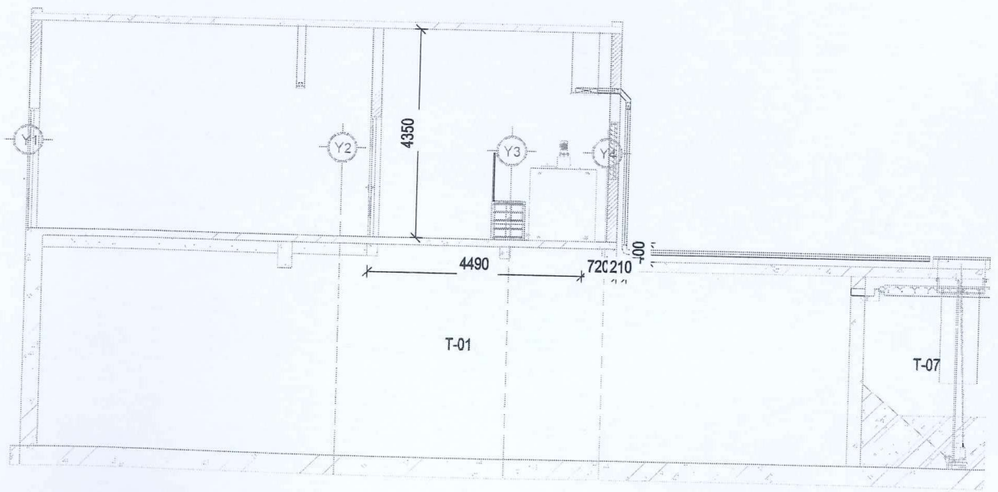

MẶT CẮT 3-3
3-3剖面图

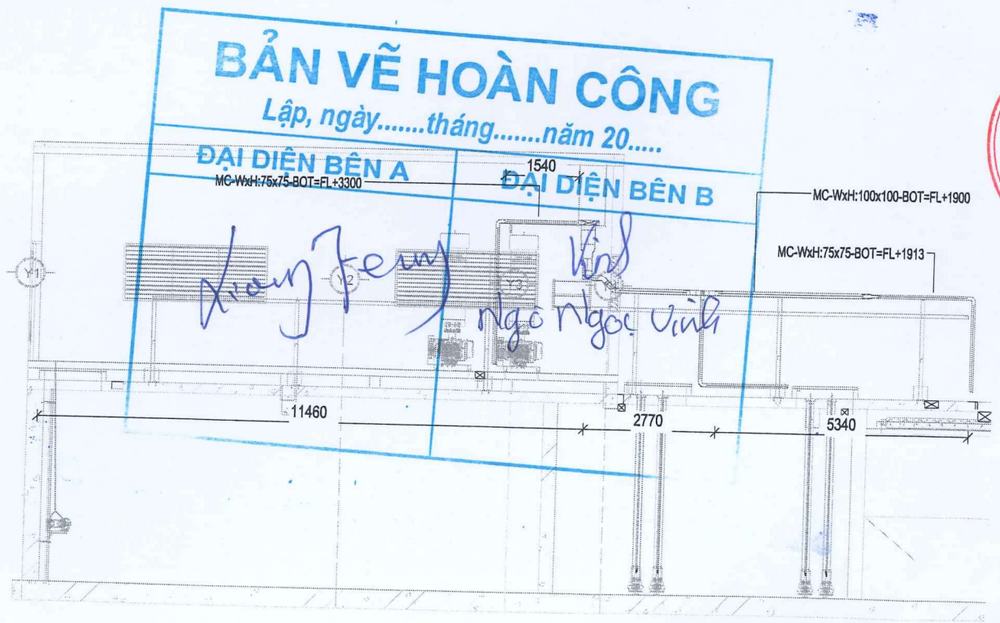

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, ngày.....tháng.....năm 20.....
ĐẠI DIỆN BÊN A
ĐẠI DIỆN BÊN B
Ngô Ngọc Vinh

修改		
次数	日期	签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注 :

TÊN BẢN VẼ -图纸名称

MẶT CẮT
剖面图

CÔNG TRÌNH - 项目

CÔNG TY TNHH CE LINK HẢI DƯƠNG VIỆT NAM
越南海阳 CE LINK有限公司厂房新建工程

HẠNG MỤC - 工程

CUNG CẤP Và THI CÔNG LẮP đặT Hệ THỐNG XỬ Lý NƯỚC THẢI SINH HOạT
生活污水处理工程设备供应及施工安装

CHỦ ĐẦU TƯ 投资者

CE-LINK®
CÔNG TY TNHH CE LINK VIỆT NAM
越南CE LINK有限公司

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地點 :

Lô đất CN05, Khu công nghiệp An Phát 1,xã An Phú, Thành Phố hải Phòng, ViệtNam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商

CÔNG TY TNHH DE XIN
Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Khu Khả Lễ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC
经理
LÊ TIẾN DŨNG

CHỦ TRÌ
项目经理
ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ
设计
ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN
绘图
ĐỖ THANH TÙNG

阶段 : BẢN VẼ HOÀN CÔNG

日期 :

页 : SC: Asindicated

KÝ HIỆU: CN-2.5.04

A3